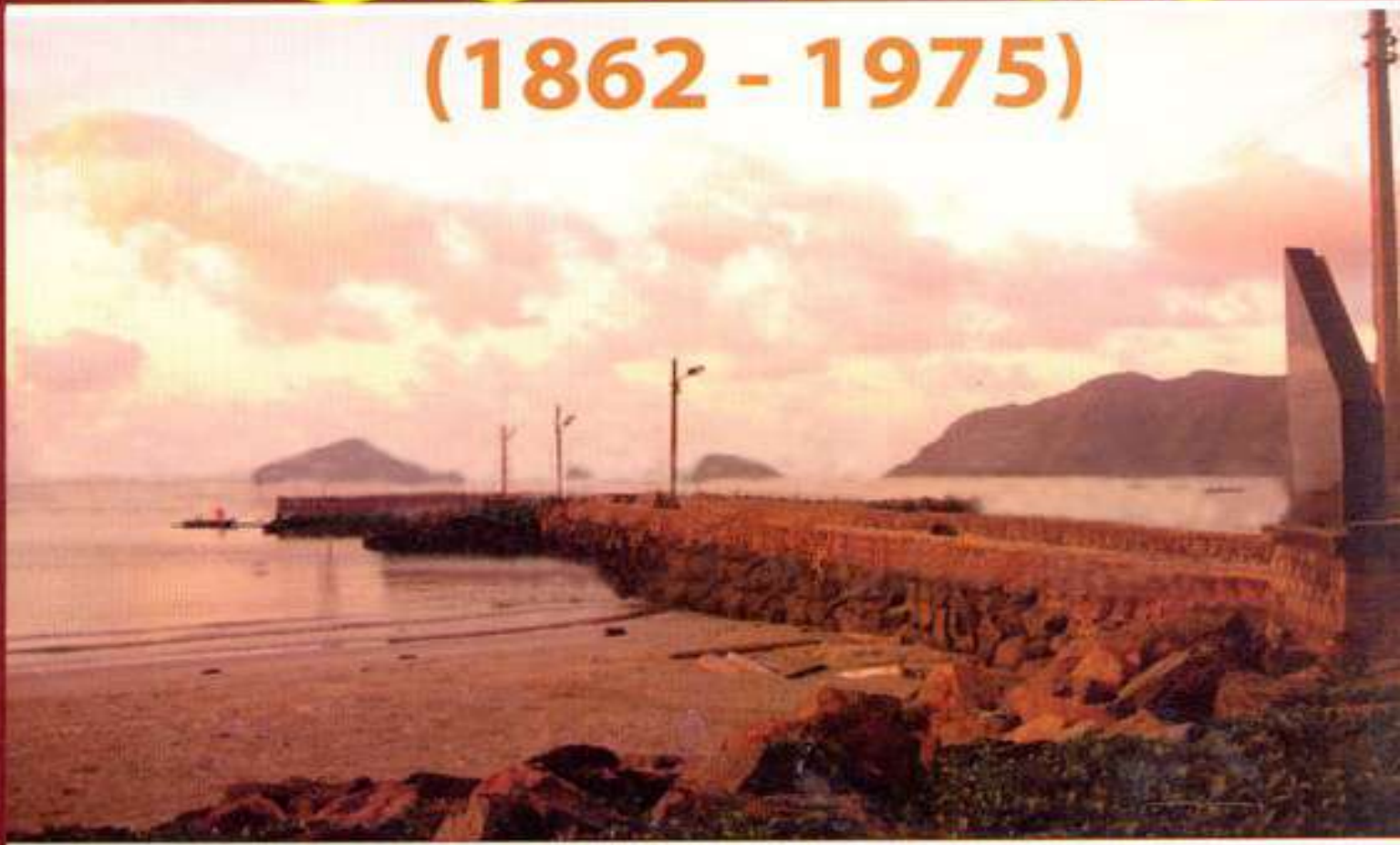


NGUYỄN ĐÌNH THỐNG
NGUYỄN LINH - HỒ SĨ HÀNH

LỊCH SỬ NHÀ TÙ Côn Đảo

(1862 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lịch Sử Nhà Tù Côn Đảo (1862 - 1975)

Tác giả: Nhiều Tác Giả

Nhà xuất bản: Nxb Tổng hợp TP.HCM

Định dạng: Bìa cứng

Ngày phát hành: 01/2010

Giá bìa: 120.000 đ

Số trang: 700 trang

Nguồn text: Giangtvx (quansuvn.net)

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

GIỚI THIỆU

Cuốn sách là bức tranh toàn cảnh về cuộc đấu tranh ở Côn Đảo qua các thời kỳ, là khúc hùng ca trong thiên anh hùng ca vĩ đại của dân tộc trong cuộc chiến chống thực dân, đế quốc để giành độc lập tự do.

Nhà tù Côn Đảo từ cuối thế kỷ 19 luôn luôn phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân qua các giai đoạn, bởi lẽ địch giam ở đây những chiến sĩ cách mạng mà chúng cho là nguy hiểm nhất ở khắp các miền của đất nước.

LỜI TỰA CỦA GIÁO SƯ TRẦN VĂN GIÀU

(Viết riêng cho cuốn Nhà tù Côn Đảo 1955-1975)

Tôi được bạn bè yêu cầu viết tựa cho sách, rất nhiều lần, nhưng lần này, giới thiệu tập “Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1955-1975” tôi lo quá; đọc một lần đã thấy lo đọc hai lần càng thấy lo. Lo không giới thiệu được nội dung cơ bản của tập sử, nội dung cơ bản ấy là cực kỳ sâu sắc, bởi hàm ý những sự việc và nhân cách của những con người được kể ở trong sách.

Những sự việc và con người được ghi lại một cách khách quan, khoa học, đáng là đề tài vô tận của một thiên anh hùng ca mà có lẽ khó có một nhà thơ nào ở nước ta và cả trên thế giới tìm ra ở trong trí tưởng tượng thâm viễn của mình. Trong trường hợp này, một bài giới thiệu của một thầy giáo lịch sử như tôi chỉ có thể là một lời mời đọc, đọc để rồi đọc lại, đọc đi đọc lại để mà suy gẫm, suy gẫm về đạo làm người chiến sĩ yêu nước yêu dân, suy gẫm về con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, khi đứng trước cảnh ngộ thiên nan vạn nan, khi đứng trên bờ vực giữa cái sống và cái chết, giữa cái vinh không cần ai biết và cái nhục mà chính mình cảm thấy hơn ai hết. Tập sách “Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1955-1975” thực tế là một quyển sách đạo đức học, một quyển triết học.

Trong đời hoạt động cách mạng của mình, tôi đã phải trải qua nhiều nhà tù, trong số đó có ngục Côn Lôn. Tôi lại được đọc nhiều sách xưa nay nói về nhà tù của các vua chúa, của tư bản thực dân, của bè lũ phát xít. Như vậy, tôi có khá nhiều tài liệu để so sánh các chế độ nhà tù tàn bạo, thì các nhà tù đó cái nào cũng tàn bạo, chỉ có mức tàn bạo, cách tàn bạo và mưu sâu bên trong là khác nhau. Cho đến trước khi Hồng quân Liên Xô cầm cờ chiến thắng trên nóc nhà quốc hội Berlin, thì nhà tù của Hitler là tàn bạo nhất, với ý nghĩa chính là giết nhiều người nhất: hàng triệu, hàng triệu dân Do Thái bị giết bằng hơi độc, thuốc độc, điện giật. Nói ra thì có lẽ không

phải, nhưng cái chết bằng hơi độc, thuốc độc, điện giật, giết một lần hàng vạn sinh linh, cái chết đó người chiến sĩ tù nhân Việt Nam mình có mấy ai sợ đâu? So với cái tàn ác ở nhà tù Côn Đảo dưới chế độ Mỹ ngụy, thì nhà tù Hitler giống như ao cạn so với vực thẳm. Mỹ ngụy thâm độc hơn Hitler biết bao nhiêu! Nhà tù Côn Lôn thời Pháp thuộc đã là địa ngục ở trần gian rồi, đến thời Mỹ ngụy, là địa ngục trong địa ngục, và nói như vậy cũng chưa vừa.

Bị đày ra Côn Lôn (1935), khi ấy tôi từng bị tống ngay vào xà lim số 1, xà lim này rộng 3 x 3 x 1,5 mét, còng một chân. Mà trời ơi, làm sao so được với thời Mỹ ngụy cũng trong cái xà lim đó, Mỹ ngụy nhốt tới 28 người, cửa đóng, lỗ thông hơi bịt kín, tù nhân lại còng tước 2 tay và 2 chân. Dưới thời thực dân Pháp, tụi tôi ở Banh I bãi thực chống ăn khô mục, cuộc đấu tranh dài nhất là 9 ngày, bị đánh một lần suốt buổi bằng mấy cần xé mây cà dồng đến mây tả tơi ra. Vụ Tôn Đức Thắng ở trong số đồng chí bị khùng bố hôm ấy, lưng mỗi người bầm tím 100%.

Vậy mà so với anh em bị biệt giam thời Mỹ ngụy, cũng ở đây, thì có “thăm” gì? Nhiều lần anh em bãi thực đòi ăn cơm có rau, mà phải bãi thực đến 20 ngày, một tháng, 60 ngày và hơn nữa, bọn chúa ngục lại đập bể các lu nước, bao: “Để bây chết đói và chết khát cho trọn”. Mà, đã yên để không ăn không uống đâu, ngày ngày chúng vào khám, đánh tù nhân đấu tranh bằng củi đòn, củi chẻ; mây càdông đánh mãi thì tả tơi, củi đòn củi chẻ đánh mãi không mòn, chỉ có sợ vỡ, thịt nát mà thôi!

Đã vậy, ở Chuồng Cọp, bọn gác dang, giám thị còn ban ngày thì đánh, ban đêm thì phân công nhau, đứng trên dội nước lạnh xuống, 10 đêm, 20 đêm, 30 đêm như thế, liên tục, thân xác con người nào mà chịu nổi?

Vậy mà chiến sĩ biệt giam cộng sản ở Chuồng Cọp Côn Lôn chịu nổi, thà chết, không hàng!

Hành hạ một cách tàn ác như vậy, để làm gì?

Có phải để thỏa mãn cái thú tính của bọn Mỹ ngụy và những quỷ sứ tay sai của chúng nó chăng?

Không Cốt để cho các chiến sĩ cách mạng phải:

1. Chịu ký tên “ly khai Đảng Cộng sản”;
2. Hô lên “đả đảo Hồ Chí Minh”!

Chỉ cần hạ bút ký tên và mở miệng hô năm tiếng thì khỏi còng, khỏi củi chẻ, khỏi bị xối nước lạnh. Có bạn đã nhận thức đúng, hết sức đúng, rất sâu sắc rằng:

“Hành hạ người tù đau đớn tột cùng về thể xác, truy bức người tù căng thẳng tột độ về tâm lý, dai dẳng và trường kỳ, chúng đẩy người tù đến bên miệng hố của tử thần, để họ day dứt, trăn trở, chết dần chết mòn từng giờ, từng phút. Song cứ mỗi lần họ hấp hối, họ tỉnh dậy, họ thề với lương tâm một lần nữa quyết chết cho lý tưởng, chết để vẹn toàn khí tiết, thì chúng nó lại nhượng bộ một chút, nói ra một tí, cho họ ăn uống trở lại, sinh hoạt bình thường để họ khát khao sự sống. Chập chờn giữa ranh giới mong manh của sự sống và cái chết hàng chục lần, hàng trăm lần như vậy, thì tư tưởng, tâm trạng con người luôn luôn căng thẳng, dễ dao động, chẳng khác gì một thỏi thép quăng vào lò, nung đỏ lên rồi quăng xuống nước cho nó biến dạng, rạn nứt. Bọn cải huấn, công an, mật vụ, tâm lý chiến chực sẵn để chộp lấy những giây phút dao động, mềm yếu của tù nhân mà đánh tiếp những đòn tiến công khác”.

Hiểm độc và tàn bạo, càng tàn bạo càng hiểm độc của Mỹ ngụy và tay sai là như thế.

Cho nên, đã không ít tù chính trị sau bao nhiêu cuộc giao tranh bị thất bại, bị khuất phục trước những ngón đòn tàn bạo và hiểm độc ấy. Hàng ngàn người ở nhà tù Côn Đảo trở về với tấm thân tàn phế, quần quai cho đến chết, chết trong ân hận đã lỡ bước sa cơ.

Nhưng số đông tù chính trị, nếu bị khuất phục thì ấy là khuất phục tạm thời ngoài mặt để giữ lấy mạng sống, hòng có ngày chiến đấu phục thù.

Một số khác, không ít người, sống lại, chết đi hàng chục lần mà vẫn không khuất phục. Trong cuộc chiến đấu dài 20 năm này (1955-1975), trong cuộc đấu tranh liên tục, thiên hình vạn trạng này, giữa tàn bạo có vũ

khí tận răng và chính nghĩa giải phóng ở trong thế tay chân bị còng, chỉ còn khí tiết và lý tưởng là vũ khí, thì rốt cuộc phần thắng đã về ai?

Kỳ diệu thay mà cũng là tất yếu thay, như lời của Nguyễn Trãi tạc trên bia đá Lam Sơn, yếu thắng mạnh, ít thắng nhiều, chí nhân thắng cường bạo. Trong trường hợp cuộc đấu tranh rung động trăng sao, ở Côn Đảo từ 1955 đến 1975, khí tiết cộng sản đã thắng cường quyền và mưu ma chước quỷ của Mỹ ngụy. Những “ngôi sao” của biệt giam Chuồng Cọp hãy còn sống và hãy còn giương cao ngọn cờ Hồ Chí Minh, kẻ địch không có cách nào hạ nổi! Ngọn cờ ấy, thực tế vẫn là ngọn cờ của hầu hết anh em đã gặp phải lúc sa cơ mà ở đáy lòng không bao giờ có ý “ôm cầm thuyền ai”, đông đảo trở lại hàng ngũ đấu tranh. Ngọn cờ ấy lại là tiêu biểu ở Côn Đảo, xứng đáng với ý chí toàn dân Việt Nam đang quyết tâm “đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào”.

Tôi đồng tình với người viết sách “Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1955-1975” tuyên dương tinh thần đấu tranh trực diện chống li khai của tù chính trị câu lưu Trại I, của tù án chính trị chống chào cờ ngụy với những tấm gương sáng tiêu biểu như Cao Văn Ngọc, Lưu Chí Hiếu, Trần Trung Tín; tuyên dương sự bền bỉ chiến đấu vô song của “Năm ngôi sao tù chính trị câu lưu”, của “Sáu ngôi sao tù án chính trị”. Tôi thành thật khâm phục, xin cúi đầu trước ông già Cao Văn Ngọc vốn làm chức hương quản làng dưới thời Pháp, theo cách mạng từ mùa thu 1945; ông chỉ là thư ký nông hội xã; ông không phải là đảng viên cộng sản mà kiên quyết đến cùng, đấu tranh chống ly khai Đảng, chống hô khẩu hiệu đả đảo Cụ Hồ .

– Chúa ngục hỏi: “Ông không phải là đảng viên cộng sản, ông mắc nợ gì với Hồ Chí Minh mà không chịu hô đả đảo” .

– Già Ngọc bình tĩnh đáp: “Tôi mắc nợ Cụ Hồ Chí Minh đã đem lại độc lập tự do cho nước Việt Nam”.

Tôi khâm phục người thợ giày Lưu Chí Hiếu, lưu lạc từ Nam Định ra Hà Nội, vào Sài Gòn, tham gia khởi nghĩa và kháng chiến, chức vụ chỉ huy trưởng tiểu đội trưởng, nhưng lại thể hiện xuất sắc bản lĩnh người cộng sản, quyết tử chống li khai trong lần quyết định vận mệnh của cuộc chiến đấu

vào lúc hiểm nghèo, tên anh đã trở thành một ngọn cờ của tù nhân chính trị toàn đảo.

Đó là thứ “Vàng trong lửa”, đó là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của nhân cách Việt Nam, của khí tiết cộng sản.

Mong rằng các vị anh hùng ở nhà tù Côn Đảo được ca tụng xứng đáng nhất bằng những tập sách gối đầu giường cho thanh niên, được biểu dương xứng đáng nhất bằng những pho tượng đặt ở quê hương và ở các nhà trường.

Mong rằng các sự tích ở Côn Lôn, từ thuở Pháp biến nó thành nơi lưu đày tù chính trị cho đến thời 1955-1975, được ghi tạc bằng những bằng tượng, bằng tranh vẽ và tranh điêu khắc mà còn được phổ biến rộng rãi bằng những cuốn phim. Tất cả những công việc đó của nhà làm lịch sử và làm văn nghệ đều nhằm để lại cho các thế hệ những tấm gương sáng ngời của con người Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Sau hết, tôi như là một thầy giáo có nghiên cứu lịch sử xin hoan nghênh các tác giả Lịch sử Nhà tù Côn Đảo đã có công sưu tầm tư liệu, “nói có sách, mách có chứng”, đã chú ý đến việc hết sức cần thiết là gặp từng cựu tù quan trọng nào có thể gặp được, chép từng bản lý lịch, ghi từng chuyện kể; bằng cách đó, tác giả lưu giữ, tập hợp được một số lượng lớn tư liệu cho bản thân mình, còn viết nhiều về Côn Đảo, có thể là viết cả đời những ai là bạn đồng hành, văn nhân hay nghệ sĩ, trong sự nghiệp tái hiện cái địa ngục trần gian - “ngục Côn Đảo”.

Giáo sư Sử học

TRẦN VĂN GIÀU

Mở Đầu:

VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ VÀ LỊCH SỬ QUẦN ĐẢO CÔN LÔN

Thiên nhiên Côn Đảo

Côn Lôn là một trong những quần đảo tiền tiêu của nước ta, “nguy nga đứng trấn giữa biển Đông” (Đại Nam nhất thống chí), bao gồm 16 hòn đảo lớn nhỏ, với tổng diện tích là 76,71km², trải ra trên một vùng biển có tọa độ địa lý từ 106°3’ đến 106°45’ kinh độ đông; từ 8°34’ đến 8°49’ vĩ độ bắc⁽¹⁾, cùng một kinh độ với Thành phố Hồ Chí Minh và cùng một vĩ độ với thị trấn Năm Căn (Cà Mau).

Đường biển từ Côn Lôn đến Vũng Tàu dài 179 km, đến Thành phố Hồ Chí Minh 230 km, đến cửa sông Hậu 83 km, đến thành phố Cần Thơ 165 km.

Sử sách nước ta xưa nay gọi hòn đảo lớn nhất là đảo Côn Lôn (gọi tắt là Côn Đảo), cả quần đảo này cũng được gọi chung bằng địa danh ấy - quần đảo Côn Lôn. Người ta cũng thường gặp những biến dạng gần gũi của tên gọi đó như: Côn Lôn Sơn, Côn Sơn, Côn Nôn.

Từ ngày thành lập đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (30-5-1979), Côn Đảo là địa danh chính thức của hòn đảo lớn nhất cũng như của cả quần đảo.

Đảo Côn Lôn là một hòn đảo lớn từ đông sang tây, dài 15 km, chỗ rộng nhất là 9 km, chỗ hẹp nhất khoảng một km. Với diện tích 51,52 km², đảo Côn Lôn chiếm gần 2/3 tổng diện tích quần đảo. Trên đảo có thị trấn Côn Đảo nằm ở tọa độ 8°40’57” vĩ độ bắc, 106°36’10” kinh độ đông. Nói đến quần đảo Côn Lôn là nói đến hòn đảo này, vì đời sống kinh tế - chính trị và xã hội của cả quần đảo tập trung ở đây. Từ khi Pháp thiết lập nhà tù, Côn Đảo không còn dân thường. Không kể tù nhân, bộ máy cai trị (kể cả gia quyến họ) trước Cách mạng tháng Tám (1945) không đến 500 người.

Hòn Bà tiếp giáp với hòn Côn Lôn về phía Tây - Nam, hai đảo chỉ cách nhau bằng khe nước Họng Đầm không quá 20m. Giữa hai đảo này là Vũng Đầm, còn gọi là vịnh Tây - Nam, giống hình cái quạt mở về hướng tây bắc. Vũng Đầm sâu lại ở vào nơi khuất gió, thuận tiện cho việc xây dựng một bến cảng tốt.

Hòn Bảy Cạnh nằm trước mặt thị trấn Côn Lôn, trên đó có ngọn Hải Đăng Côn Đảo, rọi đường cho tàu bè quốc tế đi lại.

Hòn Bông Lan nằm sát Hòn Bảy Cạnh là, từ xa trông giống như nửa chiếc bánh bông lan.

Hòn Cau cách Côn Lôn chừng 12 km về hướng Đông - Bắc, nơi chim yến hay làm tổ. Dưới thời phong kiến, người dân ở đây phải thu lượm tổ yến (yến sào) để dâng nộp cho triều đình. Đất đai Hòn Cau phì nhiêu, cây cỏ tươi tốt. Xưa kia ở đây có loại cau quả to, vỏ hồng, vị ngon, người Gia Định rất ưa chuộng, mua với giá cao (Gia Định thông chí).

Hòn Tài Nhỏ, Hòn Tài Lớn, Hòn Trác Nhỏ, Hòn Trác Lớn, hợp thành một chuỗi đảo nhỏ nối tiếp. Hòn Bảy Cạnh, kéo dài từ đông bắc xuống tây nam, che chắn cho đảo Côn Lôn.

Hòn Trọc, còn gọi là Hòn Trai vì ở đó có nhiều trai ốc biển. Hòn Tre Lớn, Hòn Tre Nhỏ tiếp nối nhau che chắn phía tây và tây bắc đảo Côn Lôn.

Hòn Trứng, còn gọi là Hòn Đá Bạc nằm xa đảo Côn Lôn về hướng Đông - Bắc. ở đây không có cây cối nhưng lại là nơi trú chân, làm tổ, đẻ trứng của các loài chim biển, biến đảo này thành một trong những “sân chim” của miền Nam nước ta.

Hòn Vung trông giống như chiếc vung nồi úp chụp xuống mặt biển xanh, là một hòn đảo nhỏ ở phía Tây - Nam quần đảo.

Từ năm 1995, Nhà nước ta giao cho huyện Côn Đảo được quản lý thêm 2 hòn đảo mang tên Hòn Anh và Hòn Em (Hòn Trứng lớn và Hòn Trứng nhỏ) cách trung tâm thị trấn Côn Đảo 27 hải lý về phía Tây (chéch Nam 50).

Diện tích các hòn đảo kể trên cộng lại chỉ bằng nửa diện tích đảo Côn Lôn. Đất canh tác ở đây không đáng kể, trừ mấy hòn đảo lớn như Hòn Bà, Hòn Bảy Chạnh, Hòn Cau, các đảo khác trông như những trái núi đá vượt lên khỏi mặt biển với những bãi cát nhỏ, chói lòa ánh nắng trong những ngày đẹp trời.

Địa hình quần đảo Côn Lôn chủ yếu là đồi núi. Diện tích núi đồi là 6.328 héc ta, chiếm 88,4% tổng diện tích tự nhiên, đá lộ tương đối nhiều. Những ngọn núi cao nhất đều ở đảo Côn Lôn, như Núi Chúa cao tới 515m. Ngọn núi phía nam thị trấn Côn Đảo (núi An Hải) cao 577m.

Thị trấn Côn Đảo nằm trên một thung lũng hình bán nguyệt, dài từ 8 đến 10 km, rộng từ 2 đến 3 km, ba bề có núi bao bọc, mặt trông ra Vịnh Côn Lôn (còn gọi là vịnh Đông - Nam hay Vịnh Đền Lao). Khu vực tương đối bằng phẳng thứ hai là làng Cỏ Ống. Hai thung lũng này đất đai bằng phẳng, có nhiều chỗ trũng tạo thành hồ nước và ruộng trồng lúa. Côn Đảo không có sông mà chỉ có những dòng suối cạn, hai con suối đáng kể đều ở trong khu vực thị trấn. Dòng suối thứ nhất bắt nguồn từ phía Sở Tiêu, Sở Lò Gạch chảy vòng phía sau thị trấn và đổ ra vịnh Đông - Nam gần Sở Muối An Hội. Dòng suối thứ hai bắt đầu từ khu vực Sở Ruộng dưới chân Núi Chúa và chảy ra cống Lò Bò gần Mũi Lò Vôi. Đất đai nông nghiệp chiếm 3,2% tổng diện tích, chủ yếu tập trung ở hai khu vực này và ở Hòn Cau.

Khí hậu Côn Đảo là loại khí hậu đại dương. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 26,9°C. Lượng mưa trung bình là 2.200 mm. Côn Đảo có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Tháng một là tháng khô nhất trong năm. Mùa khô thời tiết mát mẻ hơn, nhiệt độ trung bình là 24°C, tháng 2 là tháng mát nhất, nhiệt độ trung bình là 22°C. Oi bức nhất là tháng 5, có lúc tới 34°C. Độ ẩm trung bình hàng năm trên đảo là 80%.

Gió mùa Đông - Đông Bắc ở Côn Đảo thường rất mạnh, từ cấp 6 đến cấp 7, nhân dân ta gọi là gió chướng, gây nhiều trở ngại cho sinh hoạt. Người tù thường lợi dụng mùa gió này để thả bè vượt ngục trở về đất liền.

Nhìn chung, khí hậu Côn Đảo trong lành, thuận lợi cho sức khỏe con người. Nhưng điều này còn tùy thuộc rất nhiều ở vị trí cụ thể, nơi ở cao hay thấp, có chướng ngại che chắn gió nhiều hay ít. Nước ngầm là nguồn nước ngọt chủ yếu ở đảo để dùng trong sinh hoạt cũng như trong mọi hoạt động kinh tế.

Côn Đảo còn là một bảo tàng thiên nhiên lớn với Rừng Quốc gia Côn Đảo. Rừng có diện tích 6.043 hecta (chiếm 83,7% tổng diện tích tự nhiên của huyện đảo.

Rừng gồm 3 hệ sinh thái chủ yếu:

- Rừng nhiệt đới thường xanh quanh năm.
- Rừng đồi cát khô .
- Rừng đước và rừng sau đước.

Những khảo sát sơ bộ cho thấy ở đây có 650 loại - thực vật thuộc về 22 lớp, 71 họ; đại diện cho các vùng khí hậu Việt Nam (cả Bắc, Trung, Nam), trong đó có 26 loại cây lấy gỗ với nhiều loại gỗ quý như: cẩm lai, quế, sao, giáng hương. . . và 76 loại cây dược liệu. Trong rừng có 100 loại chim và thú lưỡng cư thuộc 50 họ và 22 lớp; 18 loại động vật có vú; 65 loại chim; 25 loại bò sát; 6 loại ếch và 150 loại động vật thân mềm. Động vật quý hiếm có sóc đen, sóc da đỏ, sóc bay, khỉ vàng, gặm ghi trắng, đại bàng biển, trăn... Hòn Trứng là nơi cư trú của các loại chim biển, mật độ dày đặc, có thể so sánh với những sân chim nổi tiếng ở miền Tây Nam Bộ . Đặc biệt ở đây có chim Điều lặt xanh, ó biển là những loại chim hiếm trên thế giới. Trong lòng biển có những bãi hải sâm lớn, nơi cư ngụ của cá heo. Tại những bãi biển của Hòn Bảy Chanh, Hòn Tre Lớn là nơi sinh đẻ của vách và đồi mồi. Nhiều hang và vách đá của Hòn Cau, Hòn Tre Nhỏ , vịnh Đầm Tre . . . là nơi cư ngụ của chim yến.

Ngoài khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, ở các vùng núi của Côn Đảo có khí hậu mát mẻ như cao nguyên Đà Lạt, Rừng Quốc gia Côn Đảo là bức tranh thu nhỏ của thảm thực vật rừng Việt Nam. Cũng ở đây nhiều di tích khảo cổ học giá trị được phát hiện, hé mở một

triển vọng lớn trong việc tìm hiểu các nền văn hóa tiền sử từng tồn tại trên đất nước ta. Chỉ tính riêng Côn Lôn đã có 24 bãi biển lớn nhỏ. Tất cả những tiềm năng đó khiến Côn Đảo có khả năng hiện thực trở thành một trong những hòn đảo du lịch nổi tiếng, không thua kém các hòn đảo du lịch nổi tiếng khác trên thế giới. Nhưng chế độ thực dân cũ và mới, hơn một thế kỷ qua Côn Đảo đã trở thành một nhà tù, hơn nữa tại là một nhà tù dã man nhất, chất chồng những tội ác “trời không dung, đất không tha” của chủ nghĩa đế quốc.

Trước ngày giải phóng, những di vật khảo cổ học phát hiện được một cách lẻ tẻ, ngẫu nhiên. . . lưu trữ tại các bảo tàng đã gợi ý cho ta thấy: vào giai đoạn hậu kỳ thời đá mới - cách đây trên dưới 4.000 năm, lớp cư dân đầu tiên đã có mặt tại quần đảo Côn Lôn. Họ biết làm nông nghiệp dùng cuốc kết hợp với thu lượm hải sản, săn bắt, đánh cá. Sau đó, họ đã biết nghề luyện kim đồng và sắt. Tuy chưa có được những cuộc khai quật quy mô, nhưng qua nghiên cứu so sánh các di vật ngẫu nhiên tìm được ta nhận biết được mối quan hệ khăng khít giữa văn hoá vật chất của cư dân Côn Đảo thời tiền sử với khối cư dân cùng thời ở lưu vực sông Đồng Nai, ở duyên hải Đông Nam Bộ ngày nay.

Từ thập niên 80 thế kỷ XX, công cuộc tìm kiếm và thăm dò khảo cổ học bắt đầu được tiến hành tích cực do nỗ lực của các bảo tàng địa phương và Trung ương, của các cơ quan khảo cổ học, sử học ở Trung ương. Việc nghiên cứu tiền sử ở quần đảo đã có những tiến mới, vững chắc: nhiều cuộc thám sát được tiến hành có hệ thống tại các đảo lớn (Côn Lôn, Hòn Bảy Cạnh, Hòn Bà và Hòn Cau). Đã phát hiện: di tích cư trú lớn như làng cổ Hòn Cau (diện tích ước 8.000 m²), những mộ táng ở Hòn Bảy Cạnh, dấu vết nơi cư trú của người tiền sử ở Hòn Bà, đã khảo sát lại địa điểm khảo cổ học ở đảo Côn Lôn lớn (di chỉ Hàng Dương). Chủ nhân của các di tích khảo cổ này đều đã biết luyện đồng, sắt.

Quan trọng nhất, đáng kể nhất là cuộc khai quật khảo cổ ở đảo Hòn Cau - một trong 4 hòn đảo lớn của quần đảo. Qua phân tích những hiện vật khảo cổ phong phú ở làng cổ Hòn Cau trong đợt khai quật khá quy mô trên một

diện tích đảo 175m², các nhà khoa học đã đi tới kết luận quan trọng: di tích làng cổ Hòn Cau có mối quan hệ văn hóa mật thiết, gắn bó với nhiều di chỉ ven biển của cả nước, như Quỳnh Văn (Nghệ An), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Xóm Cồn (Khánh Hòa) và một số di tích cùng loại ở lưu vực sông Đồng Nai (miền Đông Nam Bộ). Làng cổ Hòn Cau được xác định niên đại trong khoảng từ 2.500 - 3.000 năm trước đây.

Do vị trí thuận lợi giữa biển Đông, trên đường giao lưu Đông - Tây, Côn Đảo được người phương Tây biết đến từ rất sớm. Năm 1294, đoàn thuyền gồm 14 chiếc của nhà du hành người Ý, Máccô Pô lô (Marco Polo), dạt vào trú tại Côn Đảo sau khi bị bão đánh chìm 8 chiếc. Trong tập hồi ký của mình, Máccô Pô lô đã miêu tả quần đảo này như một nơi giàu đẹp.

Năm 1516, nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Andơrađơ (Pernão Perès de Andrade) đã tới Côn Đảo vào trung tuần tháng 9. Ông ta cho biết hải đảo này là nơi các nhà đi biển rất hay lui tới, thường là để kiếm nước ngọt; thủy thủ của ông đã thấy ở đây có bán nhiều gà, rùa biển và họ còn thấy có cả nho nữa.

Khoảng giữa những năm 60 thế kỷ XVI, thi hào Bồ Đào Nha Camôidơ (Lui Vaz de Camões) - người đã làm rạng danh nền văn học Bồ thời Phục Hưng cũng đã ghé qua Vũng Tàu và Côn Đảo đem theo tập bản thảo cuốn sử thi bất hủ Os Lusíadas còn giữ lại được sau nạn đắm tàu ở cửa Sông Tiền. Đây là tập thơ đầu tiên của nền văn học phương Tây có viết về đất nước ta, trong đó có những vần thơ đẹp để nói về xứ Đàng Trong.

Trong quá trình lập nghiệp ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn (cũng như các vua Triều Nguyễn sau này) đều rất quan tâm đến việc hành xử chủ quyền của đất nước đối với các vùng biển đảo trong hải phận. Thời này, tàu thuyền các cường quốc châu Âu tăng cường hoạt động tìm kiếm thị trường, thuộc địa hoặc để đặt thương điểm với mưu toan bành trướng ảnh hưởng.

Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), việc tuần tiễu bảo vệ chủ quyền cũng như quyền khai thác tài nguyên ở các vùng biển được tổ chức chặt chẽ, chu đáo. Công việc nặng nề được giao phó cho các đội hải thuyền đặc biệt, do Nhà nước tổ chức ra, hoạt động theo những chế định nghiêm

ngặt. Các vùng biển đảo đều thống nhất các đơn vị hành chính nhất định, gắn bó với một vùng hoạt động nhất định của mỗi hải đội. Dữ liệu còn lại cho biết: xứ Đàng Trong hồi đó có những hải đội với quy mô tổ chức to nhỏ khác nhau:

– Đội Hoàng Sa: Là đội lớn nhất, quan trọng nhất phụ trách vùng biển Thuận Quảng ở ngoài khơi xa, nơi có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và cả vùng biển phía nam Trường Sa nữa. Đội này được thành lập cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ thứ XVIII, hoạt động mạnh mẽ dưới đời chúa Nguyễn Phúc Chu. Đời Gia Long, hoạt động của đội này vẫn được duy trì tích cực, như trước.

– Đội Bắc Hải: Được thành lập sau sự kiện đánh đuổi người Anh, khi họ ngang nhiên đến Côn Đảo, lập pháo đài (1702-1705). Quần đảo Côn Lôn, trước nằm trong phạm vi hoạt động tuần tiễu và khai thác hải sản của Đội Hoàng Sa, khi lập đội Bắc Hải thì nằm trong phạm vi hoạt động của đội này. Nhưng thời gian không dài, vì ngay sau đó đội Bắc Hải lại được đặt dưới quyền cai quản của đội Hoàng Sa. “Lại có Đội Bắc Hải mộ dân thôn Tư Chính, Bình Cổ hoặc xã Cảnh Dương sung vào. Được lệnh cưỡi thuyền nhỏ ra các đảo Côn Lôn ở Bắc Hai thu lượm hóa vật, cũng do đội Hoàng Sa cai quản luôn”. (Đại Nam thực lục tiền biên, q.10; chi tiết hơn: xem Phủ biên tạp lục, quyển 2, tờ 84 a, b). Đội Bắc Hải đặt dưới quyền chỉ đạo của các quan chức Phủ Gia Định với một quy chế nhân sự và cách thức quản lý thông thoáng hơn. Nhưng về biên chế thì chủ yếu vẫn là dân thạo ghe biển trên đảo Lý Sơn (Cù Lao Ré - thuộc phủ Bình Thuận).

– Đội Thanh Châu: Hoạt động trong vùng biển đảo phụ Quy Nhơn.

– Đội Hải Môn: (thuộc Phủ Bình Thuận), hoạt động tuần tra và thu lượm hải sản (yến sào là chủ yếu) ở đây.

Sau cuộc kinh lý của Nguyễn Hữu Cảnh 141 năm, Côn Đảo thuộc tỉnh Vĩnh Long quản hạt. Tòa thành đất ở Côn Đảo do Đội Thanh Hải xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836) và mang tên “Thành đất Thanh Hải (Thanh Hải bảo). So với các thành đất cùng thời, thành Côn Lôn có quy mô khá lớn: chu vi 50 thước 8 thước 9 tấc; cao 4 thước 3 tấc, có 2 cửa, 1 pháo

đài, 1 kỳ đài. Trong lần trùng tu năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) đổi tên thành Côn Lôn bảo (thành đất Côn Lôn) và đến khi giặc Pháp chiếm Côn Đảo tòa thành vẫn còn.

Cuối thế kỷ thứ XVII và đầu thế kỷ thứ XVIII, tư bản Anh, Pháp đã bắt đầu nhòm ngó các nước phương Đông. Nhiều lần các công ty Đông - Ấn của Anh, Pháp cho người tới Côn Đảo điều tra, dò xét tình hình mọi mặt với âm mưu xâm lược.

Tháng 11 năm 1686, Công ty Đông - Ấn của Pháp đã phái Vê rê (Véret) tới điều tra lập cơ sở ở Côn Đảo.

Năm 1687, Uy liên Đampier (Williams Dampier) nhân viên Công ty Đông - ấn của Anh đã tới vẽ bản đồ ở vịnh Tây - Nam Côn Đảo.

Năm 1702, đời chúa Nguyễn Phúc Chu, năm thứ 12, Công ty Đông - Ấn của Anh ngang nhiên đổ quân lên Côn Đảo xây dựng pháo đài. Giám đốc Công ty là Len Kếpôn (Allen Catchpole) đích thân chỉ huy cuộc chiếm đóng trái phép này. Ông ta đưa một số lính người Macátxa¹ tới xây dựng một pháo đài lớn, ký hợp đồng với họ làm trong 3 năm. “Ở Côn Đảo họ bị đau ốm lo buồn và chỉ muốn về quê nhà. Họ bí mật chuẩn bị một cuộc nổi dậy. Đêm ngày 3-2-1705, một tiếng hú man rợ vang trong rừng thẳm. Chính là những người lính hung hãn, da ngăm màu đồng hun đã vùng lên tiêu diệt ban chủ người Anh (...). Chỉ có rất ít người chạy thoát như bác sĩ Paodơ (Pould) và ông Xalômdn Lyôt (Salomon Ilyod) đang ở bên ngoài pháo đài”².

Nguyên nhân của cuộc nổi dậy này không phải chỉ ở chỗ người Macátxa không chịu đựng nổi khí hậu và cuộc sống quá thiếu thốn trên đảo, cũng không phải vì đã hết hạn hợp đồng mà bọn chủ người Anh không làm theo lời hứa đưa trả họ về quê hương. Các tác giả Đại Nam nhất thống chí cho biết:

“Đời vua Hiến Tông triều Nguyễn (1691 - 1725) vào năm Nhâm Ngọ (1702) có thuyền An - Liệt của bọn hải phi vào đậu ở đảo Côn Lôn. Tù trưởng là bọn Tô - Thích, Già - Thi chia người làm 5 ban và đảng lõa hơn

200 người, kết lập trại sách, tích trữ của báu như núi và những đồ bánh trái hào soạn, bốn mặt đều đặt hỏa pháo phòng thủ.

Quam trấn thủ ở biên - trấn là Trương Phúc Phan, mộ 15 người nước Đồ Bà mật khiến chúng trá hàng. Nhân khi ban đêm phóng lửa đốt cả trại sách của chúng. Giết được ban nhất, ban nhì, bắt được ban năm, còn ban ba và ban tư thì trốn thoát ra biển.

Trương Phúc Phan được tin bèn khiến binh thuyền ra đảo, tóm thâu được cả đồ vàng lụa đem dâng nộp”³.

Lê Quý Đôn đã tra lại sổ ghi kết quả công việc của Thuyền Đức Hầu, người trực tiếp chỉ huy đội Hoàng Sa những năm đó, từ năm 1702 đến 1709, cung cấp cho chúng ta những con số đáng chú ý :

– Năm Nhâm Ngọ, (1702, năm Len Kétpun đến chiếm đóng Côn Đảo - T.G), đội Hoàng Sa thu 1 lượm được 30 thỏi bạc.

– Năm Ất Dậu, (1705, năm có cuộc nổi dậy đánh đuổi người Anh - T.G), đội Hoàng Sa thu lượm được 126 thỏi bạc.

– Từ năm Kỷ Sửu đến năm Quý Ty, (1709- 1713), chỉ được mấy cân đồi mồi và hải sâm, có lần họ chỉ thu lượm được mấy khối thiếc, mấy chiếc bát đá và 2 khẩu súng đồng”⁴.

Như vậy cuộc nổi dậy của người Macátxa đêm 3-2-1705 là do chính quyền nhà Nguyễn tổ chức và chỉ huy nhằm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ xứ Đàng Trong. Kế hoạch diệt bọn hải phi An - Liệt được chuẩn bị chu đáo: chúa Nguyễn khôn khéo cài người vào nội bộ địch, lợi dụng bọn lính Macátxa đánh thuê đang bất mãn đối với bọn chủ người Anh để gây nên cuộc binh biến, kết hợp với sự hỗ trợ từ bên ngoài. Sự việc được giải quyết gọn lẹ , không gây rắc rối trong quan hệ bang giao vì đã có tù binh trong tay, địch khó lòng chối cãi, trong một thời gian lâu dài về sau tránh được sự nhòm ngó của một cường quốc hải quân hùng mạnh vào bậc nhất thời đó .

Năm 1771, cuộc khởi nghĩa to lớn của nông dân Tây Sơn bùng nổ và phát triển mau lẹ. Từ 1776 trở đi, quân Tây Sơn nhiều lần tấn công vào căn

cứ cửa chúa Nguyễn ở Gia Định. Tháng 3 năm 1782, thủy quân của Nguyễn Ánh bị đại bại ở cửa Cần Giờ. Tháng 6 năm 1783, thủy quân Tây Sơn đánh Phú Quốc. Nguyễn Ánh trốn chạy sang đảo Côn Lôn, đem theo hơn 100 gia đình thuộc hạ để sau này lập nên ba làng An Hải, An Hội và Cỏ Ống xây dựng căn cứ, tính kế phục thù. Chiến thuyền Tây Sơn đuổi theo nhưng sau đó, Nguyễn Ánh chạy thoát về Phú Quốc vì thuyền Tây Sơn gặp bão.

Sau thất bại này, theo lời khuyên của giám mục Bá Đa Lộc, Nguyễn Ánh đã chọn con đường cầu viện nước Pháp chống Tây Sơn để giành lại ngôi báu. Bá Đa Lộc là Khâm sai tòa Thánh ở Gia Định từ 1765, đã giúp Nguyễn Ánh khi bị Tây Sơn đánh đuổi vào đây, sự gắn bó giữa họ với nhau đã là nguồn gốc cho việc Pháp can thiệp ngày càng sâu vào Việt Nam. Tháng 12 năm 1784, Nguyễn Ánh đã giao ấn tín và hoàng tử Cảnh cho Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện. Chủ trương phản động này đã bị chính Phi Yến, người vợ trẻ của Nguyễn Ánh phản đối, nhưng Ánh không nghe và đày bà lên hòn Côn Lôn Nhỏ cho đến chết. Hòn đảo từ đây mang tên Hòn Bà.

Ngày 28-11-1787, thay mặt Nguyễn Ánh, Bá Đa Lộc đã ký Hiệp ước Vécxai (Versailles) với đại diện vua Pháp là Đờ Mông-môranh (De Montmorin), theo đó thì Pháp hứa giúp Nguyễn ánh 4 tàu chiến, 1.200 lính, 200 pháo thủ, 250 lính người Phi . Để đổi lại, Nguyễn Ánh nhượng cho Pháp chủ quyền ở Cửa Hàn (Đà Nẵng), cho Pháp được độc quyền thương mại ở Nam Kỳ. Quần đảo Côn Lôn cũng bị nhượng cho Pháp (điều 3 và 5, Hiệp ước Vécxai).

Từ tháng 2 đến hết tháng 12 năm 1787, khâm sứ của giáo hoàng Bá Đa Lộc đã được yết kiến vua Lui XVI chính tay ông ta đã vạch ra mấy phương án thực hiện cuộc xâm lược. Với quân số và vũ khí dự kiến, ông ta đã đưa ra kế hoạch tác chiến đánh thẳng vào Quy Nhơn. Quân lính Pháp dưới sự yểm trợ bằng hỏa lực pháo binh đặt trên các tàu chiến, sẽ đổ bộ lên Quy Nhơn, nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

Cũng chính vị thầy tu này nêu lên số lượng lương thực, thực phẩm, các dụng cụ cần thiết và cả số thuốc men cần đem theo. Nhưng chế độ quân chủ chuyên chế Pháp đang khủng hoảng trầm trọng. Cuộc khủng hoảng tài chính đã trở thành nguyên nhân trực tiếp chủ yếu dẫn đến cuộc Đại cách mạng Pháp năm 1789, đập tan chế độ phong kiến, đem lại thắng lợi cho giai cấp tư sản Pháp.

Trong tình hình như vậy, triều đình Pháp không thể thực hiện được những cam kết, Bá Đa Lộc đã trở về tay không. Bá tước Đờ Môngmoranh đã gửi những chỉ thị mật cho Cônûây (Conway), người chỉ huy lực lượng pháp ở Ấn Độ không thực hiện cuộc can thiệp vì tình hình tài chính không cho phép. Không cam chịu thất bại, vị giám mục có đầu óc thực dân này ghé qua Pôngdisên vận động một số thương nhân Pháp hùn tiền mộ lính, mua súng ống giúp Nguyễn Ánh. Tháng 9 năm 1788, tàu Đơriadơ và La Tron đã chở tới Côn Đảo 1.000 khẩu súng trường và mấy khẩu thần công.

Cần nhắc lại rằng từ khi ký kết Hiệp ước Vécxai cho tới khi Pháp có âm mưu chiếm Côn Đảo cuối năm 1861, cả hai bên Pháp cũng như triều đình nhà Nguyễn, không bên nào nhắc đến hiệp ước đó cả. Về mặt pháp lý cũng như trên thực tế, hiệp ước này không có giá trị gì.

Tháng 7 năm 1857, sau nhiều lần khiêu khích, gây hấn dưới chiêu bài phản đối chính sách bế quan tỏa cảng và chính sách cấm đạo, Pháp quyết định xâm lược Việt Nam, bảo đảm sự hiện diện của Pháp ở Viễn Đông. Ngày 1-9-1858, Pháp tấn công Đà Nẵng, chiếm đóng bán đảo Sơn Trà, chuẩn bị đánh Huế. Nhưng cuộc đồn trú hao người tốn của ở Đà Nẵng đã làm suy yếu nhanh chóng lực lượng Pháp: viện binh chẳng có, sự ủng hộ của giáo dân cũng không, mặc dù các cố đạo đã hứa hẹn. Việc đánh Huế cũng khó khăn vì quân triều đình đã co cụm lại và tổ chức phòng thủ vững chắc. Tất cả sự việc đó buộc quân Pháp phải thay đổi phương hướng chiến lược đánh chiếm Gia Định. Tháng 2 năm 1859, sau những trận đẫm máu ở Vũng Tàu (10-2-1859), Cần Giuộc (11-2-1859), giặc Pháp hạ thành Gia Định (17-2-1859).

Sau một thời gian củng cố lại lực lượng, tháng 4 năm 1861, Pháp đánh chiếm Định Tường. Chính trong thời gian này, Pháp khẩn cấp đặt vấn đề chiếm Côn Đảo, sợ Anh nhảy vào hốt tay trên vị trí chiến lược quan trọng này.

Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa Pháp, Saxơlu Lô ba (Chasseloup Laubat), ngày 10-7-1861 gửi thư cho đô đốc Sácne (Char-ner), chỉ huy đạo quân xâm lược Việt Nam lúc đó, nói rõ: “Người ta cho tôi biết rằng quần đảo Côn Lôn là thuộc quyền sở hữu của chính quyền An Nam... đồng thời cũng lưu ý tôi đến mối hiểm nguy nếu như có một cường quốc Tây phương nào đó đến chiếm cứ hải đảo này... Liệu việc cấm cờ để chiếm lĩnh có đủ chứng minh chủ quyền của ta trên đảo hay không” .

Thấy Sácne không tán thành việc đánh giá vai trò quần đảo Côn Lôn như Bộ hải quân nhận định, Saxơlu Lô ba lo lắng. Đô đốc Bông (Bonard) thiếu tướng hải quân được cử sang thay thế. Vừa lúc Bông sang Nam Kỳ nhậm chức, Bộ trưởng Hải quân Pháp lại gửi thư nhấn mạnh: “ Trong các chỉ thị tôi gửi ngài, có một vấn đề tôi hằng lưu ý ngài, đó là vấn đề quần đảo Côn Lôn. Đô đốc Sácne có gửi thư cho tôi nói rằng: quần đảo đó đối với chúng ta không có giá trị gì. Chỉ cần nhìn lên bản đồ tôi cũng đã không thể tán thành quan điểm này rồi. Tôi luôn lo ngại rằng sẽ có một quốc gia nào đó tới chiếm hải đảo, biến nó thành pháo đài quan sát rất nguy hiểm cho chúng ta. Phải cố gắng chiếm lấy, lấy cứ là để xây dựng một ngọn hải đăng”.

“ ...Ta phải làm một cái gì đó để khỏi bị lúng túng khi có người phản kháng chúng ta một cách hợp pháp. Trong trường hợp ngược lại, thì đó cũng là một bằng chứng về chủ quyền của ta. Tôi đặt tin tưởng vào sự thật trọng và khéo léo của ngài. Xin nhắc lại với ngài một lần nữa rằng : Tôi luôn luôn quan tâm đến vấn đề này”.

Với tên thực dân cáo già như Bông thì chẳng phải đợi có chỉ thị này mới hành động. Vừa chân ướt chân ráo đến Sài Gòn, ngày 23-11-1861, ông ta đã hối thúc Sácne chiếm ngay quần đảo. Sácne ra lệnh cho viên chỉ huy thông báo hạm Noócđagaray (Norzagaray) phải thực hiện. Đây chỉ là một tàu chiến nhỏ, động cơ 50 sức ngựa, do một trung úy hải quân chỉ huy. Và

lại cũng chỉ cần có thể vì Pháp biết rõ lực lượng triều đình Huế ở hải đảo không đáng kể mà quan lại của triều đình không có tinh thần chiến đấu, nhiệm vụ cũng không mấy khó khăn. Bất ngờ đột nhập rồi chọn một chỗ nào đó kéo lá cờ Pháp lên và làm một biên bản chiếm lãnh, yêu cầu chỉ có thể. Cái mà Pháp lo ngại chính là sự phản kháng của một nước thực dân khác kia.

10 giờ sáng ngày 28-11-1861, Lơpexơ (Lespès) đã cho tàu Noócđagaray tới Vũng Đầm, kéo lá cờ Pháp rồi lập một sổ tờ biên bản về việc chiếm lãnh với lời lẽ huênh hoang của một tên xâm lược. Từ Sài Gòn, đô đốc Bông đã báo cáo về Pháp và gửi kèm theo tờ biên bản.

Đúng như Bộ trưởng Hải quân Pháp lo ngại, phía Anh đã phản đối việc làm không mấy vẻ vang này. Họ cho rằng việc tuyên bố chiếm lãnh Côn Đảo không có giá trị pháp lý vì được thực hiện dưới danh nghĩa thi hành Hiệp ước Vecxai, một hiệp ước chính người Pháp không thi hành. Cũng vì vậy trong, trong hòa ước Nhâm Tuất ký ngày 5-6-1862, Pháp đã buộc phải ghi thêm việc vua nước Nam phải nhường cho Pháp đảo Côn Lôn (điều 3 hiệp ước), nghĩa là vẫn phải hợp thức hóa hành động chiếm lãnh ngang ngược này.

Sau khi chiếm Côn Đảo, Bông phái ngay thông báo hạm Mông giơ (Moge) ra đảo làm công tác an dân và điều tra tình hình mọi mặt. Thái độ của quan lại triều đình là quy thuận và hợp tác với Pháp. Viên chánh bát phẩm thư lại đem lá cờ Pháp treo ngay trên tư dinh ngày 14-1-1862 chiếc tàu chở hàng Nievơơ (Nièvre) chở một số nhân viên ra đảo thay thế cho thông báo hạm Mông giơ. Họ có nhiệm vụ tìm vị trí dựng tạm Hải Đăng Côn Đảo, chống chế nếu có nước nào phản kháng hành động xâm lược vừa rồi. Quan trọng hơn nữa là việc chuẩn bị cơ sở đón nhận 50 tù nhân sắp gửi ra.

Phêlich Rút xen (Félix Roussel), Quản đốc tương lai của Nhà tù Côn Đảo được giao nhiệm vụ này. ông ta thăm dò đám quan lại và ngục tốt cũ của triều Nguyễn còn đóng ở đây, báo cáo về Sài Gòn xin lập một đại đội lính

bản xứ tuyền ngay trong số những người đó, đồng thời làm một số nhà tạm bằng tranh tre nửa lá đủ sức chứa 200 tù, như Bông đã chỉ thị.

Ít lâu sau, tàu Êcô (Écho) chở 50 người tù ra đảo, đây là chuyến tù đầu tiên tới Côn Đảo. Trên đảo lúc đó còn 119 người tù của triều đình Huế, có một đơn vị ngục tốt gồm 80 người, và 4 thư lại dưới quyền điều khiển của viên hải trấn (hàm bát phẩm thư lại). Tất cả đóng trong một tòa thành đất, xung quanh có những nhà tranh nhỏ của gia đình những người tù cỰu trào.

Cho tới lúc này, dân trên đảo và những người tù cũ cũng như đám ngục tốt trên hải đảo vẫn chưa biểu lộ thái độ chống đối gì. Thông báo hạm Noócđagaray lúc ấy do trung úy hải quân Sơvahê (Chevaier) chỉ huy cũng vừa ghé qua đảo. Sơvaliê tỏ ra hài lòng về đơn vị ngục tốt người bản xứ vừa được thành lập, cho đó là “một lực lượng chân chính có tinh thần cao”.

Ngày 1-2-1862, Bông quyết định thành lập nhà tù ở Côn Đảo, Saxơlu Lô ba đã phê chuẩn. Khi nhận được báo cáo của Rút xen, Bông liền bổ sung thêm một số điều khoản liên quan tới việc đai ngộ đám nhân viên mới thu dụng, cử Rút xen làm Quản đốc đầu tiên của nhà tù. Một thuyền chiến bằng gỗ mới đóng mang tên Giô đép (Saint Joseph) trên đó có 12 lính do một thiếu úy chỉ huy được đưa ra đảo làm nhiệm vụ “một trạm gác nổi” để bảo đảm an ninh cho nhà tù vừa thành lập. Lực lượng tại chỗ của Pháp yếu hẳn đi sau khi chiếc tàu Nievơơ được lệnh rút.

Đã đến lúc người dân Côn Đảo tỏ rõ thái độ trước việc quân Pháp chiếm Côn Đảo, phản đối việc triều đình Huế đầu hàng, ký hòa ước Nhâm Tuất cắt nhượng Côn Đảo và ba tỉnh miền Đông cho giặc.

Đêm 28-6-1862, tù nhân bắt đầu cuộc nổi dậy. Họ phá xiềng vào nhà tên chúa ngục Rút xen. Binh lính và chỉ huy đơn vị người Việt vừa thành lập đã liên kết với tù nhân để hành động. Viên đội chỉ huy đã đem súng trang bị cho tù nhân. Họ đốt phá công sở, thiêu cháy nhà tù Côn Đảo. Một người tù gốc Hoa phản bội, báo cho Rút xen biết nên Rút xen đã cùng với 3 thuộc hạ người Pháp, 2 lính công binh và một thủy thủ chạy trốn trên chiếc pháo thuyền Xanh Giô đép. Nghĩa quân làm chủ Côn Lôn.

Ngày 13-7-1862, nửa tháng sau khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ, Bông mới phái thông báo hạm Noócdagaray vừa được tăng cường thêm một số lính tới đánh chiếm lại Côn Đảo. Nghĩa quân chống lại mạnh mẽ, nhiều trận chiến đấu đã diễn ra ở An Hải. Rút xen cũng đã trở lại phối hợp với Sovaliê tổ chức những cuộc càn quét khủng bố nhân dân trên đảo. Tên tù phản bội lại dẫn quân Pháp đi lùng sục. Nhân dân đã cùng nghĩa quân rút lên núi. Họ lập trại, đóng thuyền để đưa người về đất liền.

Giặc chia thành nhiều mũi càn quét, giết chết hai người và bắt được hơn 100 người, trong đó có một số tù nhân. Cả viên đội chỉ huy người Việt chỉ huy đơn vị coi tù cũng bị bắt, chính ông là người đã phát súng đạn cho nghĩa quân. Nghĩa quân cũng đã tổ chức cho 30 người tù 2 người lính và 6 dân thường dùng thuyền vượt biển. Họ giết được 30 tên địch.

Sau 13 ngày càn quét, khủng bố, Pháp đã thiêu hủy 12 lán trại, đốt một thuyền to. Ngày 25-7-1862, quân Pháp đem 20 nghĩa quân bị bắt ra xử bắn.

Trong ký ức của nhân dân Côn Đảo còn ghi lại một chuyện căm thù: sau một cuộc săn lùng ráo riết, ngoài số người chúng đã giết tại chỗ, giặc bắt về 20 người. Chúng bắt họ đào một hố to chôn hơn 100 xác người bị chúng giết. Lấp xong ngôi mộ tập thể đó, chúng đem chôn sống cả 20 người kia. Trước năm 1945, trên con đường ra Bưng Sáu người ta còn thấy nhiều xương chi, xương sọ trôi lên ven các gò cát, mỗi khi gió chướng thổi về.

Tháng 5 năm 1863, thiếu úy hai quân Risa(Richard) được phái đến Côn Đảo để ổn định tình hình, tiếp tục xây dựng nhà tù Côn Đảo đã bị cuộc khởi nghĩa Tháng Sáu 1862 làm đình trệ. Số người bị Pháp bắt giam trong các cuộc càn quét ở ba tỉnh miền Đông Nam Bộ ngày một nhiều. Viên quản đốc mới của Nhà tù Côn Đảo được phái ra cùng với chuyến tàu chở 46 người tù

Theo báo cáo của Risa, giữa năm 1863, nhà tù Côn Đảo trống trơn, tình cảnh của dân chúng khốn quẫn đến mức “không sao tả xiết”. Mùa màng bị thất bát, vườn tược bỏ hoang, lương thực thực phẩm thiếu thốn nghiêm trọng, đến thóc giống cũng không có. Nạn đói hoành hành trên đảo. Người dân phải ăn củ rừng, thảo lẩn, dơi, chuột... tất cả những gì tìm được. Bầu

không khí khủng bố, nỗi kinh hoàng bao trùm lên hòn đảo đã bị tàn phá nặng nề này. Nhiều tù nhân còn ẩn náu trên rừng, đêm tối mới xuống nhà dân tìm cái ăn.

Cả Côn Đảo lúc đó còn có 317 người, trong số đó có 76 phụ nữ là dân đảo; 20 người là vợ con tù nhân; số tù cũ còn lại 17 người. Người dân Côn Đảo đã chọn con đường đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh để bảo vệ hải đảo. Cuộc khởi nghĩa Tháng Sáu 1862 là lời cảnh báo đanh thép đối với bọn xâm lược.

⁽¹⁾Trước kia, quần đảo Côn Lôn có 14 hòn đảo với tổng diện tích là 72,18km. Từ năm 1995, Nhà nước ta giao cho huyện Côn Đảo được quản lý thêm 2 hòn đảo mang tên Hòn Anh và Hòn Em (còn gọi là Hòn Trứng lớn và Hòn Trứng nhỏ) cách trung tâm thị trấn Côn Đảo 27 hải lý về phía Tây (chéch Nam 50). Với 16 hòn đảo kể trên, Côn Đảo có tổng diện tích là: 76,71 km²

¹. Dân đảo Sulavêdi thuộc quần đảo Indônêxia.

². Poulo Condore: T.F.E.O. Sài Gòn 1947, trang 7.

³. Đại Nam nhất thống chí, Tỉnh Vĩnh Long, Sơn Xuyên. Bản dịch của Nguyễn Tạo, Nhà Văn hóa, Bộ quốc gia giáo dục Sài Gòn xuất bản 1959, tr.10-11.

⁴. Lê Quý Đôn, Sách đã dẫn, Quyển 2, tờ 83b, 84a,b. Bản dịch của Lê Xuân Giao, Phủ Quốc vụ khanh, đặc trách văn hóa Sài Gòn xuất bản 192, Tập I, tr. 202-212 (có in nguyên tác chữ Hán).

Chương 1

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TỪ 1802 ĐẾN 1930

Các trại giam và các sở tù

Dưới con mắt của bọn thực dân, Côn Đảo là một nơi lý tưởng, có khả năng đáp ứng tốt nhất những yêu cầu đối với một nhà tù. Chúng cho rằng, Côn Đảo bốn bề trời biển mênh mông, cách đất liền gần trăm hải lý, không có phương tiện, người tù khó bề trốn thoát. Người ở bên ngoài cũng không có cách nào cứu thoát người tù. Ở hải đảo xa xôi này những người cách mạng sẽ bị cắt đứt mọi quan hệ với gia đình, xã hội, với phong trào cách mạng và quần chúng nhân dân, không thể hoạt động gì được.

Côn Đảo là một quần đảo hoang vắng, không như nhà tù ở các điểm dân cư lớn trong đất liền như Hỏa Lò ở Hà Nội, Khám Lớn ở Sài Gòn, cho nên ở đây có thể thi hành những biện pháp đàn áp dã man, tàn bạo nhất, người tù có đấu tranh mạnh mẽ tới đâu đi nữa cũng không thể gây được ảnh hưởng gì. Bọn cai ngục có thể thẳng tay giết hại người tù mà không ai hay biết. Chẳng thế, bọn thực dân đã đe dọa: “Ra Côn Đảo mà hò la cho sóng biển nghe!”, “Ra Côn Đảo mà đấu tranh với cá mập!”.

Côn Đảo là nơi dân cư thưa thớt, nguồn lợi thiên nhiên phong phú. Muốn khai thác vùng đất này phải đưa nhân công từ nơi khác đến, cho nên dùng sức tù nhân ở đây thì thật là thích hợp.

Nhận rõ vị trí đặc biệt của Côn Đảo, thực dân Pháp đã sớm quyết định xây dựng nhà tù đầu tiên ở Đông Dương trên quần đảo này, nhằm:

– Cách ly những phần tử chống đối chính sách cai trị của thực dân, nguy hiểm và có hại đối với an ninh ở thuộc địa;

– Dùng chế độ tù đầy khắc nghiệt để hành hạ, giết dần giết mòn người tù, đè bẹp ý chí phản kháng của họ, răn đe những người còn ở ngoài đời, làm cho họ khi ra tù thì tinh thần bạc nhược, khiếp sợ, thân thể tàn phế, không còn dám làm gì chống lại “mẫu quốc” và chế độ thống trị ở thuộc địa;

– Bóc lột sức lao động của người tù để xây dựng và khai thác thuộc địa.

45 ngày sau khi chiếm hải đảo, Bông đã phái viên trung úy hải quân Phêlich Rút xen đáp chiếc tàu hàng Nievorơ ra xây dựng một cơ sở tạm thời đủ chứa chừng 200 người tù .

Ngày 1-2-1862, Bông ký quyết định thành lập Nhà tù Côn Đảo. Tháng 3 năm 1862, ông ta lại bổ sung một số điều khoản liên quan đến việc sử dụng, đãi ngộ đảm quan lại và ngục tốt cũ của triều đình Huế, lập một đại đội lính bản xứ để canh gác tù, cử Rút xen làm Quan đốc đầu tiên của nhà tù, cho thuyền chiến Êcô (Echo) chở 50 người tù đầu tiên ra rồi ở lại đó làm nhiệm vụ canh gác trên biển. Rút xen nhận được chỉ thị phải nhanh chóng tổ chức trồng trọt và chăn nuôi gia cầm, gia súc, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Nhưng cuộc khởi nghĩa của nhân dân và tù nhân Côn Đảo nổ ra ngày 28-6-1862 đã phá tan nhà tù vừa mới dựng, buộc thực dân Pháp phải làm lại từ đầu với viên Quản đốc thứ hai của Nhà tù Côn Đảo, trung úy hải quân Bi đô (Bizot). Giữa năm 1863, Bi đô mới ra đảo, bắt tù mò san hô, lấy củi, lập lò nung vôi, nung gạch, khai thác đá làm nhà tù. Tàu Êcô chở chuyển tù thứ hai, có 45 người ra giam ở đảo.

Sau khi đã chiếm xong ba tỉnh miền Tây Nam Bộ, số người bị Pháp bắt tăng thêm nhiều, đến nỗi phải cắt cử một trung đội lính đến gác và nâng thêm biên chế nhân viên trại giam Côn Đảo. Tính đến tháng 7 năm 1867, ở đảo đã có tới 500 tù nhân. Nhà tù Côn Đảo lúc này chưa có quy chế, phải áp dụng quy chế của Khám Lớn (Sài Gòn). Tổ chức nhà tù đã khá chặt chẽ. Biên chế người bộ máy đã có 11 người Âu, một số giám thị người Việt và một trung đội lính thủy đánh bộ. Nhà tù đặt dưới quyền quản lý của Giám đốc Nội chính thuộc Soái phủ Nam Kỳ. Viên Quản đốc nhà tù có những quyền hạn về tư pháp đối với toàn hải đảo, quyền hành ngang với chức thanh tra bản xứ vụ ở các tỉnh khác. Công việc dự thảo quy chế Nhà tù Côn Đảo được đẩy mạnh.

Ngày 31-1-1873, Thống đốc Nam Kỳ Đuyprê (Dupré) ban bố quy chế riêng cho Nhà tù Côn Đảo, gồm 43 điều, xác định trách nhiệm các nhân viên quản lý nhà tù, lương bổng, y phục cho mỗi loại, quy định chế độ khổ

sai và các biện pháp trừng phạt người tù. Về thực chất vẫn là sự sao chép quy chế Khám Lớn (Sài Gòn), tuy có châm chước ít nhiều. Bản quy chế 1873 được áp dụng ở Côn Đảo 16 năm liền.

Ngày 16-5-1882, Tổng thống Pháp Giuyn Gơrêvi ký sắc lệnh công nhận quần đảo Côn Lôn là một quận của Nam Kỳ, dưới quyền của viên Quản đốc chức vụ tương đương một viên tham biện bản xứ vụ (là quan đầu tỉnh thời đó). Nhiều vấn đề về tính chất pháp lý của nhà tù được đặt ra như: Chức năng hành chính và quân sự của viên Quản đốc như thế nào? Côn Đảo sẽ phát triển kinh tế ra sao? Nó chỉ là một hòn đảo giam tù hay sẽ trở thành một quận có ngân sách tự trị như các quận khác?

Cuộc nổi dậy với quy mô to lớn của tù nhân xây dựng Hải Đăng Côn Đảo ở Hòn Bảy Cạnh ngày 27-8-1883 lại đặt vấn đề siết chặt kỷ luật đối với tù nhân, loại trừ những điều còn sơ hở trong việc điều hành nhà tù.

Bản quy chế thứ hai được soạn thảo và công bố ngày 11-12-1889 đã có tới 24 chương, 122 điều, bộ máy trị tù lên tới 87 người không kể quân số một đại đội thuộc Binh đoàn thuộc địa số 11 làm nhiệm vụ canh gác. Các sở trồng trọt, chăn nuôi, Sở lưới được tổ chức chu đáo hơn. Đặc biệt lại có thêm một kỹ thuật viên trồng trọt trông coi việc chăn nuôi, trồng trọt và phân phối thực phẩm tươi sống cho nhân viên các sở. Đối với tù nhân, bản quy chế có ghi thêm điều khoản số 51, chương X: “Cho phép các giám thị người Âu được quyền sử dụng vũ khí đối với đám tù nổi loạn hay âm mưu vượt ngục sa khi bắn chỉ thiên 3 phát mà không giải tán được hay trong trường hợp không bắt giữ được người tù vượt ngục”.

Bản quy chế này được áp dụng trong suốt thời kỳ thực dân Pháp tiến hành công cuộc bình định và củng cố bộ máy cai trị ở Đông Dương. Theo đánh giá của viên chức ngạch cai trị, việc khai thác sức lao động tù nhân theo bản quy chế này tỏ ra rất có hiệu quả.

Thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XIX là giai đoạn “khó khăn” của Nhà tù Côn Đảo. Nhà tù đòi hỏi một khoản chi quá lớn. Các địa phương đều có nhà giam, nơi nào cũng cần đến sức lao động khổ sai của tù nhân để xây dựng công thự, đường sá, cầu cống. Nhu cầu về sức lao động ở các thuộc

địa khác như Guyan, Nuven Calêđôn, Tahiti đang rất cấp bách, Bộ Hải quân và thuộc địa hàng ngày kêu gào nhân công để làm đường và khai mỏ ở các thuộc địa của nước Pháp.

Nghị định ngày 12-7-1891 của Toàn quyền Đờ Lanétxăng (De Lanessan) nói rõ: các tội phạm có án sẽ được đưa đi bất cứ nơi nào trong toàn xứ Đông Dương để dùng vào việc công ích. Ông ta cũng chỉ thị cho Nhà tù Côn Đảo phải chuyển 200 tù bằng tàu thủy Annamít ra Bắc Kỳ để làm con đường chiến lược Tiên Yên - Lạng Sơn. Tù Côn Đảo và Khám Lớn (Sài Gòn) cũng được sử dụng để xây dựng thành phố Vũng Tàu. Thành phố này hàng ngày có tới 600-700 người tù làm khổ dịch trên các công trường làm đường vòng quanh Núi Lớn, Núi Nhỏ, xây trại lính, công thự, nhà ở của binh lính, sĩ quan, viên chức thuộc địa, xây dựng hệ thống vị trí đặt pháo lớn bảo vệ bờ biển...

Số tù giam ở Côn Đảo vội hẵn đi. Người ta đã nêu ý kiến xét lại sự tồn tại của Nhà tù Côn Đảo, xác định lại xem ngân sách nào đài thọ, có nên phân tán tù nhân Côn Đảo về cho các tỉnh quản lý và sử dụng hay không? Bàn đi cãi lại mãi, rút cuộc đầu lại vào đó. Nhà tù Côn Đảo vẫn rất cần thiết cho nền thống trị Pháp tại Đông Dương, phải tiếp tục củng cố nó dù tốn kém đến mấy. Côn Đảo là nhà tù phục vụ lợi ích chung của cả Đông Dương, nhưng giao cho Nam Kỳ quản lý, do ngân sách thuộc địa tài trợ.

Trong bối cảnh đó, bản quy chế hoàn chỉnh của Nhà tù Côn Đảo được ban bố thi hành kể từ ngày 17-5-1916. Rút kinh nghiệm việc thi hành những bản quy chế trước, bản quy chế 1916 đã tạo ra cơ sở pháp lý ổn định, vững chắc để điều hành ở Nhà tù Côn Đảo. Tù nhân được phân loại, thủ đoạn bóc lột lao động người tù tinh vi chặt chẽ hơn. Chế độ giam cầm, thủ đoạn tàn ác tù nhân nghiệt ngã hơn. Côn Đảo thật sự trở thành công cụ đàn áp lợi hại, có hiệu quả để xứng đáng với ngạch cai trị vừa được hoàn thiện nhằm đối phó với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ngày một dâng cao ở Đông Dương.

Từ đó đến năm 1945, không thấy có gì thay đổi nhiều trong quy chế Nhà tù Côn Đảo nữa.

Hệ thống các cơ sở giam giữ tù nhân ở Côn Đảo được xây dựng dần dần từ 1862 đến 1945. Hệ thống đó bao gồm: những trại giam (các ban) và những sở chuyên môn, gọi tắt là các sở tù.

Các trại giam

Các trại giam chính ở Nhà tù Côn Đảo là:

Banh I¹: ở ngay giữa thị trấn Côn Đảo.

Banh II: ngay cạnh Banh I, gần Nhà thương Côn Đảo.

Banh III: ở ngoại Ô thị trấn, nằm bên trái đường xuống sở Lò Vôi, cách Banh I khoảng một km.

Banh phụ của Banh III mới xây năm 1941.

Đó là những khu nhà xây kiên cố bằng gạch, lợp ngói, nằm khuất sau 4 bức tường rào cao hơn 3 mét, trên cắm mảnh chai và chằng kẽm gai, bốn góc có 4 tháp canh, hoàn toàn cách biệt với đời sống bên ngoài. Ngoài ra còn có một số trại giam nhỏ kiến trúc sơ sài: tường đất, mái tranh hoặc có nơi vách làm bằng gỗ, mái lợp ngói, phân bố rải rác ở các sở tù khổ sai.

Banh I: Trong một thời gian lâu dài, Nhà tù Côn Đảo chỉ có một ban này, đây là nơi giam giữ đủ các loại tù Banh I được xây dựng trên một khoảng đất rộng 1015 m² ở ngay trung tâm thị trấn Côn Đảo. Trước cửa Banh I là Văn phòng Xếp chánh. Sau Banh I là dãy nhà của gác ngục ngoại quốc. Bên trái Banh I là trại lính Tây, có một đại đội lính bộ binh thuộc Binh đoàn thuộc địa số 11. Năm 1875, chúng đã xây xong bức tường đá bao quanh Banh I và dãy khám bên phải cùng Nhà bếp và một số xà lim. Bức tường cao bao bọc Banh I xây bằng đá tảng, đứng bên ngoài chỉ nhìn thấy những mái nhà và ngọn bóng nhô lên. Từ cổng sắt lớn nhìn vào, bên phải cổng, phía ngoài tường ban là Văn phòng giám thị, bên trái là nhà kho Banh I, nơi chứa gạo, thực phẩm tươi sống từ các sở tù đưa về: hàng ngày công chức, giám thị người Việt và cả những người tù làm ở sở ngoài đến lãnh thực phẩm.

Qua cổng sắt đi vào có hai dãy khám giam. (còn gọi là phòng giam) là nơi nhốt tù nhân. Giữa hai dãy khám là một khoảng sân có trồng hai hàng

bàng. Cuối sân, đối diện với cổng vào có một giếng nước. Dãy bên phải có 5 khám giam, đánh số từ một đến 5, tiếp đó là khu Nhà bếp. Sau Nhà bếp là sân đập đá, có cổng sắt dày và tường đá bao quanh, nơi dành cho những người tù khổ sai thuộc loại “nguy hiểm” không được ra khỏi banh. Dãy bên trái cũng có 5 khám giam, đánh số từ 6 đến 10. Ngoài các khám giam là một hàng hiên rộng, đó là chỗ để người tù ăn cơm và tập trung mỗi khi ra vào khám.

Mặc dù rộng hẹp có khác nhau, các khám giam đều được xây theo cùng một quy cách. Đó là một gian nhà rộng chừng 150 m², tường đá dày 50-60 cm. Bốn ô cửa sổ hẹp khoảng 50 x 60 cm, bố trí ở chỗ đầu tường giáp mái ngói, còn bị bịt kín bằng những tấm tôn dày có trổ những lỗ nhỏ như đầu đinh, khiến cho không khí không thể lưu thông được. Khám giam chỉ có một cửa ra vào hẹp, có một cánh cửa gỗ dày nẹp sắt kiên cố, có chốt khóa thô và nặng, tù nhân thường gọi là cửa “rôn” (cửa ngục).

Bước qua ngưỡng cửa lại có một chuồng cửa bằng những gióng sắt to lắp vào một khung sắt chụp lấy lối đi từ phía trong, trông như một cái lồng hình chữ nhật dựng đứng, tù nhân gọi là cửa tấm bua. Cửa tấm bua đóng mở bằng loại chốt khóa đặc biệt. Cánh cửa “rôn” có một tò vò có nắp sắt dầy kín, chỉ có thể hé mở từ phía bên ngoài để cho cai ngục nhòm vào kiểm tra bên trong khám khi không cần mở cửa “rôn”. Cửa tấm bua có tác dụng giữ cho tù không gây mất trật tự ở ngay lối ra, đồng thời bảo vệ giám thị khi cần bước vào ở phía trong khám để kiểm soát, sau khi mở cánh cửa gỗ bên ngoài. Hai mái nhà nặng nề kéo sụp xuống quá đầu tường chắn hết gió và ánh sáng từ mọi hướng. Ngay giữa trưa nắng, khi đóng cửa “rôn” lại thì khám giam tối như bưng, không khí ngột ngạt, lại thêm mùi cầu tiêu ở góc khám xông lên nồng nặc, vì cả ngày chỉ được dọn một lần vào buổi sáng. Một ngọn đèn treo lòng thòng giữa khám, cao trên tầm người với, phát ra một thứ ánh sáng lờ mờ.

Phía sau cái giếng cuối sân banh là dãy xà lim và Hầm Xay lúa. Dãy xà lim Banh I có cả thảy 20 xà lim, còn gọi là “hầm” tuy xây nổi trên mặt đất: 10 cái quay ra phía cổng banh, 10 cái kia đầu lưng lại, quay mặt vào bức

tường banh phía sau. Xà lim nhỏ có thể nhốt một hoặc hai người tù, cái lớn nhốt được 5 đến 7 người tù. Nói hầm tối tức là nói đến loại xà lim nhỏ, chiều dài hơn 2 mét, rộng hơn 1 mét, chỉ để hở một cái lỗ nhỏ lại bịt kín bằng một lưới sắt. Sàn nằm bằng xi măng. Trên sàn có chôn một cái cùm gồm một suốt và hai vòng sắt. Người tù bị chốt chặt hai chân vào đó suốt ngày. Một tháng bị phạt ở xà lim còn phải ăn cơm nhạt, uống nước lã 10 ngày. Hầm xây bằng đá, cao hơn 2 mét, trần xây cuốn. Mùa hè thì bắt nóng hầm hấp suốt ngày. Mùa đông thì hơi đá tỏa ra, lạnh thấu xương. Cửa xà lim bằng sắt dày, đóng vào là kín như hũ nút, vách hầm sơn hắc ín đen ngòm.

Người tù trần truồng, chân bị cùm, nằm ngửa mặt lên trần suốt ngày, trông như một thây ma trong nhà mồ. Vào hầm tối ít lâu là người héo quắt lại, mắt mờ, chân đứng không vững. Cửa hầm tối cũng như cửa xà lim đều đóng im ỉm suốt ngày, chỉ hé vội trước giờ ăn để đưa cơm vào cho người tù.

Năm 1930, 1931, 1932, nhiều người tù bị nhốt trong hầm tối, bị cắt suất ăn ba ngày liền. Ngày thứ tư mới được một nắm gạo xay dối, đến ngày thứ năm mới được một nắm cơm nhỏ. Theo quy chế, lệnh phạt nhốt hầm phải đợi quyết định của Thống đốc Nam Kỳ, căn cứ vào báo cáo của quản lý nhà tù ! Hình phạt nhốt hầm tối không kéo dài quá một tháng và chỉ dành cho những người nào đã qua 5 lần phạt xà lim hoặc bị nhốt xà lim hơn 60 ngày. Cũng theo quy chế thì 8 ngày một lần, viên y sĩ của trạm xá nhà tù phải tới các hầm tối kiểm tra không khí và ánh sáng tối thiểu có đủ để duy trì sức khỏe cho người tù hay không. Nhưng đó chỉ là những quy định trên giấy.

Hầm xay lúa là khu vực nhốt những người tù thuộc loại “bất trị”, rất “nguy hiểm” cho nhà tù. Phạt xà lim và hầm tối chưa đủ tác dụng thì tiếp tục đày đọa họ xuống làm khổ sai ở Hầm xay lúa. Khu này gồm một khám giam có bệ xi măng để tù nằm và một gian hầm xay lúa để tù làm khổ sai. Khám giam cách hầm xay lúa một hành lang hẹp, làm nơi ăn cơm của tù nhân. Hầm xay lúa có 5 cối xay làm bằng vỏ thùng tonnô cũ. Phải 6 người tù mới quay nổi cái cối đó. Cứ hai người xiềng làm một, tù nhân phải quần

quạt quay cối xay từ 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Suốt ngày, lúc nào cũng bụi mù mịt và nhiều người tù đã mờ mắt sau một năm ở đây.

Banh II: được xây dựng năm 1917 do thợ ở sở Tràng Tiền đưa ra xây. Từ cổng vào, bên phải phía ngoài tường banh là Văn phòng xếp banh, bên trái phía trong là khu xà lim Banh II gồm 14 xà lim chuyên nhốt những trọng phạm; trong số đó có những người bị giặc kết án tử hình đợi ngày hành quyết. Máy chém chờ từ Khám Lớn (Sài Gòn) ra, dựng trong 4 cái hòm sơn đen được lắp đặt ở trước bệnh xá Banh II. Banh II cũng có hai dãy khám giam nhưng được xây dựng cao hơn, có cầu thang sắt chạy dọc suốt dãy để bọn giám thị đi tuần. Cuối sân banh, đối diện với cổng vào là bệnh xá của nhà tù. Banh II là nơi cấm cố tù chính trị.

Banh III: Banh này được khởi công xây vào năm 1928 gần trại cùi cũ, cùng thời với dãy nhà ở của giám thị. Banh III lúc đầu là nơi tạm giam tù nhân mới ở đất liền đưa ra đảo, họ bị nhốt ở đây 8 ngày, sau đó mới phân đi các banh khác, hoặc là giam ở đây. Làm như vậy cốt để những tin tức do tù từ đất liền đưa ra, sợ ảnh hưởng đến tù cũ. Sau này Banh III dùng làm nơi giam những người tù chính trị được hệt vào hạng “nguy hiểm” và “bất trị” vì can tội âm mưu phá rối trị an. Banh III có 3 dãy khám, chia thành 2 khu tách biệt. Nhìn từ cổng chính vào, dãy bên trái và dãy bên phải, hợp với khu bếp cuối sân thành hình chữ U. Sau dãy khám bên phải, cách một bức tường ngăn là khu biệt giam của Banh III.

Banh phụ của Banh III: Banh này xây năm 1941 để chứa tù bị bắt trong cuộc khủng bố trắng sau khi chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, nhất là sau Nam Kỳ khởi nghĩa. Đây là một trại nhỏ có hai dãy khám giam. .

Các sở tù¹

Từ khi thành lập đến trước ngày bị Nhật đảo chính (9-3-1945), bọn Pháp đã lập ở Côn Đảo nhiều sở tù (còn gọi là những sở chuyên môn) để khai thác sức lao động khổ sai của người tù trong việc canh tác đất đai, khai thác tài nguyên rừng và biển ở hải đảo. Không những tù thường phạm mà khi cần thiết Quản đốc nhà tù cũng đưa cả tù chính trị ra làm ở các sở, miễn là họ có sức lao động, có tay nghề và được bọn cai ngục nhận xét là tốt. Nhất

là trong những năm đại chiến thế giới lần thứ II, máy bay phe Đồng Minh thường xuyên đánh phá tuyến giao thông trên biển nối liền Côn Đảo với Sài Gòn khiến cho việc tiếp tế ra đảo bị khó khăn. Đứng đầu những sở lớn thường là một giám thị người Pháp hoặc người có quốc tịch Pháp, dưới quyền chúng là một số giám thị người Việt và cặp rảnh (cai tù).

Để có thể hình dung cơ cấu nhân sự của những sở này, có thể lấy Sở rẫy An Hải làm thí dụ .

Dưới đây là những sở chính của Nhà tù Côn Đảo:

Sở rẫy An Hải - An Hội: Sở này được thiết lập ở làng An Hải, một trong ba làng cổ nhất ở Côn Đảo (An Hải, An Hội và Cỏ Ống). Theo con số năm 1936, ở đây cả thảy có 50 người, không kể chủ sở, bao gồm: 3 cặp rảnh; 2 đầu bếp; 2 thường trực ban đêm; 4 phu quét đường; 4 phu đổ thùng; 2 phu san, cào phân; một phu đánh xe bò; một người trồng rau; một người giữ vườn chuối; một người loong toong (planton); một người bồi, 2 người giữ vườn dứa; 25 người tạp dịch.

Sở rẫy An Hải - An Hội chuyên trồng dứa, mít, vú sữa, măng cầu. Tù khổ sai ở đây có thể tự cất chòi riêng để ở hàng ngày tập trung làm khổ dịch dưới quyền của giám thị người Việt.

Sở đá : ở dưới chân Núi Chúa chuyên việc bần mìn phá đá. Những khối đá hoa cương dùng để ộp con đường phía trước thị trấn Côn Đảo, xây cầu tàu Côn Đảo, xây móng nhà, tường nhà và các bức tường bao quanh các banh... đều do sở này cung cấp.

Sở Tiêu: là nơi chuyên trồng hồ tiêu và những loại cây ăn quả như mít, dứa. . . Tù nhân làm khổ sai ở đây thường bị chết nhiều vì sốt rét.

Sở Củi - Chuồng Bò: sở này có hai loại việc: chăn nuôi (bò, lợn) để cung cấp thịt và sữa cho bọn cai ngục và và cung cấp 4 loại củi cho cả Côn Đảo (củi nhà đèn, củi hầm than, củi hầm vôi, củi banh). Việc đốn củi vô cùng nặng nhọc, dễ xảy ra chết người, tù nhân bị hành hạ như một bầy súc vật. Nhiều người tù tự chặt vào chân tay mình gây thương tật để khỏi bị làm khổ sai ở sở này.

Sở kéo cây: không có sở cứ nhất định, tù nhân khổ sai phải khai thác gỗ đóng bè chở về làm vật liệu xây dựng. Công việc nặng nhọc, tù dễ chết vì tai nạn và do làm việc quá sức.

Sở Đất Dốc: chuyên trồng cây ăn quả và chăn nuôi gà vịt.

Sở Cỏ Ống: cách Banh I chừng 12km, là một sở trồng trọt lớn, có khi tập trung đến 200 - 300 tù khổ sai để trồng lúa, dưa, rau cải, chuối, mít, dứa, đu đủ. Từ nửa đêm tù nhân Sở Cỏ ống đã phải đưa rau quả về thị trấn để tiếp tế cho các viên chức và các công sở trên đảo. Cỏ Ống cũng nổi tiếng là nơi nước độc, tù nhân bị bệnh, chết nhiều.

Sở Lò Vôi: chuyên nung san hô thành vôi cung cấp cho toàn đảo. Ở đây có 4 đến 5 người tù trông coi việc đốt lò San hô do kíp san hô ở sở Chi Tôn khai thác và cung cấp.

Sở Bông Hường: ở chân Núi Chúa, trồng cây ăn quả và các loại rau. Tù án lưu (relégués) tập trung ở sở này.

Sở Hòa Ni: tù nhân khổ sai phải trồng thứ nghiệm cây vang (vamllier).

Sở Ông Đụng: ở sườn phía tây bắc của Núi Chúa, trồng khoai lang, thuốc lá, khoai môn, bí đỏ, bí đao, cà và mướp.

Sở Muối: ở làng An Hội, làm muối cung cấp cho toàn đảo. Đây cũng là nơi tập trung tù án lưu, có khi đến 600 người.

Sở Bản Chế: ở ngay trung tâm thị trấn Côn Đảo, gần nhà tên chúa ngục. Xưa kia chuyên để làm nơi giam giữ tù, nhưng sau chuyển thành khu xưởng thủ công, mỹ nghệ (làm đôi mồi, cần ốc...) do tù khổ sai có tay nghề làm nộp cho nhà tù. Ở đây còn có xưởng cơ khí sửa chữa nhỏ và giếng nước ngọt được bơm lên cung cấp cho các bếp, các sở.

Sở Lưới: ở ngay trước dinh Quản đốc, tù ở sở này phải đan lưới, đóng ghe thuyền, đánh cá để cung cấp cá tươi cho viên chức các sở hành chánh trên đảo. Theo quy chế năm 1889, sở này do một giám thị người Pháp đứng đầu, dưới có một giám thị Ta-gan và ba giám thị người Việt trông coi. Số tù làm việc ở đây có tới 60 - 70 người. Nhà tù được quyền đánh cá trong phạm vi 3 hải lý quanh đảo. Việc đánh cá và tổ chức thuyền bè được tổ

chức rất cẩn mật. Thuyền đỗ ở bến đều có xích sắt khóa vào bờ. Sở Lưới có một sà lúp, một thuyền máy nhỏ của viên Quản đốc, một thuyền nhỏ cho Sở dây thép, 2 thuyền để chuyên chở tiếp tế cho Hải Đăng ở Hòn Bảy Cạnh, Hòn Cau và liên lạc với Sở Cỏ ống, 3 sà lan và 2 thuyền đánh cá. Chiếc thuyền đánh cá mập cũng do sở này quản lý.

Sở rẫy Ông Lớn : Quản đốc nhà tù có khu vườn rất rộng trồng cây ăn quả, trong tay nó có chừng 50 người tù trông coi khu vườn này. Trong tư dinh Quản đốc có bể nuôi vích, đồi mồi.

Trên đây chỉ kể một số sở lao động khổ sai có tù nhân làm việc, chưa nói đến những công sở như: Sở dây thép, Sở dây thép gió, Nhà thương Côn Đảo, Sở Kho bạc , Sở Cò . . .

Các chủ sở tù có đời sống cao, có quyền thế như những tên lãnh chúa, họp thành một lớp người được ưu đãi ở Côn Đảo. Phần lớn tù nhân ra làm ở các sở ngoài đều bị giam ở trong các trại ở ngay tại sở. Những tù nhân làm ở các sở gần trung tâm thị trấn thì ở trong các khám giam Banh I, ngày hai buổi đi làm, trưa và tối trở về khám giam. Trong Banh I, những người làm khổ sai tập trung ở Chi Tồn phải làm những khổ dịch nặng nề, cực nhọc nhất như xe củi, đập đá, kéo dây, lấy san hô. Họ bị giam trong các khám số 6, 7, 8, 9, 10 thuộc dãy khám bên trái.

Tổ chức điều hành Nhà tù Côn Đảo

Dưới thời Pháp thuộc, Côn Đảo là một đơn vị hành chính ngang cấp quận, đặc điểm nổi bật nhất là ở đây chỉ có tù, không có dân. Bộ máy hành chính và bộ máy cai quản nhà tù trên đảo thống nhất làm một. Đứng đầu bộ máy ấy là viên Quản đốc nhà tù Côn Đảo cũng là quan chức hành chính cao nhất của quần đảo trong chức danh Quản đốc quần đảo và Nhà tù Côn Lôn, thường giao cho một sĩ quan cấp trung úy trở lên, nếu thuộc ngạch cai trị thì cũng tương đương với chức tham biện.

Ngay từ thời Bông làm Thống đốc Nam Kỳ, Quản đốc nhà tù Rút xen cũng là một thanh tra bản xứ vụ có quyền duyệt xét toàn bộ các vấn đề thuộc nhà tù và phụ trách tất cả quan lại cũng như quân lính triều đình Huế còn ở Côn Đảo. Quản đốc quần đảo và nhà tù nắm trong tay trọn quyền hành chính trên toàn quần đảo lại vừa là chánh án tòa án tiểu hình, có thể xử tội nhân thêm một án đến 5 năm tù nữa.

Quản đốc có quyền đối với các thuộc viên và toàn thể tù nhân trên đảo, có nhiệm vụ trừng phạt và tổng giam các viên chức làm việc tắc trách, nếu cần sẽ đệ trình lên Giám đốc Nội chính để tăng thêm hình phạt đối với họ; ngoài ra còn ấn định các biện pháp đối với tù nhân. Quản đốc còn “đích thân trông coi việc làm của tù nhân”, “chịu trách nhiệm về những biện pháp cần thiết để bảo đảm an ninh các trại giam và đưa tù nhân vào vòng kỷ luật”! (Quy chế Nhà tù Côn Đảo năm 1873, từ điều 1 - 5).

Ở Côn Đảo, Quản đốc thực sự là “Chúa đảo” nắm toàn bộ quyền sinh, quyền sát trong tay. Tù nhân phải gọi Quản đốc nhà tù là “ông Lớn”, gọi nhà Quản đốc là “Dinh ông Lớn”, khu vườn cây của hắn là “Sở rẫy ông Lớn”.

Nhân vật quan trọng thứ hai, có quyền thay thế Quản đốc khi vắng mặt là viên Lục sự kế toán (agent comptable), theo quy chế nhà tù, có nhiệm vụ kế toán tổng quát, kế toán vật tư, giữ ngân sách trại giam. Ở Côn Đảo, viên lục

sự này được gọi là “ông kho bạc” vừa là chủ sự kho bạc vừa là trưởng phòng lục sự của Côn Đảo. Chức vụ này ngang hàng với Xếp chánh (Giám thị trưởng).

Dưới quyền Quản đốc, có một số người đứng đầu các cơ quan hành chánh như cò cảnh sát, xếp nhà đèn (nhà máy điện), chủ Sở dây thép gió, chủ Sở lục lộ, đốc công coi Sở sà lúp, chủ sự hợp tác xã tiêu thụ Côn Đảo, giáo viên trường tiểu học trẻ con Tây, giáo viên trường tiểu học Việt. Côn Đảo không có Sở mật thám, thay vào đó là Sở truy tầm, do một gác dang người Pháp cầm đầu. Nhân viên sở này ăn mặc như lính nhưng đi đất và mang mã tấu, họ được tuyển trong số tù hình sự ác ôn nhất.

Trong ngạch đề lao cai quản nhà tù thì Giám thị trưởng (thường gọi là Xếp chánh) là nhân vật quyền uy thứ hai sau Quản đốc. Xếp chánh nắm trọn quyền cai quản tù nhân về mặt an ninh trong các trại giam, điều phối lao động khổ sai cho các sở tù và đích thân điều khiển công việc khổ sai của tù nhân hằng ngày, trực tiếp chỉ huy các gác dang người âu cũng như các giám thị người Việt.

Theo quy chế nhà tù, Xếp chánh có nhiệm vụ báo cáo tình hình tổng quát của nhà tù về các mặt công việc, kỷ luật, tình hình sức khỏe của tù nhân; cai quản trực tiếp các giám thị người âu và ma tà, điểm danh họ hàng ngày; mỗi tuần một lần khám vũ khí, đạ được để báo cáo với Quản đốc về tình trạng, nguyên nhân hao hụt; đêm phải đi tuần trong các banh một lần, giữ tất cả các chìa khóa phòng giam do giám thị trực chuyển giao; thay mặt Quản đốc giải quyết những việc lặt vặt liên quan đến trật tự và vệ sinh trại giam; xem xét số lượng, chất lượng thực phẩm phân phát cho tù nhân; đích thân trông coi tình trạng cửa ngõ và chấn song sắt các banh và phải chịu trách nhiệm bảo đảm các ghe thuyền đậu trên bến khỏi bị tù lấy cắp để vượt đảo.

Là nhân vật quan trọng thứ hai trên đảo, Xếp chánh có đời sống vật chất rất đầy đủ, không thua kém gì ông Lớn.

Giám thị người Âu ở Côn Đảo có ưu thế rõ ràng hơn giám thị người Việt, họ được giao giữ chìa khóa các khám, các banh, được trang bị súng ngắn và

súng trường, lưỡi lê và kiếm. Giám thị người Việt không được giữ chìa khóa, muốn mở cửa khám nào thì phải hỏi giám thị người Âu, dùng xong phải trao trả ngay, sau khi khóa cửa, giám thị người Âu lại đích thân kiểm tra lại. Nhà ở cũng riêng biệt. Giám thị người Âu có quyền khám xét tất cả mọi thứ mang vào khám, hoặc mang ra khỏi banh, dù là do ma tà đem. Họ làm nhiệm vụ tuần phòng trong banh, theo quy định chỉ ban đêm đi tuần mới được mang súng. Họ phải chịu bồi hoàn những tổn thất do tù nhân gây ra nếu như họ trông thấy mà không báo với Giám thị trưởng. Ở Côn Đảo có chừng trên dưới 40 giám thị người Âu hoặc người gốc các nước khác nhưng có vào làng Tây, tù nhân gọi họ là “gác dang” (gardien).

Ma tà (giám thị người Việt) dưới quyền của giám thị người Âu, chịu trách nhiệm dẫn tù đi làm, đưa về banh, chịu trách nhiệm về công việc khổ sai của tù. Quy chế nhà tù ghi rõ : “phải cứng rắn với đám tù nhân và không được giao dịch với họ”. Ma tà được ở ngoài banh với gia đình, chỉ được phép vắng mặt nếu được Quản đốc hay Giám thị trưởng cho phép. Số lượng ma tà làm việc trong ngày do Quản đốc ấn định căn cứ báo cáo của Xếp chánh. Họ phải báo cáo rõ với Xếp chánh về tình hình thực hiện công việc, tình hình kỷ luật của đám tù nhân. Hằng ngày được lãnh khẩu phần, gồm 1 kg gạo trắng, 250 gam cá khô hoặc 400 gam cá tươi nếu có, một năm được 2 chiếc chiếu.

Nhân viên Nhà tù Côn Đảo là lực lượng đàn áp được bọn thực dân tin cậy, tuyển chọn trong đám binh lính và sĩ quan đã mãn hạn, phần lớn là những tên hung ác, tàn bạo, nham hiểm và quỷ quyệt, chúng không hề chùn tay trước một tội ác nào. Theo quy chế nhà tù, chỉ có Thống đốc Nam Kỳ mới được quyền cách chức chúng, luật pháp và báo chí thực dân hết lòng bảo vệ những hành vi man rợ của chúng đối với tù nhân.

Với hệ thống trại giam kiên cố, canh gác cẩn mật, trên một hải đảo trợ trợ giữa biển khơi sóng dữ, với chế độ tù đầy man rợ , những thủ đoạn giết tù tinh vi , thâm hiểm, với bọn quản ngục khát máu, không còn tính người . . . Nhà tù Côn Đảo thật sự là “một lò sát sinh khổng lồ” mà thực dân Pháp đã xây nên nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng nước ta.

Trong những năm tháng dưới ách nô lệ, biết bao người Việt Nam yêu nước đã bị lừa vào lò sát sinh này. Chân xiềng, tay xích, trần trụi giữa bầy sói, họ đã hiên ngang chấp nhận cuộc chiến đấu không cân sức với kẻ thù bằng tấm lòng “trung với nước, hiếu với dân”, bằng ý chí kiên cường “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Và cuối cùng họ đã chiến thắng.

Những hình thức đàn áp người tù

Tù nhân Côn Đảo bị kê những loại án sau đây: án cấm cố, án phát lưu, án phóng trục, án khổ sai, án giam, án lưu. Những người tù chính trị thì bị nêu kê ba loại án: cấm cố, phát lưu và phóng trục. Án khổ sai và án giam là chung cho tù chính trị và thường phạm. Án lưu dành riêng cho tù thường phạm.

Án khổ sai chia ra hai loại; khổ sai chung thân (hạn tù 32 năm) và khổ sai có thời hạn 5 năm, 7 năm, 10 năm và 20 năm. Trên thẻ bài của tù khổ sai chung thân có ghi thêm chữ P. P. (à perpétuité).

Án phát thường gọi là “đi đày”, cũng có loại phát lưu chung thân và phát lưu có thời hạn. Trước năm 1930, có loại phát lưu người tù bị nhốt trong banh không được ra ngoài và có loại phát thường, tù nhân được ra làm ở ngoài banh. Nhưng sau này bọn Pháp bỏ sự phân biệt đó.

Án cấm cố: chỉ tù chính trị mới bị kê loại án này. Án cấm cố cũng chia ra hai loại: cấm cố chung thân và cấm cố có thời hạn 10 năm hay 20 năm.

Án phóng trục là cho người bị kê án đi ở một nơi khác sinh sống, làm ăn nhưng chịu sự kiểm soát của quan cai trị địa phương, có thể mang theo gia đình. Ví dụ trường hợp cụ Lương Văn Can, bị phóng trục sang Campuchia sau khi phong trào Đông kinh nghĩa thực bị đàn áp.

Tùy theo tội nặng nhẹ vi phạm trong nhà tù, người tù chính trị có thể còn bị cấm cố hàm hay là cấm cố xà lim. ..

Án lưu là loại án của tù thường phạm.

Từ khi thành lập cho đến hết chiến tranh thế giới lần thứ I, tù thường và tù chính trị ở Côn Đảo đều bị giam chung, không có sự phân biệt. Lớp tù “quốc sự phạm” đầu tiên ra đảo là Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế... phải đấu tranh mãi, bọn Pháp mới chịu giam riêng ở khám B (gồm khám 6 và 7 của Banh I). Đến năm 1916, theo quy chế mới của nhà tù, mới có sự phân loại tù, nhưng lại theo tiêu chuẩn

riêng. Người tù được chia thành 3 hạng, căn cứ vào tình trạng tội phạm nặng hay nhẹ, hạnh kiểm xấu hay tốt, làm khổ sai chăm hay nhác, do giám thị đánh giá.

Hạng I gồm tù nhân được điểm tốt nhất. Tù nhân loại này có thể được ghi tên vào danh sách ân giảm, ân xá hoặc được phóng thích có điều kiện nhưng phải do thống đốc Nam Kỳ đề nghị lên thượng cấp xét duyệt. Loại tù này có thể được nhận làm “công nhân tư gia”, làm ở các văn phòng.

Hạng II gồm các tù nhân có thể được sử dụng vào việc khai thác thuộc địa và làm những việc công ích khác.

Hạng III là loại kém nhất, phải làm công việc khổ sai nặng nhọc nhất, khi cần thì nhốt riêng (biệt giam). Từ hạng III muốn lên được hạng II, người tù phải làm khổ sai ít nhất hai năm trong cấp phân loại ban đầu. Từ hạng II muốn được lên hạng I, nhất thiết phải trải qua thời gian khổ sai bằng nửa mức án. Với những người bị kê án khổ sai chung thân hoặc 20 năm khổ sai thì ít nhất phải trải qua 10 năm lao dịch rồi mới hy vọng được đề nghị.

Thăng hay giáng hạng tù phải do chính quyền cấp trung ương quyết định dựa vào đề nghị của Quản đốc nhà tù. Những tù nhân bị phạt nhốt hầm đều bị Quản đốc đánh sạt hạng.

Trên thực tế ở Côn Đảo, sự phân loại tù cơ bản nhất bao giờ cũng vẫn là sự phân biệt giữa tù chính trị và tù án thường.

Đem so sánh sự thật kinh khủng về đời sống tù nhân với những lời lẽ trong mấy bản quy chế (phần nói về tổ chức lao động khổ sai, nhiệm vụ của người tù), chúng ta dễ dàng nhận thấy những nhà làm luật thực dân ở Đông Dương trước kia quả là những người xuất sắc (!) Họ có biệt tài trang trí nơi để máy chém thành một vườn hoa tươi đẹp!

Lời lẽ ở đây thật là dễ nghe, nào là người tù nhân phải tuân lệnh Quản đốc và các giám thị, phải giữ gìn sạch sẽ sân chơi, chỗ ngủ, nhà bếp, không được ăn trầu, không hút thuốc trong khám, không được vẽ bậy lên tường, cấm làm ồn, cấm hút thuốc phiện trong khám... Nhưng trên thực tế, để dập

tất những hình thức đấu tranh tập thể của người tù, quy chế Nhà tù Côn Đảo 1873 chỉ cần ghi: “Tuyệt đối cấm nói chuyện ồn ào, những cuộc hội họp, những lời thỉnh nguyện hay yêu cầu tập thể”.

Để vất kiệt sức lao động của người tù, quy chế ghi rõ: “Về vấn đề tổ chức công việc làm cho tù nhân thì công việc phải được phân phối sao cho không để một người tù nào rảnh rỗi”.

Mọi quyền hành ở Nhà tù Côn Đảo đã trọn quyền ủy thác cho Quản đốc, “ông Lớn muốn làm gì thì làm, chỉ cần ngài có báo cáo về Sài Gòn là được. Quy chế nhà tù đã khẳng định điều ấy: ‘(Nếu xét cần trong việc duy trì trật tự, an ninh và vệ sinh thì những biện pháp thích hợp sẽ được áp dụng do lệnh của Quản đốc, miễn là Quản đốc có tường trình lên ngài Giám đốc Nội vụ ở Phủ Thống đốc’”. Thân phận người tù Côn Đảo gần như tuyệt vọng:

“Côn Lôn đi dễ khó về.

Sống nương Núi Chúa, thác về Hàng Keo”.

Khó về vì Nhà ngục Côn Đảo có quá nhiều những biện pháp giết dần giết mòn người tù: ăn không đủ sống, ở không đủ chỗ, thở không đủ không khí, tắm không đủ nước, ốm không đủ thuốc men, mặc không đủ quần áo, rét không đủ chiếu, làm không kịp thở, chết không quan tài, không bia mộ... Trong khi đó ở Côn Đảo lại quá thừa xiềng gông, roi vọt, xà lim, hầm tối; thừa cai ngục tàn bạo, trắng trợn, ngu xuẩn, tham lam; thừa mảnh khóc bịp bợm để đàn áp, lừa mị.

Tổ quốc đã mất độc lập tự do, người dân bị bức vào con đường chết. Cái chết ở Nhà tù Côn Đảo được bọn thực dân tổ chức như thế nào? Cái lò sát sinh này đã ngốn hàng vạn con người bằng cách nào? Để làm sáng tỏ phần nào vấn đề ở đây chúng ta xem xét trên những nét đại cương nhất của chế độ Nhà tù Côn Đảo đối với đời sống người tù.

Côn Đảo là nơi tập trung tù án nặng từ các nhà lao khác đưa về đây biệt xứ, những người đứng đầu các phong trào, các đảng phái chính trị, những đồng chí lãnh đạo Trung ương và địa phương của Đảng Cộng sản Việt Nam, tức là những người mà địch liệt vào loại “nguy hiểm” bậc nhất đối

với nền thống trị của chúng ở Đông Dương. Cho nên chế độ Nhà tù Côn Đảo cũng khắc nghiệt vào bậc nhất.

Chế độ ăn uống, mặc, ở

Chế độ ăn uống ở Nhà tù Côn Đảo vô cùng thiếu thốn, khổ cực. Theo quy chế, hằng ngày tù nhân được ăn 0,750 kg gạo; 0,250 kg cá; 0,020 kg mỡ; 0,010 kg muối, nhưng thực tế, bọn chủ thầu đã thông đồng với bọn chúa đảo, cai ngục bớt xén phần lớn. Chúng cho tù ăn cơm gạo lức hẩm lẫn trấu, thóc, cát sạn, mảnh sành... đến nỗi tù phải đổ nước cho trấu nổi lên, cát sạn lắng xuống, rồi gạn lấy cơm mà ăn. Vậy mà ăn cũng không đủ cầm hơi.

Trong những năm 1943-1944, máy bay Đồng Minh phong tỏa đường biển giữa Sài Gòn và Côn Đảo, khẩu phần ăn của tù nhân rồi ngày được một bát rưỡi cơm phải giảm xuống còn một bát. Ngay cả những lúc tiếp tế dễ dàng như những năm 1934-1936, suất ăn của tù nhân cũng không bao giờ đủ.

Kíp đốn gỗ phải làm việc cực nhọc thế mà người tù vẫn phải “đi bới củ rẫy, củ nửa rừng trộn vào cơm ăn cho đầy dạ dày để có sức làm việc”. Cá khô là thức ăn chính của người tù nhưng lại toàn là thứ cá vụn, cá cơm, cá sặt, cá thác lác, vừa bé, vừa lắm xương, lại có mùi dầu rất khó ngửi. Đó là loại cá vừa đen, vừa đắng dùng làm phân bón mà bọn chủ thầu mua tranh với bọn chủ ruộng để làm thức ăn cho người tù. Nguyễn An Ninh gọi đó là “Vitamin Đ.A.” (Đ là đắng, A là amer tiếng Pháp cũng có nghĩa là đắng).

Huỳnh Thúc Kháng cũng có bài thơ ngắn tả mâm cơm tù Côn Đảo hồi những năm đầu thế kỷ:

Cá khô mặn như muối

Cơm lức đen như sắt

Bảy người chung một mâm

Ngồi lết cứ xức gắt.

(Thi tù tùng thoại)

Có điều trong bài thư không nói đến ruồi. Ruồi đậu vào mâm cơm nhiều đến mức người tù gọi “cơm xôi đỗ” Đó là nguyên nhân cái chết vì bệnh kiết lỵ của cả ngàn tù chính trị trong những năm 1940-1944. Khẩu phần rau còn đáng sợ hơn nữa, khi là những thân cây chuối dại thái to, khi là rau sam, rau càng cua, rau dền dại, tất cả các loại rau này đều hái trên núi, khi thì rau khoai lang vừa già vừa xơ, nhai mãi cũng không nổi.

Một nhà báo không ít cảm tình đối với chế độ tù đầy của Nhà tù Côn Đảo cũng phải ghi nhận: “Điểm đen trong vấn đề thực phẩm là rau cung cấp còn kém. Về nguyên tắc cứ 14 ngày mới có một chuyến tàu thủy liên lạc với đất liền. Nhưng đôi khi do chủ hãng thất tín, tàu không ra đúng hạn và nhà tù có lúc phải 4-5 tuần liền không được ăn rau tươi”. Trong điều kiện đó, không thể nào có được bầu, bí, dưa chuột, khoai, đậu, cà chua, xà lách từ Sài Gòn gửi ra, người ta dành phần cho tù nhân ăn mỏng tươi dại, rau chuối, khiến cho các ông tù chính trị nổi giận, làm đơn khiếu nại luôn”.

Có lẽ nhà báo muốn nói đến việc cung cấp rau tươi cho mấy ông Tây gác đề lao, từ Sài Gòn chở ra! Rau tươi cho người tù là cỏ màn trâu, búp bàng quơ vôi trên đường đi lao dịch mặc cho roi vọt của cai ngục giáng xuống đầu. Nước mắt tất nhiên là loại tồi: muối pha nước lã đến 70% , người mù đến lộn mửa. . . Quanh năm giống như nông dân Pháp thời Trung cổ, tù nhân chỉ được nếm thịt có hai lần, đó là vào dịp Tết và 14 tháng 7.

Sở dĩ chúng ta dừng lại tí mĩ một chút về việc ăn vì đó là nguồn sống duy nhất để người tù bù đắp sức lao động khổ dịch hằng ngày phải đổ ra. Mức lao động của họ ít nhất phải gấp 3 lần người bình thường. Và chẳng trong sách báo chính thức của thực dân, chúng ta gặp không ít những nhận định, đánh giá “khách quan và vô tư, của những người có thẩm quyền nhất.

Bác sĩ Nhà tù Côn Đảo, đại úy Cuốcduyriê, phụ trách y tế ở đảo từ 1937 đến 1938 đã nói:

– Lượng calo trong khẩu phần tù nhân còn cao hơn khẩu phần của người lính Việt Nam cơ đấy!

Quản đốc Nhà tù Côn Đảo thì nói:

– Các tù nhân mới đến, cứ ba không cân một lần thì thấy trọng lượng của họ tăng từ 5-6%. Có một tên tù tăng đến 14 kg!

Chúng ta đều biết “ông Lớn” Buvie không hề có ý định khôi hài khi trả lời một nhà báo khả kính. Những điều khẳng định của những nhân vật có thẩm quyền nhất trên đảo đã khiến cho ông Đơmariô (Demariaux) hoàn toàn yên tâm hạ bút:

“Vấn đề thực phẩm cho tù nhân đã được thực hiện một cách tiến bộ. Công lao đáng ghi cho ông Pagie Thống đốc Nam Kỳ. Đây là khẩu phần hằng ngày: 800 gam gạo, 200 gam cá khô; 3 gam trà; 20 gam mỡ, 50 gam nước nắm; 150 gam rau.

Ngoài ra, còn 400 gam thịt mỗi tuần lễ, và thỉnh thoảng khi câu được cá tươi, bắt được vich thì tù nhân được ăn tươi thêm, mà Nhà nước cũng không tốn phí gì. Tù chính trị được uống trà Huế, thơm hơn các loại trà khác, được ăn nước mắm đóng trong chai chứ không phải nước mắm ca vò như ngày trước.

Cơm được xới vào bát ăn chứ không phải nắm riêng thành từng nắm như trước. Bát cháo ăn sáng của họ bây giờ cũng thật tinh tươm”.

Ăn theo thực đơn của Thống đốc Pagie thì làm gì mà tù nhân Côn Đảo không tăng trọng như “ông Lớn” Buvie nói. Vậy mà tù chính trị vẫn “không biết điều”, họ vẫn yêu cầu kiểm tra việc cân đong thức ăn. Những việc này tuyệt đối cấm vì như nhà báo giải thích, “để họ tham gia kiểm soát cân đong như thế thì cuộc sống ở Banh II sẽ có vẻ như lối sống Xô viết mất?!”.

Ở Nhà tù Côn Đảo cơm bao giờ cũng thiếu, thức ăn không bao giờ đủ, nhưng lừa cho được miếng cơm vào miệng cũng không dễ. Những ai nuốt không nhanh là không kịp ăn hết suất cơm của mình. Thế là họ vội vàng gói cơm vào khăn đem theo. Nhưng coi chừng! ăn rồi, trước lúc vào khám lại phải cởi cả quần áo để gác ngục khám xét. Đôi khi họ mang được trót lọt, nhưng không phải là hiếm khi bọn gác ngục phát hiện ra và họ bị phạt rất nặng. Những tên Đờrốtơ (Deroch), Títne (Tisné), Musado

(Mouchador), Philông (Philon), đội Thanh, đội Trà, ma tà số 39 nổi tiếng khắt khe về vấn đề này.

Mỗi năm, cứ đến ngày 14 tháng 7, ngày Quốc khánh Pháp và ngày Tết, tù được phát một bộ quần áo xanh vải Nam Định, quần chỉ quá đầu gối, áo ngắn mặc hở cả bụng, khâu dối chưa mặc đã tuột chỉ. Quần áo không đủ, độc một bộ như thế làm sao đủ mặc trong 6 tháng. Lao động khổ sai suốt ngày, người đầy bụi bặm đất cát nhưng không được tắm rửa. Một tuần hai lần, người tù được tắm không quá 15 phút.. Họ phải ngồi xếp hàng rồi cho nước xối qua một lượt, kỳ cọ rồi lại xối một lượt nữa, chưa hết bọt xà phòng cũng mặc, vào chậm là ăn độn. Mọi yêu sách về điểm này đều được trả lời bằng hình phạt nhốt hầm tối, cùm, xiềng. Ghẻ lở là điều khó tránh khỏi.

Các khám giam đều giống nhau ở chỗ chật chội, thiếu ánh sáng và không khí. Những khám ở Banh III lại còn hẹp hơn, chứa được từ 40 đến 50 người tù, nhưng chúng thường nhốt đến 80 có khi hơn 100 người. Sau trận bão cuối năm 1930, nhiều banh bị tốc mái, người tù ở ngay trong nhà mà hàng tháng phải chịu đựng cảnh màn trời chiếu đất. Đấu tranh mãi, bọn gác ngục mới chịu để anh em cắt cỏ tranh về lợp. Lúc đó tù phải dồn lại, nằm ép vào nhau mới đủ chỗ.

Trong những năm từ 1936 đến 1939, số đông tù chính trị được thả, nhà tù có rộng ra đôi chút. Nhưng lại tiếp liền đến thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ II, địch ra tay khủng bố, nhất là sau Nam Kỳ khởi nghĩa, mỗi khám nhốt đến hơn 200 người, nằm như nêm cối, phải “xếp thìa” mới tạm có chỗ nghỉ ngơi.

Dựa theo 4 bức tường khám là 4 sạp dài bằng xi măng, 3 cái liền nhau hợp thành hình chữ U, có khám sạp không liền, tùy theo vị trí của cửa “rôn” và cửa cầu tiêu. Sạp được dùng làm chỗ ngủ cho người tù, đầu quay vào tường, phía chân có còng sắt gắn liền với bệ sạp. Đối diện với cửa “rôn” là cầu tiêu, xây lợp ở đằng sau khám. Cầu tiêu có khe nhỏ, gió lọt vào mát, thoáng khí hơn chỗ khác. Nhiều khi nóng bức quá, anh em tù hay vào đó hóng gió, hít thở tuy chẳng có nhu cầu đi tiêu.

Do chật chội như vậy, tù nhân phải tự thu xếp với nhau mới đủ chỗ nằm nhất là phải tổ chức thay nhau đổi chỗ nằm, luân phiên nhau cùng “hưởng” không khí ở những nơi gần cửa “rôn” hay cửa cầu tiêu. Khi khám giam quá đông, người tù phải luân phiên nhau cho số này nằm, số kia ngồi. Những người ốm yếu mới được “ưu tiên” chỗ nằm. Tuy vậy, vẫn có một số phải nằm phía gần sát cầu tiêu hôi thối, dòi bọ bò cả người, lên mặt, lúc trở mình dòi bọ lép nhép dưới lưng.

Trong khám giam không khí vừa thiếu vừa ngột ngạt. Mấy khe cửa sổ hẹp ở trên đầu tường tiếp giáp với mái nhà, bọn cai ngục còn bịt kín bằng những miếng tôn trổ những lỗ nhỏ như đầu đinh. Không ít người bị cùm và nhốt hầm vì đấu tranh đòi gỡ mấy miếng tôn đó.

Cả ngày bị nhốt trong khám giam, người tù chỉ được ra sân trong giờ ăn cơm, mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 10 phút và mỗi ngày 2 lần tù cấm cố được phép ra ngoài sân độ 45 phút. Thời gian đó chỉ đủ hít thở không khí mà thôi.

Từ năm 1935 đến năm 1939, do đấu tranh mạnh, thời gian cho tù ra sân được tăng thêm, được xuống hẳn sân chứ không chỉ quanh quẩn trong dãy hiên. Hạnh phúc biết bao khi thấy khoảng trời xanh qua tán lá bàng; khi nhìn những vệt nắng ấm áp lay động trên ngực, trên lưng mình, lưng bạn; khi được hít căng không khí trong lành.

Lao động khổ sai

Mỗi suất làm khổ sai ngoài đảo nhiều gấp 3, gấp 4 mức lao động bình thường. Làm khổ sai ở sở nào cũng có thể chết người vì mức lao động quá cao, vì công việc làm nguy hiểm, an toàn lao động không có, vì điều kiện lao động khắc nghiệt, không đủ cả công cụ thô sơ, vì sơn lam chướng khí, vì đòn roi hiểm ác của cai ngục. Người tù có khi chết vì sơ ý, tạo thời cơ cho cai ngục lĩnh thưởng¹. Khủng khiếp nhất là làm khổ sai ở Sở Cui và Sở Chi Tồ ri .

Sở Cui nằm ngay tại cơ sở chăn nuôi của nhà tù do xếp Chuồng Bò điều khiển. Sở Chuồng Bò có bộ phận tù chuyên chăm sóc đàn bò sữa, bò thịt và heo để cung cấp cho bọn gác ngục. Bộ phận Sở Cui thường xuyên có trên dưới 100 tù nhân. Họ có trách nhiệm đốn các loại củi về cung cấp cho nhu cầu toàn đảo.

Bọn chúa ngục dùng sở này để tiếp tục đày đọa những người vượt ngục không thoát, sau khi đã nếm đủ các ngón đòn ở Sở Truy tầm. Mãn hạn nhất hãm sau hai tháng, họ lại sống sót từ Hãm xay lúa trở về đây. Đến Chuồng Bò thì họ đã gần thành người tàn phế. Tù khổ sai ở Sở Cui - Chuồng Bò phải kiếm bốn loại củi trong một ngày.

Củi banh là loại củi thường, để nấu ăn cho tù trong các banh, loại củi này tương đối dễ kiếm. Củi lò vôi, lò gạch, lấy khá vất vả vì phải hạ những cây lớn, chặt ra từng khúc, có khi phải đánh cả những gốc cây to về nung vôi. Khổ nhất là kíp lấy củi nhà đèn và củi hãm than. Củi dùng làm nhiên liệu chạy máy phát điện cho toàn đảo thì phải chọn loại gỗ tốt, đường kính từ 20 cm trở lên, dài đúng một mét. Củi để hãm than cũng phải dùng gỗ tốt, đường kính từ 10 đến 15 cm.

Vì sợ tù trốn, bọn giám thị không dám cho tù đi đốn xa, chỉ có mấy khu rừng gần, đốn đi đốn lại mãi cũng hết gỗ. Để định mức củi hằng ngày, bọn

cai ngục cho mấy phạm nhân sức vóc cao lớn, khỏe mạnh, ăn no, uống đủ rồi khoán cho họ một ngày phải kiếm cho được hai thước củi.

Được bồi dưỡng trong cả tuần chỉ để làm trong một ngày, những người này lấy được đủ số lượng mà chúng khoán. Thế là định mức chung cho Sở Cui đã được định đoạt: trong tuần lễ đầu, những người mới làm phải nộp nửa thước, đến tuần thứ hai thì cứ một thước rưỡi mà nộp. Thiếu củi thì bị đánh ngay tại chỗ, trước mặt cả kíp.

Ăn uống kham khổ thiếu thốn, cây rừng đủ quy cách thì khan hiếm, đường dốc, mưa trơn, vất, muối đủ thứ. . . Nhưng bọn chúa ngục vẫn mặc kệ! Cứ phải đủ số lượng. Tuy đã làm việc cật lực, chân tay rã rời, kiệt sức mà vẫn không sao lấy đủ số củi hằng ngày, ít có người tù nào thoát khỏi roi vọt của gác dang, ma tà, cho nên họ đành phải bỏ trốn. Trốn không thoát lại bị phạt hầm, phạt xiềng, phạt ở Hầm xay lúa. Tuy vậy, vẫn có người tù khổ sai bị phạt đến lần thứ 20 vì đã bỏ trốn!

Không thể vin cơ ốm đau, bệnh hoạn để chuyển số. Có người đã phải tự chặt ngón chân, ngón tay, chịu năm hầm tối còng chân vì tội “tự hủy hoại thân thể” mới thoát khỏi khổ dịch ở Sở Cui.

Công việc khổ sai ở Chi Tồn bao gồm những công việc ở xung quanh thị trấn, nặng nhất là việc kiếm san hô. Trước năm 1930, kíp Chi Tồn ở trong các khám 2, 3, 4 thuộc dãy bên phải Banh I, phải làm những việc cực nhọc như: dọn tàu, xe gạch, củi, đá, làm đường, kiếm san hô. Rất nhiều tù chính trị bị kết án khổ sai cũng làm việc ở đây. Dưới sự điều khiển trực tiếp của xếp Banh I, còn có cả bày gacđăng, ma tà hung ác và có lính mang súng đi kèm ộp. Các kíp Chi Tồn thường bị đòn roi nhiều nhất.

Dọn tàu

Thông thường cứ cách hai tuần lại có một chuyến tàu chở thóc, cá khô và hàng hóa ra đảo. Kíp tù khổ sai ở Chi Tồn phải đưa khoảng 50 đến 60 người ra dọn tàu. Công việc nặng nhọc này đã được cụ Huỳnh Thúc Kháng nói đến trong bài thơ Dọn tàu:

Việc gì rất ghê người
Tàu chở hàng đã tới,
Sẽ rước trận đòn lớn,
Sắc mặt trắng như vôi!

Vịnh Côn Lôn cạn, tàu lớn không vào được thường phải từ Vịnh Cỏ Ống men theo lạch nước sát Hòn Bảy Cạnh tới đặng gần Đá Trắng, (nơi có một tảng đá lớn quét sơn trắng làm chuẩn cho tàu bè tới đặng). Muốn lấy hàng, phải đưa sà lan nhỏ ra đỡ hàng chuyển vào bờ làm nhiều chuyến. Kíp dọn tàu phải đưa hàng từ hầm tàu lên, chuyển qua sà lan, đưa vào bờ, bốc hàng chất lên bờ rồi lại từ đó chuyển vào kho.

Kíp dọn tàu phải khuôn vác từ sáng sớm đến chiều tối, đêm phải chong đèn làm, đến khi hết hàng mới được nghỉ. Những giỏ cá khô nặng 50 kg, những bao thóc nặng 60-70 kg đè nặng trên vai, trên lưng những thân tù gầy yếu, đi không vững. Nhiều người bước không nổi, ngã gục vào thành kè đá bao hàng đè sấp lên người. Chỉ chờ có thế, bọn cai ngục lập tức xúm lại quật gậy hèo vào đầu, vào lưng người tù. Đáng một thì chúng đánh mười, vì thường thường tên Quản đốc và Xếp chánh đều hay có mặt trong những buổi dọn tàu. Người tù chỉ còn cách thu hết sức lực còn lại vác cho được bao hàng bước đi cho thoát đòn.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng kể lại: “Lúc chúng tôi ra đảo có dọn tàu hai lần, rất là tê mê bải hoải, rước lấy vô số là roi! Đám “quan to” (tù thường phạm thường gọi các cụ văn thân - những ông tiến sĩ, ông nghè, ông cử... là bọn quan to - T.G) duy có hai ông Phong Thử và Ngô Xá là vác nổi bao lúa

nặng 60 hg, còn bao nhiêu đều quy liệt cả đến hai người cũng không rê nổi... có đánh cũng chỉ nằm quay ra đó mà chịu, không làm nổi việc!”. (Thi tù tùng thoại).

Đập đá, làm đường

Kíp tù khai thác đá hộc ở chân Núi Chúa phải lên núi khoan lỗ, nổ mìn, đập đá, khuôn đá, xếp lên xe đẩy về. Khi nổ mìn, mảnh đá văng lung tung, không mấy ngày không có người bị thương. Nạn sập đá xảy ra luôn, lớn nhất là vụ sập đá tháng 9 năm 1932 làm chết tại chỗ 5 người, trong đó có 3 người tù chính trị và làm bị thương nhiều khác.

Bọn coi tù phải điều động hàng trăm người ở những chỗ gần đó đến kích những tảng đá lớn để lấy xác hoặc moi những người bị thương ra. Cảnh tượng rất thương tâm: kẻ gãy tay, cụt chân, người vỡ đầu, phọt óc, lòi ruột gan ra ngoài, máu me bê bết.

Một tù nhân Côn Đảo thời kỳ 1939-1945 cho biết: khoảng trước chiến tranh thế giới, những người trong kíp đập đá Sở Chỉ Tồn còn thấy có một tấm bia dựng ở công trường đá Núi Chúa ghi lại một tai nạn sập đá: 19 người bị chết, 7 người bị thương nặng, 11 người bị thương nhẹ. Tù nhân Sở Chỉ Tồn đã tuyệt thực 5 ngày để phản đối chế độ khổ sai giết người và dựng bia kỷ niệm những người bị nạn, trừng phạt bọn cai tù ở công trường đập đá và cải thiện chế độ lao dịch quá nặng nề. Kíp chở đá còn khó nhọc hơn kíp chở củi, xe gạch. Đường xấu, xe đầy ắp, nặng lặc lè, làm rất cẩn thận mà có lúc xe cũng đổ, gây tai nạn.

Gần 50 km đường rải đá chạy từ Cỏ Ống đến quá Bến Đầm và các nhánh trong thị trấn Côn Đảo, chạy vòng phía trước Núi Chúa là mồ hôi nước mắt của tù khổ sai trong kíp làm đường. Hằng ngày họ phải gò lưng dưới nắng rất, chân đạp lên mặt đường trải đá dăm sắc cạnh, ra sức kéo trục hồ lô lăn đường nặng cả tấn.

Trong khi đó “bọn ngục tốt chực sẵn bên cạnh. Thấy ai hơi trễ nải một chút là múa hèo, múa gậy giáng xuống chan chát, không hề nói tay, mặc hệ cho tù bê đầu, gãy xương. Nhanh lên, mau lên! Làm hồi hả đi! Bả vai, chân

tay bị thương đau đớn mồ hôi ra như tắm ướt đẫm, thân lưng trần trụi trông rõ lằn ngang, lằn dọc dày đặc”¹.

Đó là tình cảnh những người tù khổ sai đang đổ sức ra để nối dài thêm từng tấc đường trên Hòn Côn Lôn dưới thời thuộc Pháp.

Đốn gỗ

Kíp tù khổ sai đốn gỗ có khoảng 70-80 người, họ phải lang thang khắp các cánh rừng ở Đá Trắng, Đất Dốc, Bãi Bàng, Bãi ông Cầu, Bãi ông Lân... để đốn gỗ về xây dựng nhà cửa và đóng đồ dùng cho bọn cai ngục. Họ phải làm quần quật từ 5 giờ sáng đến 5 giờ 30 tối, hạ những cây gỗ to, đường kính trên 80 cm, rồi cả bọn xúm lại kéo xuống bãi biển, kết bè chở về xưởng cưa trên đảo.

Kéo những cây gỗ lớn từ đỉnh núi xuống bãi biển là một công việc nặng nhọc và nguy hiểm, đòi hỏi phải có kỹ thuật. Nhiều người tù đã bị gỗ đè vỡ đầu, gãy chân. Khi con nước lên muộn, họ phải cột bè và chèo chống suốt đêm. Có lần, vào đêm 28 rạng ngày 29 tháng 7 năm 1931, một con sóng lớn xô bè gỗ đập vào một mỏm đá, vỡ tan. Kíp kéo gỗ may không ai bị chết. Tất cả mọi người đều ướt sũng nước biển, rét run. Vậy mà tên ma tà Trần Văn Giáp đánh họ một trận thừa sống thiếu chết, rồi lại xua họ vào rừng, bắt làm đủ một bè gỗ khác thay vào, không cho người tù ăn uống, nghỉ ngơi. Hai người bị phạt hầm tối và bị đánh đập tàn nhẫn.

Mỗi tháng kíp đốn gỗ phải cung nạp từ 3 đến 4 bè gỗ mỗi bè từ 30 đến 40 cây. Tháng 10 năm 1934, kíp đốn gỗ ở Bãi Bàng gồm 90 người thì đã có tới 20 người mắc bệnh sốt rét nặng, 10 khác bị phạt Hầm xay lúa vì tội đã liều mạng bỏ trốn nhưng bị bắt lại. Còn lại 60 người tù, nhưng họ vẫn phải làm số lượng công việc của 90 người như cũ. Thiếu gỗ là đòn roi, phạt hầm tối và xiềng, cùm.

Trước khi bị phạt vì không nộp đủ số gỗ như đã định, nhiều người tù khổ sai đã bỏ mạng vì bị gỗ đè và sốt rét ác tính.

Lấy san hô

Ngay từ khi có Nhà tù Côn Đảo thì tù khổ sai đã phải lấy san hô để nung vôi. Bãi san hô ở ngay trước Vịnh Côn Đảo. Còn san hô nổi lên từ bãi Lò Vôi chạy mãi đến gần Đá Trắng. Đó là nguồn nhiên liệu để nung vôi xây nhà giam và tất cả các kiến trúc khác trên đảo.

Kíp san hô có khoảng 80 đến 100 người tù khổ sai, làm việc theo con nước. Khi thủy triều rút, họ đem theo đòn xeo, choáng... và đẩy sà lan ra ngoài cồn san hô, cách bờ chừng 2 km. Nước chưa cạn hẳn, bọn gác ngục đã đẩy họ xuống, bắt ngụp lặn, đào bới, bẩy từng tảng san hô lên, rồi bửa nhỏ, chất thành đống. Khi nước lên trở lại, sẽ đưa sà lan tới, bốc lên chở về.

Mùa hè, nước lớn về đêm đến trưa hôm sau mới rút, kíp san hô phải đi làm từ 13 giờ đến nửa đêm. Mùa đông, nước lớn ban ngày, họ phải dầm mình xuống nước từ nửa đêm hôm trước đến trưa hôm sau. Da thịt người tù xám ngắt vì gió rét. Họ phải đi bộ từ Banh I đến Lò Vôi chừng 3 km, đẩy sà lan ra xa 2 đến 3 km nữa mới tới chỗ làm việc. Lấy đủ số san hô rồi lại phải chờ con nước lên, chất san hô lên sà lan chở về Lò Vôi. Giao nộp đủ rồi mới được về banh. Mỗi ngày làm khổ sai 12 tiếng, vừa đi vừa về mất thêm 3 tiếng nữa. Họ chỉ còn lại vài tiếng đồng hồ để trút nổi cực nhọc xuống sàn, vật ra trên nền xi măng lạnh lẽo, nhớp nhúa, tối tăm ngạt thở của khám giam.

San hô kết thành từng mảng lớn, phải tìm cho ra những khe hở giữa hai tảng san hô, dùng choáng đục cho rộng ra, người tù gọi là “mở miệng” rồi lùa những đòn xeo dài đến 5-6 mét vào, sau đó 5 đến 7 người xúm lại treo người lên đầu đòn xeo ráng sức bẩy mạnh cho bật tung tảng san hô.

Nhiều khi trượt chân, đứt dây buộc, hoặc đòn xeo bật mạnh quật trở lại, tung mấy người ngã xuống đám san hô tua tủa, sắc nhọn. Vỡ đầu, gãy tay, gãy chân, đứt thịt, lòi xương... là chuyện thường xảy ra.

Lấy san hô trong những ngày nắng ráo đỡ vất vả nhọc nhằn hơn khi gặp phải những ngày mưa gió. Người tù phải ngâm mình dưới nước cả chục tiếng đồng hồ. Đói rét, mệt vẫn phải làm, ngơi tay một chút là roi gân bò, mây tầm vông bổ xuống đầu. Nhiều anh em tù ở Sơn La mới ra bị sốt rét nhưng vẫn phải đi làm, dù có lên cơn sốt rét ngay giữa biển đi chẳng nữa.

Có khi trời sắp nổi cơn giông, bọn gác ngục vẫn xua tù ra biển. Vừa ra khỏi bờ thì bị mưa ập đến, gió thổi bạt cả xà lan. Tù nhân phải nhảy xuống nước, ghì mỏ neo vào một tảng san hô lớn, rồi cả bọn ôm lấy nhau chống với gió rét. Bớt gió mới xúm nhau lại đẩy xà lan vào bờ.

Kíp san hô mỗi chuyến đi mỗi người phai nộp 40 tảng đá to bằng cái nón lá. Có khi nước lên đến cổ rồi mà lấy vẫn chưa đủ nhưng bọn gác ngục vẫn bắt người tù phải nộp lặn, dù sao cũng phải nộp đủ, nếu không thì đòn roi tại chỗ, xiềng ngay trong khám giam, nhốt hầm tối...

Cả ngày ngâm nước biển đầy bùn rác cũng không được tắm. Nếu đòi tắm lập tức sẽ bị đòn roi, hàm xiềng vì tội “dám đưa yêu sách tập thể”, trái với quy chế nhà tù. Đẳng nào cũng chết! Nhiều người chọn cái chết chóng vánh: tự tử! Có người đã thắt cổ tự tử trên cành cây ngang lối thường đi của chúa đảo. Có người trèo sẵn trên cây, đợi “ông Lớn” đi kiểm tra ngang qua, nhảy bổ từ trên cao xuống, đâm đầu vào đồng đá hộc cho tan sọ trước mặt kẻ thù. Năm 1934, có 4 đảng viên Quốc dân đảng, vì không chịu nổi chế độ hà khắc của nhà tù đã làm như vậy.

Người tự tử trước mặt chúa đảo Buvie là anh Bưởi (quê ở Phú Thọ). Nhưng đến cả cái chết thương tâm như vậy, cũng không làm tên chúa đảo kịp múi lòng. Không một thoáng cau mày, hấn cất cái giọng khàn khàn, lạnh lùng dần từng tiếng:

– Thêm một thẳng hay bớt một thẳng, cũng chẳng sao.

Những hình thức kỷ luật trong nhà tù

Toàn bộ cuộc sống ở nhà tù được tổ chức để trừng trị người tù. Những hình thức kỷ luật nội bộ nhà tù là những biện pháp đàn áp, bó buộc người tù phải tuyệt đối tuân thủ những gì đã được tổ chức ra để trừng trị họ, nghĩa là buộc họ phải chấp nhận tình trạng chết dần chết mòn trong nhà ngục.

Những biện pháp đàn áp người tù là: đánh đập, tra tấn, nhốt trong khám, trong xà lim, trong hầm tối, trong những khu biệt giam, bắt lao động cực kỳ nặng nhọc ở khu Hầm xay lúa, Sở Cũi...

Xiềng đơn, xiềng kép, xiềng hai người làm một, cùm một chân, cùm hai chân, ăn cơm nhạt, uống nước lã, bắt nhịn đói... là những hình phạt thường được dùng kèm trong khi sử dụng những biện pháp đàn áp nói trên. Đã là nhà tù đế quốc thì bất cứ ở đâu, Sơn La, Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), Kon Tum hay Côn Đảo đều là những địa ngục trần gian đối với những người tù chính trị, những người cộng sản Việt Nam.

Ngày 29-10-1891, Tổng thống Cộng hòa Pháp Phêlich Phô (Félix Faure) ra sắc lệnh hủy bỏ kiểu hành hình bằng mã tấu, hủy bỏ hình thức phạt roi đối với tù nhân. Quy chế Nhà tù Côn Đảo cũng quy định giám thị không được quyền ấn định bất cứ hình thức nào đối với tù nhân, họ chỉ có việc báo cáo với gác dang phụ trách ban; muốn nhốt người tù vào hầm thì phải có lệnh của Thống đốc Nam Kỳ, nhưng ở Côn Đảo, ý muốn của chúa đảo của gác dang, ma tà là luật pháp. Chúng muốn đánh ai, đánh bằng gì, đánh lúc nào là tùy chúng. Có cơ cũng đánh, không có cơ cũng đánh, thích đánh là chúng đánh.

Ở Sở truy tầm, tù vượt ngục bị bắt phải chịu tất cả những ngón đòn tra tấn ác hiểm nhất, ở đó có cả dùi cui, roi song, roi gân bò, kìm sắt nung, hòm tra điện, nước xà phòng, kim cắm móng tay... Đã bị đòn ở đây, phải gan góc lắm mới không cung khai.

Phạt xiềng ở Côn Đảo có nhiều loại: xiềng đơn, xiềng kép, xiềng tạ, xiềng hai người làm một. Người bị xiềng phải kéo lê cái xiềng sắt nặng mắc vào hai cổ chân, xiềng dài 1,5 mét. Xiềng kép là khóa hai chân bằng hai sợi dây xiềng, có khi tới ba dây. Xiềng tạ là dây xiềng đèo theo một quả tạ tròn, nặng 5 kg. Các loại xiềng này ở Hàm xay lúa đều được áp dụng, kể cả lối xiềng hai người làm một, chân trái người này xiềng với chân phải người kia, rồi cứ thế mà đi làm việc. Những người bị cai ngục loại riêng, gọi là “những tên bất trị” ở khám 6 và 7 thuộc Banh I, năm 1935, lúc phong trào đấu tranh của tù nhân lên cao cũng bị xiềng hai người vào một. Những tù chính trị bị cấm cố hàm trong dãy xà lim Banh II cũng bị xiềng cả trong những giờ ra sân “hưởng không khí”.

Nếu người tù đã bị hình phạt nhất ngay trong khám giam, ở xà lim hàm tối, hay ở khám giam đặc biệt như Khám trị an ở Banh III thì thường phải ăn cơm nhạt, uống nước lã và bị cùm một hay hai chân. Cường bức khổ sai ở Hàm xay lúa là hình thức cuối cùng trong danh mục các biện pháp trấn áp ghi trong quy chế Nhà tù Côn Đảo và cũng không nhà tù nào ở Đông Dương xưa kia có hình thức đày đọa người tù giống như vậy.

Trong nỗi tuyệt vọng, có một số tù thường phạm đã tìm mọi cách nói lên cho mọi người biết chế độ giết người ở Nhà tù Côn Đảo man rợ đến mức nào, nỗi thống khổ cùng cực của người tù như thế nào, dù phải chết dưới bàn tay kẻ thù. Huỳnh Văn Giáp đã làm được việc này. Anh bị truy tố về tội mưu sát một tên giám thị có tiếng hung ác là tên Arun (Aroul) và được ra cung khai trước tòa án xử ở Sài Gòn. Anh khai rõ sự thật, làm cho quan tòa phải ngạc nhiên, công chúng thì xúc động:

“Đời sống của tù nhân chúng tôi ở Côn Lôn, thực không sao chịu đựng nổi. Làm việc quá sức người, ăn uống thiếu thốn và bẩn thỉu; ốm không có thuốc men, không được chạy chữa; ngoài ra bọn gác đang vô cùng tàn ác, hình phạt vô nhân đạo, lắm khi tôi tự hỏi, tôi có phải là người nữa không? Khi đánh đập, gây gộc bố xuống đầu chúng tôi như mưa, khiến chúng tôi có những lúc phát điên lên, bởi vì không còn biết than thở nỗi khổ cùng đó với ai nữa.

Chính là trong những trường hợp đó mà tôi nảy ra ý nghĩ phải đập tên gác dang. Tôi nghĩ rằng, chỉ có làm như thế mới được đưa về Sài Gòn, đứng trước các vị quan tòa, rồi tôi sẽ thuật lại đời sống ở địa ngục của tù nhân Công Lôn, và dấu rằng tôi có bị chém chết đi nữa, tôi cũng tự thỏa nhân và tự an ủi mà chết”.

Huỳnh Văn Giáp là một người can án thường phạm, anh đã phát biểu ý kiến của anh một cách tự nhiên, rất đơn giản nhưng rất kiên quyết.

Đây chính là lời nhắn cuối cùng của một con người mà cõi chết đối với người ấy chẳng qua là một sự giải thoát, vì rằng cuộc đời ở trong nhà ngục chỉ là một cuộc đấu tranh kéo dài khốc liệt mà thôi”¹.

Dưới chế độ thực dân, tố cáo tội ác của bọn thống trị trong các nhà tù là việc làm có tầm quan trọng lớn lao, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc đấu tranh không ngừng của người tù chống lại chế độ tù đầy, chống lại chế độ thực dân đã đẻ ra nó.

Đấu tranh của tù nhân Côn Đảo trước năm 1930

Ngoài số thường phạm bị án nặng, thực dân Pháp dùng Nhà tù Côn Đảo để lưu đày những người tù chính trị ở Đông Dương thuộc đủ mọi phong trào, mọi xu hướng. Cuộc đối đầu chủ yếu ở Nhà tù Côn Đảo là giữa bọn thực dân và những người tù chính trị này.

Số tù chính trị đầu tiên ra Côn Đảo là những tù binh, những người bị bắt trong thời kỳ nhân dân ta đấu tranh vũ trang chống Pháp hồi cuối thế kỷ thức XIX, những người mà bọn xâm lược gán cho cái tội phiến loạn hay bạo kháng. Chiến tranh xâm lược càng mở rộng thì số tù binh và những người “phiến loạn” này càng nhiều.

Về thực chất, sở dĩ Pháp phải hối hả trong việc xây dựng Nhà tù Côn Đảo cũng chỉ là để giải tỏa những trại giam tạm thời ở Gia Định lúc nào cũng đầy ắp những người bị bắt. Lúc nào cũng có thể xảy ra những vụ phá ngục giải thoát tù nhân.

Khi hạ thành Hà Nội lần thứ nhất (1873), Pháp đã đưa ra Côn Đảo 80 người bị bắt. Đánh thành Hà Nội lần thứ hai (1882) thực dân Pháp lại đày hàng trăm người nữa ra Côn Đảo. Vào những năm 1863-1867, số tù nhân ở Côn Đảo đã tới 500 người.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, số tù nhân ở nhà tù này đã lên tới 1.200 (Báo cáo của Ủy ban ngân sách Hội đồng thuộc địa, phiên họp ngày 11-9-1908). Họ là những nghĩa quân của Trương Định, tù binh bị bắt trong trận hạ thành Biên Hòa, Định Tường, những người đứng dưới cờ nghĩa của Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân... Họ là những người đã tham gia phong trào Cần Vương, những chiến sĩ Ba Đình, Bãi Sậy, Hùng Lĩnh, Hương Khê, Yên Thế...

Là những nông dân và những người thuộc tầng lớp lao động khác đã đấu tranh vũ trang giữ từng tấc đất của Tổ quốc, chống kẻ địch mạnh hơn, quý quyết hơn gấp nhiều lần, trong suốt 40 năm trời, khi thất bại, bị này ra Côn

Đảo, họ vẫn tiếp tục đấu tranh, với tinh thần cương quyết dùng bạo lực chống lại kẻ thù có bạo lực Với truyền thống thà chết quyết không chịu làm nô lệ, lớp tù nhân đầu tiên này mang lại cho cuộc đấu tranh ở Côn Đảo hình thức chủ yếu là đấu tranh vũ trang thuần túy, với những ưu điểm và những hạn chế rõ ràng của nó.

Khởi đầu là cuộc nổi dậy tháng Sáu 1862 ở Côn Đảo Đây là cuộc khởi nghĩa của toàn thể nhân dân trên đảo mà tù nhân là lực lượng đi đầu, do ông Nguyệt, quê ở Chợ Quán (Sài Gòn cũ) lãnh đạo. Lực lượng tù nhân lúc đó bao gồm cả những người cưu tù dưới triều Nguyễn (còn 119 người). Những người lính coi tù thuở đó và con cháu họ cũng là những người đã từng chống lại các triều Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức. Họ đã quét sạch bọn Pháp ra khỏi Côn Đảo, đã phá tan Nhà tù Côn Đảo ngay từ khi nó mới được thành lập.

Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi vẻ vang, đặt nền móng cho truyền thống chống ngoại xâm của nhân dân Côn Đảo anh hùng. Sau khi đuổi được bọn Pháp ra khỏi Côn Đảo, nghĩa quân không biết xây dựng tổ chức chính trị và phát triển lực lượng, cho nên bọn Pháp đã quay lại đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa.

Nhưng chỉ hai năm sau, năm 1864, những người tù Côn Đảo lại có kế hoạch đầu độc bọn thủy thủ Pháp trên tàu Đồng Nai, khi tàu này tới đảo. Việc không thành, một thầy thuốc người Việt và 4 tù nhân bị bắt.

Ngày 1-1-1868, Quản đốc nhà tù Búp (Boube, đại úy hải quân, viên Quản đốc thứ tư của nhà tù, từ 1868 đến 1869) lại phải đối phó với một cuộc nổi dậy khác. Hẳn được báo trước là tù nhân sẽ tổ chức một cuộc bạo loạn vào 4 giờ 30, ngày 2-1-1868. Đứng đầu cuộc bạo loạn là một gác dang người Tagan, tên là Anatôhô (Anatolio) và hai người tù Việt Nam. Người thứ nhất là Đoàn Văn Đang, người từng tuyên bố “sẽ lột da bọn xâm lược Pháp làm cờ lấy máu chúng nhuộm đỏ lá cờ”. Người thứ hai là Lê Văn Phương, một người tù tự nhận rằng đã giết 50 người Tây”. Lập tức cả ba người này bị xiềng chặt. Sáng ngày 3-1-1868, 19 tù nhân tham gia âm mưu

bạo động đã bị treo cổ (khi Pháp mới sang, bọn chúng thường xử giáo tội nhân). Anatôliô bị đưa đi đày chung thân ở đảo La Rêuyniông.

Tiếp đó là cuộc khởi nghĩa của tù nhân trên Hòn Bảy Cạnh, ngày 27-8-1883, một sự kiện đã làm chấn động chính giới Pháp. Chiếm Côn Đảo xong, Bông phái người ra phát quang một ngọn đồi phía bắc thung lũng Cỏ Ống, dựng một ngọn hải đăng vào tháng 1 năm 1862. Sau đó chúng chọn vị trí xây Hải Đăng - Côn Đảo ở một mỏm núi phía đông trên Hòn Bảy Cạnh, Quản đốc Nhà tù Côn Đảo bắt 150 người tù ra làm khổ sai ở đây, điều kiện làm việc rất cực nhọc.

Năm giờ sáng ngày 27-8-1883, tù nhân nổi dậy giết 8 lính gác và một viên sĩ quan chỉ huy tên là Gatxotông Cabilích (Gaston Cabilic). Kiểm định viên công chính, Giuyn Pie Duy lông (Jules Pierre Dulong) cũng bỏ mạng. Viên đốc công Bi đô (Bidaun) bị thương nặng, đưa về thị trấn thì chết, sau khi đã kể lại cuộc nổi dậy của tù nhân.

Những người tù khởi nghĩa đã tước 15 súng trường, 2 súng lục của bọn lính Tây, chiếm được tàu săn cá mập và một canô, mang hết lương thực đi và cả đoàn 150 người tù lên tàu ghé vào một làng gần Phan Thiết (Bình Thuận) lúc đó do Nam triều quản lý. Viên chánh tổng bắt giam tất cả lại trong trại nhưng vị phó tổng, một công chức có tinh thần yêu nước, chống Pháp, đã bí mật mở cửa nhà giam giải thoát cả 150 nghĩa quân Côn Đảo.

Thống đốc Nam Kỳ phản kháng triều đình Huế, đòi cho quân Pháp mở cuộc càn quét ngay trên đất Trung Kỳ thuộc quyền quản lý của nhà vua để truy nã những người khởi nghĩa. Chúng bắt lại được 36 người, còn 114 người đã trốn thoát.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa trên Hòn Bảy Cạnh đã làm cho bọn cai trị Pháp ở Nam Kỳ rất hoang mang. Gần một tháng sau chúng mới có báo cáo gửi về Bộ Hải quân và thuộc địa Pháp. Sau đó Pháp tăng cường thêm một đội thủ quân lục chiến ra bảo vệ Hải Đăng - Bảy Cạnh, đặt đường cáp điện tín ngầm nối Côn Đảo với đất liền, khiển trách Quản đốc nhà tù Bốc kê (Bocquet, quan chức thuộc ngạch cai trị, Quản đốc nhà tù từ 1882 đến 1884). Tháng 5 năm 1884, Hải Đăng Côn Đảo mới được xây xong. Báo chí

Pháp gọi cuộc khởi nghĩa ở Hòn Bảy Cạnh là “cuộc cách mạng ở Côn Đảo”.

Sau cuộc khởi nghĩa 1883, chế độ nhà tù được siết chặt hơn. Theo quy chế mới ban hành năm 1889, bọn giám ngục Pháp được quyền bắn vào tù nhân khi thấy cần thiết; việc quản lý tàu thuyền trên đảo càng thêm chặt chẽ; hình phạt đối với tù nhân nặng thêm; khu kỷ luật Banh I hình thành... nhưng vẫn không dập tắt được ý chí đấu tranh củ những người yêu nước.

Ngày 17-6-1890, gần 400 người tù gốc Bắc Kỳ đã nổi dậy giết gác ngục, cướp súng, dự định đóng bè vượt đảo. Quản đốc Rơn (Ren) điều lính đến đàn áp, bắn chết mấy chục người và bắt lại gần hết. Do thiếu tổ chức chặt chẽ, cuộc nổi dậy bị dập tắt nhanh chóng. Hai ngày sau, ngày 19-6-1890, một tù nhân tên là Ca định tổ chức cướp tàu Gi.B.Xay vừa từ Thái Lan sang, nhưng việc bị lộ không thành.

Những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, Pháp cần nhiều công nhân để khai thác thuộc địa, chúng chủ trương đưa tù Côn Đảo đi các nơi, như đảo Rêuyniông còn gọi là đảo Buốcbông (Bourbon), Gabông (Gabon), Tahiti (Tahiti), Numê a (Noumé a) và Guyan (Guyane). Năm 1892, Toàn quyền Lanétxăng (De Lanessan) lệnh cho Quản đốc Nhà tù Côn Đảo phải đưa 200 tù ra làm con đường chiến lược số 4 ở thượng du Bắc Kỳ.

Tù Côn Đảo tổ chức nhiều cuộc nổi dậy

Ngày 28-8-1894, 65 người tù khổ sai bị đưa ra lấy san hô, 8 giờ tối, 15 tù nhân, do ông Đạt (số tù 3084) chỉ huy, đã giết hai gác ngục bằng lưỡi hái. Họ dự định cướp thuyền vượt ngục, nhưng việc không thành. Ông Đạt nhảy xuống biển bơi trốn sau đó bị sóng đánh dạt vào bờ. Ông bị giặc bắt và bị tử hình.

Ngày 25-7-1904, 65 tù khổ sai người Bắc Kỳ bị đưa sang Hòn Cau lấy dừa về đảo. Viên trưởng tàu sà lúp Lơ Carê (Le Carer) chỉ huy chung, dưới quyền có 3 giám thị người Pháp, một người lính Tagan, 2 ma tà người Việt. Những người tù khổ sai đã hiệp lực diệt hầu hết bọn nhân viên coi tù này, chỉ trừ hai tên giám thị Pháp nhảy xuống biển nên thoát chết. Chiếc tàu chở tù chạy thẳng ra khơi. Bọn Pháp đã huy động chiếc tàu chiến Atxơpic (Aspic) truy lùng họ, nhưng vô hiệu.

Sau cuộc chống thuế ở Trung Kỳ, một lớp tù nhân mới, những vị văn thân, những nhà nho yêu nước hoạt động trong các phong trào Đông Du (1905-1908), Đông kinh nghĩa thực (1907), phong trào Duy Tân và phong trào chống đi phu, đòi giảm thuế ở Trung Kỳ (1907-1908) đã bị Pháp đày ra Côn Đảo. Phần lớn các vị đều là những người cầm đầu, khởi xướng của các tổ chức cách mạng theo chiều hướng dân chủ tư sản.

Khuynh hướng tư tưởng của các cụ đã có ảnh hưởng rõ nét đến sắc thái hoạt động và tranh đấu của tù chính trị Côn Đảo. Các vị không chủ trương bạo động mà chuyển sang hình thức đấu tranh trên các mặt chính trị, văn hóa và đòi cải thiện đời sống theo khuynh hướng cải lương. Những hoạt động phản kháng chế độ lao tù rất yếu ớt, tuy ý chí đấu tranh cứu nước không hề giảm sút, biểu hiện chủ yếu trong một nền thi ca mới: thi ca trong tù, khởi đầu là thi ca trong ngục tù Côn Lôn.

Từ kinh đô Huế, Phan Chu Trinh trên đường đi đày ra Côn Đảo đã ứng khẩu bài tứ tuyệt nổi tiếng “Ra cửa đô môn” (Xuất đô môn tác):

Luy luy già tòa xuất Đô môn,
Khảng khái bi ca thiết thượng tôn,
Quốc thổ trầm luân dân tộc tụy,
Nam nhi hà sự phạ Côn Lô!¹

Huỳnh Thúc Kháng, bạn chiến đấu của Phan Chu Trinh đã dịch :

Xiểng gông cạ kệ biệt đô môn,
Khảng khái ngâm nga lưỡi vẫn còn,
Đất nước đắm chìm nòi giống mỗn,
Thân trai nào sợ cái Côn Lô!

Sau Phan Chu Trinh là các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn (số tù 7448), Ngô Đức Kế cùng hàng chục thân sĩ Bắc, Trung, Nam bị kết án chính trị đày ra Côn Đảo. Khi đó cụ Phan đang ở Sở rẫy An Hải, cụ đã tìm cách gửi thư động viên các bạn chiến đấu, ngay buổi chiều hôm họ tới Côn Đảo: “Thoạt nghe anh em ra đây, dậm chân kêu trời một tiếng, đoạn tự nghĩ: anh em vì quốc dân mà hy sinh đến phải ra đây, chắc có trăm điều vui mà không chút gì buồn. Đây là trường học thiên nhiên mùi cay đắng trong ấy là trai giữa thế kỷ này không thể không ném cho biết...”².

Ở đảo hồi đó chưa có sự phân biệt tù chính trị với tù thường, họ ở chung trong Banh I. Các vị thân sĩ vẫn phải làm khổ sai như tù thường. Những người án nhẹ thì đi làm rẫy, đốn củi, dọn tàu... án nặng thì đập đá trong banh, không được ra ngoài.

So với công việc khác thì đập đá trong banh là việc tương đối nhẹ, nhưng đối với các nhà nho, các vị khoa bảng thì quả là khó. Do không làm được các công việc khổ sai nặng nhọc, bọn gác ngục ác ôn vô học thường đánh đập, cúp phạt và gọi các cụ một cách xách mé là “tụi quan to hèn”.

Khổ nhục không làm nhụt ý chí đấu tranh của các cụ Sau mỗi ngày lao động khổ sai, buổi tối trong các khám giam, các cụ vẫn họp lại với nhau, đàm luận về chính trị, văn chương, xem xét lại hoạt động đấu tranh của mình.

Tháng 2 năm 1908, những người đứng đầu phong trào Đông kinh nghĩa thực như: Nguyễn Quyền, Lê Đại, Võ Hoàn, Dương Bá Trạc cùng với các sĩ phu thuộc phong trào Đông du bị đày ra Côn Đảo. Tiếp đó vài tháng sau, nhiều vị khoa bảng ở Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định và Hà Nội cũng bị đày ra đảo, số tù “quốc sự phạm” lên tới trên 50 người.

Năm đó ở Côn Đảo có bệnh dịch lớn, tù chết nhiều, trong đó có cả những vị văn thân. Cảnh tù đày càng thêm thê thảm. Bị tù thường phạm lưu manh quấy nhiễu, tù quốc sự phạm làm đơn đấu tranh đòi được giam riêng.

Năm 1910, Quản đốc Quyđơnê (Cudenet) tách các vị giam riêng vào khám 6 và khám 7 ở Banh I. Được giam riêng và làm khổ sai tương đối nhẹ hơn như dệt chiếu, làm rẫy... các cụ có điều kiện thảo luận kỹ với nhau về tình hình đất nước, tình hình phương Đông và thế giới.

Những người tham gia thảo luận ở đây đều là những nhân chứng đủ thẩm quyền để phát biểu chính kiến. Họ trình bày những điều đã nghe, đã thấy, đã làm, góp phần vào việc đánh giá một con người, một sự việc một phong trào. Đề tài thảo luận khá rộng: văn thơ cổ điển Việt Nam, Trung Quốc, tư tưởng phương Đông, tinh thần yêu nước và hoạt động duy tân của các chí sỹ Nhật Bản những năm trước và sau khi Minh Trị lên ngôi; chủ trương Duy Tân đã tiến hành và thất bại ở Trung Quốc những năm cuối thế kỷ trước; đặc biệt lý thú là các cuộc vận động chống Pháp, từ thời kỳ mất lục tỉnh Nam Kỳ đến đầu thế kỷ này.

Trái với mong muốn của thực dân, những người tù chính trị ở Côn Đảo không phải là hoàn toàn không có khả năng nắm bắt tình hình trong nước và trên thế giới. Tàu bè từ Sài Gòn vẫn chở những món hàng cần thiết ra cho nhu cầu trên đảo. Mặt khác, các cuộc biến động chính trị ở trong nước vẫn không ngừng xảy ra, các tòa Đại hình cũng liên tiếp gửi ra Côn Đảo hàng loạt quốc sự phạm. Các vị khách mới này chính là những nhân chứng sống thực sự trong tấn bi kịch hùng tráng của đất nước.

13 năm bị cầm tù ở Côn Đảo là 13 năm khủng hoảng bế tắc đối với các nhà nho đại diện cho những khuynh hướng khác nhau trong phong trào văn thân. Các tổ chức tiếp tục tan rã, những người cầm đầu bị bắt gần hết,

những người sống lưu vong ở Nhật, ở Tàu cũng lần lượt bị trục xuất hoặc bị bắt bớ, làm khó dễ.

Từ khi bị bắt (1908) đến khi được thả (1921), các cụ đã có dịp suy nghĩ, cân nhắc để nhận chân sự bất lực của mình, của đường lối mình theo, của phương pháp mình hành động, mặc dầu tinh thần yêu nước thương nòi, xả thân vì nghĩa cả không hề đổi khác. Các lãnh tụ phong trào Văn thân đã nhận thấy con đường họ chọn lựa chỉ đưa đến “một trăm thất bại không một sự thành công” (Phan Bội Châu).

Nhưng do những hạn chế về giai cấp, về ý thức hệ, các cụ đã không thể tìm ra một đường lối đúng đắn, tập hợp được đông đảo nhân dân chống giặc, phù hợp với xu thế của thời đại. Trong những năm tháng ở Côn Đảo, các nhà Văn thân tỏ ra bất lực, chỉ biểu lộ cảm tình mà không tham gia những cuộc đấu tranh do các tù nhân khác tiến hành.

Các cuộc bạo động của tù nhân vẫn tiếp tục diễn ra. Ngày 22-5-1910, một nhóm tù đang xây bể giặt quần áo ở Banh I, đã dùng dao nhọn làm bằng đai thùng khuy, đâm chết ngay tên Xếp chánh min gia (Emile Aujard). Tên giám thị này là một lính cảnh sát cũ ác có tiếng, tù nhân đều ghét. Một tên gác dăng khác rút súng bắn chết một tù nhân để cứu gia, tên này cũng đền tội tại chỗ.

Ngày 12-1-1911, bọn Pháp đem 3 tù nhân liên quan đến vụ giết gia ra chém đầu, sau khi họ đã không thềm ký vào đơn xin ân giảm. Để giấu giếm vụ bạo động này, nhà cầm quyền ở Côn Đảo, trong một thời gian dài, canh gác chặt chẽ không để cho khách vãng lai từ Xanhgapo lên đảo, sợ họ chụp ảnh nơi đã xảy ra sự việc.

Mùa xuân năm 1918, ở Côn Đảo đã nổ ra cuộc nổi dậy của khám tù chung thân Banh I, có sự tham gia của Nguyễn Trọng Thạc, một tướng chỉ huy của phong trào Bãi Sậy, con trai Tấn tương quân vụ Nguyễn Thiệu Thuật.

Ngày mùng 4 Tết Mậu Ngọ (14-2-1918) tù nhân vẫn đi làm ở các sở ngoài như thường lệ. Tù chung thân ở Banh I cũng ra đập đá dăm trên

khoảng đất trống, sau Nhà bếp. Khoảng 2 giờ chiều, tù nhân xông tới dùng búa đập chết gác dang Simông và hai tên ma tà. Những người tù ào lên định xông vào cướp vũ khí và tấn công đội lính gác.

Viên cai Lácmyriê (Larmurier) vội đóng cửa lại và chỉnh súng qua chấn song bắn ra. Keng báo động nổi lên, bọn giám thị Tây, viên quan hai, Xếp chánh và Quan đốc Ăng đũa (Andouard) chạy tới dẫn đầu một toán lính Tây. Hăn ra lệnh xả súng bắn vào những người tù đang tụ lại ở Nhà bếp, Hầm xay lúa và gian nhà dùng làm nơi cho tù đan lát.

Cuộc tàn sát những người tù tay không vũ khí kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Người chỉ huy nghĩa quân Bãi Sậy - Nguyễn Trọng Thạch và ông tú Phạm Cao Chấm, người vừa tham gia cuộc khởi nghĩa Duy Tân (5-1916) cùng hơn 80 người tù chung thân đã gục ngã. Sau khi giết gần hết khám tù chung thân, tên chúa đảo cho lệnh Tây vác súng đi tới các sở tù áp giải tù về. Bọn này được lệnh thấy động là xả súng bắn ngay.

Đến tận chiều tối, từng tốp tù đi làm khổ sai đã được giải về Banh I. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng trong đám tù đi làm ở Sở Ruộng, kể lại: “Về đến banh, vào trong sân thì thấy xác chết nằm ngổn ngang, máu chảy thành đồng, mắt không dám ngó”¹.

Dư luận dân chúng trong đất liền xôn xao. Người ta kể ra những chi tiết đau lòng chung quanh vụ thảm sát. Lính Tây đã dí súng vào mang tai những người tù ngạc nhiên, bắn cho chết hăn. Báo chí Sài Gòn, bất chấp sự kiểm duyệt, phát lời tố cáo tên đao phủ ở Côn Lôn. Họ buộc tên này vào tội đã xả súng bắn vào cả những người tù không biết gì về việc nổi dậy... Báo chí thực dân hồi đó đã thuật lại như sau:

“Ngày 1-10-1918, Ăngđũa bị đưa ra tòa án. Nhưng anh ta đã tự bào chữa hùng hồn:

– Tôi đã bắn một cách tình tảo... và tôi sẽ còn bắn nữa nếu như còn xảy ra bạo loạn. Các ngài nên biết rằng vẫn còn bốn trăm năm mươi tù nhân ngoài vòng khùng bố...”.

Quan tòa Kexonen (Quesnel) đã lập biên bản, tha bổng ăng đũa và còn ca ngợi ăng đũa mà chê hai người Quản đốc trước đó quá nhu nhược. ăng đũa được trắng án trong những tràng vỗ tay hoan hô của bọn thực dân và trở lại cai trị Côn Đảo như trước.

Trong cuốn sách “Đây “công lý của thực dân Pháp ở Đông Dương”, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã tố cáo vụ thảm sát của ăng đũa ở Côn Đảo trước dư luận thế giới:

“Một tên quản ngục Côn Lôn, bị tố cáo là đã giết một cách thảm nhiên một lúc hơn 40 phạm nhân, được trắng án và khen thưởng”¹. ăng đũa là một trong những tên chúa đảo hung bạo nhất ở Nhà tù Côn Đảo. Là một trung úy trừ bị cảnh sát thuộc địa, hẳn đã được cất nhắc làm Quản đốc Nhà tù Côn Đảo từ 1917. Do bị cụt tay phải trong trận Âu chiến 1914-1918, tù nhân gọi hẳn là ông Lớn một tay, động một chút là là phạt rất nặng, nhất là đối với tù chung thân thì kẻ hằm, người xiềng, không mấy người thoát khỏi.

Vì thế khám tù chung thân (khám 6 và 7 trong Banh I) mới diễn ra tấn kịch “liều chết bạo động”, đó là ngày 4 Tết âm hạch năm Mậu Ngọ, 1918².

ăng đũa có nuôi một con chó Bécgiê thật dữ, khẩu phần của nó một ngày gồm 2 kg thịt bò và 2 lít sữa tươi do Sở Chuồng Bò cung cấp. Mỗi khi có chuyện bực mình, hẳn cho con chó tha hồ cắn một người tù nào đó mà hẳn không ưa. Nạn nhân nào không may bị ăng đũa trù mật thì ít có hy vọng thoát chết, vì con bécgiê của hẳn thích cắn tận căn cổ hơn chỗ nào khác. Chính ăng đũa đã cho đem hai con hổ từ đất liền ra, thả lên núi để chống lại những người tù trốn lên đến đây, kết bè và ăn nấu trước khi vượt ngục. Trên rừng thì cọp dữ, dưới biển thì cá mập, trong nhà tù thì những tên giết người như ăng đũa, thử hỏi người tù còn biết chạy đâu cho thoát chết!

Sau cuộc thảm sát ở Banh I, cuộc sống của tù nhân ở đảo đã tồi tệ lại càng thêm tồi tệ. Bất cứ đi làm khổ sai ở đâu, đều có lính gác đi kèm, súng lăm lăm trên tay. Đám tù chung thân sống sót mỗi lần ra khỏi khám là phải đeo xiềng tạ, vào khám là phải cùm chân. Bọn gác ngục đánh tù như điên

để khủng bố, trả thù. Cửa banh được bố trí súng máy chĩa vào, lính gác tuần tiễu ngày đêm, thấy có gì khả nghi là mặc sức bắn. Nhưng tất cả những thứ đó không hề làm nhụt chí đấu tranh của người tù.

Ngày 3-12-1919, tên Ăng đưa khát máu đã phải đền tội Sứu Nhỏ - người tù ra làm bồi cho viên quan hai chỉ huy trại linh đã lấy được khẩu súng lục của hắn và đã hạ sát tên Quản đốc đao phủ ăng đưa. Anh giấu súng trong áo chên, đến nhà tên đao phủ ăng đưa, nói với người hầu rằng có thư phải chuyển cho Quản đốc. Lúc ấy là 10 giờ sáng.

Sứu Nhỏ bước vào phòng làm việc của Quản đốc, một tay đưa phong thư ra, tay kia giương súng, bóp cò, xả gần hết cả băng đạn. Ăng đưa gục ngay tại chỗ. Xong nhiệm vụ trả thù cho gần 100 bạn tù đã bị giết hại, Sứu dành viên đạn cuối cùng cho mình, biết chắc rằng không thể thoát được vì tư dinh của Ăng đưa đã ở vào tình thế bị bao vây.

Trong điệu văn đám tang Ăng đưa, viên Quản đốc mới, đại úy Lăm be (Lambert) đã khẳng định: “Ăng đưa đã chuốc lấy bao nhiêu hận thù. ông đã trả giá cho việc mình đã làm từ năm 1918”.

Hai cuộc nổi dậy liên tiếp của tù nhân Côn Đảo trong năm 1818 và 1819 đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho những sĩ phu Văn thân ở Côn Đảo, ngay trước khi họ được thả. Muốn sống còn, chỉ có một con đường duy nhất là đấu tranh. Đấu tranh như thế nào? Những năm cuối cùng ở Côn Đảo, lớp nho sĩ cải lương yêu nước thường bàn luận về chủ nghĩa, về phương thức đấu tranh một khi thoát khỏi ngục tù.

Trong số những nhà Văn thân đã hết vai trò lịch sử đó, có nhiều người đã suy nghĩ, tìm cách đi gần tới những tổ chức chính trị của giai cấp công nhân - giai cấp mà lịch sử phát triển của đất nước đã trao trọn quyền lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.

Một trong những người đó là ông tú Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Hy Cao) ở đảo về năm 1921, ông đã cùng một số bạn chiến đấu cùng chí hướng kết hợp với nhóm sinh viên yêu nước trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội thành lập Hội Phục Việt vào mùa hè năm 1925. Trong phong trào sôi

nổi của nhân dân ta đòi thực dân Pháp phải thả nhà ái quốc Phan Bội Châu năm 1925. Hội đã rải truyền đơn ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, thị xã Hải Dương và cả ở Nam Kỳ kêu gọi đấu tranh. Cờ sở của Hội bị lộ và Hội phải đổi tên là Hưng Nam.

Do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, tổ chức cách mạng do đồng chí Nguyễn ái Quốc sáng lập năm 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc), Hưng Nam đã chuyển thành Tân Việt cách mạng đảng (7-1928), sau đó phân hóa và dẫn tới sự ra đời của Đông Dương cộng sản liên đoàn (1-1930), một trong ba tổ chức cộng sản đã hợp nhất lại thành Đảng Cộng Sản Việt Nam vào tháng 2 năm 1930³. Trong thời kỳ dựng Đảng, cụ Nguyễn Hy Cao là Bí thư Kỳ bộ Nam Kỳ của Tân Việt cách mạng đảng.

¹. Banh là ngục giam tù nhân, được phiên âm từ bage tiếng Pháp.

¹. Từ sở được dùng ở đây có nghĩa là một dịch vụ (service) không nhất thiết là một cơ quan, như ta thường quan niệm. Ví dụ: Sở tẩy là kíp làm công việc vệ sinh ở các banh tù.

¹. Bọn gác ngục, ma tà có quyền giết người tù với cái cớ là người tù “tìm cách vượt ngục”. Chỉ cần hạ thủ người tù, cắt tai trình Quản đốc là được lãnh 10 đồng bạc tiền thưởng. Nhiều ma tà thấy người tù khờ khạo nào đó sai đi bứt lá bứa, hái rau rừng, người tù vừa chạy đi thì chúng bắn chết, xẻo tai đem về lãnh thưởng.

¹. Nguyễn Văn Nguyễn: Côn Lôn - Tổng tập Văn học Việt Nam, tập 35, Nxb Khoa học xã hội, N. 1983, tt. 747.

¹. Nguyễn Văn Nguyễn - Sách đã dẫn, tr. 761.

¹. Thơ văn Phan Chu Trinh, Nxb Văn học. H. 1983, tr. 65.

². Huỳnh Thúc Kháng - Sách đã dẫn, tr. 42.

¹. Huỳnh Thúc Kháng - Sách đã dẫn, tr. 225.

- [1](#). Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 2, Nxb. Sự Thật, N.1981, tr. 142. Do thực dân bưng bít, số tù nhân bị giết không được công bố chính xác (T.G).
- [2](#). Huỳnh Thúc Kháng - Sách đã dẫn, tr. 224.
- [3](#). Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 2, Nxb Sự Thật, H. 1981, tr. 324.

Chương 2

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TỪ NĂM 1930 ĐẾN TRƯỚC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939)

Chi bộ khám Chí Tôn, Banh I (1930 -1934)

Ngày 9-2-1929, Quốc dân đảng tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Badanh tại Hà Nội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố, bắt hàng trăm người yêu nước và cách mạng. Tháng 7 năm 1929, theo lệnh của toàn quyền Pátkiê (Pierre Pasquier), các phiên toà đại hình được mở cùng một thời gian ở hơn 20 tỉnh và thành phố Việt Nam. Hàng trăm người bị kết án và đày ra Côn Đảo, trong đó có một số hội viên Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Đây là những chiến sĩ cộng sản đầu tiên trên Côn Đảo.

Ngày 10-2-1930 cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra và bị thực dân Pháp dìm trong biển máu. Nguyễn Thái Học và một số lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng bị xử tử, hầu hết số đảng viên còn lại bị bắt tù. Chuyến tàu Cólốt Sáp (Claude Chappe) ngày 18-6-1930 rời cảng Hải Phòng chở hơn 200 đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng và gần 40 đảng viên cộng sản vừa bị bắt đày ra Côn Đảo.

Tại cửa biển Vũng Tàu, thực dân Pháp dồn tù từ tàu Cólốt Sáp qua tàu Ácmăng Rút xô (Hardmand Rousseaux) vừa chở đoàn tù từ Khám Lớn (Sài Gòn) đến để đưa cùng một chuyến ra Côn Đảo. Trong lúc chuyển tàu đoàn tù cộng sản đã phất cao lá cờ đỏ búa liềm và hô to các khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp!
- Phản đối bản giết, tù đày !
- Đáng Cộng sản Việt Nam muôn năm!

Hình ảnh lá cờ đỏ búa liềm tung bay trên biển Vũng Tàu và âm vang của những khẩu hiệu đã báo hiệu một thời kỳ đấu tranh cách mạng mới ở nhà tù Côn Đảo.

Cuối năm 1930 thực dân Pháp đưa thêm mấy chuyến tù ra Côn Đảo, nâng con số tù nhân ở đây lên 1992 người. Tù chính trị lúc này mới có

khoảng hơn 300 người mà phần đông là Việt Nam Quốc dân đảng bị cấm cố trong Banh II. Hơn 1.600 tù nhân còn lại tập trung ở Banh I và các sở tù khổ sai. Nhiều đảng viên cộng sản bị kết án khổ sai cũng bị giam chung với tù thường phạm ở Banh I...

Lớp người cộng sản đầu tiên bị đày ra Côn Đảo còn gặp một số sĩ phu yêu nước thuộc các phong trào Đông Du, Đông kinh nghĩa thực, phong trào chống thuế ở Trung Kỳ và một vài nghĩa quân của các cuộc khởi nghĩa Hương Khê, Yên Thế, Duy Tân... còn sống sót sau nhiều năm bị đày ải ở đây.

Nhà tù Côn Đảo là nơi tụ hội của những người yêu nước và những người cách mạng Việt Nam sau mỗi lần thực dân Pháp khủng bố ác liệt. Theo Niên giám thống kê Đông Dương, từ năm 1930 đến năm 1933, thực dân Pháp đã bắt giam 216.532 người. Riêng ở Bắc Kỳ trong 2 năm 1930-1931 chúng đã mở 21 phiên tòa đại hình xử nhiều vụ với 64 án tử hình, 114 án khổ sai chung thân và 430 án lưu đày biệt xứ. Nhiều người trong số đó đã lần lượt bị đày ra Côn Đảo.

Mặc dù mỗi năm có đến hàng trăm người tù chết nhưng con số tù nhân ở Côn Đảo vẫn không ngừng tăng lên:

Năm 1931: 2.145 người

Năm 1932: 2.276 người

Năm 1933: 2.483 người

Năm 1934: 2.818 người¹.

Phần lớn số tù nhân tăng lên trong thời kỳ này là những đảng viên cộng sản và quần chúng yêu nước bị thực dân Pháp bắt sau cao trào cách mạng 1930-1931. Dưới thời tên chúa ngục khát máu Buvie (Bouvier, 1927-1934) nhà ngục Côn Đảo thật ghê rợn và âm ảm.

Tháng 11 năm 1930, một trận bão lớn ập đến Côn Đảo, trại giam Sở Lưới sập làm 75 người tù chết thê thảm; Banh I, Banh II và nhà cửa trên đảo đều bay hết ngói. Sau trận bão, tù nhân được huy động đi sửa chữa ngay nhà cửa cho binh lính và gác ngục, còn họ thì phải sống cảnh “màn

trời chiếu đất” trong mấy tháng trời. Ngày phơi nắng, đêm phơi sương và phải chịu những trận mưa bất thường ập đến nhiều người tù mòn mỏi, suy kiệt rồi mang bệnh mà chết. Năm 1930, Nhà tù Côn Đảo đã vùi xác 311 người tù, tỷ lệ chết là 15,6%, cao nhất trong các nhà tù ở Đông Dương².

Vừa ra đời và phát cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, lật đổ ách thực dân, những người cộng sản Việt Nam đã phải đương đầu với bộ máy đàn áp khổng lồ: tòa án phát xít và nhà tù nổi tiếng tàn bạo ở Đông Dương. Tên thực dân khét tiếng chống cộng Pátkiê khi nhận chức toàn quyền Đông Dương đã tuyên bố: Không diệt hết cộng sản không về³.

Không thể chém đầu hàng loạt được vì nền thống trị thực dân cần phải lừa bịp về chính trị, vì vậy nhà tù là công cụ khủng bố chủ yếu của chúng. Không giết được hàng loạt ngay một lúc thì giết dần, giết mòn. Nhà tù là nơi tập trung dày ải làm tiêu mòn ý chí chiến đấu và tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Năm 1931, Nhà tù Côn Đảo có 2.146 tù nhân thì có 209 người đã chết, tức là cứ đầy 10 người tù ở Côn Đảo là mỗi năm chúng giết được một người. Với tốc độ giết người như vậy, sau 10 năm dày ải, bọn thực dân có thể giết sạch một lớp tù. Nhiều người đã chết khi chưa được nửa án. Lớp tù nhân của cao trào cách mạng 1930-1931 bị đặt trước hai tình huống: hoặc là chịu chết dần mòn trong lao tù, hoặc là đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, giành lấy sự sống. Những người cộng sản đã thảo luận ngay phương châm tổ chức và đấu tranh chống chế độ khủng bố, đọa đầy. Cuộc thảo luận kéo dài vì Côn Đảo không giống bất cứ nhà tù nào ở trong đất liền.

Ở Hỏa Lò (Hà Nội) hay Khám Lớn (Sài Gòn), tù nhân tuyệt thực ngày hôm trước là hôm sau chấn động cả thành phố, dư luận quần chúng bên ngoài lên tiếng ủng hộ. Ở một nơi heo hút như ngục Sơn La, trong vòng 8 tháng đọa đày, 43 tù nhân bị giết hại (1933) đã làm xôn xao dư luận. Để dập tắt phong trào đấu tranh ở nhà tù Sơn La và bưng bít dư luận, tên toàn quyền Pátkiê đã ra lệnh đầy những người còn sống sót ra Côn Đảo. Bọn gác ngục trong đất liền lại được dịp đe dọa tù nhân: “Ra Côn Đảo tha hồ mà đấu tranh, ở ngoài ấy có sóng biển ủng hộ chúng mày!”.

Cùng thời gian ấy, năm 1933 tại Nhà tù Côn Đảo đã có 85 người chết; trong vòng 4 năm, từ 1930 đến 1933 thực dân Pháp đã giết hại 708 tù nhân tại nhà ngục này, nhưng dư luận bên ngoài không hề biết. Các nhà tù ở đất liền đều gần gũi và có sự phối hợp hoạt động với các tổ chức cách mạng và phong trào cách mạng của quần chúng, với dư luận tiến bộ, còn Côn Đảo là một hòn đảo biệt lập.

Giữa biển khơi mênh mông, Côn Đảo không có dân cư, chỉ có tù nhân, cai ngục và sự đọa đày. Đó là một nhà tù “lý tưởng” mà bọn thực dân đã sớm chọn để có thể khủng bố những người chống đối chúng một cách man rợ nhất, bất chấp cả dư luận và pháp luật. Tất cả các yêu sách của tù nhân đều được trả lời bằng roi vọt và những hình phạt khắc nghiệt. Các cuộc bạo động đều bị đàn áp bằng súng máy và lưới lê.

Cuộc đàn áp đẫm máu khám tù chung thân Banh I năm 1918 và không khí khủng bố, chết chóc ở Côn Đảo những năm 1930 làm không ít người tù ngao ngán. Lớp cộng sản đầu tiên ra Côn Đảo còn gặp những người tù cũ bị đày đọa ở đây đã trên 30 năm. Có người đã ngoài 70 tuổi còn bị đày ra Côn Đảo như cụ Nguyễn Thiện Kế, em ruột người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nguyễn Thiện Thuật. Có người bị đày ra khi tóc còn xanh cho đến hơn 70 tuổi vẫn chưa được về như cụ Lãnh Đạt, một tướng của Phan Đình Phùng.

Đày ra Côn Đảo là không còn hy vọng trở về. Trong tình hình đó có một số ít người cầu an, dao động, nhưng phần lớn số đảng viên cộng sản đều vững vàng và nung nấu ý chí cách mạng. Tổ chức và đấu tranh là vũ khí sắc bén của người cộng sản. Sống là tranh đấu. Ở nhà ngục Côn Đảo muốn sống càng phải tranh đấu.

Vấn đề thành lập chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo trong nhà tù được những người cộng sản thảo luận sôi nổi. Nhiều vấn đề rất mới nảy sinh trong các cuộc thảo luận. Ở Côn Đảo có tổ chức chi bộ đảng được không? Chi bộ trong nhà tù hoạt động như thế nào? Ai công nhận và chỉ đạo hoạt động của chi bộ? Tiêu chuẩn để công nhận đảng viên trong nhà tù ra sao? Có ý kiến cho rằng tổ chức chi bộ trong một nhà tù hà khắc nhất định sẽ bị địch khủng bố, như vậy sẽ không bảo vệ được cán bộ. Có ý kiến cho rằng ở

Côn Đảo không có quần chúng, không có phong trào cách mạng nên không thể tổ chức và đấu tranh thắng lợi được.

Vấn đề tiêu chuẩn đảng viên được thảo luận rất kỹ. Không thể tránh khỏi những đảng viên sai phạm về nguyên tắc hoạt động bí mật, sai phạm khi bị bắt hoặc sai phạm trong tù. Những sai phạm ấy chưa được kiểm điểm và xử lý; chưa được xác định tính chất, mức độ và kỷ luật... Vậy thì xét công nhận đảng viên như thế nào? Ngay cả những người không sai phạm cũng đưa ra ý kiến: Tôi vẫn là đảng viên, chưa hề bị kỷ luật khai trừ, vậy lấy tư cách gì để kết nạp tôi vào Đảng?

Sau nhiều lần thảo luận, mặc dù có những vấn đề chưa đủ căn cứ để giải đáp, song nhiều ý kiến đã thống nhất rằng: Bất cứ ở đâu và trong hoàn cảnh nào người cộng sản cũng phải không ngừng hoạt động cách mạng; nơi nào có người cộng sản là ở đó cần có tổ chức Đảng để giáo dục đảng viên, giác ngộ quần chúng và lãnh đạo đấu tranh; vào tù không phải là nằm im chờ đợi hay bó tay chịu chết; ngay ở Côn Đảo cũng phải tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng và cần phải có tổ chức Đảng làm hạt nhân lãnh đạo.

Chi bộ đầu tiên ở Nhà tù Côn Đảo ra đời gắn liền với hoạt động của đồng chí Nguyễn Hồi, nguyên ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định. Ngay khi mới ra đảo, bị giam ở Banh II, Nguyễn Hồi đã bàn bạc với một số đồng chí gần gũi rằng cần phải thành lập ngay một tổ chức hạt nhân cộng sản để lãnh đạo trong tù. Cuối năm 1931, khi bọn chúa ngục chuyển những người tù chính trị mang án khổ sai và án tù về Banh I thì nhóm hạt nhân được hình thành do Nguyễn Hồi đứng đầu.

Banh I là điển hình của chế độ khổ sai giết tù. Xây chưa xong hai mố cầu Ma Thiên Lãnh, bọn chúa ngục đã giết hại 356 người tù. Xây cầu tàu Côn Đảo trong nhiều năm chúng đã vùi xác gần một ngàn người. Hầu như mỗi mảnh đất, gốc cây, tảng đá ở Côn Đảo đều khắc sâu nỗi cực nhọc và thấm máu của những người tù khổ sai. Banh I là hiện thân của “địa ngục trần gian”, những công việc khổ sai như xay lúa, đốn củi, kéo gỗ, kè đá, mò san hô, dọn tàu... còn rùng rợn hơn cả cái chết.

Banh I là điển hình của những hình phạt man rợ: đòn roi, còng, xiềng, xà lim, hầm xay lúa, cấm cố biệt lập v.v... Có những lúc để chia rẽ tù, bọn gác ngục đã lựa cá khô còn tốt phát cho tù chính trị Banh II, cá khô mục thối phát cho tù khổ sai Banh I. Trong lúc tù chính trị ở Banh II được nhận tiền và quà của gia đình thì tù khổ sai ở Banh I chỉ được nhận tối đa mỗi tháng một đồng. Bất cứ lúc nào bọn gác ngục cũng có thể đánh đập bắt họ “đền tội với xã hội. Những người cộng sản chỉ có một “tội” yêu nước và đấu tranh cho độc lập tự do, bị kết án khổ sai cũng phải chịu chung sự đối xử dã man như vậy.

Khổ cực và uất hận chất chồng, tù nhân Banh I đã nhiều lần vùng lên chống lại bằng nhiều cách: giết bọn cặp răng lưu manh, giết những tên gác ngục hung ác, tự tử để phản đối hoặc nổi dậy phá ngục. Họ thà chết còn hơn chịu cảnh ngược đãi, đọa đày, song những cuộc đấu tranh như vậy chỉ làm cho bọn chúa ngục thêm bạo ngược, còn phần lớn tù nhân thì kéo dài tình trạng bế tắc và tuyệt vọng.

Một bộ phận lưu manh loại “anh chị” tiếp tục cuộc đời lưu manh trong tù, kết bè đảng với nhau để áp bức những người tù yếu thế. Chúng trở thành một loại công cụ đắc lực của bọn chúa ngục để đày đọa đến cùng cực người tù, từ việc cưỡng bức khổ sai đến cả lúc ăn, ngủ và nghỉ. Nhiều tên cặp răng lưu manh gian ác không kém gì gác ngục như Cai Nhất (kíp đốn gỗ), Tư Nhỏ (kíp san hô), Bảy Tốt (hầm xay lúa)...

Trong sự đày đọa khốn cùng, những người cộng sản Banh I phải quyết định lấy vận mệnh, hoặc là chịu chết mỗi mòn, hoặc là đấu tranh để sống trở về tiếp tục hoạt động cách mạng. Song muốn thay dù một con cá khô mục thối, muốn bớt dù chỉ một thanh củi, một viên đá, một tảng san hô là phải chống lại cả một chế độ khổ sai giết tù, là phải chống chọi cả một bộ máy khủng bố, từ tên chúa đảo đến đám gác ngục và bọn cặp răng tay sai. Đó chính là cuộc đấu tranh cách mạng trong tù, đòi hỏi những người cộng sản phải được tổ chức thành đội ngũ chặt chẽ, có khả năng tập hợp quần chúng tù thường và có phương châm, hình thức đấu tranh thích hợp.

Chi bộ Đảng ở Côn Đảo ra đời vào khoảng đầu năm 1932 tại khám Chi Tồn Banh I, lúc đầu có chừng 20 đảng viên, đồng chí Nguyễn Hồi làm bí thư, chi ủy có các đồng chí Tôn Đức Thắng, Tống Phúc Chiếu, Tạ tuyên, Tống Văn Trân... Đồng chí Phan Đình Khải (Lê Đức Thọ) khi bị đày sang Banh I cũng được bổ sung vào chi ủy. Chi bộ xác định những nhiệm vụ chủ yếu là:

- Lãnh đạo đấu tranh trong tù.
- Giáo dục, bồi dưỡng lý luận cho nhau.
- Tuyên truyền giác ngộ binh lính, giám thị.
- Liên hệ với Đảng ở đất liền và tổ chức trốn.

Hoạt động trong tù, chi bộ đặt lên hàng đầu lòng trung thành với Đảng, xem như tiêu chuẩn quan trọng nhất của đảng viên. Bất cứ ai giữ cương vị nào trong Đảng, khi bị bắt phải giữ vững khí tiết, vào tù không dao động cầu an, không ngần ngại đấu tranh mới được tổ chức vào chi bộ. Đảng viên phải tán thành việc tổ chức Đảng ở trong tù, phải tham gia hoạt động trong tù, vận động quần chúng tù thường, tuyên truyền binh lính, gác ngục và đi đầu trong đấu tranh.

Chi bộ trong tù không quy định đảng phí, ai có bao nhiêu tiền đều góp cả dùng chung. Tiền dùng để mua đồ cứu tế mua dầu đèn, sách báo để học tập và mua sắm các phương tiện để vượt đảo. Mặc dù chưa được Đảng bộ cấp trên công nhận, chi ủy vẫn có uy tín tuyệt đối trong chi bộ cũng như trong toàn thể tù chính trị.

Suốt thời kỳ khủng bố trắng của thực dân Pháp, các cơ sở Đảng hầu hết bị tan vỡ, một phần lớn đảng viên bị bắt. Các cơ quan Trung ương, Xứ ủy, Tỉnh ủy cũng phải lập đi lập lại nhiều lần. Những cơ sở Đảng còn hoạt động được là nhờ lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng, nhờ tính năng động cách mạng và sáng tạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Banh I thường xuyên có trên dưới 1.000 tù nhân, là trung tâm khổ sai của Nhà tù Côn Đảo. Sở Chi Tồn có đến 500 tù nhân là lực lượng khổ sai tập trung đông nhất. Từ cổng Banh I nhìn vào, bên phải là dãy khám 1-2-3-4-5

giam tù làm bồi bếp, bán chế, vệ sinh (Sở tây), thợ hồ và một vài sở khác. Sở Chỉ Tồn chiếm toàn bộ dãy khám 6-7-8-9-10 bên trái. Vừa là một trung tâm khổ sai cực nhọc, Chỉ Tồn vừa là một trung tâm tiếp nhận và phân bổ tù nhân. Hầu hết tù khổ sai về Banh I. đều phải trải qua một thời gian làm khổ sai ở Chỉ Tồn, sau đó mới phân về các sở tù khác.

Chỉ Tồn những năm 1930 cũng là nơi tập trung nhiều đảng viên cộng sản ở Banh I. Ở đó đảng viên gần gũi với số đông tù thường phạm và có điều kiện tiếp xúc với binh lính, gác dang, ma tà cho nên anh em có dịp tuyên truyền, vận động và giác ngộ họ. Địa bàn khổ sai rộng và sự luân chuyển tù giữa Chỉ Tồn và các sở tù khác giúp chi bộ có điều kiện nắm tình hình và chỉ đạo các kíp tù khổ sai.

Chi bộ vận động cho một số đảng viên được ra làm ở các sở ngoài. Một số đồng chí biết nghề được nhận vào làm ở Nhà Thương, Nhà Đền, Ban Chế. Một số người biết tiếng pháp được bố trí làm bồi bếp và thư ký các công sở. Một số khác ra các sở tù khổ sai bên ngoài. Đảng viên của chi bộ đi đến đâu là phát triển cơ sở Đảng ở đó.

Sau một thời gian, các cơ sở Đảng lần lượt được thành lập ở khám 1, khám 2, khám 3, khám 4, Nhà Đền, An Hải, An Hội, Bến Đầm, Sở Muối, Đá Trắng, Cỏ Ống... Chi bộ Chỉ Tồn là trung tâm chỉ đạo, có vai trò như một Đảng ủy. Mặc dù thường bị xáo trộn, chi bộ Chỉ Tồn vẫn là nơi tập trung nhiều đồng chí có trình độ lãnh đạo, đảm nhiệm được vai trò trung tâm chỉ đạo.

Hội tù nhân

Giáo dục giác ngộ tù thường phạm, tổ chức và lãnh đạo họ đấu tranh là một nhiệm vụ cấp bách của chi bộ. Bằng phẩm chất, tư cách của mình, những người cộng sản đã từng bước cảm hóa tù thường phạm. Không bao giờ giành ăn, giành mặc, tù cộng sản còn giúp đỡ thường phạm những lúc cần.

Sau trận bão tháng 11 năm 1930, tù nhân đau yếu rất nhiều, các đồng chí Nguyễn Hồi, Tôn Đức Thắng, Tống Văn Trân đã chỉ đạo tổ chức tương tế trong tù để giúp đỡ lẫn nhau. Hội cứu tế Banh I lần đầu tổ chức được khoảng 100 người tù, mỗi người góp quỹ một xu để mua thuốc bệnh, dầu cù là, đường, sữa, đậu xanh... dùng vào việc cứu tế.

Ở Côn Đảo, ốm đau là nỗi khổ cùng của người tù. Không ăn được, không có thuốc uống mà vẫn phải đi làm khổ sai, đuối sức không làm được là như đòn với gác ngục. Vậy mà ít người dám khai bệnh và đi khám ở nhà thương vì những thầy thuốc tay sai của thực dân thường chỉ xem qua loa rồi ghi hai chữ N.M. (non malade: không ốm) hoặc C.M (consunation motivée: ốm vờ) là bị đánh đập và bị phạt xà lim.

Từ khi có Hội cứu tế, lần đầu tiên trên hòn đảo tù, những tù nhân ốm đau được săn sóc. Từng viên thuốc bệnh, từng giọt dầu xoa và bàn tay chăm sóc ân cần của những người cộng sản đều có sức cảm hóa sâu sắc đối với những người tù đau ốm. Ngay cả số tù lưu manh quen giành giật miếng cơm, manh áo trong tù cũng được những người cộng sản giúp đỡ khi cần thiết, cũng được thương như thương một con người. Những tên lưu manh loại “anh chị” dần dần tỏ thái độ kính nể những người cộng sản.

Bằng hình thức cứu tế thích hợp và những quan hệ quần chúng tốt, những người cộng sản đã cảm hóa và tập hợp một số đông tù thường phạm, từng bước đưa họ vào cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù. Công tác vận động binh lính, gác ngục cũng sớm được chú trọng. Kíp tù làm ở Sở

Ruộng gầy được thiện cảm với tốp lính đi áp giải. Kíp tù quét dọn trong trại lính cũng vận động được một số binh lính là đảng viên Đảng xã hội Pháp mua giúp sách báo tiến bộ.

Một số gác dang được cảm hóa đã bớt hung hãn hơn, có những người như Alếchdăng (Alexandre) hay Simatãmbi (Simatamby) không bao giờ đánh tù. Các chú ma tà¹ số 4, số 5, số 10 được giác ngộ đã giúp nhiều việc đặc lực cho chi bộ. Kíp dọn tàu tích cực liên hệ với thủy thủ trên tàu để đặt đường dây liên lạc với đất liền.

Qua các thủy thủ có cảm tình và những cơ sở của Đảng ta trên các chuyến tàu thường ghé Côn Đảo, chi bộ đã liên lạc được với một số cơ sở Đảng ở đất liền. Tài liệu sách báo của Đảng được chuyển ra Côn Đảo, giấu trong các bao thóc, giỏ cá đưa thẳng về nhà kho Banh I và Banh II. Một số lính Pháp có cảm tình cũng mua giúp sách báo tiến bộ. Các đồng chí ở Nhà Thương, Nhà Đền và kíp dọn tàu là những đầu mối liên lạc trực tiếp với binh lính và thủy thủ, tiếp nhận sách báo cho chi bộ.

Nhà Thương, Nhà Đền còn là hai đầu mối liên lạc giữa chi bộ Chỉ Tồn và các cơ sở bên ngoài. Tin tức, tài liệu và ý kiến chỉ đạo của chi bộ được chuyển qua Nhà Thương đến Nhà Đền. Các sở Chuồng Bò, An Hải, An Hội, Cỏ ống, Sở Muối, Đá Trắng, Bến Đầm... mỗi lần về nhận lương thực, thực phẩm và mua hàng ở tiệm tạp hóa đều ghé cơ sở Nhà Đền nhận tài liệu và báo cáo tình hình về chi bộ Chỉ Tồn.

Gia đình chú ma tà số 5 cũng là một đầu mối liên lạc của chi bộ. Bà cụ Ba là người phúc hậu, ghét Tây và thương anh em tù cách mạng. Cô Bảy, em chú ma tà số 5 giữ tiền quỹ cho chi bộ và mua giúp những thứ cần thiết². Tiệm tạp hóa của cô là nơi đi lại của các đồng chí trong chi bộ. Chi bộ còn đặt mua báo chí ở Sài Gòn gửi nhà cô Bảy. Các đồng chí phụ trách giao thông đến đọc và lấy tin tức. Bà cụ và cô Bảy vừa bán hàng vừa canh gác bảo vệ anh em. Tình thương và sự thông minh của hai mẹ con bà cụ đã nhiều lần cứu thoát các đồng chí ta khỏi nanh vuốt của bọn gác ngục.

Giao thông liên lạc giữa các khám trong Banh I và tù Banh I qua Banh II chủ yếu dựa vào Nhà bếp và Sở tẩy, mỗi khi chia cơm và quét dọn vệ sinh, các đồng chí phụ trách giao thông lại có dịp chuyển tài liệu cho từng khám. Các đồng chí ở Sở tẩy hằng ngày quét dọn vệ sinh còn chuyển tài liệu cho Banh II bằng cách ném qua tường hoặc tuồn qua lỗ cống thông giữa hai banh. Kíp Sở tẩy ở Banh II nhận tài liệu và thông tin cho Banh I cũng bằng con đường ấy.

Các đồng chí Lê Đức Thọ ở Nhà thương, Tô Thúc Rịch ở Nhà đèn, Tôn Đức Thắng, Tống Văn Trân ở Sở tẩy, đồng chí Thiệt ở nhà kho và nhiều đồng chí ở Nhà bếp đã tích cực góp phần bảo đảm mạch máu giao thông của chi bộ. Có lần đồng chí Hồng và đồng chí Hồ do lộ đường dây, bị đánh đập dã man và phạt hàm nhưng không ai hé răng khai báo. Các đồng chí Lý Hồng Nhật và Lang Kiều (thầy thuốc Nam) có những đóng góp tích cực trong công tác cứu tế tù nhân³.

Cải tạo chế độ Hàm xay lúa

Khoảng năm 1933, bọn gác dang phát hiện được đồng chí Tôn Đức Thắng liên hệ với tù chính trị Banh II và phạt giam đồng chí vào Hàm xay lúa. Hàm xay lúa vừa là một hình thức khổ sai để tận dụng lao động của tù nhân, vừa được cấu tạo một cách đặc biệt để đày đọa người tù và trở thành một hình phạt khủng khiếp, dịch gọi là “khu trừng giới” (quartier diciplinaire).

Trực tiếp điều hành trong Hàm xay lúa là một cặp răng¹ chính và 4 cặp răng phụ do xếp banh chỉ định trong số tù lưu manh loại “anh chị”. Bọn này tập hợp hàng chục tên lưu manh đàn em để phục dịch cơm nước và đấm bóp cho chúng. Cả bọn cấu kết với nhau trút tất cả những công việc khổ sai nặng nhọc lên đầu những người tù khác.

Từ 5 giờ sáng tới 17 giờ chiều, Hàm xay lúa chật chội, âm ì, bụi bặm, oi bức và ngột ngạt. Hơn 100 người tù bị xiềng xích, 200 bao thóc chất đống, 5 cối xay và 2 quạt gió đồ sộ chen chúc nhau trong một căn hầm rộng chừng 150 mét vuông. Quạt gió thổi ù ù, cối xay quay âm âm; tiếng xích sắt loảng xoảng lê dưới chân người tù, tiếng thốt cối nặng nhọc nghiêng vào nhau chen lẫn tiếng roi quật đen đét lên những tấm lưng trần và những tiếng rít chửi độc địa của bầy cặp răng lưu manh hòa thành một thứ âm thanh rùng rợn của Hàm xay lúa.

Khác với các sở tù khổ sai, bọn lưu manh trong Hàm xay lúa được toàn quyền hành hạ người tù, chúng hung dữ như một bầy quỷ sứ. Bọn gác ngục chỉ đứng ngoài song sắt để chứng kiến lòng trung thành của đám tù tay sai đã được chúng kích động bản tính lưu manh. Bị áp bức đến cùng cực, tù nhân Hàm xay lúa trở nên hung bạo, thỉnh thoảng họ lại đập chết những tên cặp răng hung ác.

Đồng chí Tôn Đức Thắng vào Hàm xay lúa được ít hôm thì cặp răng Bảy Tốt bị hai người tù thường phạm đập vỡ sọ bằng một khúc gỗ lim, âm mưu

dùng tay bọn tù lưu manh để sát hại đồng chí, xếp ban chỉ định ngay Tôn Đức Thắng làm cặp rảnh chính. Hiểu được ý đồ thâm độc này, một số đồng chí cộng sản cùng bị đày ở Hàm xay lúa lúc ấy bàn với Tôn Đức Thắng nên nhân dịp này nắm quyền lực để cải tạo chế độ Hàm xay lúa.

Lần đầu tiên những công việc ở Hàm xay lúa được tổ chức lại. Tất cả mọi người đều làm việc. Những người yếu được bố trí vào kíp sàng gạo và đóng bao, người khỏe thì xay và khuân vác thóc. Kíp đứng cối nặng nhọc nhất được bố trí thêm người, thay nhau người làm người nghỉ. Thấy có một số tù nhân ngồi nghỉ, tên gác dang coi Hàm xay lúa chực xông vào đánh thì Tôn Đức Thắng ôn tồn bảo hăn: “Đủ gạo thì thôi, đánh đập có ích gì “Nói vậy nhưng chẳng bao giờ đủ gạo. Cặp rảnh Tôn Đức Thắng không bắt tù xay nhiều thóc. Có lần tên xếp ban đích thân đến quở trách, đồng chí Tôn Đức Thắng đã trả lời hăn: “Tôi có thể chỉ huy cả một đội quân Lê dương² nhưng tôi không thể điều khiển tù nhân xay lúa theo ý các ông được”.

Đồng chí Tôn Đức Thắng khi trước làm thợ máy trong Hải quân Pháp, năm 1919 đã từng kéo lá cờ cách mạng trên biển Hắc Hải bảo vệ nước Nga Xô Viết, bọn gác ngục Pháp đều biết tiếng, ngay cả đám tù lưu manh cũng phải kiêng nể. Những người tù thường phạm đã nhiều lần bị phạt Hàm xay lúa thì hết sức ngạc nhiên. Lần đầu tiên họ thấy một ông cặp rảnh không hề đánh tù mà ôn tồn chỉ bảo cho từng người cách làm việc, cách cư xử với nhau. Bọn gác ngục Pháp thì rất hậm hực vì công việc đã không chạy mà tù nhân lại đoàn kết với nhau.

Nhóm cộng sản trong Hàm xay lúa tích cực giáo dục, cảm hóa tù thường. Hội cứu tế tù nhân được tổ chức trong Hàm xay lúa. Những người ốm đau được chăm sóc chu đáo. Hội tù tổ chức cạo gió xoa bóp cho nhau, san sẻ nỗi mệt nhọc trong ngày. Buổi trưa, khi bọn gác ngục về hết, Hội tù xúc gạo nấu cơm ăn thêm để bảo đảm sức khỏe. Buổi tối, Hội tù tổ chức học văn hóa, nói chuyện truyền thống, giáo dục lòng yêu nước cho tù thường. Không khí đoàn kết, học tập và giúp đỡ lẫn nhau dần dần thay thế cho sự thù hằn, chia rẽ. Nhiều người tù thường phạm rất ham học văn hóa. Anh

Dù, tù án lưu (relégué) chưa biết chữ nào, nhờ học mấy tháng ở Hầm xay lúa mà viết được thư về cho vợ làm cả nhà hết sức ngạc nhiên. Đến khi nhận được thư vợ gửi ra, anh cảm động đến phát khóc.

Nhiều người tù lưu manh cảm phục những người cộng sản mà bớt hung hãn hơn. Có người giác ngộ, sau về tham gia kháng chiến. Tình hình được cải thiện trong Hầm xay lúa làm bọn gác dang không vừa lòng. Tên xếp banh quyết định thay cặp rằng chính nhưng vẫn chỉ định Tôn Đức Thắng và Tô Hiệu làm cặp rằng phụ. Hết hạn phạt, Tôn Đức Thắng trở về Sở tây- Có tên gác dang ngạc nhiên hỏi: “Mêcanixiêng³ còn sống đấy hả? Tưởng chết rồi chứ?”

Nhiều cặp rằng Hầm xay lúa đã bị tù nhân đập chết trước khi mãn hạn phạt, nhưng bọn thực dân không thể hiểu được rằng những người cộng sản đang từng bước cải tạo “địa ngục trần gian” này.

Tổ chức đấu tranh, giành quyền sống

Sau khi thành lập chi bộ, những người cộng sản ở Côn Đảo tiếp tục thảo luận vấn đề đấu tranh trong tù.

Một số người cho rằng ở Côn Đảo không thể đấu tranh bằng hình thức tuyệt thực, lãn công, bãi công được mà chỉ có thể bạo động cướp chính quyền. Quan điểm này được viết thành tài liệu và đưa ra thảo luận rộng rãi, song nhiều ý kiến kiên quyết phản đối quan điểm trên.

Đồng chí Nguyễn Hời viết nhiều bài trên báo Tiến Lên khẳng định rằng: ở Côn Đảo không thể có động cướp chính quyền được mà chỉ có thể tập hợp lực lượng, lãnh đạo đấu tranh bằng các hình thức lãn công, bãi công, tuyệt thực đòi cải thiện chế độ lao tù. Quan điểm này được số đông tù cộng sản tán thành và trở thành phương hướng chỉ đạo của chi bộ.

Giữa năm 1933, gần 100 tù cộng sản từ Khám Lớn (Sài Gòn) bị đày ra Côn Đảo sau vụ án 121 đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương chấn động dư luận. Cuối năm 1933, thực dân Pháp đày 200 tù chính trị ở Sơn La và Hỏa Lò (Hà Nội) ra Côn Đảo. Nhà tù Côn Đảo trở thành nơi tập trung đày ải một phần lớn cán bộ, đảng viên và các đồng chí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc đó.

Chi bộ có thêm nhiều cán bộ lãnh đạo xuất sắc như Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Nguyễn Công Thương (Lê Văn Lương), Lê Quang Sung, Nguyễn Chí Diểu, Trần Quang Tạng... Ngô Gia Tự tham gia ngay cuộc tranh luận về vấn đề đấu tranh trong tù, đồng chí khẳng định: “Phải đấu tranh giành lấy quyền sống, không thể để cho bọn chúa ngục muốn làm gì thì làm!”.

Qua thực tiễn tổ chức và đấu tranh ở các nhà tù Sơn La, Hỏa Lò (Hà Nội) và Khám Lớn (Sài Gòn), với sự đóng góp của nhiều cán bộ có trình độ lý luận, cuộc thảo luận đã xác định rõ mục tiêu đấu tranh trong tù, một loại hình đấu tranh mới mẻ và đặc biệt đối với những người cách mạng Việt Nam. Đấu tranh trong tù được xác định là một bộ phận trong toàn bộ cuộc

đấu tranh cách mạng nhằm chống chế độ lao tù hà khắc, bảo vệ sinh mạng, duy trì tinh thần chiến đấu và rèn luyện, đào tạo đội ngũ cán bộ cho Đảng.

Cuộc thảo luận còn đi đến kết luận rằng các chi bộ ở Côn Đảo phải thống nhất trong một tổ chức Đảng có tính chất toàn đảo Trung tâm chỉ đạo vẫn ở khám Chi Tồn. Đồng chí Ngô Gia Tự được cử làm bí thư và thể hiện vai trò lãnh đạo xuất sắc Nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ được xác định rõ là:

- Lãnh đạo tương tế.
- Lãnh đạo đấu tranh.
- Lãnh đạo học tập và tự học tập
- Tổng kết kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, biên soạn và dịch thuật tài liệu cho Đảng.
- Tổ chức trốn (tiếng lóng lúc ấy gọi là “đi câu”).

Qua thư từ gửi về đất liền, đảng bộ đã nối được liên lạc với Xứ ủy Nam Kỳ. Các đồng chí mãn án trở về được chi bộ giới thiệu và giao nhiệm vụ liên lạc với Xứ ủy báo cáo sự ra đời và hoạt động của chi bộ nhà tù Côn Đảo, đề nghị Đảng công nhận và cung cấp sách báo, tài liệu để huấn luyện cho cán bộ, đảng viên. Chi bộ còn đề nghị Đảng phát động một phong trào đấu tranh đòi ân xá tù chính trị và vận động quần chúng gửi tiền và quà ra tiếp tế cho tù chính trị ở Côn Đảo. Việc liên lạc với đất liền đã găn bó những hoạt động của tù chính trị ở Côn Đảo với phong trào cách mạng ở Đông Dương lúc đó.

Lớp tù chính trị ở Sơn La, Hòa Lò (Hà Hội) và Khám Lớn (Sài Gòn) ra đã tăng thêm tinh thần và lực lượng cho tù chính trị Côn Đảo. Chi bộ Chi Tồn tích cực củng cố Hội tù nhân và chuẩn bị mọi mặt cho các cuộc đấu tranh. Sau nhiều lần thảo luận ở các khám và các sở tù mùa hè năm 1934 một cuộc Hội nghị đại biểu tù nhân đã được triệu tập tại một động cát phía sau sở Chuồng Bò, đại biểu các kíp tù khổ sai Banh I và các sở tù khổ sai, thay mặt cho hơn 300 hội viên đã quyết định thành lập Hội tù nhân thống nhất.

Do được chuẩn bị chu đáo và bí mật, các đại biểu đã thảo luận trong hai tiếng đồng hồ, giải quyết xong các vấn đề cơ bản của Hội tù. Mặc dù số đông hội viên là tù cộng sản, tôn chỉ, mục đích của Hội tù nhân vẫn thể hiện tính chất quần chúng rộng rãi:

- Giúp đỡ nhau trong lúc đau yếu và trong việc làm (khổ sai)
- Đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt và giảm nhẹ khổ sai.
- Tổ chức học tập văn hóa.

Một Ban lãnh đạo chung toàn đảo được thành lập gồm các đồng chí Nguyễn Hồi, Ngô Gia Tự, Trần Quang Tặng...

Thực tế hoạt động sau này, Hội tù nhân dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh có tính chất chính trị và mở các lớp học lý luận cho cán bộ, đảng viên và thu hút nhiều quần chúng, tù thường tham gia. Mục đích, tôn chỉ của Hội tù nhân được xác định ngay từ đầu có sức thuyết phục đối với quần chúng, tù thường phạm và cả những người tù thuộc các đảng phái khác. Nhiều người tù thường phạm đã được giác ngộ và được kết nạp vào Hội tù nhân. Phần lớn họ là những người lao động bị bần cùng hóa đến mức phải phạm tội. Một số khác vốn là người lao động bị bắt oan, hoặc là những nông dân đã phản kháng lại sự áp bức của bọn phong kiến, địa chủ.

Những cuộc đấu tranh đầu tiên đòi giảm nhẹ khổ sai đã nổ ra ở khám Chi Tồn. Chi ủy đã thảo luận kỹ với Hội tù nhân về mức khổ sai hợp lý cho từng kíp việc rồi giao cho Ban tranh đấu chỉ đạo đấu tranh.

Ở kíp vận chuyển, bọn chúa ngục bắt 5 người phải đẩy một xe bò lớn chất đầy củi, gạch. Đường xa ba, bốn cây số mà mỗi ngày phải đi 5 chuyến. Nhiều đoạn đường dốc và cát sỏi tù nhân phải bắt bánh nhích từng bước dưới nắng rát và roi vọt. Đi chậm là đòn, thiếu chuyến là phạt hàm, xiềng. Ban lãnh đạo quyết định chỉ đạo đấu tranh đòi 7 người đi một xe, mỗi ngày chỉ đi 3 chuyến (sáng 2 chuyến, chiều một chuyến), Ban tranh đấu chịu trách nhiệm chỉ đạo các kíp tù kiên quyết đấu tranh đòi thực hiện bằng được.

Giữa năm 1934, kíp xe cũi từ An Hải về Lò Than đấu tranh đòi 7 người đi một xe. Tên gác dang Luyđôvích Đờ Lít (Ludowic de Lys) và bọn ma tà vung roi đánh túi bụi. Cả kíp tù bỏ việc vây quanh xe. Chấp hành kỷ luật đấu tranh không ai rời vị trí. Giãng co hàng giờ đồng hồ, sau chúng phải chịu để 7 người đẩy một xe. Đến đoạn đường dốc bọn gác ngục đánh trả thù, cả kíp tù lại bỏ xe hô khẩu hiệu phản đối. Cuộc đấu tranh do các đồng chí trong chi ủy như Ngô Gia Tự, Trần Quang Tạng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương... trực tiếp chỉ đạo. Lần ấy ai cũng chuẩn bị tinh thần chịu phạt hầm, xiềng nhưng không ai việc gì.

Kíp xe gạch từ Lò Gạch về nhà thương cũi (hủi) đấu tranh đòi 7 người đẩy một xe, cả kíp bị phạt xiềng trong khám 6-7. Kíp xe thóc từ cầu tàu về Banh II cũng đòi 7 người đẩy một xe. Ban lãnh đạo chỉ đạo người cầm cào, định ra từng chặng nghỉ giải lao, định tốc độ đi... sao cho vừa đúng hai chuyến là hết buổi sáng.

Cuộc đấu tranh diễn ra ngay trước mũi tên chúa đảo Buvie, bọn gác ngục đánh tù như điên như dại. Hôm ấy xếp Banh I phải dành riêng khám 10 để nhất những người bị thương. Các cuộc đấu tranh đều được chi ủy chỉ đạo chặt chẽ, giao nhiệm vụ đến tận từng người, kiên quyết đấu tranh nhưng tuyệt đối không manh động để địch kiểm soát đàn áp.

Trong đoàn tù Sơn La ra Côn Đảo, cuối năm 1933 có nhiều người bị tê phù và sốt rét nặng mà vẫn buộc phải đi làm khổ sai. Bọn cặp rằng lưu manh còn tác oai tác quái trong các kíp tù, hành hạ những người ốm yếu một cách tàn nhẫn vì không làm nổi việc. Có lần chúng đánh anh Tăng Văn Thiều chết ngất khiến tù nhân hết sức phẫn nộ. Ít lâu sau, tên Tư Nho lại đánh đồng chí Nguyễn Ngọc Cư trọng thương. Chi ủy quyết định trừng trị bọn cặp rằng lưu manh. Các đồng chí Ngô Gia Tự, Bảy Cùi, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Vũ Duy Cương... trực tiếp thực hiện quyết định này. Tên Tư Nhỏ bị đánh một trận như tử.

Do tổ chức chặt chẽ và biết cách đối đáp nên không ai việc gì. Tư Nhỏ bị phạt hầm tối. Anh em cử Ngô Gia Tự làm cặp rằng khám Chi Tồn. Các khám khác và các sở tù cũng lần lượt lật đổ chế độ cặp rằng tay sai, bầu

những cặp răng cộng sản. Kíp Nhà bếp cử đồng chí Đào Gia Lựu làm cặp răng lo việc cải thiện đời sống cho tù nhân.

Các cuộc đấu tranh đòi giảm nhẹ khổ sai vẫn liên tiếp nổ ra. Kíp đập đá đòi giảm định mức từ 0,3 m³ xuống 0,2 mét khối. Kíp dọn tàu rất vất vả, anh em tổ chức thành 2 ca, luân phiên nhau vừa làm, vừa nghỉ. Mặc dù đã được cả gác dang và ma tà trông coi đồng ý, nhưng đến khi tên Xếp chánh Corítơchiani (Cristiani) đến kiểm tra là hăn vung gậy bổ tới tấp xuống đầu những người tù đang ngồi nghỉ, bất kể đám gác ngục phân bua thế nào. Đồng chí Nguyễn Chí Diểu bị phạt 90 ngày hàm tối, còng cả hai chân và phải ăn cơm nhạt, uống nước lã 10 ngày.

1. Nhiều người đã trở thành đảng viên cộng sản, nhiều người sau trở về tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp, có một số đã bị sinh trong kháng chiến như anh Thắm ở Nhà Bè (Sài Gòn), anh Kiệt ở Cần Giuộc (Long An)...

Một lần tàu chở thóc ra đảo, các bao thóc trộn lẫn nhiều sỏi và đất, anh em kíp dọn tàu phát hiện và yêu cầu nhà kho không nhận. Đốc tờ Nhã, một bác sĩ có lương tâm đến kiểm tra cũng xác nhận là thóc không thể ăn được. Chúa đảo Buvie đã được chủ thầu hối lộ nên trả lời rằng từ trước đến nay vẫn như vậy. Tên chủ thầu gian xảo nói với đốc tờ Nhã: ông là người Việt Nam, tôi cũng là người Việt Nam, sao ông làm khó dễ cho tôi vậy?.

Trước mặt chúa đảo Buvie, đốc tờ Nhã đã trả lời thẳng thắn với chủ thầu: Thế những người tù đây có phải là người Việt Nam không. Nếu ai trộn sỏi đất vào thóc như vậy cho ông ăn, ông có ăn được không? Buvie giận tái mặt, nhưng trước sự đoàn kết đấu tranh của tù nhân và thái độ cương quyết của đốc tờ Nhã, một thành viên trong Ban tiếp nhận, hăn buộc phải cho tàu chở thóc về Sài Gòn.

Đốc tờ Nhã có cảm tình đặc biệt với tù cộng sản. Thời gian làm bác sĩ ở đảo (1933-1934) ông cấp cho anh em tù nhiều thuốc bổ và thuốc bệnh. Có lúc ông ghi đơn thuốc và chế độ ăn cho tù nhân có cả tim gan lợn, rau xanh,

đường sữa... và kiên quyết yêu cầu xếp ban phải thực hiện đúng chế độ đối với người bệnh. ông còn yêu cầu chúa đảo cung cấp mỗi tuần 10 kg tim gan lợn cho tù nhân đau ốm.

Kíp đồn củi, kíp kéo gỗ cũng tích cực đấu tranh đòi hạ mức khổ sai. Kíp lấy san hô đòi tự tổ chức công việc của mình. Bọn gác dang buộc phải đồng ý. Hội tù nhân vận động anh em đoàn kết tương trợ nhau, người khỏe kèm người yếu, người biết làm hướng dẫn người chưa biết làm.

Cách tổ chức của những người cộng sản đã làm cho công việc lấy san hô bớt rùng rợn hơn xưa. Ngày nào kíp san hô cũng lấy đủ số lượng trước giờ quy định, không ai bị đánh đập nữa. Thời gian chờ nước lên để vào bờ, anh em bắt cá, cua cải thiện đời sống. Tù thường phạm rất phục những người cộng sản, họ thường nói: “Xem đồng san hô cộng sản làm là biết tài của cộng sản”. Không riêng kíp san hô, ở các kíp tù khổ sai khác tù thường phạm cũng phục tài tổ chức và tinh thần đấu tranh của tù cộng sản. Tù thường phạm tham gia đấu tranh ngày càng nhiều.

Tổ chức và hoạt động của tù chính trị ở Hòn Cau Ngay từ năm 1930, khi vấn đề thành lập chi bộ trong tù mới được đưa ra thảo luận thì đã có một số tù cộng sản bị đày ra Hòn Cau.

Cách thị trấn Côn Đảo 12 km về phía đông, Hòn Cau rộng 1,8 km². Ba mặt Hòn Cau là vách đá, nơi làm tổ của loài chim yến, phía nam Hòn Cau là thung lũng đất tốt có vườn cây trái xanh tươi. Bãi cát sát mép biển viền chân thung lũng một màu trắng mịn. Đó là nơi cư trú và sinh sôi của các loài vích và đồi mồi. Từ thuở Nguyễn Ánh ra Côn Đảo tị nạn đã có một số người dân sinh cư lập nghiệp trong thung lũng Hòn Cau.

Vùng đất ấy mang tên xóm Bà Thiết (Võ Thị Thiết), người có công đầu trong việc khai khẩn và tạo dựng. Xóm cổ còn để lại dấu vết đậm nét trên những con đường ngang dọc lát đá và giếng nước cổ xưa, trong khu vườn cây trái lâu đời gồm các loại dứa, cau, xoài, măng cầu xanh tốt. Khi thực dân Pháp thiết lập Nhà ngục Côn Đảo thì Hòn Cau được tổ chức thành một sở tù để khai thác các nguồn lợi trên đảo này. Dân xóm Bà Thiết bị trục xuất về đất liền.

Khu trại giam Hòn Cau nằm ở trên một dải cát tương đối bằng phẳng ở nửa phía tây thung lũng. Trại giam Hòn Cau gồm 5 gian nhà lợp tranh rộng chừng 6 mét, dài khoảng 20 mét, chỉ có một cửa ra vào, xung quanh bưng kín bằng gỗ ván. Trước mặt nhà giam, chỉ cách vài thước là nhà ăn của tù nhân chạy suốt dãy nhà giam, cũng lợp tranh nhưng xung quanh để trống. Phía trước nhà ăn là một cái sân rộng. Qua sân là một vườn măng cầu, xa hơn là bãi cát ven biển dài chừng 700 mét. Phía tây trại giam là bàn giấy của tên đội ma tà, còn phía đông trại giam là Nhà bếp, nhà kho và chuồng heo.

Hòn Cau vừa là một sở tù khổ sai, vừa là hòn đảo biệt lập để đày tù. Tuy vậy, bọn chúa ngục không có điều kiện thiết lập một chế độ đày ải quá khắc nghiệt. Buổi sáng, tên đội tập trung tù nhân trước sân để giao công việc, mấy tên ma tà trông coi tù làm và canh gác đề phòng tù trốn. Buổi tối chúng lại bắt tù tập trung trước sân để điểm danh vào khám.

Hằng tháng, thuyền ở Côn Đảo chở lương thực ra Hòn Cau rồi chở hoa quả và thực phẩm về. Mỗi khi có tù trốn, tù ốm hay hoa quả chín nhiều, tên đội lại cho đốt một, hai hoặc ba đồng lửa ở mỏm đá phía tây Hòn Cau báo hiệu cho bọn gác ngục ở thị trấn Côn Đảo ra giải quyết. Đến mùa chim yến làm tổ, chúa đảo đưa một kíp tù nhân qua lấy tổ yến về nộp cho hãn.

Hòn Cau từng là nơi đày đọa nhiều thế hệ tù nhân yêu nước. Từ năm 1929, trại giam Hòn Cau có thêm những người tù chính trị cầm cố án nặng thuộc các tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, Quốc dân đảng và một số người chống Pháp thuộc các xu hướng chính trị khác. Tù Quốc dân đảng ở Hòn Cau một số có tư tưởng chống cộng quyết liệt như Nhượng Tống, Đội Sơn, Đội Luyện...

Ngay từ khi bị giam chung ở Hỏa Lò họ đã xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản là “tam vô” và ra tờ báo Con đường cách mạng chống lại chủ trương của những người cộng sản. Bị những người cộng sản phê phán tư tưởng tư sản lỗi thời, đường lối cách mạng không triệt để và tính chất manh động thì phái Quốc dân đảng cực đoan vô cùng căm tức, tìm mọi cơ hội trả thù. Vừa

bị đày ra Hòn Cau, lợi dụng số lượng đông hơn, họ viết “tối hậu thư” buộc những người cộng sản đầu hàng (?!).

Mặc dầu lúc đầu mới có khoảng năm, sáu người, nhóm cộng sản ở Hòn Cau vẫn kiên quyết bác bỏ tối hậu thư của Quốc dân đảng. Anh em phê phán chủ nghĩa Tam Dân, tranh thủ những người yêu nước chân chính trong hàng ngũ Quốc dân đảng và nêu khẩu hiệu “Liên hiệp đấu tranh”, đòi được tự làm nhà để ở (không ở trong trại giam), đòi phải sử dụng lao động tù nhân vào những việc nhằm cải thiện đời sống người tù và đòi không được nộp thịt vịch cho chúa ngục trong lúc Hòn Cau đang thiếu thực phẩm.

Những người yêu nước chân chính trong hàng ngũ Quốc dân đảng và cả những người trung lập đều ủng hộ chủ trương của tù cộng sản. Bọn cực đoan bị cô lập. Tên đội ma tà cai quản ở đây buộc phải chấp nhận các yêu sách của tù nhân. Những người tù cộng sản dựng nhà riêng ở phía đông trại giam, gần ngôi mộ bà Thiệt. Tù Quốc dân đảng cũng làm nhà ra ở phía tây trại giam, còn tù thường phạm thì ở lại trong trại.

Khoảng cuối năm 1930, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng một số tù chính trị bị đày sang Hòn Cau, “xóm cộng sản” tăng lên gần 20 người. Hầu hết những người cộng sản đều nhất trí rằng: đã là người cộng sản thì ở đâu cũng phải sinh hoạt trong một tổ chức, thống nhất với nhau về tư tưởng, hành động và sinh hoạt. Anh em tập trung tất cả tiền và quà gia đình gửi ra để dùng chung, tổ chức trồng rau, mì (sắn) và đan lưới đánh cá cải thiện. Một số đồng chí được phân công phụ trách các công tác “ngoại giao”¹, tổ chức học tập và cải thiện đời sống.

Tháng 9 năm 1931, nhiều ngời tù chính trị cấm cố án nặng (trên 10 năm) bị đày tiếp ra Hòn Cau, đưa số tù cộng sản ở đây lên gần 30 người. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã tổ chức một cuộc họp toàn thể anh em tù cộng sản để trao đổi tình hình và củng cố tổ chức.

Công việc khổ sai ở Hòn Cau có phần nhẹ nhàng hơn các sở tù khác. Tranh thủ được thời gian và sự dễ dãi của bọn ma tà, nhóm cộng sản tích cực tổ chức học tập. Nhiều đồng chí trước đây là thợ mỏ chưa biết chữ nào, nhờ được hướng dẫn đã đọc thông viết thạo. Người đã có học ít nhiều thì

học thêm các môn văn hóa và ngoại ngữ. Mỗi môn học được hướng dẫn vài buổi mỗi tuần, còn chủ yếu là cá nhân tự học, vậy mà học được rất nhiều. Môn ngoại ngữ có người đạt được yêu cầu: đọc nói và viết. Những người giỏi ngoại ngữ tự nghiên cứu sách lý luận bằng tiếng Pháp. Đồng chí Phạm Văn Đồng lược dịch cuốn Kinh tế chính trị học của Lapiduyt (Lapidus) rồi giảng cho anh em.

Các buổi tối, anh em cộng sản thường sinh hoạt, khi thì quây quần quanh đồng lửa nhỏ để thảo luận những vấn đề chính trị, có khi là nghe giới thiệu về những tác phẩm văn học ưu tú trên thế giới hoặc nghe đồng chí Phạm Văn Đồng trình bày những bài học về Cách mạng tháng Mười (1917). Dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga năm 1931, những người tù cộng sản đã đưa lên “sân khấu” Hòn Cau một màn kịch tự soạn theo cuốn Mười ngày rung chuyển thế giới của Giôn Rít. Hình ảnh đất nước Lênin trong những ngày sôi sục cách mạng đã làm sống lại những bài học của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, làm say mê cả người diễn và người xem.

Quá trình học tập, sinh hoạt và thái độ đúng mực của những người cộng sản có ảnh hưởng tốt đến số đông tù nhân ở Hòn Cau. Trong nội bộ tù Việt Nam Quốc dân đảng ở đây diễn ra một sự phân hóa sâu sắc, bắt đầu từ khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại. Việc truyền bá chủ nghĩa Mác-lênin vào Việt Nam và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với cương lĩnh cách mạng triệt để đã làm cho nhiều đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng nhận rõ sự mơ hồ của chủ nghĩa Tam Dân và tính chất không triệt để trong tôn chỉ, mục đích của Quốc dân đảng. Nhiều cuộc tranh luận gay gắt đã nổ ra. Phái cực đoan đứng đầu là Đội Sơn và Nhượng Tống ra sức bảo vệ chủ nghĩa quốc gia thuần túy. Phái tả đại diện là Trương Dân Bảo, Nguyễn Phương Thảo (Nguyễn Bình) đã nghiêng hẳn về phía chủ nghĩa cộng sản. Phái giữa mà đại diện là Phạm Tuấn Tài, Trần Huy Liệu thì say mê lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản nhưng lại không nỡ để cho Quốc dân đảng chết. Họ muốn dung hòa các chủ nghĩa để đem lại một chủ nghĩa mới cho Việt Nam Quốc dân đảng.

Những xung đột về tư tưởng diễn ra dưới mọi hình thức trong nội bộ Việt Nam Quốc dân đảng ở Hòn Cau đã dẫn đến một vài cuộc ẩu đả lẫn nhau. Phạm Tuấn Tài, một sáng lập viên của Việt Nam Quốc dân đảng phải đứng ra dàn xếp. Một tiểu ban giải thích chủ nghĩa của Quốc dân đảng được thành lập và đưa ra lời giải thích: “Trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới có nghĩa là trừ bỏ những áp bức về chính trị, kinh tế và xã hội (cách mạng) để mưu hạnh phúc cho người Việt Nam (cách mạng dân tộc) và người thế giới (cách mạng thế giới)².”

Bản giải thích này không thuyết phục được ai. Các cuộc xung đột nội bộ vẫn tiếp tục xảy ra. Một số lãnh tụ Quốc dân đảng chủ trương giải quyết mâu thuẫn trên bằng cách tổ chức vượt ngục về đất liền để cải tổ Việt Nam Quốc dân đảng, đổi tên và xây dựng chủ nghĩa mới cho đảng. Cuộc vượt ngục được khởi sự vào đầu năm 1932, cuối mùa gió chướng³. Gió đã yếu và thổi không đều nên bè quanh quẩn ở Hòn Cau, không thoát đi được. Sáng ra bọn gác ngục ở Hòn Cau phát hiện và nổi hiệu lửa cho canô ở Côn Đảo ra bắt lại. Những người cộng sản chưa kịp tổ chức vượt ngục cũng bị đưa về Ban II, chỉ có vài người tù cũ được để lại trông coi vườn cây trái.

Tổ chức và hoạt động của tù chính trị Banh II

Banh II được cấu trúc một kiểu như Banh I nhưng được dành riêng để đày ải tù chính trị với chế độ khác biệt hẳn. Tù nhân Banh II bị cấm cố trong khám, mỗi ngày chỉ được ra ngoài hai lần, mỗi lần chưa đến mười phút để nuốt vôi miếng cơm hẩm đầy sạn và thóc. Vào cấm cố vài tháng là ghẻ lở đầy người, mòn mõi đi vì thiếu ánh sáng, khí trời và dinh dưỡng. Thêm vào đó là chế độ ăn uống tồi tệ, nhiều người bị kiệt lực nặng rồi chết. Năm 1931, Banh II có hơn 300 tù chính trị thì có 30 người chết vì bệnh tật. Tháng 3 năm 1932, Thanh tra thuộc địa ra Côn Đảo đã nhận xét: “Chế độ phát lưu (déportation) hiệu và thực hiện như thế này thì nặng hơn chế độ khổ sai”.

Đáng lẽ người bị án phát lưu được sinh sống tự do như dân thường trên đảo, được giúp đỡ làm nhà riêng, được đưa vợ con ra nếu muốn, được tự do mua sách báo, học tập và nghiên cứu, biên soạn chỉ trừ việc xuất bản phổ biến và đi ra khỏi đảo¹. Thế nhưng bất chấp cả luật pháp, bọn thực dân đã thi hành một chính sách đày đọa độc tài và phát xít. Mỗi lần tù nhân đấu tranh đòi quyền lợi của tù chính trị thì bọn chúng đều trả lời thẳng thừng: Không xử tử được tội bay thì chúng tao phải làm cho tội bay mục xương trong tù. Nếu như bọn chúa ngục giết tù nhân Banh I bằng khổ sai thì chúng giết tù Banh II bằng cấm cố.

Banh II từ đầu năm 1930 là nơi tập trung nhiều tù chính trị thuộc các tổ chức cách mạng như Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng cộng sản và các tổ chức quần chúng nói trên; có cả một số người yêu nước dưới ảnh hưởng của Nguyễn An Ninh. Nếu như yêu cầu cấp bách đối với Banh I là phải đấu tranh chống chế độ khổ sai giết tù thì yêu cầu khách quan đặt ra cho những người cộng sản ở Banh II là đoàn kết các xu hướng chính trị, đấu tranh đòi

cải thiện đời sống, đòi thực hiện chế độ tù chính trị, bảo vệ sinh mạng cán bộ, và tổ chức học tập văn hóa, lý luận, đào tạo rèn luyện cán bộ cho Đảng.

Cuộc thảo luận về vấn đề thành lập chi bộ cộng sản ở Ban II chưa đi đến nhất trí, tù chính trị Ban II tổ chức Ban lãnh đạo dưới hình thức Ban trật tự ở các khám và Ban trật tự chung toàn Ban II. Người trong các ban đó do tù chính trị cử ra và đấu tranh buộc xếp ban công nhận. Ban trật tự điều khiển toàn bộ hoạt động của tù nhân và giao dịch với xếp ban, gác ngục. Ban lãnh đạo chăm lo công tác cứu tế tù nhân, chăm sóc những người tù đau yếu, bệnh tật... lúc này không ít người tù chưa tin rằng ở Côn Đảo có thể tổ chức và đấu tranh thắng lợi được. Ban lãnh đạo chủ trương đưa khẩu hiệu đấu tranh từ thấp đến cao, kiên trì đấu tranh, giành kết quả thiết thực ban đầu.

Sau trận bão cuối năm 1930, Ban II mới được lợp tạm bằng tranh sài, mưa dột nước ngập trong khám. Ban lãnh đạo yêu cầu lợp lại, xếp ban đồng ý cho đưa tranh tre vào, bắt tù Ban II lợp. Năm sau vẫn dột, chúng cho đưa ngói vào thay. Ban lãnh đạo tiếp tục yêu cầu cho tù được ra sân chơi, được nạo vét giếng, được tự nấu ăn, được trồng rau cải thiện, được nhận thư từ, sách báo...

Những yêu sách như vậy còn thấp hơn nhiều so với chế độ tù chính trị mà luật pháp thực dân đã ghi nhận, nhưng mỗi lần đưa kiến nghị là đại biểu tù nhân bị phạt xà lim, lại phải đấu tranh tập thể, bãi thực, hò la phản đối.

Chuyến tù từ Hòn Cau về đầu năm 1932 và các chuyến tù chính trị ở Khám Lớn (Sài Gòn), Sơn La, Hỏa Lò (Hà Nội) liên tiếp ra Côn Đảo trong những năm 1932-1933 đã đưa vào Ban II nhiều đồng chí có trình độ lý luận. Ban lãnh đạo ở các khám và Ban lãnh đạo chung được củng cố, các đồng chí Phạm Hữu Lầu, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng... đã có nhiều đóng góp trong quá trình tổ chức và lãnh đạo tù nhân Ban II.

1. Ở Côn Đảo, dưới thời Quản đốc O'Connell, tù chính trị bị án phát lưu có một thời gian duy nhất được sống dễ thở hơn đôi chút (1914-1916).

Sau nhiều lần đấu tranh, bọn cầm quyền ở Côn Đảo buộc phải để cho tù nhân được tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ và học tập chính trị, lý luận. Công tác văn hóa, nghệ thuật trong tù vừa là một nhu cầu thường thức nghệ thuật, làm phấn chấn tinh thần, vừa có tác dụng giáo dục tốt, giúp cho người tù sống qua những ngày đen tối, đơn điệu và nặng nề trong ngục thất.

Tù chính trị Banh II đã biên soạn và trình diễn các vở kịch Trưng Nữ Vương, Quang Trung, Đề Thám... để giáo dục truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc. Tết âm lịch năm 1933, tù chính trị Banh II diễn vở Người bệnh tưởng của Molière (Molière), tạo được không khí vui tươi, phấn khởi. Anh em tù chính trị Quốc dân đảng cũng đóng góp tích cực vào việc dàn dựng và thường thức.

Tết năm 1933 “gánh hát” của Nguyễn Văn Nguyễn ở Sở rẫy An Hải đã trình diễn vở Tứ đồ tường phê phán các tật xấu của xã hội như uống rượu, trai gái, đánh bạc, hút thuốc phiện. Vở tuồng được chuyển thể thành cải lương hợp với thị hiếu nghệ thuật của đồng bào miền Nam, khẳng định những tội lỗi xấu xa đó là do xã hội đương thời đẻ ra. Vở hát có tác dụng giáo dục con người và tố cáo xã hội cũ sâu sắc, được đông đảo tù thường và ma tà cùng vợ con họ hoan nghênh ‘ nhiệt liệt. Từ đó, cứ gặp tù cộng sản là họ đề nghị cho xem hát và tỏ ý sẵn sàng giúp mọi phương tiện để diễn kịch.

Tù chính trị Banh II có trong tay nhiều tác phẩm có giá trị của các nhà văn cổ điển Pháp. Những người tù có chung một mối đồng cảm nghệ thuật cùng nhau nghiên cứu và thảo luận những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Nhiều đảng viên Quốc dân đảng đã sốt sắng tham gia với anh em cộng sản để đọc, dịch, dàn dựng, biểu diễn và thường thức các vở kịch của Molière và kịch cổ điển Pháp. Nhiều người từng bi quan, bế tắc đã tìm thấy ý nghĩa mới của những ngày tháng ở tù. Họ bắt đầu say mê học tập, nghiên cứu, sống lạc quan, sống có ý nghĩa..

Cuốn sách “Mười ngày rung chuyển thế giới” của nhà văn tiến bộ Mỹ Giôn Rít viết về cuộc Cách mạng tháng Mười Nga được tù chính trị Banh II

dịch và chuyền tay nhau đọc. Một số đồng chí được phân công chuyên dịch các tác phẩm: “Xi măng của Gôlátcốp (Gladkov), “Suốt Thép của Xêraphimôvích (Sérafimovitch), giới thiệu về những thành tựu của nền văn học Xô viết và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

Các vở kịch lúc đầu được biểu diễn bí mật trong các khám. Một số gác dang biết và tò mò đứng xem. Nhiều người làm gác dang ở nhà ngục này hàng chục năm, đến nay mới được tiếp xúc với văn hóa, nghệ thuật. Lần đầu tiên họ được xem những vở hài kịch của Môlie và những vở kịch cổ điển khác do chính những người tù diễn bằng tiếng Pháp. Họ đề nghị tù chính trị đưa ra diễn công khai ở sân Banh II cho tất cả cùng xem. Được xếp banh đồng ý, anh em tù chính trị đã trình diễn công khai những vở kịch có giá trị của văn học Pháp.

Có những vở kịch được dàn dựng công phu, với trang phục đúng kiểu phương Tây thế kỷ XVII, từ quần áo mùa đông, giày mũ, râu tóc cho đến súng ống, kèn đồng... Nguyên liệu chủ yếu là những mảnh bao bố mà anh em Nhà bếp lén đem cho, được những bàn tay người tù cắt may thành y phục, phong màn lộng lẫy. Người thợ may Phương Hải, nhạc sĩ Đinh Nhu và gần chục thợ mộc, thợ giày, họa sĩ sốt sắng chuẩn bị suốt đêm ngày. Có đến cả trăm tù nhân tham gia vào một vở kịch từ khi luyện tập cho đến lúc biểu diễn. Nhiều người không được sắm vai cũng xin được đóng góp vào việc dựng sân khấu, kéo phong màn...

Gác ngục Pháp đưa cả vợ con vào xem rất đông. Họ trầm trồ khen các vai hóa trang rất giống, giọng Tây, giọng đầm rất đạt, biểu hiện tinh tế được cả tiếng địa phương nhiều vùng nước Pháp. Các vở kịch không chỉ thành công trong lĩnh vực nghệ thuật mà còn là một thắng lợi về mặt ngoại giao. Nhiều gác ngục Pháp tỏ thái độ kính nể những người tù cộng sản có văn hóa, có nhân cách và hiểu biết sâu rộng. Họ bớt đánh tù và xưng hô cũng bớt phần thô tục. Có gác ngục Pháp đã phát biểu với tù cộng sản: “Bây giờ chúng tôi với hiểu các anh là những người tài giỏi và không có đầu óc dị chủng”. Hoạt động văn hóa nghệ thuật đã góp phần cảm hóa, tranh thủ

nhieu gac dang, ma ta, tao dieu kien thuan loi cho nhung cuoc dau tranh
quyet liet sắp tới.

Phối hợp với phong trào đấu tranh trong nước và quốc tế

Trong thời gian này nhiều cơ sở Đảng trong nước đã được phục hồi. Đảng ta tích cực lãnh đạo cuộc đấu tranh chống khủng bố trắng của thực dân Pháp. Báo chí bí mật và truyền đơn của Đảng kịch liệt lên án chính sách khủng bố dã man của thực dân Pháp và hiệu triệu quần chúng đấu tranh đòi chấm dứt khủng bố, đòi ân xá toàn bộ tù chính trị và xóa bỏ các tòa án quân phiệt ở Đông Dương.

Phong trào đấu tranh ở trong nước cũng bắt đầu khôi phục. Trong hai năm 1933 và 1934 đã có 76 cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân. Quốc tế cộng sản trong những năm 1930-1935 đã động viên tất cả các Đảng cộng sản ở Tây Âu lúc đó, và đặc biệt lưu ý Đảng cộng sản Pháp, tìm mọi cách giúp đỡ cách mạng Đông Dương trong lúc gặp khó khăn. Quốc tế cộng sản đã trực tiếp chỉ đạo việc thành lập ủy ban bảo vệ cách mạng Đông Dương (Le Comité de défense de l'Indochine) do các nhà trí thức nổi tiếng đứng đầu như Pôn Lănggiơvanh (Paul Langevin), Hăng ri Bác buýt (Henri Barbusse), Rômanh Rôlăng (Romain Rolland)...

Ủy ban đã tổ chức quyên góp tiền, tổ chức hội chợ bán các mặt hàng tiêu dùng và mỹ nghệ để lấy tiền gửi cho tù chính trị ở Côn Đảo và Đông Dương. Các đồng chí lãnh đạo các Đảng cộng sản mỗi lần đến làm việc ở cơ quan Quốc tế cộng sản đều được thông báo tình hình khủng bố trắng của thực dân Pháp, nhận sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản về vấn đề bảo vệ cách mạng Đông Dương. Quốc tế cứu tế đỏ (S.R.I: Secours Rouge International) dưới sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản đã vận động các luật sư nổi tiếng biện hộ cho những người cộng sản Việt Nam tại các phiên tòa đại hình ở Đông Dương.

Với tinh thần quốc tế vô sản cao cả, Đảng cộng sản Pháp đã quan tâm đặc biệt đến tình hình cách mạng Đông Dương. Tại Đại hội toàn thể lần thứ

11 của Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản (1931), đại biểu của Đảng cộng sản Pháp đã nghiêm khắc tự phê bình những thiếu sót của Đảng trong việc ủng hộ cách mạng Đông Dương và có thái độ kiên quyết sửa chữa.

Từ năm 1931 đến năm 1933, đồng chí Trê (Maurice Thorez) đã đọc nhiều bản báo cáo nổi tiếng tại Quốc hội Pháp lên án những hành động tàn ác, dã man của chính quyền thực dân đối với cách mạng Đông Dương và đòi ân xá toàn thể tù chính trị. Theo sáng kiến của Đảng cộng sản Pháp, một ủy ban đòi ân xá chính trị phạm Đông Dương được thành lập ở Paris ngày 9-3-1933 gồm những nhà hoạt động văn hóa xã hội nổi tiếng ở Pháp như Phơranxi Giuốcdanh, Hăng ri Bác buýt, Rômanh Rôlăng, ăngđơrê Viôlít (Andrée vionis), San lây Be (Chaney Bert)... do Pôn Lănggiơvanh đứng đầu. Ngày 5-7-1933, Ủy ban đã gửi thư cho Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp phản đối bản án xử ngày 7-5-1933 tại phiên tòa đại hình đặc biệt ở Sài Gòn và việc đày 89 tù nhân đi Côn Đảo.

Do phong trào đấu tranh chống khủng bố cách mạng Đông Dương đang dâng cao ở Pháp, Chính phủ Pháp phải cử Pôn Rây nô (Paul Reynaud) sang kinh lý Đông Dương cuối năm 1931. Được Đảng cộng sản Pháp vận động, nữ văn sĩ ăngđơrê Viôlít đã đi cùng đoàn điều tra sang Đông Dương.

Những điều tai nghe mắt thấy trong chuyến đi đã giúp bà viết thiên phóng sự Đông Dương kêu cứu (L'indochine S.O.S) làm chấn động dư luận tiến bộ ở Pháp và toàn thế giới lúc đó. Đảng cộng sản Pháp đã cử các đồng chí Vayăng Cutuyriê (Vailant Couturier), Gabơnen Pê ri (Gabriel Péri), nghị sĩ cộng sản cùng một số nhà báo tiến bộ sang điều tra tình hình Đông Dương.

Đầu năm 1934, phái đoàn Cứu tế đỏ do Gabơrien Pê ri dẫn đầu đã sang Đông Dương. Mặc dù chính quyền thực dân tìm mọi cách ngăn trở, phái đoàn vẫn nắm được tình hình và đề ra nhiều yêu sách cấp thiết đòi cải thiện điều kiện sinh hoạt của chính trị phạm trong các nhà tù ở Đông Dương, nhất là ở Côn Đảo. Phái đoàn còn đòi Chính phủ thuộc địa phải toàn xá tù chính trị và giải quyết các yêu sách của công nhân, nông dân và nhân dân lao động Đông Dương.

Sau khi về nước, đoàn đã tổ chức nhiều cuộc họp báo cáo tình hình ở Đông Dương trước quần chúng nhân dân Pháp. Trong gần một năm, Đảng cộng sản Pháp đã tổ chức 98 cuộc mít tinh, mở một chiến dịch khắp nước Pháp vận động đòi toàn xá chính trị phạm ở Đông Dương, trong đó có nhiều nhà hoạt động xã hội có danh tiếng như Hăng ri Bác buýt, Rômanh Rôlăng, Pôn Ănggiơvanh...

Những tin tức về phong trào đấu tranh của tù nhân Côn Đảo đăng trên báo chí công khai lúc đó được Đảng cộng sản Pháp đưa ra chất vấn ngay tại nghị viện làm cho chính quyền thực dân vô cùng lúng túng. Sự quan tâm sâu sắc của Quốc tế cộng sản, sự ủng hộ chứa chan tinh thần quốc tế vô sản của Đảng cộng sản và nhân dân tiến bộ Pháp là niềm cổ vũ lớn lao đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta và của toàn thể tù chính trị ở Đông Dương.

Bị vạch mặt trước dư luận, chính quyền thực dân Đông Dương phải cử thanh tra ra đảo nghiên cứu biện pháp đối phó. Đại biểu tù nhân đã nhiều lần gửi kiến nghị cho Thanh tra thuộc địa và Toàn quyền Đông Dương yêu cầu cải thiện chế độ nhà tù; không được đánh đập, ngược đãi tù nhân; giảm nhẹ mức khổ sai và thực hiện chế độ tù chính trị.

Tháng 8 năm 1934, nhân một bữa bọn chúa ngục cho tù nhân ăn cá khô hấp chưa chín, dòi bò lổm ngổm trong khay cá, tù chính trị Banh II đã tuyệt thực để phản đối, khẩu hiệu đấu tranh là:

- Không ăn khô mục.
- Để tù Banh II tự nấu cơm, nấu nước.
- Tù nhân được ra sân chơi 2 giờ một ngày, được tắm 2 lần một tuần.
- Tù nhân được tự do gửi và nhận thư từ, bưu kiện.

Banh I cũng phối hợp đấu tranh, tuyệt thực một ngày. Nhiều bản yêu sách của Banh I và các sở tù được gửi lên Quản đốc đòi:

- Không được cho tù ăn khô mục. Bữa ăn phải có rau xanh.
- Mỗi tuần được 2 lần ăn thịt.
- Giảm nhẹ khổ sai.

- Ốm đau được nghỉ và cho thuốc đúng bệnh.
- Không được đánh đập, ngược đãi tù nhân.

Cuộc tuyệt thực của tù chính trị Côn Đảo kéo dài 8 ngày. Thống đốc Nam Kỳ Pagie (Pagès) phải tức tốc đáp thủy phi cơ ra đảo. Nhận được điện báo trước, Quản đốc Buvie lập tức ra lệnh phát lương thực thêm cho tù nhân; cho giấu biệt tất cả roi mây, hèo gậy xuống cống rãnh; cho quét vôi tường Nhà Thương và đưa ngay 35 bệnh nhân bị sốt rét vàng vọt và gãy chân, gãy tay vì khổ sai giấu kín trong khám 6 Banh I.

Tên thầy thuốc Châu đón tiếp Pagie tại Nhà Thương bằng một bài diễn văn đọc thuộc lòng: “Bệnh nhân không đông, bệnh nhân được chăm sóc tốt, bệnh nhân được ăn thịt, uống sữa...”. Pagie đến Banh I đúng lúc tù nhân đang xếp hàng ăn cơm trưa. Đồng chí Phạm Hùng lập tức bước ra tố cáo chế độ nhà ngục và đòi cải thiện đời sống tù nhân. Quản đốc Buvie tức điên người. Phải lúc khác thì hẳn đã đánh tơi bời trả thù bằng những hình phạt nặng nhất.

Pagie còn được hướng dẫn thăm Nhà bếp, Banh II, Nhà Đền, Chuồng Bò và một số nơi trên đảo. Thống đốc Nam Kỳ đi đến đâu cũng bị tù nhân ra tố cáo. Đống hèo gậy mà bọn gác dang đã giấu kỹ dưới cống ngầm cũng bị tù nhân lôi ra làm Buvie hết đường chối cãi. Đã đến lúc không thể bưng bít được những tội ác ở nhà ngục Côn Đảo, trước xu thế cách mạng đang dâng lên ở Đông Dương và ở Pháp. Thống đốc Nam Kỳ phải giải quyết nhiều yêu sách cho tù nhân. Mỗi tuần tù nhân được ăn hai bữa thịt, mỗi bữa 50 gam; tù chính trị ở Banh II mỗi ngày được ra sân chơi 6 tiếng đồng hồ ; tù nhân được nhận thư và bưu kiện của gia đình.

Tù chính trị Banh II được tự nấu ăn, được dọn vệ sinh, được trồng rau cải thiện, được đọc sách và nhận sách. Ngoài việc làm bếp và dọn vệ sinh, tù Banh II còn được ra làm các việc nhẹ nhàng trong sân trại giam như đập đá dăm, may quần áo.

Thoát khỏi chế độ cấm cố, làm việc được tự do hưởng ánh nắng và khí trời, sức khỏe của tù nhân khá hẳn lên. Ban trật tự sắp xếp mọi người vào

các công việc phù hợp với sức khỏe. Ra làm việc được lãnh tiền công để góp quỹ cứu tế và mua sách vở học tập, lại có điều kiện liên hệ chặt chẽ với Ban I.

Việc tiếp nhận sách báo, tin tức và học tập văn hóa, nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh hơn trước. Ban đời sống tích cực chỉ đạo việc cải thiện đời sống cho tù nhân. Kíp làm bếp đã tổ chức làm cối giã gạo, bảo quản thực phẩm, nấu ăn vệ sinh, trồng rau, nuôi gà, vịt...

Đời sống của tù nhân khá hơn rõ rệt. Chế độ khổ sai cũng bớt phần hà khắc. Nhiều yêu sách đòi giảm nhẹ mức khổ sai của Banh và các sở tù được mặc nhiên thừa nhận. Sự đoàn kết đấu tranh của tù nhân Côn Đảo dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cộng sản trong những năm 1930-1934 đã tạo thành sức mạnh to lớn, hòa nhịp với phong trào cách mạng ở trong nước và trên thế giới ngăn chặn bàn tay khủng bố của kẻ thù. Tỷ lệ tù nhân chết giảm xuống 3% năm 1934 và 1,7% năm 1935.

Khi những người cộng sản nên khẩu hiệu “Một tuần được ăn thịt hai lần” thì những người tù thường phạm hầu như không tin rằng có thể đấu tranh được. Có tên ma tà đã tuyên bố thảng: “Nhà tao đã ba đời làm gác ngục ở đây mà chưa bao giờ thấy tù được quá 2 lần trong một năm. Chúng này có mà đòi ngôi sao trên trời”.

Phải đến khi các yêu sách được giải quyết thì tù thường phạm mới thật sự tin tưởng và kính phục những người cộng sản. Tuy vậy, bọn chúa ngục Côn Đảo vẫn tìm mọi cách để cúp phạt, bớt xén từng gam thịt, từng lạng gạo, tăng thêm định mức lao động khổ sai... Tù nhân lại phải tố cáo và đấu tranh đòi lại.

Hơn bất cứ nơi nào, những người cộng sản ở Côn Đảo thấm thía một chân lý: Muốn sống phải tranh đấu. Thắng lợi giành được trong những năm 1930-1934 đã tạo điều kiện cho bước phát triển mới của phong trào đấu tranh ở Côn Đảo trong những năm sắp tới.

Trường học chủ nghĩa cộng sản và đấu tranh cách mạng

Học tập và vươn lên là truyền thống của những người cộng sản. Tù chính trị ở Banh II không phải đi làm khổ sai nên anh em sớm có điều kiện tổ chức học tập. Từ năm 1931, bằng trí nhớ của mình, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã chép lại bản Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng ta để huấn luyện cho anh em.

Mùa hè năm 1932, nhóm tù cộng sản ở Hòn Cau bị đưa về banh II, tiếp tục duy trì việc học văn hóa và nghiên cứu lý luận. Năm 1933, các chuyển tù ở Khám Lớn (Sài Gòn) và Sơn La, Hỏa Lò (Hà Nội) đã đưa ra Côn Đảo nhiều cán bộ có trình độ lý luận. Trên cơ sở những thắng lợi giành được trong các cuộc đấu tranh, Ban lãnh đạo Banh II chủ trương biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng.

Nhờ sự giúp đỡ của binh lính, thủy thủ và những công chức tiến bộ ở Bưu Điện, Nhà Thương, Nhà Đền, những người tù cộng sản ở Côn Đảo đã mua được nhiều tác phẩm lý luận như Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Chống Duy tân, nhiều tập của bộ Tư bản của Mác và Ăng ghen, cùng những tác phẩm của Lênin được Nhà xuất bản Xã hội của Đảng cộng sản Pháp xuất bản lúc đó.

Sách báo được những người tù khổ sai Banh I bí mật tiếp nhận rồi chuyển vào Banh II qua những cơ sở ở Nhà bếp, Sở tẩy và những ma tà có cảm tình. Khi bọn thực dân buộc phải công nhận cho tù chính trị được đọc sách và nhận sách thì gia đình và các đồng chí trong đất hén cũng gửi ra nhiều sách, báo, làm phong phú thêm “tủ sách” của tù chính trị Côn Đảo.

Ban lãnh đạo Banh II tổ chức đóng lại bìa sách và chép ra thành nhiều bản để sử dụng, còn bản gốc được bảo quản rất kỹ trong các “tủ sách” bí mật trong khám. Ban lãnh đạo tổ chức tóm tắt, lược dịch nhiều tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác như: Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Tư bản,

Chống Duy linh, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Làm gì, Bệnh ấu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản, Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ, Nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, Những vấn đề của chủ nghĩa Lênin, v. v...

Các cuốn sách Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác của Polêkhanốp, Kinh tế chính trị học của Lapiđuyt cũng được dịch ra và biên soạn thành chương trình học tập cho các đối tượng có trình độ khác nhau. Ban lãnh đạo còn tổ chức một bộ phận chuyên sao các tài liệu ra nhiều bản để phục vụ các lớp học và gửi cho chi bộ Banh I, gửi về đất liền.

Lớp học chính trị nghiên cứu Chính cương, Sách lược văn tắt và Luận cương chính trị của Đảng ta. Các vấn đề cơ bản như Yêu cầu khách quan của xã hội Việt Nam, tính chất và nhiệm vụ cách mạng, động lực chủ yếu của cách mạng và sách lược đấu tranh được tù chính trị dành nhiều thời gian thảo luận. Đồng chí Ngô Gia Tự lúc còn ở Banh II đã góp nhiều ý kiến, bàn sâu thêm những vấn đề trong bản Luận cương chính trị về việc đánh giá vai trò của giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ ở nước ta, về sách lược phân hóa kẻ thù, tranh thủ bạn đồng minh, dù chi là tạm thời và cô lập kẻ thù nguy hiểm trước mắt.

Hai lớp triết học và kinh tế chính trị học chương trình B (trung cấp) thu hút đông đảo cán bộ đảng viên ở Banh II. Một số đồng chí có trình độ lý luận, đã qua các lớp huấn luyện của đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu hoặc tốt nghiệp Đại học Phương Đông ở Liên Xô về được chỉ định làm giảng viên. Từng bài học đều được giảng viên nghiên cứu kỹ rồi trình bày trước lớp. Các đề mục và nội dung chính được viết trên nê khám bằng những mẫu san hô hoặc gạch non.

Sau mỗi bài giảng, anh em lại thảo luận sôi nổi trong từng nhóm và thảo luận chung trong lớp. Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản khoa học đã soi sáng con đường cách mạng Việt Nam và củng cố niềm tin vững chắc vào sự nghiệp giải phóng dân tộc cho những người cộng sản.

Người tù án 5 năm, 10 năm tin có ngày về ráng học để phục vụ cách mạng. Người tù án chung thân lưu đầy cũng tin tưởng vào sự thành công

cửa cách mạng mà học tập. Ngay cả những người không nghĩ đến ngày về cũng say mê học tập để hiểu thêm lẽ sống, để sống lạc quan, thêm sức mạnh đấu tranh với quân thù.

Lớp A (chương trình cao cấp) dành cho các đồng chí có trình độ văn hóa, lý luận và ngoại ngữ, trong đó có các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... Lớp học này không có giảng viên, mọi người cùng nhau nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mỗi đồng chí đọc kỹ một tác phẩm rồi trình bày nội dung chủ yếu cho anh em nghe, sau đó mới trình bày kỹ từng chương, từng đoạn, giải nghĩa từng câu, từng ý, trên cơ sở đó mà thảo luận. Những vấn đề về bạo lực cách mạng và chuyên chính vô sản được thảo luận rất sôi nổi. Mỗi bài học còn được liên hệ với quá trình vận động cách mạng ở Việt Nam và rút ra những kinh nghiệm bổ ích.

Nội dung chương trình học tập và những vấn đề lý luận cơ bản được phản ánh trên tạp chí ý kiến chung xuất bản hàng tháng ở khám 3. Báo được viết trên giấy học trò khổ 13x19 cm, mỗi số đều có phần tin tức, bình luận, xã hội và nghiên cứu lý luận. Báo được bí mật chuyển tay dưới dạng những bức thư gửi cho nhau để phục vụ việc học tập và nghiên cứu lý luận.

Khám 5 ra tờ báo Người tù đỏ có tính chất phổ cập, khổ 9 x 13 cm. Báo ra hàng tuần, đưa tin tức tình hình, phát động đấu tranh và giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin dưới dạng những câu hỏi và trả lời. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ vừa là chủ bút, vừa là cây bút chính của tờ báo. Đồng chí còn là cây bút lý luận sắc sảo, thường xuyên viết cho báo ý kiến chung. Tù chính trị ở Banh I và Banh II đều tích cực viết báo. Báo Người tù đỏ phù hợp với trình độ của nhiều người nên nhận được khá nhiều bài.

Sách báo thường được giấu trên mái nhà. Buổi tối, anh em công kênh nhau leo lên đưa sách xuống đọc dưới ngọn đèn nhỏ được che chụp kín trong góc khám. Sách báo ngày càng nhiều và có những cuốn sách kinh điển rất dày không thể giấu trên mái nhà được nữa, Ban lãnh đạo tổ chức đào hầm bí mật trên đầu tường và trong góc khám để giấu, gọi là CQBM (cơ quan bí mật). Mỗi lần đưa sách ra đọc là phải bố trí bảo vệ chặt chẽ, để

phòng bọn gác dang đi tuần và những kẻ xấu phát hiện. Cũng có lần bọn gác dang ập vào khám xét bất ngờ, tịch thu nhiều sách, báo, tài liệu. Mãi đến cuối năm 1934 bọn thực dân mới thừa nhận chế độ tù chính trị và cho tù nhân đọc sách, nhưng không cho đọc báo, sau này mới cho đọc trong một thời gian.

Tù chính trị ở Banh II còn thảo luận nhiều vấn đề thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, triết học, lịch sử, thời sự và văn học nghệ thuật. Cuối năm 1933 có cuộc thảo luận về vụ án Đimitơrốp (Dimitrov). Những người cộng sản Việt Nam trong nhà ngục Côn Đảo vô cùng phấn nộ trước hành động cơ hội thỏa hiệp của Quốc tế II và lo lắng cho phong trào cộng sản Đức.

Thái độ hiên ngang và bản cáo trạng đanh thép mà Đimitơrốp để kết tội bọn phát xít trước tòa án Lai xích (Leipzig) là niềm cổ vũ lớn đối với những người cộng sản Việt Nam, đồng thời củng cố thêm lòng tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1934, có cuộc tranh luận vấn đề Liên Xô vào Hội quốc liên (tiền thân Liên hợp quốc). Lúc đầu có ý kiến cho rằng Liên Xô và Hội quốc liên sẽ bị thiếu số, rằng Lenin khi còn sống đã từng vạch mặt Hội quốc liên... song nhiều ý kiến khác phân tích tình hình lúc này chủ nghĩa đế quốc đã đi vào con đường phát xít hóa, mâu thuẫn nội bộ chúng tăng lên, vì vậy cần phải lợi dụng diễn đàn này để tuyên truyền chính nghĩa, cô lập bọn hiếu chiến, lập mặt trận rộng rãi đấu tranh cho hòa bình, chống chiến tranh và bảo vệ các nước nhỏ yếu.

Cuộc tranh luận sôi nổi và kéo dài, sau cùng hầu hết đều tán thành việc Liên Xô vào Hội quốc liên. Các vấn đề chính trị, triết học được thảo luận hằng ngày, vấn đề gì chưa hiểu rõ thì dừng lại đọc thêm tài liệu và nghiên cứu sách kinh điển của chủ nghĩa Mác, cố gắng nắm bản chất của vấn đề rồi liên hệ với tình hình thế giới, liên hệ với truyền thống dân tộc Việt Nam và rút ra những bài học kinh nghiệm.

Những vấn đề lý luận được anh em đề nhiều thì giờ tranh luận. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ và đồng chí Lê Duẩn thường có những ý kiến phân tích sâu và xác đáng, có sức thuyết phục đối với anh em. Đồng chí Mười Cúc

(Nguyễn Văn Linh) cũng là một tấm gương tiêu biểu về tinh thần học tập, phấn đấu vươn lên của tù chính trị ở Côn Đảo. Khi vào tù, đồng chí mới 16 tuổi, nhờ say mê học tập, trong vòng ba tháng, đồng chí đã tham gia dịch thuật các tác phẩm lý luận dưới sự hướng dẫn của các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương. Nhiều đồng chí đã trưởng thành về lý luận Mác - Lênin ngay trong nhà tù đế quốc và sau này trở thành những người lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta.

Ban lãnh đạo Ban II còn tổ chức học tập các môn văn hóa như: lịch sử, địa lý, văn hóa nghệ thuật và ngoại ngữ (tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc). Giờ tắm nắng, tù chính trị đem tấm bản đồ thế giới vẽ to bằng chiếc chiếu treo trên gốc cây bàng, rồi ngồi quây quanh nghe các “giáo sư” giảng giải.

Bài học về đất nước Liên Xô và Cách mạng tháng Mười được giảng viên trình bày rất kỹ và được học viên tiếp thu một cách hào hứng, say mê. Lãnh thổ Liên Xô rộng lớn được tô màu đỏ nổi bật trên bản đồ. Có tên gác dang khó chịu giật xuống làm rách tấm bản đồ. Tù nhân phản đối kịch liệt. Hôm sau, một tấm bản đồ mới vẽ lại được treo lên, thủ đô Mạc Tư Khoa được đánh dấu bằng hình một trái tim đỏ chói. Tên gác dang giờ giọng châm biếm:

– Chỉ còn một chấm đỏ thế thôi à ?

Anh em kiêu hãnh trả lời:

– Phải! Một chấm đỏ nhưng nó sẽ lan rộng khắp.

Các đồng chí giỏi ngoại ngữ đã đọc và thảo luận sôi nổi các tác phẩm văn học có ở Ban II lúc đó, từ các tác phẩm văn học nổi tiếng của Coóc-nây (Comeine), Miôliê (Molière), Vinh (Alfred de Vigny), Huy gô (Victor Hugo), Muxê (Alfred de Musset), Do la (émile Zola), Phơ-răng (Anatole France), Rô-lăng (Romain Rolland), Bác bút (Henri Barbusse)... cho đến các tác phẩm văn học Việt Nam lúc đó như Đoạn tuyệt của Nhất Linh, Cô Tư Thung của Nguyễn Công Hoan, thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, v.v... Anh em tù chính trị rất chú ý đến phong trào Thơ mới. Trăn

trọng sự sáng tạo nghệ thuật của Thơ mới là ở chỗ các nhà thơ lúc ấy đã đi vào chủ nghĩa lãng mạn tiểu tư sản trong lúc đang cần có chủ nghĩa lãng mạn cách mạng.

Đấu tranh tư tưởng với Việt Nam Quốc dân đảng

Việc học tập văn hóa, lý luận và thưởng thức nghệ thuật ở Côn Đảo ngày càng lôi cuốn nhiều anh em Quốc dân đảng tham gia. Mặc dù các lãnh tụ cực đoan ra sức tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản nhưng phần lớn đảng viên và quần chúng Quốc dân đảng đều nhận thấy những người cộng sản sống có tổ chức, có tình thương và có ý chí học tập, vươn lên, phấn đấu cho lý tưởng cách mạng.

Ngay từ khi chưa hiểu chủ nghĩa cộng sản, họ đã cảm phục nhân cách của những người cộng sản. Sách báo mác xít và quá trình học tập, thảo luận ở Ban II có sức thuyết phục những người yêu nước chân chính trong hàng ngũ Quốc dân đảng hơn là nội dung nghèo nàn của chủ nghĩa Tam Dân và tôn chỉ mục đích mập mờ của Việt Nam Quốc dân đảng. Nhiều người đã nghiêng hẳn về lập trường vô sản như các anh Tưởng Dân Bảo, Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Đức Chính, Trần Huy Liệu... Các anh Tố Chấn, Tô Hiệu ở Ban I đã sớm giác ngộ, đứng vào hàng ngũ của những người cộng sản và tích cực tham gia hoạt động, đấu tranh.

Thấy quần chúng ngả theo cộng sản ngày càng nhiều, những thủ lĩnh Quốc dân đảng cực đoan vu cáo những người cộng sản làm tan rã hàng ngũ của họ và coi “Cộng sản là kẻ thù số 1, đế quốc là kẻ thù số 2” (!) Tên Đội Sơn, trùm Quốc dân đảng đã có lần bộc lộ tâm địa của hắn qua lá thư gửi riêng cho chúa đảo Buvie: “Tôi rất đồng tình với ngài rằng bọn cộng sản còn nguy hiểm hơn cả bệnh dịch hạch”.

Nhóm Quốc dân đảng cực đoan chống cộng ra mặt. Khi những người cộng sản nêu khẩu hiệu đấu tranh đòi cải thiện đời sống thì họ xuyên tạc: “Tưởng làm cách mạng thế nào chừ chỉ biết đòi ăn thôi à (!) Tù chính trị Ban II phát động học tập thì họ khiêu khích: “Tù chung thân, học để xuống nghĩa địa khỏi lạc đường à (!). Tù chính trị Ban I đấu tranh đòi giảm nhẹ khổ sai họ cũng phản đối: “Đấu tranh nó còn bắt làm nhiều, càng

chết”. Mỗi lần Ban lãnh đạo tù chính trị vận động quần chúng đấu tranh thì họ làm âm lên cốt để báo cho bọn gác ngục biết.

Đối với họ vào tù là “tiêu ma sự nghiệp”, cốt sao được yên thân. Họ ra tờ báo Tiêu sâu để tự an ủi và chống lại chủ trương của những người cộng sản. Từ sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930), một bộ phận Quốc dân đảng đã chuyển hẳn sang chủ nghĩa quốc gia cải lương. Một số lãnh tụ cực đoan đã đi vào con đường chống cộng quyết liệt làm tay sai cho thực dân Pháp.

Bọn Tâm Cụt âm mưu ám sát Tôn Đức Thắng, một đồng chí trung kiên có uy tín ở Banh I. Còn Đội Sơn, Đội Lăng thì tổ chức ám sát các đồng chí Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt và một số người có vai trò lãnh đạo ở Banh II. Tù chính trị cộng sản phải lập các đội tự vệ để theo dõi hành động của bọn này và bảo vệ các đồng chí. Mưu sát cá nhân không thành, bọn trùm Quốc dân đảng ở Banh II chuẩn bị gây chiến với những người cộng sản, nhưng quần chúng của họ không ủng hộ. Những người cộng sản nắm được tình hình và tích cực chuẩn bị đối phó Bọn Quốc dân đảng cực đoan bị vạch mặt và bị cô lập, chúng đành xin phép xếp banh cho ra ở riêng một dãy, hy vọng sẽ tách được quần chúng ra khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản.

Cuối năm 1934, xếp Banh II đồng ý cho tù Quốc dân đảng ra ở riêng từ khám 6 đến khám 10, còn tù cộng sản vẫn ở từ khám 1 đến khám 5, giữa hai dãy khám có hàng rào dây thép gai. Một số đảng viên Quốc dân đảng giác ngộ chủ nghĩa Mác-lênin đã chuyển sang ở chung với những người cộng sản. Ban lãnh đạo Banh II cũng bí mật gợi ý trước cho một số người đã giác ngộ ở lại trong hàng ngũ Quốc dân đảng để tiếp tục giáo dục, cảm hóa những anh em khác.

Người cộng sản Trần Xuân Độ đã cùng với Tường Dân Bảo, Nguyễn Đức Chính¹, Nguyễn Văn Xuân tổ chức một lớp học văn hóa mà thực chất là học chủ nghĩa Mác-lênin. Anh em học các môn lịch sử, thời sự, ngoại ngữ, bình luận văn học, nghệ thuật và bí mật nghiên cứu sách báo mác xít. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-lênin được thảo luận một cách

khéo léo dưới dạng phê phán những xu hướng tư tưởng trước Mác, phê phán các quan điểm duy tâm, các quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật lúc đó. Các cuộc thảo luận còn hướng tới chỗ khẳng định niềm tin vào con người với những học thuyết khoa học có khả năng cải tạo được xã hội. Tờ báo Delfray (Đăng sau ngọn triều giận giữ) làm nhiệm vụ hướng dẫn, thảo luận, nghiên cứu các vấn đề của chủ nghĩa Mác-lênin.

1. Nguyễn Đức Chính là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng đã giác ngộ Chủ nghĩa Mác - Lênin, còn Trần Xuân Độ là tù chính trị cộng sản, bị bắt chung một vụ với nhiều đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng. Cho đến nay, vẫn còn không ít người hiểu lầm đồng chí Trần Xuân Độ là Việt Nam Quốc dân đảng giác ngộ chủ nghĩa cộng sản trong nhà tù. Năm 1929, khi làm công nhân nhà máy Carông (Hải Phòng), đồng chí được nhóm Việt Nam Quốc dân đảng ở nhà máy này tuyên truyền, nhưng trước đó, đồng chí đã bí mật tham gia tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Tuổi đảng của đồng chí được tính từ ngày thành lập Đảng. Năm 1990, đồng chí Trần Xuân Độ được nhận Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Lớp học lúc đầu có khoảng 10 người, sau tăng lên 100. Chủ nghĩa Mác-lênin đã soi sáng trí tuệ và tâm hồn của một số người yêu nước mà lâu nay họ mới chỉ hiểu một cách mơ hồ về chủ nghĩa Tam Dân. Nhiều người đã dứt khoát đứng hẳn về lập trường của những người cộng sản.

Trong nhiều bức thư gửi cho anh em, bè bạn ở đất liền, mặc dù bị chế độ kiểm duyệt rất gắt gao, Nguyễn Đức Chính cũng hé ra những dòng tâm sự về sự lựa chọn ấy. Bức thư ngày 28-8-1936 gửi cho người em ruột ở Hà Nội có đoạn khẳng định: “Anh vui sướng lắm, nhất là ngày anh ra khỏi được chỗ xung đột của hai quan niệm: Duy tâm và Duy vật, của hai tư tưởng Quốc gia và Xã hội. Ra khỏi không phải là đứng lên trên hẳn những cái đó rồi nhìn cả hai bên bằng con mắt chán nản, hoặc hoài nghi, hoặc khinh bỉ đâu. Ra khỏi là chọn lấy một trong hai cái bất tương dung ấy” 1.

Bọn trùm Quốc dân đảng cực đoan hết sức lo sợ sự tan rã không thể tránh khỏi của Việt Nam Quốc dân đảng. Họ chủ trương “củng cố nội bộ

bằng cách gây chiến với bên ngoài”, tổ chức đánh một số đồng chí cộng sản có uy tín với quần chúng Quốc dân đảng và khủng bố những quần chúng của họ đã giác ngộ cộng sản. Thấy bọn cực đoan ráo riết chuẩn bị, anh em quần chúng Quốc dân đảng kiên quyết phản đối, làm thất bại âm mưu của bọn này.

Gác dang Pháp vào xét các khám Quốc dân đảng thu được nhiều gậy gộc và sắt nhọn. Không sử dụng được bạo lực, bọn cực đoan quay lại phá lớp học bằng mọi cách. Mấy tên tay chân được gài vào lớp học nêu ra lý lẽ: không bao giờ người Quốc dân đảng lại đi học chủ nghĩa Mác-lênin. Anh em kiên quyết bác bỏ với lý luận rằng: “Những người cộng sản theo chủ nghĩa Mác-lênin vẫn nghiên cứu chủ nghĩa Tam Dân và các chủ nghĩa khác, tại sao cấm người Quốc dân đảng nghiên cứu chủ nghĩa Mác-lênin. Đuối lý bọn này tìm cách lấy cắp những tài liệu học tập lý luận mác xít của anh em trong khám, nhưng không gì ngăn được những người yêu nước chân chính đến với chủ nghĩa Mác-lênin.

Bất lực, bọn phản động đi vào con đường khủng bố nội bộ. Chúng kết án tử hình 4 người: Tưởng Dân Bảo, Trần Xuân Độ2, Nguyễn Đức Chính và Nguyễn Văn Xuân về tội “đưa chủ nghĩa cộng sản vào lung lạc, làm tan rã nội bộ” rồi giao cho tên Đội Lãng thì hành. Đội Lãng đã dùng dao sắc bất ngờ cắt cổ anh Tưởng Dân Bảo. Hành động giết người của y bị phát hiện, mọi người la lên làm y hoảng hồn. Nghĩ rằng anh Bao đã chết, y chạy đi tìm 3 người còn lại nhưng trong cơn hoảng loạn, y đã cầm dao đâm vào cổ tự tử. Đội Lãng bị đốc tờ Nhã bỏ cho chết luôn, còn Tưởng Dân Bảo được ông cứu sống.

Tối hôm ấy, bọn cực đoan do tên Lý Khái cầm đầu tổ chức mặc niệm Đội Lãng nhằm tiếp tục khủng bố những người yêu nước chân chính, song đội ngũ những người yêu nước chân chính trong hàng ngũ Việt Nam Quốc dân đảng đã đoàn kết lại, khẳng định một cách dứt khoát lập trường của mình. Cả một số trí thức nho học trong Quốc dân đảng trước đây vẫn giữ thái độ ôn hòa nay cũng lên tiếng phản đối bọn cực đoan. Cuộc mặc niệm Đội Lãng thất bại thảm hại.

Lớp học chủ nghĩa Mác-lênin trong hàng ngũ Quốc dân đảng vẫn tiếp tục. Riêng Phạm Tuấn Tài³, thời gian ở Côn Đảo đã nghiên cứu nhiều tác phẩm lý luận của Mác-ăngghen và Lênin. Với cương vị một người sáng lập ra Quốc dân đảng, anh rất trăn trở, cứ mấy tháng lại đưa ra mặt dự thảo cương lĩnh mới của Quốc dân đảng, cái sau tiến bộ hơn cái trước và ngày càng xích gần đến chủ nghĩa Mác-Lênin. Khi được ân xá, anh đã tâm tình với những người còn ở lại: “Quốc dân đảng đã quá thời rồi, các anh em còn chân chính cách mạng nên đi theo con đường cộng sản”.

Nếu như cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã kết thúc vai trò của Việt Nam Quốc dân Đảng thì trường học cộng sản trong Nhà tù Côn Đảo đã mở ra con đường cho những người yêu nước chân chính trong hàng ngũ Quốc dân đảng. Nhiều người đã gia nhập hàng ngũ cộng sản khi hiểu rằng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được đất nước khỏi ách thực dân.

1. Trích trong tập Thư Côn Lôn của Nguyên Đức Chính, do Nguyễn Đức Kính xuất bản tháng 12-1937 tại Hà Nội.

2. Từ khi bị bắt cùng một vụ, đồng chí Trần Xuân Độ vẫn được giam chung với nhóm Việt Nam Quốc dân đảng. Cho đến lúc ấy, trong hàng ngũ Việt Nam Quốc dân đảng vẫn không biết Trần Xuân Độ là đảng viên cộng sản.

3. Phạm Tuấn Tài mang bệnh nặng, đã qua đời sau khi ra tù. Trước khi chết, ông đã để lại một bản Tuyên cáo, bày tỏ lập trường đứng hẳn về Chủ nghĩa Mác-Lênin và khuyên anh em theo Chủ nghĩa Mác-lênin. Nhiều đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng đa chuyển hẳn lập trường tham gia Đảng cộng sản. Đồng chí Trần Huy Liệu được bầu làm Phó Chủ tịch ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương tại Quốc dân Đại hội Tân Trào (8-1945); Nguyễn Phương Thảo (Nguyễn Bình) trở thành một vị tướng nổi tiếng trên chiến trường miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp; Đồng chí Tưởng Dân Bảo được cử làm Đặc phái viên của uỷ ban Hành chính Nam Bộ ra rước tù chính trị Côn Đảo về đất liền (9-1945)...

Tổ chức vượt ngục, cung cấp cán bộ về cho Đảng

Bị đày ải trên một hòn đảo giữa biển khơi, cách đất liền hàng trăm cây số nhưng ý chí vượt đảo về đất liền tiếp tục hoạt động cách mạng luôn thôi thúc những người tù chính trị. Mùa gió chướng hàng năm thổi vào đất liền là mùa tù nhân trốn lên núi đóng bè, kết buồm vượt đảo. Gió chướng ở Côn Đảo từng đợt thường mạnh đến cấp 7, cấp 8. Gặp khi gió mạnh thổi đều thì chỉ một ngày một đêm là bè có thể dạt vào đất liền.

Những người tù thường phạm đã từng vượt đảo thành công nhiều lần truyền cho nhau kinh nghiệm thả bè, đón chiều gió chướng và lái theo hướng tây bắc để bè dạt vào bờ biển Tây Nam Bộ, không để cho gió thổi dạt sang tận bên Xiêm.

Trong lúc đi làm khổ sai, những người tù đã nhắm sẵn những vạt rừng kín đáo gần biển, chọn trước những cây gỗ búng (một loại gỗ nổi) có thể đóng bè, bớt từng phần cơm ít ỏi trong các bữa ăn để phơi khô làm lương thực dự trữ. Họ phải chuẩn bị cả thùng thiếc để đựng nước ngọt, các dụng cụ để đóng bè như dao, búa, cưa, đinh... Bọn gác ngục kiểm soát rất chặt và phạt rất nặng khi phát hiện được người tàng trữ những đồ “quốc cấm” có thể dùng để vượt đảo, nhưng tù nhân vẫn có thể xoay sở và mua được nếu có tiền.

Một bè gỗ ghép vôi bằng dây rừng, một túi cơm khô và vài lít nước ngọt để vượt hàng trăm cây số trên biển là một việc đầy nguy hiểm. Thế mà trước khi vượt biển, họ còn phải vượt qua một hệ thống canh phòng chặt chẽ của gác dang, ma tà, lính canh và cả một đội ròsec (recherche)¹ chuyên truy lùng và săn đuổi tù trốn.

Sở Ròsec¹ thường xuyên có trên dưới một trăm tên, được tuyển chọn trong đám tù lưu manh, dưới quyền chỉ huy của một tên gác dang Pháp thuộc loại gian ác làm chủ sở. Bọn này được mang sắc phục riêng, được

trang bị mã tấu và chó săn, được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi và trở thành tay sai đắc lực cho bọn chúa ngục.

Lực lượng rờsec được chia làm hai toán: Toán nằm bãi và Toán Chỉ Tồn. Toán Chỉ Tồn chia nhau theo đôi các kíp tù khổ sai của Sở Chỉ Tồn, phát hiện các âm mưu vượt ngục và tổ chức săn đuổi, truy tìm khi có tin báo tù trốn. Toán nằm bãi rải ra canh gác tất cả các bãi biển ở Côn Đảo. Chúng theo dõi từng dấu chân trên cát, từng loại cây gỗ nhẹ trên rừng mà tù nhân thường chặt đóng bè, phát hiện được dấu hiệu tù trốn là lập tức phi báo về trụ sở.

Những người tù vượt ngục không may rơi vào tay bọn này là bị chúng đánh đập hết sức dã man. Chính tên chủ sở đến chỉ huy cuộc tra tấn, khai thác cách tổ chức vượt ngục, nơi mua bán, cất giữ các dụng cụ vượt đảo và những người có liên quan. Sau khi đã hành hạ người tù nhiều lần đến chết đi sống lại, chủ Sở rờsec mới cho trả họ về banh để xếp banh và chúa ngục đày đọa họ vào các “địa ngục” Hầm đá, Hầm xay lúa và Sở Củi - chuồng bò. Nhưng ngay cả cái chết và những hình phạt man rợ nhất cũng không ngăn được các cuộc vượt đảo của tù nhân.

Theo báo cáo của Thanh tra thuộc địa, từ năm 1930 đến năm 1935 đã có 3.664 lượt tù Côn Đảo vượt ngục. Hơn 3.000 người bị bắt lại và chịu những hình phạt khắc nghiệt nhất, còn 444 người đã thoát được ra biển. Chắc chắn rằng trong hơn 400 người thoát được ra biển ấy đã có nhiều người bị chết chìm trong biển cả, chỉ có một số ít do may mắn mà về được đến đất liền. Một vài tốp tù thường phạm đã phải quay trở lại vì bị nhiều đàn cá mập săn đuổi quanh bè.

Mùa gió chướng năm 1930, biết người tù yêu nước Bửu Đình đang tìm cách vượt ngục, Quản đốc Buvie cho đày Bửu Đình ra Hòn Tre. Một thân một mình với hai bàn tay trắng trên một hòn đảo chỉ có cây và đá, thế mà Bửu Đình cũng về được đến đất liền. Trước khi về còn để lại 4 câu thơ châm biếm gửi chúa đảo Buvie². Một năm sau thực dân Pháp bắt được Bửu Đình và lại đày ra Côn Đảo. Buvie đày Bửu Đình một lần nữa ra Hòn Tre.

Thế rồi một tốp tù thường vượt ngục đã ghé Hòn Tre và cho Bửu Đình cùng về.

Biết bao thử thách hiểm nghèo đặt trước một cuộc vượt ngục của tù Côn Đảo. Họ có thể bị mạng lưới truy tìm bắt lại và hành hạ; có thể bị giông bão nhận chìm hoặc gặp sóng lớn và nước xoáy đánh vỡ bè, làm mồi cho cá mập; có thể mất phương hướng và gió lộng đẩy bè lênhênh trên biển, hết nước ngọt, hết lương thực ăn...

Nhiều cảnh thương tâm đã xảy ra trên biển. Dù có quyết tâm cao, chuẩn bị chu đáo đến đâu, thành công trong vượt đảo vẫn là rất hiếm, sự may mắn trở thành yếu tố quyết định cho thắng lợi của các cuộc vượt đảo, nhưng tất cả sự đe dọa và trừng phạt ấy đều không ngăn nổi ý chí vượt ngục của người tù. Nhà tù Côn Đảo đã là hình phạt tận cùng rồi, chẳng còn gì đáng sợ hơn nữa.

Nhờ gần gũi tù thường phạm, những người cộng sản có điều kiện nghiên cứu kỹ cách thức vượt ngục. Từ khi chi bộ cộng sản được thành lập (1932), chủ trương vượt ngục được xác định và được chuẩn bị một cách tích cực. Các đồng chí ở Nhà bếp, nhà kho tích trữ cơm khô; các đồng chí ở Nhà Thương tìm cách kiếm thuốc chống nôn, dầu xoa, thuốc bệnh; anh em ở Bản Chế lén sản xuất các loại cưa, dao, đục, đinh sắt; bộ phận làm ở Nhà Đèn gửi mua thêm lương thực, thực phẩm và thùng thiếc để đựng nước uống. Đến khi có sáng kiến đóng thuyền, anh em gửi mua tôn, dầu hắc, vải bạt, búa, đinh, v.v...

Chi bộ lập Quỹ giải phóng để quyên góp tiền ủng hộ các cuộc vượt ngục và lựa chọn những đồng chí có năng lực lãnh đạo đưa về tăng cường cán bộ cho Đảng. Những đồng chí án nặng từ chung thân khổ sai đến 20 năm khổ sai được chú ý chọn trước. Nhiều đồng chí khác đang làm khổ sai, có điều kiện vượt ngục cũng được giúp đỡ tiền bạc, lương thực, thuốc men và dụng cụ. Nhà Đèn và nhà chú ma tà số 5 thường là nơi cất giấu các phương tiện để cung cấp cho các tốp vượt ngục.

Mùa gió chướng năm 1932, Lương Văn Tụy cùng một số đồng chí vượt đảo bị vỡ bè hy sinh trên biển. Nhiều tốp cộng sản vượt ngục đã bị bắt lại,

giam trong xà lim và hầm xay lúa. Năm 1933, anh em rút kinh nghiệm tổ chức đóng thuyền. Các đồng chí Nguyễn Hồi, Tống Phúc Chiêu... được chỉ định đi chuyến ấy. Thuyền được đóng trên một sườn núi phía Lò Vôi. Đồng chí Nguyễn Hồi đã trốn lên núi, phát cây mở đường để khiêng thuyền xuống. Thuyền được hạ ở mũi Tàu Bế¹

[/color][sup], vừa ra được hơn một trăm thước thì bị một con sóng lớn đánh chìm thuyền. Nguyễn Hồi đuối sức bị sóng cuốn đi. Hai đồng chí bơi vào bờ thì không thấy Nguyễn Hồi, đồng chí Tống Phúc Chiêu bơi ra tìm lần nữa và bị sóng cuốn đi luôn...

Trở về tiếp tục hoạt động cách mạng luôn luôn là niềm khát vọng của những người tù cộng sản. Những tổn thất đau đớn không làm nhụt ý chí vượt ngục của họ. Chi bộ rút kinh nghiệm các cuộc vượt ngục, kiên trì phương án đóng thuyền. Năm 1934, tổ chức Đảng và Hội tù nhân ở các kíp tù khổ sai đã được củng cố. Những người cộng sản đã giành được quyền điều khiển công việc trong nhiều kíp tù khổ sai, do đó có thuận lợi hơn trong việc tổ chức vượt đảo. Một số tù thường phạm có kinh nghiệm đóng thuyền và đi biển được giác ngộ và lựa chọn tăng cường cho các chuyến vượt ngục sắp tới. Những người biết đóng thuyền được vận động cho ra làm ở các sở tù bên ngoài, nơi bộ máy trị tù lỏng lẻo hơn cả. Một số đồng chí được chi bộ trách nhiệm chỉ đạo việc bí mật đóng thuyền. Chi bộ định ngày khởi hành và lựa chọn, chỉ định từng người trở về trong mỗi chuyến vượt ngục.

Cuối năm 1934, chi bộ tổ chức cho Ngô Gia Tự, Tô Chấn, Lê Quang Sung và nhiều đồng chí có năng lực lãnh đạo vượt đảo. Chuyến đi được chuẩn bị công phu. Thuyền đóng bằng gỗ búng, rộng rãi và chắc chắn, hạ thủy vào một đêm nhiều sao, biển êm, gió nhẹ. Ai cũng hy vọng thành công nhưng trông đợi hết ngày này qua ngày khác vẫn không nhận được một tin tức gì.

Từ tháng 4-1934 đến tháng 4-1935, chi bộ tổ chức được hai chuyến vượt đảo thành công. Chuyến đầu gồm các đồng chí: Tống Văn Trân, Vũ Công Phụ, Tào Gông, Toán, Kim, Xuyên và 2 người tù thường (4-1934). Anh em

tổ chức đón thuyền ở Đá Trắng. Khi hạ thủy, thuyền bị rò, anh em phải khắc phục ngay và chặt thêm cây bó vào 2 bên mạn cho sóng khỏi lật thuyền. Sau 3 ngày 3 đêm, thuyền đã cập vào Bến Tre, vùng quê của đồng chí Tạ Gồng. Các đồng chí liên lạc được ngay với Đảng, một số đồng chí được bổ sung vào cơ quan Xứ ủy Nam Kỳ.

Tiếp sau đó, chuyến vượt ngục của các đồng chí Tạ Uyên, Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Hồng Thám, Trần Quang Tặng... ngày 8-4-1935 cũng thành công, thuyền cập vào bờ biển Tây Nam Bộ. Các đồng chí cũng bắt liên lạc ngay với Đảng và lao vào công tác, góp phần khôi phục và củng cố Xứ ủy Nam Kỳ. Các đồng chí Tạ Uyên, Tống Văn Trân sau trở thành những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Xứ ủy, là những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940) và đã hy sinh anh dũng.

Các đồng chí ở Côn Đảo trở về đã báo cáo cụ thể với Xứ ủy Nam Kỳ về sự ra đời và hoạt động của chi bộ cộng sản ở Nhà tù Côn Đảo; báo cáo những ý kiến của chi ủy Côn Đảo về tình hình tư tưởng, chủ trương hoạt động của những người cộng sản ở Nhà tù Côn Đảo và đề nghị với Đảng có ý kiến chỉ đạo, phối hợp đấu tranh chống chính sách khủng bố của thực dân Pháp, đòi ân xá toàn bộ tù chính trị...

Theo Điều lệ mới mà Đại hội lần thứ nhất của Đảng ta họp ở Ma Cao (1935) đã bổ sung, chi bộ cộng sản ở Nhà tù Côn Đảo được công nhận là một Chi bộ đặc biệt dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Kỳ.

Trong những năm 1934-1935, một số đồng chí án nhẹ, mãn án tù Côn Đảo trở về đều được chi bộ giao nhiệm vụ bắt liên lạc với Đảng, nhờ đó mà giữ được liên lạc với đất liền. Các đồng chí vượt ngục và mãn hạn trở về đều tìm gặp Xứ ủy Nam Kỳ và liên lạc ra Côn Đảo.

Cuối năm 1934 đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn từ Nhà tù Côn Đảo trở về đã viết một loạt bài phóng sự về chế độ tù đầy vô cùng dã man ở nhà tù này, đăng liên tục trên báo La Lutte (Tranh Đấu) từ tháng 10 năm 1934 đến tháng 12 năm 1935. Lần đầu tiên những tội ác cực kỳ man rợ của thực dân Pháp ở Nhà tù Côn Đảo từ nhiều năm được bùng bít đã bị vạch trần ngay tại Đông Dương, làm xôn xao cả dư luận tiến bộ ở Pháp và trên thế giới.

Mở rộng Mặt trận đấu tranh

Qua thư từ và cơ sở của Đảng trên các chuyến tàu hàng tháng ra Côn Đảo, Chi bộ đặc biệt đã cung cấp những tin tức mới nhất về đất liền. Những hành động tàn ác của bọn gác ngục Pháp và phong trào đấu tranh của tù nhân ở Côn Đảo được đăng ngay lên báo La Lutte (Tranh Đấu), kèm theo cả những yêu sách đấu tranh và lời kêu gọi của tù nhân Côn Đảo đã làm cho dư luận trong nước hết sức xúc động và phẫn nộ. Đảng ta đã tích cực chỉ đạo phong trào đấu tranh đòi ân xá tù chính trị và vận động quần chúng quyên góp tiền, thuốc men, thực phẩm... gửi ra ủng hộ tù chính trị ở Côn Đảo.

Để đối phó với dư luận tiến bộ, chính quyền thực dân Đông Dương cho tên chúa đảo hung bạo Buvie về Pháp nghỉ và điều Cômadi (Crémazy) ra thay. Cômadi đã già đời trong nghề mật thám ở Đông Dương, nói sõi tiếng Việt, thành thạo nhiều thủ đoạn mua chuộc, lừa mị. Tết dương lịch năm 1935, trong lúc Cômadi cùng binh lính và gác dang Pháp linh đình tiệc rượu thì hăn lại “ra ân” cho tù nhân một con bò già đang bị bệnh. Được biết con bò bị sưng gan, ruột và phổi đầy mủ, toàn thể tù nhân đã đồng tâm phản đối không ăn. Cuộc tẩy chay vạch mặt thủ đoạn lừa mị đê tiện của Cômadi đã mở đầu một thời kỳ đấu tranh đồng loạt và quyết liệt trên đảo.

Ngày 12-2-1935, tàu Méclanh (Merlin) chở ra Côn Đảo 150 giỏ cá khô1 trong đó có 100 giỏ cá thối, lúc nhúc dòi. Đó là thứ cá phế thải mà bọn thầu cơm tù đã mua tranh của chủ thầu phân bón với giá rẻ mạt. Tù nhân Banh I và Banh II đều phản đối, kiên quyết không nhận. Đốc tờ Nhã đến kiểm tra cũng xác nhận là không thể ăn được và yêu cầu loại bỏ số cá thối đó. Quản đốc, Cômadi phải hứa với tù chính trị Banh II là sẽ trả lại cho nhà thầu 100 giỏ cá thối. Nói vậy nhưng hăn lại đem phát cho các sở tù khổ sai. Được sự chỉ đạo thống nhất của chi ủy, các sở tù Đá Trắng, Sở Tiêu, Sở Củi

- Chuồng Bò... đều phán đối không nhận cá thối, buộc bọn chúa ngục phải đem đồ làm phân bón.

Chuyến tàu tiếp theo chở ra 150 giỏ cá khô, 50 giỏ cá tốt được phân phát cho bọn gác ngục, còn 100 giỏ cá thối chúng lại đem cưỡng phát cho các sở tù bất chấp sự phán đối của tù nhân. Chi bộ đặc biệt quyết định phát động một đợt đấu tranh rộng lớn trên toàn đảo chống việc cho tù nhân ăn cá khô mục thối.

Ngày 1-3-1935, kíp đốn cây ở Bãi Bàng đấu tranh không nhận cá thối, hai mươi người bị trả về Banh I, chịu phạt xiềng và ăn cơm nhạt, uống nước lã. Ngày 2-3-1935, năm mươi tù nhân ở Bản Chế và Sở tẩy phân bói cá thối cũng bị phạt xiềng trong khám 6-7. Buổi chiều hôm ấy hàng trăm tù nhân sở Chi Tồn tuyệt thực phản đối lệnh phạt đối với 70 tù nhân trong khám 6-7. Tên Xếp chánh Corítsochiani hăm dọa: “Súng của tao sẽ trả lời yêu sách của tụi bay”.

Ngày 3-3-1935, Thống đốc Nam Kỳ ra lệnh cấm cố tất cả những người tù cộng sản đang làm khổ sai ở Banh I. Quản đốc Corêmedi trực tiếp đôn đốc việc cùm xiềng và cấm cố tù nhân. Một trăm hai mươi người tù cộng sản bị đánh đập dã man, bị xiềng và cấm cố trong khám 6-7. Chi ủy họp cấp tốc, quyết định tổ chức tuyệt thực để chặn bàn tay khủng bố của kẻ thù. Đại biểu tù nhân khám 6-7 tuyên bố với xếp banh nhịn ăn, nhịn uống, đòi tháo xiềng, xóa bỏ cấm cố, đòi chấm dứt việc cho tù nhân ăn khô mục và đòi không được đánh đập, ngược đãi tù nhân.

Nhịn ăn và nhịn uống cùng một lúc là một hình thức đấu tranh quá cao, trong khi các nơi chưa kịp phối hợp đấu tranh hưởng ứng và tương quan lực lượng chưa thuận lợi, nên sau 3 ngày đêm, khám 6-7 chủ trương kết thúc cuộc tuyệt thực.

Mặc dù phần lớn các đồng chí lãnh đạo của chi bộ bị cấm cố, phong trào đấu tranh chống ăn cá khô mục vẫn phát triển mạnh. Tùy theo tình hình của từng nơi mà các sở tù nêu thêm nhiều khẩu hiệu cụ thể. Kíp san hô đòi được tắm rửa sau mỗi ngày làm việc; Hầm xay lúa đòi bỏ xiềng xích; kíp xe bò tiếp tục nêu khẩu hiệu: “mỗi xe 7 người”. Những sở có đông tù chính

trị thì nêu thêm khẩu hiệu: “Chế độ chính trị cho tù chính trị”, “Tù chính trị phải được đọc sách báo”, v.v... Chi bộ tích cực chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh tuyệt thực lớn trên quy mô toàn đảo, kết hợp với các hình thức bãi công, đưa yêu sách.

Khoảng giữa năm 1935, sau 2 chuyến vượt ngục thành công của tù cộng sản, Quản đốc Cômadi đưa vào cấm cố toàn bộ tù cộng sản đang làm khổ sai ở các sở ngoài. Hơn 100 người bị giam vào khám 8 và khám 9, một số ít ở khám 10 chung với tù Quốc dân đảng. Khám 6-7 tập trung nhiều đồng chí có trình độ, trở thành trung tâm lãnh đạo lúc đó.

Tin Đảng ta công nhận chi bộ cộng sản ở Nhà tù Côn Đảo là một Chi bộ đặc biệt trực thuộc Xứ ủy Nam Kỳ đã đem đến cho các đảng viên niềm phấn khởi và tin tưởng ngay giữa lúc ở trong cấm cố, xích xiềng. Chi ủy được củng cố lại gồm các đồng chí Hồ Văn Long, Phạm Hùng, Nguyễn Công Thương (tức Lê Văn Lương)... Tờ báo Người tù đỏ ở Banh II được chuyển về Banh I xuất bản ở khám 6-7 với cái tên Tiến Lên là cơ quan thông tin và tranh đấu của chi bộ.

1. Mỗi giỏ khoảng 50 kg.

Chi bộ khẩn trương chuẩn bị cho cuộc đấu tranh sắp tới. Một số đảng viên còn lọt lại ở các sở tù bên ngoài là nòng cốt chỉ đạo phong trào đấu tranh của tù thường phạm ở những nơi này, đồng thời giữ vững liên lạc với đất liền. Ngày 18-5-1935, khám 6-7 mở đầu đợt đấu tranh đòi xóa bỏ cấm cố, đòi gỡ bỏ các tấm tôn che trên cửa số¹, đòi cải thiện đời sống và không được đánh đập, ngược đãi tù nhân.

Banh II phối hợp đấu tranh, đưa yêu sách đòi cải thiện đời sống, đòi đảm bảo các quyền lợi của tù chính trị. Cùng thời gian này tên gác ngục Căng tanh (can tin) coi kíp đốn củi đã hành hung đánh chết 2 tù nhân. Toàn thể tù nhân Sở Cui - Chuồng Bò và nhiều sở tù khác bỏ việc tổ chức thành từng đoàn kéo về bàn giấy Xếp chánh đưa yêu sách:

– Phản đối Căng tanh giết người.

- Phản đối đánh đập và xiềng xích.
- Phải giảm nhẹ khổ sai.
- Cho tù ăn đủ chế độ và được tắm giặt.
- Chế độ chính trị cho tù chính trị.
- Phản đối chế độ cấm cố khám 6, 7.

Một bản yêu sách chung của tù nhân Côn Đảo được thảo ra gửi Quản đốc:

- Cấm chỉ đối xử dã man, đánh đập, ngược đãi tù nhân.
- Bớt giờ làm việc trong ngày..
- Mỗi năm phát ít nhất 3 bộ quần áo, 3 chiếc chiếu².
- Ban đêm phải thắp đèn trong các khám.
- Ăn uống phải được cải thiện, không được cho tù ăn khô mục thối.
- Mỗi tháng cho ăn 2 lần thịt bò.
- Cho một chuyên viên điều trị bệnh lao phổi vì 75% tù nhân đã mắc bệnh lao phổi.
- Tù chung thân phát lưu được quyền sinh sống tự do ở ngoài các “banh”..

Do được chuẩn bị chu đáo và đưa tin trước về đất liền, báo La Lutte đã đưa tin ngay khi cuộc tuyệt thực nổ ra làm cho bọn thực dân Đông Dương vô cùng lúng túng. Bọn chúa ngục Côn Đảo tìm mọi cách dụ dỗ những người tuyệt thực. Buổi sáng chúng pha sữa nóng đem đến, buổi trưa và buổi chiều chúng lại đưa cơm nóng và thịt vích xào rất thơm vào tận trong khám. Bọn gác ngục hạ giọng năn nỉ anh em ăn cơm, còn yêu sách thì chúng chỉ hứa quanh co là sẽ nghiên cứu giải quyết. Khám 8-9 lập tức tuyên bố tuyệt thực hưởng ứng khám 6-7. Các sở tù khổ sai cũng lần lượt bỏ việc kéo về hưởng ứng như một cuộc tổng đình công, bãi thực. Bọn chúa ngục vô cùng lúng túng nhưng chúng vẫn ngoan cố chưa chịu chấp nhận yêu sách. Chi ủy chỉ đạo anh em kiên trì đấu tranh, quyết giành lấy một thắng lợi, dù nhỏ.

Cuộc tuyệt thực kéo dài đến ngày thứ 9. Hai người hấp hối phải đưa đi cấp cứu, nhưng vẫn tiếp tục tuyệt thực tại Nhà Thương. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiêm kiệt sức hy sinh...

Đến lúc ấy Quản đốc Carêmedi mới buộc phải chấp nhận yêu sách. Hãn tuyên bố sẽ không đánh đập tù nhân, không cho tù ăn cá khô mục thối, cho gỡ các tấm tôn che trên cửa sổ, cho tù nhân 2 khám cấm cố ra chơi mỗi ngày một giờ ở sân sau khám. Tù cộng sản ở Banh I được “hưởng” chế độ “nửa chính trị”, được mua đồ dùng ở căng tin mỗi tuần một lần, được nhận thư và quà của gia đình gửi mỗi tháng một lần, được đọc sách nhưng không được đọc báo.

Cuộc tuyệt thực kết thúc thắng lợi. Đồng chí Mai Ngọc Can đang cấp cứu tại Nhà Thương chưa biết kết quả nên tuyệt thực thêm một ngày nữa.

Ngay sau khi cuộc tuyệt thực thắng lợi, nhiều đồng chí còn mệt lả vẫn lao vào công việc. Tờ báo Tiến lên ra ngay một số tường thuật cuộc tuyệt thực và tổng kết kinh nghiệm đấu tranh. Hưởng ứng cuộc vận động của chi uy, trên một trăm bản hồi ký viết về cuộc tuyệt thực 9 ngày đã được gửi về Ban biên tập để đăng trên các số báo Tiến lên tiếp theo³. Các đồng chí trong chi ủy thường làm việc suốt đêm để viết báo cáo và tài liệu gửi về Xứ ủy Nam Kỳ.

Năm 1935, phong trào cách mạng trong nước đã được phục hồi, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng ta họp ở Ma Cao (3-1935) đã khôi phục hệ thống tổ chức Đảng từ Trung ương đến các cơ sở trong cả nước. Phong trào đấu tranh của nhân dân lao động Pháp cũng đang phát triển mạnh nhưng bọn phản động thuộc địa vẫn ráo riết chống lại phong trào cách mạng. Năm 1935, chúng lựa những người tù thuộc loại “cứng đầu” ở Trung Kỳ đày luôn ba chuyến ra Côn Đảo. Khu cấm cố Banh I trở thành nơi “tụ hội” của những người cộng sản Việt Nam ở khắp ba miền Bắc - Trung - Nam.

Đấu tranh đòi Tổng đại xá tù chính trị

Theo sáng kiến của Đảng cộng sản Pháp, tháng 5 năm 1935, tại Pa ri đã tổ chức một hội nghị chống phát xít với sự tham gia của Đảng cộng sản, Đảng xã hội, Đảng xã hội Pháp cấp tiến, Tổng công đoàn, Tổng liên đoàn lao động thống nhất và các đoàn thể quần chúng của các đảng phái nói trên. Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít và chiến tranh.

Tháng 1 năm 1936, Mặt trận nhân dân công bố cương lĩnh tranh cử của mình. Bản cương lĩnh đặt lên trên hàng đầu khẩu hiệu Đại xá (Amnistie général) trong đó có vấn đề ân xá tù chính trị ở Đông Dương. Cuộc vận động thành lập Mặt trận dân chủ của Đảng cộng sản Đông Dương cũng phát triển sôi nổi. Toàn quyền Đông Dương xoa dịu dư luận bằng cách ân xá 6 tù chính trị ở Côn Đảo (1-1936) và sau đó giảm án cho 15 người khác, phần lớn từ án chung thân xuống 20 năm cấm cố; một vài người được giảm xuống 15 năm.

Năm được tình hình trong nước và trên thế giới đang có bước phát triển lớn, Chi bộ đặc biệt Banh I và Ban lãnh đạo Banh II đã động viên anh em ra sức học tập nâng cao trình độ để có dịp trở về hoạt động được nhiều hơn cho Đảng.

Tết âm lịch năm 1936, đại biểu tù nhân khu cấm cố Banh I gửi kiến nghị lên Quản đốc đòi được mở cửa khám, được đi lại tự do trong banh vui chơi 3 ngày Tết. Cơ rêmadi phải chấp nhận. Chi bộ đặc biệt chỉ đạo tổ chức vui Tết cho anh em phấn khởi, nhằm bồi dưỡng ý chí chiến đấu. Bản hịch Banh I trình bày vở kịch Tết của ai và vở tuồng Xã hội đòi bại được khán giả tù và ma tà hoan nghênh nhiệt liệt.

Bọn phản động thuộc địa vẫn ráo riết chống lại phong trào cách mạng đang dâng cao. Đầu năm 1936, tên bạo chúa Buvie được điều từ Pháp sang nhận lại chức Quản đốc Nhà tù Côn Đảo. Buvie ra lệnh tước hết những

quyền lợi mà tù nhân đã giành được trong các cuộc đấu tranh dưới thời Quản đốc Corêmati (1935). Bọn gác đang được lệnh đàn áp thẳng tay.

Một buổi, tù nhân Sở Chi Tồn (lúc này hầu hết là tù thường phạm) làm khổ sai về sớm hơn thường ngày. Xếp Banh I cho gác đang chặn tù ngay trước cổng banh đánh đập tàn nhẫn, hơn trăm người tù thường phạm quằn quại dưới ngọn roi tàn bạo. Tiếng kêu la của họ thảm thiết và uất hận. Lập tức hàng trăm người tù cộng sản trong khu cấm cố Banh I bật dậy hò la phản đối:

– Đả đảo khủng bố!

– Đả đảo Buvie!

Tù chính trị ở Banh II cũng phấn nộ hét vang các khẩu hiệu phản đối bằng tiếng Pháp:

– Đả đảo thực dân Pháp!

– Đả đảo Buvie!

– Đả đảo Corítsochiani!¹.

Buvie giận tím mặt, hăn ra lệnh khủng bố thẳng tay. Bọn gác đang bỏ đám tù thường phạm, mở kho khiêng gấn chực cần xé mây cà vông² vào các khám tù Cộng sản. Thế rồi mỗi tên rút một, hai khúc mây xông vào quật thẳng cánh lên đầu tù nhân. Đánh đến nát khúc mây, chúng lại rút khúc khác đánh tiếp. Chúng đánh từ cửa khám cho đến khi dồn hết tù nhân vào trong góc khám. Nhiều tên moi tay ngồi thờ hồng hộc rồi xông vào đánh nữa. Đánh nát hết mấy cần xé mây cà vông, cả bọn mới mệt mỏi và lặng lẽ kéo nhau ra.

Anh em tù nhân lập hàng rào từ cửa khám đỡ đòn cho nhau. Cuối cùng tất cả bị dồn vào góc tường, chông chất lên nhau thành một đống. Lớp thanh niên trẻ nằm trên cùng, da thịt rách nát, vết roi mây nổi lằn bầm tím cả người. Khi bọn quỷ sứ rút ra rồi, cả khám tù lặng đi, xác roi mây đập nát ngổn ngang trong khám. Anh em tù ngồi dậy, tất cả ngó nhau cùng cười. Máu của những anh em trẻ còn nhuộm thành vệt đỏ trên mái tóc điểm bạc

của đồng chí Tôn Đức Thắng. Nhiều đồng chí bị đánh nát cả lưng, hàng tháng trời không nằm được, phải ngồi dựa vào nhau.

Chi bộ đặc biệt quyết định phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ tàn bạo của tên Quản đốc Buvie và đòi đại xá tù chính trị. Hai tờ báo ý kiến chung và Tiến lên tích cực vận động cho cuộc đấu tranh sắp tới. Đối với tù thường phạm, chi bộ vận động nêu các khẩu hiệu:

- Đòi được ân xá.
- Đòi không được đánh đập, ngược đãi tù nhân.
- Đòi cải thiện bữa ăn hàng ngày, bỏ cá khô mục.

Riêng tù chính trị nêu các yêu sách:

- Thả hết tù chính trị. Trong lúc chưa thả thì thi hành ngay chế độ tù chính trị, đưa toàn bộ tù chính trị về đất liền để cho gia đình được thăm hỏi.
- Bãi bỏ cấm cố, bỏ xiềng chân tay.
- Cải thiện bữa ăn hằng ngày, không ăn khô mục.

Hình thức đấu tranh là đưa yêu sách, nếu địch khủng bố thì sẽ bãi thực, hò la phản đối; các sở tù khổ sai sẽ phối hợp đấu tranh bằng cách bỏ việc. Toàn đảo lập ủy ban tranh đấu, mỗi ban lập một Ban tranh đấu, các khám đều tổ chức các đội tự vệ để chống khủng bố.

Ngày 18-3-1936, đồng chí Phạm Hùng đưa yêu sách của tù nhân Banh I cho Quản đốc. Buvie xổ ngay một tràng chửi rửa thô tục rồi ra lệnh cho tay chân: “Đánh thẳng cánh. Nhốt hầm. Đây chính là quyền lợi của chúng nó ở được hưởng ở Côn Lôn”.

Bọn gác dang rút những khúc mây cà vông xông vào khám 6-7 đánh túi bụi và bắt đồng chí Phạm Hùng giam xuống xà lim. Đội tự vệ khám 6-7 câu tay thành hàng rào chắn trước cửa khám đỡ đòn và bảo vệ cho các đồng chí ở phía trong. Tất cả tù nhân Banh I dõn ra các cửa khám hét vang:

- Đá đảo Buvie! Đá đảo khủng bố!
- Đá đảo chế độ cấm cố!
- Phải thả hết tù chính trị!

Anh em Banh II cũng đổ ra các cửa lớn, leo lên các cửa sổ hô khẩu hiệu “đả đảo”, “phản đối” vang cả đảo. Quản đốc Buvie trực tiếp chỉ huy cuộc đàn áp. Bọn gác dang xông vào đánh hết đám này đến đám khác. Tù nhân Khâu (số tù 5930) bị đánh chết ngay tại chỗ. Hàng trăm người bị thương ở đầu, gãy tay, phải đưa ra nhà thương băng bó rồi giam riêng ở khám 10. Số tù nhân Việt Nam Quốc dân đảng ở khám 10 không dám đấu tranh, sợ bị khủng bố lây đã xin với xếp banh cho chuyển qua khám khác.

Tù nhân Banh I tuyên bố tuyệt thực phản đối khủng bố và đòi các quyền lợi chính đáng đã ghi trong yêu sách. Cuộc tuyệt thực kéo dài 9 ngày ở các khám tù cấm cố, 6 ngày ở một số khám tù khổ sai. Các sở tù đều nghỉ việc để hưởng ứng.

Cuộc đàn áp đẫm máu của Buvie sau đó đã được báo Le Lutte đưa tin và bị dư luận tiến bộ công phẫn lên án. Thống đốc Nam Kỳ buộc phải chỉ thị cho Quản đốc Côn Đảo cải thiện chế độ nhà tù, không được để cho dư luận coi bọn chúng như bọn người buôn nô lệ châu Phi. Buvie đành phải chấp nhận phần lớn yêu sách của tù nhân. Riêng yêu sách đòi ân xá tù chính trị hẳn hứa sẽ chuyển lên Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương.

Được tin Mặt trận nhân dân Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội Pháp ngày 3-5-1936. Chi bộ đặc biệt quyết định tiến thêm một bước nữa. Ngày 28-5-1936, chi ủy thảo yêu sách gửi Thống đốc Nam Kỳ, Bộ trưởng Bộ thuộc địa và Thủ tướng Pháp đòi đại xá tù chính trị. Ngày 11-6-1936, một cuộc bãi thực, lần công lại nổ ra trên toàn đảo để nhắc lại các yêu sách ngày 28-5-1936 đòi tổng đại xá.

Cuộc vận động thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương của Đảng ta cũng phát triển rầm rộ, hàng chục vạn tờ truyền đơn xuất hiện trong cả nước. Qua báo chí tiến bộ, Đảng ta đã đưa ra 12 yêu cầu tự do dân chủ trong đó có vấn đề tự do cho tù chính trị.

Tháng 6-1936, Chính phủ phái tả của Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp do Long Bơ lum (Lon Blum), lãnh tụ Đảng xã hội làm Thủ tướng và Mariuyt Mu tê (Marius Moutet), đảng viên Đảng xã hội làm Bộ trưởng Bộ thuộc địa. Ra đời trong lúc phong trào nhân dân đấu tranh chống phát xít

lên cao, Chính phủ Pháp buộc phải thi hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động ở trong nước và các thuộc địa theo cương lĩnh của Mặt trận nhân dân Pháp. Ngày 14-7-1936, thực dân Pháp tập trung hơn 90 tù chính trị ở Côn Đảo về khám 10 Banh I, chuẩn bị đưa về Sài Gòn đòi ân xá.

Giữa lúc đó Chi bộ đặc biệt nhận được bản báo cáo của đồng chí Manuinxki (Manouinsky) tại Đại hội của Đảng bộ thành phố Leningrát về những vấn đề cơ bản của Đại hội lần thứ 7 Quốc tế cộng sản cùng tạp chí Thư tín quốc tế, cơ quan thông tin của Quốc tế cộng sản.

Bản báo cáo của đồng chí Manuinxki đã phân tích sâu sắc bản chất và nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, đề ra mục tiêu trước mắt của giai cấp vô sản, không phai lựa chọn giữa nền chuyên chính vô sản và dân chủ tư sản mà phải lựa chọn giữa nền dân chủ tư sản hay chủ nghĩa phát xít; nhiệm vụ cấp bách của giai cấp vô sản lúc này là phải tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, để lập Mặt trận nhân dân rộng rãi, đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

Ngay đêm 14-7-1936, Chi bộ đặc biệt phổ biến ngay nội dung nghị quyết Đại hội lần thứ 7 Quốc tế cộng sản đến khám tù chính trị chuẩn bị được ân xá. Chi bộ còn truyền đạt cho Banh II và tổ chức cho toàn thể đảng viên ở Banh I học tập, nghiên cứu nội dung, nghị quyết mới nhất của Quốc tế cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới.

Trong vòng 4 tháng cuối năm 1936 đã có hơn 500 tù chính trị ở Côn Đảo được trả lại tự do trong đó có đến một nửa là đảng viên cộng sản, chiếm khoảng 50% số tù chính trị ở được ân xá lúc đó¹. Lớp đảng viên cộng sản ở tù ra, nhất là số đảng viên từ Côn Đảo trở về là một nguồn cán bộ quý của Đảng. So với 6 năm trước, khi Đảng ta ra đời, hàng trăm đảng viên từ Nhà tù Côn Đảo về đã trưởng thành về lý luận, dày dạn trong đấu tranh cách mạng và nắm được sự chỉ đạo mới nhất của Quốc tế cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới.

Mặc dù nhiều đồng chí mang bệnh nặng sau những năm bị đày ải và bị đánh đập tàn nhẫn ở Côn Đảo, nhiều đồng chí bị tan nát gia đình bởi sự

khủng bố đê hèn của chính quyền thực dân, tuyệt đại bộ phận tù cộng sản được trả lại tự do đều lao vào hoạt động.

Quá trình học tập, nghiên cứu lý luận Mác-lênin trong nhà tù đã củng cố lập trường giai cấp và lòng tin vững chắc vào thắng lợi của lý tưởng cách mạng. Những cuộc đấu tranh một mất một còn chống chế độ đầy ải man rợ trong tù đã tôi luyện ý chí và bản lĩnh cách mạng cho những người cộng sản. Vì thế mà chính sách của kẻ thù không tiêu diệt được những người cộng sản mà trái lại, họ trở nên “cứng như sắt, vững như đồng”.

Đội ngũ cán bộ này đã tăng cường cả về số lượng và chất lượng lãnh đạo cho Đảng ta, vừa đúng lúc Đảng ta nắm được thời cơ, phát động cao trào Mặt trận dân chủ Đông Dương sâu rộng, hiếm có ở một nước thuộc địa. Trong khi đó thì hàng trăm đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng cùng về một lượt chỉ có vài người tiếp tục hoạt động cách mạng trở lại. Đó là những người đã chuyển hẳn sang hàng ngũ cộng sản, còn tuyệt đại bộ phận đảng viên Quốc dân đảng nằm im, không hoạt động chính trị nữa.

Bằng vốn lý luận và những kinh nghiệm hoạt động đã được tổng kết trong nhà tù, những người cộng sản đã thể nghiệm thành công trên nhiều lĩnh vực hoạt động như củng cố, xây dựng cơ sở Đảng; tổ chức quần chúng; tổ chức mít tinh, biểu tình, diễn thuyết, làm báo công khai... Có những đồng chí trước kia là công nhân, nông dân mà nay ở tù về diễn thuyết rất hay, biết phân tích tình hình thế giới, tình hình Đông Dương và xu thế cách mạng tất yếu của thời đại làm cho quần chúng khâm phục và tin tưởng.

Nhiều đồng chí đã trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta trong cao trào Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936-1939) như Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Lê Quấn, Nguyễn Chí Diều, Ung Văn Khiêm, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Văn Linh, Hà Huy Giáp, Trần Huy Liệu... Đồng chí Nguyễn Văn Cừ được cử vào Ban Thường vụ Trung ương (3-1938) và sau đó giữ chức Tổng bí thư của Đảng.

Nhà tù đế quốc không tiêu diệt được ý chí của những người cộng sản. Những người cộng sản đã đấu tranh đòi quyền sống và biến nhà tù đế quốc thành nơi đào tạo rèn luyện cán bộ cung cấp cho Đảng. Sau này, Chủ tịch

Hồ Chí Minh đã đánh giá: “Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí của ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó chứng tỏ trung chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng mà trái lại, nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng thêm cứng rắn, và kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua”².

Củng cố lại đội ngũ

Quản đốc Buvie hăn học nhìn từng đoàn tù xuống tàu về đất liền. Tại cầu tàu, hăn đã chỉ vào những người tù Quốc dân đảng và nói với anh em tù cộng sản: “Đáng lẽ chỉ cho những người này về. Các anh về nguy hiểm lắm!”. Trước đó, Buvie đã hăm hực ghi vào hồ sơ của đồng chí Phạm Văn Đồng: “Đừng có đưa người tù này về xứ sở của nó. Việc thả nó ra sẽ trở thành một nguy cơ cho Nhà nước”.

Không đầy 10 năm sau, chính những người tù này đã tham gia lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Tám (1945), lật đổ ách thực dân gần 100 năm của chúng.

Thắng lợi của phong trào Mặt trận nhân dân Pháp và phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương đã làm giảm hăn số lượng tù chính trị ở Côn Đảo. Năm 1937, nhà ngục Côn Đảo còn 2.018 tù nhân, trong đó có khoảng 200 là tù chính trị. Qua báo chí tiến bộ, Đảng ta đã nhiều lần đòi Chính phủ Pháp phải lập tức trả lại tự do cho tất cả tù chính trị mà chúng còn giam giữ ở Côn Đảo và các nhà tù khác ở Đông Dương.

Chính quyền thực dân Đông Dương tìm mọi lý do để không thả những người tù còn lại. Tuy vậy chúng cũng buộc phải giảm án và để cho tù nhân được hưởng những quyền lợi mà họ đã đấu tranh giành được trong những năm 1934 - 1936.

Chế độ nhà ngục Côn Đảo căn bản không thay đổi. Ban II lúc ấy còn hơn 100 tù chính trị, trong đó có gần 20 đảng viên cộng sản. Anh em cộng sản vẫn tiếp tục nghiên cứu sâu nhiều vấn đề của chủ nghĩa Mác-lênin. Phần lớn số đảng viên Quốc dân đảng còn ở lại đã giác ngộ chủ nghĩa cộng sản. Phái cực đoan còn vài tên. Bọn này lâu lâu lại kiếm chuyện gây gổ, nhưng trước sự đoàn kết nhất trí cao của tù chính trị cộng sản và không được quần chúng Quốc dân đảng đồng tình nên chẳng bao giờ chúng thực

hiện được ý đồ xấu. Một số anh em Quốc dân đảng xin sang ở không và sinh hoạt với những người cộng sản.

Banh I khi ấy còn khoảng 40 đảng viên cộng sản vẫn bị cấm cố trong khám 6. Một số đồng chí khác ở chung với thường phạm trong một vài sở tù khổ sai. Chi bộ đặc biệt được củng cố lại. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh là Bí thư, chi ủy có các đồng chí Hồ Văn Long, Phạm Hùng, Nguyễn Công Thương (Lê Văn Lương)... Tổ cố vấn không còn nữa.

Hội tù nhân cũng được củng cố lại, đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Hội. Phối hợp với phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương đang phát triển mạnh trong nước, ngày 2-2-1937, Chi bộ đặc biệt thảo một bức thư gửi Toàn quyền Đông Dương phản đối chế độ nhà tù hà khắc, đòi tổng đại xá, đòi các quyền tự do dân chủ và tự do triệ tập Đông Dương đại hội.

Các đồng chí từ Nhà tù Côn Đảo trở về hoạt động trong phong trào Mặt trận dân chủ (1936 - 1939) đã gửi ra Côn Đảo nhiều báo chí công khai lúc đó như Tin tức, Nhanh Lúa, La Lutte (Tranh đấu), No tre Voi (Tiếng nói của chúng ta), Le humanité (Nhân đạo, cơ quan Trung ương của Đảng cộng sản Pháp), tạp chí Thư tín quốc tế... Đây là thời kỳ mà Chi bộ đặc biệt nhận được nhiều báo chí và tin tức tài liệu, có điều kiện tổ chức học tập, nghiên cứu sâu sắc nhiều vấn đề lý luận, chính trị, thời sự cũng như đường lối và sách lược đấu tranh của Đảng ta.

Giữa năm 1937, bức thư của đồng chí Nguyễn Chí Diểu gửi ra Côn Đảo thông báo chính sách mới và phương châm tổ chức mới của Đảng đã đem lại một không khí hết sức phấn khởi cho anh em. Chi bộ đặc biệt đã tổ chức nghiên cứu một cách nghiêm túc chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít của Quốc tế cộng sản và chủ trương thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương của Đảng ta: Vấn đề Sách lược đấu tranh được thảo luận sôi nổi và vận dụng vào hoạt động trong tù.

Các hình thức đấu tranh được áp dụng một cách mềm dẻo hơn. Trước đây thường đấu tranh trực diện, nay được phối hợp nhiều hình thức, kể cả kiến nghị, gây dư luận, vận động, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của

những người trong hàng ngũ địch, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù chủ yếu...

Năm 1938, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô trở về hoạt động ở Trung Quốc. Đồng chí đã có ý kiến chỉ đạo Đảng ta lúc này không nên nêu những khẩu hiệu quá cao mà phải đấu tranh cho những quyền lợi cấp thiết ở xứ thuộc địa, “đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm”¹.

Tờ báo Dân chúng, cơ quan ngôn luận công khai của Đảng cộng sản Đông Dương lúc đó đã vạch trần những thủ đoạn giả dối của Bộ trưởng thuộc địa Mu tê (Marius Moutet) và bọn phản động thuộc địa đang chống lại chương trình của Mặt trận nhân dân Pháp; tố cáo bọn chúng còn giam giữ nhiều người cộng sản như Nguyễn Lương Bằng, Phạm Quang Lịch... ở Sơn La; Tôn Đức Thắng, Nguyễn Duy Trinh, Phạm Hùng, Nguyễn Công Thương... ở Côn Đảo.

Báo Dân chúng đưa lại nhiều tin và bài của báo La Défense (Bảo vệ, cơ quan ngôn luận của Hội cứu tế nhân dân Pháp), phản ánh phong trào đấu tranh sôi nổi của nhân dân lao động Pháp đòi thả hết tù chính trị ở Đông Dương.

Bọn chúa ngục Côn Đảo vẫn bắt tù nhân đập đá, mở thêm các lộ giao thông, mở tuyến đường sắt từ Bản Chế lên Sở Củi và Sở Đá dưới chân Núi Chúa. Trong lúc kíp xe bò chuyên chở củi và vật liệu vẫn được chấp nhận 7 người đẩy một xe, mỗi ngày 3 chuyến thì đột nhiên ở kíp làm đường sắt, bọn gác dang bắt mỗi xe 2 người và bắt đi 6 chuyến trong buổi sáng. Nhóm cộng sản trong kíp làm đường sắt đã lãnh đạo một cuộc đấu tranh bằng hình thức lãn công. Buổi sáng ấy kíp tù chỉ đi 3 chuyến. Hết giờ, bọn gác dang quát roi túi bụi, bắt đi cho đủ 6 chuyến. Giữa trưa, mọi người làm cày uế oải, bọn chúng đánh cả kíp một trận tơi bời rồi phạt hầm những người cầm đầu.

Từ cuối năm 1938, nguy cơ chiến tranh thế giới đã đến gần. Chính phủ Pháp do Đaladiê (Daladier thuộc Đảng xã hội cấp tiến) đứng đầu ngày càng ngả về phía hữu. Giai cấp tư sản Pháp ráo riết chuẩn bị tấn công vào Đảng

cộng sản và quần chúng lao động. Chính quyền thuộc địa Đông Dương cũng bắt đầu trở mặt, bắt bớ, khủng bố những người hoạt động trong phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Bọn chúa ngục Côn Đảo ngày càng lì lợm. Mỗi lần tù nhân đấu tranh chúng chỉ nhượng bộ những yêu sách nhỏ như bớt việc khổ sai, cho tắm giặt, cho mua thuốc hút... Chi bộ đặc biệt vẫn theo dõi sát tin tức, tình hình, củng cố tổ chức và chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh sắp tới Lợi dụng mỗi lần bọn gác ngục điều động tù nhân, chi bộ lại vận động cho một số đảng viên được nhận vào làm ở các kíp Nhà bếp, Sở tẩy, Bản Chế, Nhà Thương, Sở Lưới, Nhà Đền và một số sở ngoài. Nhờ đó mà chi ủy trong cấm cố vẫn nắm được tin tức hàng ngày trên đảo, liên hệ được với các cơ sở và liên lạc được với Xứ ủy Nam Kỳ.

Trong lúc tình hình ở Đông Dương và ở Pháp đang xấu dần đi, những người cộng sản ở Côn Đảo tích cực chuẩn bị các mặt tư tưởng và tổ chức để bước vào một thời kỳ đấu tranh mới, trong điều kiện có thể sẽ gay go và quyết liệt hơn.

1. số liệu của Thanh tra thuộc địa Pháp. Theo tài liệu của Viện Lịch sử Đảng.

2. Số liệu của Thanh tra thuộc địa Pháp. Tài liệu đã dẫn.

3. Nguyên văn. “Không đẹp xong cộng sản, Pasquier này sẽ không nhìn thấy sông Xen (Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb sách giáo khoa Mác-lênin. H. 1983 tập 1, tr. 99). Pasquier là viên Toàn quyền Đông Dương đầu tiên xuất thân từ ngạch quan cai trị thuộc địa, đã từng làm công sứ tỉnh Thanh Hóa, khâm sứ Trung Kỳ, nổi tiếng là “tên đao phủ của cách mạng Đông Dương”. Pasquier bị chết trong một tai nạn máy bay, giữa tháng một năm 1934, trên chặng đường cuối cùng từ Liông (Lyon) tới Pari (Paris). Cộng sản Đông Dương thì không tiêu diệt được mà sông Xen cũng không được nhìn thấy lần cuối.

1. Ma tà còn gọi là thầy chú. Bọn Pháp không gọi tên từng người mà gọi theo số hiệu, vì thế tù nhân cũng gọi họ theo số hiệu, ví dụ: chú số 4, chú số 5...

2. Quy chế Nhà tù Côn Đảo không cho phép tù nhân giữ nhiều tiền nên anh em phải tìm nơi tin cậy để gửi. Cô Bảy là người “thủ quy” tín nhiệm, có lúc giữ đến 200 đồng (tương đương 10 lượng vàng) mà không khi nào mất mát. Về sau bọn Pháp phát hiện sự liên hệ của gia đình này với tù chính trị. Cả gia đình này bị trục xuất về đất liền cùng gia đình các chú ma tà số 10, số 4. Chú số 4 và chú số 10 tham gia kháng chiến và hy sinh. Cô Tám, em chú số 5 cũng tham gia kháng chiến và bị Pháp bắt tù mấy năm.

3. Lang Kiều sinh trưởng ở Cao Lãnh, nổi tiếng là thần đồng về Đông y từ năm 17 tuổi, bị án 20 năm khổ sai trong vụ đánh cướp tàu Nguyễn Văn Kiệt, làm “kinh tế mạo hiểm”, lấy của nhà giàu tài trợ cho cách mạng.

1. Áp dụng thủ đoạn “lấy tù trị tù bọn chúa ngục chọn trong đám tù thường phạm những tên “anh chị nhất, cứ ra coi tù giúp việc gác dang, ma tà. Cặp răng là cách phát âm từ “caporal trong tiếng Pháp, của tù nhân. Trong sách báo ta cũng gặp từ “caplan để chỉ những người làm cặp răng.

2. Một đơn vị quân đội viễn chinh Pháp gồm những người thuộc quốc tịch khác nhau đi lính đánh thuê, nổi tiếng hung ác.

3. Mécanicien: thợ máy.

1. Tức là những đại diện của tù nhân trực tiếp quan hệ với gác ngục, “ngoại giao” là cách gọi của anh em tù lúc đó.

2. Trần Huy Liệu. Phấn đấu để trở nên một đảng viên cộng sản. Tập san “Nghiên cứu Lịch sử” số 10 tháng 1-1960, tr.81.

3. Tham gia cuộc vượt ngục có Nguyễn Phương Thảo (sau này là Trung tướng Nguyễn Bình).

1. Mũi Tàu Bể ở phía đông bắc thị trấn Côn Đảo, đối diện với Hòn Bảy Cạnh. Vào mùa gió chướng, luồng nước chảy giữa Hòn Cau, Hòn Bảy Cạnh và Côn Đảo qua đây rất xiết: có lần đã xô một chiếc tàu buôn vào vách đá làm vỡ tàu, do đó mà có tên mũi Tàu Bể (tiếng địa phương Nam Bộ: bể là vỡ).

1. Bọn chúa ngục cho bịt tất cả các cửa sổ ở Banh I bằng các tấm tôn có lỗ nhỏ li ti làm cho khám giam càng thêm tối tăm, ngột ngạt.

2. Quần áo tù nhân được may bằng thứ vải rất xấu, chỉ mặc vài ba tháng là rách. Tù nhân làm khổ sai không đủ quần áo mặc.

3. Bài của đồng chí Nguyễn Văn Trí được giải nhất, sau anh em đưa về xuất bản ở Nam Định trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936-1939). Sách ra được 3 ngày thì bọn mật thám tịch thu, đốt hết.

1. Cơritsơchiam là Xếp chánh, từng chỉ huy nhiều cuộc đàn áp đẫm máu tù nhân.

2. Một loại mây to, còn gọi là mây tầm vông, thân cứng, ruột đặc có nhiều ở Côn Đảo và rừng miền Đông Nam Bộ. Bọn chúa ngục thường chặt khúc đem về dùng vào việc đánh đập tù nhân. Cần xé là tiếng địa phương miền Nam chỉ loại sợi lớn đan bằng tre.

1. Service de Recherche, tù nhân thường gọi là rờsec tức là Sở truy tìm.

2. Bài thơ này được truyền miệng trong anh em tù chính trị như sau:

“Ai về nhắn nhủ chú Buvie
Chú ở lại đây, tớ sẽ về
Chim đã sổ lồng bay thẳng cánh
Trời cao, đất rộng, nước non quê”.

¹. Theo số liệu công bố trên báo chí đương thời: tháng 7-1936, 92 tù chính trị Côn Đảo được đưa về Hải Phòng, tháng 10-1936, 292 tù chính trị Côn Đảo được đưa về Hà Nội; 500 tù chính trị Côn Đảo được đưa về Sài Gòn để chuẩn bị ân xá. Trong hai năm 1936-1937 có khoảng 1.100 tù chính trị ở Đông Dương đã được ân xá.

². Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập II, Nxb Sự Thật, N.1980, tr. 147.

¹. Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 1, Nxb Sự Thật, N. 1980, tr. 318.

Chương 3

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TỪ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II (1939) ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Chống khủng bố trắng

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan. Ngày 3-9-1939 Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ. Bọn cầm quyền Đông Dương lập tức tước bỏ tất cả các quyền tự do dân chủ, đóng cửa các báo chí tiến bộ, mở các cuộc vây ráp, bắt bớ hàng trăm cán bộ đảng viên hoạt động bí mật và công khai của Đảng. Chúng mở các tòa án quân sự để xử những người cách mạng và lập thêm nhiều trại tập trung mới như Bá Vân, Bắc Mê, Nghĩa Lộ ở miền Bắc; Đắc Lây, Đắc Tô, Trà Kê ở miền Trung và Tài Lại, Bà Rá ở miền Đông Nam Bộ để đàn áp phong trào cách mạng.

Bọn chúa ngục Côn Đảo tước bỏ các quyền lợi mà tù nhân đã đấu tranh giành được. Chúng cấm đọc sách báo, cấm hội họp, bớt khẩu phần ăn hàng ngày... Giữa năm 1940, thực dân Pháp đày nhiều tù chính trị vừa bị bắt ra Côn Đảo. Không khí khủng bố ngày càng nặng nề. Những người tù “cứng đầu” ở Banh I bị tập trung về khám Vagông (Wagon: goòng) chuyên san cồn cát, lấp ao hồ dưới ngọn roi của những tên gác ngục thuộc loại gian ác như Túttu (Toustou), Sốtxiđie (Chaussidière). Mỗi lần tàu chở hàng ra đảo là khám Vagông bị điều đi dọn tàu. Khám Vagông thành một nơi đày đọa khủng khiếp và là một khám đi đày trong phong trào đấu tranh trong thời kỳ này.

Khám Vagông có khoảng 100 tù nhân thì có đến 70 tù thường phạm loại “anh chị”. Khoảng 30 tù chính trị còn lại thì quá nửa là Quốc dân đảng, anh em tù cộng sản chỉ có hơn 10 người. Nhờ quá trình hoạt động trong nhiều năm, Chi bộ đặc biệt đã giáo dục, cảm hóa được nhiều người tù thường phạm và một số đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng cho nên đã hình thành được sự hợp tác cần thiết làm chỗ dựa cho Hội tù nhân.

Hội tù nhân tổ chức ra Ban trật tự, Ban trật tự ngoài, Ban học tập, Ban vệ sinh, Ban cứu tế... Tô Thúc Rịch, đại diện cho anh em tù cộng sản và Thanh Giang, đại diện cho anh em tù Quốc dân đảng ở khám Vagông thường gặp gỡ thảo luận với nhau về hình thức, phương pháp, mức độ đấu tranh và chỉ đạo chung trong khám. Ban trật tự lo bố trí công việc cho phù hợp với sức khỏe từng người, quy định mức độ làm việc sao cho vừa sức tù nhân và cùng với Ban trật tự ngoài đấu tranh với gác dang, ma tà, không để chúng hạch sách, đánh đập tù nhân.

Ban học tập tổ chức cho tù nhân học tập, xóa nạn mù chữ cho tù thường phạm và tổ chức học thêm các môn văn hóa, ngoại ngữ cho tất cả tù nhân trong khám. Đồng chí Tô Thúc Rịch truyền đạt lại chương trình lý luận Mác-lênin mà đồng chí đã được học tại Côn Đảo trong những năm trước đó cho cán bộ đảng viên và những quần chúng cảm tình. Đồng chí Lang Kiều sau nhiều năm nghiên cứu và chữa bệnh bằng thuốc Nam cho tù nhân đã nhờ anh em ghi chép lại nhiều bài thuốc hay và gửi về đất liền qua đường dây bí mật để trị bệnh cho đồng chí, đồng bào.

Ban vệ sinh lo việc giữ gìn vệ sinh trong khám và phổ biến kinh nghiệm giữ gìn sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho anh em. Ban cứu tế chăm sóc những người yếu đau, bệnh tật và giúp đỡ những người có khó khăn. Tù nhân mới ra đảo đều được Ban cứu tế chăm sóc, thường nhận được khi thì một cái nón (mũ), một cuộn chỉ, có khi cả một bộ quần áo tù. Sau một thời gian thử thách, tù nhân được nghiên cứu chương trình, điều lệ của Hội tù nhân. Ai thừa nhận và tích cực hoạt động theo chương trình điều lệ sẽ được kết nạp vào hội. Tất cả các khám có tù cộng sản đều được tổ chức như vậy. Nhà bếp, Sở tẩy vẫn là trung tâm liên lạc và cứu tế cửa cả banh, thông qua đó mà chi bộ nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của các khám tù.

1. Ban trật tự còn gọi là trật tự trong, là đại diện của tù nhân khám, được cử ra đề quản lý, điều hành công việc của tù nhân, còn trật tự ngoài là đại diện của tù nhân để đấu tranh với gác dang và chúa ngục. Anh em thường cử những người giỏi tiếng Pháp và có gan chịu đòn làm trật tự ngoài.

Bọn chúa ngục đánh tù nhiều hơn và tăng cường hình phạt. Chúng thiết lập chế độ “trị an” ở Banh III để khùng bố những người đứng đầu các cuộc đấu tranh. Banh III có 12 khám, được xây thành 3 dãy song song với nhau, mỗi dãy có 4 khám. Khám trị an (San de Sécurité) là các khám 5-6-7-8 có cùm đóng xuống sàn. Đó là khu cấm cố biệt lập dành cho những người tù thuộc loại “bất trị”, dưới sự giám sát của những tên gác dang hung ác. Nhiều đảng viên cộng sản đang lãnh đạo các kíp tù khổ sai đã bị đưa vào khám trị an. Họ bị tước hết sách vở và đồ dùng cá nhân, mỗi người chỉ còn một bộ quần áo mặc trên người. Suốt ngày họ bị cấm cố ở trong khám, đều bị còng cả hai chân.

Cuối năm 1939, gần chục người tù cộng sản trong khám trị an đã tuyệt thực để phản đối chế độ “trị an”, đòi trả lại quần áo, sách vở và đòi có đèn ban đêm trong khám. Mới tuyệt thực được một bữa thì xếp Banh III cho đem trả quần áo và đồ dùng cá nhân. Anh em tạm kết thúc cuộc đấu tranh vì lực lượng còn rất mỏng và đang bị cấm cố biệt lập. Ít lâu sau, 12 người tù còn lại trong khám trị an đã đấu tranh quyết liệt đòi có đèn ban đêm, đòi được đọc sách, được viết thư, đòi bãi bỏ cùm và bãi bỏ chế độ “trị an”. Cuộc tuyệt thực kéo dài đến ngày thứ 7, nhiều người hấp hối.

Quản đốc Buvie phải cho đưa hai người đi Nhà Thương cấp cứu và tiêm thuốc hồi sức, bơm sữa vào hậu môn những người còn lại. Ngày thứ 8, Buvie nhượng bộ, cho tháo cùm, anh em mới kết thúc cuộc đấu tranh. Những người tù ở khám trị an không còn bị cùm xiềng như trước. Hằng ngày họ được ra khỏi khám làm việc ở kíp may quần áo trong Banh III. Tháng 10 năm 1940, Buvie trả tất cả tù nhân khám trị an về kíp Chi Tồn Banh I.

Khi được tin Liên Xô ký hiệp ước không xâm phạm với phát xít Đức (23-8-1939), một cuộc tranh luận lớn đã nổ ra trong chi bộ. Có người cho rằng Liên Xô ký hiệp ước đó là đúng. Những người không tán thành như vậy thì bi quan, cho rằng Liên Xô thỏa hiệp với bọn phát xít. Vì không đủ cơ sở để nhận định nên cuộc thảo luận kéo dài, nhiều người băn khoăn lo lắng cho Liên Xô. Sau cùng, chi bộ thống nhất nhận định rằng Liên Xô là

thành trì của cách mạng thế giới, việc ký hiệp ước Xô - Đức là cần thiết để tránh tổn thất cho cách mạng, để có thời gian củng cố, xây dựng lực lượng...

Nhận định của chi bộ đã giải quyết một cách cơ bản tư tưởng cho cán bộ đảng viên, nhưng phải đến khi phát xít Đức bội ước tấn công Liên Xô thì mọi người mới thật sự nhất trí với nhận định của chi bộ.

Ngày 22-6-1940, Chính phủ Pétanh (Pétain) đầu hàng phát xít Đức, để cho quân đội Đức chiếm đóng nước Pháp. Quản đốc Buvie ra lệnh xiềng toàn bộ khám tù cộng sản (khám 6 Banh I). Chi bộ đặc biệt phát động ngay một cuộc đấu tranh trong khám 6 đòi tháo xiềng, đòi ăn rau, ăn thịt đúng khẩu phần quy định. Chi ủy đề xuất một hình thức quyết liệt là nhịn ăn và nhịn uống để chặn đứng sự khủng bố của kẻ thù.

Cuộc đấu tranh kéo dài 3 ngày rưỡi thì phải ngừng lại. Nhịn ăn và nhịn uống cùng một lúc là một hình thức đấu tranh quá cao, nhất là khi kẻ thù đang đi vào con đường phát xít hóa, trong khi đó ta lại chưa tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi. Rút kinh nghiệm cuộc tuyệt thực này, chi bộ thận trọng hơn mỗi khi đưa ra khẩu hiệu tranh đấu. Các hoạt động của chi bộ cũng bí mật hơn.

Lấy lý do chiến tranh, Quản đốc Buvie cứ tăng dần từng mức khổ sai và bớt dần khẩu phần ăn của tù nhân. Trong tình hình không thuận lợi, chi bộ chủ trương về phương châm đấu tranh trong lúc này là duy trì các quyền lợi mà tù nhân đã giành được trong những năm trước đây bằng một thái độ ôn hòa hơn. Hình thức đấu tranh phổ biến trong thời kỳ này là lãn công, duy trì mức khổ sai như trước. Chi bộ hết sức chú ý theo dõi tình hình ở trong nước và tình hình thế giới để có chủ trương thích ứng kịp thời.

Mùa thu năm 1940, kíp dọn tàu nhận được tài liệu của Xứ ủy Nam Kỳ gửi ra, trong đó có bản Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 về vấn đề giải phóng dân tộc. Chi bộ đặc biệt đã tổ chức học tập ngay bản nghị quyết quan trọng này. Những vấn đề về tình hình thế giới, tình hình trong nước, những điều kiện khách quan và chủ quan để nổ ra vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền được thảo luận rất sôi nổi.

Các vấn đề thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, vấn đề sách lược phân hóa kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất là đế quốc và tay sai... cũng được thảo luận kỹ và đi đến nhất trí. Chi bộ còn dự kiến tình hình trên đảo, thảo luận sách lược đấu tranh với bọn gác ngục và phương châm hành động mới, khi tình thế cách mạng trực tiếp nổ ra ở Đông Dương.

Lợi dụng sự suy yếu của thực dân Pháp, ngày 22-9-1940, quân Nhật từ Trung Quốc đánh vào Lạng Sơn. Quân Pháp sau vài trận đụng độ đã bỏ chạy tháo thân. Bọn phản động thuộc địa đầu hàng, quỳ gối dâng Đông Dương cho phát xít Nhật. Trong lúc quân Pháp tan rã tháo chạy, đảng bộ và nhân dân Bắc Sơn (Lạng Sơn) đã cướp vũ khí của địch, vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện lỵ Bắc Sơn. Thực dân Pháp sau khi đầu hàng phát xít Nhật đã quay lại đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Hội nghị Trung ương lần thứ 7 từ ngày 6 đến ngày 9-11-1940 tại Đình Bảng (Bắc Ninh) đã nhận định tình hình: “Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập”¹.

Trong khi đó, Xứ ủy Nam Kỳ chủ trương phát động nhân dân võ trang khởi nghĩa. Mặc dù Trung ương đã quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nhưng khi đồng chí Phan Đăng Lưu mang chỉ thị của Trung ương về đến Sài Gòn thì lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy đã phát đi khắp nơi.

Đêm 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ làm rung chuyển nhiều vùng nông thôn Nam Kỳ. Tin tức về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ làm cho những người cộng sản đang bị đày ở Côn Đảo vô cùng hồi hộp và lo lắng theo dõi. Thực dân Pháp đã dập cuộc khởi nghĩa trong bể máu. Bọn chúa ngục Côn Đảo cũng bắt đầu một thời kỳ đàn áp man rợ đối với tù nhân.

Đầu năm 1941, thực dân Pháp đày lớp tù bị bắt trong Nam Kỳ khởi nghĩa ra Côn Đảo. Banh I, Banh II và Banh III đều nhốt chặt tù. Mỗi khám trước đây giam nhiều nhất từ 80 đến 120 người, nay chúng tăng lên 150 đến

180 người, tù nhân phải nằm nghiêng sắp lớp chen chúc nhau trên sàn khám.

Vẫn chưa hết, ở Banh II bọn chúa ngục còn cho dựng sạp gỗ để giam hai tầng tù nhân trong một khám. Con số tù nhân ở Côn Đảo tăng vọt lên cao nhất trong suốt 80 năm qua kể từ khi có nhà tù. Nhiều tên gác ngục hung ác được phái trở lại Côn Đảo chúng đánh tù luôn tay, chẳng cần phải có lý do gì. Sáng ra điếm danh đánh, trưa ra ăn cơm đánh, chiều ra ăn cơm lại đánh.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940) đã làm rung chuyển cả nền móng của chế độ thuộc địa khiến cho bọn thực dân vừa điên cuồng khủng bố trả thù, vừa nơm nớp lo sợ. Chúng sợ cả đến những người tù đang bị chúng đày đọa, xiềng xích. Bọn gác dang đi tuần suốt đêm. Rình mò xem tù nhân có hội họp hay có ý đồ bạo động gì không.

Khoảng một, hai tháng chúng lại ập vào khám xét thấy một mảnh giấy vụn, một mẫu san hô hay gạch non là chúng đều tịch thu và đánh đập tù nhân rất tàn tệ. Xét khám không thấy gì chúng cũng vu cho là mất trật tự, đánh cả khám một trận rồi mới trở trên rút. Buvie cho lập lại chế độ Khám trị an ở Banh III dành cho những người tù mà chúng gọi là “bọn cứng đầu” (réfractaires). Xiềng, cấm cố, ăn uống tồi tệ, các yêu sách đều được trả lời bằng roi vọt.

Giữa năm 1941, Thống đốc Nam Kỳ cũ Brouionné (Brouinonnet) ra làm Quản đốc thay Buvie. Là một tên quan hai sen dầm trung thành với chính phủ Pétanh, Brouionné đã gây nhiều tội ác tại Côn Đảo. Hắn cấm tù nhân không được nhận thư từ, không được đọc sách báo, không được hội họp... Bưu phẩm từ đất liền gửi ra bị kiểm soát rất kỹ, thuốc bổ, thuốc bệnh và sách báo đều bị chúng tịch thu.

Tháng 7-1941, một tên tù lưu manh đã vu cáo về các hoạt động của Chi bộ đặc biệt và chỉ bắt các đồng chí lãnh đạo trong khám 6 Banh I. Hắn còn chỉ những nơi giấu tài liệu và vu cáo tù cộng sản đang chuẩn bị bạo động vượt ngục, cướp tàu đi Xanhhapo (Singapore) gia nhập phe Đồng Minh chống phát xít, ủng hộ Liên Xô. Lúc ấy phát xít Đức đã tấn công Liên Xô

và trong nội bộ bọn Pháp đã có mâu thuẫn giữa phái Pêtanh và phái Đờ Gôn (De Gaune) nên bọn Pháp tin ngay.

Một số đồng chí lãnh đạo của chi bộ bị nhốt hầm tối. Hơn 40 đồng chí ở khám 6 bị tước hết quần áo, chiếu, đồ dùng cá nhân và bị cấm cố trở lại. Bọn mật thám ở Sài Gòn ra điều tra một thời gian không khai thác được gì hơn nhưng đó là một dịp để Bơuionnê tước hết những quyền lợi mà tù nhân đã giành được trong những năm trước. Nhiều người tù thường phạm trước đây tham gia Hội tù nhân vì Hội tù bảo vệ quyền lợi thiết thực của họ, đến nay thấy chi bộ và Hội tù bị khủng bố, quyền lợi của tù nhân bị tước bỏ thì họ bất mãn và trở mặt nói xấu những người cộng sản.

Trong tình hình bất lợi, Hội tù nhân tuyên bố tự giải tán. Chi bộ đặc biệt cũng giảm bớt hai phần ba số đảng viên, chỉ tuyển lại những đồng chí trung kiên và có năng lực hoạt động trong tù. Mạng lưới cứu tế tù nhân vẫn được củng cố dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chi bộ. Chi bộ tìm mọi cách bố trí cho đảng viên vào làm ở Nhà Thương và Nhà bếp các ban để liên hệ và tiếp tế cho anh em.

1. Văn kiện Đảng (1930-1945), tập III, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản 1977, tr.141.

2. Năm 1940, Nhà tù Côn Đảo có hơn 2.000 tù nhân. Theo số liệu tổng kết chưa đầy đủ, có khoảng gần 4.000 người đã bị đày ra Côn Đảo trong hai năm 1941-1942. Hai năm này tù nhân Côn Đảo cũng chết hàng loạt do chế độ khủng bố dã man của thực dân Pháp. Cuối năm 1942, tù nhân đã chết vội đi nhiều, thế mà theo báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ gửi toàn quyền Đờ cu (Decoux) thì tháng 11-1942, Nhà tù Côn Đảo có 4.403 tù nhân (Báo cáo ngày 15-11-1943).

Tên Quản đốc Bơuionnê đặt ra nhiều luật lệ quái ác như ra vào khám phải trần truồng, múa phượng hoàng cho chúng xem; vào khám bệnh cũng phải cởi hẳn quần áo để một nơi; mỗi lần điểm danh chúng bắt tù nhân cúi

đầu và gõ hèo cồm cộp lên đầu họ. Bọn gác ngục vừa đánh tù vừa đe dọa: Mặt trận nhân dân của chúng mày chết rồi. Hãy coi chừng¹.

Khi phát xít Đức tấn công Liên Xô, mỗi lần đánh tù chúng lại rít lên: “Hồng quân của chúng mày chết rồi, đừng có mà hy vọng (!)”. Thì ra chúng hiểu niềm tin của những người cộng sản bắt nguồn từ sức mạnh tất thắng của chủ nghĩa cộng sản mà Liên Xô là ngọn cờ tiêu biểu. Lớp tù nhân ra sau Nam Kỳ khởi nghĩa hầu hết bị cấm cố ở Banh III và Banh II. Chế độ cấm cố, chế độ khô mực và chế độ đánh đập hằng ngày của bọn gác ngục làm cho sức khỏe tù nhân suy sụp và bệnh tật phát triển rất nhanh.

Bệnh xá Côn Đảo chật, Bơruionnê cho lựa những người tù bệnh tập trung về Banh II (lúc ấy gọi là Banh Nhà Thương). Hằng ngày, thầy thuốc vào coi bệnh và phát thuốc. Căn bệnh phổ biến và nguy hiểm lúc ấy là kiết lỵ và ghẻ hợm (còn gọi là ghẻ hằm). Nhưng bất cứ bệnh gì, thầy thuốc nhà tù cũng chỉ cho có hai thứ thuốc: nước vôi và bột than. Chỉ trường hợp cấp cứu mới đưa vào Nhà Thương và được tiêm một, hai ống thuốc hồi sức. Thật ra, những tù nhân bệnh tật chẳng được chữa chạy gì. Họ chỉ được tập trung về một nơi và lần lượt chết ở đấy.

Ghẻ hợm là một loại ghẻ lớn, hay lây và phát triển rất nhanh. Ghẻ mới xuất hiện hôm trước là hôm sau đã lan khắp người. Con ghẻ đục rãnh sâu làm thối thịt da, hút cạn dinh dưỡng làm cho người bệnh đau nhức và kiệt sức. Ghẻ thường xuất hiện ở chân, lan lên đùi và lên khắp người là không cứu được nữa. Bọn thầy thuốc thực dân mỗi khi thấy người bệnh ghẻ hợm vào Nhà Thương là chúng cứa chân ngay. Có người đã bị cứa cụt cả hai chân nhưng rồi cũng chết. Cuối năm 1941, tù nhân phát bệnh chết nhiều. Các banh ngày nào cũng có người chết. Riêng Banh II có thời gian mỗi ngày hơn 20 người tù chết.

Những người kiết lỵ nặng bị tập trung về “bệnh xá kiết lỵ” phía sau Banh III, giáp chân Núi Chúa. Bệnh xá kiết lỵ là một cái lán mới dựng trong khu vực Sở Ruộng để cách ly những người kiết lỵ nặng không được cứu chữa. Những người bị đưa ra đây chỉ một, hai hôm là chết. Nói đúng hơn, đây là một nhà xác. Ở “nhà xác” này, mỗi ngày thường có trên dưới 20 người tù

qua đời. Từ giữa năm 1941 đến cuối năm 1943, tù nhân chết vội hẵn đi, chôn chặt nghĩa địa Hàng Keo, bọn chúa ngục cho mở thêm nghĩa địa Hàng Dương² để chôn tù .

Theo số liệu tổng kết chưa đầy đủ, có khoảng 3.000 tù nhân đã chết trong thời kỳ này bởi chế độ tù đày ải nghiệt ngã của thực dân Pháp, trong đó có nhiều nhà yêu nước như Nguyễn An Ninh, Võ Công Tồn... Mỗi người chết được bó hai chiếc bao bàng³, một chiếc trùm từ đầu xuống, một chiếc từ chân lên, sau đó được cột chặt bằng 7 nút lạt ở cổ, ở bụng và ở chân. Xế chiều, một tên ma tà đưa vài người thường phạm đến lượm xác tù nhân chất lên xe bò chở ra Hàng Dương vùi qua loa xuống cát, nhiều người còn đang hấp hối chúng cũng bắt bó lại đem chôn luôn, cảnh tượng thật là thê thảm.

Khi nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn An Ninh hy sinh, những người cộng sản đã vận động Phuổchiyê (pouminier), người kỹ sư, chủ sự Nhà Đền Côn Đảo, bỏ tiền mua cho ông một cỗ áo quan bằng gỗ nhưng chúa đảo đã lạnh lùng bác bỏ, bắt bó bao bàng đem chôn như hàng ngàn người tù đã chết. Những người tù chính trị và tù thường, mỗi lần đi làm khổ sai qua Hàng Dương lại nhặt đá đập lên ngôi mộ của ông và mộ đồng chí Lê Hồng Phong, bất chấp sự đánh đập của bọn gác ngục.

Mở rộng mạng lưới cứu tế

Mặc dù nhiều đồng chí bị cấm cố, Chi bộ đặc biệt vẫn tích cực chỉ đạo chống khủng bố. Thông qua những đảng viên làm ở Nhà bếp, Sở tẩy và các sở tù ngoài, chi bộ đã liên hệ được với các đoàn tù mới ra để nắm bắt tin tức và thông báo tình hình trên đảo, phổ biến kinh nghiệm đấu tranh chống khủng bố, kinh nghiệm bảo vệ sức khỏe, chống bệnh tật trong tù.

Trong tình hình địch khủng bố ác liệt và bệnh tật phát sinh nhiều, chi bộ đã đặt công tác cứu tế tù nhân lên hàng đầu. Chi bộ chỉ thị cho tất cả các trại giam, các sở tù, những nơi có tù chính trị đều phải lập các tổ cứu tế, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, bằng mọi giá phải bảo vệ mạng sống của tù nhân, bảo vệ cán bộ của Đảng.

Các đồng chí đảng viên, qua nhiều năm được chi bộ trong tù rèn luyện đã trở thành lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng tổ chức cứu tế tù nhân và triển khai các chủ trương chống khủng bố của chi bộ. Nhờ mạng lưới đảng viên ở các sở tù bên ngoài, chi bộ đã tổ chức việc tìm kiếm và chế biến thuốc nam chữa bệnh cho tù nhân. Chi bộ còn tổ chức làm kinh tế để đóng góp vào quỹ cứu tế.

Những đồng chí có tay nghề được phân công làm các loại kim khâu, kim máy may, tiện các hộp thuốc lá bằng gỗ găng, làm tẩu thuốc lá bằng cây dương nước, làm cúc áo vòng, lược, bằng đồi mồi, v.v... để bán cho gác dang, ma tà và thủy thủ. Các sản phẩm được tập trung về một đầu mối, tiền bán được đem về nộp cả vào quỹ cứu tế.

Qua các cơ sở ở Nhà Thương và Nhà bếp các ban, chi bộ đã gửi đến các khám tù cấm cố từng nhúm muối để ăn thay khô mục, từng trái ớt tươi, từng ngọn rau xanh đến lọ dầu xoa, viên thuốc bệnh. Các khám tù cộng sản thường tổ chức theo hình thức phổ biến lúc đó là Ban trật tự để lãnh đạo mọi hoạt động của tù nhân.

Phần lớn những người bị bắt trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ là quần chúng cách mạng, ít được rèn luyện thử thách trong những điều kiện cực kỳ khó khăn. Ban trật tự phân công những đảng viên trung kiên phụ trách từng mâm cơm (mười người) để quản lý, động viên và bồi dưỡng ý chí cách mạng cho anh em. Cơm tù ngày càng ít đi, đồng chí trưởng mâm phải chia cơm cho từng người, có khi đến phần mình chỉ còn những hạt cơm cuối cùng ít ỏi.

Có đồng chí còn bớt cả phần cơm của mình lén đưa vào trong khám nghiền ra nấu cháo cho những người ốm nặng. Cháo nấu trong lon sữa bò, chụm bằng những mảnh áo tù xé ra, ống tay áo và ống quần của nhiều đồng chí cứ cụt dần đi sau mỗi lần chăm sóc người bệnh. Bọn gác dang mà xét thấy một hạt cơm, một đốm lửa trong khám là nhiều người đổ máu với chúng.

Khu vực gần cửa thoáng mát được ưu tiên dành cho những người già yếu. Một vài tia nắng lọt vào qua kẽ ngói rơi vào trong khám cũng được nhường cho các đồng chí bệnh lao sởi ảm lá phổi trong khoảnh khắc. Mỗi lần bọn gác dang vào khung bố thì lập tức anh em lại chuyển những người đau yếu vào phía trong. Các đồng chí trung kiên lập thành một hàng rào bên ngoài để đỡ đòn cho những anh em khác. Những người tù cộng sản luôn sẵn lòng chia nhau từng muỗng cơm tù, từng tấm áo tù và chia sẻ với nhau cả những trận đòn đổ máu. Thương người hơn cả thương thân là phẩm chất cao quý của người cộng sản trong tù.

Trước ngưỡng cửa của thần chết và sự đày đọa nghiệt ngã nhất của kẻ thù thì đức độ của những người cộng sản càng sáng ngời. Nhiều đồng chí đã nhường nhau một vệt nắng trong khám tối, một viên thuốc khi lâm bệnh, một miếng cháo khi đói lòng... Có những lúc, tổ chức phải phân xử cho ai được nhận phần nhường nhịn ấy.

Đồng chí Vu Văn Hiếu, người bí thư đầu tiên của Đặc khu mở Hòn Gai, khi bị bắt cùng với đồng chí Nguyễn Văn Cừ và đồng chí Lê Duẩn, đã nhận hết các chứng cứ về mình để cho đồng chí khác nhẹ án. Đến khi ra Côn Đảo bị bệnh nặng, biết không sống nổi, đồng chí đã trao chiếc áo cuối cùng

của mình cho đồng chí Lê Duẩn và dặn lại: “Ráng sống phục vụ cho cách mạng!”.

Đồng chí Trần Xuân Độ, một đồng chí lớn tuổi, bị đày ra Côn Đảo từ năm 1930 đã tận tình chăm sóc, giúp đỡ và giáo dục đồng viên các đồng chí mới ra. Lúc đồng chí Độ lâm bệnh nặng, Ban cứu tế gửi cho mấy quả trứng gà thì đồng chí lại đem chia hết cho những anh em cùng bị bệnh. Khi có người trách thì đồng chí trả lời rằng: “Tôi bệnh nặng quá, ăn chưa chắc đã sống, nên nhường cho các đồng chí trẻ ăn dưỡng sức để sống về hoạt động cho cách mạng”.

Có hàng trăm tấm gương như vậy. Người cộng sản sống để phấn đấu cho lý tưởng cách mạng nhưng sẵn sàng chết cho sự nghiệp cách mạng. Ngay cả khi biết không sống nổi nữa, họ cũng chọn một cái chết có ích nhất cho cách mạng.

Nhiều đồng chí được đưa ra ngoài làm đã tranh thủ gài bẫy bắt từng con chim sẻ về góp cho Ban cứu tế để nấu cháo cho những người yếu, bệnh. Đồng chí Tôn Đức Thắng trở lại Sở Lưới lái canh, mỗi lần đi đánh cá đều lượm những con cá nhỏ giắt vào kẻ áo tơi, về ngang qua Bản Chế gỡ ra để anh em kho nấu và chuyển vào cho khám tù cấm cố. Chi bộ bố trí cho Lang Kiêu ra ngoài làm thuốc nam, chữa bệnh ho anh em.

Lang Kiêu được xếp vào “phần tử nguy hiểm”. Mười năm ở đảo, Lang Kiêu tổ chức vượt ngục hơn 10 lần, có lần về đến đất liền lại bị bắt đày ra đảo. Mỗi lần vượt ngục không thành, bị Toustou săn đuổi bắt được là một lần bị phạt. Bọn gác ngục rất ngán, nhưng phục tài Lang Kiêu chữa bệnh. Lần này, nhờ sự vận động của chi bộ, chính Toustou, Chủ sở Recherche đưa Lang Kiêu từ hầm cấm cố ra chữa bệnh cho Sở Truy tầm tù trốn.

Toustou chẳng thiện cảm gì, nhưng hãn cần Lang Kiêu ra chữa bệnh cho nhân tình của hãn, vợ của một tên gác ngục khác, đang có vấn đề phụ khoa mà thầy thuốc Tây bó tay, nhân thế, sử dụng Lang Kiêu chữa bệnh cho đám nhân viên Recherche.

Tương kế tựu kế, Lang Kiều tranh thủ cơ hội này kiểm thuốc chữa bệnh cho anh em. Lang Kiều đề xuất, Toustou đồng ý điều thêm người, cho lập tổ bào chế thuốc Nam, cứu sống hàng trăm sinh mạng tù chính trị. Lang Kiều thạo chữ Hán, đọc nhiều sách thuốc, rành y lý phương Đông, giỏi về Nam dược. Trong hoàn cảnh lao tù anh sử dụng nhiều bài thuốc đặc trị như dùng huyết heo chữa bệnh đường ruột, dùng cơm cháy chữa bệnh bao tử, dùng cỏ tranh chữa bệnh đái đường, dùng chuối hột, cám gạo chữa bệnh kiết lỵ, thương hàn, dùng hồ tiêu hành củ, gai rừng chữa bệnh sốt rét...

Đối với bọn nhân viên Recherche gian ác, anh cũng có luật chơi. Anh bốc thuốc công hiệu nhanh nhưng công phạt mạnh để hành hạ chúng. Lang Kiều còn hướng dẫn cho anh em ở các sở tù khổ sai chú ý tìm kiếm và chế biến các loại thuốc Nam ở Côn Đảo. Hàng trăm gói thuốc Nam do đồng chí bào chế đã được gửi đến Ban cứu tế ở các ban, cứu sống được nhiều người.

Theo lời kêu gọi của Đảng, đồng bào ta ở trong nước, bất chấp sự theo dõi và đe dọa của mật thám, đã quyên góp tiền, mua đồ tiếp tế cho tù chính trị. Hàng trăm gói bưu phẩm, trong đó có rất nhiều gói hàng quý của quần chúng cách mạng gửi ra Côn Đảo. Anh em tù chính trị nhận được nhiều gói quà của những người chưa hề quen biết. Đồng chí Dương Bạch Mai có lúc nhận được 40 gói quà, chia cho anh em cùng sử dụng. Một số công chức tiến bộ cũng nhận hộ tiền và quà rồi chuyển cho anh em tù chính trị.

Tình đồng chí, nghĩa đồng bào đã tiếp thêm sức mạnh vật chất và tinh thần cho cuộc đấu tranh chống khủng bố cửa tù chính trị ở Côn Đảo. Các lớp lý luận, chính trị tiếp tục được mở dưới nhiều hình thức. Có lớp học được tổ chức dưới dạng giải thích các khái niệm lý luận như giai cấp, giai cấp vô sản, đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, vấn đề dân tộc, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Có lớp chuyên dạy về cách mạng dân tộc dân chủ và nhiều lớp dạy các môn văn hóa, dạy ngoại ngữ và các tác phẩm ưu tú của nền văn học Việt Nam.

Trong các khám tù cấm cố, các lớp lý luận, chính trị thường học vào buổi sáng, các lớp văn hóa thường mở vào buổi chiều. Buổi tối anh em sinh hoạt

văn hóa nghệ thuật bằng các hình thức diễn kịch miệng, ngâm thơ, bình luận các tác phẩm văn học mà anh em còn giữ được lúc đó như Truyện Kiều của Nguyễn Du, Người mẹ của Mácxim Goócxi (Gorki), Ximăng của Gôlátcốp (Gladkov), Tam Quốc chí của La Quán Trung...

Các buổi sinh hoạt và học tập đã thu hút được đông đảo quần chúng cách mạng và tù thường. Nhiều người ham học đến mức bệnh nặng vẫn không rời cuốn sách, với một lời tâm niệm: “có chết làm ma biết chữ vẫn hơn”. Bọn gác ngục vẫn thường rình rập nhưng Ban trật tự đã cắt cử người canh gác và có kinh nghiệm đối phó. Các khám tù cộng sản còn bí mật kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (1-5), ngày Xô viết Nghệ Tĩnh (12-9), ngày sinh Lenin (22-4), ngày Cách mạng tháng Mười Nga (7- 11) dưới nhiều hình thức.

Khám 8 Ban III là nơi tập trung nhiều tên Tơrốtkiđ đầu sỏ. Bọn Tơrốtkiđ thường xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản, nói xấu Liên Xô và Quốc tế cộng sản. Các đồng chí ở khám 8 phải kiên trì đấu tranh với chúng và giác ngộ quần chúng, lôi kéo họ ra khỏi ảnh hưởng của Tơrốtkiđ. Bọn này là những tên hay lý sự, chống cộng có kinh nghiệm nên đấu tranh với chúng rất căng thẳng.

Từng giờ, từng phút trong lao tù, những người cộng sản Việt Nam hồi hộp và lo lắng theo dõi cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô. Căn cứ vào các tài liệu về Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế cộng sản (7-1935), tổ chức Đảng ở Côn Đảo đã phân tích rõ thế yếu của chủ nghĩa phát xít, giáo dục lòng tin tất thắng và sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Liên Xô và các lực lượng tiến bộ chống chủ nghĩa phát xít. Mặc dầu bọn Pháp tìm mọi cách bưng bít tình hình nhưng tin tức về những trận chiến đấu của Hồng quân Liên Xô ở Xmôlenxơ và Xtalingơrát vẫn truyền đến tận nhà ngục Côn Đảo làm nức lòng những người cộng sản Việt Nam trong lao tù.

Đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Lê Vĩnh Lợi đã tổ chức nhiều buổi sinh hoạt chính trị để giới thiệu những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô để củng cố niềm tin tất thắng cho mọi người.

Tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng, đồng chí Lê Hồng Phong đã làm một bài thơ 8 câu vẽ nên viễn cảnh đất nước sẽ được giải phóng, “địa ngục trần gian” Côn Đảo sẽ được xóa bỏ, Côn Đảo sẽ trở thành một thắng cảnh rất đẹp, trên bến dưới thuyền, thành nơi nghỉ mát của những người lao động. Đồng chí còn dạy cho anh em bài Cô gái Nga mà đồng chí sáng tác trong thời gian học ở Liên Xô¹. Trước khi hy sinh, đồng chí còn nhắc các đồng chí ở khu cấm cố biệt lập: Nhờ các đồng chí nói với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn một lòng tin tưởng ở thắng lợi vẻ vang của cách mạng.

Phân hóa kẻ thù, tranh thủ gác ngục

Ngày 2-2-1943, Hồng quân Liên Xô thắng lớn ở Xtalingrát, tạo ra bước ngoặt căn bản của cuộc chiến, tranh chống phát xít và sau đó lại giành những thắng lợi vang dội ở Cuốcxơ trong mùa hè năm 1943 khiến cho toàn thế giới phải kinh ngạc và khâm phục.

Ngày 8-12-1943, Đờ Gôn đang lưu vong ở An giê (Angiêri) tuyên bố “sẽ giải phóng Đông Dương” để chuẩn bị cho mưu đồ theo gót quân đội Đồng Minh vào chiếm lại Đông Dương¹. Mâu thuẫn giữa Pháp và Nhật ở Đông Dương, cũng như mâu thuẫn giữa Pháp Pêtanh và Pháp Đờ Gôn ngày càng trở nên sâu sắc.

Năm được tình hình trên, Chi bộ đặc biệt chủ trương tích cực phân hóa bọn gác dang, tranh thủ những tên thuộc phái Đờ Gôn, tuyên truyền chủ trương của những người cộng sản liên hiệp với các lực lượng dân chủ, tiến bộ chống phát xít, giải thích cho họ hiểu về Đảng cộng sản Pháp liên minh với Đờ Gôn chống phát xít... Gác dang Pháp rất phục những người cộng sản Việt Nam trong việc phân tích tình hình. Họ thường lặng im nghe, không phản ứng gì. Mỗi khi có điều thắc mắc không giải thích được là họ lại đến hỏi anh em tù cộng sản.

Chủ trương liên minh với phái Đờ Gôn là một đề tài gây nhiều tranh luận. Một quan điểm cho rằng muốn thực hiện được sự liên minh, cần phải có sự nhân nhượng quốc tế, bằng cách thừa nhận chủ quyền Pháp ở Đông Dương. Quan điểm thứ hai kiên quyết phản đối việc thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương.

Những người theo quan điểm này đã xác định cách mạng là sự nghiệp của nhân dân Đông Dương, phối hợp với cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng chống chủ nghĩa. Việc liên minh với phái Đờ Gôn là nhằm tranh thủ một lực lượng chống phát xít, cô lập cao độ kẻ thù chủ yếu để đánh đổ chúng. Sách lược liên minh chỉ được thực hiện trên nguyên tắc

bớt đổ máu cho cách mạng nhưng không được thủ tiêu mục tiêu cơ bản của cách mạng là giải phóng dân tộc.

Quan điểm thứ hai đã trở thành ý kiến chỉ đạo ở Côn Đảo lúc ấy.

Từ giữa năm 1943, quân Nhật ở Đông Dương bắt đầu khốn đốn vì vòng vây của Đồng Minh ngày càng siết chặt. Ở Côn Đảo trước đây mỗi tháng có từ một đến hai chuyến tàu ra tiếp tế, nay 6 tháng mới có một chuyến tàu. Lương thực, thực phẩm, quần áo, thuốc men thiếu nghiêm trọng. Các bệnh kiết lỵ, ghẻ hợm, lao phổi tiếp tục hoành hành, giết hại những người tù đã kiệt sức.

Tên quan tư Tít xe (Tisseyre) ra nhậm chức Quản đốc quyết định giảm khẩu phần ăn của tù nhân xuống 350 gam gạo mỗi ngày. Hắn còn bắt “tù Côn Lôn tự túc” nhằm huy động sức tù để giải quyết những khó khăn trên đảo. Nhiều khám tù cấm cố cũng được đưa ra đập xơ dừa, tước chỉ dứa, xe chỉ, dệt vải, thuộc da... Các Sở Rẫy, Sở Ruộng, Sở Chuồng Bò, Sở Bản Chế đều được bổ sung thêm tù nhân. Các công việc kéo lưới và câu cá mập cũng được đẩy mạnh.

Nhân dịp này chi bộ vận động cho nhiều anh em cộng sản ra ngoài làm việc. Những người tù thường phạm làm thư ký ở Văn phòng Xếp chánh và Văn phòng Quản đốc đã được giác ngộ cũng góp phần đưa các đồng chí cộng sản ra khỏi cấm cố. Nhiều đồng chí lãnh đạo Chi bộ đặc biệt lâu nay bị cấm cố đã được đưa ra ngoài làm. Các đồng chí có trình độ lãnh đạo của Đảng cũng được chi bộ chú ý vận động đưa ra những nơi mà công việc khổ sai đỡ khắc nghiệt hơn.

Sau những năm bị khủng bố ác liệt và bị phân tán ở nhiều nơi, Chi bộ đặc biệt đã hình thành được Trung tâm lãnh đạo bên ngoài trại giam. Hầu hết đảng viên trong chi bộ và nhiều cán bộ có năng lực của Đảng lúc ấy đã được bố trí về Sở Lưới, Bản Chế, Nhà Đền, Nhà Thương, Văn phòng Xếp chánh, Văn phòng Quản đốc, v. v. .. Một số đồng chí còn ở trong Ban III cũng được liên lạc thường xuyên. Chi bộ đã bố trí được một số đảng viên vào làm ở Sở dây thép và Sở dây thép gió. (T.S.F) để nắm tin tức, tình hình.

Kiên định tư tưởng, đấu tranh chống Tơrốtkit và chống phái thân Nhật

Tháng 1-1944, Hồng quân Liên Xô quét sạch phát xít Đức ra khỏi Leningrát sau 900 ngày chiến đấu anh dũng. Tháng 4-1944, Hồng quân lại thắng lớn ở Ucraina và đuổi bọn phát xít đến tận biên giới. Việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít chỉ còn là vấn đề thời gian. Theo đà chiến thắng của quân đội Đồng Minh, phái Pháp Đờ Gôn ở Côn Đảo hoạt động mạnh hơn. Họ thường kể cho anh em cộng sản nhiều tin tức về cuộc chiến tranh, cả những thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và nghe anh em cộng sản phân tích tình hình. Đó là những dịp thuận lợi để anh em tuyên truyền chủ trương liên minh với các lực lượng dân chủ chống phát xít của những người cộng sản.

Mùa hè năm 1944, thực dân Pháp đày 140 tù chính trị án nặng (trên 15 năm) ở Sơn La và Hỏa Lò (Hà Nội) ra Côn Đảo. Đây là chuyến tù cuối cùng bị đày ra Côn đảo trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong đó có nhiều đồng chí lãnh đạo cấp Trung ương, Xứ ủy và tỉnh ủy.

Theo đúng lệ, bọn gác đang đánh cả đoàn tù một trận phủ đầu ngay tại cầu tàu rồi đưa về Banh III cấm cố ở dãy khám 9-10-11-12. Đây là khu cấm cố biệt lập, có tường ngăn cách với hai dãy khám của Banh III, dành cho những người tù thuộc loại cực kỳ nguy hiểm. Tù nhân ở dãy khám này bị phạt theo chế độ cấm cố hàm, vì thế mà dãy khám còn có tên là hàm cấm cố Banh III. Chi ủy đoàn tù Sơn La, Hỏa Lò tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo trong khu cấm cố Banh III và liên lạc với Trung tâm lãnh đạo¹.

Qua bộ phận Nhà bếp, Trung tâm lãnh đạo đã gửi thực phẩm thuốc men cho đoàn tù Sơn La - Hỏa Lò và Các đoàn tù mới ra đều tìm cách bắt liên lạc. báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo, xem như Đảo uỷ. thông báo tình hình trên đảo, phổ biến kinh nghiệm chống khủng bố và chỉ đạo phương châm đấu tranh.

Chi ủy đoàn tù Sơn La - Hỏa Lò đã bố trí một số đồng chí ra khám bệnh ở nhà thương, báo cáo với Trung tâm lãnh đạo nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941), Mười chính sách của Việt Minh, tình hình chuẩn bị vũ trang giành chính quyền và 8 tháng đánh du kích ở Bắc Sơn - Võ Nhai (1941-1942). Chi ủy còn báo cáo tình hình nội bộ đoàn tù và xin ý kiến chỉ đạo.

Ngay từ khi còn ở Hỏa Lò (Hà Nội), trong lúc thảo luận về sách lược liên minh với phái Pháp Đờ Gôn đã có một vài đồng chí nêu ý kiến rút bỏ khẩu hiệu Độc lập trong cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh và thay bằng khẩu hiệu Tự trị, tức là thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Mặc dù chi bộ đã kiên quyết đấu tranh bác bỏ nhưng các đồng chí này vẫn giữ ý kiến và tiếp tục nêu lại vấn đề này khi mới ra Côn Đảo.

Cuộc thảo luận gây không khí căng thẳng, không lợi cho sự đoàn kết nhất trí. Chi ủy đã báo cáo với Trung tâm lãnh đạo và nhận được sự chỉ đạo kịp thời. Trung tâm lãnh đạo kết luận việc rút bỏ khẩu hiệu “độc lập” là hữu khuynh. Cần phải tích cực phân hóa và tranh thủ phái Pháp Đờ Gôn để hình thành mặt trận chống phát xít, song trong lúc liên minh không được quên mục tiêu cơ bản của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành độc lập, chủ quyền.

Nhờ sự chỉ đạo đúng đắn của Trung tâm lãnh đạo, vấn đề sách lược liên minh với phái Pháp Đờ Gôn đã được sáng tỏ. Chi bộ khu cấm cố Banh III được củng cố lại tăng cường sự đoàn kết nhất trí. Quá trình đấu tranh về quan điểm trong việc liên minh với phái Đờ Gôn đã làm cho những người cộng sản trong tù nhận thức một cách sâu sắc về bản chất thực dân và mưu đồ của bọn phản động Pháp đối với thuộc địa Đông Dương.

Sau này, trong cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, những người cộng sản Việt Nam đã chuẩn bị cả tinh thần và lực lượng, chống cuộc chiến tranh xâm lược trở lại của thực dân Pháp, ngay trong lúc chuẩn bị giành chính quyền từ tay Nhật.

Tranh thủ thời gian trong cấm cố, chi bộ tổ chức tổng kết kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, kinh nghiệm công vận, nông vận, thanh vận, phụ vận

và biên soạn chương trình lý luận Mác-lênin huấn luyện cho anh em. Ít lâu sau, phần lớn anh em bị điều ra làm ở kíp xe chỉ, tước chỉ trong Ban III, một số bị điều ra các sở ngoài, một số đồng chí vẫn còn bị cấm cố. Chi bộ vẫn duy trì các lớp học, bố trí giảng viên theo từng kíp công việc để huấn luyện cho nhau. Tối về khám, Ban tuyên huấn khu cấm cố còn làm báo miệng đọc cho nhau nghe, gây không khí lạc quan tin tưởng.

1. Trên đường đi đày Côn Đảo, chi bộ Sơn La và chi bộ Hỏa Lò đã sáp nhập lại, chi ủy có 5 người do đồng chí Quỳnh Tây (tức Ngô Ngọc Du) làm Bí thư. Lúc ấy Chi bộ đặc biệt là Trung tâm lãnh đạo ở Côn Đảo.

Trong đoàn tù Sơn La - Hỏa Lò có nhiều đồng chí đã tham gia làm báo bí mật và công khai của Đảng. Anh em tập hợp hơn 20 người, mở lớp huấn luyện cán bộ làm báo. Lớp học không có thầy, anh em tự nghiên cứu xây dựng chương trình và thảo luận với nhau, trọng tâm là hai phần: Nghiên cứu học tập và Nghiệp vụ báo chí. Lớp học nghiên cứu tổng quát lịch sử văn học thế giới chú ý phân tích đặc điểm văn hóa của các chế độ xã hội. Những nét lớn của lịch sử văn học Việt Nam cũng được nghiên cứu và thảo luận sôi nổi.

Sau khi nghiên cứu kỹ phần văn học, các học viên thảo luận về nghiệp vụ báo chí từ các thể loại, cách trình bày cho đến việc tổ chức in ấn, phát hành... Có người từng học ở Liên Xô về, có người là học trò trực tiếp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, có người học ở trong các nhà tù, có người trưởng thành trong cuộc đấu tranh cách mạng; mỗi người góp vào một ý, vận dụng tất cả kinh nghiệm làm báo bí mật và công khai trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936-1939) để xây dựng chương trình. Nhiều đồng chí dự lớp huấn luyện này đã trở thành những cây bút của báo Đảng sau Cách mạng tháng Tám (1945).

Ở Ban III lúc ấy còn có 12 binh sĩ yêu nước tham gia cuộc khởi nghĩa Đô Lương (31-1-1941) do Đội Cung lãnh đạo. Ban lãnh đạo đã giao cho tổ chức cứu tế ở Ban III phải tìm mọi cách giúp đỡ và phân công một đảng viên trực tiếp giác ngộ chủ nghĩa cộng sản cho anh em. Dưới sự lãnh đạo

của Đảng bộ Nhà tù Côn Đảo, những người bị giặc bắt trong ba cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940), Nam Kỳ (23-n-1940) và Đô Lương (31-1-1941) đã sát cánh bên nhau chống chế độ khủng bố dã man của thực dân Pháp.

Banh III lúc ấy còn có một số tù người Khơme tham gia các phong trào chống Pháp của sư sãi Phnôm Pênh (Campuchia). Chi bộ khu cấm cố giáo dục cho cán bộ đảng viên tinh thần đoàn kết các dân tộc Đông Dương chống Pháp. Nhiều đồng chí được phân công gần gũi giúp đỡ anh em tù Khơme. Các đồng chí đã nhờ anh em dạy tiếng Khơme và dạy cho anh em tiếng Việt. Nhiều cuộc nói chuyện về đất nước, con người và phong trào cách mạng của hai dân tộc Việt Nam - Khơme đã tăng cường tình đoàn kết giữa những người tù trong khu cấm cố. Chi bộ giới thiệu về cương lĩnh Mặt trận Việt Minh và đường lối đoàn kết các dân tộc Đông Dương trong một Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc của Đảng cộng sản Đông Dương cho anh em.

Mặc dù phong tục tập quán và trình độ giác ngộ có khác nhau, những người tù Khơme trong khu cấm cố đều có thiện cảm với những người cộng sản Việt Nam. Sau khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, những người tù Khơme đều được đưa về đất liền và được tạo điều kiện trở về quê quán. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Pát-suôn (Patchhoeun) đã được cử làm Chủ tịch ủy ban dân tộc giải phóng người Khơme ở Châu Đốc. Sau này làm việc cho Xi-ha-núc, ông vẫn giữ mối thiện cảm với cách mạng Việt Nam.

Ở Banh III lúc này còn có một số tù thuộc các đảng phái thân Nhật Bọn này ra sức ca tụng chủ nghĩa phát xít chống Liên Xô và tuyên truyền cho chính sách Đại Đông Á của Nhật. Chúng đe dọa bọn gác dang Pháp và đả kích những người cộng sản. Anh em cộng sản rất bất bình nhưng vẫn giữ thái độ ôn hòa với chúng. Một số tên quá khích như tên Bể, tên Thu chửi cộng sản suốt ngày. Một lần tên Thu xuyên tạc lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh một cách rất bỉ ổi, anh em kíp xe chỉ phần nô đã đánh y một trận để cảnh cáo.

Bọn Tờ rốtkít hòa vào một phía với đám thân Nhật để xuyên tạc cộng sản. Đảng bộ Côn Đảo chủ trương cô lập bọn đầu sỏ, phân hóa những phần tử trung gian và lôi kéo giác ngộ những người ngộ nhận. Anh em cộng sản đã bố trí những đồng chí có trình độ kèm chặt những tên đầu sỏ để kiểm chế và có thể bác bỏ ngay những luận điệu xuyên tạc của chúng. Tên Thu có lần viết thư cho chúa đảo tố cáo những người tù cộng sản có tổ chức bí mật, có quan hệ với bọn Pháp Đờ Gôn, có âm mưu vượt ngục và chỉ điểm những đồng chí tích cực. Anh em cảnh giác lấy được thư và giáo dục y. Một số quần chúng thân Nhật có chuyển biến, một vài người sau trở về tham gia kháng chiến. Một số nhân viên y tá ở Nhà thương Côn Đảo cũng được giác ngộ và giúp nhiều việc đặc lực cho Đảng bộ Côn Đảo, có người sau này trở thành đảng viên cộng sản.

Những tin tức về cuộc chiến tranh và thắng lợi của Hồng quân Liên Xô làm cho bọn Pháp ở Côn Đảo hết sức lo lắng. Thịnh thoảng chúa đảo Tít xe lại cho bọn lính hành quân, tập trận trên các đường phố xung quanh trại giam để tự trấn an tinh thần và đe dọa tù nhân. Đảng ủy Côn Đảo vẫn theo dõi sát tình hình và chỉ đạo hoạt động của các kíp tù, đấu tranh với những yêu sách thích hợp như đòi nới rộng chế độ nhà tù và hạn chế bóc lột khổ sai.

Kíp xe chỉ dứa trong Ban III đã đấu tranh dai dẳng trong gần một tháng trời bằng hình thức ngầm lãn công chống việc tăng định mức xe chỉ. Tên gác dang ôbênăng (Obénans) giám sát rất kỹ tù nhân làm việc suốt ngày vẫn không tăng được mét chỉ nào. Ôbênăng quyết định bắt tù nhân làm việc một ngày căng thẳng dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chính hắn. Anh em vẫn lạng lẽ làm việc nhưng có cách làm cho xa quay mà chỉ không quẩn. Cuối buổi chiều, mức chỉ vẫn y nguyên như cũ Ôbênăng bắt làm thêm một tiếng đồng hồ nữa mà kết quả cũng không nhích lên được chút nào. Tức điên người, hắn phạt cả kíp xe chỉ 7 ngày ăn cơm nhạt, uống nước lã, nhưng đành phải chấp nhận mức chỉ như cũ.

Kíp vận chuyển đá từ Núi Chúa về Cầu Tàu lãn công một buổi sáng và phần nộ phản đối tên gác dang Pháp đã thúc ép tù làm, để đá đè gãy chân

một người tù. Trước sự đoàn kết nhất trí của tù nhân, tên gác dang hung ác cũng phải chùn bước.

Chuyến tù Sơn La - Hỏa Lò ra đầu năm 1944 còn có 2 người bị bắt oan là cộng sản. Anh Mẫn một lần cùng gánh xiếc lên biểu diễn ở Đền Hùng (Phú Thọ), gặp ngày hội đông người, Việt Minh rải truyền đơn cách mạng. Mật thám Pháp nghi anh Mẫn lợi dụng gánh xiếc để rải truyền đơn nên bắt anh và khép vào tội “tuyên truyền cộng sản”. Không chịu được đòn, anh phải nhận bừa là cộng sản và khai người đứng đầu tổ chức là ông Khuê, một trạng sư có tiếng trong vùng với hy vọng được ông cãi cho khỏi tội.

Đến lượt ông Khuê cũng không chịu được đòn, đành phải nhận bừa là cộng sản. Thế rồi mỗi người lãnh một án chung thân khổ sai và bị đày ra Côn Đảo. Ngay từ thời bị giam ở Hỏa Lò, chi bộ Đảng trong tù đã hết sức giúp đỡ và giác ngộ ý thức cách mạng cho hai người. Ra Côn Đảo, chi bộ khu cấm cố Banh III phân công người kèm cặp và giúp đỡ. Mẫn “xiếc sớm được giác ngộ đã huấn luyện cho anh em Banh III làm một “gánh xiếc” với nhiều tiết mục và những động tác nghệ thuật điêu luyện. Sau Mẫn “xiếc” được kết nạp vào Đảng và tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp.

Riêng trạng sư Khuê thì luôn miệt mài oán trách cộng sản, rằng vì cộng sản mà ông bị tù tội, mất nghiệp, mất gia tài. Đau khổ và không chịu nổi sự đày ải khắc nghiệt, ông lâm bệnh kiệt lực, người quắt lại chỉ còn da bọc xương, khó qua khỏi. Nỗi oán hận của ông tăng lên gấp bội. Những người cộng sản đã huy động mọi khả năng tìm kiếm thuốc, cứu sống ông. Ông rất cảm phục và thôi không oán trách cộng sản nữa. Sau Cách mạng tháng Tám (1945), Đảng bộ Côn Đảo đã đưa ông về đất liền và sau đó Xứ ủy Nam Kỳ tạo điều kiện cho ông trở về quê quán.

Tết âm lịch 1945, chi bộ khu cấm cố Banh III đã tổ chức một chương trình văn nghệ để bồi dưỡng tinh thần lạc quan cách mạng. Tấu ông Táo về trời phê phán thói cầu thả lười biếng, mất vệ sinh. Kịch vui một màn Bóc lột tố cáo chế độ thực dân và phong kiến bóc lột đến tận xương, tận tủy những người lao động. “Gánh xiếc” Banh III biểu diễn 28 tiết mục luyện

tập công phu làm cho bọn gác dang hết sức ngạc nhiên, tưởng như “cả gánh xiếc bị bắt vào tù”.

Đặc biệt là vở kịch thơ Chiến sĩ và Hằng Nga có tác dụng giáo dục sâu sắc. Vở kịch do đồng chí Vương Gia Hương biên soạn và trình diễn ở Hòa Lò (Hà Nội) gồm 2 màn ca ngợi ý chí chiến đấu của người chiến sĩ cách mạng đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ và căm dỗ để chiến đấu cho cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

Ra Côn Đảo, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh biên soạn thêm 2 màn nữa, đưa vở kịch đến một kết thúc hùng tráng. Người chiến sĩ chiến đấu và hy sinh, vợ chiến sĩ ở nhà nuôi con khôn lớn để tiếp tục cuộc chiến đấu. Chất thơ và nội dung tư tưởng vở kịch có sức cảm hóa sâu sắc đối với những chiến sĩ cách mạng đang bị tù đày, thôi thúc họ kiên trì, vững chí.

Ở sở Bản Chế, anh em tù cộng sản cũng tổ chức diễn kịch của Molière và Coócôpê. Một số anh em Quốc dân đảng đã từng tham gia đóng kịch ở Ban II trong những năm trước có kinh nghiệm làm mũ áo, râu tóc đúng mốt, mấy người thường phạm bị tù vì làm bạc giả cũng hăng hái tham gia trang trí, vẽ phông màn. Anh em tập kịch bằng tiếng Pháp và tổ chức diễn công khai để tranh thủ bọn gác dang. Tên quan tư Tít xe rất thích xem kịch. Tít xe bắt thợ mộc làm sân khấu ngay tại dinh, bắt tù nhân diễn đêm kịch đầu tiên cho riêng hãnh và người thân xem rồi đêm sau mới cho diễn công khai ở Bản Chế.

Nghe tin tù nhân diễn kịch Tây, bọn gác dang và lính Pháp kéo cả vợ con đến xem chật bãi. Họ trầm trồ thán phục sự hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật của những người tù cộng sản, họ ngạc nhiên không thể hiểu được vì sao mà trên hòn đảo tù này, những nạn nhân của nước Pháp thực dân lại có thể thưởng thức và truyền bá những giá trị của nền văn hóa Pháp. Nghệ thuật đã thức tỉnh nhân cách con người văn hóa trong những người gác ngục. Gác ngục Pháp bớt hung ác hơn và đề nghị tù chính thức tiếp tục diễn kịch.

Đầu năm 1945 anh em dựng vở kịch tiếng Việt Tội của ai tố cáo chế độ cũ chà đạp lên hạnh phúc con người. Vở kịch đã gây ấn tượng tốt cho số

ma tà và công chức người Việt. Nhân dịp đó, anh em vận động cho một số đồng chí lãnh đạo trong cấm cố ra Bản Chế.

Giải phóng Nhà tù Côn Đảo lần thứ nhất (1945)

Từ năm 1942 bọn Nhật đã đổ quân lên Côn Đảo nhưng ít lâu sau chúng rút về. Ngày 6-2-1945, tàu chiến Nhật đã đổ lên đảo một toán lính khoảng 20 tên và đóng lại, bất chấp sự phản đối của lính Pháp. Lính Nhật chiếm ngay đài vô tuyến điện (T.S.F), tước hết radiô của những nhân viên Pháp, khống chế khu nhà ở của chúa đảo và sĩ quan Pháp.

Tên sĩ quan Nhật hằng ngày ra vào dinh Tham biện, trại lính Pháp và các trại giam tù chính trị để điều tra tình hình. Bọn Pháp hoang mang, lo sợ. Chúa đảo Tít xe ra lệnh cấm cố tất cả tù nhân thân Nhật đang làm khổ sai ở các nơi trên đảo vào Banh III. Những tên tù thân Nhật đều sở lồng lộn trong Banh III, chúng đe dọa và luôn miệng chửi rủa bọn gác ngục Pháp.

Đảng ủy Côn Đảo nhận định mâu thuẫn giữa Pháp và Nhật đã đến mức quyết liệt, sắp bùng nổ và có thể xuất hiện tình thế cách mạng. Đảng ủy đã chỉ thị cho tất cả đảng viên phải hết sức tỉnh táo, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống phức tạp có thể xảy ra. Anh em ở các ban phải cảnh giác cao độ với bọn tù nhân Nhật, cất giấu kỹ sách báo tài liệu và giữ vững nguyên tắc hoạt động bí mật.

Đảng ủy còn chỉ thị cho tất cả các cơ sở Đảng phải tích cực chuẩn bị vượt ngục, đưa cán bộ về đất liền tăng cường lực lượng cho Đảng ta đón thời cơ lãnh đạo võ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Nhiều chuyến vượt ngục được chuẩn bị ngay trong tháng 2-1945. Các cơ sở ở Bản Chế và Nhà Đền đã cung cấp cửa, đinh, dây đồng, sơn, dầu hắc, vải bạt... Một số đồng chí ở các sở tù ngoài được lệnh chọn địa điểm, hạ gỗ, đóng thuyền, đảng ủy khẩn trương bố trí cho một số đồng chí có năng lực lãnh đạo chuẩn bị vượt ngục. Đồng chí Phạm Hùng sau nhiều năm bị cấm cố cũng được anh em vận động đưa ra làm ở Bán Chế.

Đêm 9-3-1945, Nhật làm đảo chính, hất cẳng Pháp để trừ hậu họa và độc chiếm Đông Dương. Hội nghị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngay

trong đêm ấy tại làng Đình Bảng (Bắc Ninh) đã ra chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta. Bản chỉ thị là một cương lĩnh hành động nhằm gấp rút chuẩn bị mọi mặt tiến tới tổng khởi nghĩa.

Rạng sáng ngày 10-3-1945, hai tàu chiến Nhật đã đổ thêm một trung đội lính lên Côn Đảo. Không đầy một giờ sau, toàn bộ đại đội bộ binh thuộc địa và mấy chục gác dang Pháp bị tước hết vũ khí. Quản đốc Tít xe và tên sĩ quan chỉ huy đơn vị lính Pháp bị bắt giải về Sài Gòn sau đó mấy ngày. Lính Pháp cũng bị bắt giam, công chức Pháp bị quản thúc tại nhà, còn bộ máy trị tù vẫn được sử dụng dưới quyền chỉ huy của Lê Văn Trà, một công chức thân Nhật.

Bọn gác ngục người Việt (ma tà) được trọng dụng, được trang bị súng ngắn thay cho súng trường. Bọn tù thân Nhật được ra khỏi trại giam, nhảy vào làm thư ký, công chức các công sở trên đảo. Nhiều tên cũng mang súng ngắn vào sục sạo các trại giam, soi mói bọn gác ngục và rình mò tù cộng sản. Bọn thân Nhật chia nhau giám sát tất cả gác dang Pháp, nhất là phái Pháp Đờ Gôn. Chúng đã lôi Tú tít, Lăngtali và nhiều tên gác dang trước đây hung ác ra đánh đập, trả thù. Bọn gác dang Pháp bị thất thế, lo sợ, bi quan và thờ ơ trong việc coi tù.

Được sự giáo dục của Đảng bộ Nhà tù Côn Đảo, những người tù cộng sản đã tỏ thái độ đúng mực với gác dang Pháp. Anh em đã giải thích cho họ đường lối của Mặt trận Việt Minh là chống thực dân, chống phát xít và tay sai để giành độc lập dân tộc, giống như cuộc đấu tranh của nhân dân Pháp chống phát xít Đức, giải thích cho họ hiểu về chủ trương liên minh giữa những người cộng sản và những người Pháp dân chủ chống phát xít ở Pháp cũng như ở Đông Dương.

Anh em còn khẳng định thắng lợi tất yếu của Liên Xô và các lực lượng dân chủ, tiến bộ chống phát xít đang tới gần và chỉ cho gác dang Pháp cách đối phó với bọn thân Nhật. Cờítsochiani, một gác dang đã từng gây nhiều tội ác đã cảm phục mà nói với những người tù cộng sản rằng:

– Có trái tim như các anh thì không cảnh ngộ nào làm cho đau khổ được.

Tút tu, một gác dang trước đây khét tiếng hung ác cũng bộc lộ thái độ thiện cảm với tù cộng sản:

– Trước đây tôi ghét cộng sản, bây giờ tôi mới thấy người cộng sản đứng đắn, không thù oán cá nhân.

Bọn thân Nhật không để cho tù cộng sản được yên. Sục sạo mãi không tìm thấy chứng cứ gì, chúng mạo thư chửi phát xít Nhật và ca tụng Liên Xô đem nộp cho quan Nhật, nói là bắt được tài liệu của cộng sản, nhưng quan thầy chúng đang rầu rĩ vì những thất bại liên tiếp của quân đội Nhật trên các chiến trường nên không có phản ứng gì. Chúng lại tiếp tục bày mưu bắt tù cộng sản ra chào cờ Nhật nhằm hạ uy thế của của những người tù cộng sản và khủng bố những người chống đối. Anh em cộng sản hết sức phẫn nộ và kiên quyết chống, nếu chúng bắt chào cờ Nhật.

Bọn Nhật đang lo lắng cho số phận của chúng trên ác chiến trường nên không để ý gì đến hành động của đám tay chân. Vẫn không chịu từ bỏ ý đồ đen tối, bọn thân Nhật xoay sang lập danh sách những người tù cộng sản mà chúng liệt vào loại “nguy hiểm, đề nghị bọn Nhật thủ tiêu, nhưng rốt cuộc vẫn không thành.

Qua tin tức của những gác dang Pháp thuộc phái Đờ Gôn và những công chức tiến bộ ở Sở dây thép và Sở dây thép gió, anh em tù cộng sản nắm được tin tức về phong trào kháng Nhật của ta ở Cao - Bắc - Lạng. Nhận định tình hình cách mạng đang đứng trước thời cơ lớn, Đảng ủy Côn Đảo chỉ thị cho các cơ sở Đảng gấp rút tổ chức vượt ngục trở về hoạt động. Các công việc đóng thuyền, tích trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men... được tiến hành rất khẩn trương.

Giữa tháng 4 năm 1945, Đảng ủy bố trí cho các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng về tham gia lãnh đạo cướp chính quyền, cùng đi có Lang Kiều, Cẩm Tài, Văn Viên. Toustou, Chủ sở Rờsec lờ đi nhưng tên Quản Liễn đã cho quân vây bắt lại để dâng công với quân Nhật. Toustou không đánh, không phạt, chỉ bắt phơi nắng chiếu lệt rồi cho về khám.

Nghe tin tù cộng sản vượt ngục, bọn thân Nhật lồng lộn lên. Nhiều gác dang Pháp mà chúng nghi ngờ cũng bị đánh đập dã man. Từ đó bọn thân Nhật càng tăng cường theo dõi cả gác dang Pháp và tù cộng sản.

Vòng vây của Đồng Minh ngày càng siết chặt Đông Dương, thỉnh thoảng lại có một chiếc tàu Nhật thất trận dạt vào Côn Đảo. Máy bay Đồng Minh nhiều lần sà xuống nhằm các tàu Nhật bắn phá. Máy bay Mỹ đã bắn hỏng Hải Đăng - Côn Đảo, bắn phá cả Sở Lưới, Bản Chế, Nhà Đền, làm chết một số tù nhân. Máy bay Mỹ còn rải truyền đơn vận động việc cứu giúp các nhân viên phi hành của Đồng Minh khi bị nạn và giúp đỡ khi quân Đồng Minh đổ bộ lên.

Đảng ủy Côn Đảo ra một chỉ thị phân tích tình hình và xác định nhiệm vụ cho cán bộ, đảng viên. Chỉ thị đã nhận định: ở Đông Âu, Hồng quân Liên Xô đang tiêu diệt phát xít Hít le tận sào huyệt của chúng; ở mặt trận phương Đông, quân Đồng Minh đang thắng Nhật và có thể nhảy vào Đông Dương. Bọn Pháp Đờ Gôn sẽ theo gót chúng mà trở lại đặt ách đô hộ. Vì thế những người cộng sản phải hết sức cảnh giác, không những với bọn Pháp Đờ Gôn mà với cả quân Anh - Mỹ; chỉ có dựa vào nhân dân mới có thể giành được thắng lợi chân chính; phải quyết tâm vượt ngục trở về để chớp lấy thời cơ giành chính quyền... Bản chỉ thị được phổ biến đến các cơ sở Đảng trên toàn đảo.

Trước thất bại không thể tránh khỏi, bọn Nhật tổ chức “Lễ trao trả độc lập” giả hiệu tại sân banh (bãi đá bóng) Côn Đảo. Bọn thân Nhật dựng khán đài quay mặt về phía đông, kê khẩu hiệu và hô hào rùm beng. Trước mặt gần 2.000 chính trị phạm, Lê Văn Trà đọc đạo dụ của chính phủ Trần Trọng Kim, tuyên bố phóng thích tất cả tù chính trị. Đạo dụ có đoạn viết: “Các chính trị phạm kể từ ngày này được chính phủ Việt Nam (tức chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim) trả lợi quyền tự do và coi như mọi người dân khác trong nước”.

Nhưng mịa mai thay, sau cuộc mít tinh, chúng lại xua ngay tù vào trong banh, sập cửa lại và cho bọn gác ngục tiếp tục canh giữ. Chỉ có 150 tù thân Nhật được phóng thích sau đó vài tháng.

Theo sự chỉ đạo của Đảng ủy Côn Đảo, tù nhân Banh II, Banh III đã đấu tranh đòi được ra ngoài làm, đòi được mở cửa banh và trả lại tự do cho tù chính trị. Sau nhiều lần đấu tranh với lý lẽ đanh thép, Lê Văn Trà phải nhượng bộ một bước, cho phần lớn tù nhân ra ngoài làm và mở cửa trại giam từ 6 giờ sáng đến 21 giờ.

Sau khi tiêu diệt hoàn toàn phát xít Đức, ngày 8-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật và nhanh chóng đánh bại đạo quân Quan Đông gồm hơn một triệu quân tinh nhuệ nhất của Nhật. Ngày 15-8-1945, phát xít Đức chính thức đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng Minh không điều kiện. Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước nhất tề đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Bọn Nhật ở Côn Đảo cho tàu chở súng đạn ra biển đổ. Chúng phá trạm vô tuyến điện, đập phá tất cả radiô, không cho ai nghe tin tức nữa. Chuyển tàu ngày 25-8-1945 chở những tên lính Nhật cuối cùng và số tù thân Nhật về đất (trên chuyển tàu ấy còn có 5 đảng viên cộng sản được trả lại tự do). Binh lính và gác dang Pháp cũng được đưa về Sài Gòn để giao lại cho Đồng Minh. Côn Đảo hết Nhật, hết Tây, chỉ còn lại khoảng ba ngàn tù nhân do Lê Văn Trà cùng bọn ma tà cai quản. Một đơn vị linh bảo an được phái ra đảo làm nhiệm vụ giữ trật tự trị an.

Một số binh lính bảo an vốn là những quần chúng yêu nước. Người sĩ quan chỉ huy đơn vị bảo an lại là cơ sở của Xứ ủy Nam Kỳ, được Xứ ủy bố trí ra Côn Đảo để liên lạc và hỗ trợ anh em tù chính trị. Nhờ đó Đảng ủy Côn Đảo nắm chắc tình hình Đức - Nhật bại trận, Đảng ta phát động tổng khởi nghĩa và đã giành chính quyền ở hầu hết các tỉnh từ Bắc chí Nam.

Được biết Xứ ủy Nam kỳ sẽ ra đón tù chính trị ở Côn Đảo về, Đảng ủy Côn Đảo chủ trương đoàn kết các lực lượng tù chính trị trên đảo giành chính quyền bằng phương pháp hòa bình, đồng thời nắm chắc lực lượng bảo an làm hậu thuẫn, khi cần sẽ sử dụng làm áp lực tước vũ khí của bọn gác ngục.

Đảng ủy phân công người đi các banh và các sở tù phổ biến chủ trương cho các cơ sở Đảng. Hầu hết anh em tù chính trị đều nhất trí với chủ trương

của Đảng ủy, nhưng có một số đồng chí trẻ ở Ban III cứ yêu cầu bạo động cướp chính quyền, nhất là khi nghe tin bọn Pháp đã nhảy dù xuống nhiều nơi ở Đông Dương thì anh em càng thôi thúc đòi giành chính quyền ngay và tổ chức vượt biển về đánh Pháp.

Đảng ủy cứ người giải thích cho anh em Ban III rằng cách mạng trong nước đã thành công, nhất định Đảng và Chính phủ sẽ đưa tàu ra đón tù chính trị; mỗi một đảng viên còn sống đến hôm nay đều là vốn quý của Đảng mà Đảng bộ Côn Đảo có trách nhiệm phải bảo vệ bằng được, vì vậy cần tránh nôn nóng để khỏi đổ máu vô ích. Ý kiến của Đảng ủy được chấp hành một cách nghiêm túc, nhưng một số đồng chí vẫn âm ức đến ứa nước mắt.

Thực hiện chủ trương giành chính quyền bằng phương pháp hòa bình, Trung tâm lãnh đạo đã cử một đoàn đại biểu đến gặp Quản đốc Lê Văn Trà yêu cầu:

- Mở cửa trại giam suốt đêm ngày. Tù nhân được tự do đi lại.
- Bãi bỏ hết sự kiểm soát của ma tà.
- Trao trả chính quyền trên đảo cho tù chính trị vì chính quyền trong đất đã về tay Việt Minh.

Lấy lý do là chưa có lệnh của Chính phủ, Trà không chịu bàn giao chính quyền. Tuy nhiên trước áp lực của tù chính trị, hẳn buộc phải đồng ý cho tù nhân tự do đi lại ban ngày, ban đêm vẫn phải vào khám, khóa cửa lại; đồng ý tổ chức chính quyền liên hiệp trên đảo, có sự tham gia của tù chính trị; đồng ý tổ chức sửa chữa vô tuyến điện, sửa radiô để nghe tin tức; sửa canh để đưa đoàn đại biểu về đất liền xin ý kiến của Chính phủ.

Sau mấy phiên họp bàn giữa Quản đốc Lê Văn Trà và đại diện tù chính trị, việc cử đại biểu tham gia bầu cử chính quyền liên hiệp được ấn định một cách rất chênh lệch: Quản đốc là một đại biểu; công chức 3 người một đại biểu; giám thị 5 người một đại biểu; còn tù chính trị thì 50 người một đại biểu; tù thường không được tham gia.

Đảng ủy tăng cường công tác tuyên truyền việc giành chính quyền của Việt Minh ở trong nước và vạch mặt bọn bù nhìn thân Nhật. Nhiều công chức có cảm tình đã bỏ phiếu cho đại biểu tù cộng sản, nhiều ma tà đã từng bị bọn thân Nhật hành hạ cũng bỏ phiếu cho tù cộng sản, vì vậy những người cộng sản đã thắng phiếu. Hội đồng liên hiệp quốc dân Côn Đảo ra đời với phần lớn là tù cộng sản.

Bị lép vế và trơ trẽn trong cuộc bầu cử, Lê Văn Trà và bọn tay sai rút súng đe dọa những người cộng sản, định xóa bỏ kết quả cuộc bầu cử. Tình thế hết sức căng thẳng, nhưng lực lượng bảo an yêu nước đã được bố trí án ngữ tất cả cửa ra vào và cửa sổ phòng bầu cử. Theo hiệu lệnh của đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Đảng ủy, anh em đồng loạt lên đạn và chĩa súng vào Lê Văn Trà cùng đồng bọn.

Tình thế được xoay chuyển hẳn, đã đến lúc không thể cưỡng lại nữa, Lê Văn Trà đành hạ súng nộp cho những người cộng sản. Bọn tay chân cũng ngoan ngoãn làn theo hẳn. Chính quyền thực tế ở trên đảo đã thuộc về những người cộng sản. Lê Văn Trà vẫn được sử dụng để điều hành công việc hành chính dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Côn Đảo. Đồng chí Lã Vĩnh Lợi, thành viên trong Hội đồng được cử làm đại diện của tù chính trị trực tiếp làm việc với Lê Văn Trà để giải quyết mọi việc.

Đảng ủy quyết định tổ chức lực lượng vũ trang để củng cố thực lực của cách mạng và chiến đấu bảo vệ đảo trong tình huống quân Pháp đổ bộ xâm lược trở lại. Đoàn phòng thủ Côn Đảo ra đời vào những ngày cuối tháng Tám 1945 với khoảng 300 đội viên, do đồng chí phạm Hùng, Bí thư Đảo ủy trực tiếp phụ trách. Ban chỉ huy còn có các đồng chí Phan Trọng Tuệ, Quỳnh Tây (Ngô Ngọc Du), Văn Viên và Thành Ngọc Quán. Vũ khí lúc đầu có vài chục khẩu súng lục tước được của Lê Văn Trà và hơn chục khẩu súng trường “mượn” của anh em bảo an. Anh em công xưởng (Bản Chế) ngày đêm rèn giáo mác, mã tấu để trang bị cho Đoàn phòng thủ. Một số đồng chí đã từng là du kích Bắc Sơn được cử ra huấn luyện quân sự. Anh em bảo an cũng giúp việc huấn luyện. Hàng ngày Đoàn phòng thủ luyện

tập, đi lại rầm rập trên các khu phố. Khí thế cách mạng bùng bùng, xua tan bầu không khí ảm đạm bao trùm Côn Đảo trong hơn 80 năm qua.

Đồng chí Tôn Đức Thắng cùng với một số anh em thợ giỏi đi làm việc suốt đêm ngày, quyết tâm sửa bằng được chiếc radiô để nghe tin tức và sửa chiếc canh để liên lạc với đất liền. Tổ thợ máy chế tạo nhiều phụ tùng thay thế, trong vòng một tuần đã đại tu xong chiếc canô bị hư hỏng nặng.

Một buổi sáng đẹp trời, Côn Đảo bừng lên một tin vui: chiếc radiô đã được sửa xong. Hàng chục mái đầu tù hồi hộp chụm quanh chiếc radiô đang thu sóng điện. Tất cả lặng đi khi bắt gặp làn sóng điện một đài nước ngoài đang phát lại nội dung bản Tuyên ngôn độc lập mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 và công bố danh sách Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tiếng nói của một dân tộc đã thực sự giành được tự do, độc lập như một luồng điện lan truyền trong những người tù Côn Đảo. Những giọt nước mắt nóng bỏng tuôn trào trên gò má sạm nắng của người thợ máy Tôn Đức Thắng.

Đảng ủy Côn Đảo tổ chức ngay một cuộc mít tinh chào lá cờ đỏ sao vàng, mừng nước nhà độc lập, sau đó chia thành nhiều đoàn tuần hành biểu dương lực lượng trên các ngã đường Côn Đảo. Lời thề bảo vệ độc lập tự do đã khắc sâu trong lòng các chiến sĩ Côn Đảo.

Tình huống thực dân Pháp quay trở lại đặt nền thống trị đã được dự kiến với quyết tâm chiến đấu đến cùng. Có lần một máy bay B.26 của Pháp sà xuống rất thấp phía mé biển Côn Đảo, lập tức hàng trăm chiến sĩ mang gậy gộc, giáo mác ào ào xông ra chuẩn bị chiến đấu đánh quân đổ bộ với lời thề: “Thà chết, quyết không chịu ở tù lần nữa!”

Đảng ủy chỉ đạo tổ chức các đoàn thể quần chúng như Thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc nhằm giáo dục vận động số công chức, gác ngục và gia đình họ theo đường lối của Mặt trận Việt Minh. Một số em thiếu nhi, con của những công chức tiến bộ đã được Đảng ủy sớm chú ý giáo dục

lòng yêu nước, giáo dục thái độ đúng đắn với tù chính trị và tổ chức các em vào Thiếu thi cứu quốc.

Đảng ủy chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền và huấn luyện nhằm đào tạo gấp một đội ngũ cán bộ cho Đảng. Ban tuyên huấn Đảo ủy biên soạn chương trình Việt Minh, chương trình quân sự và chính trị cơ bản huấn luyện cho anh em. Rút kinh nghiệm sau nhiều năm đào tạo và hoạt động, Đảng ủy đã chú trọng đào tạo những cán bộ vừa có lý luận, vừa có năng lực hoạt động thực tiễn, biết cách tổ chức và vận động quần chúng. Đó là một bước tiến trong việc huấn luyện và đào tạo cán bộ trong tù.

Đồng chí Lê Văn Lương, Đảo ủy viên được phân công trực tiếp chỉ đạo xuất bản tờ báo Độc Lập để góp phần phổ biến đường lối chính sách của Đảng ta và của Mặt trận Việt Minh. Ban biên tập có các đồng chí Nguyễn Xuân Hoàng, Trịnh Đình Trọng, Nguyễn Văn Vịnh, Nguyễn Mạnh Hoan, Sư Thiện Chiếu... Báo in thạch được khoảng 20 bản. Vì không có giấy khổ lớn nên phải in trên nhiều trang giấy học trò, khổ nhỏ như cuốn tạp chí; trang đầu in hai chữ Độc lập thật to, tiếp theo là bài xã luận nhan đề: Kiên quyết bảo vệ Độc lập - Tự do của Tổ quốc.

Rước chính trị phạm về đất liền

Ngay sau khi giành được chính quyền ở Sài Gòn, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập cuộc họp ngay trong đêm 25-8-1945 để bàn việc tổ chức chính quyền cách mạng. Quyết định đầu tiên của Xứ ủy là phải lập tức giải phóng Nhà tù Côn Đảo và tổ chức đón các chiến sĩ cách mạng ở Côn Đảo trở về. Hai đồng chí Đào Duy Kỳ và Nguyễn Công Trung vừa ở Côn Đảo về trong chuyến tàu ngày 25-8-1945 được giao nhiệm vụ này. Một ủy ban ủng hộ chính trị phạm được thành lập tại trụ sở báo Dân Chúng.

Bọn Pháp ở Sài Gòn đã câu kết với bọn Nhật đang đóng quân chờ giải giáp phá hoại việc tìm kiếm tàu thuyền. Chúng xui bọn Nhật tịch thu mất chiếc tàu Đờ Lanéxăng (De Lanessan) mà anh em công nhân Cảng Sài Gòn đã kéo về sửa chữa để đón tù chính trị. Được sự chỉ đạo trực tiếp của ủy ban hành chánh Nam Bộ và sự giúp đỡ tận tình của chính quyền cách mạng tỉnh Gò Công, ủy ban ủng hộ chính trị phạm đã huy động được chiếc tàu Phú Quốc cùng 32 chiếc ghe bầu chuyên đi biển. Đồng chí Chủ tịch ủy ban hành chánh Nam Bộ Trần Văn Giàu còn ký quyết định huy động 2 chiếc tàu kéo để nhanh chóng đưa đoàn ghe về địa điểm tập kết. Anh em công nhân Cảng Sài Gòn đã làm việc đêm ngày, tu sửa thật tốt con tàu Phú Quốc để sớm ra đón tù chính trị.

Ngày 12-9-1945, hai chiếc tàu kéo rời bến đưa đoàn ghe từ Vàm Láng (Gò Công) về tập kết tại cửa biển Đại Ngãi (Sóc Trăng), nơi thuận gió để giông buồm ra Côn Đảo. Anh Lý Văn Chương, một quần chúng cảm tình, ủy viên ủy ban ủng hộ chính trị phạm được cử phụ trách đoàn ghe. Đồng chí Tương Dân Bảo là đặc phái viên của ủy ban hành chánh Nam bộ ra rước anh em tù chính trị đi trên tàu Phú Quốc. Biết tin có đoàn ghe đi rước chính trị phạm, ủy ban hành chánh tỉnh Mỹ Tho và ủy ban hành chánh huyện Trà Ôn (Cần Thơ) đã mua trên 10 tấn gạo và thực phẩm gửi ra tiếp tế cho các đồng chí ở Côn Đảo.

Được sự hướng dẫn của đồng bào đánh cá vùng này, 5 giờ sáng ngày 16-9-1945, đoàn ghe nhổ neo, căng buồm ra Côn Đảo. Gần trưa, một cơn giông lớn ập đến, sóng gió dữ dội đánh tan đội hình đoàn ghe, có chiếc lạc đến tận cù lao Nam Sa, có chiếc dạt về Cồn Nốc. Anh em thủy thủ phải hạ buồm, lựa theo con sóng mà lái. Một thủy thủ bị cánh buồm gạt phăng xuống biển, sóng cuốn đi mất tích. Trận giông lớn làm lạc mất 7 chiếc ghe và làm các thủy thủ đều say sóng mệt lả nhưng 25 chiếc ghe còn lại đều quyết tâm ra Côn Đảo. 19 giờ ngày 16-9-1945, hai chiếc ghe đi đầu đã cập bãi Cỏ Ống - Côn Đảo. Tàu Phú Quốc cũng đến Cỏ Ống trong đêm ấy. Một số ghe bị dạt về Cồn Nốc nhờ đồng bào cư dân ở đây giúp đỡ đã sửa lại neo buồm và tiếp tục trở ra Côn Đảo trong những ngày sau đó.

Thấy tàu lạ, tổ quan sát ở Cỏ Ống lập tức cử người băng rừng về Côn Đảo báo cáo ngay trong đêm. Đoàn phòng thủ Côn Lôn được lệnh triển khai lực lượng chiến đấu. Suốt đêm hôm ấy Ban chỉ huy lo bố trí lực lượng theo phương án đánh quân đổ bộ trên 3 tuyến phòng thủ. Trong khi đó, tổ quan sát ở Cỏ Ống cử một số chiến sĩ dùng thuyền thúng áp sát tàu để điều tra mới biết là tàu của Chính phủ ra đón tù chính trị.

Tổ quan sát cứu người về ngay Côn Đảo báo cáo lúc rạng sáng ngày 17-9-1945. Đồng chí Tôn Đức Thắng cùng đồng chí Lê Vĩnh Lợi được Đảo ủy cử sang Cỏ Ống đưa đoàn tàu thuyền và phái đoàn của Chính phủ về cầu tàu trong tiếng hò reo vang dậy. Cờ, khẩu hiệu và người chen nhau chạt cầu tàu Côn Đảo. Cuộc mít tinh diễn ra ngay tại chỗ, nhiệt liệt chào mừng đoàn đại biểu của Chính phủ. Đồng chí Tưởng Dân Bảo gặp lại những người bạn tù năm xưa, ôm nhau mừng đến rơi nước mắt.

Buổi chiều ngày 17-9-1945, cuộc mít tinh chính thức được tổ chức trọng thể tại sân banh Côn Đảo. Lễ đài được dựng trang nghiêm hướng về phương Bắc. Đồng chí Tưởng Dân Bảo đọc quyết định của ủy ban hành chánh Nam Bộ về việc đón chính trị phạm Côn Đảo và tuyên bố: Từ giờ phút này, Côn Đảo là một mảnh đất hoàn toàn tự do và độc lập. Tham tá Lê Văn Trà nộp ấn tín của nhà ngục Côn Đảo lên vị đại diện của Chính phủ

nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Một loạt súng nổ vang cùng những tiếng hò reo như sấm rền trên Côn Đảo giải phóng.

Các đại biểu của Đảo ủy, của Đoàn phòng thủ Côn Lôn, đại diện Thanh niên cứu quốc và Thiếu thi cứu quốc Côn Đảo đã phát biểu trong cuộc mít tinh. Trên 2.000 người dự mít tinh và chia thành nhiều đoàn tuần hành qua cát ngả đường và hò vang các khẩu hiệu cách mạng. Những đảng viên người Hoa và những người tù chính trị Campuchia cũng hân hoan hát những bài ca bằng tiếng Trung Hoa và tiếng Thơm.

Trong giây phút thiêng liêng của tự do và độc lập, mọi người đều ngậm ngùi tưởng nhớ đến hàng ngàn người con ưu tú đã hy sinh trong những năm tháng khủng bố ác liệt của kẻ thù. Anh em tù chính trị chia nhau đi viếng mộ và tạc bia cho các đồng chí của mình. Lối chôn tù vô nhân đạo của bọn chúa ngục làm cho việc tìm mộ từng người rất khó khăn. Gió cát đã xóa đi dấu vết riêng biệt của từng ngôi mộ. Hàng ngàn nấm mộ chỉ còn là những mô cát nhấp nhô. Nhiều gò cát bị mưa gió làm xói lở để lộ ra từng mảng xương trắng xám. Đoàn đại biểu của Chính phủ cùng với các thủy thủ đã kính cẩn đặt vòng hoa trên mộ nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn An Ninh và mộ đồng chí Lê Hồng Phong. Không ai cầm được nước mắt khi đứng trước hàng ngàn nấm mồ vô danh của nhiều thế hệ, giữa một vùng cát vàng, xương trắng mênh mông.

Được tin Chính phủ ra sắc lệnh xây dựng Quỹ độc lập và tổ chức Tuần lễ vàng (4-9-1945), Đảo ủy đã thành lập Ban vận động quyên góp tiền và vàng đóng góp cho nước nhà. Các đoàn thể Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc cũng tích cực tuyên truyền vận động. Nhiều công chức, ma tà vừa được trở thành công dân của một nước độc lập đã tháo cả nhẫn vàng, dây chuyền ra đóng góp cho cách mạng. Chỉ trong mấy ngày, Ban vận động đã thu được một số tiền và vàng trị giá 2.000 đồng (tiền Đông Dương) đem về góp cho Chính phủ.

Đảo ủy lập danh sách toàn bộ tù chính trị để đưa về đất liền. Những người tù chính trị người Trung Quốc, Campuchia, Lào, Thái Lan cùng một số tù trường phạm và công chức đã giác ngộ cũng được bố trí đưa về đất

liền. Đảo ủy còn lập một danh sách những đảng viên trung kiên, đã được thử thách trong tù để giới thiệu với Đảng. Anh em thủy thủ tích cực tu sửa thuyền buồm cho chắc chắn.

Rạng sáng 23-9-1945, tàu Phú Quốc cùng 25 chiếc ghe bầu đá nhổ neo đưa 1.800 tù chính trị trở về đất liền. Chiếc canô mà anh em tù chính trị đã chữa lại được mang tên Giải phóng, do chính tay người thợ máy Tôn Đức Thắng lái đưa một số đồng chí trong Ban lãnh đạo trở về. Đảo ủy phân công một đồng chí ở lại lãnh đạo những anh em tù còn chờ chuyển tàu sau. Tháng 9 biển thường nổi giông, đoàn ghe lại bị một trận sóng to gió lớn giữa biển như để thử thách cả đoàn thủy thủ và đoàn tù chính thức trên đường trở về. Chiếc canô Giải phóng bị đánh văng mất một thùng dầu.

Toàn bộ danh sách Đảo ủy bố trí đưa về khoảng 2.300 người. Tàu Phú Quốc chỉ chở được hơn 400, mỗi ghe chở được từ 40 đến 60 người, chiếc canô chở 13 người. Còn lại khoảng 500 người, tàu Phú Quốc phải ra chuyển nửa mới chở hết. và làm vỡ chiếc la bàn mà đồng chí Tôn Đức Thắng tự chế. Sóng lớn nhồi lắc làm nước cạn trong đáy thùng dầu nổi lên, khiến máy bị chết nhiều lần. Tổ thợ máy vừa lái canô vừa thay nhau xả cạn nước trong máy và chăm sóc các đồng chí say sóng ói mửa. Từ khi vỡ la bàn, đồng chí Tôn Đức Thắng không rời tay lái, nhắm bướng gió mà cắt sóng trở về phía đất liền.

Chiều 23-9-1945, tàu Phú Quốc và những chuyến ghe đầu tiên đã cập bến Đại Ngãi (Sóc Trăng) trong sự tiếp đón nồng nhiệt của Đảng bộ và nhân dân địa phương. Chiếc canô Giải phóng sau nhiều lần trục trặc trên biển đã được đồng chí Tôn Đức Thắng điều khiển chạy vào cửa biển Mỹ Thanh. Bác Tôn là người cầm lái vĩ đại không phải chỉ trên chiếc canô này mà trong suốt 15 năm trong ngục Côn Đảo. Bên cạnh Bác là hai chàng trai trẻ Lê Văn Lương - Phạm Hùng đầu đội án ghém, gan góc và thông minh khiến cả đám gác ngục Tây - ma tà đều kính nể, nhưng với đồng chí mình thì rất đối thân thương. Lê Văn Lương nắm chặt tay Phạm Hùng, ngắm nhìn gió biển lướt trên mái tóc bạc bồng bênh của Bác Tôn trong bình minh của Tự do - Độc lập.

Đồng bào ở các cửa biển được chính quyền cách mạng thông báo trước đã căng cờ, khẩu hiệu đón tù chính trị từ nhiều ngày. Canh còn cách bờ hơn một cây số, ghe xuồng ở trong đất đã lao ra vây quanh đón anh em tù chính trị. Nhiều đồng chí lả đi trên tay đồng bào. Các bà má và các chị phụ nữ không ai cầm được nước mắt.

Đêm hôm ấy được tin từ Sài Gòn báo về, bọn Pháp phản động đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược lần thứ hai. Đồng chí Phạm Hùng và một số đồng chí trong Đảo ủy vội lên xe về ngay Sóc Trăng để gặp Xứ ủy nhận nhiệm vụ. Đồng chí Tôn Đức Thắng cùng hai người thợ máy là Nguyễn Hùng Minh và Nguyễn Hồng Phước cũng lên canô về Cần Thơ ngay trong đêm.

Theo đề nghị của Đảo ủy Côn Đảo, những đồng chí ở Nam Bộ được bố trí trở về quê và được Xứ ủy giới thiệu với chính quyền địa phương để tham gia công tác. Hàng trăm đồng chí quê ở miền Bắc đều tình nguyện ở lại tham gia cuộc kháng chiến theo lời kêu gọi của Xứ ủy và ủy ban hành chánh Nam Bộ.

Đồng chí Tôn Đức Thắng cũng nhận nhiệm vụ ngay, không kịp ghé thăm người vợ yêu quý và hai người con gái lúc ấy đang ở cách Cần Thơ chỉ vài chục cây số. Mười bảy năm ở tù, từng ngày từng giờ đấu tranh chống lại cùm xiềng và đày ải đồng chí hiểu hơn hết giá trị của độc lập, tự do, cần phải bảo vệ bằng “tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải” của mình, như lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn Độc lập.

Tàu Phú Quốc trở ra đảo một chuyến nữa đón ngay các đồng chí còn ở lại Côn Đảo. Do tình hình trong đất đang phức tạp, những người tù thường phạm chưa được đón về, nhưng họ được coi như những công dân tự do giống như những người công chức, ma tà trên hòn đảo này. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đại diện của Việt Minh ra lần này hướng dẫn những người tù thường phạm và công chức, ma tà còn ở lại tổ chức chính quyền trên đảo. Mọi việc chính quyền mới còn nhiều hạn chế, ủy ban hành chánh Côn Đảo đã được bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu thay thế cho bộ máy trị tù của thực dân Pháp trước đây.

Gần 2.000 tù chính trị ở Côn Đảo trở về đã tăng cường một lượng cán bộ lãnh đạo rất to lớn cho Đảng ta. Hàng trăm đồng chí được cử vào cương vị lãnh đạo chủ chốt của Xứ ủy, Khu ủy, Tỉnh ủy, ủy ban hành chính kháng chiến các cấp và trong lực lượng vũ trang trong hí”ng ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp ở sam Bộ. Cũng chính những người tù này không đầy 9 năm sau đã cùng với quân và dân ta làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, đóng chiếc đinh cuối cùng vào cổ quan tài chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp ở Đông Dương.

1. Trước khi vào khám, tù nhân phải cởi trần truồng, dang hai chân, hai tay, cúi gập người. há miệng, chống hông cho bọn gác dang xét. Động tác kỳ quặc ấy tù nhân thường gọi đùa là “điệu múa phượng hoàng vỗ cánh” hoặc là “mùa phượng hoàng”.

2. Nghĩa địa Hàng Keo chạy dài khoảng 2km, từ phía trước Banh III đến giáp Lò Vôi, lối vào nghĩa địa có hai hàng cây keo nên gọi Hàng Keo. Nghĩa địa Hàng Dương là khu động cát từ chân Sở Ruộng ra đến giáp Banh III. Những ngôi mộ đầu tiên ở nghĩa trang này là những tù nhân chết tại “Bệnh xá kết lỵ Sở Ruộng”. Họ được chôn ngay tại đồi cát giáp Sở Ruộng. Khi đào móng xây tường rào bao quanh nghĩa trang (1985), đơn vị thi công còn xới lên nhiều hài cốt tù nhân. Tại khu vực này, hiện nay vẫn còn nhiều ngôi mộ bị bỏ ngoài tường rào Nghĩa trang Hàng Dương, nhiều chỗ xác tù bị vùi chôn chất lên nhau nhiều lớp, mưa gió làm xói lớp cát trên mặt, để lộ ra từng mảng xương người lẫn trong cát. Có chỗ đào sâu xuống hơn 2 mét vẫn còn thấy xương tù.

3. Bao đựng đồ, đan bằng một loại cỏ ống mọc nhiều ở vùng đồng trũng Nam Bộ.

1. Bài hát được nhiều người yêu thích và phổ biến trong những năm kháng chiến chống Pháp ở Côn Đảo. (Phụ trương báo Quân đội nhân dân, tháng 8-1985, tr. 25).

¹. Trong nghị quyết Hội nghị Bơradavin (1944) của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Pháp (Chính phủ lưu vong), cũng như tuyên bố của Đờ Gôn sau đó về chính sách thuộc địa tương lai của Pháp thì Đông Dương phải trở thành 5 xứ tự trị (Lào, Campuchia, Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) do một Toàn quyền Pháp đứng đầu (!). Chưa khi nào người Pháp nhắc tới quyền độc lập của các dân tộc thuộc địa.

Chương 4

CÔN ĐẢO TRONG BUỔI ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1946)

Tự do và thử thách

Sau khi đưa toàn bộ tù chính trị và tù thường phạm đã giác ngộ về tham gia kháng chiến, kể cả những người quốc tịch Lào, Khơme, Thái Lan, và Trung Quốc, đặc phái viên của Chính phủ, Đảo ủy đã sắp xếp cho gần một ngàn tù thường phạm ở lại được sinh hoạt tự do, dưới sự quản lý hành chính của Lê Văn Trà.

Bên cạnh đó, có Hội đồng tù nhân giống như hình thức chính quyền liên hiệp trước đó, nhưng có khác một điểm căn bản là hội đồng này gồm toàn tù thường phạm. Bộ máy hành chính ở đảo được giữ lại những cơ quan cần thiết, và được tổ chức lại theo mô hình của một chính quyền Việt Minh. Các đoàn thể Thanh niên cứu quốc Phụ nữ cứu quốc, Thiếu nhi cứu quốc vẫn được duy trì. Cờ đỏ sao vàng được treo trên các trụ sở và cơ quan.

Những người tù thường phạm ở lại đều được tự do, được đi lại tìm kiếm công việc làm ăn như mọi công dân khác. Một số tù nhân có tay nghề và sức khoẻ được chọn vào kíp đánh cá ở Sở Lưới và phục vụ tại Nhà Đền, còn phần lớn thì làm ruộng làm rẫy để giải quyết lương thực, thực phẩm. Những người trước đây quen ở Sở rẫy nào thường tìm về sở cũ để trồng tía. Họ hưởng một phần lớn hoa màu và đóng góp một phần hoa lợi vào việc duy trì bộ máy hành chính.

Số gác ngục quốc tịch Pháp còn ở đảo và số thủy thủ người đảo Madagascar bị đắm tàu được tập trung tại Banh III. Trường tiểu học vẫn mở cửa. Con em của các công chức và gác ngục tới trường khai giảng một năm học mới, nhưng chương trình chưa có gì thay đổi. Các công chức vẫn tới nhiệm sở. Một số tư thương ở đất liền theo thuyền đánh cá đem hàng ra đảo buôn bán.

Đằng sau vẻ yên tĩnh bề ngoài, người dân Côn Đảo vẫn nơm nớp lo âu vì những tin tức tái chiếm của thực dân Pháp; vì thiếu liên lạc và tiếp tế từ đất liền; vì nguy cơ không thể tự túc được khi kho lương thực dự trữ đã sắp cạn, v.v... Chế độ cai trị tàn bạo của thực dân Pháp đã để lại hố ngăn cách quá sâu, khó lấp cho bằng giữa những viên gác ngục thô bạo trước đây và những tội nhân thường phạm đã bị lưu manh hoá. Cả hai nhóm người này đều chẳng ai muốn ở lại đây nữa, nhất là tháng 10-1945, một tàu chiến Pháp chạy qua nã đại bác vào Côn Đảo, đạn rơi trúng Banh III làm chết mấy thủy thủ người Madagascar thì nỗi lo sợ và tâm trạng đó lại càng tăng lên gấp bội.

Trung tuần tháng 12-1945, ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ lại cử phái đoàn Văn Cừ ra Côn Đảo lần thứ hai, với nhiệm vụ thu gom vũ khí và đưa một số máy móc ở Bản Chế về trang bị cho xưởng quân giới Nam Bộ. Trưởng đoàn Văn Cừ đã chấn chỉnh lại bộ máy chính quyền trên đảo, kêu gọi những công nhân là thường án trước đây yên lòng ở lại làm ăn, chờ khi có điều kiện, thì Chính phủ sẽ đưa thuyền ra đón. Trong lúc chờ đợi, nếu ai tự chuẩn bị được phương tiện thì Chính phủ không cấm việc trở về quê quán.

Trước sự chứng kiến của phái đoàn Văn Cừ, Lê Văn Trà tổ chức một cuộc bầu cử dân chủ trên đảo vào ngày 11-12-1945. Sáu đại biểu của giới công chức, giám thị cũ và sáu đại biểu của tù thường phạm cũ đã được bầu vào chính quyền mới. Ngày 15-12-1945, ủy ban hành chính mới - do Trương Văn Thoại (tức Sơn Vương) làm chủ tịch đã ra mắt dân đảo. Lê Văn Trà và số lính bảo an theo phái đoàn Văn Cừ về đất liền.

Trương Văn Thoại người gốc Gò Công, thân sinh là điền chủ Trương Đình Cung. Thoại được học hành, sáng tác được vài truyện ngắn, in thành tập sách nhỏ hoặc đăng tải trên báo chí hàng ngày, trong đó có truyện Chén cơm lạt được độc giả chú ý, nhưng rồi cuộc sống xô đẩy Thoại vào con đường giang hồ, trở thành tướng cướp nổi danh ở chợ Cầu ông Lãnh.

Sơn Vương - Trương Văn Thoại có ít nhiều uy tín trong đám công chức và trong giới tù. Bề ngoài Sơn Vương mềm mỏng, cởi mở, nhưng khi cần có thể thi thố những thủ đoạn “kinh thiên động địa”, làm cho các phe chống đối cũng phải nể sợ. Buổi đầu nắm quyền, Sơn Vương được dư luận xem là người sốt sắng với bốn phận, tỏ ra thật sự quan tâm đến công việc chung. Sau buổi lễ ra mắt của ủy ban hành chính Côn Đảo Sơn Vương tổ chức đợt lao động gặt lúa tập thể. Chỉ trong mấy ngày, các ruộng lúa trên cánh đồng phía tây Côn Đảo đã được gặt xong. Thóc lúa sau khi phơi khô được chuyển vào các kho của đảo. Đám công chức, giám thị xưa chỉ quen việc quản tù, nay cũng phải lao động thật sự. Các thành viên trong ủy ban cũng tham gia lao động với mọi người.

Ủy ban cải tiến một số quy định trong việc đánh bắt và phân phối cá để khuyến khích sản xuất. Theo quy định mới, Sở Lưới tổ chức đánh cá theo kiểu kinh doanh tư nhân, buổi đầu có hoạch toán. Cá đem bán chứ không phân phối như trước. Tiền bán cá một phần do Sở Lưới quản lý để mua sắm ngư cụ, một phần chia cho người đánh bắt. Biện pháp này làm cho nhân viên Sở Lưới phấn khởi, sản lượng cá tăng lên đáng kể.

Tình hình vệ sinh trên đảo cũng có tiến bộ. Ủy ban quy định mỗi nhà phải có thùng rác và tự làm vệ sinh khu vực công cộng trước nhà. Xe của Sở Vệ sinh sẽ đến thu rác vào những giờ nhất định. Mỗi gia đình tự thanh toán tiền cho nhân viên Sở Vệ sinh. Khu vực nào bẩn hoặc có rác đổ bừa bãi thì những nhà gần đó đều phải liên đới chịu trách nhiệm. Những quy định đó tuy có vẻ khắt khe nhưng đem lại hiệu lực là sạch đẹp thị trấn.

Ủy ban khuyến khích tư nhân mở cửa hàng buôn bán; khuyến khích những tư thương trong đất liền đem hàng ra đảo, đồng thời có biện pháp ngăn cấm việc đầu cơ tích trữ và tự tiện nâng giá hàng. Để khắc phục tình trạng khan hiếm thuốc chữa bệnh, một lương y đã được mời ra thành lập Ban thuốc Nam để tìm kiếm dược liệu và trị bệnh cho dân.

Sau nạn thiếu lương thực, thực phẩm thì nạn khan hiếm vải mặc cũng là một mối lo lắng của người dân đảo Hội phụ nữ đã tận dụng số vải vụn trong kho, may thành quần áo cộc để phát cho những người không đủ vải

che thân. Cô Hoàng Hoa, giáo viên trường tiểu học, con Vệ Liễn (Giám thị trưởng thời Lê Văn Trà) được Sơn Vương giới thiệu làm Hội trưởng Hội phụ nữ thay Huỳnh Thị Bốn (con giám thị Chuẩn).

Đối với người dân Côn Đảo thời ấy, vượt lên trên cả mối lo thiếu ăn, thiếu mặc là sự nhùng nhể của những người có quyền thế. Sở cảnh sát do Nguyễn Thành Út nắm. Út nổi tiếng là tay bịp bợm, bị án 10 năm khổ sai và lưu xứ, bị đày ra Côn Đảo ngày 17-10-1939. Ngay khi đặc cử cảnh sát trưởng quần đảo, Út đã đưa lũ đàn em lưu manh vào Sở cảnh sát. Hậu quả là nạn cướp bóc, cạy cửa khoét vách, bắt người tống tiền xảy ra liên miên.

Ủy ban tổ chức cho dân đảo bầu Hội đồng dân biểu - cơ quan tư vấn và thanh tra hoạt động của chính quyền. Hội đồng gồm 6 ủy viên: Một công dân gốc thường án, một thi sĩ, một chủ nhà máy đèn, một đại diện lính bảo an, một nữ giáo viên tiểu học, một nữ quốc tịch Pháp và một thủy thủ người Madagascar. Hội đồng có nhiệm vụ thu thập ý kiến của dân và hạn chế những việc bắt người vô cớ ức hiếp dân chúng của những kẻ có quyền thế. Trước tình thế quần đảo bị cô lập và dân chúng thiếu an tâm, ủy ban cứ phái đoàn về đất liền xin tiếp tế và vận động một số phụ nữ ra đảo lập nghiệp, xây dựng gia đình với anh em tù nhân cũ.

Trần Phẩm (cựu tù nhân) và giám thị Đức, hai thành viên trong ủy ban được giao nhiệm vụ này. Nhưng khi ấy Pháp đã chiếm Sóc Trăng nên họ không liên lạc được với ủy ban hành chánh Nam Bộ và không tìm được đồng chí Văn Cừ. Giám thị Đức ở lại Sóc Trăng, còn Trần Phẩm quay trở lại đảo với những tin tức làm nản lòng mọi người: Pháp đã chiếm hầu hết các tỉnh Nam Bộ, giao thông tắc nghẽn, không có triển vọng gì sáng sủa.

Khả năng Pháp tái chiếm Côn Đảo là có thật. Nhiều người đã bí mật tìm cách vượt đảo, mặc dù họ biết, nếu bị phát hiện hoặc đi không thoát sẽ bị Sơn Vương xử phạt rất nặng (9 tháng xà lim).

Thực dân Pháp tái chiếm Côn Đảo, lập lại nhà tù Côn Đảo

Ngày 18-4-1946, ba chiến hạm Pháp đã đổ bộ 2 đại đội bộ binh lên chiếm lại Côn Đảo. Mờ sáng, khi nước thủy triều đang lên thì chiến hạm Pháp bắn đại bác dọn đường. Ít phút sau, tàu đổ bộ cập bãi Nhà Thờ. Bộ binh Pháp, lính Âu Phi và cả lính bản xứ kéo về thị trấn theo đội hình hành quân. Tên tù gian Đoàn Công Thành đã kịp lên ra Sở Muối cung cấp tin tức và dẫn đường cho lính Pháp chiếm đảo. Cuộc hành quân tái chiếm không gặp trở ngại gì.

Sơn Vương tập trung dân chúng tại trụ sở để nghe ông đọc bản diễn văn bàn giao chính quyền. Đại úy Gimbe (Gimbert), người chỉ huy cuộc hành quân tái thiết không cần đến bản diễn văn ấy. Gimbe ra lệnh bắt giam Sơn Vương và bốn trăm cựu tù thường phạm còn lại.

Gimbe trở thành Giám đốc quần đảo và Nhà tù Côn Đảo, tên chúa đảo thứ 34 người Pháp. Gimbe có nhiệm vụ nhanh chóng khôi phục nhà tù Côn Đảo để đưa số tù kháng chiến đang đầy ắp ở Khám Lớn Sài Gòn ra đảo.

Tính cấp bách của việc tái chiếm quần đảo, khôi phục nhà tù là một lý do khiến cho người ta có thể hiểu được vì sao người Pháp lại phải dùng đến hai đại đội bộ binh, dưới sự yểm trợ của không quân và pháo binh đặt trên 3 chiếc tàu chiến, cùng với một đơn vị xe bọc thép để tấn công một hòn đảo không có lực lượng vũ trang, không có lấy một khẩu súng trường và công sự chiến đấu. Trong khi đó thì quân Pháp đang phải căng mỏng trên khắp các mặt trận ở đất liền.

Gimbe tiếp quản ngay được cơ ngơi đồ sộ của một nhà tù nổi tiếng ở Đông Dương. Côn Đảo còn nguyên dáng dấp của một thị trấn tù với những biệt thự tiện nghi cho quản ngục cùng với ba trại giam cỡ lớn và 30 sở tù rải khắp đảo đã từng chứa đến hơn 5.000 tù trong những năm trước. Trong

điện văn số NR-26 gửi ủy viên cộng hoà Pháp tại Nam Kỳ, Gimbe đã mô tả thực trạng Côn Đảo:

“Khi tôi đến, thì thấy tình trạng Côn Đảo rất khá quan. Nhà cửa còn nguyên vẹn, phố xá sạch sẽ, nhà nào cũng còn đồ đạc, nhà máy điện vẫn đang hoạt động. Bốn gác - dang quốc tịch Pháp còn ở lại với gia đình họ. Bốn thủy thủ người đảo Madagascar đã ra đi, số người còn lại ở lại đều khỏe mạnh. Họ không bị xử tệ quá đáng”.

Gimbe bắt tay vào việc củng cố lại nhà tù. Theo sau đội quân tái chiếm có cả những gác dang Pháp từng ở Côn Đảo và Khám Lớn trước đây. Những thầy chú (giám thị người Việt) có mặt ở Côn Đảo cũng được gọi ra làm việc lại.

Sau hơn một tháng củng cố lại bộ máy nhà tù, Gimbe đã tiếp nhận chuyển tù nhân kháng chiến đầu tiên, bị đày từ Khám Lớn Sài Gòn ra Côn Đảo vào cuối tháng 5-1946, gồm hơn 300 người.

Từ năm 1946 đến 1950, Côn Đảo chỉ có một loại tù án. Phần lớn họ là người tham gia kháng chiến bị thực dân Pháp bắt và đưa ra tòa án binh xét xử. Tháng 4-1951, thực dân Pháp mới bắt đầu đưa tù binh ra Côn Đảo. Phân biệt tù binh với tù án chỉ là sự phân biệt theo thủ đoạn cai trị của thực dân Pháp. Thực chất, họ đều là những người kháng chiến. Trong số tù án còn có tù án chính trị và tù án tư pháp (thường phạm), nhưng sự phân biệt rõ rệt nhất, và cũng là sự phân hóa sâu sắc nhất trong nội bộ tù nhân giai đoạn này là tù trung kiên và tù giam.

Tính đến ngày 31-12-1946, Nhà tù Côn Đảo có 784 tù nhân (Báo cáo nguyệt kỳ số 774P ngày 8-2-1947). Mọi sinh hoạt trên đảo đều dựa vào sức lao động của tù nhân, như việc sản xuất lương thực thực phẩm, công việc điện nước cho đến công việc thư ký, kế toán tổng hợp, sửa chữa máy móc các loại, sản xuất công cụ lao động, v.v... Đây là lối bóc lột tù nhân một cách triệt để của thực dân Pháp, nhưng đồng thời cũng là một lợi thế khi người tù ý thức được vị trí của họ.

Bộ máy điều hành nhà tù vẫn tuân theo Quy chế ngày 17-5-1916. Dưới quyền Giám đốc là Giám thị trưởng, kế đó là xếp banh và các chủ sở rồi đến giám thị Pháp, Việt. Bên cạnh đó có bộ máy hành chánh phục vụ cho nhà tù bao gồm Kho Bạc, Nhà Thương, Nhà Đền, Sở Dây Thép, Sở Cò (hiển binh), Sở Rờsec (truy tầm tù trốn), Trường tiểu học Pháp Việt, hợp tác xã tiêu thụ... Trong bộ máy hành chính này thì Chủ sở Kho Bạc có vị trí quan trọng ngang với Giám thị trưởng, có thể thay thế khi Giám đốc vắng mặt.

Chế độ khổ sai, chế độ kỷ luật của nhà tù và sự tàn bạo của gác ngục Pháp nhìn chung không có gì khác trước Đốn củi, kéo gỗ, dọn tàu, mò san hô, sửa pha Bảy Cạnh hay đập đá, làm đường... vẫn là những công việc khổ sai rùng rợn. Đòn roi như cơm bữa, xiềng đơn, xiềng đôi xiềng tạ, xà lim, hàm đá, cấm cố, biệt lập là những hình thức phổ biến để trấn áp người tù. Vẫn cảnh đánh phủ đầu từ cầu tàu, bắt ngồi cúi đầu điểm danh bằng cách gõ cù ngoéo lên đầu; vẫn trần truồng “múa phượng hoàng” cho chúng xét khi qua cửa. Tù nhân kháng chiến đã phải đổ khá nhiều máu để chống lại những lối hành hạ man rợ ấy.

Gác ngục thì mỗi tên một vẻ hung ác. Vidan, Pôn Henri, Ăngđơrê, Loadô, Saden thích đánh tù như một thú tiêu khiển. Không thấy máu tù chảy là chúng ăn cơm không ngon. Lanh ghê thường dùng cù ngoéo có đóng đinh, đánh vào đầu là đứt thịt, toé máu. Noócmăng đánh tù bằng bất cứ thanh sắt, khúc củi hay hòn đá nào mà hấn vớ được. Bênarét là hung thần Sở Củi. Hấn dừng đánh đến chết một tù nhân ngay tại sân củi vì không chịu nộp đủ mức khổ sai vào tháng 11-1948.

Có những tên say máu như Giuyếcvave đuổi bắn một tù nhân tay không gục ngã rồi còn cố bắn hết hai băng đạn vào đầu nạn nhân. Tên Nôvắc, chủ Sở Rờsec, có đủ kiểu tra tấn tàn bạo, đến nỗi bọn giám thị thường đem hấn ra để dọa tù nhân: “Chùng chúng mày muốn gặp Vô vắc phải không?”.

Nhưng bộ máy nhà tù cũng phân hoá rất sớm. Giám thị trưởng Túttu đã lâu năm ở Côn Đảo, thạo nghề coi tù và có nhiều kinh nghiệm điều hành. Túttu được lòng nhiều giám thị Việt Nam và gác dang Pháp. Họ làm theo

bốn phận hơn là hận thù. Họ hiểu tù kháng chiến là những người thật sự yêu nước và có nhân cách. Họ giữ được cảm tình và sự tôn trọng đối với tù chính trị trước đây.

Số gác dang hung ác như Vidan, Noóc măng, Pôn Hiền, Saden, Loadô, v.v... thì tập hợp xung quanh Giám đốc Gimbe và chủ kho bạc Phờ rê den, ngấm ngấm chuẩn bị một kế hoạch vu cáo phe Tút tu với tội danh “thân Việt Minh”.

Lớp tù kháng chiến đầu tiên mới đến Côn Đảo hơn một tháng đã phải đổ máu và điều đứng vì mưu mô thanh trừng nội bộ của bọn thống trị. Chuyến tàu đổ bộ chở trên ba trăm tù nhân đầu tiên cập bãi Nhà Thờ vào trưa 27-5-1946. Phần lớn tù nhân ra chuyến này là người kháng chiến, trong đó có 56 người mang án tử hình và 22 chiến sĩ Vệ Quốc đoàn thuộc Đại đội Ký Con bị bắt trong trận tiến công chiếm lại đảo Cô Tô (vịnh Bắc Bộ) tháng 11-1945.

Thực dân Pháp không áp dụng quy chế tù chiến tranh mà xử họ tại các toà án thực dân giống như chúng đã áp dụng đối với những chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang Nam Bộ. Đại đội trưởng Lê Phú và trung đội trưởng Nhân Ngọc Bình bị kết án tử hình (sau giảm xuống chung thân), 20 chiến sĩ bị kết án chung thân khổ sai. Nhiều người bị kết án khi chưa đủ tuổi thành niên như Đặng Ngọc Bình (số tù C.11347), Phùng Như Hồ (C.11351), Đặng Thừa Hiền (C.11311), Nguyễn Văn Sỹ (C.11310)...

Những người bị bắt trong buổi đầu thang Pháp tại mặt trận Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn hầu hết là thanh niên, trí thức xuất thân từ học sinh, sinh viên, công nhân viên chức. Có người đã tham gia trong cao trào Cách mạng tháng Tám, có người mới giác ngộ trong những ngày đầu kháng chiến; song, trong thời điểm cách mạng “một ngày bằng hai mươi năm” họ đã trưởng thành vượt bậc và có bản lĩnh chính trị vững vàng. Họ đã chiến đấu gan góc trên mặt trận và bị bắt trong những trận giao tranh không cân sức.

Trước đòn tra tấn của mật thám cũng như trước toà án thực dân, họ tỏ rõ khí phách của người dân một nước độc lập chống cuộc xâm lăng của bọn thực dân. Tư thế Của người công dân nước Việt Nam độc lập và lòng tin sắt

đá vào Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh là nguồn sức mạnh to lớn, tạo nên dáng vóc của người tù kháng chiến. Lời thề với non sông thà chết không chịu làm nô lệ, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh đã thực sự trở thành ý chí sắt đá của họ.

Trước khi ra Côn Đảo, họ đã trải qua một cuộc đọ sức quyết liệt và một thời kỳ hoạt động sôi nổi ở Khám Lớn Sài Gòn. Những người tù kháng chiến vào Khám Lớn khi chế độ cặp rảnh còn ngự trị. Bọn quản ngục sử dụng những tay “anh chị” trong làng “đao búa” làm cặp rảnh để duy trì kỷ luật, trật tự, vệ sinh. Mỗi cặp rảnh lại tập hợp một lũ đàn em từng có án cướp của, giết người, sẵn sàng dâm thuê chém mướn. Các tay “anh chị” sau khi dám ăn thua đủ với nhau mới phân ngôi thứ rồi chia nhau cai trị các khám. Khám 1 có Tư Bé, Khám 2 có Tư Giàu, Mười Võ Sỹ, Khám 3 có Tư Ba Đào...

Chế độ cặp rảnh là thủ đoạn dùng tù trị tù, là sự thỏa hiệp giữa các cai ngục và “tù anh chị” để trấn áp và bóp nặn người tù. Đó là lối áp bức, bóc lột tinh vi, vô hạn định và không bị ràng buộc bởi bất cứ qui chế nào. Lực lượng tù chính trị do các anh Phan Trọng Bình, Vũ Huy Xứng lãnh đạo đã tổ chức lật đổ chế độ cặp rảnh. Hạt nhân của lực lượng đó là Đội xung kích, gồm những người can đảm và giỏi võ thuật. Đó là những chiến sĩ quyết tử, đội viên các Ban công tác thành, các chi ấn sĩ Cô Tô...

Cuộc tấn công vào bọn cặp rảnh đã nổ ra vào sáng ngày 12-3-1946, đầu tiên tại Khám I. Bọn cặp rảnh và tay chân bị chặn đánh bất ngờ ngay khi chúng xúm vào tranh cướp đồ thăm nuôi của tù nhân. Với dũng khí áp đảo lực lượng xung kích đã giao tranh kịch liệt với bọn cặp rảnh.

Bọn chúng bị đánh mẻ đầu, sứt trán phải quỳ lạy, xin những người tù kháng chiến tha tội chết. Đúng lúc đó thì bọn gác dang đến can thiệp.

Đại diện tù nhân đã đứng ra vạch rõ tội ác chồng chất của bọn tù lưu manh và yêu cầu bãi bỏ chế độ cặp rảnh, để tù nhân tự bầu lấy đại biểu của mình. Trước khí thế của tù nhân và những chứng cứ không thể chối cãi được, bọn thống trị phải đồng ý với yêu sách hợp lý của họ.

Trưa hôm ấy, trong khí thế hùng hực cách mạng, tù nhân Khám 1 đã bầu ra đại biểu một cách dân chủ. Anh Lương Văn Thắng được bầu làm đại diện của Khám 1. Ngoài ra, anh em còn bầu ra Ban trật tự, Ban xã hội, Ban bình dân học vụ, Hội đồng hoà giải tù nhân. Chế độ dùng tù đàn áp tù đã chấm dứt. Không còn cảnh tranh cướp trong các bữa ăn, cảnh bài bạc, hút xách, đấm bóp nữa. Ngày thăm nuôi, Ban xã hội trải chiếu chiếu lớn gần cửa. Ai có đồ tiếp tế đều tự nguyện để lại trên chiếu một phần, Ban xã hội sẽ chia đều cho những người không có. Chiếu làng trở thành một nét truyền thống đẹp, là biểu tượng cho tình thương yêu, nhường cơm sẻ áo của người tù kháng chiến.

Các anh Phan Trọng Bình, Vũ Huy Xứng tiếp tục tổ chức lực lượng và đổi quân đi các khám khác để thực hiện “nền dân chủ khám đường trên phạm vi toàn Khám Lớn. Bên cạnh hai anh còn có anh Tường Dân Bảo, một người cách mạng giàu lý luận và dày dặn kinh nghiệm đấu tranh ở nhà tù Côn Đảo trước đây. Được bổ sung bằng cả tinh thần và lực lượng của Khám 1, các Khám 2, 4, đã lần lượt đánh đổ, bầu ra đại biểu của tù nhân.

Do tương quan lực lượng tại chỗ, có khám phải làm tới lần thứ 2, thứ 3 mới lật đổ được chế độ cặp răng. Riêng Khám III, anh Vũ Huy Xứng đã đổi lên đó và tranh thủ được cặp răng Tư Ba Đào. Sau bảy ngày đêm ‘tâm sự’, Tư Ba Đào đã cảm phục và tôn những người kháng chiến vào bậc các “Anh Lớn”. Việc Tư Ba Đào đoạn tuyệt với quá khứ giang hồ, theo gương các “Anh Lớn” đã ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình đoàn kết giữa tù thường phạm và tù kháng chiến ở Khám Lớn Sài Gòn trước đó và ở Côn Đảo sau này. Cuộc đấu tranh lật đổ chế độ cặp răng và thực hiện nền dân chủ khám đường tại Khám Lớn Sài Gòn được tù nhân kháng chiến gọi là cuộc “Cách mạng khám đường”.

Anh Huỳnh Tấn Phát, một trí thức yêu nước được cử làm Tổng đại diện đầu tiên của toàn thể tù nhân Khám Lớn. Thực hiện khẩu hiệu “Biến khám đường thành học đường”, các lớp chính trị, lý luận quân sự, võ thuật, bình dân học vụ ngăn ngày được mở tại các khám. Hoạt động báo chí, văn nghệ, âm nhạc của tù nhân cũng phát triển sôi nổi chưa từng thấy. Mô hình tổ

chức và hoạt động của tù nhân Khám Lớn. được những người tù kháng chiến áp dụng thành công ở Côn Đảo.

Cuộc nổi dậy chống chế độ cạp răng và thiết lập “nền dân chủ khám đường” ở Khám Lớn Sài Gòn có ảnh hưởng sâu sắc đến cả một thế hệ tù nhân kháng chiến từ Khám Lớn đến Chí Hoà ra tới Côn Đảo. “Cách mạng khám đường” và những thành quả của nó là khúc dạo đầu của bản anh hùng ca Côn Đảo thời kỳ 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954).

“Vu âm mưu” đẫm máu

Chuyến tù kháng chiến đầu tiên bị lưu đày ra đảo lúc cuộc đàm phán Pháp - Việt sắp mở tại Phôngtenơbơlô (Fontainebleau - Paris). Chúa đảo Gimbe thuộc phái thực dân hiếu chiến. Hắn đón những người tù kháng chiến bằng trận đòn thù với hèo mây, cù ngoéo, báng súng khi họ bị giải từ bãi Nhà Thờ về Banh I. Ngày hôm sau, chưa hết cái đau ê ẩm của đòn roi và sóng biển, đoàn tù áo xanh lại phải ra dọn tàu, một loại công việc khổ sai nặng nhọc. Họ phải làm quần quật từ sáng sớm đến đêm khuya dưới ngọn roi và báng súng trong ba ngày đêm ròng rã.

Giám đốc và Xếp chánh thường xuyên có mặt để đốc thúc việc dọn tàu. Bọn gác ngục được dịp thẳng tay đánh tù cho vừa lòng Giám đốc và cũng là để dẫn mặt, răn đe. Máu tù nhân đổ dài trên đường vận chuyển lương thực, thực phẩm, vật liệu từ cầu tàu về kho chứa vài ngày sau đợt dọn tàu, đoàn tù kháng chiến được phân bổ về các sở, trong đó một số người có văn hoá được đưa ra làm thư ký văn phòng, bồi bếp.

Buổi đầu chưa có tổ chức và lãnh đạo thống nhất, tù kháng chiến tự động liên hệ với nhau, cứ ra đại diện để giao thiệp với nhà tù và cắt đặt trật tự, vệ sinh trong khám. Kinh nghiệm đấu tranh ở Khám Lớn đã giúp họ có ý thức ngăn chặn ngay việc lập lại chế độ cặp răng ở Côn Đảo.

Tù kháng chiến phần lớn là thanh niên đang sục sôi khí thế cách mạng, vào tù vẫn còn hừng hực lời thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Vừa ra đến Côn Đảo, nhiều người đã tìm cách vượt ngục về tiếp tục tham gia kháng chiến. Táo bạo hơn, một số người đã tính đến cả chuyện bạo động cướp đảo. Chủ trương bạo động do một nhóm tù nhân gồm cụ Tú Oanh và các anh Phạm Gia, Trúc Quỳnh khởi xướng.

Cụ Tú Oanh (Võ Oanh) làm bồi ở trại lính, biết rõ lực lượng phòng thủ và quy luật hoạt động của bọn lính. Gần 2 đại đội lính tham gia tái chiếm Côn Đảo đã rút về gần hết để phục vụ kế hoạch đánh lấn ra Bắc Bộ. Trại

lính Côn Đảo chỉ còn vẹn vẹn 18 tên. Buổi chiều chúng thường để súng trong trại rồi rủ nhau đi tắm biển; trừ vài tên làm nhiệm vụ canh gác. Cụ Võ Oanh nêu phương án cướp súng, bắt tốp lính gác vào thời điểm bọn lính đi tắm biển; cùng lúc ấy cho nổ tung nồi hơi Nhà Đền, phát lệnh bạo động.

Anh Trúc Quỳnh làm bồi bếp lại đề xuất phương án đầu độc hàng loạt bọn lính và gác dang. Nếu 2 phương án trên không thực hiện được thì sẽ chờ dịp cướp tàu khi có điều kiện thuận lợi. Nhóm bạo động đã liên hệ với một số tù nhân ở các cơ sở để bàn việc tổ chức và bố trí lực lượng.

Trong tương quan lực lượng lúc đó, việc cướp đảo không mấy khó khăn. Lực lượng phòng thủ của địch chỉ có 18 tên mà ta đã nắm rõ quy luật hoạt động và những sơ hở của chúng. Gác ngục Pháp, Việt chưa đầy một trăm tên, trong đó quá nửa là thầy chú người Việt đã có sự phân hoá từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, còn lại non nửa là gác dang Pháp vừa ra đảo mà nội bộ đang lục đục mâu thuẫn. Tàu tuần tiễu và tiếp tế cho Côn Đảo trong tháng 6 rất thưa thớt.

Lực lượng tù nhân kháng chiến hầu hết là những chiến sĩ dám xả thân vì độc lập và tự do của Tổ quốc. Họ đã từng giáp mặt với đạo quân viễn chinh nhà nghề có xe tăng và đại bác yểm trợ, khi trong tay họ chỉ có tầm vông vạt nhọn và vài khẩu súng trường cũ kỹ. Đòn roi trong những trận khùng bố phủ đầu của nhà tù không dập tắt được niềm lạc quan của họ trước triển vọng Hội nghị Phôngtennơbolô sắp mở. Khát vọng độc lập tự do và ngọn cờ giải phóng Côn Đảo khi được phất lên sẽ khơi dậy sức mạnh xung thiên trong những người tù kháng chiến. Sức mạnh ấy đã có dịp chứng tỏ hơn một lần kể từ cuộc “Cách mạng khám đường” tại Khám Lớn Sài Gòn.

Việc cướp đảo thì dễ nhưng trở về đất liền bằng phương tiện gì mới là việc khó. Ở lại lập chiến khu ở Côn Đảo thì không thể được. Bởi thế, chủ trương bạo động đã dừng lại trong ý đồ của một nhóm, trên dưới chục người. Nhóm này cũng chưa đi đến một quyết định bạo động theo phương án nào và cũng chưa có sự chuẩn bị gì cụ thể.

Cuối tháng 6-1946, trong lúc nhóm chủ trương bạo động còn chưa ngã về phương án nào thì một vài nhóm khác đã tổ chức vượt ngục. Chuyển thứ

nhất của các chiến sĩ Cô Tô do các anh Đỗ Văn Chung và Đặng Trung tổ chức. Năm người ra đi không để lại dấu vết gì, sau mới biết các anh đã hy sinh trên biển. Chuyến thứ 2 do Nguyễn Thanh Trang ở Sở Tiêu tổ chức thì bị bắt lại gần hết: còn một người bị chết khô trên Núi Chúa. Sau 2 chuyến vượt ngục ấy, nhóm bạo động đã từ bỏ ý định cướp đảo và chuyển hướng sang khả năng chuẩn bị vượt ngục khi điều kiện cho phép.

Song, khuynh hướng bạo động vẫn âm ỉ lan truyền trong một số tù nhân trẻ tuổi. Bọn chúa ngục sử dụng một số thường phạm cũ để nghe ngóng, rình mò và khống chế tù kháng chiến. Đoàn Công Thành, Nguyễn Thành Út, Lê Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Tốt là những tên tay sai đắc lực. Cuối tháng 6, bọn tù gian đã báo cáo cho chủ sở Noóc măng tin tức về tù nhân Trần Kỳ ở Bản Chế đã bí mật trao đổi với một số tù nhân về chủ trương cướp đảo. Trần Kỳ bị bắt ngay đêm ấy.

Giám thị trưởng Tút tu cũng bị bắt và bị quản thúc tại trại lính. Được sự đồng tình của Gimbe, phái đối lập với Tút tu gồm chủ kho bạc Phơrêgien, chủ Sở Rờsec Nôvắc, chủ sở Bản chế Noóc măng, chủ Sở rẫy An Hải Vidan đã lợi dụng cơ hội này để thanh toán Tút tu. Chúng phát hiện ở hợp tác xã tiêu thụ đang thiếu 2 bao đường và tung dư luận về việc Giám thị trưởng “thân Việt Minh”. Cả bọn vào hòa với nhau, dựng lên chuyện Tút tu ăn cắp 2 bao đường để tiếp tế cho tù kháng chiến chuẩn bị âm mưu bạo loạn nhằm lật đổ chính quyền trên đảo. Giám thị Liền và bà vợ giám thị Cơ có quan hệ thân mật với Tút tu cũng bị chúng bắt giam với tội danh thông đồng với tù nhân cướp đảo. Chúng đánh chết anh Trần Kỳ mà không moi được chứng cứ gì.

Giữa lúc đó thì tên tù gian Lê Trọng Nghĩa chỉ điểm cho bọn chúng vây bắt cuộc vượt ngục của nhóm tù nhân Sở Tiêu và Sở Củi. Một trong 8 người bị bắt đã khai rằng, họ có ý vượt đảo về liên hệ với ủy ban hành chánh Nam bộ để hỗ trợ cho kế hoạch giải thoát tù nhân. Như kẻ sắp chết đuối vớ được cọc, chúa đảo Gimbe ra lệnh thẳng tay tra tấn, tìm ra những người có liên quan và giao cho mấy tên tù gian Đoàn Công Thành, Nguyễn Thành Út và Lê Trọng Nghĩa dựng lên một cách giả tạo một vụ án được

mệnh danh là “vụ âm mưu cướp đảo” để lấy cớ mở chiến dịch khủng bố tù kháng chiến và lật đổ viên Xếp chánh Tút tu.

Đoàn Công Thành được dịp thi thố những thủ đoạn bỉ ổi, chỉ mặt hầu hết những người mà hẳn không ưa vào danh sách những tù nhân dính đến “vụ âm mưu”. Theo gợi ý của quan thầy, hẳn bịa ra cả một kế hoạch cướp đảo như: Mục đích cướp đảo là giải thoát tù nhân; bắt tất cả các giám thị chỉ trừ Tút tu; cướp súng đạn đem về kháng chiến. Mục tiêu tiến công là trại lính, Nhà Đền, Sở Cò, Sở Rờsec, Văn phòng Giám đốc, Trạm vô tuyến điện. Thời gian hành động là ngày 14-7-1946 (ngày Quốc khánh cộng hòa Pháp).

Trong kế hoạch bịa đặt của Đoàn Công Thành còn có cả “danh sách” ban tham mưu, đội cảm tử, “kế hoạch” rèn giáo mác của tù nhân sở Bản Chế, có “sơ đồ tác chiến” tấn công trại lính và một “danh sách” gác dang, thầy chú, viên chức, chủ sở được phân loại rõ sẽ giết tên nào tống giam tên nào cùng những “giao ước” đảm bảo an toàn cho Tút tu và hứa hẹn sự cộng tác sau khi cướp đảo thành công.

Tiếp theo kịch bản vụ âm mưu bịa đặt đó là những cuộc bắt bớ và tra tấn rùng rợn, 72 tù nhân lần lượt trải qua những cực hình tàn bạo, người thì bị trói treo cánh tay, rút lơ lửng trên xà nhà rồi bị đánh bằng roi cá đuối, roi gân bò cho đến ngất đi ; người thì bị chấn nước đến ngạt thở; người thì bị tra điện vào mang tai, dương vật; người thì bị quật vào ngực, vào gan bàn chân đến tàn phế suốt đời.

Gần hai chục chiến sĩ Cô Tô bị tra tấn đến chết đi sống lại nhiều lần, mặc dù họ không hề biết gì về kế hoạch cướp đảo. Họ bị nêu tên trong “danh sách đội cảm tử” mà Đoàn Công Thành đã bịa ra. Điều này có vẻ hợp lý vì bọn nhà tù đều biết họ thuộc một đơn vị Vệ Quốc đoàn đã từng gây nhiều sóng gió cho quân viễn chinh Pháp ở vịnh Bắc Bộ. Trong đợt khảo cung này, anh Trần Nhật Quang bị đánh lòi một con mắt, anh Trần Văn Thính bị đòn hiểm nên mang bệnh và chết sau đó ít ngày.

Bọn gác ngục đã nhẫn tâm dùng máu xương của tù nhân để thanh toán, hãm hại nhau. Bằng chứng là chúng đánh đập hết sức dã man để truy ép tù

nhân buộc phải nhận là có âm mưu cướp đảo và bắt tất cả giám thị, trừ Túttu.

Anh Trần Văn Sở, một người tù thường phạm từng nhiều lần vào tù ra tội đã than thở rằng anh chưa bao giờ gặp một chế độ lao tù tàn ác, nghiệt ngã một cách vô lối như vậy. Anh tính sẽ đâm chết vài tên gác dang khát máu, rồi thì tự vẫn hoặc chịu chết cách nào cũng được. Sau nghĩ lại, anh không nỡ để địch có cơ khủng bố tù nhân nhiều hơn, vì thế, anh chọn cái chết bằng cách tự vẫn để ngăn chặn tội ác của kẻ thù. Đêm 10-7-1946, Ba Sở treo cổ trên song sắt cửa tậmbua tại Khám 8 Banh I. Cái chết của anh là lời cảnh cáo đanh thép đối với âm mưu bịa đặt để khủng bố tù nhân.

Cùng một tâm sự với anh Ba Sở, Tư Tỷ cũng treo cổ tự vẫn nhưng không chết vì bộ quần áo mà anh dùng để buộc dây thòng lọng đã mục nát. Thòng lọng đứt, anh rơi xuống sàn khám. Bọn gác dang phát hiện, Xông vào lột hết quần áo và tịch thu tất cả đồ còn lại. Chúng lừa hết tù nhân trong vụ âm mưu xuống Hàm xay lúa; họ bị trần truồng và bị còng chân trên sàn xi măng lạnh cóng. Tư Tỷ ân hận. Anh định chọn cái chết để góp thêm vào lời tố cáo nhằm chặn đứng tội ác của bọn giám ngục, không ngờ địch lại đày ải anh em nghiệt ngã hơn. Tư Tỷ thề sẽ không tự sát nữa mà ở lại cùng anh em tranh đấu.

Sau hơn một tháng tra khảo, bọn gác ngục chẳng thu được gì hơn, nhưng điều mà chúng cần là khủng bố, hành hạ tù nhân và lật đổ Túttu, đẩy về đất liền chờ ngày ra tòa thì đã đạt được. Phơrêden nhận chức Xếp chánh, Vidan được làm xếp Banh I. Noóc măng vẫn giữ chức Chủ sở Bản Chế béo bở. Chúng thiết lập một chế độ trị tù đẫm máu.

Bảy chục tù nhân còn lại trong “vụ âm mưu cướp đảo, phải làm khổ sai tại Banh I, dưới sự giám sát của những tên gác dang khát máu nhất như Vidan, Pôn Hiền, ăngđơrê, Loadô, Sa den... Sáng mở còng ra điếm danh là chúng đánh. Tên Pôn Hiền có lối điếm danh bằng cách gõ củ mây thật mạnh lên đầu người tù. Có lúc nổi máu cơn đờ, nó còn bắt người bị đánh phải kêu thành tiếng “binh... boong...” như tiếng chuông nhà thờ để làm vui, nếu không kêu thì nó đánh mãi. Ra đến nơi làm việc, tù nhân lại tiếp

tục bị đánh. Tên Vidan tuyên bố với kíp đập đá: “Một nhát búa không vỡ được hòn đá thì tụi bay vỡ đầu.”

Một kíp tù nhân khác phải đầm chà lán từ khu xà lim cuối sân dọc theo dãy khám 10-9-8-7-6. Đầm lán sân phía trước xong, chúng bắt xối sân sau lên đầm lại, cốt để hành hạ tù nhân chứ không chỉ là công việc khổ sai thuần túy. Đầm nặng bảy kí lô, bảy chục con người phải đầm theo một nhịp. Chêch choạc là ăn đòn. Đầm đi đầm lại, ngày này qua ngày khác. Chà lán xong rồi lại xối lên, tưới nước, đầm lại. Không ai có thể tính được mỗi thước sân nhà lao đã thấm bao nhiêu mồ hôi và máu của tù nhân.

Giờ tắm cũng được bọn gác ngục biến thành một kiểu hành hạ. Bảy chục con người chỉ có một giếng nước và chỉ được tắm trong năm phút. Đúng giờ, họ phải ào đến vây quanh giếng, người đứng, người khom, người ngồi, người múc nước gội hồi hồi. Loáng một cái đã hết giờ. Bọn ác ôn vung gậy xua họ ra khỏi giếng. Nhiều người nước chưa kịp thấm ướt thân thể mà máu đã phun đỏ miệng giếng.

Bữa ăn của tù cũng là cảnh cực hình. Cơm gạo hẩm và lẫn nhiều thóc sạn, ăn rất cả miệng. Cá khô mục đắng và mặn chát. Chỉ có 5 phút cho cả việc ăn lẫn uống. Trong khi ở các khám khác chúng bắt ăn cơm nguội, uống nước lạnh thì kíp này lại phải ăn cơm nóng và uống nước sôi. Họ đã phải làm cật lực, đầm mồ hôi dưới nắng hè tháng 7, chịu khát cháy cổ. Vậy mà đến bữa ăn, chúng lại đổ nước sôi vào khạp và bắt ăn uống trong vài phút. Họ vây quanh khạp nước bốc hơi ngùn ngụt nên không thể nào uống được.

Có tù nhân đã chết khát một cách thương tâm.

Anh Quý bị đánh đập nhiều nên sức cùng, lực kiệt. Không chịu được cách hành hạ trong bữa ăn như vậy, anh đành chịu khát vào khám. Đêm ấy khát quá, anh thêu thào bảo Nguyễn Văn Bảy, người bạn tù nằm cạnh đá cho uống. Nhưng Bảy cũng đang khát khô cả họng và chẳng có được giọt nước tiểu nào. Cả hai đều thiếp đi trong sự dày vò của cơn khát và nổi bất lực. Sáng ra, anh Quý đã chết khô cứng trong còng.

Khi thói bạo ngược đã thay thế cho quy chế thì tội ác cũng được nhân lên vô hạn. Bọn gác dang nghĩ ra đủ trò để hành hạ tù nhân. Trước khi vào khám, họ phải “múa phượng hoàng”, trần truồng, há miệng, chống hông, dặng chân cho chúng khám xét. Xong nó vục một gậy vào lưng đuổi vào. Dã man hơn, có đưa lại ngoáy cả gậy bắn vào miệng tù nhân. Có thằng lại bắt họ múa tiều cách cho vui mắt, múa không “đẹp” là bị đánh. Vào khám, tra nhân trong còng còn bị đánh một lần nữa khi chúng kiểm tra xem đã xô đủ chân trong còng chưa. Mỗi ngày có đến hơn chục trận đòn giáng xuống người tù. Đó là thời kì khủng bố đẫm máu.

Nhân “vụ âm mưu”, tù nhân các khám đi làm cũng bị ăn đòn nhiều, đau ốm đi khám bệnh cũng bị đánh đập. Những người bị nhốt trong khám tử hình chỉ còn chờ ngày đem bắn cũng bị ngược đãi như vậy. Anh Minh, một tử tù đã chết vì đói khát và bệnh tật trước khi anh bị hành quyết. 55 tử tù còn lại đã ghen ngào hát bài Chiêu hồn tử sĩ để tiễn anh về nơi an nghỉ cuối cùng.

Vào dịp Quốc khánh Pháp, 14-7-1946, mười tử tù được giảm án, khám tử tù còn 45 người. Thời Tút tu làm Giám thị trưởng, bữa ăn thỉnh thoảng còn có rau xanh. Từ khi xảy ra “vụ âm mưu cướp đảo” thì chúng cho ăn rất tồi tệ. Có tuần chúng cho tù ăn toàn tương chua; tuần thì toàn khô mực đắng, không có lấy một cọng rau. 45 tử tù đã nhất loạt tuyệt thực vào cuối tháng 7-1946. Đây là cuộc tuyệt thực đầu tiên của tù nhân tại Côn Đảo. Anh Nguyễn Văn Huệ được cử làm đại diện, trình bày yêu sách trước Giám đốc, đòi cho ăn rau xanh hàng ngày và cho ăn cá khô không mực.

Những yêu sách hợp lý và thật chẳng đáng bao nhiêu so với chế độ ăn, ngủ ghi trong quy chế nhà tù, nhưng Giám đốc Gimbe trả lời bằng cách vung gậy vục thẳng cánh lên đầu người đại diện rồi bỏ đi. Gimbe là một trong số những tên Giám đốc thích trực tiếp đàn áp tù nhân. Đến ngày thứ ba của cuộc tuyệt thực, tên Vidan ra lệnh đổ khạp nước của Khám tử hình và tuyên bố “cho chết luôn, khỏi phải bắn”.

Ngày thứ 4, anh Trí một tử tù (án tử pháp) không chịu nổi cơn khát nên đã gọi xếp xin nước uống. Cuộc tuyệt thực phải kết thúc dở dang. Riêng

anh Huệ tiếp tục nhịn ăn, mỗi ngày chỉ nhấp vài ngụm nước lạnh. Đến ngày thứ 15 anh mới chịu ăn, theo lời khuyên của nhiều đồng đội, để giữ sức cho những đợt tranh đấu khác.

Ngoài báo cáo chính thức của Giám đốc nhà tù, tin tức về vụ âm mưu cướp đảo bay về đất liền bằng nhiều đường: qua linh mục Nguyễn Văn Mậu và thư từ của nhiều gác dang, thầy chú. Bọn thống trị cũng không thể làm lơ về vụ này. Thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Thinh phải đích thân ra đảo thị sát. Nhân dịp giáp mặt hẳn, anh Trần Văn Trung đã tố cáo âm mưu bịa đặt ra “vụ Côngplô” và yêu cầu bọn thống trị phải đưa ra xét xử công khai vụ này, không được coi rẻ sinh mạng và nhân cách con người một cách dã man và phi pháp như vậy.

Một số tù nhân lại phản ứng theo kiểu khác. Khi Nguyễn Văn Thinh đến Hàm xay lúa hỏi tù nhân xem ai bị oan ức, ai cần kiến nghị gì thì cụ Võ Oanh đồng dục trả lời: “Xếp chánh giới thiệu Ông là đại diện cho Chính Phủ Nam Kỳ tự trị”. “Những người tù chính trị chúng tôi không công nhận chính phủ ấy. ông bảo cần kiến nghị gì Chúng tôi không có gì để kiến nghị! Nếu cần gì thì chúng tôi đề nghị với những người quản ngục ở đây, chính họ mới là kẻ có quyền thực sự ở đây”.

Sau chuyến đi kinh lý của Nguyễn Văn Thinh, mức độ khủng bố có giảm bớt. Gimbe bị triệu hồi. “Vụ âm mưu” được giải toả dưới triều Giám đốc mới. Những tù nhân vừa được giải toả đã bước vào thời kỳ tổ chức chặt chẽ và đấu tranh quyết liệt hơn.

“Vụ Côngplô” đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý về tổ chức và tranh đấu trong tù. Không thể đấu tranh thắng lợi khi chưa có tổ chức chặt chẽ. Việc bạo động võ trang ở Côn Đảo là hệ trọng, nó liên quan đến sinh mạng của hàng trăm, hàng ngàn con người. Chỉ cần vài người đặt vấn đề một cách phiến diện, chủ quan, lộ liễu là địch có cơ để khủng bố hàng trăm người khác.

Mặt khác, phải hết sức cảnh giác với bọn tù gian và những âm mưu đàn áp, giết hại tù nhân của bọn cai ngục. Bên cạnh những tổn thất xương máu, “Vụ âm mưu” đã để lại ý nghĩa lớn về nhân cách của người tù kháng chiến.

Họ chịu đựng mọi cực hình, song không ai khai báo hoặc nhận bừa những điều bị vu khống. Nhờ đó, “vụ âm mưu” được giải toả, Tút tu cũng được “giải oan”.

Trong những ngày bị khủng bố thê thảm nhất, tù nhân càng đoàn kết, yêu thương nhau hơn. Địch bắt đầm đá đều 1 nhịp, anh em tổ chức đầm theo 2 nhịp, ba nhịp giống như kiểu giã gạo chày đôi, chày ba để mỗi người có thể được nghỉ 1 nhịp hoặc 2 nhịp. Gác dang Pháp thường hay đánh đập vào cuối bữa đuổi tù nhân vào khám khi chưa kịp ăn hết khẩu phần cơm ít ỏi. Anh em đã thống nhất với nhau, đồng loạt vào ăn, ăn xong hết mới cùng đứng dậy, mặc cho chúng đánh.

Có bữa cụ Võ Oanh bị chúng đánh lưng đầu. Máu chảy đỏ ròng, cụ vẫn điềm nhiên ngồi ăn, không thay đổi sắc mặt. Những lần khổ sai hoặc điếm danh, cụ thuộc số người bị đánh nhiều nhưng không khi nào cụ cúi đầu hay tỏ cử chỉ run sợ. Cụ còn động viên anh em một cách khéo léo rằng: “Đừng thấy chúng đánh tôi mà mất tinh thần. Chúng đánh tôi, cốt là để khủng bố tinh thần anh em đó”. Cụ là một trong những tấm gương khích lệ lòng can đảm, giữ vững khí tiết và nhân cách của tù kháng chiến thời ấy.

Qua cuộc khủng bố quy mô lần này của bọn quản ngục, tù kháng chiến nhận thức rõ việc xây dựng tổ chức vững vàng chắc để đoàn kết, lãnh đạo khối tù nhân là công việc cấp bách. Một bộ phận cứu trợ tù nhân đã nhen nhóm và bí mật hoạt động qua 2 đầu mối quan trọng là anh Phạm Gia - “tù áo trắng” làm thư ký Kho Bạc và anh Trần Duy Giang, làm thư ký ở văn phòng Giám đốc. Nhiều tù nhân ở Nhà Thương, Sở Cui, Nhà Đền đã gửi phiếu tiền công lao động khổ sai cho hai anh để mua đường, sửa tiếp tế cho anh em ở Khám tứ hình và Hầm xay lúa. Thêm vào đó là đồ tiếp tế mà số anh em tù áo trắng đã vận động được ở những thầy chú, gác dang có cảm tình.

Cuối năm 1946, ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ liên lạc, gửi tiền và quà đến tay anh em tù Côn Đảo nhờ sự giúp đỡ của linh mục Nguyễn Văn Mậu. Việc tiếp tế và các tổ chức của tù nhân có điều kiện định hình và phát triển mạnh hơn trước.

Tận dụng cơ hội mới

Ngày 2-9-1946, chuyển lưu đầy thứ 2 (chuyển tù áo trắng) ra đảo. Đại úy Lê dương Hômechơ (Homecker) cùng ra trên chuyến tàu ấy và nhậm chức Giám đốc nhà tù ngay ngày hôm sau. Gimbe bị triệu hồi. Hile (Hilaire) được bổ nhiệm làm Xếp chánh. Hômechơ quốc tịch Pháp gốc Đức, tính tình ngay thẳng, chuộng lễ công bằng. Qua việc điều chỉnh chế độ cai trị, những người tù kháng chiến biết ông là đảng viên Đảng xã hội Pháp.

Giám đốc mới thị sát các khám giam đúng vào lúc hai tên hung thần Ăngđơrê và Loadô đang vung hèo mây quạt túi bụi xuống kíp tù đầm đá trong sân Banh I. Trước mặt tù nhân, Hômechơ đã bắt Ăngđơrê cùng Loadô đứng nghiêm để chịu khiển trách. Ông tuyên bố kể từ nay, gác dang không được đánh đập tù nhân nếu họ không phạm lỗi.

Chớp thời cơ đó, anh Lương Văn Thắng đã thay mặt tù nhân tố cáo chế độ khủng bố của nhà tù, sự tàn bạo của gác dang và vụ âm mưu bịa đặt để đàn áp tù nhân. Anh yêu cầu cải thiện khẩu phần ăn, chấm dứt ngược đãi, chữa trị cho những người đau yếu. Giám đốc hứa sẽ xem xét lại nội vụ để giải quyết.

Hômechơ giữ lời hứa. Ông xem lại toàn bộ hồ sơ vụ Côngplô. Ông nghe được nhiều lời tố cáo chế độ lao tù nghiệt ngã mà thực dân Pháp đang áp dụng ở Côn Đảo; thậm chí việc đối xử với những người kháng chiến Việt Nam còn tồi tệ hơn cả phát xít Đức đối với tù binh Pháp. Ông đã tận mắt thấy cảnh gác dang Pháp vô cớ hành hạ tù nhân. Ông được nghe những lời đề nghị quá đơn giản về việc cải thiện chế độ ăn, ở, tắm, giặt, chữa bệnh.

Đi thị sát các sở Bản Chế, Sở Cũi - Chuồng Bò, Chỉ Tồn, Sở Lưới... Hômechơ đều nghe tù nhân đều tố cáo giống như vậy. Ông còn được nghe một số gác dang có lương tâm và nhiều thầy chú phản ánh rằng tù kháng chiến là những người có văn hoá và nhân cách, rằng Tút tu bị vu khống...

Hôméhcơ đã công tâm điều tra và phúc trình về Cao ủy Pháp. Kết quả là Tú tu được miễn tố.

Phần lớn số tù nhân bị bắt bừa bãi trong vụ âm mưu đã được giải toả về các khám. Riêng 12 người bị khai là “Ban tham mưu” thì bị đưa về Khám 2 bổ sung vào kíp may quần áo tù, trong đó có cụ Tú Oanh, và các anh Tư Ba Đào Lương Văn Thắng, Nguyễn Văn Đường, Trần Văn Lai, Trần Văn Trung, Trần Văn Sứ, Tư Mách, Tư Tỷ... Hôméhcơ không coi những người tù kháng chiến là phiến loạn như cách nghĩ chung của bọn thực dân xâm lược bấy giờ và cũng không thích thú gì với chức vụ Giám đốc Côn Đảo. Buộc phải nhận nhiệm vụ, ông làm theo chức phận với thái độ riêng của mình. ông yêu cầu gác dang và các nhân viên dưới quyền làm đúng theo quy chế.

Hôméhcơ còn trực tiếp xem xét tình hình các tù phán bị phạt xà lim và hồ sơ án tiết của họ. Người nào quá yếu hoặc bị phạt lâu đều được giảm bớt. ông chấn chỉnh lại chế độ điều trị ở bệnh xá. Các tù nhân khai bệnh đều được khám và cho thuốc đúng bệnh. Bác sĩ Pốc (Po que) là người có lương tâm. Pốc đã tận tụy chữa cho mấy chục tù nhân bị ghẻ lở đầy người lúc đó. ông còn đề nghị tăng chế độ dinh dưỡng cho tù nhân, cho họ được tắm biển mỗi tuần một lần.

Tù nhân được gửi thư, nhận thư, tiền, bưu kiện. Anh Phạm Gia, thư ký chính ở Kho Bạc đã liên hệ được với anh ruột là Phạm Thiều và một người bà con là Phạm Ngọc Thuần, hai vị đó đều là ủy viên ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ. Nhờ đó, ủy ban đã gửi tin tức và tiếp tế được cho tù nhân Côn Đảo qua những bưu kiện gửi cho Phạm Gia, Lưu Văn Lê, Trần Duy Giang... Do vậy, đời sống và sức khỏe tù nhân sau vụ khủng bố đỡ phần nào bi đát.

Linh mục Nguyễn Văn Mầu cũng là một đầu mối liên lạc và tiếp tế quan trọng. Khi trực tiếp, khi gián tiếp ông nhận tin tức và tiền bạc, thực phẩm thuốc men của ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ chuyển ra Côn Đảo. Anh Nguyễn Ngọc Lân, thư ký Kho Bạc, và anh Quý giúp việc tại Nhà Thờ đã chuyển về để phân phát cho các cơ sở. Cha Mầu cởi mở với cả

tù nhân đạo gốc hoặc chưa theo đạo. Nhiều người tù kháng chiến khai là có đạo để được đi lễ vào ngày chủ nhật để có dịp gặp nhau trao đổi tin tức và bàn chủ trương hoạt động ngay trong Nhà Thờ.

Ba tháng cuối năm 1946, đòn roi, xiềng xích, phạt xà lim bớt hẳn đi. Sự thay đổi trong chế độ lao tù Côn Đảo ít nhiều phản ánh không khí chính trị ở Pháp lúc đó Liên minh cánh tả thuộc Đảng cộng sản và Đảng xã hội Pháp đã đánh bại Đảng cộng hoà bình dân trong cuộc bỏ phiếu thông qua bản Dự thảo Hiến pháp của nền cộng hoà thứ 4 (10-1946) và việc tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội vào ngày 10-11-1946.

Do chính sách cai trị thời Hô-mêch-cơ tương đối cởi mở, tù nhân ở nhiều cơ sở đã tự tổ chức bầu ra Ban tự quản (có nơi gọi là Ban quản trị). Người đại diện lúc đầu gọi là cặp răng, nhưng do anh em tù nhân bầu ra chứ không phải là nhà tù chỉ định. Có nhiều cặp răng là tù thường phạm đã giác ngộ lợi ích chung của tù nhân, phục tùng sự chỉ đạo của tập thể. Ổn định trật tự, sinh, tăng gia cải thiện, tổ chức tương tế, sinh hoạt văn hoá văn nghệ v.v... là những hoạt động chính của cặp răng và Ban tự quản.

Tù nhân đã vận dụng kinh nghiệm của cuộc “cách mạng khám đường” để không lặp lại chế độ cặp răng theo kiểu tù trị tù ở Côn Đảo. Phá hoại, lãn công là hình thức phản kháng của tù nhân được phổ biến từ rất sớm. Nhờ sự cảm thông của bác sĩ Pốc, số tù nhân lãn công bằng cách khai bệnh khá đông. Trung bình mỗi ngày có tới 50 người nghỉ ốm, tương đương với số lao động khổ sai ở một sở quan trọng như Bản Chế.

Tù nhân Sở Bản Chế nhiều lần phá hỏng máy canh để bọn gác ngục không có phương tiện tuần tra, đuổi bắt tù trốn. Tù nhân ở Nhà Đền làm hỏng, làm yếu nồi hơi, đến nỗi 3 máy phát, tổng cộng 75KVA mà khó khăn lắm mới đạt được 1/3 công suất thiết kế. Sở Rẫy thì không phát triển măng tây và các loại rau cao cấp theo lệnh Giám đốc mà trồng nhiều cà chua, rau xanh để chúng ăn không hết, phải đưa vào bếp Banh I. Tù Sở Lưới thường làm rách lưới, kéo được cá to thì hạ lưới cho cá quẫy ra, vì cá to chẳng bao giờ chúng để cho tù nhân ăn.

Giám đốc mới không can thiệp vào những sinh hoạt văn nghệ của tù nhân. Năm 1946, anh Hoàng Hữu mình, người tử tù vừa được giảm án, làm thư ký Sở rẫy Chuồng Bò đã khéo léo đề nghị tổ chức “Đêm văn nghệ mừng Chúa giáng sinh” và được Giám đốc đồng ý. Ngoài số gần trăm tù nhân Sở Củi - Chuồng Bò, còn có mấy chục tù nhân làm thư ký, bồi bếp và một số ở Chi Tồn. Nhiều gác dang Pháp và hầu hết thầy chú người Việt cùng vợ con họ đã đến xem. Những dịp giải trí như thế thật hiếm có trên hòn đảo này.

Đêm diễn mở màn bằng bài Thanh niên hành khúc, sau đó là điệu vũ Công chúa ngủ trong rừng. Bài hát Lên Đàng bưng bưng khí thế cách mạng đã chuyển tiếp từ điệu vũ sang vở kịch Nguyễn Trãi biệt Phi Khanh, nội dung vừa đượm tình cha con vừa nặng lời thề với non sông đất nước.

Vở diễn được nửa chừng thì chủ Sở Cò bắt dừng lại để báo cáo Giám đốc. Hẳn đề nghị Giám đốc có biện pháp đối với những tù nhân dám tổ chức diễn kịch “tuyên truyền cho Việt Minh”. Trái với thái độ hậm hực của tên chủ Sở Cò, Hô-mêchơ điềm nhiên trả lời rằng vụ này tù nhân đã xin phép và Giám đốc đồng ý, còn chuyện nội dung văn nghệ tuyên truyền cho Việt Minh là tất nhiên, bởi vì họ là tù chính trị, là Việt Minh. Đêm văn nghệ lại tiếp tục trong niềm hân hoan của tù nhân.

Tình thế đã đổi thay. Mới trước đó hơn 3 tháng, chúa đảo Gimbe đã phạt 3 tù nhân Sở Củi nhiều ngày xà lim, cơm nhạt, nước lạnh vì dám tổ chức đêm văn nghệ. Giám đốc Hô-mêchơ được tù nhân đặt cho biệt hiệu là “Đại úy Việt Minh”. Sau đêm văn nghệ ở Sở Củi - Chuồng Bò, tù nhân lại ráo riết chuẩn bị chương trình văn nghệ mừng xuân Đinh Hợi (1947). Trong dịp đó có 14 tù nhân được ân xá đã trở về đất liền trên tàu Goeland ngày 31-1-1947. Họ là những người tù cũ, được đại úy Gimbe đề nghị ân xá từ tháng 5-1946. Tết năm ấy, tù nhân được yên.

Giám đốc Hô-mêchơ đã ghi trong báo cáo nguyệt kỳ, số 774P, ngày 8-2-1947: “Người Việt Nam tổ chức ăn Tết Nguyên đán. Việc tiếp tế đến đúng lúc, trước đó 2 ngày...” “... Tù nhân đã cử hành lễ Tết. Không có việc gì

xảy ra.”.“... Những sự kiện xảy ra ở Bắc kỳ không có tiếng vang trong số dân tự do cũng như trong tù nhân”.

Sự kiện xảy ra ở Bắc Kỳ mà Hô-mêch-cơ nói tới đây chính là cuộc kháng chiến của nhân dân cả nước, bắt đầu từ đêm 19-12-1946 tại thủ đô Hà Nội.

Cuộc đấu tranh của tù nhân Côn Đảo cũng bước sang một giai đoạn mới. Bầu không khí “dễ thở” dưới thời “Đại úy Việt Minh” kéo dài không lâu. Phái hữu ngày càng thẳng thắn trong chính phủ Pháp. Bọn thực dân ở Đông Dương đưa ra Côn Đảo những tên Giám đốc nhiều thủ đoạn hơn, không đến mức dâm ô, tàn bạo một cách trắng trợn như Gimbe, nhưng cũng không nương tay với tù nhân như Hô-mêch-cơ. Những tên Giám đốc sau này vừa độc ác, tàn nhẫn lại vừa thạo các thủ đoạn lừa mị tinh vi, thâm độc.

Chương 5

CÔN ĐẢO TRONG BƯỚC CHUYỂN MÌNH CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN (1947 - 1949)

Những thủ đoạn mới của thực dân Pháp

Tháng giêng 1947, Chính phủ Ramadiê (Ramadier) lên cầm quyền ở Pháp. Ramadiê dựa vào viện trợ Mỹ, củng cố thế lực của giai cấp tư sản phản động, gạt tất cả các bộ trưởng cộng sản ra khỏi chính phủ và tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Chính phủ Pháp cử Bôlae làm Cao ủy Đông Dương với sứ mệnh nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh bằng cách dùng lực lượng quân sự đè bẹp lực lượng võ trang và Chính phủ kháng chiến, dọn đường đưa Bảo Đại về nước, lập chính phủ bù nhìn.

Tháng 5-1947, Cao ủy Bôlae cử đại úy lê dương Bruylê (Jacques Brulé) làm Giám đốc Côn Đảo. Bruylê có bằng cử nhân Văn chương, có tham vọng để lại dấu ấn của một thời làm quan cai trị ở Côn Đảo. Hắn tỏ ra quan tâm đến đời sống tù nhân, hạn chế đánh đập, tăng cường bóc lột khổ sai bằng các biện pháp vật chất và tinh thần tinh vi và xảo quyệt.

Nhân dịp Bộ trưởng Bộ hành động xã hội và bình dân của Chính phủ bù nhìn Nam Kỳ công cán tại Côn Đảo Bruylê đã đề nghị tăng tiền công lao động khổ sai cho tù nhân. Theo Nghị định ngày 16-11-1916 của Thống đốc Nam Kỳ thì mỗi ngày công lao động của tù nhân được trả 3 xu, trong đó một xu nộp lại cho ngân sách Nam Kỳ, một xu vào quỹ lưu ký. Người tù chỉ được lãnh một xu dưới dạng tích kê mua hàng ở hợp tác xã tiêu thụ của nhà tù. Người tù khỏe mạnh, đi làm suốt tháng lãnh được 26 xu.

Thời giá lúc ấy, theo lời Bruylê thú nhận trong báo cáo thì tù nhân có lao động cả năm cũng chỉ đủ tiền mua 2 bao thuốc lá. Trước đó, Giám đốc Oóchéchơ đã đề nghị trả từ 9 đến 12 xu cho một ngày công. Nay Bruylê đề nghị tăng lên ít nhất là 10 lần (tức 30 xu cho một ngày công). Ngày 8-11-1947, Thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Xuân đã ký quyết định tăng đồng loạt tiền công của tù nhân lên 40 xu một ngày, không kể tính chất nặng nhẹ của công việc.

Bruylê cho phép các tù nhân có tiền ký gửi ở phòng lục sự kế toán được rút dần để mua hàng, mỗi tháng không quá 30 đồng. Đối với kíp tù sản xuất đồ mỹ nghệ bằng đồi mồi, sò ốc, sừng và gỗ quý, y cho phép chủ sở trích lại một phần sản phẩm làm phần thưởng để kích thích lao động. Y cho mở cửa thư viện và phòng đọc báo, cử 2 tù nhân là Lương Văn Thắng và họa sĩ Nam Hải trông coi. Thư viện và phòng đọc dành cho viên chức nhà tù nhưng cho phép tù nhân đến đọc trong ngày nghỉ. Bruylê còn tổ chức chiếu phim, cho phép một số tù nhân “có hạnh kiểm tốt” được đi xem và sửa sang lại sân khấu, cho phép tù nhân diễn kịch; xin thêm dụng cụ thể thao để giải trí, sử dụng nhiều tù nhân có văn hoá làm thư ký, bồi bếp và làm việc ở các sở ngoài. Một số tù nhân được giao nhiệm vụ tập hợp tư liệu ở thư viện và lưu trữ của nhà tù để giúp Bruylê viết một cuốn sách về Côn Đảo. Chỉ trong vòng mấy tháng, cuốn Poul Condore (Côn Đảo) đã hoàn thành và đưa in tại nhà in T.F.E.O ở Sài Gòn (12-1947).

Vừa sử dụng các biện pháp mị dân để bóc lột khổ sai, Bruylê đồng thời siết lại kỷ luật của nhà tù. Ngay trong tháng đầu nhận chức, y đã phạt xiềng và xà lim 30 tù nhân. Xiềng và xà lim là 2 hình phạt phổ biến trong hơn 2 năm đương nhiệm của y. Giờ đi làm khổ sai, hàng chục tù nhân bị phạt kéo lê xiềng trên những con đường đá lổm nhổm. Tiếng kim khí va vào đá nghe đến rợn người. Bụi cuốn lên từng đám.

Được tận mắt nhìn cảnh tượng rùng rợn ấy trong chuyến đi công cán tại Côn Đảo, Bộ trưởng Bộ hành động xã hội và bình dân đã đề nghị bãi bỏ hình phạt xiềng tay chân, “bởi vì nó là một hình phạt chà đạp lên nhân phẩm và vô hiệu”¹.

Bruylê còn có ý đồ khôi phục lại Hầm xay lúa, một nhục hình khổ sai đày ải tù nhân tàn bạo như thời trung cổ. Y giao cho chủ sở Bản Chế thiết kế và tìm thợ đóng cối. Kíp thợ mộc đã từ chối, viện cớ là không biết đóng. Họ chẳng đại gì tiếp tay để bọn chúa ngục lập lại hình phạt rùng rợn có một không hai ở nhà tù này.

1. Báo cáo số 2589/1VIL/DAA ngày 5-8-1947 của Tổng nha hành chính. Hồ sơ của Trung tâm Lưu trữ Nhà nước II.

Nhà tù Côn Đảo lúc ấy đang khủng hoảng trầm trọng về nhân lực. Tính đến ngày 31-5-1947, nhà tù chỉ còn 606 tù nhân (phúc trình tháng 5-1947 số 1033-P). 44 tù nhân thuộc đối tượng nguy hiểm không được ra khỏi trại; 26 tù nhân được chọn vào Sở Rờsec (truy tìm ít trốn); 29 tù nhân làm thư ký các loại; 95 người làm bồi bếp và lao động khổ sai. Mỗi sở tù khổ sai trước năm 1945 có hằng trăm lao động, nay chỉ còn đủ nhân lực tập trung vào một vài sở thiết yếu, mỗi sở vài chục người.

Theo phúc trình tháng 5-1947:

- Sở rẫy An Hải: 71 tù nhân
- Sở Bản Chế: 51 tù nhân Sở Củi: 47 tù nhân Sở Vệ Sinh: 27 tù nhân ‘
- Sở Chăn Nuôi: 25 tù nhân
- Sở Lưới: 21 tù nhân

Các sở khác chỉ có dăm ba người tù. Tình trạng thiếu nhân lực đã ảnh hưởng đến mọi hoạt động của nhà tù. 44 tù nhân mãn án được đưa về Sài Gòn ngày 10 5-1947 và tiếp theo một danh sách gần 50 tù nhân chuẩn bị rời đảo đã được Bruylê coi là “khủng hoảng trầm trọng”, “ảnh hưởng xấu đến tình trạng nhà tù”.. Y khẩn khoản yêu cầu: “Phải tăng con số phạm nhân lên rất nhiều... Khẩn thiết gửi ngay cho chúng tôi một đợt phạm nhân khá đông, như vậy vừa có thể giảm bớt được kinh phí chung, vừa nâng cao được năng suất lao động”.

Bọn thực dân đầu sỏ không để Bruylê phải nhắc nhiều. Côn Đảo là một nhà tù lý tưởng ở xứ Đông Dương, dành riêng cho những người tù nguy hiểm. ở đó, người tù hoàn toàn bị cô lập khỏi xã hội và phong trào cách mạng. Lao động khổ sai và kỷ luật của nhà tù sẽ đẩy ai họ chết dần chết mòn về thể xác và tinh thần. Chuyển tù thứ 3 đày ải gần 400 tù nhân từ Khám Lớn Sài Gòn ra Côn Đảo ngày 6-8-1947 đã nâng số tù Côn Đảo lên 960 người.

Bruylê cho sửa sang lại nhà giam Sở Muối để thay thế cho nhà giam Sở rẫy An Hải sắp sụp đổ; tăng thêm nhân công cho sở Bản Chế để đóng một chiếc xà lan gỗ trọng tải 40 tấn phục vụ việc chuyển hàng từ tàu lớn vào bờ. Một kíp tù nhân khác được huy động khai thác các loại ốc xà cừ để thu lợi theo hợp đồng bán 5.000 kg sản phẩm cho chi nhánh xuất nhập khẩu Sài Gòn.

Cuối năm 1947, tù nhân ở Khám Lớn Sài Gòn liên tục đấu tranh đòi xoá án tử hình, đòi cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho tù nhân và tổ chức 2 cuộc vượt ngục bằng cách dỡ mái ngói và chui qua đường cống ngầm.

Ngày 2-12-1947, Cao ủy Pháp đã quyết định chuyển đến Côn Đảo một số lượng lớn tù nhân để giảm bớt mật độ và tình trạng căng thẳng ở Khám Lớn. Cuối tháng 12-1947, Ba tê (Battet) Tư lệnh hải quân Pháp ở Viễn Đông đã ra lệnh cho tất cả các tàu chiến hoạt động trên vùng biển tham gia vận chuyển, tiếp tế theo yêu cầu của Côn Đảo.

Những ngày đầu năm 1948, mấy chuyến tàu kế tiếp nhau chở hằng trăm tù nhân từ Khám Lớn ra Côn Đảo, trong đó có 63 tù nhân án tử hình và 69 tội phạm Nhật Bản. Tù binh Nhật bị giam riêng ở khu vực Banh III, có lúc lên tới 89 tên (31-8-1948). Họ cũng phải làm khổ sai và được đối xử đờ khắc nghiệt hơn tù án. Viên bác sĩ quân y Nhật Sa tô được điều ra phục vụ tại Nhà Thương. Có tên được về Nhà Đền trông coi máy móc để hạn chế sự phá hoại của tù kháng chiến.

Một sĩ quan Nhật được tin cậy giao cho trông coi chiếc canô của nhà tù. Chúa đảo Bruylê trong các báo cáo gửi Thống đốc Nam kỳ đã khen ngợi tù binh Nhật về tinh thần tuân thủ kỷ luật và chịu khó nhọc trong lao động khổ sai. Vài tù binh Nhật đã bị tai nạn chết thê thảm. Trại Nhật lặng lẽ cắt cử người đi chôn. Họ âm thầm chịu đựng và nén chặt nỗi đau trong lòng. Họ yên phận và dễ bảo dưới sự sai khiến của gac dang Pháp mà mới 2 năm trước đó, còn xun xoe với lính Nhật trên hòn đảo này.

Có thêm lao động khổ sai, nhà tù lại gặp thêm nhiều khó khăn mới. Bộ máy cai trị còn quá yếu. Theo báo cáo của nhà tù, tháng 3 năm 1948 để cai quản hơn 1.000 tù nhân, chỉ có 34 giám thị Pháp, 22 gác ngục người Việt

và một phân đội lính thuộc địa 18 tên (cả sĩ quan). Ngoài ra còn có một trạm liên lạc của Hạm đội Viễn Đông do tên quan tư hải quân Mênê (Meynier) trực tiếp chỉ huy. Theo báo cáo của Giám đốc thì cần phải có thêm ít nhất là 7 giám thị Việt Nam và 19 giám thị Pháp “có kiến thức nghiệp vụ và ý thức trách nhiệm cao” mới khắc phục được tình trạng thiếu nhân viên quản tù một cách trầm trọng như hiện tại.

Tỷ lệ tù chính trị tăng lên là một nỗi lo ngại lớn cho bọn chúa đảo. Báo cáo tháng 3 cho biết tỷ lệ tù chính trị đã tăng từ 30% (5-1947) lên 62% (3-1948). Bruylê đã nhận xét tương đối chính xác rằng, “tù chính trị” khó cai quản gấp mấy lần tù thường phạm về mọi phương diện” (Công văn 93-C ngày 20-3-1948).

Tổ chức và hoạt động của tù nhân kháng chiến.

Bước vào năm 1947, tổ chức và hoạt động của tù nhân Côn Đảo chưa có sự lãnh đạo tập trung và thống nhất. Tù nhân ở các sở tự tập hợp nhau lại theo nhu cầu bảo vệ quyền sống và nhân phẩm con người. Mỗi sở tù có những cách tổ chức và hoạt động khác nhau. Xây dựng tổ chức, chống sự ngược đãi của nhà tù; cải thiện đời sống, đẩy mạnh các phong trào bình dân học vụ, văn nghệ và vượt ngục về kháng chiến là những đặc trưng cơ bản của thời kỳ này.

Nhà Thương là sở tù sớm có tổ chức. Ngoài số tù nhân nằm điều trị, chủ sở Pêtrônali (Pétronah) còn quản lý kíp tù nhân phục vụ tại Nhà Thương (y tá, hộ lý bồi bếp tại sở); kíp vệ sinh quét đường và kíp đồ thùng cầu (tinette). Nhiều chiến sĩ Cô Tô sau khi giải toả vụ Côngplô được điều về Nhà Thương, trong đó có cả 2 cán bộ của đại đội Ký Con là Lê Phú (Đại đội trưởng) và Nhâm Ngọc Bình (Trung đội trưởng) vừa được giảm án tử hình. Anh Phạm Giang Doanh được cử làm đại diện. Anh Trần Nhật Quang phụ trách phong trào bình dân học vụ. Anh Lê Phú chỉ đạo bếp ăn, nuôi dưỡng những người tù bệnh. Anh Nguyễn Văn Khang (Khang Đen) làm y tá, lo tìm kiếm thuốc men, trị bệnh. Anh Nguyễn Kim Diễn, y tá phiên dịch ngoại trú làm nhiệm vụ tranh thủ viên bác sĩ người Pháp.

Cuối năm 1947, anh Nguyễn Kim Diễn với vai trò thư ký đã soạn thảo điều lệ của tổ chức tù nhân khu (dưỡng đường (Nhà Thương), phỏng theo những nguyên tắc của Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và thừa kế mô hình tổ chức của tù nhân Khám Lớn. Ban chấp hành tù nhân khu đường đường gồm 5 người đã được bầu ra theo điều lệ. Anh Nguyễn Văn Hiền (Hiền già người Bình Định) là chủ tịch.

Bản Chế là một sở quan trọng của nhà tù có nhiệm vụ quản lý các phương tiện giao thông, cung cấp nước ngọt, chế tạo công cụ lao động, sửa chữa máy móc các loại sản xuất đồ dùng mỹ nghệ. Tù nhân Bản Chế phần

lớn xuất thân là những người thợ tham gia cách mạng. Anh Nguyễn Văn Năm (Năm Mến) và anh Hai Nhị vốn là những người tù chính trị trước 1945, từng trải và thận trọng, biết cách đoàn kết, tập hợp anh em đã cùng với Nguyễn Văn Giỏi, Trần Văn Minh tổ chức nhóm nghiên cứu Mác-xít ở Bản Chế.

Ban chấp hành tù nhân khu Bản Chế gồm 5 người, được hình thành từ giữa năm 1947, đã tổ chức việc tăng gia cải thiện đời sống và xoá nạn mù chữ cho anh em. Các anh Nguyễn Hoà Nhã, Vũ Đắc Bằng, Nguyễn Văn Huệ, Triệu Lý, Lý Tiến Vinh... đã góp phần tích cực vào các hoạt động văn nghệ, báo chí và bình dân học vụ trong thời gian sau đó. Tù nhân kháng chiến ở các Sở Tồn, Sở Củi - chuồng bò, Sở rẫy An Hải, các kíp cắt cỏ, thợ hồ, Nhà bếp, sở tẩy, lò vôi cũng cử ra đại diện trật tự rồi lần lượt bầu ra Ban chấp hành để bảo vệ quyền lợi của tù nhân.

Chuyến lưu đày thứ 3 và các chuyến tiếp theo trong năm 1948, đã tăng cường cả số lượng và chất lượng của tù nhân kháng chiến. Đây là lớp tù nhân đã trưởng thành trong thời kỳ hoạt động và đấu tranh hết sức sôi nổi ở Khám Lớn - Sài Gòn sau “cách mạng khám đường”. Nhiều người đã tham gia Ban chấp hành tù nhân ở các khám, hoặc một số cương vị của Liên đoàn tù nhân Khám Lớn, từng dự các lớp huấn luyện chính trị, quân sự ngắn hạn do các anh Tưởng Dân Bảo, Phan Trọng Bình, Vũ Huy Xứng và Huỳnh Tấn Phát tổ chức. Họ còn được bồi dưỡng những kinh nghiệm hoạt động bình dân học vụ, làm báo, văn nghệ từ thực tiễn trong tù.

Phong trào bình dân học vụ phát triển sôi nổi ở Côn Đảo trong những năm 1947-1948. Người học phần nhiều là tù thường phạm hoặc những người xuất thân là nông dân, dân nghèo thành thị, phu phen thất học mới tham gia kháng chiến. Người dạy có một số đã tham gia phong trào truyền bá quốc ngữ ở Khám Lớn. Các anh Trần Nhật Quang ở Nhà Thương, Phạm Gia, Nguyễn Ngọc Lân, Trần Đống ở Khám 1, anh Nguyễn Văn Mẹo ở Khám 3, Trần Văn Sửu, Nguyễn Văn Giỏi ở An Hải, Nguyễn Sáng, Lưu Văn Lê, Võ Văn Ngụy ở Chi Tồn... đã có nhiều đóng góp cho phong trào xoá nạn mù chữ của tù nhân Côn Đảo. Anh Trần Nhật Quang từng bị tra tấn

đến mù một con mắt vẫn cặm cụi thức khuya dưới ngọn đèn tù mù chép những bài tập đọc, chính tả cho anh em.

Ban chấp hành tù nhân ở mỗi khám đều có một ủy viên phụ trách bình dân học vụ để tổ chức và chỉ đạo phong trào. Các hoạt động văn nghệ, báo chí cũng góp phần tích cực cổ động tù nhân học tập. Tù nhân Sở Cui đã tổ chức đêm văn nghệ với ca cảnh Xoá nạn mù chữ, cổ động cho phong trào bằng những lời ca sinh động. Đêm văn nghệ còn có màn đồng ca Đời sống mới và nhạc cảnh Bảo vệ thóc vàng, phản ánh sinh động của tù nhân hướng về các cuộc vận động lớn ở trong nước lúc đó.

Sau đêm diễn, Giám đốc Bruylê đã ra lệnh bắt anh Phan Văn Đại cùng tốp diễn viên tra tấn 2 ngày ròng rã về tội “gây mất trật tự”. Toàn thể tù nhân khu Sở Cui đã phản đối hành động khủng bố đó. Theo phương pháp i-tờ do hội truyền bá quốc ngữ đề xướng, công tác xoá nạn mù chữ ở Côn Đảo đã đem lại kết quả rất khả quan. Trong khoảng thời gian 3 tháng, người chưa biết chữ đã có thể đọc được, viết được.

Tùy điều kiện khổ sai ở mỗi sở mà anh em bố trí thời gian học cho thích hợp. An Hải, Sở Cui, Lò Vôi thường học buổi trưa. Nhà bếp, Chi Tồn, Bản Chế học buổi tối. Tù tử hình phải còng chân thì bố trí thầy ngồi giữa, trò ngồi 2 bên. Khi muốn đổi thầy hay đổi trò thì phải chờ đến phiên đổi còng. Anh Gác, công nhân cao su ở miền Đông Nam Bộ nhờ được anh Lê Phú hướng dẫn tận tình trong mấy tháng ở Khám tử hình đã đọc thông, viết thạo và làm được cả 4 phép tính thông thường nữa.

Tên gác ngục Sa den có lần thấy tù nhân khám tử hình học văn hóa, y đã giễu cợt:

– Các anh sắp chết rồi còn học làm gì?

(Người tử tù) Nguyễn Đình Chính đã trả lời:

– Nếu không chết thì sẽ thành người có ích. Còn nếu chết thì chúng tôi cũng phải chết một cách có văn hoá.

Khám tử hình được thiết lập ngay từ cuối tháng 5-1946, lúc đầu ở Khám 3 Banh I, sau dời về Hầm xay lúa. Trước sự đấu tranh của dư luận tiến bộ ở

Đông Dương cũng như ở Pháp, bọn thực dân không dám bắn tất cả những tử tù mà chúng đã xử. Sau một thời gian nhất định, chúng giảm án một số người và y án một số khác. 56 tử tù ra chuyển đầu tiên ngày 27-5-1946 bị xử bắn tại Côn Đảo 10 người, trong đó có anh Bùi Hữu Khiêm, một người chỉ huy ở mặt trận Phú Nhuận. 3 tử tù đã chết vì bệnh tật, vài người bị đưa về hành quyết tại Sài Gòn, số còn lại được giảm án nhiều đợt, đến đầu năm 1947 thì hết. Hầm xay lúa lại “dành chỗ đón” những tử tù ra chuyển tiếp theo từ giữa năm 1947.

Tháng 1947, khám tử hình có 17 tử tù. Hai anh Nguyễn Ngọc Sớm và Nguyễn Đình Thâu đã tổ chức cho anh em kỷ niệm sinh nhật Bác. Những tử tù bị còng chân, có độc bộ quần áo cộc trên người đã bàn đi tính lại với nhau, làm sao lập được bàn thờ Tổ quốc, có cờ, có ảnh Bác và có khẩu hiệu trang nghiêm. Hoàn cảnh bị giam giữ nghiêm ngặt chính là nơi thử thách tình cảm, nghị lực và trí sáng tạo của con người. Cờ được làm bằng giấy, từ hàng trăm mảnh giấy quần thuốc lá nhỏ xiu dán lại. Nền cờ được quét bằng thuốc đỏ rồi kẻ ngôi sao 5 cánh bằng thuốc ký ninh vàng.

Để có được lá cờ họ phải nhịn hút thuốc từ nhiều ngày để dành giấy, phải có người khai bệnh xin thuốc và nhịn suất cháo loãng để làm hồ dán. Họ đã dùng móng tay bấm lá bàng thành chữ, dùng gân lá ghép thành khẩu hiệu “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm” treo lên tường. Khó nhất là việc vẽ hình Bác Hồ. Anh Nguyễn Văn Bấy, một thanh niên khéo tay đã phác họa chân dung Bác theo trí tưởng tượng của 17 tử tù. Đó là hình một ông cụ dáng cao gầy, chòm râu dài, tóc bạc, trán cao, tai to, mắt sáng, gương mặt toát lên vẻ thông minh và nhân hậu. Bức họa không thật giống, nhưng lại thật đúng là hình ảnh Bác trong tim, trong óc những người tù thời ấy.

Rạng sáng 19-5-1947, 17 tử tù hình đứng dậy làm lễ kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Anh Nguyễn Đình Thâu, nguyên là chi đội trưởng chi đội 13, Tư lệnh mặt trận tiền tuyến Gò Vấp - Gia Định (miền Đông Nam Bộ) đã nói về tiểu sử sự nghiệp của Bác, sau đó mọi người quây quần kể góp những mẫu chuyện mà họ biết về đời hoạt động và đạo đức tác phong của Người. Mỗi đợt sinh hoạt chính trị như vậy, những người tử tù

động viên nhau giữ vững khí tiết cách mạng, xứng đáng là người lính Cụ Hồ, ngay cả khi đối diện trước cái chết.

Anh Nguyễn Hoài Cơ, đội viên Ban công tác I, người tử tù số G - 130 đã nêu tấm gương đầy dũng khí. Lần ấy đối công, biết mình sẽ ra đi, anh đã thức suốt đêm cùng bạn tử tù hát vang những bài ca cách mạng: Lên Đảng, Cùng nhau đi hùng binh, Tiến quân ca, Chiến sĩ Việt Nam... Mờ sáng hôm sau, khi gác ngục mở cửa, bọn lính Lê dương ập vào, anh siết chặt tay bạn tù, chào vĩnh biệt và ung dung ra trường bắn.

Linh mục Nguyễn Văn Mầu kể lại, anh Cơ đã từ chối rửa tội. Anh chỉ vào tốp lính Lê dương và tên chánh án có mặt tại trường bắn mà nói với linh mục: Ông phải rửa tội cho những người này, chính họ mới có tội. Anh từ chối bịt mắt, nhìn thẳng vào họng súng kẻ thù và đồng dục hô:

- Hồ Chủ tịch muôn năm!
- Việt Nam độc lập muôn năm!

Giọng anh lúc ấy vẫn điềm đạm như ngày thường. Linh mục Nguyễn Văn Mầu thường trầm trồ nói với tù nhân: “Người như ông Cơ anh hùng lắm”.

Noi gương Nguyễn Hoài Cơ, những người tử tù đã biến cuộc hành hình của địch thành một cuộc biểu dương khí phách của người cách mạng. Anh Nguyễn Đình Chính, nguyên Trưởng ban Công tác I Sài Gòn - Gia Định bị địch gọi về xứ bản tại Sài Gòn. Trước khi về anh còn gửi lại bài thơ tràn đầy lạc quan tặng các bạn tù:

- “Độc lập đến rồi các bạn ơi.
- Chung thân Xử tử chỉ trò chơi.
- Giặc Tây sắp đến giờ tận số.
- Ta hát quân ca trở lại đời”.

Khí phách anh hùng trước cái chết như Nguyễn Đình Chính, Nguyễn Hoài Cơ đã trở thành bất tử. Tù nhân kháng chiến Côn Đảo noi gương các anh về lòng tin tất thắng vào cách mạng và dũng khí trước kẻ thù, như lời

tuyên bố danh thép của Nguyễn Đình Chính trước toà án thực dân: “Tôi tin đến lúc chết, nước Việt Nam sẽ độc lập”. Tù Côn Đảo gọi Khám tử hình là Khám bắt tử, gọi người tử tù là tù bắt tử.

Cuối năm 1947, tù nhân các khám đều chuẩn bị chương trình văn nghệ đón xuân Mậu Tý (1948). Ban kịch Sở rẫy An Hải dựng một vở kịch thơ của Phan Văn Đã; Ban kịch Nhà bếp trình diễn vở Công chúa ngủ trong rừng và kịch Hội sợ vợ do anh Lương Văn Thắng biên soạn và dàn dựng. Kỹ sư Lưu Văn Lê đạo diễn dựng vở Thầy thuốc bất đắc dĩ cho Ban kịch tù áo trắng. Anh Hoàng Hữu Kinh làm ở Văn phòng Giám thị trưởng đã khôn khéo đề nghị với Giám đốc tổ chức một “đêm kịch mừng xuân mới”. Bruylê đồng ý với điều kiện là chính y duyệt nội dung các vở diễn.

Giáp Tết âm lịch, một phái đoàn của chính phủ bù nhìn Nam Kỳ do Trần Văn Ân, Bộ trưởng Thông tin cầm đầu ra thăm Côn Đảo. Cùng đi có Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Khắc Vệ và thứ trưởng nội vụ Lê Tấn Năm. Ân đến thăm Bản Chế, Sở Cui, Trại tù binh Nhật, và các khám tù, gặp gỡ một số tù nhân thuộc các đảng phái quốc gia, sau đó đề nghị ân xá cho vài người (trong đó có cụ Võ Oanh). Nhân dịp ấy, Giám đốc Bruylê đã mời Ân xem đêm kịch tù nhân, mưu toan leo cao trong nấc thang danh vọng.

Đêm diễn có vở kịch Trương giả học làm sang của Molière, nhạc cảnh Công chúa ngủ trong rừng, kịch vui Hội sợ vợ do Lương Văn Thắng biên soạn và song ca Tết độc lập do Nguyễn Sáng và anh Quang trình bày. Nhạc cảnh Công chúa ngủ trong rừng dựa theo truyện cổ dân gian Pháp biểu diễn thành công nhất, được khán giả trầm trồ khen ngợi.

Anh Quang trong vai công chúa đã trình diễn điệu valse đẹp mắt theo nền nhạc bài Tiếng rừng do Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Sáng và Lưu Phê đồng ca. Trang phục diễn viên lộng lẫy, ánh sáng hài hoà làm cho bọn Pháp hết sức thán phục. Vợ quan tư hải quân Mênê nói rằng bà ta có cảm giác như đang ngồi trong một rạp hát của thành phố Paris bên Pháp. Tên gác dang Loadô tò mò đòi xem bằng được bộ y phục đúng mốt và đắt tiền của diễn viên. Hắn hết sức ngạc nhiên khi tận mắt thấy váy áo lộng lẫy bằng

bao tải nhuộm, râu tóc bằng tơ gai tước ra, phấn son là thuốc đỏ, thuốc tím và ký anh vàng.

Những tù nhân từng quần quai dưới ngọn roi của hăn lại có vốn tri thức văn hoá và thẩm mỹ nghệ thuật không ngờ. Những tù nhân làm văn nghệ không phải để mua vui cho chúng. Họ biết lợi dụng máu hám danh của Bruylê để giảm bớt phần nào sự đày ải của nhà tù, người tù kháng chiến thông qua hình thức nghệ thuật để cảm hoá kẻ thù và lúc cần thì trực diện tố cáo chúng.

Khi Trần Văn Ân lên giọng ca ngợi thành công cải thiện chế độ lao tù của Giám đốc đương nhiệm và ve vuốt tù nhân rằng: “Ở tù như thế này chẳng khác nào đi nghỉ mát”, thì một tù nhân đã bảo hăn: “Vậy thì xin mời Ông ra đấy mà nghỉ mát. Chúng tôi không ưa kiểu nghỉ mát này”.

Mùa xuân năm ấy không chỉ đánh dấu bằng những thành công trong các hoạt động văn nghệ mà tù nhân Côn Đảo còn “được mùa” vượt ngục. Hàng chục cuộc vượt ngục đã liên tiếp nổ ra từ đầu mùa gió chướng năm ấy.

Vượt ngục về kháng chiến

Tháng 10-1946, ba tù nhân vượt ngục trên một chiếc thuyền nhỏ. Hai lính Pháp dùng chiếc thuyền 6 tay chèo đuổi theo. Lúc ấy nhà tù chưa có xuồng máy. Sau vài giờ chúng đuổi kịp tốp vượt ngục, nhưng rồi tất cả không trở về. Một con sóng lớn đã nhận chìm hai chiếc thuyền vào dòng xoáy của hải lưu. Tình cờ, một chiếc tàu chở dầu của Hoa Kỳ đã vớt được mấy người lính và tù nhân đang hấp hối. Họ được đưa cả về Thái Lan.

Cũng trong mùa gió chướng năm ấy, ông già Huệ, người tù án lưu quê ở miền Tây Nam Bộ đã trốn lên núi đóng bè thân cây chuối rừng, một mình vượt biển, lênh đênh trên biển 16 ngày liền, nắng thiêu cháy da. Hết lương thực, cạn nước ngọt, ông phải rình bắt những con cá vô tình nhảy lên bè mà ăn sống cầm hơi. Khi sức tàn, lực kiệt thì sóng đẩy dạt vào bán đảo Mã Lai. Những người du kích Mailaixia đã cứu ông. Ông ở lại chiến đấu trong đội quân du kích chống thực dân Anh và bị bắt trong một trận càn. Thực dân Anh trao trả ông cho chính quyền Pháp và ông bị đày trở lại Côn Đảo ít lâu sau ông lại vượt ngục rồi mất tích.

Anh Mười Bù cùng một tốp thường phạm cũng đã thả bè vượt ngục vào cuối mùa gió chướng. Năm ấy gió chướng hết sớm, bè các anh bị trôi ra phía biển Đông. Hết nước ngọt và lương thực, cùng đường, người hấp hối sắp chết phải trở thành nguồn sống cho những người còn lại. Một chiếc tàu tuần dương hạm của nước Anh trên đường tới Xanhgapo đã vớt được những người sống sót và trao trả cho Pháp. Bị đày trở lại Côn Đảo, Mười Bù lại tiếp tục chuẩn bị vượt ngục.

Ngày 31-1-1947, tàu chở hàng Goeland của Pháp đã vớt được 2 tù nhân vượt ngục trên một chiếc bè. Báo cáo số 774/P ngày 7-2-1948 của Giám đốc nhà tù cho biết, hai tù nhân này trên một hòn đảo nhỏ, ngắt lá rừng và bắt cá biển để ăn, chờ đến khi gió chướng thổi mạnh mới thả bè về đất.

Mỗi mùa gió chướng, bọn gác ngục lại tăng cường các biện pháp chống vượt ngục. Ngoài bộ máy gác ngục Pháp, Việt giám sát chặt chẽ hàng ngày, nhà tù còn tổ chức một mạng lưới tù gian làm tay sai, ở lẫn lộn trong từng kíp tù để rình mò, phát hiện. ở mỗi bãi biển, Sở Rờsec bố trí hai nhân viên truy tầm tù trốn. Bọn này đã thông thạo từng loại gỗ nổi có thể đóng bè, từng vật mây có thể làm thuyền, những địa điểm mà tù nhân trường kết bè, hạ thủy, phát hiện các âm mưu vượt ngục của tù nhân. Nhiều tù nhân bị phạt xiềng, phạt xà lim và đưa về những sở khổ sai nặng nhọc.

Vượt ngục là cuộc chạy đua giữa tính mạng với tử thần. Nhưng không có hiểm nguy nào ngăn được ý chí vượt ngục của người tù, cho dù chết chìm dưới biển khơi hay vỡ thuyền, bị bắt lại. Xà lim, xiềng xích, kỷ luật của nhà tù chỉ nung nấu thêm khát vọng vượt ngục của họ mà thôi.

Chuyến vượt ngục thành công sớm nhất của tù chính trị thời kỳ này là chuyến của hai anh Diễn và Phong. Hai anh đã cập bến an toàn vào vùng biển Bạc Liêu và ở lại công tác ngay tại Tỉnh đội Bạc Liêu. Chuyến thứ hai do anh Nguyễn Ngọc Luật tổ chức vượt biển bằng thuyền ván. Nguyễn Ngọc Luật bị đày ra Côn Đảo ngày 5-8-1947, lọt được vào Sở Rờsec, canh bãi ông Đụng. Anh đã liên hệ với Tuấn, Dưỡng ở Sở Củi, móc nối được Khánh và Thương là dân đánh cá vùng Gò Quào (Rạch Giá). Các anh đã tháo được mấy tấm cánh cửa gỗ ở một căn nhà bỏ không phía Sở Tiêu và đóng thuyền ở bãi ông Đụng, ngay tại khu vực Nguyễn Ngọc Luật kiểm soát. Chập tối 15-11-1947 thuyền hạ thủy. Chiếc thuyền gỗ nhỏ đưa 5 chiến sĩ cách mạng về vùng biển Rạch Giá sau 3 ngày đêm vượt biển.

Chỉ ít ngày sau, Ba Rùm đã cùng 4 tù nhân sở Bản Chế cướp ghe vượt ngục ngay tại Cầu Tàu. Ba Rùm là cựu tù thường phạm ở đảo. Tháng 8-1945, anh được tù chính trị giải phóng đưa về đất liền rồi tham gia kháng chiến, bị bắt lại đầu năm 1946. Ra Côn Đảo lần thứ 2, anh đã tìm cách xin về Bản Chế và nuôi chí vượt đảo. Mùa gió chướng năm ấy, một chiếc ghe câu ở Cáp (Vũng Tàu) trôi dạt vào Côn Đảo. Ba ngơ dân được gửi theo tàu của hải quân Pháp về trả cho chính quyền địa phương, còn chiếc ghe tam bản chúng giao cho Sở Lưới. Rạng sáng một ngày cuối tháng 11-1947, Ba

Rùm cùng Bảy Vượng, Tư Sỏi, Năm Bé và Võ Văn Xê đã cướp ghe về Cà Mau. Ba Rùm được phân công trở lại lực lượng võ trang Bình Xuyên, tham gia nhiều trận đánh trên sông Lòng Tàu.

Nhóm tù nhân ở Sở rẫy An Hải và Sở Củi rủ nhau lên núi kết bè vượt đảo vào chiều 11-1-1948. Do tổ chức lộ liễu nên bị phát hiện ngay từ khi vừa trốn trại. Nguyễn Sáng kịp lên về trước giờ điểm danh, còn mười mấy người đã trốn lên núi bị truy lùng gắt gao. Ông già Trị chém trọng thương một tên Rờsec truy đuổi. Bọn lính bủa vây, súng trường, tiểu liên nổ ra khắp rừng An Hải suốt đêm ấy. Chúng vây ráp cả tuần lễ, bắt lại từng người. Có người đói khát đã chết khô trong hang Núi Chúa, hàng tháng sau mới tìm thấy xác.

Ngay trong đợt vây ráp và truy lùng ráo riết ấy, một chuyến vượt ngục duy nhất của tù áo trắng đã thành công vào ngày 14-1-1948. Trong lúc nhà tù tập trung lực lượng truy lùng trên núi và canh gác chặt chẽ bãi biển phía tây thì tốp tù áo trắng táo bạo xuống thuyền ở phía đông, ngay tại bãi Nhà Thờ, trước mũi dinh chúa đảo và nhân viên nhà tù. Nhờ sự chuẩn bị nỗ lực của anh em áo trắng, còn phải kể đến tài nghệ của “vua vượt ngục” Mười Bù cùng sự tham mưu và chỉ đạo của anh Năm Nghĩa ở Sở Củi nên chuyến vượt ngục này đã thành công.

Năm Nghĩa (còn gọi Nghĩa Sứt, Nghĩa Cơm Cháy) là một chiến sĩ tham gia từ Nam Kỳ khởi nghĩa (1940). Anh ủng hộ và giúp đỡ chí tình cho nhiều cuộc vượt ngục của tù nhân. Chính Năm Nghĩa đã giới thiệu Mười Bù cùng 2 tù thường phạm có sức khỏe và kinh nghiệm vượt ngục cho nhóm tù áo trắng. Năm Nghĩa là người giữ mối liên hệ thường xuyên giữa Mười Bù và Phạm Gia, thơ ký kho bạc trong suốt quá trình chuẩn bị làm thuyền và góp nhiều ý kiến chỉ đạo.

Chuyến ấy đi bằng thuyền khung mây bọc vải. Trúc Quỳnh (bồi bếp) và Võ Xuân Phong (hợp tác xã tiêu thụ) lo mua sơn, vải. Hoàng Hữu Kinh, Lê Huy Báu (Văn phòng Giám thị trưởng) thì nghiên cứu con nước thủy triều và quy luật bố phòng của địch. Phạm Gia (kho bạc) làm nhiệm vụ tiếp tế và liên hệ giữa các nhóm.

Toàn bộ công việc làm thuyền do Mười Bù và 2 thường phạm đảm nhiệm. Tay lái thiện nghệ của “vua vượt ngục” Mười Bù đã đưa thuyền cập đúng mũi Cà Mau sau 2 ngày, 3 đêm trên biển. Mười Bù giác ngộ, trở thành một chiến sĩ can đảm trong lực lượng võ trang và hy sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến ở miền Tây Nam Bộ.

Chưa đầy một tháng sau, nhóm kéo cây do Lê Quỳnh Vân, Nguyễn Năng Tảo và Lâm Quang Xuân lại tổ chức vượt đảo bằng thuyền khung mây bọc vải. Chuyến này có 4 tù thường phạm làm Rờsec cạnh bãi Cỏ Ống và 12 tù chính trị ở Sở kéo cây. Ngày 2-2-1948, các anh xuống thuyền ở bãi Cỏ Ống và cập vào vùng biển thuộc huyện Giá Rai (Bạc Liêu) an toàn.

Ngày 2 tết Mậu Tý (11-2-1948), 7 tù chính trị ở Sở Bản Chế do Nguyễn Việt Hùng tổ chức đã cướp chiếc canô duy nhất ở Côn Đảo vượt ngục về Cà Mau. Nguyễn Việt Hùng còn có bí danh là Hùng Vịt tức Nguyễn Văn Thịnh, tức Mười Thái, nguyên là cán bộ công vận hoạt động ở Sài Gòn từ 1944. Bị đày ra Côn Đảo từ ngày 5-8-1947, Việt Hùng cùng một số tù trẻ có chí hướng vượt ngục tìm đến Năm Nghĩa ở Sở Cũi học hỏi kinh nghiệm. Khi được làm thợ máy trên chiếc canh Poulo - Condore, anh đã chuẩn bị một kế hoạch cướp canô vượt đảo.

Mồng 2 tết năm ấy, có 2 tàu tuần tiễu của Pháp ghé Côn Đảo. Sau khi chờ đám sĩ quan, thủy thủ Pháp lên bờ xem kịch và dự tiệc, Nguyễn Việt Hùng được lệnh chuẩn bị xăng nhớt và trực đêm để đón chúng về tàu. Thừa dịp ấy anh đã đưa cả nhóm là Nguyễn Công Lý, Cù Trung Sơn, Nguyễn Văn Thước, cùng các anh Đệ, Miên, Niên xuống canô về đất liền. Chiều 4 tết, các anh cập vào đúng mũi Cà Mau.

Noi gương tù vượt ngục ở Sở Bản Chế, tù nhân Sở Lưới trên đường sang Hòn Tài bắt vịch đã bắt trời chủ sở Machiơ (Mathieu) cùng một lính Pháp và một tù binh Nhật Bản (lái canh) vớt lên bãi cát rồi trở về đất liền. Chuyến ấy do các anh Chánh, An, Đạt và một tù nhân nữa thực hiện.

Giám đốc Broylê tỏ ra hoang mang trước các cuộc vượt ngục liên tiếp xảy ra. Trong phúc trình số 93-C ngày 20-3-1948, y đã viện dẫn nhiều lý do khiến cho nhà tù bất lực trước các cuộc vượt ngục. Đó là tỷ lệ tù chính trị

tăng lên một cách đáng kể, sự thiếu nhân viên quản tù, sự khủng hoảng tinh thần của những gác ngục Pháp, Việt và sự phá sản của Sở Truy tìm tù trốn.

Bruylê cũng không giấu giếm rằng chính tình hình chính trị và quân sự (ở Đông Dương) đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhà tù khiến cho các nhân viên coi ngục người Việt Nam hoài nghi, co mình lại, những giám thị Pháp chán nản và kém hiệu lực. Đáng ngại hơn cả là chính những nhân viên truy tìm tù trốn lại đồng lõa với tù vượt ngục. Y đã đề nghị thay thế Sở truy tìm bằng những trạm kiểm soát của lính Partisans người Lào hoặc Miên.

Bruylê chưa kịp thay đổi gì thì cuộc vượt đảo thứ 2 của tù nhân Sở Lưới lại bồi tiếp cho hắn một đòn choáng váng. Cuộc vượt đảo này được tổ chức chặt chẽ, do anh Nguyễn Văn Chì, đội viên Ban công tác 4 thành phố Sài Gòn - Gia Định chỉ huy, có sự nội ứng của 2 giám thị Việt Nam là Nguyễn Văn Đang và Nguyễn Văn Ngọc.

Tối 7-5-1948, 25 tù nhân Sở Lưới ra khơi đánh cá. Hai gác dang Bare (Barère) và Nuộc (Muogues) cùng thầy chú Nguyễn Văn Đang với 3 tù nhân ngồi trên chiếc ghe máy mượn của Sở Hải Đăng và Hoa Tiêu, kéo theo một chiếc ghe chèo chở 27 tù nhân và thầy chú Nguyễn Văn Ngọc.

Khoảng 21 giờ đêm, ghe ra đến gần Hòn Tre, giảm tốc độ chuẩn bị bủa lưới thì trên chiếc ghe đầu, giám thị Nguyễn Văn Đang một tù nhân kháng chiến đoạt cây tiểu liên của Nuộc. Nuộc chống cự và nhảy xuống biển hòng thoát thân nhưng hắn bị bắn chết. Trên ghe thứ 2, tù nhân cũng nhanh chóng làm chủ tình thế rồi chuyển qua ghe máy, mở hết tốc lực, nhằm hướng đất liền.

Ngày hôm sau (8-5-1948), không thấy thuyền Sở Lưới về, Bruylê mới vội vã tổ chức truy tìm, nhưng vô vọng. Tàu tuần tiễu và thủy phi cơ của hải quân Pháp được huy động vào cuộc truy tìm trên biển. Bọn Rờsec cùng binh lính, giám thị sục sạo khắp các bến bãi cũng không tìm được dấu vết gì. Giám đốc Côn Đảo điện báo cho Sở cảnh sát cộng hòa và Bộ nội vụ ngục quyền, Công điện số 30/ATS ghi: “Trân trọng báo cáo, 25 phạm nhân vượt ngục nhân buổi đánh cá đêm 7 rạng 8-5-1948 trên một thuyền găng máy. Hai giám thị người Âu và một người gác ngục Việt mất tích cùng với

vũ khí. Dự đoán họ bị bắt làm con tin – stop. Đã truy tìm lập tức bằng thủy phi cơ, tàu tuần tiễu, ở biển và trên bộ, không có kết quả - stop. Ký tên: Bruylê.

Công điện gửi đi vào lúc đoàn tù vượt ngục đã ung dung trên đất liền. Xuồng của họ cập vào cửa biển Mỹ Thanh (nay thuộc tỉnh Hậu Giang). Họ bàn giao vũ khí, chiến lợi phẩm và tù binh cho chính quyền cách mạng. Hai thầy chú Nguyễn Văn Đàng và Nguyễn Văn Ngọc đã được tù nhân giác ngộ, tích cực nội ứng cho cuộc vượt ngục tình nguyện tham gia vào đội ngũ kháng chiến. Ngọc sau hy sinh ở chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Gác dang Bare bị chính quyền cách mạng kết án tử hình vì có dự phần vào những tội ác đối với tù nhân trong cuộc đại khủng bố 1940-1945, thảm sát trên 3.000 người ở Côn Đảo; song những người tù vượt ngục đã xin tha chết cho y. Bare thật sự cảm động nói với vị đại diện của chính quyền kháng chiến: “Lẽ ra các ông ấy phải vứt tôi xuống biển mới xứng với tội lỗi của tôi. Tôi rất biết ơn Cụ Hồ đã giáo dục các chiến sĩ Việt Nam dũng cảm và nhân đạo”.

Cuộc vượt ngục của tù nhân Sở Lưới lần này gây một tổn thất nặng nề cho nhà tù: Bruylê đã phải gọi là “tấn bi kịch thảm khốc”. Chiếc canô được bổ sung giao cho Sở Lưới đã bị một nhóm tù chính trị vượt ngục đoạt mất cách đó không lâu. Lần này, chiếc xuồng máy vừa mượn của Sở Hải Đăng và Hoa Tiêu để áp tải ghe đánh cá lại mất trắng. Hàng loạt cuộc vượt ngục nối tiếp nhau trong mùa gió chướng này đã sớm kết thúc sự nghiệp coi tù của Bruylê.

Đêm kịch Bôlae

Bruylê đang chờ đợi cơ hội để gỡ gạc lại uy tín sau một thời cai trị đầy ắp các phúc trình về tù nhân vượt ngục. Giữa lúc ấy, Cao úy Bôlae (Emile Bolaert) ghé Côn Đảo trước khi mãn nhiệm ở Đông Dương, trở về Pháp giữa mùa thu 1948. Bruylê quyết định ra mắt quan thầy bằng vở kịch Thầy thuốc bất đắc dĩ (Le Médecin malgré lui) của Molière mà y đã có dịp thưởng thức tài nghệ của các diễn viên tù. Bruylê vừa vuốt ve, vừa răn đe ban kịch: “Tôi biết các anh diễn kịch hay lắm. Phải diễn cho tốt và nghiêm chỉnh. Cuộc sống của các anh sau này tốt hay xấu đều phụ thuộc vào đêm diễn ấy”.

Ban kịch đã thảo luận khá gay gắt về việc diễn hay không diễn. Có người không muốn diễn vì sợ để lại tiếng xấu là tù kháng chiến diễn kịch mua vui cho Cao úy Pháp, làm nổi danh cho Giám đốc Bruylê, để cho hắn điều khiển theo ý muốn... Có người lại đề nghị là cứ nhận lời, nhưng không diễn mà nhân dịp giáp mặt Bôlae sẽ lên án chế độ thực dân xâm lược và chế độ nhà tù man rợ ở Côn Đảo. Sau cùng, họ thỏa thuận với nhau: diễn kịch và tổ cáo.

Biết đêm kịch này lành ít dữ nhiều, họ đã rút vở kịch lại còn một màn, chọn ít diễn viên để bớt phần tổn thất. Chỉ có 5 người, thuộc Ban kịch tù áo trắng: Lương Văn Thắng, Nguyễn Ngọc Lân (thư ký kho bạc), Trần Duy Giang (Văn phòng Giám đốc), Lưu Phè (Sở rẫy Giám đốc), Quang (hợp tác xã tiêu thụ).

Bôlae không đặt chân lên Côn Đảo. Đoàn diễn viên tự hoá trang sau bữa cơm chiều rồi theo tốp lính áp tải xuống canh, ra chiếc tuần dương hạm đậu ngoài vịnh Côn Lôn. Dự “Đêm kịch Bôlae” có cả Đô đốc Tư lệnh Hải quân Pháp ở Viễn Đông Ba-tê (Battet) theo tàu hộ tống và phóng viên hãng thông tấn A.F.P, phóng viên các tờ Sài Gòn Nhật Báo, Viễn Đông Nhật Báo cùng

hàng trăm sĩ quan, thủy thủ vây quanh boong tàu. Vợ chồng Bruylê cùng vợ chồng quan tư hải quân Mênê tại Côn Đảo cũng có mặt.

Mở đầu đêm kịch, thay cho lời chào mừng, anh Lương Văn Thắng, một nạn nhân trong vụ Côngplô đã đọc bài diễn văn tố cáo chế độ nhà tù tàn bạo và nghiệt ngã. Anh khẳng định rằng tù kháng chiến là những người yêu nước, cầm súng bảo vệ nền độc lập của dân tộc mình, giống như những người Pháp Đờ Gôn chống phát xít Đức, không bao giờ là quân phiến loạn như bản án mà thực dân Pháp đã gán cho họ. Vậy mà bọn chúa ngục Côn Đảo đã đối xử với họ dã man hơn cả phát xít Đức đối với tù binh Pháp.

Bôlae không chịu nổi, đứng dậy cắt ngang lời Lương Văn Thắng:

– Các ông là những kẻ phiến loạn, đốt nhà, cướp của, giết người. Các ông không có quyền so sánh với những người Pháp yêu nước.

Tình thế mở ra một cuộc đối thoại lý thú giữa người tù kháng chiến và Cao ủy Pháp. Lương Văn Thắng hỏi Bôlae:

– Vậy xin hỏi ngài, hành động của một thiếu niên yêu nước Việt Nam ném lựu đạn vào quân Pháp có khác gì hành động tương tự của một thiếu niên Pháp đối với bọn phát xít Đức?

Bôlae trơ trẽn trả lời:

– Khác chứ. Bọn phát xít Đức xâm lược nước Pháp, còn nước Pháp có trách nhiệm bảo hộ và khai hoá cho đất nước này!

Lương Văn Thắng bồi tiếp:

– Báo chí Đức dưới thời Pêtanh cũng nói với nhân dân Pháp như thế!

Bôlae cứng lưỡi, đỏ mặt tía tai, đập bàn đứng dậy. Giám đốc Bruylê hằm hằm ra lệnh cho bọn lính áp tải còng tay đoàn diễn viên đưa vào cấm cố ngay đêm diễn khi họ còn nguyên cả y phục, phấn son. Hôm sau, hằm tuyên bố phạt mỗi người một tháng xà lim, còng chân, ăn cơm nhạt, uống nước lã.

“Đêm kịch Bôlae” nổi tiếng không phải ở thành công của sân khấu nghệ thuật mà là dũng khí của người chiến sĩ, người nghệ sĩ trước kẻ thù. Bằng

lòng can trường và lý lẽ đanh thép, người tù kháng chiến đã lột trần bộ mặt xâm lược và tàn bạo của thực dân Pháp. Họ đã buộc tên đầu sỏ thực dân ở Đông Dương phải đối thoại và đến khi đuối lý, hắn đã lộ rõ nhân cách thấp hèn vốn có của bọn thực dân xâm lược.

Tốp diễn viên kịch tù, trừ Lương Văn Thắng đã đứng tuổi, còn lại đều rất trẻ. Họ mới giác ngộ từ những ngày đầu kháng chiến. Cách mạng tháng Tám 1945 đã nâng họ từ người nô lệ thành công dân một nước độc lập và chính họ đã đề cao chính nghĩa cho dân tộc Việt Nam. Họ đã biến sân khấu nhà tù thành diễn đàn đanh thép tố cáo cuồn chiến tranh xâm lược và tàn bạo của thực dân Pháp ở Việt Nam trước mặt tên đầu sỏ thực dân cùng hàng trăm sĩ quan, thủy binh, nhà báo, bất chấp mọi hình phạt.

“Đêm kịch Bolae” đã đặt dấu chấm hết cho đoạn đời cai trị đầy tham vọng và thủ đoạn của Bruylê. Cay đắng trước thất bại, Bruylê cấm tù nhân diễn kịch và hát ca, đóng cửa thư viện, bỏ chiếu phim. Y cấm tất cả tù áo xanh không được ra khỏi trại trong ngày nghỉ, ngày lễ. Y bắt tù áo trắng buổi tối phải vào ngủ trong Banh I, không còn bộ phận nào được ngủ ngoài banh như trước nữa. Y thiết lập chế độ cấm cố tại Khám 6, Banh I để giam riêng những người tù cứng đầu, bất trị.

Ông già Trị vừa mãn hạn xà lim sau cuộc vượt ngục thất bại là một trong những người đầu tiên vào cấm cố. Đoàn kịch sau một tháng bị phạt xà lim cũng về Khám 6. Sự có mặt của những người tù vượt ngục và tốp “diễn viên kịch” đầu tiên trong Khám 6 cấm cố chính là bằng chứng thất bại thảm hại trong thời cai trị của Bruylê. Đó cũng là hình ảnh của sự bất lực và trả thù; là bộ mặt thật của chính sách biến nhà tù thành “Trung tâm giáo dục lại nhân phẩm” như trong phúc trình buổi đầu nhận chức của Bruylê..

Thông nhất lực lượng, tiến tới cao trào

Từ giữa năm 1948 tù nhân Côn Đảo đã hình thành tổ chức ở hầu hết các khám tù, sở tù. Trong dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh (2-9) năm ấy, các anh Nguyễn Đình Thâu (Khám tử hình), Trịnh Xuân Hà (Sở rẫy Giám đốc), Lương Văn Thắng (thư ký kho bạc), Tư Ba Đào (Khám 3), Trương Anh Tuấn (Chỉ Tồn), Lê Ngọc Hương (Nhà bếp), Phan Văn Đại, Nguyễn Văn Mẹo (Khám 2), Lê Trung Khá (Khám 6), Nguyễn Văn Năm (Bản Chế)... đã liên hệ với nhau bàn việc bầu ra ban lãnh đạo thống nhất của tù nhân Côn Đảo.

Anh Nguyễn Đình Thâu được giao nhiệm vụ dự thảo Điều lệ của Liên đoàn tù nhân để trình Hội nghị lâm thời của đại biểu tù nhân Côn Đảo. Trên cơ sở đó, tiến hành bầu Ban chấp hành liên đoàn tù nhân, cơ quan lãnh đạo cao nhất của tù nhân Côn Đảo. Vài tháng sau, bản Điều lệ dự thảo được các anh Trịnh Xuân Hà, Lê Ngọc Hương, Trương Anh Tuấn thảo luận cùng một vài tù nhân kháng chiến gần gũi.

Hoàn cảnh nhà tù khi ấy không còn cho phép triệu tập Hội nghị lâm thời. Các anh Nguyễn Đình Thâu, Trịnh Xuân Hà, Lê Trung Khá, Tư Ba Đào, Phan Văn Đại đã nhân danh Hội nghị lâm thời tù nhân Côn Đảo để chỉ đạo việc bầu Ban chấp hành tù nhân ở các khu.

Ở Khám 5 (Chỉ Tồn) Ban chấp hành tù nhân đã tự quản được trong công việc khổ sai. Anh em tù thuyết phục được Tám Nhỏ, người cầm đầu nhóm tù án tử pháp ở đây bỏ lệ nấu nướng, uống trà buổi tối để tham gia sinh hoạt, học tập với tù kháng chiến. Khám 5 có 3 tù nhân kháng chiến người Lào. Ban chấp hành đã bố trí cho họ chỗ nằm tốt, hướng dẫn việc trật tự vệ sinh và sinh hoạt, học tập theo quy định.

Khám còn hình thành nhóm nghi lễ do các anh Lê Tam, Đỗ Văn Đích, Nguyễn Sáng và Hoàng Phúc làm nòng cốt, tổ chức chào cờ các buổi sáng, có hát Quốc ca, Lãnh tụ ca, Hồn tử sĩ. Được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước hướng

dẫn từ ngày đầu Cách mạng tháng Tám (1945), Nguyễn Sáng trở thành hạt nhân nòng cốt trong hoạt động âm nhạc của tù nhân Côn Đảo. Ca khúc Ngày giải phóng được anh sáng tác tại Khám 5 Banh I trong những ngày vận động thành lập Liên Đoàn đã củng cố niềm lạc quan cách mạng cho tù nhân Côn Đảo. .

Ở hầu hết các khám, tù kháng chiến đã đoàn kết được với tù tư pháp (thường phạm). Một số tư pháp giác ngộ lợi ích chung của tù nhân và phục tùng sự lãnh đạo của tập thể đã được cử vào Ban chấp hành, được bầu làm chủ tịch hoặc đại diện. Riêng Sở Lưới, nhóm tù tư pháp do Tô Minh Nhật tức Mười Võ Sĩ cầm đầu vẫn gây khó khăn cho việc bầu ban chấp hành. Nhật ăm ức vì bị tù kháng chiến đánh đổ khi làm cặp rảnh ở Khám Lớn Sài Gòn. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Hội nghị lâm thời đã bố trí anh Phạm Trọng Hồng mãn hạn điều trị ở nhà thương được về làm ở kíp xe chỉ - vá lưới, góp phần xây dựng tổ chức tù nhân ở Sở Lưới.

Phạm Trọng Hồng có biệt hiệu là Hồng Năm Căn, Hồng Võ Sĩ, nổi tiếng trong những trận đụng độ với tù tư pháp ở Khám Lớn Sài Gòn. Khi ở Sở rẫy An Hải (đầu 1948), anh đã có kinh nghiệm hoà giải với tù tư pháp, liên kết được với Bảy Lửa để xây dựng Ban chấp hành tù nhân ở đó. Về Sở Lưới, anh cùng Hà Triệu Quý xây dựng khối đoàn kết tù nhân, đồng thời tranh thủ được Tám Gáo là cặp rảnh phó, Ba Đạt (dân anh chị, ở Tân Định), Ba Hạnh (dân anh chị ở Cầu Muối) và tổ chức hoà giải với Tô Minh Nhật. Ban chấp hành tù nhân Sở Lưới đã được bầu: Tô Minh Nhật là chủ tịch kiêm đại diện; Phạm Trọng Hồng là phó, phụ trách tổ chức nội bộ; Hà Triệu Quý là thư ký.

Đoàn kết giữa tù kháng chiến và tù tư pháp là nhân tố quyết định thành công trong việc bầu ra Liên Đoàn tù nhân Côn Đảo. Tù kháng chiến đã cảm hoá tù tư pháp bằng nhiều cách. Nhưng quan trọng hơn cả là cảm hoá bằng chính đạo đức, nhân cách của người tù kháng chiến; cảm hoá bằng sức mạnh độc lập tự do của một dân tộc đang gan góc chống ngoại xâm.

Tư Ba Đào khi làm cặp rảnh Khám 3 - Khám Lớn Sài Gòn đã được các đồng chí Vũ Huy Xứng và Phan Trọng Bình giác ngộ. Tư Ba Đào thường

xuyên khuyên anh em tù tư pháp nên đoạn tuyệt với quá khứ của mình mà đoàn kết với tù kháng chiến để sau này ra tù, khỏi hổ thẹn với các bậc “Anh Lớn”.

Trong những ngày vận động thành lập Liên Đoàn tù nhân, Tư Ba Đào ra lời kêu gọi các bạn tù tư pháp: “Các bạn hãy quên đi quá khứ giang hồ mã thượng của chúng ta, tích cực ủng hộ Liên đoàn, tiến tới Đại hội bầu ra một cơ quan lãnh đạo thống nhất trên toàn đảo”.

Đấu tranh chống khổ sai hà khắc

Trong những ngày sôi nổi vận động thành lập Liên đoàn tù nhân Côn Đảo, Sở Cui đi đầu trong phong trào đấu tranh đòi hạ mức khổ sai. Sở Cui là nơi khai thác các loại củi để cung cấp cho nhu cầu toàn đảo: Củi cành cho bếp tù; củi chẻ nhỏ gia đình gác dang, thầy chú, binh lính; củi gộc để nung vôi, đốt gạch và củi gỗ lớn chạy máy phát điện, máy hơi nước, máy lu, xe lửa, đốt lò than. Banh Sở Cui nằm trên một ngọn đồi thấp dưới chân Núi Chúa. Cạnh đó là Sở rẫy - Chuồng Bò, nơi trồng rau, nuôi trâu bò, lợn, chim bồ câu. Có lúc Sở Cui và chuồng bò thánng một chủ sở.

Đốn củi là một loại công việc khổ sai nặng nhọc và nguy hiểm. Tù nhân Sở Cui phải thức dậy từ mờ sáng, lót dạ một đũa cháo loãng rồi trần trụi leo núi, luồn rừng kiếm củi. Nhiều người bị cây đè, răn cấn, ngã xuống vực hoặc sốt rét, khổ sai đến kiệt sức. Tù nhân Sở Cui bị đòn như cơm bữa vì thiếu củi, vì xuống núi trễ giờ hay vì củi không đủ quy cách; nhưng họ được tương đối tự do trong giờ kiếm củi. Đó là cơ hội hiếm có để hội họp, thảo luận hoặc chuẩn bị vượt ngục. Khi tù nhân được tự do trong rừng, có sẵn dao, búa trong tay, ít khi bọn gác dang dám động tới. Chúng chỉ gây sự với họ tại cân nộp củi hoặc khi về banh.

Tù Sở Cui vượt ngục nhiều, mà số “bất trị” cũng không ít nên bọn chúa ngục bố trí những tên gác ngục hung bạo trông coi sở này. Khi ấy, Bênarét (Bénarès) một gác dang khét tiếng hung ác làm chủ sở. Tên này hành củi về củi gỗ, leo núi thuộc từng lối mòn, hang ngách. Hẳn thường sục sạo suốt ngày trên núi xem tù nhân làm cho đến chiều tà mới xuống bãi. Tay vung vẩy một khúc mây, hẳn sẵn sàng vụt xuống bất cứ người nào thiếu củi hay củi xấu, chửi rủa tù nhân những câu tục tũ bằng cả tiếng Pháp và tiếng Việt.

Tháng 7-1948, Bênarét đã đánh đập tới tấp cả kíp tù từ sân củi về đến banh. Nhiều tù nhân uất ức định dùng búa đập vỡ đầu hẳn trên núi rồi ném

xác xuống vực nhưng Ban chấp hành tù nhân đã ngăn kịp thời tư tưởng manh động ấy.

Đầu tháng 11-1948, Ban chấp hành tù nhân khu Sở Cui phát động một đợt đấu tranh đòi hạ mức củi. Đại diện tù nhân đưa yêu sách cho chủ sở, trong lúc đó anh em tự động lãn công bằng cách làm ít củi, lấy củi không đủ quy cách, xuống núi trễ giờ với lý do là mức củi cao, đường xa, củi tốt ngày càng hiếm. Ban chấp hành phát động tinh thần xung phong, khuyến khích cá nhân dám chịu phạt, chịu đòn mà chưa bãi công đồng loạt để tránh địch khủng bố truy tìm tổ chức trong buổi đầu mới thành lập.

Trần Văn Tôn, một người tù tư pháp án 8 năm khổ sai (số tù C.11631) đã đi đầu trong cuộc lãn công đòi hạ mức củi. Không ngày nào anh chịu nộp đủ và cùng chịu đòn với anh em mỗi chiều trên sân củi. Ngày 7-11-1948, Mười Tôn lên núi từ sáng đến sẩm tối mới xuống, trên vai chỉ có một bó củi nhỏ. Bênarét đánh anh chết ngay tại sân củi. Cái chết đau thương của Mười Tôn đã châm ngòi, làm bùng lên lửa căm thù nung nấu trong lòng tù nhân bấy lâu nay.

Ngay tối ấy, Sở Cui báo tin cho toàn thể tù nhân Côn Đảo biết. Ban chấp hành lâm thời Liên đoàn tù nhân Côn Đảo quyết định phát động một cuộc đấu tranh bằng hình thức đình công, tuyệt thực toàn đảo, để tang Mười Tôn, phản đối hành động giết người của bọn gác ngục Pháp. Hai ngày sau, các sở tù khổ sai đồng loạt đình công, không đi làm và bỏ ăn một ngày. Tù áo trắng cũng vào khám. Chiều hôm trước, anh em đã dán nhiều truyền đơn vào gốc cây trên các con đường quanh công sở để phản đối vụ giết Mười Tôn và tố cáo những tội ác của bọn giám thị nhà tù.

Lần đầu tiên toàn thể tù nhân Côn Đảo đã đồng tâm nhất trí đấu tranh, không phân biệt là tù kháng chiến hay tư pháp, là tù áo xanh (khổ sai) hay áo trắng (thư ký, bồi bếp). Họ biểu thị nỗi đau thương và lòng căm thù bằng một sự im lặng sắt đá.

Ngày hôm ấy toàn bộ các sinh hoạt trên đảo đều ngừng trệ. Lá bàng rụng đầy đường, nhà cầu của giám thị, công chức ngập phân không người quét dọn. Giám thị, binh lính, công chức, sĩ quan Pháp đều phải ăn đồ hộp hoặc

chui vào bếp tự nấu. Mọi cơ chế sinh hoạt trên đảo đều dựa vào sức lao động khổ sai của tù nhân, đến lúc này trở nên bế tắc.

1. Chén ăn cơm bằng mảnh gáo dừa.

Giám đốc La phốt (Henri Lafosse) mới tới nhận chức còn lo sợ hơn. Y ra lệnh báo động toàn đảo, đặt trung đội lính Pháp trong tình trạng chiến đấu, Tất cả gác ngục Pháp, Việt đều phải thường trực và được võ trang với cơ số đạn tối đa. Số tù nhân ở các cơ sở ngoài cũng bị dồn cả vào trong Banh I. Cửa khám luôn luôn khoá chặt.

Mặc dù tù nhân chỉ tuyên bố đình công, tuyệt thực một ngày, La phốt vẫn thận trọng cho cấm cố và bỏ đói họ thêm 2 ngày nữa. Khi đã yên tâm vì không có dấu hiệu bạo động, ngày 14-11-1948, y mới ra lệnh mở cửa cho tù nhân đi làm và phạt giam xà lim 7 tù nhân: Trịnh Xuân Hà, Vũ Ngọc Toàn, Hoàng Phúc, Trần Nhật Quang, Lê Tam, Đỗ Văn Đích và anh Bát.

7 anh hội ý với nhau và quyết định tuyệt thực ngay tại xà lim Banh I. Các anh tuyệt thực đến ngày thứ 7 thì Giám đốc xuống giải quyết. Hãn thanh minh chuyện phạt là vì tình nghi các anh cầm đầu tổ chức, xúi giục tù nhân đấu tranh. Nay thấy không có chứng cứ nên hủy bỏ lệnh phạt.

Cuộc tuyệt thực đình công toàn đảo lần đầu tiên này đã chứng tỏ sức mạnh đoàn kết của tù nhân Côn Đảo; đánh dấu bước phát triển về ý thức chính trị, ý thức tổ chức và ý chí đấu tranh của họ. Đó là dấu hiệu cho thấy điều kiện chín muồi để ra đời một tổ chức thống nhất của tù nhân Côn Đảo.

Sau vụ Mười Tôn, tên Giuyếcvave (Jurvaver) gác dang Banh I lại bắn chết anh Ba Minh tức Đồng Văn Huy (số tù B.2335) chỉ vì anh phản đối chế độ cấm cố, đòi bỏ còng. Anh đã bị cấm cố và 2 chân rông rã 3 năm trời, đến mức gần như phát điên. Khi anh đã trúng đạn gục ngã, tên sát nhân còn ngồi lên ngực, nã cả băng đạn còn lại vào đầu anh.

Tiếp đó, chủ Rờsec Nhắc lại tra tấn đến chết anh Nguyễn Văn Điều (số tù C.11802) vì bọn tay chân vu cho anh tội âm mưu vượt ngục. Mỗi lần như vậy, tù nhân đều tuyệt thực một bữa để phản đối. Dù chưa chặn được bàn

tay bọn giết người nhưng họ đã tỏ ý thức chính trị và tình đoàn kết tranh đấu chống lại sự bạo ngược của bọn thống trị.

Đầu tháng 12 năm 1948, La phốt được đảm tù gian cho biết, một tù nhân đã nhận được bức thư qua tàu pigeneau de Béhaine. Bức thư ấy ra lệnh thành lập những ủy ban nhằm chuẩn bị cho một cuộc tổng nổi loạn với mục tiêu phá hủy đài vô tuyến điện Hải quân, tiêu diệt hết viên chức nhà tù cùng gia đình họ và giải thoát tù nhân bằng một chiếc tàu hàng. Thời điểm hành động có thể vào dịp lễ Nôen hoặc Tết. Ngày 13-12-1948, La phốt gửi bức thư phúc trình số 154-C cho Thủ tướng chính phủ bù nhìn.

Sau khi thông báo nguồn tin trên, y đã trình bày các biện pháp đối phó trước mắt: “Nếu như kế hoạch đó vượt quá khả năng của tù nhân, nhất là việc vượt ngục với một tàu to, thì ít ra, nó cũng phát hiện một tổ chức vững chắc từ đất liền, đó là một nguy cơ không được xem thường.

... Hiện nay, tên cầm đầu tổ chức và khoảng 50 tù nhân đã bị nhốt xà lim vì biện pháp an ninh... Đội quân đồn trú và gác đang được đặt trong tình trạng báo động.

Một phạm nhân có cảm tình với chúng tôi (tức là mật báo của nhà tù) bị 5 tên ở gần hành hung (...) Anh ta bị thương bằng 10 nhát dùi đục, có một nhát gây thương tích khá nặng.

Một giám thị trong khi thi hành công vụ bị tấn công và bị thương ở đầu (...)

Thủ phạm các cuộc mưu hại đều bị nhốt xà lim”.

La phốt đánh giá tình hình chính trị ở Côn Lôn là “rất nghiêm trọng”, an ninh bị uy hiếp. Nếu cuộc tổng nổi loạn xảy ra thì 80 gác đang và thầy chú cùng 26 lính Sênêgan phải trực tiếp đối đầu với 1.400 tù nhân. Hãn khẩn cấp yêu cầu tăng cường ngay 5 gác đang chính thức, một trung đội lính tăng viện và 10 khẩu tiểu liên.

Hãn cho giam trên 50 tù nhân trong vụ “âm mưu đảo chính mới” này vào khám 7 theo chế độ cấm cố, hầu hết họ là tù nhân ở Sở Lưới, Chỉ Tồn và một số tình nghi ở các sở. Đồng thời hãn cho tăng cường các biện pháp an

ninh theo phương án chống bạo động và vượt ngục. Một số người bị giam ở xà lim Banh II.

La phốt buộc tất cả binh lính và viên chức nhà tù chịu đựng tình trạng căng thẳng ấy cho đến tết âm lịch 1949. Nhưng, không có cuộc tổng bạo loạn nào cả. Bọn tù gian đã phóng đại rất nhiều lần những tin tức mà chúng thu lượm được. Việc liên hệ giữa tù chính trị Côn Đảo với đất liền qua các tàu hàng vẫn được duy trì bí mật, song không có một bức thư nào từ đất liền chỉ thị việc tổng nổi loạn ở Côn Đảo cả.

Tuy nhiên, có nhiều cuộc giải thoát đang được những nhóm tù nhân kháng chiến chuẩn bị thì hẳn lại hoàn toàn không biết.

Chiếm đèn pha Bảy Cạnh, vượt ngục

Vào lúc La phốt không ngờ nhất thì kíp tù nhân làm khổ sai ở Bảy Cạnh đã bạo động chiếm pha, vượt ngục. Khi ấy đã cuối mùa gió chướng.

Từ giữa năm 1948, công việc sửa pha (Hải Đăng) đã được tiến hành. Nhân lực ấy trong tù nhân ở Sở Lưới và Chi Tồn. Buổi sáng sớm kíp khổ sai phải theo sà lan chở vật liệu sang Bảy Cạnh. Sau 2 giờ đồng hồ bị sóng gió nhồi lắc, họ lại phải lội xuống nước, chuyển vật liệu vào bờ rồi chia nhau gùi lên đỉnh pha cao 200m. Sóng gió, nắng hè, dốc núi, đòn roi làm cho họ kiệt sức. Chiều tối họ lại theo sà lan về banh. Kíp tù làm khổ sai Bảy Cạnh chỉ được vài ngày là ốm hết nên chúng lại phải đổi nhân lực cho các kíp khác.

Bảy Cạnh trong những ngày ấy trở thành sở khổ sai khủng khiếp và cũng là nơi thôi thúc chí vượt ngục của tù nhân. Kíp Chi Tồn và Sở Lưới do Thái Mập và Hồng Võ Sĩ chỉ huy chuyển vật liệu từ tàu Nicôlô sang Bảy Cạnh đã tính cướp tàu vượt đảo. Do bọn gác ngục rất cảnh giác và thiếu sự nhất trí của nhóm tù tư pháp (Tô Minh Nhật, Tư Phát) nên việc ấy không thành.

Lần khác, ba tù nhân làm khổ sai ở Bảy Cạnh là nguyên Văn Tuy, Lục, Ngàn đã trốn lên rừng tre phía tây đảo này để đóng bè vượt ngục. Nhà tù phải đưa một tiểu đội lính, một tổp gác dang và một đội Rờsec truy lùng cả tuần. Cả ba người tù vượt ngục đều bị bắt về sở Rờsec, bị tra tấn đến mức không ai còn nhận ra hình hài, mặt mũi nữa.

Đầu tháng 5 năm 1949, Giám đốc nhà tù quyết định đưa một kíp tù sang ở hãn hòn Bảy Cạnh để giảm bớt thời gian đi và về, tăng hiệu quả công việc. Kíp gồm 4 tù nhân, chọn trong số tù vừa ở Khám Lớn ra được 2 ngày. Anh Đặng Xuân Hà được chỉ định làm đại diện kíp, sau đó đã được anh em bầu làm Chủ tịch Ban chấp hành tù nhân khu Bảy Cạnh. Đặng Xuân Hà tức Hà Lèo quê ở Huế, là cán bộ tình báo Khu 6 bị bắt tại Nha Trang, đưa về Sài Gòn (3-1948). Tại Khám Lớn, Hà Lèo đã được nghe về hàng chục cuộc

vượt ngục của tù Côn Đảo, đã nuôi chí đi đảo để vượt biển. Trên đường sang Bảy Cạnh, Hà Lèo đã bàn với những người cùng chí hướng như Vĩnh Yên, Giỏi, Vôn, Nhiều về khả năng cướp pha vượt ngục. Cuộc bạo động nổ ra vào tuần thứ 2 kể từ khi họ đặt chân lên Bảy Cạnh.

Một buổi sáng chủ nhật giữa tháng 5-1949, nhóm hành động đã khởi sự, bắt gọn gác dang Sác tông (Charton) và một thầy chú tại bãi đổ vật liệu dưới chân núi. Sau đó, Hà Lèo cử một tốp lên pha bắt gác dang Brátxiê (Brasiner) và vợ chồng gác pha Đuypay (Dupay), đoạt một tiểu liên, một súng trường và một số lựu đạn; chủ pha Sơvaliê (Chevalier) thoát nạn vì hăn đã đem máy vô tuyến điện theo tàu về Côn Đảo sửa từ chiều hôm trước.

Ban lãnh đạo cuộc bạo động đã giải thích cho gác ngục và vợ con họ hiểu mục đích cuộc bạo động là để vượt ngục về tham gia kháng chiến. Những người tù chính trị sẽ thực hiện đúng chính sách tù hàng binh, bảo đảm cho họ tính mạng và tư trang, không bị đánh đập ngược đãi. Ban lãnh đạo còn cắt cử những người tin cậy canh gác cẩn thận, đề phòng một số tù tư pháp lưu manh phá ngọan đên pha hoặc có hành động xấu với vợ con thủ pha, gác ngục.

Tù nhân được chia làm nhiều tốp chuyển vật liệu, đóng thuyền và chặn đánh địch nếu chúng phản kích. Ngay chiều đó, họ đã xong một chiếc thuyền gỗ hình chữ nhật, dài 6 mét, rộng 2,5 mét, cao 1,5 mét. Thuyền được bọc thiếc bên ngoài và ép vải, quét sơn bên trong cẩn thận. Chập tối hôm đó thuyền được hạ thủy, nhưng do làm vội nên nước rò vào nhiều, không đi nổi. Sóng lớn Xô thuyền vào bờ đá vỡ tan. Kịp tù vượt ngục mệt mỏi gom lại từng mảnh ván đóng lại thuyền, dự định hạ thủy vào chiều hôm sau.

Mặc dù được đóng lại cẩn thận hơn, song chiếc thuyền vẫn trở nên mong manh vì quá nhỏ bé so với gần 50 người vượt ngục. Ban lãnh đạo cuộc vượt ngục quyết định không đưa gác dang và vợ con họ đi theo như dự kiến. Do bất đồng ý kiến, tốp đóng thuyền (trong đó có một số tù thường phạm) cho hạ thủy trước giờ hẹn, bỏ lại Ban lãnh đạo cuộc vượt ngục và

một số tù chính trị phải làm nhiệm vụ trên pha. Hơn 20 người xuống thuyền đã trở về đất liền sau 4 ngày đêm vượt biển, còn 19 người thuộc phái chủ trương không phá hải đăng, không cướp bóc tư trang, đối xử nhân đạo và không bắt gác dang đi theo đã bị bỏ lại.

Cảm phục nhân cách cao thượng và lòng nhân đạo của tù chính trị, vợ chồng gác pha Đuypay, cùng vợ chồng gác dang Brátxiê đã đồng tình kiến nghị với Giám đốc nhà tù trả lại tự do cho 19 người tù còn lại. Gác pha Đuypay, nhân chứng tích cực bảo vệ cho 19 tù kháng chiến đã khẳng định trước Giám đốc nhà tù: “Các anh ấy đã không động đến lông chân chúng tôi, không đụng đến thân thể vợ con tôi. Các anh ấy đã bảo đảm tính mạng cho chúng tôi và ngọn đèn pha”¹.

1. Đặng Xuân Hà - Ngọn cờ đỏ sao vàng trên Côn Đảo. Hồi ký, bản viết tay của tác giả, tr. 13. Hồ sơ lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

Anh Đặng Xuân Hà đã phổ biến cho anh em cách khai cung thống nhất: “Chúng tôi muốn về với gia đình. Chúng tôi chỉ phản đối việc phá phách ở pha và ngược đãi những người Pháp đang bị giam giữ cho nên bị bỏ rơi”.

Vợ Đuypay đã từng được Giám đốc La phốt đặc biệt ưu ái nay cũng cố gắng bảo vệ những người tù vượt ngục bị bỏ rơi. Bà ta nói với Giám đốc rằng, nếu không có những người tù chính trị này thì cánh tù thường phạm đã làm tan nát đời bà rồi. Nhờ vậy những tù nhân này được điều dưỡng một thời gian ở Nhà Thương. Một năm sau, họ được trả tự do.

Thắng lợi của cuộc bạo động pha Bảy Cạnh không chỉ dừng lại ở việc giải thoát một số đồng tù nhân mà còn có ý nghĩa trên lĩnh vực binh địch vận. Thái độ nhân đạo và đúng đắn của những người tù chính trị trong cuộc vượt ngục đã nâng cao uy tín của tù chính trị trong binh lính và gác ngục Pháp. Đuypay và Brátxiê đều chân thành tâm sự với tù nhân rằng: khi về Pháp, họ sẽ kể chuyện về nhân cách cao thượng của tù chính trị để nhân dân Pháp hiểu rõ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Việc sửa chữa pha Bảy Cạnh bị đình trệ. Trong một thời gian dài, pha được giữ nguyên hiện trạng, 4 người tù đưa sang làm bồi phục dịch ở pha bị kiểm soát nghiêm ngặt. Cuộc bạo động pha Bảy Cạnh nổ ra bất ngờ, dường như lại xác nhận cho bản báo cáo ngày 13-12-1948 của Giám đốc nhà tù về một âm mưu tổng nổi loạn là có cơ sở. Mặc dù không đàn áp tù nhân, không nghiệt ngã với những người bị bắt lại, Giám đốc La phốt vẫn tiến hành những biện pháp an ninh. Nhiều tù nhân tiếp tục bị bắt vào cấm cố.

Sau sự kiện Bảy Cạnh, La phốt tăng cường bố phòng trên toàn đảo, khuyến khích hoạt động của đám tù gian, mở nhiều cuộc khám xét nhằm phát hiện các âm mưu bạo động, vượt ngục. Bọn tù gian đã chỉ điểm cho nhà tù bắt được nhiều tài liệu và cơ sở in ấn tại Khám Chi Tồn, Banh I.

Sở Tiêu là một trong những cơ sở đóng ghe vượt ngục cũng bị bố ráp. Chúng bắt Tú Tường tại Sở Tiêu cùng với bản Điều lệ và danh sách ban chấp hành Liên đoàn tù nhân Côn Đảo vừa được bầu cử. Anh Duy, thư ký lực sự bị chủ sở Rờsec Nôvắc chặn lại khám xét khi anh mang giấy in, mực in vào khám. Nguyễn Quốc, hình lái xe lửa ở Bản Chế bị tên Tốt chỉ điểm, bị chủ sở bắt với nhiều tập san, báo chí, bản nhạc, lịch và danh sách bầu cử Ban chấp hành Liên đoàn. Cơ sở in ấn ở Khám 2 bị lộ. Nhiều tù nhân ở kíp thợ mộc (bản chế) bị tra khảo để tìm người làm khung in bột.

Bố phòng nghiêm ngặt, khám xét, bắt bớ, tra khảo, cấm cố, còng xiềng là những biện pháp cấp bách của La phốt. Tù nhân bị phạt xà lim, cấm cố nhiều nên thiếu nhân lực, La phốt áp dụng kiểu phạt xiềng vẫn bắt đi làm khổ sai để vừa hành hạ vừa bóc lột họ. Phạt xiềng cũng có nhiều kiểu:

– Xiềng đôi là hai chân khóa chung một sợi xiềng đóng ngang mắt cá cổ chân; sợi xích dài khoảng 40 cm, buộc người bị phạt muốn đi lại phải nhích từng chân một, nếu chạy là ngã ngay.

– Xiềng tạ là hình phạt nặng hơn. Một đầu xiềng cặp vào cổ chân, còn đầu kia là một quả tạ nặng khoảng 5kg. Muốn đi lại, người tù phải kiếm thêm một sợi dây vắt qua vai để nâng quả tạ lên ngang lưng, tay nắm lấy đầu dây kéo ghì xuống. Người bị phạt cũng có thể cầm quả tạ vào tay khi đi

lại. Lúc mỏi tay, phải để quả tạ lê trên đường, mỗi bước đi quả tạ lăn qua lăn lại, giật sợi xiềng siết vào cổ chân đau nhói như thức tỉnh người tù thậm trọng hơn nữa trong kế hoạch vượt ngục.

La phốt còn cho áp dụng một hình phạt nữa đối với anh em đã trốn không thoát, bằng cách cạo trọc đầu. Những người đã từng có án trốn thì chỉ cạo nửa đầu để làm dấu cho gác ngục đặc biệt cảnh giác. Tất cả những người bị bắt, sau thời hạn phạt xà lim đều bị đưa về cấm cố tại Khám 6 Banh I. Khám 6 trở thành nơi tập trung những người lãnh đạo ở tất cả các khu, trở thành trung tâm lãnh đạo của tù nhân Côn Đảo lúc đó.

Trừ gian

Để bảo vệ tổ chức và hoạt động của mình, tù nhân kháng chiến ở một số khu đã tìm cách trừ khử những tên tù gian làm tay sai, chỉ điểm cho bọn gác ngục. Lực lượng xung kích trừ gian là những chiến sĩ trong các Ban công tác nội thành Sài Gòn - Gia Định và Chợ Lớn. Nguyễn Đình Chính, nguyên Trưởng ban công tác I khi bị giam ở Khám tử hình Côn Đảo đã khích lệ đồng đội của mình: “Nhiệm vụ của Ban công tác thành là giết giặc trừ gian thì ở ngoài đời hay vào tù đều phải giết giặc trừ gian”.

Anh Nguyễn Văn Hai bị bắt lúc đang sơn vải làm thuyền, bị phạt hai xiềng tạ ở hai chân. Anh cầm quả tạ vào hai tay mỗi lần di chuyển, dáng như người chiến sĩ cầm hai quả lựu đạn xông ra mặt trận nên có biệt danh là “Hai lựu đạn”.

Mở đầu phong trào trừ gian, các anh Xây, Thế, Tâm Con và Năm Mến đã diệt tên Nguyễn Văn Tốt (số tù C.10980), tay sai đắc lực của chủ sở Bản Chế Noóc măng. Bị đưa về Sài Gòn để xử chồng thêm án, các anh lại tổ chức diệt luôn tên Võ Phương Ninh, một tên chỉ điểm rất nguy hiểm ở Sở Lưới. Chính hấn đã phát giác âm mưu cướp tàu Nicô lô và vu cáo âm mưu bạo loạn của tù nhân để bọn chúa đảo đàn áp, bắt hàng chục tù nhân vào xà lim cấm cố. Tên Ninh đã bị các anh Trần Văn Thành (chiến sĩ Cô Tô), Nguyễn Quốc Hương (ban công tác thành) và Linh Còm đâm tại Côn Đảo nhưng không chết, được đưa về Sài Gòn chữa trị.

Nhóm trừ gian ở Bản Chế gặp lại Võ Phương Ninh ở Khám Lớn. Các anh Ngọt, Xây, Tâm Con và Năm Mến quyết tâm khử hấn. Xây rử Võ Phương Ninh đánh cờ, Năm Mến bất ngờ đè hấn xuống, Ngọt dùng dao nhọn đâm. Tâm Con đứng ra nhận chỉ một mình anh giết Ninh và chịu lãnh thêm một án 5 năm tù nữa.

Mất tên tay sai đắc lực Nguyễn Văn Tốt, Noóc măng lại tìm cách mua chuộc y tá Trương Hải. Nhận thấy Hải thường lấy thuốc trong tủ thuốc của

tù nhân cho chủ sở và được Noócmăng ưu đãi, Hải không tham gia tổ chức và sinh hoạt theo chỉ đạo của Ban chấp hành tù nhân nên nhóm trừ gian thứ 2 ở Bản Chế quyết định giết Hải. Các anh Trần Ngọc Phả, Nguyễn Duy Tiêu, Nguyễn Văn Lúc và Ngô Viết Hoàn đã phân công nhau, ai gặp điều kiện thuận lợi là giết. Anh Phả xung phong đứng ra nhận hết, dù là ai giết. Gặp dịp, Ngô Viết Hoàn đã hạ Trương Hải bằng 2 nhát đục thợ mộc. Noócmăng tập hợp tất cả kíp tù nhân lại, mặt xám ngắt, tay lăm lăm khẩu súng lục và tuyên bố:

– Đứa nào giết y tá Hai thì bước ra, nếu không tao bắn hết?

Anh Trần Ngọc Phả bước ra khỏi hàng, vừa kịp nói: “Tôi” thì Noócmăng nhắm ngực anh nã luôn ba viên đạn. Anh em ở Nhà Thương đã cấp cứu cho anh Phả, còn tên Hải bị bỏ mặc cho chết.

Noócmăng là gác dang lâu đời ở Bản Chế, tàn bạo và hiểm độc. Hắn thường đánh tù bằng bất cứ thứ gì vớ được trong xưởng như dùi đục, kìm sắt, thanh gỗ, hòn đá. Đối đầu với một tên chủ sở vào loại hung ác nhất, tù nhân ở Bản Chế đã nung nấu căm thù, chỉ chờ dịp đấu tranh. Hôm ấy, Ban chấp hành tù nhân khu Bản Chế đã nhắc nhở anh em kìm nén, không để bột phát nổ ra trong tình thế bất lợi.

Chỉ ít hôm sau, nỗi uất ức của tù nhân đã có dịp bùng lên. Hôm ấy, bác Tư chở nước ngọt đến nhà Noócmăng thì bỗng nhiên con bò trở chứng bất kham làm xe nước đổ lênh láng. Noócmăng không nói không rằng, rút cộc xe phang luôn vào đầu bác. Hắn còn nhặt đá ném theo khi bác chạy về phía anh em đang làm. Anh Huệ và anh Thăng là ủy viên trong ủy ban tranh đấu có mặt ở đó đã phát lệnh cho anh em tắt máy ngừng làm việc. Dự đoán địch sẽ đưa quân xuống khủng bố, anh Huệ đã rạch thêm vài nhát dao lam dưới chân tóc bác để máu chảy nhiều, tạo ra tình thế nghiêm trọng.

Khi Noócmăng đuổi theo tới xưởng thì anh em đã ngồi yên lặng vây quanh bác Tư. Bác nằm thiêm thiếp, máu từ đầu chảy loang trên mặt, thắm đỏ áo. Noócmăng báo cáo Giám đốc là tù nhân Bản Chế nổi loạn, yêu cầu tiếp viện. Hai mươi phút sau, bọn lính da đen đã vây kín và chĩa những họng súng đen ngòm vào mấy chục người tù. La phốt bước vào, theo sau là

Giám thị trưởng cùng tên trung úy chỉ huy đội lính và hơn chục gác ngục Pháp. La phốt hỏi:

– Ai là chỉ huy ở đây

Anh Huệ và anh Thắng bước ra điềm tĩnh trả lời:

– Thưa thiếu tá, ở đây không có ai chỉ huy ngoài ông Noócmăng. Còn đại diện cho anh em tù là hai chúng tôi.

Không khí căng thẳng đã dịu bớt. La phốt bắt đầu cuộc đối thoại và lắng nghe tù nhân trình bày. Anh Huệ và Lương Văn Thắng đã thay mặt tù chính trị tố cáo hành động đánh đập dã man, xử phạt vô cơ của chủ sở và tuyên bố:

– Trước hành động dã man của chủ sở Noócmăng đã bắn anh Phả hai hôm trước, nay lại đánh vỡ đầu bác Tư, chúng tôi tuyên bố sẽ không đi làm nữa, nếu ông Noócmăng còn ở sở Bản Chế này.

Giám đốc nhượng bộ, đưa Đominíchơ Mai, một gác ngục lai, quốc tịch Pháp về thay Noócmăng.

Nhà tù đang cần phải hoàn thành gấp chiếc sà lan gỗ đang đóng dở ở Bản Chế để phục vụ việc bốc dỡ, vận chuyển hàng. Noócmăng bị hất khỏi một sở có nhiều bổng lộc nhất thì rất âm ức. Hắn cho già Keo, một tay sai trung thành uống rượu say rồi đốt kho Bản Chế để hại giám thị Mai và kiếm cơ khủng bố tù nhân, âm mưu bị phát hiện, đám cháy được dập tắt. Giám thị Mai trực tiếp lấy cung già Keo. Biết toàn bộ âm mưu bị bại lộ, Noócmăng tìm mọi cách chạy chọt, hiến cả vợ và con gái Hêlen (Hélène) mới 17 tuổi cho Giám đốc nhà tù. Kết quả là già Keo được tha. Noócmăng về làm xếp Banh I. Một thời gian sau hắn đổi về Sài Gòn rồi chết vì bệnh lao.

Tháng 6 năm 1949, tên mật thám Trần Dư đã bị đền tội tại Sở Ruộng. Dư làm mật thám cho Pháp khảo cung tù nhân ở bót Catina (Sài Gòn) dưới quyền của hai tên ác ôn Mai Hữu Xuân và Trần Bá Thành. Không có người tù nào qua bót Catina lại không đổ máu vì chúng. Nhiều đội viên Ban công tác I đã tính giết hắn từ Sài Gòn mà chưa có dịp. Nay do mâu thuẫn nội bộ

mà hẳn bị phạt tù, đày ra đảo. Bọn giám thị nhà tù cho hẳn nuôi vịt ở Sở Ruộng, cách ly hẳn với tù kháng chiến, nhưng không thoát.

Hôm ấy, tù ở Khám 6 đập đá ở ngoài bãi gần Chuồng Bò, Nguyễn Quốc Hương và Nguyễn Trí Tuệ được cắt phiên đi lấy rau về cải thiện. Hương qua Sở rẫy Chuồng Bò mượn một lưỡi mác giắt sau lưng. Đến Sở Ruộng, không thấy Dư, Hương và Tuệ lội xuống ruộng hái rau muống. Đúng lúc ấy, Dư về cũng lội xuống hái rau. Tuệ ôm Dư, Hương đâm chết Dư ngay tại ruộng. Sau đó Quốc Hương đến thẳng Sở Cò tự nhận mình đã giết Trần Dư (số tù A.2392).

Sau những trận đòn trả thù ở Sở Cò, Hương bị đưa về Sài Gòn nhận thêm bản án mới. Bọn tù gian chỉ điểm ở các sở khác cũng bị tù nhân trừng trị. Tên Sổ ở Sở Cùi đã bị Hoàng Kiếm Thanh trừ khử với sự hỗ trợ của Vũ Văn Thùy tức An. Hoàng Kiếm Thanh là một người tù tư pháp loại anh chị, được giác ngộ từ Khám Lớn. Hoàng Kiếm Thanh đi tham gia tổ chức của tù nhân kháng chiến, thực hiện xuất sắc nhiều nhiệm vụ của Liên đoàn tù nhân. Trong vụ diệt tên Sổ, anh Vũ Văn Thùy nhận hết để Hoàng Kiếm Thanh khỏi bị truy tố, ở lại đảm nhiệm những nhiệm vụ của Liên đoàn tù nhân. Vũ Văn Thùy sau khi lãnh thêm án, trở ra đảo là một chiến sĩ giao liên xuất sắc, có lúc được bầu làm Chủ tịch Ban chấp hành tù nhân liên khu II với bí danh Ngô Tùng.

Ngày 5-12-1950, anh Giáp và anh Sáu Cây tức đoàn Minh Đình đã diệt tên Vàng (số tù A.2293) chỉ điểm tại Nhà Thương. Anh Giáp nhận, nhưng Sáu Cây cũng bị truy tố ra tòa.

Công tác trừ gian đã chặn đứng hoạt động phá hoại, chỉ điểm của bọn tù gian, bảo vệ được tổ chức và lực lượng của tù nhân.

Liên đoàn tù nhân Côn Đảo

Tháng 7-1949, anh Nguyễn Đình Thâu được giảm án tử hình về Khám 6 Banh I. Anh đã góp sức cùng anh em đẩy mạnh việc xây dựng Liên đoàn tù nhân Côn Đảo Anh Phan Văn Đại sau một thời gian làm thư ký thường trực Hội nghị lâm thời chỉ đạo việc bầu Ban chấp hành ở các khu cũng bị phạt xà lim rồi về Khám 6. Hai anh Lê Ngân và Trần Quốc Phiên mới ra sở Chỉ Tồn được cử làm thư ký thường trực để chỉ đạo các khu hoàn thành việc bầu cử.

Mùa gió chướng thứ hai của thời chúa đảo La phốt, những cuộc vượt ngục thưa hẳn đi. Hàng loạt các biện pháp an ninh và kỷ luật của La phốt tỏ ra có hiệu lực trong một chừng mực. Mặt khác, khối tù nhân lại đang tập trung tất cả hoạt động vào việc bầu ra cơ quan lãnh đạo cao nhất của tù nhân trên toàn đảo.

Tháng 11-1949 các khám đã hoàn thành việc bầu cử, Tạp chí Côn Đảo Mới, tiếng nói của Liên đoàn tù nhân đã công bố danh sách ban chấp hành gồm: Chủ tịch Tư Ba Đào, Phó chủ tịch kiêm tổng đại diện Trịnh Xuân Hà, Trưởng ban tuyên truyền Trương Anh Tuấn, Trưởng ban huấn học Lê Ngọc Hương, Trưởng ban xã hội Nguyễn Tiếp, và Nguyễn Ngọc Sớm, ủy viên phụ trách giao thông liên lạc...

Bản điều lệ của Liên đoàn tù nhân quy định rõ nhiệm vụ và chức năng của các thành viên Ban chấp hành Côn Đảo. Điều lệ qui định liên đoàn được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Tù nhân các khu trực tiếp bầu ra Ban chấp hành khu và bầu đại biểu vào Hội đồng tù nhân Côn Đảo. Hội đồng sẽ cử ra Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân.

Nhưng hoàn cảnh trong tù không cho phép hội họp tự do dân chủ như vậy. Trên thực tế là tù nhân các khu đã bầu thẳng các thành viên của Ban chấp hành Côn Đảo, phần nhiều là chấp nhận bản danh sách đề cử mà thư ký thường trực lâm thời gửi đến.

Khi chuẩn bị tranh đấu, thì ở mỗi cấp bầu ra ủy ban tranh đấu để chỉ đạo cuộc đấu tranh theo yêu cầu mà Ban chấp hành Liên đoàn đề ra. Ủy ban tranh đấu là cơ quan lãnh đạo cao nhất trong đợt đấu tranh. Sau khi kết thúc đấu tranh, ủy ban tranh đấu mới giao quyền lãnh đạo lại cho Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân các cấp.

Điều lệ cũng quy định mỗi tổ chức cơ sở của Liên đoàn (khám tù, sở tù) là một khu; mỗi trại giam (banh), gọi là một liên khu, và cấp cao nhất là Ban chấp hành liên đoàn. Buổi đầu, do số lượng tù nhân ít nên hệ thống tổ chức của Liên đoàn chỉ có 2 cấp: Cấp cơ sở (khu) và cấp Liên đoàn (toàn đảo); cấp liên khu có tên mà chưa có Ban chấp hành.

Ban chấp hành tù nhân ở các khu cũng có cơ cấu tương tự như cấp Liên đoàn nhưng có thêm Ban trật tự. Công tác trật tự rất quan trọng. Kể từ lúc anh em thức dậy cho đến khi đi làm, ăn uống, nghỉ ngơi, đều cần có sự điều khiển của Ban trật tự. Khi cuộc tranh đấu nổ ra, nhiệm vụ của Ban trật tự rất quan trọng cả về phương diện tổ chức, an ninh nội bộ cũng như đối phó với giám thị. Khi địch đàn áp, Ban trật tự sẽ câu tay nhau chịu đòn ở vòng ngoài, bảo vệ lãnh đạo và những người ốm yếu. Đối với nội bộ, Ban trật tự theo dõi những người sa sút tinh thần và ngăn cản có hiệu lực những trường hợp bỏ cuộc, nhảy ra đầu hàng địch.

Các khu tự chọn phiên hiệu cho đơn vị mình để dùng trong Văn bản giao dịch nội bộ, không dùng tên gọi của nhà tù. Banh I mang tên Liên khu Võ Nguyên Giáp, vị Tổng tư lệnh các lực lượng võ trang kháng chiến. Banh II mang tên Liên khu Nguyễn Bình, vị Tư lệnh các lực lượng võ trang ở Nam bộ. Sau những cuộc thảo luận dân chủ, tù nhân các khu đều chọn tên cho đơn vị mình. Có khám mang tên một vị anh hùng dân tộc hoặc mang tên những đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Quân đội... Có khám mang tên một chiến sĩ ưu tú đã hy sinh anh dũng.

Nhân dịp Liên đoàn tù nhân Côn Đảo ra đời, Chủ tịch Tư Ba Đào ra lời hiệu triệu, in trên tạp chí Côn Đảo Mới, kêu gọi toàn thể tù nhân:

“Đoàn kết nhất trí xung quanh Ban chấp hành, tạo thành một lực lượng vững chắc đối phó với mọi âm mưu đen tối của nhà tù.

Mọi hành động cử chỉ của tù nhân đều tuân thủ theo sự chỉ đạo của các Ban chấp hành khu, Ban chấp hành khu thực hiện đúng các chủ trương đường lối của Ban chấp hành Côn Đảo.

Đẩy mạnh các hoạt động không ngừng nâng cao ý chí chiến đấu, cải thiện sinh hoạt vật chất và tinh thần”¹.

Liên đoàn tù nhân Côn Đảo ra đời đã tạo nên một bước chuyển biến lớn lao trong đời sống chính trị của lớp tù nhân kháng chiến. Liên đoàn vừa là hình ảnh của khối đoàn kết dân tộc trong tù, vừa giống như một chính quyền của tù nhân, trên thực tế có đầy đủ hiệu lực với khối tù trong hoạt động bí mật cũng như khi tranh đấu công khai. Ngay cả kẻ thù, dù không thừa nhận nhưng trong nhiều trường hợp đã không thể bác bỏ được vai trò của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo.

Nếu như phong trào vượt ngục trong mùa gió chướng 1947-1948 như một cơn lốc cuốn, làm sụp toàn bộ tham vọng trị tù bằng thủ đoạn lừa mị của Bruylê thì phong trào đấu tranh quyết liệt của khối tù nhân, sau khi Liên đoàn ra đời, đã làm cho những biện pháp “cứng rắn” nhất của La phốt cũng trở nên vô hiệu. Đối lại, trong cuộc đối đầu với La phốt, tù nhân cũng phải đổ khá nhiều xương máu.

Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, báo chí trong tù

Từ khi có Liên đoàn, phong trào Bình dân học vụ phát triển mạnh theo khẩu hiệu: “Biển khám đường thành học đường”. Ban huấn học tích cực vận động mọi người học tập theo phương châm “Không để một ai ngồi không mà không học, không đọc”.

Khám 6 có ông già Trị (thường phạm) mù chữ. Khi còn làm khổ sai ở các sở ngoài, ông chú tâm vượt ngục nên chẳng học được chữ nào. Vào cấm cố thấy mọi người say mê học, ông mới thêm khát được biết đọc, biết viết và đọc được thư của con cháu như mọi người. Ông cặm cụi mài từng mẫu san hô thành viên phấn nhỏ, nắn nét viết từng nét chữ theo sự hướng dẫn của những người tù trẻ. Ba tháng sau, ông viết được thư về nhà. Khi nhận được thư hồi âm, ông rưng rưng đọc nhẩm từng chữ, xúc động như cảm nhận một điều kỳ diệu. Ông cười mà nước mắt giàn giụa. Ông nói với anh em tù chính trị chỉ trạc tuổi con ông: “Tụi bây khá quá. Tao không ngờ ở với tụi bây lại sáng mắt ra”.

Khám 6 còn có ông già Kim mù chữ, vốn là một người nghèo khổ, bị xã hội thực dân ngược đãi đến bần cùng, rồi trở thành tướng cướp. Ông lầm lì ít khi nói chuyện, chỉ nằm hút thuốc một mình, rất thờ ơ khi anh em vận động học chữ. Lý lẽ của ông là mấy chục năm nay không biết chữ mà vẫn sống được thôi. Cán tù trẻ cứ theo ông thuyết phục hàng ngày. Cuối cùng, nằm mãi một mình cũng chán, ông nhận lời học nhưng thiếu kiên trì, thích thì học, chán thì bỏ, học trước quên sau. Thầy nào gặp ông cũng chán, không ai dạy được ông quá một tuần. Ban huấn học phải nhiều lần động viên khuyến khích cả thầy lẫn trò. Đến lượt Vương Tự Kiên nhận dạy ông theo phương pháp mới. Khi nào ông thích thì anh dạy, lúc ông chán thì thôi ngay. Hằng ngày anh gần gũi ông, vừa năn nỉ vừa khích lệ. Thấy ông thêm

thuốc, bản thân là anh đến Ban xã hội xin thuốc cho ông hút. Nhờ vậy, ông theo học được một thời gian dài, biết đọc, biết viết, mặc dù chữ rất xấu.

Phong trào học văn hóa lôi cuốn nhiều người tham gia. Người nào biết chữ rồi thì học chương trình phổ cập cấp I Trật tự viên chia cho mỗi người một ô nhỏ trên sàn khám. Họ giấu sẵn những mẫu san hô non, mẫu gạch mài đi làm phấn để viết chính tả, giải toán, làm văn. Sôi nổi nhất là những kỳ sát hạch, thi lên lớp hoặc chuyển cấp. Học viên làm bài thi ngay trên Ô bảng của mình. Lưng trần bóng nhẫy mồ hôi, cặm cụi cho đến hết giờ khi trật tự viên ra hiệu lệnh hết giờ bằng chuông miệng “boong... boong!” thì tất cả ngưng làm bài. Họ hồi hộp chờ thầy đến chấm, cũng “ghen tuông” tự ái hoặc năn nỉ xin thêm điểm như trẻ nhỏ. Người đạt điểm cao trong mỗi kỳ thi được nhận phần thưởng là bằng khen miệng của Ban huấn học trong buổi phát thanh tối ấy.

Sinh hoạt buổi tối của tù nhân ở các khu rất sôi nổi: mở đầu bằng buổi phát thanh ở từng khu. Khi tiếng chuông miệng “boong!... boong!” của trật tự viên vang lên, mọi người đều ngồi ngay ngắn và yên lặng. Từ góc khám vang lên tiếng nói: “Đây là đài phát thanh khu... Tiếng nói của tù nhân khu...”. Chương trình phát thanh thường ngắn gọn, nhằm phổ biến chủ trương, chỉ thị của Liên đoàn. Kế đó là phát thanh viên đọc tin, điểm báo. Thứ bảy hoặc ngày lễ có chương trình văn nghệ truyền thanh.

Buổi phát thanh ở khu thường diễn ra trong khoảng 30 đến 60 phút. Đó là một hình thức sinh hoạt tập thể có tính giáo dục cao của Liên đoàn tù nhân. Nó không chỉ bó hẹp ý nghĩa trong việc thông tin, giải trí, phát thanh mà còn biểu hiện sự trưởng thành của ý thức tập thể, của sự thống nhất lực lượng và hiệu quả của sự giáo dục, rèn luyện hằng ngày.

Sau buổi phát thanh, tù nhân mới tản ra theo các nhóm học tập và viết thông báo, chỉ thị, tổng hợp tin tức tình hình, in ấn tài liệu Ban trật tự cử người canh gác đề phòng bọn gác dang tuần tra, rình mò để kịp thời báo động cho anh em trong khám và các khám bên cạnh.

Các hoạt động báo chí văn nghệ đã có tác động tích cực đối với hoạt động của tù nhân, Ngoài tờ Côn Đảo Mới, tiếng nói của Liên đoàn, Ban

tuyên huấn còn phụ trách tờ Đời Sống Mới nhằm phục vụ công tác tuyên truyền và cổ động phong trào “đời sống mới” trên Côn Đảo. Các anh Trương Anh Tuấn, Trịnh Xuân Hà vừa là người lãnh đạo vừa là chủ bút và là người viết bài chính; họa sĩ Nam Hải trình bày; Trần Quốc Phiên thư ký tòa soạn; Lê Tam, Hoàng Phúc, Đỗ Văn Đích, Vũ Ngọc Toàn là những cộng sự đắc lực trong việc biên tập, chế bản, in ấn phát hành.

Hội văn nghệ tập hợp những anh em văn nghệ sĩ trong tù, động viên hướng dẫn phong trào sáng tác. Công tác báo chí, văn hóa, văn nghệ tập trung vào nhiệm vụ xây dựng khối đoàn kết tù nhân. Báo tường và kịch ngắn là loại hình chủ yếu mà phổ biến là kịch “cương”¹. Kịch “cương” đáp ứng được hoàn cảnh trong tù, sáng tác nhanh, biểu diễn nhanh, phản ánh một cách trực tiếp sinh hoạt tù nhân, cổ vũ tình đoàn kết chiến đấu đả kích bọn thống trị.

1. Không có kịch bản, mà định ra nội dung tư tưởng, phân vai rồi tự “cương” lên mà diễn.

Ngoài kịch cương còn có kịch thơ và thơ là những món ăn tinh thần được anh em say sưa sáng tác và thưởng thức. Anh Lý Tiến Vinh là một diễn viên hài kịch nổi tiếng ở sân khấu Bản Chế với câu xưng danh muôn thuở: “Tôi sinh ra vào năm cắttó, (quattorze)... Mỗi lần anh xuất hiện là anh em được những trận cười thoải mái, xua tan không khí ảm đạm, đen tối của nhà tù. Anh đã từng bị chủ sở đánh bể đầu vì diễn kịch châm biếm chúng.

Tờ báo Văn Nghệ là tiếng nói của Hội Văn nghệ tù nhân. Các anh Phan Văn Đại, Nguyễn Kim Diễn, Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Thanh Nhơn, Lê Đăng Tam, Đỗ Văn Đích, Phươn Đồng Mạ, Lý Tiến Vinh, Nguyễn Sáng, Vũ Đắc Bằng, Nguyễn Văn Mẹo, Hoàng Phúc... vừa là các chiến sĩ đi đầu trên mặt trận văn hóa, văn nghệ báo chí trong tù, vừa là những người lãnh đạo của Ban chấp hành tù nhân các khu, phụ trách các tờ báo ở các khu. Báo chí là công cụ cổ vũ tích cực cho sáng tác. Hàng trăm bài thơ đã được đăng rải rác trên các báo, với những cây bút thân thuộc của tù nhân Côn

Đào như Song Việt, Văn Quý, Tô Lịch, Đồng Mạ, Lê Đình, Sóng đồng, Văn Lân, Kim Diệu Lý...

Báo tường các khu có từ tờ: Cởi áo Giang Hồ của tù thường phạm; Bạn Tù của Khám tử hình; Đoàn Kết của Sở rẫy An Hải; Tiến Lên của kíp Lò Vôi; Xây Dựng của kíp Thọ Hồ; Thắng Lợi của Sở Củi; Tiền Phong của Sở Chỉ Tồn... Riêng khu Bản Chế, ngoài tờ báo Lao Động, còn có tập san Công Nhân ra hàng tháng. Báo thường được chép tay trên 2 trang giấy học trò. Tập san (tạp chí) từ 4 đến 8 trang được in bột thành nhiều bản. Báo được chuyền tay nhau xem, được đọc trên đài phát thanh của các khu trong buổi tối.

Tờ Bạn Tù của Khám tử hình có nhiều bài viết sắc sảo và cảm động, được tù nhân trân trọng. Tờ Cởi áo Giang Hồ trước đây xuất bản ở Khám Lớn (Sài Gòn) là tiếng nói của tù tư pháp, nay tái xuất bản ở Côn Đảo do Tư Ba Đào chủ trì, với sự cộng tác đặc lực của các anh Phan Văn Đại, Nguyễn Văn Mẹo.

Tờ báo có xu hướng giải thích quá khứ giang hồ bắt nguồn từ sự nghèo đói, bất công, bế tắc của con người trong xã hội thực dân, phong kiến? đồng thời khơi lên những đức tính đáng quý của một số người trong giới giang hồ là trọng nhân nghĩa thủy chung, có khát vọng được sống trong một xã hội công bằng, bác ái, từ đó cắt nghĩa việc thức tỉnh ý thức dân tộc của những người tù tư pháp, theo gương các “Anh Lớn” Ba Dương, Tám Mạnh đi kháng chiến... kêu gọi các bạn tù tư pháp biểu quyết cởi bỏ tấm áo giang hồ để đi theo kháng chiến, ủng hộ Liên đoàn.

Âm nhạc cũng nở rộ và được “mùa”. Nguyễn Sáng có nhiều thành công trong sáng tác và đóng góp tích cực cho phong trào. Các ca khúc Ngày giải phóng, Mong thoát ly, Học nhạc, Tình không biên giới, Mùa gió chướng, Ma Thiên Lãnh... của anh và đồng nghiệp đã đi vào tâm hồn của người tù, trở thành máu thịt của họ, gây niềm lạc quan thôi thúc họ tranh đấu với kẻ thù.

Với lòng say mê âm nhạc, tù nhân nhiều khu còn chế tạo ra đàn, nhị trang bị cho các ban nhạc. Các anh Châu Nháy (tức Trần Minh Thân) ở

Nhà bếp, anh Bình ở Nhà Đèn đã làm ra những cây đàn đầu tiên, mở ra một thời kỳ biểu diễn ca khúc có nhạc đệm. Hộp đàn được cuốn từ tôn thùng cầu, cần đàn cũng là gỗ thùng cầu dây đàn, phím đàn đều từ những mảnh dây điện các loại mặt đàn là những mảnh da kiếm được. Tiếng đàn đầu tiên cất lên trong đêm làm xao xuyến bao tâm hồn bị đày đọa nơi ngục tối. Cây đàn của các anh được chuyền tay qua nhiều khám, bị bọn gác dang tức tối đập nát, nhưng nhiều cây đàn khác lại ra đời.

Tiếp sau Nhà bếp, Nhà Đèn, nhiều cây đàn đã xuất hiện ở Bản Chế, Nhà Thương, Sở rẫy An Hải, Chuồng Bò. Nhà Thương có cả ghita và măngđôlin. Nhạc sĩ Nguyễn Sáng đã tham gia tổ chức một dàn nhạc phối âm phối khí để hòa tấu một vài bản nhạc. Nhiều nhạc cụ làm giả, nhạc công phối âm bằng miệng.

Chủ sở Nhà Thương Pêtrônali và bác sĩ Giăng Sác (Jean Charles) rất thích thú khi được xem dàn nhạc biểu diễn. Nhạc sĩ Nguyễn Sáng mở lớp ký âm, bồi dưỡng cho những người có năng khiếu âm nhạc ở các khám. Một số con em các giám thị có cảm tình cũng được anh dạy nhạc. Hoạt động âm nhạc, văn nghệ trong thời kỳ này không chỉ dừng lại trong phạm vi giải trí hoặc tập hợp lực lượng và tranh thủ gác ngục mà đã phát triển tới một bước cao hơn.

Như một nhu cầu không thể thiếu được của đời sống tinh thần, văn nghệ, âm nhạc đã đi vào sinh hoạt của tù nhân từ lĩnh vực thưởng thức nghệ thuật đến sáng tác, biểu diễn. Tình yêu quê hương đất nước, tình đồng chí, tình nhân loại, tình bạn tù cùng với lòng căm thù thực dân, đế quốc đã qua những bài thơ, bản nhạc mà đi vào tâm hồn người tù, biến thành niềm tin vào thắng lợi, thành ý chí đấu tranh với kẻ thù. Văn nghệ, âm nhạc còn tiếp tục gắn bó với mỗi bước đấu tranh và trưởng thành của tù nhân.

Phong trào “Đời sống mới” và công tác địch vận, giao liên phong trào “Đời sống mới” với nội dung thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh, ngăn nắp, giờ nào việc ấy, bỏ nói tục, chửi thề do Liên đoàn tù nhân phát động được toàn thể tù nhân hưởng ứng sôi nổi.

Song song với công tác giáo dục nếp sống văn minh, tư cách của người kháng chiến, Ban đời sống mới còn có quy định nghiêm khắc đối với những người hay nói tục, chửi thề. Người nào nói tục phải đeo vào cổ một thẻ “đời sống mới”, phải đứng nghiêm cho người phát hiện được tát một cái vào má, sau đó phải đứng nghiêm nhắc lại một câu qui định: “Nếp sống văn minh không cho phép nói tục hoặc chửi thề. Tôi xin hứa sẽ không vi phạm nữa”.

Cái tát không đến nỗi như đòn thù, nhưng cũng phải đủ đau để cho người vi phạm nhớ lâu. Nếu thương hại bạn, nương nhẹ tay mà người khác phát hiện được thì phải chịu “phạt đền” cho chính mình bằng một cái tát trở lại của bạn, dưới sự chứng kiến của người thứ ba.

Người vi phạm tuy bị tát đau, song không hề bực dọc hay xấu hổ và nhờ thế mà nhớ lâu, mà đi vào nếp sống có văn hóa. Những khi làm khổ sai cực nhọc, tù nhân thường hay buột miệng chửi thề. Ngay lúc ấy, người làm bên cạnh bắt đứng nghiêm, tát vào má, bắt đeo thẻ “đời sống mới” và bắt nhắc lại câu quy định về nếp sống văn minh. Bọn giám thị Pháp rất ngạc nhiên. Đại diện tù nhân phải giải thích về quy định của Ban đời sống mới và kỷ luật của Liên đoàn. Khi hiểu ra, họ rất phục tù chính trị.

Giám thị Đominíchơ Mai mở miệng là nói tục, chửi thề lại rất thích thú phong trào đời sống mới. Hắn tuyên bố với tù nhân: “Đ.m. Tôi cũng hay nói tục, chửi thề, thiếu lịch sự, nhưng từ nay tôi quyết tâm sửa cho mà coi”. Nhưng chỉ một lát sau hắn đã lỡ miệng chửi thề làm cả kíp khổ sai cười ồ lên. Mai xấu hổ, đứng nghiêm, tự vả vào miệng và lặp lại câu quy định về nếp sống văn minh mà hắn đã nghe. Nhiều lần như vậy, Mai bớt chửi thề và ngày càng tôn trọng tù nhân.

Giám thị Pêtrônali, chủ sở Nhà Thương cũng nói: “Tôi coi tù từ khi còn trẻ, nay đã sắp tuổi nghỉ hưu. Tôi chưa bao giờ thôn tập thể tù nào sống có văn hóa như các anh”. Pêtrônali trước đây hay say rượu, hay đánh tù. Được vợ y một người Việt có lương tâm khuyên ngăn và sau đó được nhiều tù nhân ở Nhà Thương cảm hóa, y bớt hẳn tính hung hãn, bớt say rượu, ít đánh tù.

Các chủ trương của Liên đoàn đề ra đều được tù nhân hưởng ứng và tự giác thi hành. Đối với các trường hợp vi phạm, Liên đoàn có thể thi hành kỷ luật nội bộ khi cần thiết. Có nhiều mức kỷ luật, từ khiển trách, phê bình, cảnh cáo cho đến khai trừ ra khỏi Liên đoàn. Thời hạn khai trừ có thể dài, ngắn tùy theo mức độ khuyết điểm. Cá biệt, có thể khai trừ vĩnh viễn.

Án kỷ luật khai trừ do Hội đồng kỷ luật Liên đoàn quyết định, sau đó giao cho Ban trật tự từng khu thi hành án. Người thụ án khai trừ phải nằm riêng một chỗ (thường là góc khám gần cầu tiêu), ăn riêng một mẻ dĩa, không được quan hệ, giao dịch với ai, chỉ còn quyền làm việc, chữa bệnh và tự học. Trong thời gian thụ án, nếu có nhu cầu gì chỉ được báo cáo với Ban trật tự để xem xét, giải quyết.

Kỷ luật của Liên đoàn vừa dân chủ, vừa nghiêm minh. Xét xử các vụ kỷ luật bao giờ cũng công khai trong tập thể tù nhân, không bao che, ô dù hoặc nương nhẹ kỷ luật đối với những người có thành tích hay có chức vụ. Có ủy viên Ban chấp hành cấp Liên đoàn cũng bị kỷ luật khai trừ khi vi phạm. Nhiều người coi thường đòn roi, xiềng xích, xà lim, hình phạt của nhà tù lại rất sợ kỷ luật của Liên đoàn. Ở tù mà còn bị tách rời tập thể, ăn một mình, nằm một chỗ, lui thủi câm lặng suốt ngày, không được thân thiện, trò chuyện với ai thì khổ tâm chẳng khác nào như bị tù thêm một lần nữa.

Có lần, một người tù tư pháp có hành động xấu với gia đình công chức mà anh ta làm bồi bếp. Vốn có quan hệ tốt với tù kháng chiến, vị công chức này phản ánh với Liên đoàn tù nhân, có ý để cho tập thể giáo dục mà không báo cho Giám đốc xử phạt. Không ngờ, kỷ luật của Liên đoàn lại rất nghiêm. Hội đồng kỷ luật cứ người thẩm tra rồi xét xử công khai, thi hành mức kỷ luật khai trừ khỏi Liên đoàn.

Vụ này làm Xôn xao dư luận trong công chức, gác ngục Việt Nam. Từ đó, thấy tù nhân nào có thái độ xấu với vợ con gác ngục, họ thường dọa “kiện tới Liên đoàn”, thay vì trước đây hù dọa bằng chủ sở Rờséc Nôvắc hoặc báo Giám đốc xử phạt. Chuyện đến tai chúa đảo, La phốt quả trách và răn đe: “ở đây tao làm Giám đốc chứ không phải Liên đoàn tù nhân làm Giám đốc”.

Hắn ra lệnh cho tất cả công chức, giám thị Việt Nam là bất cứ chuyện gì cũng phải báo cáo lên Giám đốc chứ không được báo với Liên đoàn. Nhưng, sự đe dọa của chúa ngục không còn đủ hiệu lực.

Cách mạng tháng Tám 1945 và sự ra đời của Chính phủ Hồ Chí Minh đã làm sụp đổ thân tượng “Nước mẹ Đại Pháp” và thức tỉnh tinh thần dân tộc của những công chức Việt Nam lâu nay làm thuê cho Pháp. Hầu hết gác ngục Việt Nam suy nghĩ về thân phận hèn kém của họ, về tương lai khi người Pháp thua trận ở Việt Nam. Dự cảm ấy mỗi ngày một rõ rệt. Họ gần gũi tù chính trị, theo dõi tin tức, chiến sự, thăm dò xem thái độ của Chính phủ kháng chiến đối với những người làm thuê cho Pháp như thế nào? Liệu những người làm thuê cho Pháp có bị coi là Việt gian cả hay không? Nhiều người đã tích cực giúp đỡ tù nhân kháng chiến. Giám thị số 39 Trần Tần đã bí mật cung cấp quần áo, vải, lương thực, thuốc men cho nhiều chuyển vượt ngục của tù nhân Sở rẫy An Hải, Sở Củi, Sở kéo cây tù áo trắng. Ông đóng góp phần tiếp tế, liên lạc cho liên đoàn tù nhân khi có yêu cầu. Thầy chú Ba Thà thường giúp tù nhân giấy viết. Thầy chú Hai Nhỏ, bà Nguyễn Thị Năm (vợ Mourges) bà Hồ Thị Ba (vợ Lasomme) giúp thuốc men, đường sữa, sơn, vải. Ông Ruby, nhân viên kho bạc (gốc ấn Độ) bảo lãnh nhận bưu kiện tiếp tế cho Liên đoàn để chuyển cho anh Phạm Xuân Phụ và một số tù kháng chiến ở kho bạc. Trước đó, hai thầy chú Ngọc và Đăng thì làm nội ứng cho tù nhân Sở Lưới cướp canh vượt ngục. Nhiều người khác cũng tỏ thái độ thiện chí sẵn sàng giúp đỡ tù kháng chiến hoặc thận trọng giữ mình.

Trong báo cáo số 93.C ngày 20-3-1948, Giám đốc nhà tù đã phải đánh giá rằng tình hình chính trị và quân sự ảnh hưởng sâu sắc đến các gác ngục người Việt. Họ không còn là cánh tay đắc lực cho các gác dang người Pháp nữa. Trong nhiều trường hợp, thái độ của họ khó hiểu và đáng ngờ. Báo cáo có đoạn viết: “... Họ thu mình trong một sự đợi chờ thận trọng, làm việc uest oải, nhẹ tay đối xử với phạm nhân, thậm chí có những khi quá thân mật trong đối xử có thể dẫn đến thái độ đồng tình. Trong sự hoài nghi đối với tương lai, họ tìm cách làm sao vẫn giữ được chức vụ mà không có hành vi

gì bất lợi cho mình. Trên thực tế, trong hoàn cảnh hiện nay, người ta chỉ có thể tin tưởng ở họ một cách có giới hạn”.

Bác sĩ Giảng Sác có thiện cảm với tù kháng chiến ngay từ Khám Lớn Ra Côn Đảo, ông tìm gặp ngay những người bạn tù mà anh Hoàng Xuân Bình, Tổng đại diện tù nhân Khám Lớn đã giới thiệu. Ông ngỏ lời với anh Trịnh Xuân Hà, Tổng đại diện của tù nhân Côn Đảo rằng anh em cứ luân phiên khai bệnh ra, ông sẽ cho nghỉ. Ông là đảng viên Đảng xã hội Pháp (S.F.I.O), không tán thành chủ nghĩa cộng sản, nhưng rất tôn trọng nhân cách của những người tù kháng chiến.

Người ốm đau bệnh tật được ông khám cẩn thận, cho thuốc và săn sóc tận tụy với lương tâm thầy thuốc. Ông còn mua tặng Liên đoàn tù nhân nhiều sách mác xít do Nhà xuất bản Xã hội Pháp ấn hành. Những người chỉ mệt mỏi mà khai bệnh, Sác cũng cho nghỉ việc vài ngày. La phốt thường khiển trách ông về việc ông quá dễ dãi, cho tù nghỉ nhiều nên nhà tù thiếu nhân công khổ sai.

Một lần, La phốt đích thân kiểm tra và gay gắt với Sác trước mặt gần trăm tù nhân chờ khám bệnh ở sân Banh I. Sác cũng không vừa, tuyên bố thẳng thừng: “Nếu tất cả tù nhân có bệnh thật thì tôi sẽ cho nghỉ việc hết. Nhưng dẫu họ không có bệnh thật thì ăn uống như thế, làm khổ sai quần quật quanh năm suốt tháng cũng kiệt sức, cần cho họ nghỉ vài ngày”.

Sác rất thích những tờ báo của tù nhân mà anh Nguyễn Kim Diễn, y tá phiên dịch ở Nhà Thương mang đến cho ông xem. Khi hết nhiệm kỳ ở Côn Đảo (3-11-1949), Sác đã nhờ anh Diễn chọn cho vài số báo tù để mang về giới thiệu cho nhân dân Pháp.

Tù kháng chiến còn một nguồn sách báo quan trọng do Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ gửi ra qua nhân mối trên các tàu De Lanessan, Nicolaux, Pigheau de Béhaine định kỳ chở hàng ra Côn Đảo. Kíp dọn tàu có tín hiệu riêng để bắt liên lạc với các nhân mối để nhận tài liệu, giấu trong các bao hàng chuyển vào nhà tù.

Anh em thủy thủ ngoài việc tiếp tế, liên lạc còn giúp tù nhân bằng cách cho hoặc mua giúp những thứ cần thiết. Thủy thủ tàu Nicolaux định tặng tù nhân kíp dọn tàu một chiếc xuồng gấn máy có đầy đủ nhiên liệu để vượt ngục nhưng không thành. Thủy thủ tàu De Lanessan tặng hàng chục mét vải bạt cho các cuộc vượt ngục.

Anh Nguyễn Mười Mè, thủy thủ tàu De Lanessan nhận bán giúp các loại đồ mỹ nghệ chạm trên gỗ găng, các đồ trang sức kham đôi mồi, do anh Hồng ở Nhà bếp, anh Mai Văn Hạc khu bắt tử làm để gây quỹ cho Liên đoàn. Tiền bán được dùng mua giấy, mực in, thuốc men, đường sữa giao cho Ban xã hội.

Một đầu mối liên hệ khác giữa tù Côn Đảo với đất liền do linh mục Nguyễn Văn Mậu đảm nhiệm. Ông nhận thơ từ, tài liệu, tiền, hàng tiếp tế của ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ chuyển về Nhà thờ Côn Đảo, từ đó chuyển về các khám. Đầu mối thứ 2 do anh Đầy, công chức phụ trách thú y ở Côn Đảo đảm nhiệm. Hàng tháng về Sài Gòn lấy thuốc phòng dịch cho gia súc, anh làm liên lạc giữa tù nhân Côn Đảo và ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ.

Sách báo và đồ tiếp tế do anh Thái Sơn (Trần Ngọc Sơn), người phụ trách tài chánh nội thành của Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định mua và chuyển giao ở một điểm hẹn trước. Anh Trần Ngọc Sơn được Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ Phạm Văn Bạch giao nhiệm vụ lập ra Ban cứu trợ tù nhân, dùng tiền quyên góp mua đồ tiếp tế.

Anh Huỳnh Tấn Phát sau khi mãn tù ở Khám Lớn đã cùng vợ và một số người tham gia tích cực vào hoạt động cứu trợ tù nhân. Việc liên lạc và tiếp tế cho tù nhân Côn Đảo sau đó được ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ giao hẳn cho Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia định phụ trách. Thông tin liên lạc của tù nhân ở các khám, các ban do mạng lưới tù nhân làm bồi bếp, thư ký, Nhà bếp Sở tầy, Nhà Thương đảm nhiệm.

Thư từ, chỉ thị viết trên những mảnh giấy nhỏ xíu, luồn vào vạt áo, giấu ở những chỗ kín trong người. Tài liệu dày hơn thì giấu trong các thùng 2 đáy, nón bàng hai lớp, gáo dừa 2 ngăn. Tài liệu, thư từ từ nhiều nguồn

thường qua đầu mối của Sở tây về Nhà bếp, rồi qua các thùng cơm, canh đi các khám, các sở tù.

Một đường liên lạc khác là từ các khám tù, sở tù, thư từ, tài liệu theo những người khám bệnh đến Nhà Thương, rồi từ đó chuyển giao cho các đầu mối. Đó là kiểu như đi bằng “đường bộ”. Nhà bếp còn có sáng kiến đưa thư bằng “đường thủy, giấu trong bụng cá, trong thùng canh. Khi địch khủng bố, khám xét gắt gao thì kíp đồ thùng lại phải trở tài đưa thư từ qua thùng cầu.

Anh em còn sử dụng kiểu đi thư bằng “đường không”, từ Banh I qua Banh II hoặc từ ngoài banh vào trong banh. Giấy in, tài liệu được “bay” qua tường ở những điểm vắng được ấn định trước. Các giao thông viên trao đổi tín hiệu với nhau bằng những viên sỏi ném qua, ném lại để báo hiệu việc chuyển giao tài liệu, nhận xong trả lời. Anh em còn dùng dàn thun để “bắn” thư từ qua tường, “bắn” từ ngoài sân qua cửa sổ lọt vào trong khám rất an toàn. Đường “hàng không” còn có kiểu đi thư không “bay” mà “bò” lên mái nhà rồi tuồn từ khám này qua khám khác. Một loại cỏ ống mềm hơn cói, mọc ở các bầu, trũng ở Nam Bộ, được sử dụng đan các bao, giỏ, nón, chiếu...

Những người tù tư pháp, xuất thân từ giang hồ, khi giác ngộ lại trở thành những giao liên xuất sắc. Các anh Tám Nhỏ, Sinh, Vinh, Thân, Hoàng Kiếm Thanh leo tường lẹ như thạch sùng, chèo trên mái nhà thoăn thoắt như vượn leo cây.

Trong những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thì thư từ tin tức lại có cách chuyển bằng những đường dây đặc biệt, qua những nhân mối trong bộ máy nhà tù như gác dang Béctram (Bertram), thầy Lũy y tá... Đường dây đặc biệt này được Ban ngoại giới của Liên đoàn sử dụng hiệu quả trong những năm sau.

Người được chọn làm giao liên phải có nhiều mưu mẹo và gan góc. Địch phát hiện ra kiểu liên lạc này, lập tức phải thay bằng cách khác. Anh Quý (Dương Ngọc Quỳ) ở Sở rẫy Giám đốc nhờ anh em ở Bản Chế làm cho

một đôi thùng gánh cơm có khoan lỗ ở thang thùng. Đôi thùng ấy trở thành “thùng thư di động từ bếp Ban I đến Sở tây, qua bao nhiêu cặp mắt cú vọ.

Anh bị bọn tù gian chỉ điểm ba lần, bị chủ sở Rờséc tra tấn đủ các kiểu, có lần bị Nôvắc dùng 2 thanh tre cột chéo kẹp nát ống chân nhưng không hề hé răng khai báo. Chúng biết anh là liên lạc mà không làm gì được. Trở về Sở rầy, anh lại quấy đôi “thùng thư di động trước những cặp mắt tức tối của bọn gác ngục.

Nhà bếp là trọng điểm chỉ đạo của Ban xã hội Liên đoàn, vừa tổ chức đường dây liên lạc từ các khám ra ngoài banh; đồng thời tổ chức cải thiện đời sống cho anh em. Anh Trần Văn Sứ là một trong những chiến sĩ giao liên tích cực. Nguyễn Ngọc Sớm cùng Lê Ngọc Hương (tử tù giam án) và Bảy Lửa, một người tù tư pháp (từng là Chủ tịch Ban chấp hành khu An Hải), tổ chức bầu Ban chấp hành tù nhân khu Nhà bếp.

Từ khi có tổ chức của tù nhân kháng chiến lãnh đạo, Nhà bếp giống như trái tim giữ mạch máu giao thông liên lạc cho Liên đoàn tù nhân Côn Đảo. Hơn thế nữa, tù nhân khu nhà bếp còn làm nhiệm vụ người chị hiền, người mẹ nuôi chăm lo cải thiện bữa ăn, nuôi dưỡng anh em.

Đấu tranh chống cúi đầu

Liên đoàn tù nhân Côn Đảo ra đời đã mở đầu thời kỳ hoạt động sôi nổi và đấu tranh quyết liệt của tù kháng chiến. Là cơ quan lãnh đạo cao nhất của tù nhân, được dân chủ bầu ra, Liên đoàn tập hợp được tất cả lực lượng tù nhân thành một khối duy nhất, dẫn dắt họ vào cuộc đấu tranh bảo vệ quyền sống và nhân phẩm của những người tù kháng chiến.

Cuối năm 1949, qua đường dây liên lạc của ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, Liên đoàn tù nhân được một tài liệu mới về chủ trương của Đảng đưa cuộc kháng chiến chuyển mạnh sang tổng phản công. Tài liệu phản ánh tinh thần của Hội nghị cán bộ lần thứ 6 do Ban chấp hành Trung ương Đảng triệu tập từ ngày 14 đến ngày 18-1-1949.

Ban chấp hành Liên đoàn quyết định kỷ niệm ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12) với nghi thức long trọng nhằm biểu dương lực lượng và củng cố lòng tin vào thắng lợi. Báo Tiếng Tù của Liên đoàn ra trong dịp đó đã đưa tít lớn trên trang đầu những khẩu hiệu:

- Một khối - Một ý chí - Một hành động.
- Tổng phản công nhất định thắng.

Tối 18-12-1949, các khám lập bàn thờ Tổ quốc, chào cờ, cử quốc ca rồi liên hoan văn nghệ đến nửa đêm. Ban xã hội tập trung tiền quỹ, đường, sữa, thuốc lá, làm bánh, nấu chè liên hoan. Anh em đặt tên cho các mục liên hoan là “cơm chiến thắng - cháo đuổi giặc - bánh tổng phản công.”

Ngày 19-12-1949, tất cả các khám đều tập trung ăn cơm ngoài hiên. Trước bữa cơm, đại diện của Ban chấp hành khu đứng ra phổ biến chủ trương tổng phản công của Đảng, tin tức chiến sự trên chiến trường và mục đích, ý nghĩa bữa cơm liên hoan mừng chiến thắng. Bọn giám thị Pháp thấy lạ xúm vào nghe. Đến khi diễn thuyết xong, tù nhân các khám nắm tay hô vang các khẩu hiệu:

- Việt Nam độc lập muôn năm!

– Hồ Chí Minh muôn năm!

– Tổng phản công nhất định thắng!

Bọn giám thị hoảng sợ tường tù nhân bạo động. Chúng lên đạn, súng lăm lăm trong tay. Sáng 20-12-1949, La phốt và Giám thị trưởng Rô nhông (Rogon) đích thân chỉ huy cuộc khủng bố. Một tiểu đội lính da đen lăm lăm súng tiểu liên trong sân Banh I. Gác dang mở cửa từng khám, Rô nhông hét: “Ra ngoài tập hợp”.

Tù nhân ra khỏi cửa khám là phải đi qua hàng rào roi mây của tốp gác dang đứng 2 bên cửa. Đưa bồ lên đầu, đưa quật ngang người, đưa vọt vào ống chân, đưa đánh vào chỗ hiểm. Người tù bị đánh tối tăm mặt mày, té sấp té ngửa mới ra đến sân. Khi tập hợp, chúng bắt tù ngồi cúi đầu ngẩng lên là chúng đánh. Khám 6 bị đánh nặng nhất vì chúng biết đây là khám đầu não chỉ huy. Trương Anh Tuấn bị đánh bể mắt kính, máu chảy ròng ròng trên mặt.

Khi tất cả tù nhân đã ra khỏi khám ngồi từng tốp trong sân, bọn gác dang vẫn vọt lộp bộp trên đầu họ, miệng gào lên: “Cúi đầu!... Cúi đầu!”. Cho đến khi Giám đốc La phốt đứng giữa sân chỉ huy quát “Thôi”, thì tiếng roi mới thưa dần. Chúng bắt tù nhân cởi hết quần áo, chất thành từng đống, trần truồng ngồi phơi nắng trong lúc bọn gác dang sục sạo vào các khám moi móc từng góc tường, sân khám, góc cột, cầu tiêu để truy tìm tài liệu, vũ khí mà tù nhân có thể sử dụng vào mục đích bạo động, nhưng kết quả ngược lại, những thứ mà chúng thu được chỉ là đồ dùng của tù nhân như quần áo, khăn mặt, bàn chải, sách đọc, giấy bút, viên phấn. Chúng sục sạo Khám 6 rất kỹ, lôi ra hàng đống sách vở, bút mực, báo chí.

Trừ bọn tù gian và Khám 1 (áo trắng) tất cả tù nhân còn lại đều bị bỏ đói 2 ngày, bị dồn lại, nhốt kín trong mấy khám. Ngày 23-12-1949, chúng mới cho ăn uống bình thường, trả tù nhân về khám cũ với chiếc chiếu và một bộ quần áo xanh cộc, còn tất cả đồ dùng khác đều bị thu hết, nhiều nhất là sách học văn hóa của Khám 6.

Trong gần một tháng khủng bố, các lớp học phải ngừng lại hết. Hai mươi người mà chúng nghi là cầm đầu bị biệt giam ở xà lim Banh II, trong đó có nhiều người trong Ban chấp hành Liên đoàn và Ban chấp hành Khám 6.

Liên tiếp trong 3 ngày, tù đi làm khổ sai bị bọn gác dang đánh đập rất dữ và lập lại chế độ kiểm danh cúi đầu. Không kịp liên lạc được với Ban chấp hành Côn Đảo đang bị biệt giam ở xà lim Banh II, Trương Anh Tuấn đã nhân danh Đặc phái viên của Liên đoàn thảo chỉ thị Cương quyết chống cúi đầu. Khẩu hiệu hành động lúc đó là: “Tất cả hãy ngẩng đầu lên”.

Nguyễn Ngọc Sớm ở Nhà bếp vừa tìm cách liên hệ với lãnh đạo Liên đoàn ở biệt giam để trao đổi chủ trương chống khủng bố, vừa truyền đạt chỉ thị của Đặc phái viên Liên đoàn đến các cơ sở, phát động cuộc đấu tranh chống cúi đầu. Khám 6 bầu lại Ban chấp hành khu, thay cho những người vừa bị bắt. Ban chấp hành mới gồm những người có dũng khí đấu tranh. Nghị quyết đầu tiên của Ban chấp hành mới là kiên quyết chống cúi đầu. Ai cúi đầu sẽ bị kỷ luật khai trừ.

Khám 6 Banh I đi đầu trong cuộc đấu tranh chống cúi đầu. Hàng ngày đi làm, bọn gác ngục tập trung đánh tốp đi trước. Chiều về, chúng đánh tốp đi cuối, lúc chờ xếp hàng vào khám. Ban chấp hành mới đã bố trí những người có sức khoẻ, dũng cảm, chịu đòn đi đầu và đi cuối để giữ vững đội ngũ. Các anh Lê Trung Khá, Lê Ngọc Hương, Nguyễn Trí Tuệ, Nguyễn Thành Phương, Vương Tự Kiên, Nguyễn Văn Hai... là lực lượng xung kích trong đợt chống cúi đầu, chịu đòn thay cho anh em.

Nguyễn Trí Tuệ cao hơn mọi người nửa cái đầu nên nhiều lần bị đánh trào máu. Nguyễn Thành Phương có bộ dạng dềnh dàng nên chúng ngứa mắt đánh luôn tay, có lần dính cú đá chỏ hiểm suýt chết. Các anh Thái Mập (Lê Văn Trình), Hồng Mùi (Tạ Văn Hồng) càng bị đánh càng lỳ ra. Những tên gác dang hung bạo nhất cũng phải bất lực trước những cái đầu không chịu cúi bạo giờ. Thái Mập, Hồng Mùi từng là đại diện, đứng đầu các cuộc đấu tranh ở Sở Cũi, Sở Lưới, Chi Tồn, từng làm cho bọn gác ngục ngao ngán. Họa sĩ Nam Hải nhiều lần bị Sa den đánh gục xuống vẫn nhóm dậy, ngẩng đầu hô “Hồ Chủ tịch muôn năm”. Anh là người chuyên vẽ hình Bác

Hồ trên các tờ báo của Liên đoàn và cung cấp hình Bác cho các khám trong những ngày lễ kỷ niệm.

Nửa thế kỷ sau, lớp tù nhân kháng chiến vẫn nhớ mãi hình ảnh hiên ngang của Lê Ngọc Hương trong cuộc đấu tranh chống cúi đầu năm ấy. Một buổi sáng, tù nhân Khám 6 điểm danh trong sân Banh 1 như thường lệ bỗng có tiếng hô đồng dục của trật tự viên:

– Tất cả hãy đứng dậy! Nghiêm!

Tên Xếp chánh Rô không sừng sốt chưa hiểu chuyện gì xảy ra thì Lê Ngọc Hương bước tới trước mặt Rô nhô ng, từ tốn nói:

– Thưa ông Xếp chánh, ông cho phép chúng tôi từ nay được chào ông bằng động tác đứng nghiêm như thế này. Như vậy có vẻ văn minh và lịch sự hơn là ngồi cúi đầu.

Mặt Rô không tái đi, nó vung roi cá đuối quật vào mặt anh liên hồi. Lê Ngọc Hương vẫn đứng nghiêm, đầu ngẩng cao, mặt không biến sắc. Rô không tiếp tục quật roi xuống đầu anh và gầm lên: “À cái đầu thẳng này cứng”.

Lê Ngọc Hương điềm tĩnh trả lời: “Thưa ông cái đầu của chúng tôi có thể rơi khô cổ nhưng từ nay không bao giờ cúi nữa!”.

Bọn gác ngục xông vào đánh anh té sấp xuống sân rồi lôi theo kíp tù ra nơi đập đá. Tên Saden đứng gác cổng Banh I, cầm dùi cui đập liên hồi vào đầu của kíp tù miệng gào lên “cúi đầu!... cúi đầu!”. Khi Lê Ngọc Hương đi qua, Saden vung dùi cui quật thẳng cánh lên đầu anh rồi ấn mạnh xuống, Hương quắc mắt, ném vào mặt tên sát nhân đều cáng một cái nhìn náy lửa và tuyên bố một câu bằng tiếng Pháp mà cả lớp tù kháng chiến không ai quên được:

– Chúng tao chưa nói lời cuối cùng đâu! (Nous n'avons pas encore dit notre dernier mot!).

Lê Ngọc Hương, còn gọi là Hương Bà Điểm, nguyên là chủ tịch ủy ban nhân dân xã Bà Điểm quận Hóc Môn tỉnh Gia Định lúc mới giành chính quyền. Hương bị kết án tử hình rồi giảm án, là một trong những người có

công xây dựng Liên đoàn tù nhân. Dũng khí đấu tranh và lời tuyên bố hùng hồn của Lê Ngọc Hương trở thành biểu tượng của người tù kháng chiến, trở thành bài học về nhân cách và khí tiết của người chiến sĩ cách mạng trong ngục tù của thực dân Pháp. Phải đến hơn bốn năm sau, bọn chúa ngục mới hiểu được “lời cuối cùng” mà Lê Ngọc Hương tuyên bố năm ấy.

Đầu năm 1950, các thành viên của Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân Côn Đảo và Ban chấp hành Khám 6 (cũ) vẫn còn bị biệt giam ở xà lim. Khám 6 bị khủng bố và phong tỏa chặt chẽ. Việc liên lạc giữa các khu với cơ quan chỉ đạo hết sức khó khăn. Trong tình hình đó, các anh Nguyễn Văn Năm, Hoàng Phúc, Vũ Ngọc Toàn ở khám Chi Tồn đã trao đổi với đại diện tù nhân ở một số khám để thành lập Ban thường trực Hội đồng tù nhân Côn Đảo để chỉ đạo phong trào¹. Ban thường trực đặt Văn phòng tại Khám 5 Chi Tồn. Các anh Đỗ Văn Đích, Lê Đăng Tam, Lê Ngân, Trần Quốc Phiên tham gia tích cực trong việc thông tin liên lạc, ấn loát, ra báo. Tờ báo Tiếng Tù vẫn ra tại Khám 5 trong những ngày khủng bố ác liệt. Anh Năm Mền (bí danh Thanh Mi) nhân danh Ban thường trực ra hiệu triệu kêu gọi toàn thể tù nhân vùng vàng trước đợt khủng bố, siết chặt đội ngũ, kiên quyết chống cúi đầu, đòi thả những người bị biệt giam ở xà lim, chống đánh đập vô lý.

Hưởng ứng chỉ thị của Đặc phái viên Liên đoàn và lời kêu gọi của Ban Thường trực Hội đồng tù nhân, nhiều khám đã nhất loạt chống cúi đầu. Tù nhân khu Nhà bếp, Sở tẩy tuyệt thực phản đối khủng bố. Tù nhân Khám 2 (thợ hồ) đã chống cúi đầu và chịu đòn cho đến khi cả khám bị đánh tả tơi, gục ngã. Trong ngày làm khổ sai đẫm máu ấy, anh Tám Đỏ (tù tư pháp) đã phản nộ đổ cả một Xô vôi lên đầu tên gác dang hung hãn Tômaxini (Thomacini). Chủ sở Rờsec bắt anh về tra tấn, kẹp điện quay đến đứt một tai làm anh bị điếc hẳn.

Sau ba ngày khủng bố ác liệt, hằng trăm tù nhân bị đổ máu, biểu đau, tím mặt, bầm mình mẩy, nhưng không ai khuất phục. Bọn gác dang vẫn bắt điểm danh vẫn đánh đập nhưng lờ hờ chuyện cúi đầu. Sự tàn bạo không khuất phục được khí phách người tù.

Ban thường trực chỉ đạo các khám nhượng bộ một bước, không ngừng cao đầu để khiêu khích địch mà giữ tư thế hiên ngang, mắt nhìn thẳng. Đòn roi bớt dần. Lê Ngọc Hương sau một tháng phạt xà lim, ăn cơm nhạt lại trở về Khám 6. Đó là trận tranh đấu quyết liệt của tù kháng chiến nhằm xóa bỏ hẳn lệ điểm danh cúi đầu. Họ là người chiến thắng.

Cuộc đấu tranh chống khủng bố vẫn tiếp tục diễn ra, khi thì riêng lẻ từng khám, có lúc bùng lên ở phạm vi toàn đảo. Ngày 31-1-1950, anh Nguyễn Văn Điều, số tù C.11802 bị gác ngục đánh chết tại Sở Cũi. Báo cáo nguyệt kỳ của La phốt (số 250-P ngày 5-2-1950) đã xuyên tạc sự thật, vu cáo anh Điều vượt ngục và cải chính tội ác cho bọn gác ngục. Toàn thể tù nhân đã bỏ ăn một ngày để phản đối hành động giết người.

Hàng loạt cuộc đấu tranh chống khủng bố đã diễn ra trong năm ấy. Tháng 2 năm 1950, tù nhân kíp cắt cỏ đi làm về ngang sân vận động thì bị 2 tên Vidan và Tômaxim đánh đập tàn tệ vì không ai chào hỏi chúng. Đoàn tù vẫn tiếp tục đi về banh, không tránh đòn mà cung chẳng ai thềm chào. Hai tên gác dang nổi máu côn đồ đuổi đánh đến tận Banh II. Tù nhân kíp Lò Vôì ở chung trong Khám 4 đã hò la phản đối đánh đập vô cớ. Hai tên này Xông vào đánh cả khám một trận nữa. Tên Bê quy (Bé cu) gác Banh II cũng nhảy vào phụ họa đánh đập anh em cho đến lúc Giám đốc La phốt và Giám thị trưởng Rô không đến. Mười tù nhân bị thương nặng, lưng đau, toạc da thịt đã kéo ra tố cáo ba tên gác ngục khát máu. Giám đốc không can thiệp. Giám thị trưởng xoa dịu mấy câu rồi bỏ đi.

Phần nô trước hành động dã man của bọn gác ngục và sự dung túng của bọn cầm đầu nhà tù, toàn thể tù nhân hai kíp Cắt Cỏ và Lò Vôì đã biểu quyết tán thành một cuộc đấu tranh bằng hình thức bãi công và tuyệt thực để phản đối đánh đập với khẩu hiệu:

- Đuổi 2 tên Vidan và Tômaxim khỏi Côn Đảo
- Cảnh cáo tên Bê quy.

Khi ấy La phốt mới tỏ thái độ. Hắn đưa một tiểu đội lính da đen chĩa súng bao vây vòng ngoài, rồi cho 15 giám thị Pháp Xông vào đánh cả khám

tù một trận tơ tã. Anh Nguyễn Trí Tuệ, Chủ tịch Ban chấp hành tù nhân kíp Lò Vôi và 8 người nữa bị chúng đánh bằng củ mây, báng súng vào bụng, vào ngực vào đầu gối và mắt cá chân cho đến khi chết ngất, rồi phạt xà lim, cho ăn cơm nhạt.

Tù nhân hai kíp Cắt Cỏ và Lò Vôi tiếp tục tuyệt thực, đình công, giữ vững yêu sách đấu tranh và phản đối hình phạt vô lý. Ngày thứ 3, bọn gác ngục đổ cả nước uống, nước tắm. Ban chấp hành tù nhân hai khu vận động viên anh em kiên trì tranh đấu. Liên đoàn tù nhân đã chỉ thị cho các sở tù khác, tuyệt thực và lãn công hưởng ứng. Nhiều sở tù đã gửi đơn phản đối việc đánh đập dã man.

1. Hơn một tháng sau, các thành viên trong Ban chấp hành Côn Đảo mãn hạn phạt xà lim về Khám 6, Ban thường trực Hội đồng tù nhân mới tuyên bố hết nhiệm vụ, trao quyền lãnh đạo lại cho Ban chấp hành.

Cuộc đấu tranh có chiều hướng phát triển thành một cuộc tổng đình công bãi thực toàn đảo. Laphốt buộc phải nhượng bộ. Hãn tuyên bố chấp nhận đuổi hai tên Vidan và Tômaxini về đất liền, hứa sẽ cấm gác ngục vô cơ đánh đập tù nhân. Đợt đấu tranh này do yêu sách quá cao (đuổi gác ngục khỏi Côn Đảo) nên hai kíp tù phải đổ khá nhiều xương máu. Nguyễn Trí Tuệ sau khi bị phạt xà lim, phải vào cấm cố tại Khám 6.

Lời hứa của bọn thống trị chỉ cốt xoa dịu dư luận, khi thấy không thể đàn áp được nữa. Thịnh thoảng chúng lại khùng bố từng bộ phận tù nhân, giảm dần những điều đã nhân nhượng. Trong khi áp dụng hàng loạt các biện pháp cứng rắn, Laphốt cũng không quên những thủ đoạn lừa mị. Hãn nói bớt chế độ khắt khe cho Khám 6 cấm cố như tăng giờ ra chơi, kéo dài giờ ăn uống, tắm rửa.

Tù chính trị đã khéo lợi dụng tính thích oai quyền của Laphốt để giảm bớt tình hình căng thẳng. Mỗi lần Laphốt đến, trật tự viên Khám 6 lại hô “ngghiêm” thật to và dài, tất cả tù nhân đứng dậy chào Giám đốc. Laphốt đáp lễ bằng cách giơ tay chào đúng nghi thức nhà binh, sau đó dạo vài vòng

rời đi, tỏ vẻ hài lòng. Hãn vẫn cho tù nhân Khám 6 đập đá lớn thành đá dăm trên bãi đá gần con đường đi lên sở Chuồng Bò. Mỗi ngày y còn cho 7 tù nhân Khám 6 lên Sở Ruộng hoặc Chuồng Bò kiếm rau về cải thiện.

Gácđang Langhê (Lainguet) coi kíp đập đá, người da đen, nghiêm khắc nhưng không độc ác. Y chỉ muốn làm tròn bổn phận một người gác tù, không để cấp trên khiển trách vì một khuyết điểm nào đó mà ảnh hưởng đến miếng cơm manh áo của y. Y giao khoán cho cả kíp tù một khối lượng đá phải hoàn thành trong ngày, thường là ở mức không nặng lắm. Nhờ vậy, cuộc sống của Khám 6 có phần dễ chịu hơn, việc liên lạc giữa Ban chấp hành tù nhân Côn Đảo với các khu cũng dễ dàng hơn.

Trong một lần được phân công đi lấy rau cải thiện, hai anh Nguyễn Văn Mẹo và anh Giàu đã bỏ trốn lên núi tìm cách vượt ngục, không báo gì cho Ban chấp hành biết để có cách đối phó. Chiều hôm Khám 6 bị cấm cố trở lại, mỗi ngày chúng cho ra tắm giặt một giờ nhưng bắt ăn cơm trong khám. Chúng đình chỉ luôn việc phát bưu kiện cho tù nhân Khám 6. Rônhông cho chuyển đá hộc vào sân sau Banh I, bắt tù nhân Khám 6 đập thành đá dăm. Toàn thể tù nhân Khám 6 đã nhất trí đấu tranh tuyệt thực, đòi nhà tù:

1. Phải sắp xếp địa điểm lao động ngoài bốn bức tường của banh.
2. Phải để cho tù nhân được đi lấy rau xanh.
3. Phải cho nhận bưu kiện của gia đình gửi ra, trả lại những bưu kiện mà nhà tù còn giữ.

Anh em bầu ngay Ban tranh đấu gồm các anh: Lê Trung Khá, Vương Tự Kiên và Hoàng Phúc. Ban trật tự gồm những người khoẻ mạnh, tập câu tay nhau chịu đòn để bảo vệ cấp lãnh đạo Liên đoàn và Ban chấp hành khu. Các anh em ồm yếu được chuyển chỗ nằm vào sân trong góc khám. Anh Lê Trung Khá, Trưởng ban đấu tranh đưa bản yêu sách và tuyên bố đình công tuyệt thực.

Một giờ sau, Rônhông chỉ huy cuộc đàn áp tù nhân. Bọn gácđang kéo hàng một vào khám, mỗi đứa cầm một khúc mây dài, vụt thẳng cánh xuống

đầu, xuống lưng tù. Anh em câu tay thành hàng rào che chắn, cắn răng chịu đòn, người khoẻ che đỡ cho người yếu.

Rút kinh nghiệm cuộc khủng bố trước, chúng bắt cởi quần áo, lần này anh em tự cởi quần áo chất đống ngay cửa khám để thể hiện tinh thần kiên quyết đấu tranh.

Đánh tù khoảng nửa tiếng, chúng đổ nước trong khay và sàn khám và còng chân hết lại. Để cổ vũ tinh thần chiến đấu của anh em, Ban xã hội cho châm lửa mỗi 4 điếu thuốc phát cho 4 dây còng, chuyền tay nhau rít mỗi người một hơi và ôn lại trận chống khủng bố quyết liệt.

Ngày thứ 5 của cuộc đấu tranh, Rônhông vào giải quyết, đồng ý để Khám 6 không đập đá ở trong Banh I, cho tù nhân nghỉ ít ngày, chờ Giám đốc ở Sài Gòn về sẽ chỉ định chỗ làm việc. Đồng thời Rônhông trả các bưu kiện mà y còn chặn lại từ ngày xảy ra vụ trốn của 2 anh Giàu và Mẹo.

Tuần lễ sau, Laphôt tù Sài Gòn về, quyết định cho Khám 6 được đi làm đường ở Bến Đầm. Sáng có xe tải chở qua Đầm, trưa ăn cơm tại chỗ và chiều đưa về Banh I. Laphôt nhiều lần tự lái xe con, qua gặp anh em. Mỗi lần hẳn xuống xe, họ vẫn giữ nghi thức cũ chào y bằng cách hô to lệnh: nghiêm!

Trong thời gian lao động ở Bến Đầm, Khám 6 tận dụng hết cả khả năng để cải thiện, mỗi ngày chặt hàng chục củ dừa để nấu ăn và tiếp tế cho các khám. Hôm nào bữa ăn cũng có cá, hào, ốc tai tượng và hải sản khác. Ta cũng tranh thủ Langhê, thường nói chuyện tình cảm với y, và không quên mỗi ngày gửi cho gia đình y bó củi, vài trái dừa hoặc mớ ốc.

Thái độ của Laphôt có chiều hướng ôn hòa hơn trước. Y muốn giữ một trạng thái yên ổn cho nhà tù, nhất là khi sắp mãn nhiệm Côn Đảo. Y cũng biết rằng đối với những người đã không sợ mọi hình phạt, kể cả cái chết thì không dễ gì khuất phục.

Đảng bộ Nhà tù Côn Đảo

Tính đến ngày 31-1-1950, Côn Đảo có 1.392 tù nhân, trong đó có 95 người Khơme, 9 người Lào, 66 người Hoa, 3 người Xiêm (Thái Lan) và 72 tù binh Nhật, trong đó, 1.157 tù nhân người Việt được phân chia theo các địa phương như sau: 751 người ở miền Nam, 233 ở miền Bắc, 161 ở miền Trung và 2 ở miền Thượng (dân tộc thiểu số). Những tù nhân quê miền Trung bị bắt trong các cuộc hành quân, bị đưa thẳng vào Khám Lớn -

Chí Hòa rồi đưa ra Côn Đảo. Số tù nhân quê miền Bắc, trừ 22 chiến sĩ Đại đội Ký Con bị bắt trong trận đánh đảo Cô Tô (vịnh Bắc Bộ), còn lại hầu hết là những người đã tham gia chiến đấu và bị bắt ở mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định rồi đày ra Côn Đảo, sau khi trải qua một thời gian bị giam ở Khám Lớn - Chí Hòa.

Trong số 1.392 tù nhân lúc đó chỉ có chưa tới hai chục đảng viên, chiếm một tỷ lệ rất nhỏ (gần 2%). Số đảng viên ít ỏi ấy là hạt nhân đoàn kết góp phần tích cực trong các hoạt động của tù nhân, gương mẫu, đi đầu trong đấu tranh, trong vai trò người lãnh đạo, xây dựng tổ chức Liên đoàn tù nhân...

Theo mô hình tổ chức ở Khám Lớn - Chí Hòa, một số đảng viên ra Côn Đảo đã liên hệ nhau, hình thành nhóm nghiên cứu mácxít để truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin và lãnh đạo tù nhân ở các cơ sở. Từ năm 1948 - 1949, các anh Nguyễn Văn Năm (Năm Mên), Trần Minh, Nguyễn Văn Giỏi, Hai Nhị (ở Bản Chẽ), Nghĩa “Cơm cháy” ở Sở Cũi, Trương Anh Tuấn ở Chỉ Tôn, Nguyễn Đình Thâu (khi giảm án tử hình về Khám 6)... là những thành viên của nhóm nghiên cứu mácxít ở Côn Đảo.

Bên cạnh đó còn nhiều người chưa phải là đảng viên nhưng có trình độ và uy tín cũng đã tham gia truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin cho các bạn tù gần gũi. Nhóm thanh niên trí thức ở Khám 6 Banh I do Lê Trung Khá,

Vũ Đắc Bằng và một số người có trình độ đã tổ chức dịch một số cuốn sách như Cộng sản sơ giải. Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, Làm gì?, Ba mươi năm chính quyền Xô viết. Sách dịch xong được chép hoặc in thành nhiều bản để góp phần phổ biến lý luận Mác-Lênin. Với ý nghĩa đó, anh em trong nhóm đã hào hứng đặt tên cho công việc của mình là Nhà xuất bản Hồng Quang.

Dù là đảng viên hay chỉ mới giác ngộ, những người tù kháng chiến vẫn tràn đầy niềm tin vào cuộc kháng chiến của nhân dân ta do Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Họ đã sống, chiến đấu như những người cộng sản. Chống khủng bố, vạch trần tội ác của bọn thực dân xâm lược, đề cao chính nghĩa của cuộc kháng chiến, tổ chức và đấu tranh cùng hàng loạt hoạt động phong phú, sôi nổi trong những ngày thành lập Liên đoàn tù nhân là bằng chứng về sự giác ngộ và trưởng thành của lớp tù nhân kháng chiến.

Bước phát triển trong hoạt động và tranh đấu của tù nhân đòi hỏi trình độ tổ chức và lãnh đạo ngày càng cao hơn, đủ sức ứng phó với những thủ đoạn ngày càng xảo quyệt của kẻ thù. Nhu cầu bức thiết ấy cùng với những biến Cố chính trị trong năm 1950 đã dẫn đến sự ra đời Đảng bộ Côn Đảo, bộ tham mưu chiến đấu của tù nhân Côn Đảo.

Ngày 5-3-1950, những đảng viên trong chuyển lưu đày từ Khám Lớn - Chí Hòa ra Côn Đảo đã hình thành nhóm nghiên cứu mácxít do Trần Chính Quyền phụ trách. Hai tháng sau, thực dân Pháp đày 50 tù nhân ở các nhà lao miền Trung ra Côn Đảo. Giám đốc Laphốt không phân tán tù nhân về các sở tù mà giam riêng chuyển tù này vào Khám 6 Banh II, phiên chế thành một kíp lao động khổ sai đập đá ở dưới chân Núi Chúa. Đoàn tù nhân miền Trung đã làm đơn xin gia nhập Liên đoàn tù nhân và đặt phiên hiệu là khu Trần Phú.

Đoàn tù miền Trung đã thành lập chi bộ đảng từ nhà lao Huế, gồm 11 đảng viên, lấy tên là Chi bộ Nguyễn Chí Diểu, do Lê Trọng Bộ tức Lê Doãn Thiết là bí thư, chi ủy có Lê Quang Thuyết, Lê Nam Kim, Hồ Duy Khoáng, Võ Dự, Lê Trọng Bộ. Chi bộ Nguyễn Chí Diểu đã liên hệ với các

đồng chí Nguyễn Đình Thâu và Nguyễn Văn Năm, tha thiết đề nghị các nhóm mácxít sớm thống nhất quan điểm, tiến tới thành lập Đảng bộ nhà tù Côn Đảo. Cuối tháng 5-1950, Ban củ tập đã được hình thành gồm đại diện các chi bộ và nhóm nghiên cứu mácxít, làm nhiệm vụ tập hợp, soát xét lại tư cách của các đảng viên cũ, chuẩn bị thành lập Đảng bộ, Lê Trọng Bộ là Trưởng ban củ tập.

Ngày 24-6-1950, đoàn tù án chính trị đầu tiên ở nhà lao Hỏa Lò (Hà Nội) gồm 54 người đặt chân lên Côn Đảo. Đoàn tù Hà Nội đã lập chi bộ đảng từ Hỏa Lò, do Lê Đình Cầu làm bí thư, chi ủy có Trần Khắc Du tức Nguyễn Ngọc Cảnh, Doãn Chiêm (Minh Kính). Hai đại biểu của chi bộ Hỏa Lò được bổ sung vào Ban củ tập. Trần Khắc Du được bố trí ra nhà thương với bệnh án kiệt ly, để làm nhiệm vụ thường trực Ban củ tập. Trần Minh (Minh ồm) y tá tại nhà thương đảm nhiệm đầu mối liên lạc cho thường trực Ban củ tập.

Các đoàn tù ở đất liền liên tiếp bị đày ra Côn Đảo đầu năm 1950 đã bổ sung những kinh nghiệm tổ chức và hoạt động ở các nhà lao cho Côn Đảo, góp phần làm biến chuyển về chất lượng lãnh đạo và tổ chức tù nhân. Việc củ tập đảng viên, thành lập đảng bộ được khẩn trương triển khai. Hơn 30 đảng viên đã được công nhận trong tháng 7-1950.

Đảng viên được củ tập với điều kiện là khi bắt phải giữ được khí tiết, không đầu hàng khuất phục; vào tù phải có ý thức tổ chức, gương mẫu, có tinh thần chiến đấu, được tập thể tù nhân tín nhiệm và được tập hợp từ cơ sở. Mỗi đảng viên phải được 2 đảng viên khác biết và giới thiệu. Trường hợp không có ai giới thiệu thì phải tự khai báo. Nhưng dù có người giới thiệu, bảo đảm hay chỉ là tự khai báo thì nguyên tắc cao nhất để công nhận đảng viên là phải qua thực tiễn đấu tranh trong tù, thể hiện được phẩm chất đảng viên, được tập thể trong tù công nhận. Cơ sở đảng trong các đoàn tù, các sở tù giới thiệu và nhận xét đảng viên, sau đó gửi danh sách để Ban củ tập xem xét và làm quyết định công nhận đảng viên.

Tháng 8-1950, các cơ sở tiến hành Đại hội thành lập Đảng bộ nhà tù Côn Đảo. Bộ phận thường trực ở nhà thương soạn dự thảo nghị quyết chi bộ, lấy

ý kiến các đồng chí trong Ban củ tập, tổng hợp lại rồi gửi đến các chi bộ tham gia ý kiến. Bộ phận thường trực tập hợp ý kiến, bổ sung thành Ấn nghị quyết của Đảng bộ.

Kế thừa kinh nghiệm của Chi bộ đặc biệt ở nhà tù Côn Đảo trước đây và kinh nghiệm hoạt động ở nhiều nhà tù khác, Đại hội đã xác định nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ là lãnh đạo đấu tranh đòi cải thiện đời sống tù nhân và biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng. Đại hội uốn nắn tư tưởng của một số đảng viên trước đây, quá say sưa với chủ trương “tự giải phóng” chỉ tìm cách vượt ngục mà xem nhẹ việc xây dựng tổ chức, lãnh đạo đấu tranh trong tù.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành (gọi là Hội ủy để giữ bí mật) gồm 7 người do Lê Trọng Bộ làm bí thư; Nguyễn Đình Thâu là phó bí thư phụ trách tuyên huấn; Trần Khắc Du phụ trách dân vận; các anh Nguyễn Văn Năm, Trần Chính Quyền, Lê Quang Thuyết, Nguyễn Văn Thương là ủy viên phụ trách các cơ sở.

Đảng bộ đánh giá cao tinh thần chiến đấu và ý thức kỷ luật của những người tù kháng chiến cùng với sự trưởng thành của Liên đoàn tù nhân. Từ nay, Liên đoàn được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, giống như một đoàn thể rộng rãi nhất, vừa như là một hình thức chính quyền dân chủ và trực tiếp của tù nhân. Đảng bộ chỉ đạo cải tổ một số điểm trong cơ cấu tổ chức và hoạt động của Liên đoàn. Ban tư pháp được thay bằng Hội đồng kỷ luật. Các hình thức kỷ luật mang tính chất nhục hình, cực đoan được bãi bỏ, thay vào đó là các biện pháp thuyết phục và giáo dục. Đại hội quyết định bồi dưỡng và kết nạp những cán bộ ưu tú của Liên đoàn tù nhân vào Lớp đảng viên tháng Tám (1950).

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ, từ ngày 19-8- 1950, các cơ SỞ đã tổ chức kết nạp một loạt đảng viên mới - Lớp đảng viên tháng Tám. Những người được kết nạp trong đợt này đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh ở Côn Đảo, đã giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản, chứng tỏ lòng trung thành với Đảng và đều phải được 2 đảng viên giới thiệu.

Lớp đảng viên tháng Tám hầu hết là những người hoạt động tích cực trong Liên đoàn tù nhân Côn Đảo ở các cấp, trong đó các anh: Trịnh Xuân Hà, Nguyễn Văn Thìn, Nguyễn Văn Khang, Vũ Ngọc Toàn, Đặng Nguyên, Lê Ngọc Hương, Lê Tấn Vinh, Ngô Đăng Đức, Trần Văn Đĩnh, Lâm Thái Côn, Trần Văn Hai, Lê Thúc Bính, Nguyễn Văn Trường, Trần Văn Bảy, Lê Hoàng Yến, Võ Tuyền... Các anh Phạm Xuân Thụ, Nguyễn Duy, Đinh Văn Dân, Vũ Ngọc Chung, Lê Đăng Tam không đủ điều kiện trong đợt cử tập tháng 7-1950 cũng được kết nạp lại và công nhận chính thức trong dịp này.

Trong tháng 9 và tháng 10-1950, Đảng bộ tiếp tục kết nạp thêm một số cán bộ có thành tích trong Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân ở các khu, trong đó có Tạ Văn Hồng, Nguyễn Trí Tuệ, Nguyễn Văn Tùng, Trần Việt Xuân... Lớp đảng viên mới vừa góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ của chi bộ, vừa trực tiếp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên đoàn tù nhân.

Đầu mỗi liên lạc và ấn loát của Đảng bộ ở Nhà Thương do Nguyễn Văn Khang và Trần Minh đảm nhiệm. Văn phòng của Bí thư Đảng bộ đặt tại Khám 6 Ban II, Võ Nguyên, Nguyễn Đức Triêm, Võ Bằng, Hồ, Hội, vừa làm công tác ấn loát, giao liên và bảo vệ. Nguyễn Văn Giỏi và Huy Nghĩa đặc trách đường dây liên lạc của Đảng bộ giữa Ban I với Ban II và các sở.

Lê Quang Thuyết được Đảng ủy giao nhiệm vụ soạn thảo đề án hoạt động và tranh đấu của Đảng bộ. Lê Trọng Bộ và Trần Khắc Du đã biên soạn nhiều tài liệu phục vụ công tác giáo dục tư tưởng và đường lối của Đảng cho đảng viên và quần chúng như: Tiểu sử Hồ Chủ tịch, Thư của Hồ Chủ tịch gửi các đồng chí Trung bộ, Sửa đổi lề lối làm việc, Cách mạng dân chủ mới, Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi.

Vào thời điểm đó, tù nhân Sở Cui và Lò Vôi vẫn bị đánh đập nhiều. Ban chấp hành tù nhân khu Sở Cui đã chuẩn bị phương án đấu tranh và đề nghị Liên đoàn phát động các khu hỗ trợ. Đảng ủy đề xuất cuộc đấu tranh toàn đảo bằng hình thức đình công tuyệt thực đòi các yêu sách chính:

- Nhà tù phải nhìn nhận tổng đại diện của tù nhân.

- Giảm nhẹ các mức khổ sai, hạ mức củi.
- Bãi bỏ chế độ hành hạ đánh đập tù nhân.
- Tù nhân đi làm khổ sai không phải đeo xiềng.
- Đảm bảo khẩu phần ăn đúng quy chế, bỏ khô mục, gạo sạn, tuần có 2 bữa thịt.
- Tù nhân đau ốm được khám bệnh và điều trị.
- Được nhận thư từ, bưu kiện, báo chí sách vở và tự do học tập.
- Khám cấm cố được ra sân chơi ngày 2 buổi, sáng và chiều, mỗi buổi 2 giờ.

Giữa lúc đó, qua gác dang Bécđơram, tù nhân biết các báo Sài Gòn đều đưa tin về thất bại của thực dân Pháp ở mặt trận Biên giới với những hàng tít lớn:

- Thất Khê lọt vào tay Việt Minh.
- Lepage - Charton bị bắt làm tù binh.
- Việt Minh làm chủ đường số 4.

Tù nhân hết sức phấn khởi lao vào cuộc tranh đấu. Họ dự cảm về cuộc tổng phản công quét sạch thực dân Pháp ra khỏi đất nước không còn xa nữa. Tin tức về các cuộc đấu tranh thắng lợi của tù nhân ở Chí Hòa cũng góp phần cổ vũ họ.

Theo sự chỉ đạo chung, tù nhân các khu Sở Củi, Chi Tồn và các Sở khổ sai tuyệt thực mở màn. Ngày hôm sau, kíp tù áo trắng và nhiều khám khác tuyên bố tuyệt thực đình công. Khám 1 (áo trắng) và Khám 6 (cấm cố) đập bể khạp nước, tuyệt ẩm luôn, đồng thời cởi hết quần áo, chất đồng ngoài cửa, sẵn sàng chịu trận. Khí thế cuộc đấu tranh lên rất cao.

Ngày thứ 3 thì khí thế chững lại. Nhóm Mười Võ Sĩ ở Sở Củi và một số tù tư pháp ở các khám nhảy ra ăn. Mười Võ Sĩ trước đã tham gia Ban chấp hành tù nhân khu Sở Lưới, sau vụ âm mưu cướp tàu Nicôlô không thành, bị đưa về cấm cố ở Khám 7 rồi làm khổ sai ở Sở Củi. Giống như phần đông số tù tư pháp, Mười Võ Sĩ chưa quen rèn luyện và chịu đựng những hình

thức đấu tranh ở mức cao như tuyệt thực. Sau này, y ngã về phe Liên xã, đối lập với Liên đoàn.

Mặc dù không đánh đập khủng bố như trước, Laphôt dứt khoát không chấp nhận tổng đại diện. Hãn chỉ ra lệnh cho Giám thị trưởng Rônông mời một đại diện tù nhân ra Văn phòng thương lượng. Anh Thái Mập tức Lê Văn Trình, số tù c. 11746 là Chủ tịch ủy ban tranh đấu được cử ra thay mặt cho toàn thể tù nhân. Rônông yêu cầu tù nhân chấm dứt tuyệt thực, đi lao động bình thường. Hãn hứa sẽ nghiên cứu giải quyết các yêu sách, trừ việc nhận tổng đại diện.

Cuộc tuyệt thực kết thúc sau buổi thương lượng. Cả hai phía đều có sự nhân nhượng. Nhà tù bớt đánh đập, chế độ ăn uống được cải thiện khá hơn. Một thời gian sau chúng mới bỏ hẳn kiểu phạt xiềng. Sở Cui được hạ bớt mức khổ sai và ít bị đòn roi. Việc sinh hoạt và học tập của tù nhân được dễ dàng hơn trước.

Trong dịp kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến năm ấy, tù nhân Sở Cui biên soạn và dàn dựng vở ca kịch Ngọn đuốc Bác Hồ, trình diễn tại sân cũi trưa 19- 12-1950, có kíp tù làm đường cạnh đó đến xem. Mở đầu vở kịch là cảnh giữa đêm tối, mọi người mò mẫm đi, không tìm ra đường lối và vấp ngã. Cảnh 2 xuất hiện ngọn đuốc, tượng trưng cho tư tưởng cách mạng của Bác Hồ. Nhờ ánh đuốc soi đường mở lối, mọi người đã đứng dậy nô nức đi theo. Cảnh 3 là tất cả vây quanh ngọn đuốc, kết thành hình ngôi sao 5 cánh, tượng trưng cho sự đoàn kết của dân tộc Việt Nam xung quanh Đảng - Bác. Nhiều thầy chú cai quản hai kíp tù cũng xem và tỏ ra xúc động.

Trong dịp ấy, tù nhân Sở Cui và Sở rẫy An Hải đã tranh thủ sự ủng hộ của các thầy chú bằng cách bán đấu giá một chiếc áo len để lấy tiền ủng hộ tù nhân khám tử hình và cấm cố. Ban chấp hành tù nhân thu được gần một ngàn đồng (tiền Đông Dương) cho quỹ xã hội của Liên đoàn.

Gần Tết âm lịch 1951, Laphôt mới cho trả lại một số sách báo, tư trang mà bọn gác ngục tịch thu trước đó. Hãn cũng cho trả các bưu kiện mà nhà tù còn giữ lại. Đại diện của tù nhân đã đưa yêu sách đòi tổ chức vui chơi trong ngày tết; các khám được thăm nhau theo phong tục cổ truyền. Được

Giám đốc nhà tù đồng ý, Ban kịch Khám 6 đã qua Khám 5 (Chi Tồn) trình diễn vở kịch Hội nghị Diên Hồng do Vũ Đắc Bằng biên soạn. Gác dang, thầy chú trực phiên hôm đó đứng ở cửa Khám 5 ngó xem.

Tết ấy, các khám đều lập bàn thờ Tổ quốc, có cờ đỏ sao vàng và ảnh Bác Hồ. Có khám làm cả bản đồ Tổ quốc Việt Nam bằng bông gòn dán trên giấy rời phun thuốc đỏ, vị trí thủ đô Hà Nội được điểm một ngôi sao vàng. Laphôt đến thăm Khám 6 cấm cố, tỏ thái độ trân trọng và trang nghiêm trước bàn thờ Tổ quốc Việt Nam. Đó là cử chỉ mỉa dân cuối cùng của chúa đảo Laphốt, trong khi hắn đã chuẩn bị một âm mưu mới thâm độc hơn và tàn ác đối với tù nhân kháng chiến.

¹. Tham luận của đồng chí Trịnh Xuân Hà (tức Trịnh Văn Hà), nguyên Tổng đại diện của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo tại cuộc hội thảo tháng 8-1990 tại Thành ủy Hà Nội. Hồ sơ lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chương 6

CÔN ĐẢO CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI (1951-1954)

Bước chuyển tình thế

Thất bại ở Biên Giới thu đông 1950 đã làm cho thực dân Pháp nhận ra rằng, chúng không thể thắng được trong cuộc chiến tranh này bằng quân sự.

Chiến thắng Biên Giới còn để lại tiếng vang lớn trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, binh địch vận. Ngay khi tiếng súng ở Biên Giới vừa ngừng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gặp gỡ một số tù binh Pháp tại mặt trận. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định trao trả tất cả tù binh là thương binh cho quân đội Pháp tại Thất Khê. Đài tiếng nói Việt Nam công bố chính sách của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đối với tù hàng binh trong buổi phát thanh bằng tiếng Pháp, tăng thêm lượng tin tức chiến sự và tù hàng binh. Lễ Nôen 25-12-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh ân xá cho một số tù binh Pháp.

Chính sách nhân đạo của Chính phủ Hồ Chí Minh đối với tù hàng binh Pháp có tác động mạnh đến binh lính và nhân dân Pháp. Quan tư thầy thuốc Đuyarít (Duaris) sau khi được ân xá đã lên tiếng tố cáo Chính phủ Pháp đã lừa gạt, đẩy thanh niên Pháp vào cuộc chiến tranh xâm lược bần thủ. Bị điều về nước, Đuyarít tiếp tục phản đối cuộc chiến tranh xâm lược và tuyên truyền về chính sách nhân đạo của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhân dân Pháp yêu cầu Chính phủ Pháp phải đối xử nhân đạo với tù binh Việt Nam và kết thúc chiến tranh để con em họ được trở về Pháp.

Ở Côn Đảo, bọn chúa ngục vẫn tiếp tục chính sách khủng bố. Ngày 6-1-1951, tù nhân ở nhiều khám làm lễ kỷ niệm ngày thành lập Đảng và ngày bầu cử Quốc hội. Khám 6 Banh II (khu Trần Phú) bị đánh đập và bỏ đói một ngày. 44 tù nhân trong khám họp hội nghị bất thường, quyết định tuyệt thực để phản đối. Mặc dù bị xé lẻ thành 4 nhóm, giam riêng ở 4 nơi (Bản Chế, Nhà Thương, Chuồng Bò và Khám 6) nhưng cả 4 nhóm đều đồng tâm

tuyệt thực cho đến khi địch nhượng bộ, chấp nhận cải thiện đời sống, bỏ đánh đập.

Đoàn tù nhân ở Chí Hòa mới ra Côn Đảo chưa được 10 ngày cũng bị khủng bố trong đợt kỷ niệm ấy. Các anh Đinh Khắc Phong, Trần Bình Hãn, Nguyễn Văn Một (tức Long), Bảy Vinh (tức Đào Năng An) bị phạt xà lim Banh I, còng chân và bỏ đói. Đại diện tù nhân ở nhiều khám đã lên tiếng phản đối việc khủng bố Khám 6 Banh II và đoàn tù ở Chí Hoà mới ra. Trước áp lực đấu tranh của tù nhân, Laphốt cho giải tỏa đợt khủng bố, trả hết tù nhân bị phân tán và phạt xà lim về khám cũ.

Laphốt chuẩn bị một đợt khủng bố tù quy mô hơn bằng chế độ biệt lập hết sức khắc nghiệt và sự câu kết giữa nhà tù với những tên tù gian làm tay sai cho chúng. Laphốt đã gửi phúc trình cho Cao ủy Pháp, báo động về tình hình an ninh ở Côn Đảo về khả năng bạo loạn của tù nhân mà y cảm thấy như một nguy cơ thường trực.

Cuộc đổ bộ bất đắc dĩ của một đơn vị Việt Minh lên Côn Đảo do một tai nạn thuyền bè trong chuyến chở vũ khí vào Nam Bộ (ngày 29-1-1950) cũng được đề cập tới như một dấu hiệu đáng ngờ về sự phôi hợp tấn công của lực lượng vũ trang từ đất liền. Laphốt đã đề nghị Cao ủy cho phép áp dụng chế độ biệt lập, biện pháp an ninh cao nhất đối với những tù nhân kháng chiến nguy hiểm. Khu biệt lập Banh II được hình thành.

Tháng 2-1951, Đảng bộ nhà tù Côn Đảo tổ chức Đại hội lần thứ 2. Đảng ủy chuẩn bị báo cáo và đưa xuống các chi bộ thảo luận, góp ý bổ sung rồi gửi về văn phòng Đảng ủy. Báo cáo đánh giá trong nhiệm kỳ 6 tháng, Đảng bộ đã xây dựng được tổ chức Đảng thống nhất trên toàn đảo; phát triển số đảng viên tăng lên gấp rưỡi; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên đoàn tù nhân. Đảng bộ đã phổ biến đường lối kháng chiến cho cán bộ, đảng viên, nâng cao nhận thức và lòng tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, về sách lược, Đảng bộ phân biệt đối tượng cụ thể, từng loại kẻ thù, từ chúa đảo đến xếp ban, chủ sở, gác dang, thầy chú để tranh thủ và có sách lược đấu tranh cụ thể.

Đại hội lần thứ hai đã bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ gồm 9 người. Bí thư Đảng ủy Lê Trọng Bộ được bố trí ra Nhà Thương với bệnh án ho lao cùng Trần Khắc Du (Nguyễn Ngọc Cảnh), Phó bí thư hình thành bộ phận thường trực của Đảng ủy tại Nhà Thương.

Khi ấy Laphốt đã cho dọn dẹp xong dãy Khám 8-9- 10 ở Banh II (trước chúng làm kho vật liệu) và rào dây thép gai xung quanh, thiết lập một khu biệt lập để cách ly và siết chặt kỷ luật với những người tù kháng chiến trung kiên. Những người tù kháng chiến hoàn toàn bị bất ngờ trước thủ đoạn mới của Laphốt.

Được sự khuyến khích của Laphốt, một nhóm tù gian đã lập ra tổ chức Liên minh dân chủ xã hội, gọi tắt là Liên xã. Cầm đầu Liên xã là những tù nhân thuộc các đảng phái quốc gia (Việt Nam Quốc dân đảng, Đại Việt, Cao Đài, Hòa Hảo) như Nguyễn Văn Tân, Lê Trung Chánh, Nguyễn Văn Kỳ, Già Huệ... Có tên từng theo kháng chiến như Võ Văn Nguyệt, từng tham gia Liên đoàn tù nhân nhưng bất mãn, bị quyền lợi vật chất lôi kéo.

Ngày 28-2-1951, bọn Liên xã ở kíp Lò Vôi đem dao nhọn vào Khám 5 Banh II khiêu khích đòi lật đổ Ban chấp hành tù nhân khu. Các anh Nguyễn Trí Tuệ, Chủ tịch Ban chấp hành tù nhân khu Lò Vôi đã cùng với Trác Quang Lành, Điệp, Hưng tổ chức lực lượng, tay không đánh trả bọn Liên xã, Nguyễn Trí Tuệ bị đâm trọng thương ở cổ. Giám thị trưởng Rônhông kịp thời can thiệp, y phạt hàm Nguyễn Trí Tuệ vì tội gây rối trong tù!?

Rônhông vẫn cho phép bọn Liên xã được giữ vũ khí trong khám, bất chấp quy chế nhà tù. Ngày hôm sau, bọn Liên xã dùng dao nhọn khiêu khích tù kháng chiến ở Chuồng Bò, nhưng Liên đoàn tù nhân đã đánh trả chúng đích đáng. Giám thị trưởng Rônhông lại có mặt đúng lúc, y ra lệnh còng chân tất cả tù kháng chiến rồi cho bọn Liên xã đánh đập bằng gậy gộc để trả thù. Anh Trần Văn Đức tức Mi, trưởng ban trật tự của tù nhân khu Chuồng Bò bị đánh ngất đi, đầu và mặt sưng húp. Mười hai tù nhân kháng chiến bị phạt xà lim. Các anh Đức, On, Tâm bị tên cò Busăng (Bouchand) tra tấn tàn bạo và bị chông án thêm 4 năm tù nữa.

Ngày 4-3-1951, Rônhông lại hỗ trợ cho bọn Liên xã mang dao vào gây rối ở Khám 7 Banh I. Anh Phạm Trọng Hồng (Hồng Võ Sĩ) đã cùng với Nguyễn Sáng lãnh đạo tù nhân Khám 7 đập bể lu nước, lấy mảnh vỡ làm vũ khí chống lại dao nhọn của chúng. Trước sức mạnh áp đảo, bọn Liên xã phải chạy tháo thân, tên Kỳ bị đứt gân chân không đi nổi. Rônhông lại can thiệp ngay, bắt 50 tù kháng chiến vào cấm cố và cho bọn Liên xã quay trở lại chế ngự Khám 7.

Trước sức mạnh đoàn kết và tinh thần chiến đấu của tù nhân kháng chiến, bọn tù gian Liên xã không sao lật đổ được Liên đoàn bằng vũ lực. Khi ấy nhà tù mới ra mặt khủng bố. Ngày 6-3-1951, viên Giám thị trưởng

Rô nhông chỉ huy hàng chục gácđang, có lính và tay sai Liên xã đi theo ập vào từng khám. Bọn Liên xã đã lập sẵn danh sách những người lãnh đạo ở các khu, những tù nhân trung kiên kháng chiến. Chúng mở cửa, gọi tên, chỉ mặt và bắt hàng loạt tù trung kiên ở tất cả các khám đưa về Khu biệt lập Banh II.

Trước đó, Khám 6 cấm cố ở Banh I đã bị thanh lọc. Khoảng 30 người bị đưa thẳng về Khu biệt lập Banh II. Số còn lại chúng chia thành 2 kíp, mỗi kíp 25 người, ở Khám 6 và Khám 7 Banh I. Sau vụ xung đột với Liên xã Khám 7 (Sở Chuồng Bò, ngày 29-2-1951), chúng đưa hầu hết tù kháng chiến ở Khám 6 và Khám 7 vào khu biệt lập, còn bọn Liên xã thì ở lại.

Bọn Liên xã tiếp tục được nhà tù cho phép sử dụng dao nhọn và vũ khí thô sơ để chế áp tù kháng chiến. Chúng dựng lên tổ chức phản động Liên xã ở tất cả các khu chống lại Liên đoàn tù nhân. Chúng chiếm “đài phát thanh”, kêu gọi tù nhân phải tuân theo sự lãnh đạo của chúng.

Trong vòng 2 tháng sử dụng bọn tù tay sai, Laphốt đã đưa 250 tù kháng chiến vào biệt lập, hỗ trợ cho Liên xã lập tổ chức phản động ở Sở rẫy An Hải, Sở Lưới, Chuồng Bò, Lò Vôi, Sở Bản Chế và Nhà Thương. Tuy chúng có tổ chức nhưng tù kháng chiến vẫn giữ được tương quan, không để chúng lấn át. Khám 1 (áo trắng) thì Liên xã chưa giành được quyền lãnh đạo nhưng chúng khống chế hoạt động của Liên đoàn. Nhà tù sử dụng Liên xã

như kiểu cặp răng trước đây, ưu đãi bọn này về vật chất để sử dụng làm tay sai không chế hoạt động của tù nhân kháng chiến.

Vụ Liên xã và chế độ cấm cố biệt lập là đợt khủng bố quy mô và hết sức thâm độc. Những người tù kháng chiến đã phải đấu tranh dai dẳng và quyết liệt trong nhiều năm sau đó.

Tháng 5-1951, Giátty (Henri Jarty) ra nhận chức Giám đốc Côn Đảo. Giátty được đánh giá là một “sĩ quan ưu tú, rất gắn bó với chức vụ... khéo léo và kiên quyết” (Văn thư số 1574/CB/MIL của Thủ tướng Nam Việt Nam gửi Trung tâm hành chánh Viễn Đông). Ngay trên chuyến tàu ra nhận chức, Giátty đã đàn áp đẫm máu đoàn tù từ Chí Hòa ra Côn Đảo khi họ hát bài Quốc ca chào đất liền, vào lúc tàu nhổ neo rời bến. Đến Côn Đảo, hắn còn đuổi theo đánh đoàn tù một trận nữa, từ cầu tàu vào Banh I.

Giátty ráo riết tăng cường bố phòng Côn Đảo. Ngay trong tháng đầu nhận chức, y làm công văn xin đổi 3 trung liên F.M của Nhật (cờ nòng 303) để sử dụng đạn 303 sẵn có, xin cấp bổ sung 25 súng lục để đủ trang bị cho mỗi gácđang Pháp một súng; xin thêm 5 gácđang, đưa tổng số gácđang lên 50 tên; xin thêm 54 lính Âu - Phi, đưa tổng số lính Âu - Phi lên 104 tên vào cuối năm 1951; xin cấp một canô tốc độ 8 hải lý giờ để tuần tra quanh đảo.

Giátty tiếp tục duy trì chế độ cấm cố biệt lập, tiếp tục chính sách dùng tù trị tù và khủng bố tù kháng chiến. Y đưa Pátxi (Passi) làm Giám thị trưởng thay Rônhông. Mới đến Côn Đảo hơn một tháng, Giátty đã chỉ huy cuộc tổng khủng bố toàn đảo vào ngày 20-5- 1951. Từ sáng đến trưa, bọn gác ngục đánh tất cả tù nhân ở các khám, trận ấy không ai không đổ máu. Anh Lan bị đánh gãy một tay, nằm liệt luôn 3 tháng. Anh Huệ bị đánh đến ho ra máu, mấy tháng sau thì chết.

Ngày 1-7-1951, Giátty và Pátxi lại cầm đầu một toán ác ôn đánh đập tàn nhẫn đoàn tù ở Chí Hòa vừa ra Côn Đảo, đánh anh Lý Hải Châu chết ngất vì Giátty và Pátxi biết anh lãnh đạo cuộc đấu tranh tuyệt thực 11 ngày vừa nổ ra ở Chí Hòa và tổ chức cho một số tù nhân vượt ngục.

Vào nghề gác ngục từ thời trai trẻ, Pátxi từng qua hết các nhà tù lớn ở Đông Dương như Sơn La, Hỏa Lò, Khám Lớn, Chí Hòa và trở thành con cáo già trong nghề, leo hết ngạch gác ngục ở Côn Đảo. Pátxi thâm thù cộng sản từ trong xương tủy. Y là một trong những tên gác ngục gian xảo và rất thủ đoạn. Gặp lại một người cộng sản từng bị tù ở Sơn La năm 1944, y reo lên một cách thân mật như gặp được bạn cũ. Với những tù nhân biết tiếng Pháp, y lễ độ gọi là ngài. Biết tù cộng sản có văn hóa, y vui vẻ đàm luận về một tác phẩm văn học Pháp, một trường phái âm nhạc, hội họa, hoặc về vẻ đẹp một loài hoa. Nhưng khi hấn đưa quân vào khủng bố thì không trận nào không đẫm máu. Đánh xong, hấn lại chào hỏi ngọt ngào, lại nói chuyện vui vẻ, đôi khi còn mời tù nhân hút thuốc.

Bọn chúa ngục Côn Đảo sau mỗi lần thất bại trong chính sách trị tù thì chúng lại xảo quyệt hơn. Thủ đoạn dùng tù “quốc gia” trị tù kháng chiến khởi đầu từ Laphốt và Rônhông đã được Giátty và Pátxi thực hiện một cách hữu hiệu. Nhưng ngày tàn của bọn chúa ngục cũng không còn xa nữa. Thủ đoạn ấy chỉ là cơn giãy giụa cuối cùng của thực dân Pháp và tay sai trên hòn đảo này.

Đấu tranh chống Liên xã, củng cố lại Liên đoàn tù nhân

Sau vụ Liên xã, hầu hết những người lãnh đạo trong Đảng ủy và Liên đoàn tù nhân bị bắt vào biệt lập. Đảng ủy quyết định bổ sung thêm một số ủy viên: Tùng Lam tức Thép, Hoàng Sinh Hồng tức Tân, Trần Nam tức Trần Chiêm. Cả ba đều thuộc nhóm dân quân Sài Gòn - Gia Định vừa bị đày ra Côn Đảo, làm khổ sai ở kíp Chi Tồn, có điều kiện trực tiếp chỉ đạo phong trào.

Đảng ủy tích cực chỉ đạo chống khủng bố. Chỉ thị của Đảng ủy gửi đến các cơ sở đã phân tích âm mưu “dùng tù trị tù” của thực dân Pháp và vạch mặt bọn cầm đầu Liên xã làm tay sai đắc lực cho nhà tù. Đảng ủy kêu gọi tù nhân đoàn kết xung quanh Liên đoàn tù nhân, kiên quyết lập lại tổ chức ở những khu bị Liên xã khống chế.

Tù nhân các khu tiến hành bầu bổ sung một số ủy viên Ban chấp hành đã bị bắt vào biệt lập. Ở các khu Liên xã không chế, tù kháng chiến đã bầu ra Ban chấp hành bí mật để lãnh đạo tù nhân. Tư Ba Đào, người tù thường phạm có uy tín trong giới giang hồ ra lời hiệu triệu vạch mặt bọn đầu sỏ Liên xã là tay sai cho giặc và kêu gọi những người lầm đường lạc lối hãy quay lại sát cánh với Liên đoàn, chống âm mưu dùng tù trị tù của thực dân Pháp.

Vào lúc đông nhất, Liên xã tập trung được chừng 300 tên. Ngoài mấy tên cầm đầu thuộc đảng phái quốc gia, bọn tay chân hầu hết là tù tư pháp, lưu manh giang hồ. Trong bọn này có một số người trước đây đã đi theo Liên đoàn, nhưng không quen nếp sinh hoạt chặt chẽ hoặc không chịu đựng được những hình thức đấu tranh quyết liệt do Liên đoàn tổ chức nên đã đầu hàng địch. Trong bọn này còn có cả một đôi người đã từng tham gia kháng chiến nhưng bất mãn hoặc cầu an, cầu lợi nên can tâm làm tay sai cho địch.

Bọn Liên xã ở Sở Lưới bắt tù nhân mỗi ngày đánh 5 giác lưới (trước chỉ 3 giác). Chúng còn quản lý cá cho nhà tù, không để tù chính trị giấu một phần về cải thiện như trước nữa. Ở kíp cắt cỏ, chúng bắt nộp mỗi ngày 60kg (trước là 30kg). Bọn Liên xã ở Sơ Củi tiếp tay cho Nhà tù bắt tù nhân tăng mức củi. Củi Nhà Đền trước đây đã hạ xuống 3 tấc, chúng bắt tăng 3,5 tấc mỗi ngày. Anh em không làm đủ, chúng đánh đập và còng chân ở Khám 6 Banh I. Liên tục trong một tuần, Ban chấp hành bí mật của tù nhân Sở Củi đã lãnh đạo anh em chỉ làm đúng 3 tấc, cuối cùng chúng phải nhượng bộ.

Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân sở Chỉ Tồn lãnh đạo tù nhân chống tăng mức khổ sai. Khu Sở tẩy - Nhà bếp, tù kháng chiến đã chiếm lại “đài phát thanh”, lập lại Ban chấp hành, anh Hưng làm Chủ tịch, Vũ Văn Thùy tức An là Phó Chủ tịch, giữ vững đầu mối liên lạc cho Đảng ủy và Liên đoàn tù nhân kháng chiến. Cuối năm 1951, Sở Rẫy An Hải lập lại được Ban chấp hành, sau khi Đảng ủy bố trí một số tù nhân có uy tín về đó.

Cuộc đấu tranh chống Liên xã ở Khám 1 (áo trắng) và Sở Lưới diễn ra quyết liệt nhất. Các anh Nguyễn Văn Mẫn làm bồi ở Sở Cò; Nguyễn Minh Sướng làm bồi cho xếp Banh I; Mai Hữu Hương thư ký kho bạc đã tổ chức đánh áp đảo bọn Liên xã trong lúc chúng đang phát thanh đưa tin tức phản động, nói xấu kháng chiến. Bọn Liên xã bị dồn vào góc tường, không dám ho he. Ban chấp hành tù nhân được lập lại, nhưng không được bao lâu. Một tên trong Liên xã lợi dụng lúc sơ hở, chạy vọt ra cửa khám kêu cứu ầm ĩ. Gácđang đến can thiệp, bắt tù nhân ra sân xếp 2 hàng. Ba anh cầm đầu bị chúng lôi ra cho Liên xã đánh bằng củi tạ rồi phạt còng.

Tại Sở Lưới, Vũ Ngọc Chung (tức Lý Trứng, công an Hà Nội) được Đảng ủy bố trí về cùng Châu Bình Phong và Nguyễn Thống lật để tên Trần Văn Khánh, tay sai đắc lực của chủ sở Machiơ. Nhà tù lại can thiệp, Châu Bình Phong bị lôi về hầm xay lúa cho mấy tên Rờsec và Liên xã đánh đập dã man. Vũ Ngọc Chung bị đưa vào khu biệt lập. Ngày 23-12-1951, cuộc xung đột giữa tù kháng chiến và bọn Liên xã lại nổ ra tại Sở Lưới. Giám thị trưởng Pátxi cùng Saden và 3 tên gácđang khác, 6 lính lê dương đến can

thiệt, đưa bọn Liên xã ra ngoài rồi xông vào đánh đập tàn nhẫn cả khám. Ba người tù kháng chiến là Nguyễn Văn Lực (C.11899), Bùi Đình cầu (C.12747) và Nguyễn Văn Lác (C. 12477) bị phạt xà lim, còng chân rồi còn bị đánh tiếp.

Cuộc đấu tranh ở Sở Lưới còn dai dẳng cho đến năm 1954. Với sự dung dưỡng của tên gácđang đều cáng Saden, bọn Liên xã ở Sở Lưới đã đâm chết anh Trần Văn Vinh (tức Vinh Rỗ) vào ngày 3-5-1954, khi anh từ khu biệt lập vừa giải tỏa, được điều ra Sở Lưới. Vinh Rỗ là một người tù thường phạm hoạt động tích cực cho Liên đoàn. Bọn Liên xã lôi kéo không được nên đã trả thù hèn hạ. Các bạn tù ở Nhà Thương hết lòng điều trị nhưng không cứu được anh.

Ở các khu khác thì vai trò bọn Liên xã kết thúc sớm hơn. Cuối năm 1952, các khu Nhà Thương, Chuồng Bò, Lò Vôi đã được củng cố lại. Bọn Liên xã qua nhiều trận đụng độ với Liên đoàn đều bị khối tù trung kiên đánh cho sứt đầu mẻ trán. Mấy tên cầm đầu không được đưa về tham gia nội các chính phủ bù nhìn như nhà tù đã hứa nên chúng bứt hung hăng. Bọn thống trị thấy liên xã không lật nổi Liên đoàn nên cũng nhạt dần. Nhiều tù thường phạm nhận rõ bộ mặt cơ hội và phản động của bọn cầm đầu Liên xã nên đã có thái độ trung lập.

Theo báo cáo của Đảng ủy nhà tù, tháng 9-1952, trong tổng số 2.337 tù nhân, có 2.000 người tham gia tổ chức Liên đoàn, chỉ còn 100 tên theo Liên xã. Hơn hai trăm người còn lại thuộc số mới ra, chưa gia nhập Liên đoàn và một số già yếu, tư tưởng trung lập, chỉ xin ủng hộ Liên đoàn mà không tham gia.

Tên Nguyễn Văn Tân, cầm đầu Liên xã số tù C.11815 phải thắt cổ tự tử vào ngày 27-2-1953. Có nhiều dấu hiệu Tân bị bức tử vì có dính vào vụ lạm dụng 200.000đ ở hợp tác xã tiêu thụ. Vụ này liên quan đến Giám thị trưởng và chủ sự hợp tác xã. Tân là thư ký nắm hết đầu dây mối nhợ nên khi phái đoàn thanh tra ở Sài Gòn ra điều tra, Tân bị bắt lên Sở Cò khai thác. Đêm ấy, Giám thị trưởng Pátxi bảo lãnh cho Tân. Sáng hôm sau, người ta thấy xác Tân treo trên cây bằng lăng trong vườn nhà Pátxi.

Số phận mây tên khác cũng không khá hơn. Lê Trung Chánh được ân xá về Sài Gòn rồi chết vì bệnh ho lao. Người ta nói rằng Chánh sinh bệnh mà chết vì không ai đoái hoài tới như những lời hứa hẹn đền đáp công lao cho một thời làm tay sai trong tù. Võ Văn Nguyệt thì bị Pháp bỏ rơi hẳn. Năm 1954, Pháp đưa Nguyệt về trao trả tại Sầm Sơn, vì Nguyệt đã từng có một thời đi với kháng chiến. Nguyệt trốn dưới hầm tàu không dám lên. Thủy thủ Pháp lôi ra đánh cho một trận như tử, nhưng cuối cùng thì Nguyệt cũng về được Sài Gòn. Nguyệt đổi chủ, bán mình cho Mỹ.

Hoạt động của tù chính trị tại Khu biệt lập Banh II

Trong lúc các sở ngoài tập trung vào cuộc đấu tranh chống Liên xã thì tù nhân khu biệt lập củng cố tổ chức, học tập văn hóa, chính trị và lý luận. Chương trình lý luận, chính trị gồm các môn học:

- Duy vật biện chứng.
- Chủ nghĩa Mác-Lênin.
- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.
- Lịch sử cách mạng Nga.
- Tình hình trong nước và thế giới.
- Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- Vấn đề ruộng đất...

Tài liệu do một số đảng viên có trình độ nhớ và biên soạn lại. Anh Bảy Vinh là người biên soạn chủ yếu và là một thuyết trình viên xuất sắc. Do có một số sai lầm trong khi bị bắt chưa được xử lý, anh tự nguyện xin không tham gia sinh hoạt đảng trong tù, nhưng anh nhận và hoàn thành tốt mọi việc Đảng ủy giao như tổ chức học lý luận, làm đại diện tranh đấu, góp ý xây dựng các phương án đấu tranh, giải quyết những vấn đề nội bộ. Những người bạn tù gần gũi đều học được ở anh phương pháp tư duy biện chứng và phong cách đạo đức của người cộng sản trong tù.

Năm 1951, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, khu biệt lập đã tổ chức một cuộc kiểm điểm 7 ngày liền để giải quyết những vướng mắc trong

nội bộ. Trong đội ngũ tù nhân kháng chiến, có nhiều người thuộc tầng lớp trí thức vừa tham gia cách mạng. Họ lao vào cuộc kháng chiến với lòng yêu nước thiết tha pha chút lãng mạn cách mạng, dũng cảm đi đầu trong đấu tranh, thể hiện khí phách trước kẻ thù, song lại cố chấp và coi thường một số cá nhân trong Đảng ủy.

Trong khi đó, một vài đảng viên cũ hạn chế về trình độ lãnh đạo, tác phong gia trưởng, quan cách, sinh hoạt thiếu gương mẫu. Có đảng viên giữ vai trò lãnh đạo đã đánh giá hẹp hòi đối với anh em trí thức. Khi quần chúng phản đối tư cách cá nhân một người lãnh đạo thì bị chụp mũ là chống Đảng, bị truy nguyên tư tưởng, quy kết lập trường. Mâu thuẫn phát sinh từ khi còn ở Khám 6 Banh I trong những năm 1949-1950, do không được giải quyết triệt để nên đã dẫn đến tình trạng có quần chúng không thừa nhận tư cách một số đảng viên, thiếu lòng tin vào tổ chức Đảng.

Trước tình hình đó, chi ủy khu biệt lập quyết định tiến hành cuộc kiểm điểm nội bộ, công khai trả lời những thắc mắc của quần chúng. Không khí kiểm điểm dân chủ và cởi mở. Ai có thắc mắc gì thì nêu lên hết rồi cùng nhau thảo luận. Được tự do phát biểu, quần chúng đã nêu ra nhiều câu hỏi xung quanh vấn đề tổ chức Đảng, sự lãnh đạo của Đảng và tư cách đảng viên như:

- Trung ương có cho phép thành lập tổ chức Đảng trong tù không?
- Tổ chức Đảng trong tù hoạt động công khai hay bí mật?
- Những ai được kết nạp vào Đảng có phải đạo đức tốt cả không?
- Tại sao tù nhân phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản?

Với sự đóng góp của đồng chí Bảy Vinh (Đào Năng An) và một số cán bộ có trình độ lý luận và có uy tín, những thắc mắc của quần chúng được giải đáp thỏa đáng, bằng sự phân tích sâu sắc, lý lẽ thuyết phục, thái độ chân thành.

Nội dung giải đáp trong đợt kiểm điểm ấy tựu trung là: Do hoàn cảnh trong tù chưa liên lạc được với Trung ương Đảng và Chính phủ nên chưa xin phép được, nhưng không vì thế mà đảng viên lại nằm im, không tổ

chức, không lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Nhiệm vụ của người đảng viên là ở đâu cũng phải tập hợp thành tổ chức, lãnh đạo quần chúng, chống áp bức bóc lột. Việc đảng viên tập hợp lại là hoàn toàn hợp lẽ. Nếu hiểu công khai là phải có bằng hiệu, có địa chỉ, ai cũng biết thì không cho phép vì địch sẽ khủng bố. Nếu hiểu bí mật là không ai biết thì không thể lãnh đạo quần chúng được, quần chúng có thể có người biết trước, người biết sau. Ai đã biết thì phải giữ bí mật, bảo vệ Đảng; ai chưa biết thì sau sẽ biết. Tất cả những người có giác ngộ cộng sản, tiên phong chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, làm đúng 5 nhiệm vụ đảng viên thì đều được kết nạp vào Đảng. Những người được kết nạp vào Đảng đều có tiêu chuẩn của người đảng viên, nhưng con người không phải siêu phàm, không tránh khỏi khuyết điểm. Những người có khuyết điểm, Đảng giáo dục để tiến lên, còn những ai không tiếp thu, không phấn đấu thì không đủ tiêu chuẩn nữa, phải đưa ra khỏi Đảng.

Cuộc kiểm điểm tháng 8-1951 là một bài học về dân chủ và công khai trong tù. Những đảng viên có tư tưởng quân phiệt, độc đoán, thiếu tin tưởng ở quần chúng hoặc cầu an đã bị phê phán nghiêm khắc. Nhiều ý kiến đã tập trung làm rõ phong cách lãnh đạo của Đảng. Hơn bất cứ nơi nào, tổ chức Đảng trong tù không thể lãnh đạo bằng chức, bằng quyền mà phải bằng phẩm chất và năng lực. Quần chúng đòi hỏi Đảng phải dân chủ và công khai, phải nhìn thẳng vào những yếu kém mà sửa chữa, đảng viên phải trở thành gương soi, thành mực thước cho quần chúng noi theo.

Khi đã hiểu rõ những điều ấy thì cả quần chúng và đảng viên đều thấy mình ấu trĩ, hẹp hòi và cùng nhau xác định trách nhiệm xây dựng Đảng. Anh Phạm Văn Thất, một quần chúng tích cực tham gia công tác xã hội đã khóc vì ân hận. Anh rất thành kiến với một số đảng viên mà không hiểu rõ vai trò lãnh đạo của Đảng. Anh Sỹ nói với mọi người: “Bây giờ tôi đã hiểu Đảng, tôi tình nguyện phấn đấu để trở thành đảng viên”. Anh Phước Sọ đã tự giác phản tỉnh là khi làm liên lạc cho Liên đoàn đã thủ tiêu nhiều công văn tài liệu để phản đối người lãnh đạo một cách tiêu cực. Anh Sỹ, anh Thất, anh Phước Sọ sau một thời gian phấn đấu đã được kết nạp Đảng

ngay trong tù. Những người khác chưa được kết nạp đều là quần chúng tốt, sau trở về thành những người có ích trên nhiều lĩnh vực công tác.

Cuộc kiêm điểm tháng 8-1951 đã giải đáp trúng những thắc mắc của quần chúng đối với đảng viên và xóa bỏ cả thành kiến hẹp hòi của một số cán bộ, đảng viên. Ai cũng thấy mình trưởng thành thêm một bước. Đảng cởi mở với quần chúng, quần chúng chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng và bảo vệ Đảng. Chi bộ trong khu biệt lập sinh hoạt công khai, không còn phải bí mật với quần chúng nữa. Trong mấy năm ở biệt lập, không có trường hợp nào bị tố giác. Điều đó chứng tỏ một nguyên lý là: không có pháo đài nào vững chắc hơn là lòng dân khi đã tin yêu, bảo vệ Đảng.

Lúc nhàn rỗi, trong tù có nhiều chuyện trên đời để bàn luận. Tù ở nhiều địa phương tụ hội về, mang theo phong tục, ngôn ngữ khác nhau. Khu biệt lập mở một cuộc vận động nói đúng tiếng Việt. Ai nói sai phải đứng nghiêm, sửa lại cho đúng theo hướng dẫn của người phát hiện, đồng thời phải đeo vào cổ một thẻ đời sống mới để làm dấu mỗi lần nói sai. Muốn bớt thẻ thì phải phát âm cho đúng, và phải bắt được người nói sai thì mới được chuyển thẻ. Tối về kiểm số thẻ mà phê bình hay khen ngợi. Cuộc vận động nói đúng tiếng Việt ở khu biệt lập đã giúp cho nhiều người có được độ chuẩn trong ngôn ngữ khi nói và viết, nâng cao ý thức về Sự chuẩn mực và trong sáng của tiếng Việt.

Ông già Tiểu là người cuối cùng được thanh toán nạn mù chữ trong khu biệt lập. Ông bị mật thám Pháp đánh thành tật bàn tay phải. Kẹp mẫu gạch vào mấy ngón tay tàn tật viết không thành, ông chuyển sang tập viết bằng tay trái. Kiên trì và nhẫn nại trong một thời gian dài, mãi đến cuối năm 1952, ông mới viết được bức thư đầu tiên cho vợ. Dòng đầu tiên ông viết: “Má bầy nhỏ à, nhờ cách mạng tôi đã biết đọc, biết viết thơ này gửi cho má nó”.

Ở biệt lập thiếu thốn nhiều thứ, từ miếng cơm, ngọn rau, hạt muối, viên thuốc cho đến ánh sáng, khí trời; nhưng bù lại, anh em có thời gian, có sách, có thầy nên có điều kiện để học tập. Lê Trung Khá dạy toán, Trần

Nhật Quang, Vũ Đắc Bằng dạy văn, Trần Bảo Trung dạy tiếng Bắc Kinh, Trịnh Văn Hà dạy kỹ thuật nông nghiệp...

Mọi người tự giác học tập, theo nhu cầu, khát vọng và sở trường của mình. Nhóm các anh Tỵ, Đô, Tín, Mè, Túc, Lý, Mười Nhỏ... phấn đấu đạt mức phổ cập bậc tiểu học. Các anh Vũ Ngọc Chung, Trần Khắc Du, Vương Tự Kiên, Nguyễn Văn Hai... theo học toàn diện lên bậc tú tài. Anh Phạm Văn Bửu thì chỉ say mê học toán. Lớp toán tự học theo sách giáo khoa của George Eve, Matignon, Lamireaud, Bontaire, Wood Beiley, sau đó tự làm các đề thi tú tài ở các thành phố Lyon, Marseille, Toulouse, Alger, Bordeaux bên Pháp. Thành thạo rồi thì tổ chức thi và chấm cho nhau, tự phong bằng tú tài cho những người đỗ đạt. Anh Nguyễn Trí Tuệ, trật tự viên làm nhiệm vụ giữ trật tự trong các buổi thi. Anh chế tạo một chiếc đồng hồ bằng lon vải hộp, đục lỗ, khắc vạch, đổ nước đầy lúc ra đề thi, rồi theo vạch nước rút mà tính thời gian thu bài.

Lớp kỹ thuật canh nông do kỹ sư Trịnh Văn Hà phụ trách học khá sôi nổi. Học viên ngồi vây quanh thầy, say sưa nghe trình bày từng chuyên mục về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, cách tổ chức một nông trang tập thể. Kỹ sư Lưu Văn Lê trong một thời gian ngắn ở biệt lập cũng đóng góp cho lớp học những kinh nghiệm thực tiễn của mình. Lớp học còn tổ chức thảo luận về “Chương trình khai thác Đồng Tháp Mười” với những ý tưởng cải tạo vùng đất phì nhiêu này thành một vựa lúa của Đông Nam Á. Nhiều người tự nguyện tham gia nhóm Thanh niên Đồng Tháp Mười và hẹn ước với nhau, kháng chiến thắng lợi sẽ cùng nhau trở về cải tạo Đồng Tháp Mười thành vựa lúa cho đất nước.

Kể chuyện là một sinh hoạt văn hóa bổ ích. Lê Hoàng Yến có biệt tài kể chuyện trinh thám. Minh Tâm kể chuyện Nhà thờ Đức Bà Paris, Đình Khắc Phong tự kể về đời hoạt động cách mạng gian khổ của mình. Lý Tiên Vinh với biệt hiệu Vinh “cát tó” nổi tiếng trong vai hề trên sân khấu Bản Chế, nay đem lại tiếng cười lạc quan yêu đời cho khu biệt lập, đẩy những ngày tù khổ đau ngăn lại.

Chế độ biệt lập làm suy kiệt sức khỏe tù nhân rất nhanh. Thiếu dinh dưỡng trầm trọng, thiếu khí trời và ánh sáng là căn nguyên của các loại bệnh mờ mắt, xơ cứng cơ bắp, sưng chân răng, lở miệng, thiếu máu, ho lao, tê bại. Trong bức thư gửi Giám đốc ngày 11-11- 1951, bác sĩ Đờ Rôdie (De Rozière) đã xác nhận: “Cứ 10 người tù ở biệt lập thì có 3 người tê bại. Cũng trong 10 người ấy có một người lao nặng, 7 người lao trung bình vì thiếu máu”.

Ông đã đề nghị cho tù nhân khu biệt lập được tăng giờ phơi nắng, tăng khẩu phần ăn, có cá tươi và rau xanh mỗi tuần 3 lần, người ốm đau được ra nằm Nhà Thương điều trị. Trước đó tù nhân khu biệt lập ốm phải nằm riêng ở xà lim Banh II, bệnh nặng cũng không được về Sài Gòn chữa. Anh Lê Văn Đồi (C.11579) bị phong giật nhưng không được điều trị, co giật 48 lần trong 24 giờ rồi trút hơi thở cuối cùng. Các anh Nguyễn Văn Mười (C.12551), Nguyễn Văn Tình (Cas.1436), Nguyễn Văn Hà (B.2322), Trần Chính Quyền (C. 12588), Vũ Đắc Bằng (C.1603), Trần Văn Lục (C.11808), Nguyễn Văn Huệ, Rồi, Rinh cũng đều chết vì chế độ biệt lập, tất cả đều chưa đến tuổi 30.

Vũ Đắc Bằng, tức Khắc Minh, án 11 năm khổ sai chết lúc 13 giờ 15 phút ngày 29-3-1952 tại khu biệt lập. Cho đến những ngày cuối đời anh vẫn dịch sách, làm thơ, dạy học. Nhiều vở kịch của anh đã được dàn dựng tại các buổi văn nghệ trong tù. Nhiều bài thơ của anh được Nguyễn Sáng phổ nhạc. Các bạn tù dựng bia mộ anh và khắc lên đó những vần thơ hay nhất trong bài Tình không biên giới của anh mà hầu như không mấy ai không thuộc.

Vượt lên sự khủng bố đọa đày, tù nhân khu biệt lập sống có tổ chức và thương nhau như ruột thịt. Tù ở biệt lập chỉ có chiếc quần lót đang mặc là được xem như của riêng, còn tất cả đều góp lại dùng chung, từ thuốc men, áo quần, sách vở, đồ tiếp tế của gia đình đến nắm rau anh em các sơ gửi cho. Ban chấp hành liên đoàn tù nhân khu biệt lập vận động mọi người tích cực viết thư về nhà xin đồ tiếp tế. Tùy theo nhu cầu chung và hoàn cảnh từng người mà có gợi ý nên xin thứ gì, nhưng chủ yếu vẫn là thuốc bổ và

thuốc bệnh. Anh Nguyễn Văn Năng bị ho lao nặng, đã được cứu sống bằng hàng trăm lọ Péniciline và Streptomisine từ tủ thuốc của tù nhân. Anh Lê Trung Khá cũng bị ho lao nặng, được gia đình gửi cho rất nhiều thuốc nhưng đều góp cả vào tủ thuốc dùng chung, nhiều người tù đã được cứu sống bằng phần thuốc của anh. Riêng anh cũng được mọi người thương yêu săn sóc tận tình.

Trong hoàn cảnh hết sức khắc nghiệt như biệt lập, chỉ có tình thương yêu và biết tổ chức mới tồn tại được. Đó cũng là mô hình một “xã hội cộng sản” mà thời ấy anh em đã hình dung và xây dựng.

Trại tù binh

Những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bọn thực dân vẫn xem Việt Nam như thuộc địa cũ, coi tất cả những người kháng chiến là phiến loạn. Chúng ngang nhiên mở tòa án quân sự, xét xử những người kháng chiến với “tội danh” phiến loạn, để rồi giết họ bằng hàng loạt án tử hình hoặc giết dần mòn bằng các án cấm cố, khổ sai trong các nhà tù khắc nghiệt.

Cho đến khi bị bại trận ở mặt trận Biên Giới (1950), thái độ của bọn thực dân bắt đầu đổi khác. Hàng ngàn binh lính và sĩ quan Pháp bại trận bị bắt làm tù binh, trong đó có cả quan tư, quan năm thực dân sừng sỏ như Lepage, Charton, Beauiré Communal... Đã đến lúc bọn thực dân buộc phải thú nhận rằng chúng đang đương đầu với một cuộc chiến tranh thật sự, buộc phải tính đến việc lập lại trại tập trung tù chiến tranh và yêu cầu ta đối xử với tù binh Pháp theo Công ước quốc tế.

Cao ủy Pháp ở Đông Dương đã quyết định thành lập Ủy ban kiểm lựa (Commision De Triage) tại các vùng chúng chiếm đóng để phân loại những người bị bắt trong các trận càn quét thành tù binh PIM (Prisonies Interné Militaire) và tù chiến tranh P.G (Prisonier de Guerre). Những người bị bắt tại trận, bị bắt khi đang chiến đấu hoặc có vũ khí thì được xếp ngay là tù binh (PIM). Cao ủy Pháp thông qua bản “Chỉ thị về quy chế các tù binh” quy định các đối tượng sau đây cùng được coi là tù binh:

- Những người thuộc lực lượng dân quân kháng chiến, tham gia đặc lực hoặc có khả năng tham gia kháng chiến.
- Những người hoạt động trong các tổ chức, đoàn thể có dính líu vào phong trào kháng chiến.
- Những người có dính líu hoặc khả nghi vào những hoạt động được coi là phiến loạn như tuyên truyền, giao lưu với Việt Minh (điều 2).

Ngoài các đối tượng quy định trên, những người bị tình nghi hoặc tham gia ít nhiều cho kháng chiến đều có thể coi là tù chiến tranh (P.G), Những phần tử nguy hiểm phải giam riêng trong các trại đặc biệt (điều 12 và điều 28). Ủy ban kiểm lựa căn cứ vào kết quả thẩm vấn và hồ sơ mà phân loại tù binh thành:

– Phần tử nguy hiểm loại D (Dangeureux) là những người hoạt động tích cực cho kháng chiến như tuyên truyền, phá hoại, ám sát, quân báo, công an...

– Phần tử nguy hiểm loại DI (Dangeureux No - 1) là thủ trưởng các đơn vị.

– Phần tử nguy hiểm loại D2 là bộ đội (Điều 27).

Trong năm 1950, Cao ủy Pháp ở Đông Dương và Tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương còn ra nhiều văn bản hướng dẫn hoạt động của Ủy ban kiểm lựa và phân loại, giam giữ tù binh, tù chiến tranh. Nhiều trại tù binh đã hình thành trong vùng thực dân Pháp chiếm đóng. Khi bị đánh mạnh ở Bắc Bộ, thực dân Pháp chuyển một phần tù binh ở các trại phía bắc vào Nam Bộ. Bọn thực dân cũng nhanh chóng nhận ra rằng Côn Đảo là nơi lý tưởng nhất để biệt giam những phần tử nguy hiểm, không phải chỉ đối với tù án mà cả tù binh nữa.

Ngày 3-5-1951, chuyển tù binh đầu tiên thuộc các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ bị đày ra Côn Đảo. Đoàn tù binh cũng phải nếm trải đủ các thủ tục nhập đảo như tù án, từ trận đòn phủ đầu đến “điệu múa phượng hoàng” mỗi khi vào trại. Sau khi làm thủ tục, bọn Pháp chuyển cả 111 tù binh sang Banh II, giam ở Khám 6 và Khám 7, cạnh khu biệt lập. Buổi đầu, tù binh cũng bị đối xử chung một chế độ như tù án: cơm gạo hẩm, cá khô mục và những công việc khổ sai nặng nhọc. Điều khác nhau duy nhất lúc đó là có thêm tốp lính da đen canh gác ở trại và mỗi khi đi làm khổ sai.

Ngay đêm đầu tiên đến Côn Đảo, Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân đã gửi thư thăm hỏi và yêu cầu đoàn tù binh thông báo tin tức trong nước, tình hình nội bộ đoàn tù. Liên đoàn giữ mối liên lạc hàng ngày với đoàn tù binh,

thông báo về âm mưu của nhà tù, tình hình nội bộ khối tù, hệ thống tổ chức của Liên đoàn. Sau khi nghiên cứu điều lệ của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo, 2 khám tù binh đã làm đơn tập thể, 100% tự nguyện tham gia tổ chức Liên đoàn, lấy tên là Liên khu Trần Thành Ngọ. Anh Phạm Quý Tuyển (Thọ) đại diện Khám 6, anh Hoàng Bách (Nguyễn Văn Nhã) đại diện Khám 7.

Nhân dịp này, Liên khu tù binh đã tặng Liên đoàn tù nhân Côn Đảo một món quà đặc biệt: Bức hình Chủ tịch Hồ Chí Minh do họa sĩ Trịnh Vượng phác thảo, Trần Quyết thêu bằng tóc mình và những sợi chỉ màu do anh em góp lại. Sau hơn 2 tuần lễ đến đảo, đoàn tù binh đã tham gia lễ kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh do Liên đoàn tù nhân chỉ đạo. Ngày hôm sau, đoàn tù binh chịu chung trận khủng bố trả thù như mưa roi” trên toàn đảo của bọn chúa ngục. Hai khám tù binh còn phải chịu phạt theo chế độ xà lim 3 tháng liền.

Ngày 6-10-1951, Đoàn tù binh thứ 2, gồm 135 người, ở Bắc Bộ bị đày ra Côn Đảo. Sau khi làm thủ tục nhập đảo tại Banh I, họ bị chuyển về Banh II, ở các Khám 1, 2, 3. Đoàn tù binh thứ 2 cũng làm đơn tập thể xin gia nhập Liên đoàn. Anh Phan Cơ làm đại diện chung. Hai đoàn tù binh thống nhất với nhau hình thành Liên đoàn tù binh, đổi tên là Liên khu Trần Đại Nghĩa. Đảng ủy nhà tù Côn Đảo đã chỉ đạo công tác củ tập đảng viên ở khối tù binh, chuẩn bị cho đại hội lần thứ 3 của Đảng bộ. Khối tù binh đã có những đóng góp tích cực trong việc xác định phương châm và phương pháp hoạt động của Đảng bộ nhiệm kỳ này.

Giám đốc Côn Đảo sử dụng lực lượng tù binh làm khổ sai trong việc tu bổ “con đường đồn điền” từ Sở Rẫy An Hải qua Sở Chuồng Bò và rải đá đoạn đường từ Chuồng Bò lên mỏ đá. Đầu năm 1952, Giátty đưa một kíp tù binh khai đá, một kíp mở con đường ra Bến Đầm.

Lực lượng tù binh thống nhất thành một khối, giữ tư thế của một đội quân chính quy có tổ chức chặt chẽ. Ngày đầu tiên đi làm khổ sai, đoàn tù binh tập hợp hàng 4, đi đều theo hiệu lệnh của đại diện. Lúc trở về trại tù, họ cũng đi theo đội ngũ, khi đến thị trấn là đi đều cho đến khi vào trại, vốn là những chiến sĩ có tổ chức và kỷ luật, họ giữ được nền nếp quân sự ngay

cả ở trong tù. Đầu trần, chân đất, cuốc xẻng trên vai, đoàn tù binh đi đều tăm tắp trên đường phố Côn Đảo và hát vang những bài ca cách mạng, dù trưa ngày nắng hay ngày mưa. Nhiều người bị đá rầm đâm rách chân, toé máu cũng không rời hàng ngũ. Gác ngục, công chức và vợ con họ ra xem rất đông. Họ nhận xét rằng tù binh Việt Minh đi đều bước hay hơn lính Âu-Phi. Một số người lén tặng quà cho tù binh, khi thì vài bó rau, khi thì vài gói thuốc lá. Anh em tù binh tặng lại họ những đồ lưu niệm bằng gỗ găng, vỏ ốc hoặc những chiếc khăn tự thêu.

Tháng 7-1952, đoàn tù binh thứ 3 ở Bắc Bộ bị đày ra Côn Đảo, đưa thẳng về Banh III, ở Khám 1 và Khám 2. Hoàng Minh Chính làm đại diện Khám 1. Lâm Văn Độ đại diện Khám 2. Các anh: Nguyễn Văn Nghĩa, Vũ Duy Tiêu, Nguyễn Văn Phúng, Trần Dừa giúp Đảng ủy củ tập đảng viên trong đoàn tù binh thứ 3. Nhà tù sử dụng ngay số tù binh mới ra vào việc sửa chữa lại

Banh III. Tháng 10-1952, thực dân Pháp đày ra Côn Đảo 2 chuyến tù binh nữa, gồm 160 người ở cả ba miền, Bắc, Trung, Nam, đưa thẳng về Banh III. Sau khi sửa xong Banh III, chúng chuyển dần số tù binh ở Banh II về đó, thành lập trại tù binh. Theo báo cáo của Giám đốc Côn Đảo, đến tháng 12-1952, đã có 548 tù binh bị đày ra Côn Đảo¹.

Đào ủy Côn Đảo

Trong lúc cuộc đấu tranh chống Liên xã diễn ra hết sức gay gắt, Đảng ủy đã tích cực chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ lần thứ 3. Anh Lê Văn Hiến (tức Văn, tức Hiến, tức Ý), nguyên Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Chính trị Tỉnh đội Hải Dương, đã báo cáo với Đảng ủy nội dung cơ bản của Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951) và tham gia soạn thảo các nghị quyết của Đại hội Đảng bộ. Nhờ nắm vững tinh thần Đại hội lần thứ II của Đảng và biết tiếp thu những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ trong 2 năm trước, anh Văn đã có đóng góp tích cực vào việc xác định phương hướng đấu tranh trong giai đoạn mới. Dự thảo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đã xác định rõ các mục tiêu đấu tranh trong tù:

- Chống áp bức khủng bố.
- Cải thiện đời sống vật chất.
- Nâng cao đời sống tinh thần.
- Bảo vệ mạng sống tù nhân.
- Xây dựng lực lượng dự bị cho kháng chiến và tổ chức giải thoát khi có điều kiện.

Để thực hiện các mục tiêu đó, cần sử dụng và kết hợp nhiều phương pháp như kiến nghị, dư luận, trực diện yêu sách, đình công bộ phận hoặc tổng đình công khi cần thiết. Yêu sách đưa ra phải thiết thực, tranh thủ giành thắng lợi từng bước, hết sức hạn chế đấu tranh tuyệt thực để tránh hao tổn sức khỏe và lực lượng. Điều kiện quyết định thắng lợi trong tranh đấu là phải thống nhất lực lượng, tổ chức chặt chẽ, đoàn kết thành một khối và giữ được kỷ luật nghiêm minh.

Kỷ luật tự giác là một nội dung được nhấn mạnh trong nghị quyết Đại hội. Giáo dục, giác ngộ, thuyết phục, đoàn kết và thương yêu vừa là phương châm lãnh đạo, vừa là động lực trong các hoạt động của Đảng bộ nhiệm kỳ này. Một số hình thức kỷ luật có tính chất nhục hình đều bãi bỏ.

Nghị quyết Đại hội xác định, vào tù là tiếp tục cuộc kháng chiến trên một mặt trận mới, vì thế nhiệm vụ của Đảng bộ là phải tổ chức, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, rèn luyện lực lượng cho kháng chiến, đồng thời phải góp phần với kháng chiến, tiến công địch bằng các hình thức phá hoại kinh tế địch, chia rẽ hàng ngũ địch, chuẩn bị lực lượng để khi có thời cơ sẽ tự giải phóng cho mình. Nghị quyết còn đề cập đến nhiệm vụ của Đảng bộ trong việc đoàn kết và lãnh đạo bộ phận tù nhân là người thiểu số, người gốc Cao Miên, Lào, Trung Quốc. Vấn đề xây dựng kinh tế tập trung, phục vụ các cuộc tranh đấu và các hoạt động của Đảng bộ cũng được đề cập một cách cụ thể.

Đại hội lần này có số lượng đảng viên đông hơn trước, với sự đóng góp tích cực của gần trăm đảng viên thuộc khối tù binh mới củ tập và phân chi bộ Khám tử hình mới thành lập do Lý Hải Châu làm Bí thư. Một số đảng viên của phân chi bộ Khám tử hình đã hy sinh anh dũng trên trường bắn ngay sau ngày Đại hội như các anh Lê Như Thu tức Anh (G.236), Nguyễn Văn Vâu (G.221), Nguyễn Văn Cơ tức Huỳnh (G.226), v.v...

Vào những ngày cuối năm 1951, đầu năm 1952 Đại hội đại biểu lần thứ 3 Đảng bộ Côn Đảo được tổ chức. Ở khu biệt lập, việc nhóm họp khá thuận lợi. Khu vực tù binh, các đại biểu báo ốm nghỉ lao động khổ sai để thảo luận tại khám. Ở các kíp khổ sai thì tùy theo điều kiện từng nơi mà bố trí họp. Mỗi nhóm đại diện đều có một người phụ trách, nhận tài liệu và hướng dẫn thảo luận. Ngày đầu các đại biểu nghe và thảo luận phần I nghị quyết, đánh giá tình hình hoạt động trong hơn một năm qua của Đảng bộ; ngày hôm sau tiếp tục nghe và thảo luận phần II về phương hướng hoạt động của Đảng bộ. Các ý kiến đóng góp được chuyển về bộ phận tổng hợp qua đường dây liên lạc.

Đại hội lần thứ 3 nhấn mạnh yêu cầu đấu tranh cho quyền sống hàng ngày, chống khủng bố đánh đập, đòi nhà tù thực hiện đúng theo quy chế, đối xử với tù binh phải theo công ước quốc tế. Đại hội chủ trương tiếp tục phân hóa bọn tù gian Liên xã, cô lập và vạch mặt những tên đầu sỏ làm tay sai đắc lực cho Pháp; tranh thủ số quần chúng Liên xã, hạn chế những hoạt

động khiêu khích của chúng, tiến tới lập lại tổ chức Liên đoàn ở các khu bị chúng chiếm giữ. Đại hội nhất trí với các nhiệm vụ mà nghị quyết Đại hội đã nêu, trước hết, hướng hoạt động của khối tù nhân vào các cuộc đấu tranh hàng ngày, đồng thời phải bí mật chuẩn bị cho cuộc giải thoát lớn, quy mô toàn đảo khi có điều kiện.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành Đảo ủy, thống nhất giữa tù binh và tù án. Đồng chí Lê Văn Hiến (tức Văn, thường gọi là Văn Hiến) là Bí thư với bí danh là Vũ Chính. Đồng chí Lê Mai là Thường vụ Đảo ủy, kiêm Chủ tịch Liên đoàn tù nhân. Giúp việc cho Đảo ủy có Ban tuyên huấn, Ban kinh tế - xã hội, Ban đảng vụ, Ban tuyên truyền văn nghệ và Ban thi đua. Mỗi ban có một chi bộ (5 chi ủy viên), mỗi khám là một phân chi (3 phán chi ủy viên).

Đại hội quyết định đổi tên Liên đoàn tù nhân thành Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo. Dưới cấp toàn đảo, mỗi ban có Ban chấp hành liên khu, mỗi khám đều có Ban chấp hành khu. Ban chấp hành khu còn tổ chức tù nhân trong khám thành từng toán 10 người theo mâm ăn, có toán trưởng phụ trách; trong toán còn có tổ 3 người (tổ tâm giao), chặt chẽ như một đạo quân chiến đấu.

Thực hiện nhất nguyên chế trong lãnh đạo, các cấp ủy đảng đều cử người tham gia và trực tiếp lãnh đạo Liên đoàn tù nhân kháng chiến ở các cấp. Ngoài những người được giao chuyên trách một công tác của Đảng bộ, các đảng viên còn lại đều đảm nhiệm một nhiệm vụ của Liên đoàn. Liên đoàn vừa là một tổ chức quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, vừa giống như một chính quyền của tù nhân kháng chiến. Mỗi đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là một thành viên của Liên đoàn với đầy đủ quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ.

Đại hội lần thứ 3 kết hợp được kinh nghiệm của lực lượng tù án trong nhiều năm xây dựng phong trào với trình độ tổ chức chặt chẽ của lực lượng tù binh và những chủ trương mới mà các đoàn tù binh vừa đem ra; kết hợp việc củng cố tổ chức Đảng với kiện toàn tổ chức Liên đoàn. Đại hội đề ra được những chủ trương và biện pháp thực hiện sự lãnh đạo toàn diện và

trực tiếp của Đảng trên mọi lĩnh vực hoạt động của tù nhân kháng chiến Côn Đảo.

Cuối tháng 2-1952, 75 tù nhân án khổ sai từ 20 trở lên ở nhà lao Hỏa Lò (Hà Nội) bị đưa vào Chí Hòa rồi đưa ra Côn Đảo, giam riêng ở Khám 6 Banh II, phiên chế thành một ê kíp Chỉ Tồn, làm các việc khổ sai và dọn tàu. Khám tù này ra nhập Liên đoàn tù nhân, mang tên khu Hoàng Sâm. Anh Lương Quang Thăng làm Chủ tịch khu kiêm Đại diện. Khám Hoàng Sâm có chi bộ từ nhà lao Hỏa Lò, gồm 11 đảng viên do Hoàng Nam tức Phan Xuân Tiềm làm bí thư; Phạm Gia Thọ và Lương Quang Thăng trong chi ủy. Đảo ủy công nhận chi bộ Hoàng Sâm là một phân chi bộ trong Banh II.

Những biến động trên chiến trường trong những năm 1951-1952 đã để lại nhiều dấu ấn trong chính sách trị tù của thực dân Pháp tại Côn Đảo. Mùa hè năm 1951, ta mở chiến dịch Quang Trung (tức chiến dịch Hà Nam Ninh), tên quan hai Bernard de Lattre bị bắn chết tại trận. Tháng giêng 1952, trung úy Leclère, con trai đại tướng Leclère bị bắt sống trên mặt trận Hòa Bình. Tướng Lattre de Tassigny Tổng chỉ huy kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương về Pháp và từ trần. Chính phủ Pháp vẫn tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh. Ngày 17- 1-1952, Thủ tướng Pháp Edgar Faure tuyên bố trước Quốc hội Pháp: “Chiến tranh vẫn được thúc đẩy mạnh, mặc dù De Lattre qua đời”\

Để trả thù cho những trận thua đau và cũng là để tỏ rõ dã tâm thúc đẩy chiến tranh, thực dân Pháp đã xử bắn hàng loạt các chiến sĩ cách mạng. Riêng năm 1952, chúng đã bắn 35 người tại Côn Đảo, chiếm 56,4% số người bị xử bắn trong suốt 9 năm (1946-1954) tại đây. Ngay trong tháng giêng 1952, chúng đã xử bắn 3 đợt, tổng số 16 người, trong đó có thiếu nữ Võ Thị Sáu.

Võ Thị Sáu sinh năm 1933, là đội viên Đội Công an xung phong huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa. Gia nhập công an xung phong từ năm 13 tuổi, chị đã tham gia nhiều trận đánh, đặc biệt là các trận phá cuộc họp do tỉnh trưởng Lê Thành Tường tổ chức tại Đất Đỏ năm 1948, nhân dịp Quốc khánh Pháp

(14-7-1948); trận diệt tên cai tổng Tòng (11-1949). Tháng 2-1950, Võ Thị Sáu bị bắt trong trận diệt hai tên ác ôn Cả Suốt, Cả Đay và bị kết án tử hình. Bản án tử hình người thiếu nữ chưa đủ tuổi thành niên này đã làm chấn động dư luận lúc đó. Thực dân Pháp giam Võ Thị Sáu ở Chí Hòa gần 2 năm. Cho đến đợt khủng bố trả thù này, chúng mới y án và đưa chị ra Côn Đảo xử bắn.

4 giờ sáng 21-1-1952, bọn Pháp đưa hơn 40 tù nhân xuống tàu ra Côn Đảo, trong đó có Võ Thị Sáu và 3 tù án tử hình. Tàu ghé Vũng Tàu đón cố đạo và chánh án ra dự cuộc hành quyết. Ngày 22-1-1952 tàu đến Côn Đảo. Chúng giam riêng Võ Thị Sáu tại xà lim của Sở Cò, canh gác nghiêm ngặt. Được tin thực dân Pháp đưa người thiếu nữ Võ Thị Sáu ra đảo xử tử, Đảo ủy và Liên đoàn phân công ngay một số tù nhân làm bồi ở Sở Cò và văn phòng Giám đốc bí mật tiếp xúc, động viên chị giữ vững tinh thần trước phút hành hình. Ngay buổi chiều ấy, bộ phận tù áo trắng đã chuyển đến chị Sáu lời chào của Đảo ủy và Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân Côn Đảo. Các anh cũng tìm hiểu được lý lịch và thành tích chiến đấu của chị Sáu để làm cơ sở tố cáo kẻ thù và giáo dục truyền thống cho tù nhân.

Mờ sáng ngày hôm sau, 23-1-1952, thực dân Pháp đưa Võ Thị Sáu đi bắn. Tại văn phòng Giám thị trưởng, chị từ chối rửa tội.

Trời chưa sáng hẳn. Gió chướng rít từng hồi. Người con gái bé nhỏ bình thản đi giữa những tên đao phủ ra nơi hành hình. Những người tù ở các khám đều đứng dậy hất vang vài Chiến sĩ ca đưa tiễn chị.

Phút cuối cùng, chị Sáu từ chối bịt mắt. Chị cất giọng hát bài Tiến quân ca và hô to các khẩu hiệu:

- Đảng cộng sản Việt Nam muôn năm!
- Hồ Chủ tịch muôn năm!
- Việt Nam độc lập muôn năm!

Cùng trong buổi sáng đó, bọn Pháp bắn thêm một tử tù nữa là anh Hồ Văn Năm (Năm Đen, số tù G.248). Mộ anh chôn ngay cạnh mộ chị Sáu.

Trưa hôm ấy, tù nhân ở nhiều khám đã bỏ ăn và viết đơn tố cáo thực dân Pháp hành hình Võ Thị Sáu. Một người lính Lê dương già, gốc Đức đã bỏ ăn ba ngày. Trong mấy ngày chờ tàu về Sài Gòn, người lính Lê dương đã nói với những tù nhân làm bồi rằng anh ta hoàn toàn bị ám ảnh bởi đôi mắt bình thản và thái độ trầm tĩnh đến lạ lùng của chị Sáu. Sau đó, anh ta xin đổi về Pháp, bỏ hẳn nghề bán thuê.

Các kíp tù đi làm khổ sai ở ngoài đã nhật đá xếp quanh ngôi mộ chị. Tù nhân Sở thợ hồ dành từng nhúm xi măng, gom lại đúc bia mộ chị. Được tin ấy, chúa đảo Giátty ra tận nơi, đập nát tấm bia và cho lính cào bằng ngôi mộ. Ngày hôm sau lại có một tấm bia mới đặt lên, đồng đá được xếp cao hơn trước. Bọn gác ngục đã đánh nát lưng cả kíp thợ hồ để tìm người đúc bia nhưng không sao tìm được. Trận ấy, anh Bảy “gà cồ” đã chìa lưng đỡ đòn cho những bạn tù yếu đuối. Tấm lưng anh nát tướp, ứa máu, không còn chỗ nào lành lặn.

Bác sĩ Huy làm nhiệm vụ khám nghiệm tử thi đã chứng kiến từ đầu đến cuối cái chết anh hùng của Võ Thị Sáu. Ông luôn miệng trầm trồ: “Thật là một người gang thép, một người anh hùng thật sự bằng xương bằng thịt mà ông tận mắt chứng kiến”. Ông dành mỗi thiện cảm ngày một nhiều hơn cho những người tù kháng chiến và trở thành liên lạc cho tù nhân. Nhiều tài liệu như Duy vật biện chứng, Bàn về mâu thuẫn do anh Bảy Vinh biên soạn, cuốn Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do anh em khu biệt lập Ban II chép lại đã được chuyển qua bác sĩ Huy đến đầu mỗi liên lạc tại Nhà Thương.

Nguyễn Văn Danh, thư ký văn phòng Giám thị trưởng đã chứng kiến và rất khâm phục thái độ can đảm của Võ Thị Sáu. Danh nhiều lần trầm ngâm bày tỏ lòng khâm phục chị Sáu trước các bạn tù. Danh vốn là tù kháng chiến, bị Liên xã chia rẽ và lôi kéo. Sau nhiều lần, Danh trung lập thái độ, không làm hại gì cho Liên đoàn.

Giống như Nguyễn Hoài Cư trước đây, Võ Thị Sáu đã làm cho cái chết trở thành bất tử. Dũng khí của chị trước phút hy sinh đã tô thắm thêm

truyền thống bất khuất của Đảng bộ và toàn thể tù nhân kháng chiến Côn Đảo.

Phương án võ trang giải thoát

Bằng mọi cách để vượt ngục là tư tưởng thường trực trong những người tù kháng chiến. Các chiến sĩ trong lực lượng võ trang khi sa vào tay giặc đã không ngần ngại khi tính đến những phương án bạo động giải thoát mà họ vốn có sở trường.

Đoàn tù binh khi còn ở cảng Đoạn Xá (Hải Phòng) đã có phương án đục tường, vượt rào nhưng chưa thực hiện được. Xuống tàu ra Côn Đảo, anh em lại tổ chức lực lượng tính cướp chiếc tàu L'Espérant rồi đổ bộ vào vùng tự do nhưng không thành. Đến Côn Đảo, đi làm khổ sai một thời gian, họ đã tự tính một phương án võ trang giải thoát. Khối tù án đã giúp Đảo ủy tổng kết những kinh nghiệm vượt đảo, kể cả thành công và thất bại và các loại phương tiện vượt ngục mà tù nhân đã sử dụng.

Phương án võ trang giải thoát được đặt ra sau khi nghiên cứu tất cả các phương tiện vượt ngục, các loại vật liệu trên đảo, từ vạt mây trên rừng đến tấm ván trên vách nhà xưởng; tính toán việc bố trí lực lượng và dự toán những khả năng thời cơ. Nếu thời cơ hoàn toàn thuận lợi, có thể võ trang cướp đảo, tổ chức vượt ngục bằng tất cả các phương tiện như thuyền nan, thuyền ván, thuyền khung mây bọc vải, sà lan, ca nô hoặc chiếm tàu của địch. Trong điều kiện hạn chế hơn, có thể giải thoát từng bộ phận lớn hay bộ phận nhỏ mà khả năng cho phép.

Khác với các cuộc vượt ngục lớn hay nhỏ, toàn bộ kế hoạch giải thoát (dù là một bộ phận nhỏ) đều do thường vụ Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo. Mục đích đặt ra là tổ chức giải phóng một lực lượng cách mạng chứ không mang ý nghĩa giải thoát sinh mạng cho cá nhân. Các cuộc vượt ngục lẻ thì tùy theo điều kiện của từng nhóm, nhưng kế hoạch giải thoát từng bộ phận thì cá nhân phải phục tùng tập thể.

Đầu năm 1952, nhà tù đưa một kíp tù binh xe gỗ ở phía Cỏ Ống và một bộ phận tăng cường để chuyển ván đã xẻ về nhà lao. Kíp thợ xẻ lúc đầu có

10 người, do gác dang Lơben (Lebel) gốc Ấn Độ phụ trách, có 3 lính Âu-Phi đi cùng. Thời gian sau, kíp thợ xẻ tăng lên gần ba chục người. Anh Lê Phong tức Lê Đức Lâm làm đại diện. Kíp thợ xẻ được Đảo ủy giao chuẩn bị phương tiện cho một chuyến vượt biển. Người đi do Đảo ủy bố trí. Các anh Phan Du, Trần Văn Xước, Đỗ Quang Hiệp, Thê đã thay nhau vào tổ đi kiểm rau cải thiện để luồn rừng, chặt tre, vót nan đan thuyền. Tre ở cỏ Ông khá nhiều. Thuyền nan tre là phương tiện khá quen thuộc của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Công việc đang tiến triển thuận lợi thì đột nhiên nhà tù rút toàn bộ kíp thợ xẻ điều về Bản Chế xẻ gỗ thay cho máy cưa. Máy chục súc gỗ do kíp kéo cây ở Bảy Cạnh đưa về rảnh quá, cưa đĩa ở Bản Chế không nhá nổi. Xẻ xong đợt gỗ ở Bản Chế thì nan tre trên rừng đã mục. Phương án thuyền nan tre bỏ dở.

Lần thứ 2, kíp thợ xẻ bị điều đi xẻ gỗ trên rừng phía cầu Ma Thiên Lãnh. Nhận được lệnh tiếp tục chuẩn bị vượt ngục, kíp thợ xẻ quyết định phương án đi thuyền ván vì ở Ma Thiên Lãnh rất hiếm tre. Nhờ làm binh vận tốt, kíp thợ xẻ được bổ sung thêm người. Một bộ phận dựng lán xẻ ở phía đầu Mom (mũi Cá Mập). Anh em đã đào tạo thêm nhiều tay thợ xẻ, mỗi ngày vài người luồn sâu vào trong núi hạ gỗ búng (một loại gỗ nổi, có nhiều ở Côn Đảo) xẻ ván giấu đi, chuẩn bị đóng thuyền. Bọn lính Âu-Phi khá dễ dãi. Chúng chỉ cần đếm đủ đầu người lúc đi, lúc về, còn công việc thì để cho đại diện ta điều khiển. Anh em sở Bản Chế đã cung cấp đai thùng, đục, giũa để làm thêm cưa.

Đáng ngại là bọn Rờsec. Chúng rất tinh thông và hay sục sạo. Nơi nào có gỗ búng, nơi nào có tre mây, chỗ nào đóng được thuyền bè, bãi nào thường hạ thủy là chúng đều biết hết. Nhóm xẻ ván đóng thuyền phải ngụy trang từng gốc cây vừa hạ, chôn giấu hết lá cành, gỗ xẻ xong giấu biệt làm nhiều nơi, nhưng bọn Rờsec đã phát hiện kíp đầu Mom đang xẻ ván đóng thuyền với đầy đủ tang chứng. 8 tù binh trong kíp xẻ ở đầu Mom bị bắt về tra khảo để tìm ra manh mối tổ chức vượt ngục. Kíp xẻ ở Ma Thiên Lãnh được tin

cũng phải thủ tiêu toàn bộ số ván đã giấu đủ để đóng 2 chiếc thuyền. Ai cũng tiếc đứt ruột.

Được Đảo ủy chỉ đạo, các anh Trần Văn Xước, Đỗ Quang Hiệp, Phan Lượng, Thép, Qua (tức Mậu) đứng ra nhận hết để khỏi lộ phương án giải thoát của Đảo ủy. Cả 5 anh đều phải trải qua đủ mọi cực hình nhưng không ai hé răng khai gì, ngoài việc nhận chủ mưu vượt ngục. Anh Qua (Mậu), quê ở Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Yên (nay thuộc Quảng Ninh) bị đánh bầm dập cả người, máu chảy ròng ròng từ đầu xuống mặt vẫn không nao núng. Anh không trả lời những câu hỏi của tên cò như tổ chức có những ai? Cửa, giữa lấy ở đâu?..., mà quay lại hỏi hăn: “Các ông còn cách đối xử nào đã man hơn nữa không”.

Khí phách can trường của anh làm bọn chúa ngục phải kiêng nể, lau máu mặt cho anh và thôi không đánh nữa. Chúng kết thúc hồ sơ 5 người.

Sau khi tu bổ xong “con đường đồn điền” qua An Hải và rải đá đoạn đường 700 mét lên Chuồng Bò, Giátty đưa lực lượng tù binh mở con đường ra Bến Đầm. Hăn trù tính sẽ nối Côn Đảo với vịnh bến Đầm trước mùa gió chướng. Trong các báo cáo gửi về Sài Gòn, Giátty cho rằng công việc mở con đường này đang trở nên cấp thiết để cung cấp thực phẩm cho Côn Đảo. Bến Đầm là vịnh duy nhất mà tàu bè ra vào được trong mùa gió chướng. Trong tương lai, y sẽ kéo dài con đường này vòng qua phía tây của đảo, nối liền với nhánh đường phía bắc, từ thị trấn qua đèo ông Đụng. Con đường này sẽ giúp chúng kiểm soát được toàn bộ phía tây hòn đảo, nơi xuất phát phần lớn các cuộc vượt ngục.

Cuối tháng 5-1952, địch đưa một kíp tù binh hơn trăm người ra mở đoạn đường từ mũi Cá Mập ra Bến Đầm. Chúng cho tù nhân dựng lán ở trong một thung lũng nhỏ. Kíp tù binh thứ hai, khoảng 100 người rải đá đoạn đường từ Sở Đá ra mũi Cá Mập. Kíp tù này sáng có ô tô đưa đi, tối xe đưa về ban ngủ. số tù binh còn lại làm ở công trường đá. Kíp thợ xẻ tiếp tục xẻ gỗ về đóng đồ cho bọn thống trị. Một kíp khác sửa Banh III.

Tình thế đã xuất hiện thời cơ cho một cuộc giải thoát. Các Đảo ủy viên trong khối tù binh đã phác thảo một phương án võ trang cướp đảo, đưa toàn

bộ tù nhân trở về. Theo phương án, bộ phận ở Đầm sẽ tổ chức làm thuyền và lực lượng xung kích phát động cuộc khởi nghĩa, bắt gọn trung đội lính Âu-Phi ở đó. Kíp rải đá ở đầu mũi Cá Mập đồng thời hưởng ứng. Sau đó tất cả cải trang thành đội lính rồi lên ô tô về đảo, bất ngờ đánh chiếm trại lính, dinh chúa đảo, đài vô tuyến điện ở cầu Tàu. Kíp làm đá (cách thị trấn chưa đầy 1km) sẽ vận động theo lệnh cho các khu đồng loạt nổi dậy cướp đảo.

Ba mục tiêu quan trọng nhất là trại lính, dinh Giám đốc và trạm vô tuyến điện ở Cầu Tàu được tính toán kỹ và xây dựng lực lượng nội ứng tại chỗ. Tốp tù binh lao công ở trại lính hàng ngày (gần chục người) do các anh Lê Bá Linh, Nguyễn Ngọc Diệt và Trương Đăng Dũng phụ trách có nhiệm vụ cướp vũ khí và đánh chiếm trại lính từ bên trong đã điều tra nắm chắc quân số, trang bị và bố phòng của địch.

Mục tiêu dinh Giám đốc và trạm vô tuyến điện Cầu Tàu do lực lượng tự vệ bí mật của tù án làm nội ứng. Đội tự vệ của tù áo trắng phần lớn là những người làm bồi bếp có một số chiến sĩ Cô Tô tham gia sẽ đánh chiếm dinh Giám đốc, bắt gác dang. Tù áo trắng là lực lượng am hiểu hơn cả quy luật hoạt động và đặc điểm của mỗi tên gác ngục, kể cả đường ngang ngõ tắt của chúng.

Đội xung kích thứ 2 của tù án làm nhiệm vụ đánh chiếm trạm vô tuyến điện đã được hình thành trong kíp làm cỏ về (trồng hoa, dọn vệ sinh) ở Cầu Tàu. Đảo ủy chỉ định Hoàng Xuân Tuế, chiến sĩ công an Hà Nội, một đảng viên trung kiên được kết nạp tại Côn Đảo chỉ huy. Mạng lưới tù áo trắng đã bố trí cho Tuế từ kíp Chỉ Tồn về Cầu Tàu để nhận nhiệm vụ mới.

Đội xung kích thứ 3 của tù án là khu Hoàng Sâm, chuyên đi dọn tàu. Kíp Hoàng Sâm có nhiệm vụ chiếm tàu chở hàng làm phương tiện vượt đảo. Đoàn Hoàng Sâm có 75 tù án ở Hỏa Lò, đến Côn Đảo vào đầu tháng 5 năm 1952, được bổ sung thêm 18 tù nhân ở Trung Bộ mới ra, tổng số 93 người. Phạm Gia Thọ, Phó bí thư phân chi bộ Hoàng Sâm phụ trách xây dựng lực lượng đã chọn được hơn 30 người hăng hái, trung kiên lập ra một trung đội tự vệ, lấy tên là “đội hành động” (trong giao dịch thì gọi là “đội trật tự” để

giữ bí mật). Nguyễn Phạm Toán tức Nguyễn Thanh Sơn là trung đội trưởng, Nguyễn Văn Phòng là trung đội phó.

Sau khi trinh sát nắm tình hình, tiếp cận mục tiêu, kế hoạch chiếm tàu hàng được vạch ra cụ thể. Tiểu đội một sẽ mở màn trận đánh chiếm buồng chỉ huy, đài vô tuyến trên tàu, bắt thuyền trưởng, thuyền phó, chiếm lĩnh độ cao quan sát và chi viện cho 2 tiểu đội còn lại. Tiểu đội 2 sẽ chiếm buồng lái, bắt lái chính, lái phụ, thủy thủ và chi viện cho tiểu đội 3. Tiểu đội 3 bắt gácđang, thầy chú, thủy thủ trên boong và thợ máy dưới hầm tàu.

Mỗi sở tù khổ sai khác, kể cả khu biệt lập, đều có tổ chức lực lượng tự vệ bí mật. Nhiệm vụ của mỗi khu là bắt gácđang, thầy chú, lính gác trong khu vực mình khi có hiệu lệnh, sau đó sẽ theo sự phân công của Đảo ủy. Anh Tùng Lam, Phó bí thư Đảo ủy chỉ đạo việc bố trí lực lượng quân sự ở khối tù án. Anh Trần Nam, Đảo ủy viên đặc trách ngoại giới vận, trực tiếp chỉ huy mũi xung kích của tù áo trắng đánh vào dinh Giám đốc và bắt gácđang, thầy chú. Anh Vũ Ngọc Toàn, Chủ tịch Liên đoàn tù nhân Liên khu Võ Nguyên Giáp (Banh I), chỉ huy mũi xung kích của sở Chỉ Tồn đánh chiếm đài vô tuyến điện và chiếm tàu hàng.

Trong tương quan lực lượng lúc đó, việc võ trang chiếm đảo không phải là chuyện khó. Báo cáo năm 1952 của Giám đốc Giátty (số 2270-P, ngày 5-1-1953) cho biết, đến tháng 12-1952, Côn Đảo chỉ có 104 lính Âu - Phi, 10 sĩ quan và thủy thủ Pháp, 47 gácđang người Âu. Nếu kể thêm mấy chục thầy chú và công chức người Việt thì lực lượng chiến đấu của chúng cũng chỉ có trên 200 tên. Bọn này lại thạo dùng roi mây, báng súng, còng xiềng hơn là tác chiến. Cùng thời điểm đó, Côn Đảo có 548 tù binh và 1.739 tù án. Quá nửa số tù án đó là những chiến sĩ trong lực lượng võ trang (công an xung phong, biệt động, tự vệ thành, Vệ quốc đoàn, bộ đội địa phương...). Địch có vũ khí trong tay, còn tù nhân thì có lòng căm thù, có khát vọng được giải phóng và nhiều mưu mẹo.

Toàn đảo lao vào chuẩn bị cho phương án võ trang giải thoát một cách hết sức khẩn trương và bí mật. Đi làm khổ sai, các lực lượng đều bám sát mục tiêu, đối tượng, nắm chắc mọi tình huống. Giờ nghỉ, anh em tập võ

thuật, tập chiến thuật tay không bắt địch, tập vượt rào, vượt tường dưới các hình thức thể dục, thể thao như kéo co, đánh vật, nhảy cao, nhảy xa, chông người vượt xà, tập trói lính, tập ném hỏa mù sao cho trúng mắt đối phương. Các chiến sĩ trong đội xung kích đều tự trang bị dây trói chắc chắn thay cho giải rút quần. Chiến thuật chủ đạo là tay không bắt địch, tuyệt đối tránh đổ máu.

Tù nhân sở Bản Chế rèn được trên trăm mũi mác xung kích trang bị cho bộ phận ở Đầm. Kíp làm đá lấy được gần hai chục kíp mìn để khi cần sử dụng. Ban tạo tác của Đảo ủy đã chế tạo được hàng trăm gói “lựu đạn” hỏa mù bằng tro bếp trộn tiêu và ớt bột; tạo tác được hàng chục thùng sắt tây để đựng nước ngọt, làm phao; hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa đường cùng các loại búa, rìu, dao, rựa, cưa, đục. Gần ngàn bộ quần áo tù đã được góp lại để bọc thuyền, may buồm. Tất cả được chuyển vận ra Đầm qua kíp tù binh làm ở đầu mom Cá Mập. Áo quần có thể mặc vào trong người. Các thứ khác thì để lẫn trong vật liệu, dụng cụ đi làm hoặc chia nhỏ, giấu trong thùng cơm canh, đem đến hộp thư chết. Kíp Đầm cử giao liên luôn rùng đến nhận. Đó là cuộc chuẩn bị vượt ngục quy mô lớn nhất của toàn đảo trong lịch sử hơn trăm năm của nhà tù này.

Công tác binh địch vận cũng góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị vượt ngục. Bộ phận binh vận của tù binh gồm tất cả những người làm đại diện kíp, đại diện khám, đại diện chung. Đảo ủy chỉ đạo công tác binh vận phải tập trung vào lính Âu - Phi, chiếm 91% lính đồn trú trên đảo. Họ là những người anh em các dân tộc bị áp bức, lừa gạt, cùng đường phải cầm súng đánh thuê. Các chiến sĩ binh vận của Đảo ủy đã được học về địa lý châu Phi, về đất nước, con người, sản vật, phong tục tập quán của nhiều dân tộc Phi châu như Angiêri, Xênegan, Côtinoa, Ghinê, Môđambích, Sariêng. Hằng tuần, các đại diện đều họp kiểm điểm công tác binh vận, rút kinh nghiệm trong cách giao thiệp và tranh thủ binh lính địch. Phạm Quý Tuyển (Đảo ủy viên) được phân công lãnh đạo hơn chục anh em đại diện kíp, đại diện khám làm công tác binh vận.

Đội ngũ binh vận đã gây được thiện cảm với hầu hết những người lính châu Phi, gieo vào lòng họ nỗi nhớ quê hương và chán ghét cuộc chiến tranh xâm lược bản thiêu, khơi lên mỗi đồng cảm của các dân tộc cùng chung ách áp bức của thực dân Pháp, tặng họ những chiếc khăn mùi xoa theo hình cây dừa và cây chuối, hình ảnh chung của xứ nhiệt đới. Binh lính da đen thường cung cấp tin tức và âm mưu của bọn chúa đảo cho anh em. Khi bị huy động vào các cuộc khủng bố, họ thường “giơ cao đánh khẽ”, có khi còn lén cho anh em cả muối, đường, thuốc bổ. Hoàng Bách tức Nguyễn Văn Nhã, một trong những đại diện của khối tù binh đã viết bài thơ Anh lính da màu tặng những người lính “quê hương tận xứ Phi châu xa vời” đã có nhiều thiện cảm với tù nhân Côn Đảo.

Đối với các giám thị trông coi công việc khổ sai, anh em tù binh cũng giữ một thái độ đúng mực. Chỉ có đại diện mới được quyền giao dịch, còn những anh em khác tuyệt đối không được tiếp xúc. Lời nói, cử chỉ của đại diện phải đàng hoàng trên tư thế của người kháng chiến, không xúc phạm họ, không hạ thấp mình; sẵn sàng cho họ bó củi, mớ rau, con cá hoặc đan rổ rá, đóng giúp đồ dùng trong nhà như bàn ghế, giường, tủ. Họ xin là cho, họ cần là giúp, tuyệt đối không mua bán đổi chác trên tư cách của người lính Cụ Hồ chiến đấu giải phóng cho dân tộc, chỉ giúp đỡ nhân dân chứ không cầu lợi.

Điều đó có ảnh hưởng tốt, nhưng cũng đem lại sự hiểu lầm trong gác ngục, công chức là tù binh tốt hơn tù án; rằng tù binh gần Cụ Hồ được giáo dục có kỷ luật hơn. Nhiều gác ngục Việt Nam cứ gần tù binh là hỏi chuyện về Cụ Hồ. Anh em nhân đó mà giải thích cho họ, tù binh hay tù án đều là người kháng chiến, là người lính Cụ Hồ. Họ cũng ngỏ lời sẵn sàng giúp anh em những việc không vượt quá khả năng.

Lực lượng làm công tác dịch vận ở khối tù án chủ yếu lại là những người tù áo trắng. Họ làm thư ký, lao công, bồi bếp cho tất cả các công sở, cho từng gia đình gác ngục, am hiểu hoàn cảnh và tâm tính từng tên. Anh Trần Nam, Đảo ủy viên được đưa vào làm thư ký Kho Bạc, chỉ đạo công tác ngoại giới vận. Các đảng viên trong chi bộ áo trắng là những thành viên

tích cực của Ban ngoại giới vận như: Lê Văn Ngô, Trương Qua, Cao Hồng Quý, Huỳnh Phò... Ban ngoại giới đảm nhiệm nhiều công việc quan trọng như giao thông liên lạc, ngoại vận (vận động giáo dục, công chức và gia đình họ), tạo tác (tìm kiếm chế tạo các vật dụng) theo yêu cầu của Đảo ủy và tiếp tế cho các khu.

Các anh Lê Văn Ngô, Trần Nam, Trương Qua đã giác ngộ và tổ chức bà Bùi Thị Quý, vợ giám thị Cácliê (Carlier) thành một cơ sở giao liên tin cậy của Đảo ủy. Nhà bà ở cạnh nhà chủ sở Rờsec Đúpây (Douplei) lại là nơi liên lạc, hội họp rất an toàn của chi bộ áo trắng và Ban ngoại vận Đảo ủy. Sau này, tù nhân khu Hoàng Sâm tiếp tục liên hệ với bà Bùi Thị Quý để cảm hóa giám thị Cácliê bớt hung ác hơn trước. Ông Trần Văn Thiều, công chức ở Kho Bạc, ông Ba Dương lái ca nô cùng nhiều gia đình gác dang, thầy chú có cảm tình đã mua giúp sơn, vải cùng các phương tiện vượt ngục.

Chính sách dân vận đúng đắn của Đảo ủy đã góp phần tích cực vào việc chuẩn bị cho phương án võ trang giải thoát. Đảo ủy tích cực chỉ đạo việc giác ngộ và tổ chức các tù nhân người Trung Hoa, Khơme, Lào, Thái và các dân tộc ít người. Các anh Trương Qua, Quách Ngự phụ trách công tác người Hoa. Các anh Cao Sơn, Chao Xem, Thạch Vi nhận vận động anh em tù Khơme làm ở sở Rờsec. Nhóm tù nhân người Lào có các anh Bun Thoong, Nai Cà Lươn chịu trách nhiệm vận động. Nhóm tù nhân người Thái và các dân tộc ít người thì giao cho Ban chấp hành các khu chỉ đạo và xây dựng khối đoàn kết.

Công tác vận động tù Khơme làm ở sở Rờsec có chuyển biến rất khả quan. Số ác ôn làm tay sai cho nhà tù lũng bắt các cuộc vượt ngục ít hẳn đi. Tốp Rờsec ở Bến Đầm còn chỉ cho tù binh những nơi có nhiều mây và lờ đi không báo cáo trong khi anh em chặt hàng ngàn cây mây về làm thuyền. Vì thế, cuộc chuẩn bị vượt ngục quy mô lớn nhất giữa lúc bọn tù gian Liên xã còn đang hoành hành mà không bị lộ.

Cuộc vận động còn đem lại kết quả không ngờ là một phần lớn tù Khơme đồng tình tổ chức vượt ngục với tù kháng chiến. Cao Sơn, chiến sĩ

ít xarác người Khơme đã cùng Trần Minh và một số tù kháng chiến vượt ngục thành công, trở về tham gia kháng chiến ở Nam Bộ.

Chao Xem và Thạch Vi đã tổ chức cho 83 tù Khơme, phần lớn làm ở Rờ-sec vượt ngục cùng 4 tù kháng chiến ở Nhà Đền là Bùi Văn Hậu, Tạ Văn Quang, Lý Tài và Trâm. Cuộc này không thành, nhưng tình đoàn kết của những tù nhân Việt Nam và Khơme được vun đắp bền vững hơn.

Nhóm tù chính trị người Hoa đã giúp Đảo ủy có hiệu quả trong việc cảm hóa số tù tư pháp người Hoa. Trong hơn sáu chục tù nhân người Hoa, có hơn 2/3 là tù tư pháp, nhưng tất cả anh em đều ủng hộ Liên đoàn, không một ai theo Liên xã. Tù người Hoa làm những món ăn truyền thông như radì (củ cải đỏ), vằn thắn mì... mà gác dang Pháp rất thích. Nhiều anh trong lúc làm bồi, làm bếp đã chế biến các món ăn độc đáo và thu được khá nhiều tiền góp cho quỹ xã hội của Liên đoàn, quỹ tạo tác của Đảo ủy. Một phần trong số tiền ấy được chuyển thành sơn, vải và các phương tiện vượt ngục. Các anh Quách Ngự, Trương Qua, Trần Bảo Trung, Hàn Giang Nguyên, Hàng Chức Nguyên, Thích Nguyên, Giang Thủy, Ngũ Hương, Lý Tài, Liêu Hồng, Hà Thành Quang... là những hạt nhân đóng góp tích cực trong công tác người Hoa và thực hiện nhiều nhiệm vụ khác của Đảo ủy.

Một phần lớn hoạt động của tù nhân trong năm 1952 đã tập trung cho phương án võ trang giải thoát. Công tác chuẩn bị khẩn trương nhất cho kế hoạch giải thoát do bộ phận xung kích ở Đầm thực hiện. Kế hoạch đào hầm bí mật, đóng thuyền vượt ngục được định ra rất sớm nên ngay từ khi dựng lán, kíp tù binh đã chọn một gò đất cao, không có đá tảng. Lán rộng 6m, dài 30m trong một thung lũng giữa mũi Cá Mập và vịnh Bến Đầm. Lán được vây kín bằng tranh tre, chỉ có một cửa bên hông, trông thẳng sang trại của lính Âu-Phi.

Bên trong lán có 2 dãy giường sạp chạy dọc theo 2 bên, rộng hơn 2m. Anh em chặt mây song về chế ra đan thành từng tấm lớn trải ra thay giát giường. Mỗi tấm giát vừa vận một mê thuyền khi vượt đảo. Thang giường cũng được đẽo sẵn theo hình bơi chèo, xà nhà căn vừa đủ để làm cột buồm. Khung thuyền, thanh ngang, thanh dọc đều được làm giả khung giường,

theo đúng kích cỡ, đục đẽo sẵn và lắp tạm dưới giường, chờ ngày vào đúng vị trí.

Buổi tối, từ 6 giờ đến 10 giờ, một kíp tiến hành đào hầm dưới gầm giường, đất được san đều ra nền nhà rồi ngay trang phía trên bằng những lớp đất cũ, trên rải SỎI. Hầm đào đến đâu được chống, chèn chắc chắn theo phương pháp chống lò của thợ mỏ Hòn Gai. Lâu ngày, đất đổ đầy gầm giường, anh em làm sập giường và đề nghị bọn lính cho sửa vào ngày chủ nhật, nhân đó mà dọn đất ra ngoài và đưa gỗ vào chèn chống, đóng khung thuyền vào nhà, xuống hầm. Hàng trăm mét khối đất đá đã được đưa ra ngoài, hàng chục thước khối gỗ chèn chống và đóng khung thuyền đã được đưa vào nhà rồi xuống hầm bằng cách ấy. Ngày làm khổ sai, tối thay nhau đào hầm, san đất, ngay trang, chuyển cây, chèn chống, luyện tập võ thuật, chiến thuật chông người vượt xà nhà, tập bơi...

Ăn đói mặc rách, gian nan nhiều nhưng ai cũng phơi phới trong lòng. Hầm tối, làm đêm, mò mẫm từng xeng đất, nhưng ánh sáng của độc lập tự do đã tỏa sáng tâm hồn họ.

Việc đào hầm đang tiến triển thì bất ngờ đụng tảng đá lớn hơn 2 mét khối, nặng vài tấn, không có cách nào đưa lên nổi. Chỉ một tảng đá thôi cũng đã làm tắc đường hầm, phá sản một kế hoạch được chuẩn bị hết sức công phu và hao tổn mồ hôi công sức. Vào giờ phút tưởng như bế tắc thì những người tù kháng chiến nguyên là thợ mỏ Hòn Gai đã cứu vãn tình thế. Theo kinh nghiệm xử lý hầm lò, họ đào sâu đất cát phía vách hầm rồi khoét cho hồng chân, đánh sập đá xuống. Tối nào các anh trong đội tuyên truyền văn nghệ cũng ca hát đến 22 giờ đêm để làm lạc hướng chú ý của lính gác. Ngày chủ nhật, họ bứng những cây dứa con về trồng quanh lán để nghi binh. Tên quản da đen vui vẻ hỏi:

– Các anh định ở đây suốt đời sao?

Anh em trả lời:

– Bao giờ hết chiến tranh chúng tôi sẽ về!

Khi đó, trong 2 căn hầm bí mật dưới lòng đất, 5 chiếc khung thuyền đã đóng sẵn, 2 chiếc đã cạy xong mê. Tất cả chỉ còn đợi mùa gió chướng. Chưa có năm nào mà hàng ngàn con người trong tổ chức ở hàng chục sở tù khổ sai, thuộc các trại tù binh và tù án lại cùng hồi hộp, khắc khoải, cồn cào, nao nức chờ mùa gió chướng như lần ấy.

Nỗi lo toan lớn nhất vẫn tập trung nơi kíp xung kích ở Đầm. Dưới căn hầm tôi đã xếp chật những khung thuyền. Họ khâu từng tấm áo tù thành tấm lớn rồi quét sơn, hắc ín để bọc thuyền. Tất cả đã từng chịu đựng đói khát, mệt nhọc, ngọt ngào triền miên, nhưng họ cảm nhận ngay một nguy cơ là công việc chuẩn bị đã lâu, vải có dấu hiệu ẩm mục; sơn giảm phẩm chất, mây đan mê để lâu cùng tóp lại, thừa roãng ra. Anh em phải đan một cái thúng, cắt một mảnh vải bọc thử rồi đem ra Bến Đầm hạ thủy, ngồi chờ, thấy được, nước không thấm, nhưng vẫn lo, mong gió chướng đến cháy gan cháy ruột.

Năm ấy gió chướng đến muộn. Cuối tháng 11 mới có vài đợt gió thổi, lúc nổi, lúc lặng. Tàu ra ít. Đảo ủy quyết định sang tháng 12, gió thổi sòng sẽ khởi sự. Các đội xung kích đạo quân ngầm đều đã sẵn sàng. Tất cả đều nắm chắc mục tiêu, rèn luyện võ thuật, chiến thuật, chính sách tù hàng binh, kỷ luật chiến trường. Chiến thuật chủ đạo là tay không bắt địch, 3 người đánh một. Phương châm tác chiến là bắt sống tất cả, hết sức tránh đổ máu, thực hiện tốt chính sách tù hàng binh. Thời cơ khởi sự đồng thời cũng là điều kiện bảo đảm thắng lợi gồm nhiều yếu tố:

- Gió chướng thật sòng.
- Có tàu hàng ra.
- Lực lượng xung kích ở Đầm và mũi Cá Mập phải đánh nhanh thắng gọn.
- Đồng thời đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu như đài vô tuyến điện, trại lính, dinh Giám đốc, tàu hàng.

Tuy nhiên, các nhân tố thời cơ có thể không đến cùng một lúc nên phương án võ trang giải thoát đặt ra nhiều tình huống và giải pháp linh

hoạt. Nếu đủ điều kiện bảo đảm cho toàn đảo thì đi toàn đảo, không đủ điều kiện thì đi bộ phận. Nếu không có tàu ra thì phải trữ liệu các phương tiện trên đảo, các vật liệu hiện có để gấp rút đóng thuyền bè. Sau khi võ trang bạo động sẽ cử một đội cảm tử ở lại không chế đài vô tuyến phát tín hiệu an toàn theo định kỳ liên lạc để Sài Gòn không nghi ngờ. Đội cảm tử sẽ trở về sau bằng chiếc ca nô của đảo, khi một phần lớn tù nhân đã về đất liền. Đảo ủy cũng dự kiến trước những tình huống trắc trở vì gió không sòng, vì tàu không ra hay vì lực lượng xung kích đánh không gọn thì sẽ chỉ đi một bộ phận, để bảo vệ an toàn cho những người ở lại.

Một vấn đề đặt ra và day dứt nhất trong lãnh đạo là khi nổ ra võ trang bạo động, tất nhiên sẽ có tổn thất, hy sinh; vượt ngục tất yếu có thành, có bại. Đảo ủy đã chỉ đạo công tác chuẩn bị thật chu đáo, giáo dục các chiến sĩ tinh thần quyết tâm, quả cảm nhưng hết sức thận trọng và kỷ luật. Nếu phải chết vì bàn tay vấy máu của kẻ thù thì can đảm hy sinh như một người lính trên chiến trường, nhưng không được phép sơ xuất để đưa mình vào con đường tự sát.

Những yêu cầu khắt khe ấy đã đặt trọng trách lên những người có vai trò lãnh đạo. Đồng chí Văn Hiến, Bí thư Đảo ủy được bố trí vào kíp làm đường ở đầu Mom để trực tiếp chỉ đạo. Văn Hiến là người thận trọng, chín chắn, việc gì cũng tìm hiểu thấu đáo, phân tích có lý, có tình. Phan Du, tổng chỉ huy lực lượng võ trang toàn đảo được bố trí ở kíp Đầm để trực tiếp chỉ đạo lực lượng xung kích và quyết định tình thế khi khởi sự. Phan Du là người rất kiên quyết trong hành động. Bên cạnh Phan Du còn có Hoàng Tiễn, chỉ huy phó lực lượng vũ trang toàn đảo, đồng thời là đại đội trưởng Đại đội quyết thắng - lực lượng xung kích ở Đầm.

Phạm Quý Tuyến vừa là đại diện, phụ trách địch vận, đồng thời là một cán bộ quân sự, chỉ huy trưởng đại đội xung kích thứ 2 của tù binh ở đầu mũi Cá Mập. Bên cạnh đó còn có Lê Mai, Lưu Trí Viễn trong Đảo ủy cùng Lê Văn Ngọ, một đồng chí cũ dày dặn kinh nghiệm cùng hợp thành “Bộ tư lệnh tiền phương” của cuộc võ trang giải thoát. Anh Tụng, nguyên Chủ tịch huyện An Dương - Hải Phòng; anh Triễn, nguyên Phó chủ tịch huyện Tứ

Kỳ - Hải Dương cũng tham gia Ban tham mưu tác chiến. Lực lượng tù binh còn lại ở Banh III được tổ chức thành đại đội thứ 3 do anh Phạm Bạt Tụy chỉ huy.

Đợt gió chướng thứ 2 bắt đầu thổi về vào những ngày cuối cùng của tháng 11. Đảo ủy chỉ đạo lực lượng xung kích hoàn tất việc chuẩn bị, dự kiến nếu đợt gió này kéo dài sẽ khởi sự vào trưa 4-12-1952. Nhưng một sự biến bất ngờ đã xảy ra. Tên phản động Hoàng Minh (tù binh) tố giác âm mưu vượt đảo. Hẩn chỉ điểm cho gác ngục bắt Phan Cơ, đại diện kíp làm đá khi anh giấu kín mìn trong nón bàng để giao cho lực lượng xung kích. Phan Cơ bị tra tấn 3 ngày liền, không khai báo.

Hoàng Bách đại diện kíp làm đường cũng bị chỉ điểm, bị phạt xà lim ba tháng. Tên quan hai Gácđét (Gardès) đưa thêm lính ra, tập hợp toàn bộ kíp Đầm điểm danh, khám xét rất kỹ lưỡng khu vực lán trại, từ mái nhà, vách tường đến giường nằm, nền nhà.

Tình thế rất căng thẳng, Phan Du ra hiệu cho anh em các mũi xung kích chuẩn bị. Trường hợp bắt đắc dĩ, nếu địch xăm trúng hầm là phát lệnh làm luôn. May sao, địch không phát hiện được gì, Gácđét và tốp lính hộ tống lầm lũi về trại.

Nguy cơ bị lộ là mối đe dọa cấp bách nhất lúc đó. Nếu địch phát hiện ra căn hầm thì tai họa sẽ ập xuống toàn đảo. 5 khung thuyền lớn với hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa với vô số dụng cụ, phương tiện, lương thực, thực phẩm, vũ khí tự tạo giấu trong căn hầm đó sẽ liên quan đến khắp các bộ phận, đổ bể hàng loạt cơ sở. Khi ấy không thể vài người đứng ra nhận mà xong được. Đảo ủy quyết định lùi lại một tuần nữa để theo dõi địch tình và chuẩn bị thật kỹ lưỡng, chờ đợt gió chướng tiếp theo sẽ đi.

Ngày 12-12-1952, cuộc bạo động đã nổ ra, bắt đầu từ kíp Đầm. Đợt gió chướng thứ 3 đã thổi về trước đó 2 ngày. 11 giờ trưa, chiếc khăn lệnh tung bay phần phật trên tay Phan Du cùng tiếng hét “xung phong” vang dội. 28 tổ xung kích của Đại đội Quyết Thắng ở Đầm đã trói gọn 28 lính da đen, thu hết vũ khí, không phải nổ phát súng nào. Bằng những thế võ hiểm, các chiến sĩ xung kích đã quật ngã ngay những tên lính to gấp hai ba lần.

Ở kíp đầu mom Cá Mập, do một vài tổ xung kích không bám sát địch nên đã xảy ra vật lộn và nổ súng. Ta chết 1, địch chết 2, một tên chạy thoát vào rừng, chỉ bắt được 2 tên, 2 tên nữa lặn xuống vực. Trận đánh không suôn sẻ như dự kiến.

Trưa ấy gió lặng dần. Không ai tính hết cho những bất ngờ trong khi bạo động. Ban chỉ huy hội ý cấp tốc và quyết định không đánh về đảo mà chỉ đi theo phương án giải thoát bộ phận. Cuộc bạo động đã nổ ra rồi, không thể dừng lại được.

Bộ phận làm công tác binh vận giải thích cho số lính da đen bị bắt về chủ trương võ trang vượt đảo giải phóng tù nhân và chính sách tù binh của ta. Những người lính này được trả lại đầy đủ tư trang, được ăn uống đầy đủ và chịu trôi lại, để tù nhân vượt đảo. Tên quản cảm động, xin tặng các chiến sĩ ta một chiếc la bàn và một tấm bản đồ. Lực lượng còn lại dỡ hầm, ráp thuyền, đến 16 giờ đã hoàn chỉnh 5 chiếc thuyền sườn gỗ, khung máy bọc vải, có đủ buồm chèo. Mỗi thuyền còn được côn thêm 2 bó nửa hai bên để sóng to khỏi lật. Anh em dùng ô tô chở người và thuyền ra Bến Đầm để hạ thủy.

Trưa ấy các đội xung kích ở Côn Đảo cứ nóng lòng chờ. Bọn địch ở đảo vẫn không hay biết gì. Tên lính bị sống trốn biệt đến đêm mới dám mò về. 17 giờ không thấy xe chở kíp làm đường về, chúa ngục cho lính lên tìm mới biết đoàn tù binh đã lên thuyền ra khơi. Sau này anh em cứ tiếc mãi. Nếu trưa ấy mà mũi xung kích đánh thẳng về thị trấn thì chắc thắng.

Gió lặng dần rồi đổi hướng. Đoàn thuyền chật vật suốt đêm chưa qua được lớp sóng đất. Hai thuyền bị vỡ cách bờ không xa. Mười mấy người bơi được vào bờ. Ba thuyền đi được đến mờ sáng thì khung mây ngấm nước rão ra, nước vào lưng thuyền. Nhiều người tự nguyện nhảy xuống biển hy sinh cho nhẹ thuyền. Trên thuyền số 1, năm chiến sĩ trong đội quyết tử xung phong hy sinh để bảo vệ lãnh đạo và những anh em còn lại. Nguyễn Hòa tức Nhạ, ôm phao cá nhân, lặng lẽ nhào xuống biển giữa đêm đen dày đặc, bốn đồng đội theo sau anh. Nước vẫn vào, thuyền chìm dần, mây người nữa tiếp tục nhảy xuống biển, trong đó có cả anh Văn Hiến, Bí

thư Đảo úy. Một vài người nhờ giữ được phao, hoặc được thuyền khác kéo lên trong đó có Nguyễn Hòa, còn phần lớn bị sóng cuốn đi vì kiệt sức.

Sáng hôm sau máy bay và tàu chiến Pháp truy đuổi bắt lại tất cả những người trên 3 chiếc thuyền còn lại. Số người trên 2 thuyền chìm gần bờ dạt vào đảo cùng bị bắt sau đó 12 ngày. Theo báo cáo số 2270-P ngày 5-1-1953 của Giám đốc nhà tù, có 198 người vượt đảo chuyển ấy, trong đó có 4 tù án (2 lái ô tô và 2 máy lu). Con số bị bắt lại cho đến ngày 5-1-1953 là 117 người. Số còn lại có lẽ là bị chết đuối cả (81 người).

Bọn Pháp đánh những người tù ngay khi họ vừa được vớt từ dưới biển lên boong tàu, người nào cũng tả tơi như giẻ rách. 16 người không lết nổi khi chúng hất xuống cầu tàu. Giátty còng chân tất cả vào Khám 6 Banh I. Tên quan hai trưởng trại trực tiếp cầm chìa khóa, chỉ được mở khi có lệnh của Giám đốc. Nhiều người đã hấp hối vì hai ngày say sóng, phơi nắng và đòn hiểm. Khát cháy cổ.

Nửa đêm, mấy anh còn khoẻ phải nhóm dậy, cời quần lót từng người nôi lại thành dây rồi quăng ra thấm nước đọng thành vũng gần cầu tiêu, vắt cho mỗi người vài giọt vào miệng. Anh Cơ Còi chân nhỏ, rút được ra khỏi còng, len vào nhà cầu chặt được ít nước để vệ sinh con lại chia cho mỗi người vài ngụm. Biết bọn địch chuẩn bị giam số tù binh vượt ngục vào đây, anh em tù án đã múc nước vào đầy khay, nhưng chúa đảo Giátty đá ra lệnh đổ hết xuống nền nhà, chỉ còn sót lại một ít.

Ngày hôm sau, được bộ phận tù chính trị ở Nhà Thương thuyết phục, đốc tờ Bácbiê (Barbier) đã vào thăm và cứu chữa cho số tù binh. Tên quan hai trưởng trại từ chối và báo cho Giám đốc. Giátty xuống ngay. Hấn găm lên với viên bác sĩ:

– Ông điên à! Bọn này mà xông ra thì chúng nó sẽ cắt cổ cả tôi và ông đấy.

– Thì lúc ấy ông cứ việc xả súng vào họ. Ngày mai ông có thể bắn tất cả những người này, nhưng hôm nay họ là bệnh nhân. Tôi nhân danh thầy thuốc của nền cộng hòa Pháp mà cứu chữa cho họ.

Bácbiê là thầy thuốc có lương tâm. Ông dọa sẽ báo cáo cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương việc Giám đốc nhà tù ngược đãi tù binh và không để cho ông làm nhiệm vụ thầy thuốc. Giátty hất hàm ra hiệu cho tên quan hai mở cửa rồi hăm hăm bỏ đi. Bácbiê rửa các vết thương cho từng người, cho thuốc và can thiệp cho họ được ăn cơm, uống nước.

Tôi hôm xảy ra cuộc bạo động ở Bến Đầm, địch báo động toàn đảo, khóa chặt cửa khám, cửa banh và cho lính đặt súng bố phòng khắp các ngả xung quanh thị trấn Côn Đảo. Đội lính chia nhau bố phòng chặn con đường từ Bến Đầm về Côn Đảo và các ngả đường vào thị trấn. Bọn chúng cấm cố và bỏ đói trại tù binh hai ngày liền. Ngày thứ ba mới mở cửa cho một số kíp tù dọn dẹp vệ sinh, nấu ăn và những việc khổ sai thiết yếu. Mở cửa ra là chúng đánh phủ đầu. Các khám phải chọn những người có gan chịu đòn ra làm khổ sai để giữ vững tinh thần cho cả khối tù. Bọn lính Xênegan bị kích động việc tù binh giết chết 4 tên lính trong cuộc vượt đảo nên chúng rất hung bạo. Khối tù binh bị đòn luôn, cứ mở cửa ra là chúng đánh.

Tù án cũng bị lục soát, tước hết đồ dùng cá nhân. Các kíp đi làm khổ sai ngoài trại bị kiểm soát gắt gao, chúng không cho các sở làm rẫy, lấy rau cải thiện nữa. Một vài nơi giấu tài liệu bị lộ. Trần Y, liên lạc viên của Liên đoàn bị tra tấn dã man ở sở Rờsec. Chúng dùng 2 khúc cây rừng cột tréo lại kẹp nát da thịt 2 ống chân nhưng không cạy răng anh được lời nào. Trần Y lúc đó mới 20 tuổi. Khi vào tù anh còn chưa đủ tuổi thành niên. Sau đợt ấy, Trần Y được Liên đoàn cấp bằng khen và Đảo ủy chuẩn y kết nạp anh vào Đảng tại Côn Đảo.

Để đối phó với đợt khủng bố này, Đảo ủy quyết định tổ chức một đợt tranh đấu với 3 hình thức:

- Thiết lập một sự im lặng đến lạnh lùng với bọn nhà tù.
- Thảo văn bản gửi Giám đốc đòi cải thiện đời sống và đòi chế độ tù binh.
- Đấu tranh tuyệt thực đòi thực hiện yêu sách, nếu chúng không giải quyết.

Tù binh sẽ là lực lượng xung kích tranh đấu, tù án phối hợp, hỗ trợ. Trại tù binh gửi yêu sách và tuyệt thực được 2 bữa thì Giátty đến. Hãn hứa sẽ nghiên cứu chế độ tù binh và từng bước cải thiện đời sống. Một phần hãn đổ lỗi cho vụ tù binh bạo động, buộc nhà tù phải áp dụng biện pháp an ninh; mặt khác hãn đổ lỗi cho chính quyền bù nhìn ở Sài Gòn tiếp tế không kịp thời trong mùa gió chướng. Tuy vậy, Giátty cũng cho xếp banh đến kho lấy tư trang dùng đã tịch thu trả lại cho tù nhân; cho các sở tù được thêm người làm rẫy, lấy rau, tặng khẩu phần cá khô, gạo. Hãn giải quyết riêng cho từng sở tù, như một “ân huệ” của Giám đốc chứ không theo kiểu nhượng bộ yêu sách đấu tranh.

Cuộc bạo động ở Bến Đầm (12-1952) là một thất bại cay đắng trong chính sách trị tù của Giátty. Hãn đã kế tục những thủ đoạn khủng bố thâm độc nhất đối với tù kháng chiến của Laphôt, đã tăng cường vũ khí, đạn dược, phương tiện, bố phòng, gácđang và binh lính. Riêng đội lính đồn trú, hãn đã xin tăng lên gấp đôi, từ 50 lên 104 tên (không kể sĩ quan chỉ huy). Vậy mà cuộc bạo động khủng khiếp đã nổ ra. Chỉ trong vài phút, ngót một nửa đạo quân chiến đấu của Giátty trở thành tù binh của những người tù kháng chiến. Trận ấy mới chỉ có chưa đầy 1/10 số tù nhân ra tay. Nếu 9/10 số tù nhân còn lại mà đồng loạt phối hợp được thì chắc chắn Giátty cũng không chạy đâu cho thoát.

Một tài liệu cho biết, thực dân Pháp dự đoán cuộc bạo động ở Bến Đầm có thể có sự phối hợp của Việt Minh và hải quân Trung Quốc. Bởi vậy, Pháp đã huy động 2 trung đoàn trong lực lượng cơ động chiến lược miền, có không quân và hải quân Pháp ở Viễn Đông phối thuộc làm nhiệm vụ tuần tra, phòng vệ vùng Duyên Hải và ngoài khơi Côn Đảo suốt ba tháng. Trong thời gian đó, Việt Minh mở những cuộc tiến công chiến lược trên khắp chiến trường Đông Dương.

Tuy không thành công trong việc giải thoát, tù nhân phải chịu nhiều tổn thất, nhưng cuộc võ trang bạo động ở Bến Đầm là một đòn tiến công vào tận sào huyệt của kẻ thù, làm rung chuyển và rối loạn nền thống trị của chúng. Đó là một cuộc biểu dương tinh thần chiến đấu và ý chí tự giải

phóng của những người tù kháng chiến. Nhân cách của các chiến sĩ cách mạng và chính sách binh địch vận đúng đắn của Đảo ủy trong quá trình chuẩn bị và tiến hành võ trang bạo động đó có ảnh hưởng lớn đến binh lính và gác ngục ở Côn Đảo.

Sau trận ấy, Boócdétsui (Bordessouille) bị lột lon quân và bị tù ba tháng, nhưng hãnh lại rất kính nể và biết ơn những người tù kháng chiến. Hắn đã thoát chết một lần trong chiến tranh Triều Tiên, nay lại được tù binh Việt Minh tha chết một lần nữa. Đó là ân huệ hiem hoi của một đời lính đánh thuê. Hắn dùng tiền lương mua đường sữa lén gửi cho Phan Du và tuyên truyền trong đơn vị lính Âu Phi về những tù binh Việt Minh đầy bản lĩnh, mưu trí và nhân đạo. Trước tòa án binh Pháp ở Sài Gòn xử vụ bạo động ở Bến Đầm, Boócdétsui, Anbéctini, Xien... với tư cách là nhân chứng đã không tố giác những người chỉ huy cuộc bạo động, những người đã cướp súng, bắt trói họ, làm cho phiên tòa không có nhân chứng.

Trước đó, Phan Du đã nhận hết trách nhiệm về mình, song Đảo ủy chỉ đạo họp kiểm điểm rút kinh nghiệm, thống nhất lời khai. Nhờ đó mà không lộ ra phương án võ trang giải thoát toàn đảo, không một cơ sở, đầu mối nào bị đổ bể. Khi về Sài Gòn, chuẩn bị ra tòa, Liên đoàn tù nhân Khám Lớn - Chí Hòa đã vận động luật sư Nguyễn Hữu Thọ bào chữa cho vụ án.

Nhờ sự chỉ dẫn trước, 117 tù binh đã thống nhất một lời khai, bác bỏ mọi cơ sở buộc tội của chúng. Tất cả đều tít cáo chế độ nhà tù tàn bạo, bởi vậy không người tù nào không nghĩ đến chuyện vượt ngục, giải thoát. Không có tổ chức, không có chỉ huy, thấy nhà tù sơ hở là họ trốn. Tất cả cùng bắt lính; tất cả cùng làm thuyền, không ai cướp súng, không ai giết lính, không ai hành hạ binh lính. Mấy tên lính chết là do bọn lính hoảng quá bắn lộn, chết cả lính, cả tù...

Những người lính da đen được gọi ra làm nhân chứng đều xác nhận lời khai của tù binh. Điều quan trọng nhất là họ không tố giác người tổ chức chỉ huy, người bắt trói họ và cướp vũ khí, người đã vật lộn và dự phần vào cái chết của mấy tên lính xấu số. Vì thế, phiên tòa trở thành không có nhân chứng, không thể khép vào tội danh nào được. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã

cãi cho họ trắng án. Cuộc võ trang giải thoát đầy chính nghĩa của những người tù kháng chiến Côn Đảo giành thêm được một thắng lợi về mặt pháp lý trước dư luận công khai.

Ngay trong thời kỳ thực dân Pháp phong tỏa và kiểm soát gắt gao, một chuyến vượt ngục mạo hiểm của tù án chính trị lại thành công bất ngờ. Nguyễn Văn Thuận, tức Tư Nhỏ, tức Trần Văn Sơn, chiến sĩ công an quận 4 Sài Gòn đã cùng 2 tù chính trị là Viễn (người Quảng Trị) và Bảy (người Trà Vinh) vượt ngục bằng bè tre. Trong một buổi làm khổ sai, ba người rủ nhau lên núi, men theo vách đá dựng từ Đá Trắng qua mũi Cá Mập sang phía Bến Đầm. Chờ đến tối, họ chặt tre lao xuống bãi biển, bơi qua Hòn Tài, chặt thêm tre, cõn bè thả theo gió chướng. Cơm khô, nước ngọt, củ mài đã được Viễn chuẩn bị trước, dồn trong ống tre. Sau 7 ngày đêm nhờ sóng gió, các anh đã dạt vào Cà Mau và tiếp tục tham gia kháng chiến.

Củng cố tổ chức, rèn luyện lực lượng

Năm 1953, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta bước vào giai đoạn phản công giành thắng lợi quyết định. Vùng đồng bằng Bắc Bộ mà các tướng Pháp xem như “cái then cửa của vùng Đông Nam Á” bị uy hiếp nghiêm trọng. Thực dân Pháp tiếp tục đưa tù binh, tù chính trị ở các nhà lao và trại tù binh ở nhiều tỉnh đồng bằng Bắc Bộ chuyển vào Nam Bộ rồi thanh lọc, đày ra Côn Đảo.

Đoàn tù án thứ 3 ở Hỏa Lò Hà Nội đến Côn Đảo ngày 13-2-1953, gồm 75 người, mức án từ 7 năm trở lên, trong đó có một số cán bộ là Huyện ủy viên như Đỗ Hoàng Trừ, Trần Công Hiệu, Nguyễn Văn Thế (Hùng Hậu). Chưa đầy một tháng sau, họ được tham dự sinh hoạt chính trị đầu tiên do Đảo ủy tổ chức: Lễ tang Xtalin (5-3-1953). Ngày ấy toàn đảo để tang, không ồn ào. Các khám đều làm lễ truy điệu chia sẻ nỗi đau buồn với nhân dân Liên Xô anh em. Ít ngày sau, đoàn tù án chính trị cuối cùng của các tỉnh phía Bắc bị phân tán về các sở tù khổ sai.

Tháng 4 năm 1953, thực dân Pháp đưa 25 tù binh ở Nam Bộ ra Côn Đảo. Tháng 5 năm 1953, chúng đày tiếp 125 tù binh ở Bắc Bộ và Trung Bộ ra đảo. Ngày 30-6-1953, chuyển tù binh cuối cùng gồm 25 sĩ quan, đã trải qua hầu hết các trại tù binh từ Bắc vào Nam bị đày ra đảo. Theo báo cáo của Đảo ủy gửi về Trung ương, đến tháng 9-1953 toàn đảo có 1.847 tù án, 490 tù binh. Đảng bộ nhà tù có 500 đảng viên, trong đó 170 đảng viên ở khối tù binh, 330 ở khối tù án. Trên 100 đảng viên đã từng giữ các chức vụ từ bí thư chi bộ đến bí thư Đảng ủy; 6 người nguyên là Tỉnh ủy viên.

Các anh Đỗ Hoàng Trừ (Sở Củi-Chuồng Bò), Trần Công Hiệu (Lò Vôi) trong đoàn tù án chính trị mới ra; Lê Thành Tích (khu Trần Phú), Hoàng Nam tức Phan Xuân Tiềm (khu Hoàng Sâm) được bổ sung vào Đảo ủy. Các anh Tùng Lam, Trần Nam, Hoàng Sinh Hồng (Đảo ủy viên khóa 3), lần

lượt mãn án về. Ở trại tù binh, các anh Nguyễn Văn Nghĩa, Lê Đình Thụ cũng được bổ sung thay cho những Đảo ủy viên đã hy sinh.

Đảo ủy kiểm điểm rút kinh nghiệm cuộc võ trang giải thoát của tù binh, biểu dương tinh thần chiến đấu và những gương hy sinh dũng cảm, chỉ ra những nguyên nhân thất bại để chuẩn bị cho một cuộc giải thoát quy mô hơn vào đầu năm 1954. Đảo ủy đã gắn công tác xây dựng Đảng với xây dựng phong trào quần chúng; gắn công tác xây dựng Đảng với thực tiễn đấu tranh; đề cao dân chủ, công khai và đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Báo cáo của Đảo ủy đã đánh giá về công tác xây dựng Đảng như sau: “Sinh hoạt rất đều, lấy phê bình và tự phê bình, lấy đấu tranh hàng ngày với địch để củng cố Đảng, phát triển đảng viên mới, thanh thải đảng viên yếu kém, phối hợp sự giáo dục trong Đảng và ngoài nhân dân làm một, học cùng tài liệu với nhân dân. Đảng làm nòng cốt để hướng dẫn nhân dân để dưới kiểm soát trên, trên kiểm soát dưới, nhân dân theo dõi cán bộ đảng viên”¹ .

Đồng thời với việc củng cố tổ chức Đảng, Đảo ủy tiến hành củng cố và xây dựng lực lượng nhân dân. Trong tháng 1 và tháng 2 năm 1953, Đảo ủy chỉ đạo củng cố lại tổ chức Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo, từ cấp toàn đảo, liên khu, cấp khu cho đến từng tổ 3 người. Toàn đảo chia làm 4 liên khu. Lực lượng tù binh là Liên khu I (Banh III). Lực lượng tù án gồm 3 liên khu: Liên khu II (Banh I), Liên khu III (Banh II) và Liên khu IV (các sở ngoài).

1. Báo cáo tình hình địch, ta ở Côn Đảo. Hồ sơ lưu trữ tại Cục lưu trữ Trung ương Đảng, ký hiệu C.10Đ127-ST08-27. Đây là bản báo cáo tổng kết của Đảo ủy do đồng chí Vũ Hồng Vũ (Thường vụ Đảo ủy) và Lê Đình Thụ (Bí thư chi bộ Banh III) truyền đạt cho đồng chí Đoàn Duy Thành trước khi được trả tự do để báo cáo với Trung ương. Văn bản này đồng chí Đoàn Duy Thành đã học thuộc lòng và chép lại tại Quân khu Tả Ngạn, sau khi được trả tự do để trình lên Trung ương Đảng.

Anh Trần Mạnh (Vũ Quang Đạo) với sự cộng tác của hai anh Chính Vích và Đặng Xuân Mịch giúp Đảo ủy biên soạn lại 10 tài liệu: Vì nhân dân phục vụ; Chiến lược chiến thuật; Trường kỳ gian khổ; Phương pháp học tập mới; Lợi ích tổ tâm giao; Thi đua Đoàn-Công-Kỷ- Tiết... Đảo ủy đã tổ chức một đợt học tập chính trị trong suốt mùa hè 1953.

Trong thời kỳ củng cố tổ chức, trại tù binh đã tổ chức diệt tên phản động Hoàng Minh. Hoàng Minh tức Nguyễn Hoàng Giác, nguyên là công an trong chính quyền bù nhìn ở Sơn Tây, vì phe cánh tranh ăn mà phải vào tù. Ở Hỏa Lò, y từng làm chi điểm cho phòng nhì Pháp, bức hại nhiều người tù kháng chiến. Ra Côn Đảo, Minh câu kết với bọn Tú (công an bù nhìn Bắc Ninh), Thiết (công an bù nhìn Hà Nam), Khiêm, Giao (đảng Đại Việt) tiếp tục cuộc đời tay sai trong tù.

Chính tên Minh đã dò la và tố giác phương án võ trang giải thoát để bọn Pháp mở đợt truy tìm khám xét, suýt nữa lộ việc chuẩn bị bạo động. Hãn tố giác vụ giấu kíp mìn để đại diện Phan Cơ phải phạt xà lim. Anh Nguyễn Văn Thanh và Hoàng Minh Chính vừa được cử làm đại diện, hãn lại vu cáo hai anh chuẩn bị vượt ngục làm cho hai anh đều bị phạt xà lim. Nhà tù chỉ định hãn làm đại diện để không chế anh em. Trại tù binh đã nhiều lần đề nghị xử tử tên Minh, nhưng Đảo úy chỉ thị tiếp tục giáo dục một thời gian nữa. Những cán bộ được cử đến giáo dục đều bị Minh tố giác và bị phạt. Tháng 2 năm 1953, Đảo úy chấp nhận đề nghị của trại tù binh, lập Tòa án nhân dân xét xử tội trạng Hoàng Minh rồi tuyên án tử hình.

Các anh Vũ Danh Hiệt, Nguyễn Văn Thanh, Hoàng Minh Chính, Lê Văn Khánh, Lê Hồng Quảng, Tuyển Vẹo... xung phong thi hành bản án, diệt tên Minh ngay tại cửa Khám I Banh III. Anh Chính được tổ chức phân công đã nhận một mình anh giết tên Minh. Anh Thanh không được phân công nhưng cùng xung phong được cùng nhận để chia sẻ hình phạt với Chính. Về Sài Gòn, hai anh bị tuyên án chung thân và 20 năm khổ sai. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã bào chữa, giảm án xuống mức 4 năm và 2 năm. Sau vụ xử tên Minh, bọn tên Thiết, Tú, Khiêm, Giao hoảng sợ xin chúa ngục cho ở riêng một khám.

Sau vụ Đầm, Giátty siết chặt kỷ luật nhà tù, tàu tiếp tế ra ít, đời sống tù nhân rất tồi tệ. Rau xanh, thực phẩm rất thiếu. Tên quan hai Gácđét tuyên bố với trại tù binh: “Tàu không ra thì cho tụi bay ăn cỏ”. Đảo ủy chú trọng chỉ đạo công tác xã hội, chăm lo cải thiện bữa ăn, bảo đảm sức khỏe cho tù nhân tranh đấu lâu dài. Anh Nguyễn Văn Sỗ, tổ trưởng tổ Nhà bếp của trại tù binh cùng anh Vũ Danh Hiệt (Ban xã hội) và các anh Hán, Học ở Nhà bếp tìm mọi cách thay đổi món ăn hàng ngày cho anh em.

Khẩu phần thực phẩm nhà tù cấp thường xuyên là cá khô, rau lang, đôi khi có rau muống. Rau được chế biến thành các món luộc - xào - canh - nộm. Cá khô thì chiên - rim - làm ruốc - giã chả - nấu canh chua. Ai nghĩ ra món gì thì làm thử, ăn thấy ngon thì làm tiếp. Món canh chua nấu từ cá khô và chả cá khô giã nhuyễn với khoai lang, đậu xanh chiên lên được nhiều người hoan nghênh.

Sau nhiều lần đấu tranh, nhà tù cho 10 người già yếu được làm vườn, trồng rau cải thiện, nguồn rau xanh khá lên. Rau muống là thứ quý được dành cho người ốm yếu. Lá già và cọng rau già được rửa sạch, phơi khô nghiền bột để ăn phụ thêm. Tổ Nhà bếp và Ban xã hội tận tụy chăm lo cho bữa ăn của anh em như người mẹ hiền. Bữa nào thấy anh em ăn không hết suất cơm tù là các anh ứa nước mắt. Tổ Nhà bếp đi từng khám xem anh em ăn, nghe góp ý từng món ăn để cải tiến.

Anh Huân, anh Bích trong tổ y tá tù nhân hàng ngày chăm sóc sức khỏe những người đau ốm. Ai ăn cơm, ăn cháo trắng, cháo mặn hay cháo đường đều được phục vụ. Tổ y tá, Nhà bếp còn làm nhiệm vụ liên lạc, cất giấu tài liệu cho Đảo ủy và Liên đoàn tù nhân.

Một tổ tạo tác do ông Đàm Văn Tạ tổ chức đan mũ nón cho anh em đội đi làm. Những chiếc nón bàng 2 lớp để cất giấu tài liệu làm phương tiện liên lạc đã được sản xuất hàng loạt. Tổ tạo tác thứ 2 của khối tù án do ông Phùng ở Khám 4 Banh I (Chi Tồn) phụ trách đan mũ, nón rổ rá, lồng bàn vĩ đập ruồi để đảm bảo vệ sinh cho bữa ăn của tù nhân.

Liên đoàn tù nhân phát động một phong trào diệt ruồi. Điều kiện vệ sinh của nhà tù rất kém nên ruồi nhiều vô kể. Chi tiêu lúc đầu giao cho mỗi

người là 100 con mỗi ngày. Anh em đã hăng hái tham gia, thi đua diệt ruồi, nâng chỉ tiêu lên dần, đến mức 500 con mỗi ngày. Phong trào diệt ruồi lúc đó đã được phản ánh trên những báo tường của tù nhân Côn Đảo:

Báo cáo đồng chí hôm nay

Tôi đập ruồi suốt cả ngày không chơi

Cộng được có bốn trăm thoi

Dạo này ít bởi nhiều người tham gia.

(Ca dao Côn Đảo - Bản do anh Trần Đông Lưu giữ).

Ở khối tù án, ngoài việc tự chăm lo cải thiện ở từng bộ phận, mỗi khu đều đóng góp cho công tác xã hội toàn đảo. Khu Hoàng Sâm thường đi dọn tàu, kéo cây nên kiếm được khá nhiều rau và thực phẩm. Anh Phạm Văn Mai phụ trách công tác xã hội còn tổ chức được một rẫy riêng, hàng ngày có 4 người trông coi. Các anh đã bớt phần của mình để tiếp tế cho khu biệt lập rau muống, rau càng cua, đọt đủng đỉnh, mắm cá cơm. Mỗi khi rửa rau, khu Hoàng Sâm thường kín đáo làm “rơi vãi” quanh giếng để anh em ở biệt lập ra tắm lấy vào.

Các kíp dọn tàu, chuyển hàng có nhiều cách cải thiện độc đáo. Khi thì nhét đậu xanh vào tai heo, khi bắt rận rệp thả vào mũi bò, khi lại “lỡ” sảy chân sảy tay cho heo, bò bị thương tích phải mổ thịt hàng loạt để bọn Tây ăn không hết, phải cho bếp tù nhân. Nhờ đó, mỗi chuyến tàu ra, toàn đảo lại được ăn tươi vài bữa.

Kíp dọn hàng ở tàu vào bờ thì chọn những thùng sữa hộp, thịt hộp quăng xuống biển. Anh em đi tắm lặn xuống lấy về giấu trong các kẽ đá lớn ở cầu Tàu rồi tìm cách chuyển dần về cho Ban xã hội. Đó là một kiểu tạo tác phổ biến đối với nguồn thực phẩm dự trữ, vừa phá hoại kinh tế địch, vừa xây dựng kinh tế tập trung cho tù kháng chiến. Xây dựng kinh tế tập trung là nhiệm vụ trung tâm của Ban xã hội Liên đoàn nhằm tập thể hóa các nguồn tiếp tế, tạo tác để phục vụ đời sống hoạt động và tranh đấu của tập thể tù nhân.

Trong khi phá hoại kinh tế địch, tạo tác nguồn hàng cho ta, gácđang, thầy chú, nhân viên nhà tù đều sẵn sàng “hợp tác” với ta. Họ cũng túng thiếu, đói khát, hám ăn. Khi áp tải những chuyển dọn hàng và vận chuyển vào kho, họ sẵn lòng thông đồng với tù nhân để lấy một vài thùng đồ và cho tù nhân gửi ở nhà họ vài thùng khác. Trong cuộc chia chác này thì các gácđang Tây cũng tỏ ra biết điều và giữ đúng giao kèo, bảo quản đầy đủ phần mà tù nhân đã gửi. Nếu lộ ra thì đương nhiên họ bị sa thải, còn tù nhân thì đâu có ngán công, xiềng.

Gácđang cũng là những người trung gian trao đổi và cung ứng hàng hóa cho tù nhân. Những lô hàng “tạo tác” được, nếu không cần thiết, tù nhân có thể đổi lại cho gác ngục. Rượu và thuốc lá là vật ngang giá thay cho tiền trong các cuộc trao đổi. Có rượu và thuốc lá, tù nhân có thể đổi lại bất cứ thứ gì, từ thực phẩm, thuốc bệnh, thuốc bổ đến các mặt hàng “quốc cấm” trong nhà lao như mực in, giấy in, sơn, vải, dao, đinh, búa...

Tù nhân sở Bản Chế thì thường tạo tác các loại vảy đồi mồi, cây dương nước, gỗ găng, ốc xà cừ. Những nghệ nhân tù có thể chế tạo thành những đồ mỹ nghệ có giá trị được thủy thủ Pháp rất ưa chuộng. Nhóm tù nhân người Hoa thì tạo tác ra các thứ cần thiết bằng các món ăn truyền thống mà ngoài bàn tay họ ra, gácđang Pháp không thể tìm ở đâu trên hòn đảo tù. Một nguồn quan trọng nữa là các bưu kiện tiếp tế từ đất liền. Ai thấy gia đình mình có điều kiện đều viết thư về xin những thứ thiết yếu cho nhu cầu chung, theo gợi ý của Liên đoàn. Gia đình, thân nhân họ cũng sẵn lòng đóng góp và ý thức được như một sự góp phần cho kháng chiến. Nhiều chị khi chồng đã trả tự do vẫn tiếp tục gửi đồ ra nuôi các bạn tù của chồng mình còn ở lại.

Mỗi sở tù, mỗi người tù tùy theo điều kiện mà đóng góp cho quỹ xã hội của Liên đoàn. Ban chấp hành tù nhân khu Sơ Củi sau khi dẹp xong Liên xã đã lập quỹ xã hội bằng củi. Ngoài định mức củi nộp cho nhà tù, người có sức khỏe, có kinh nghiệm mỗi ngày nộp thêm một phần củi cho quỹ xã hội. Ban chấp hành khu dùng quỹ củi để tương trợ cho những người đau yếu, người mới về Sở Củi, người cả đời chưa quen cầm dao, búa.

Công tác xã hội của Liên đoàn tù nhân kháng chiến đã góp phần quan trọng vào việc đoàn kết, tập hợp lực lượng và bồi dưỡng sức chiến đấu cho đội ngũ tù nhân. Liên đoàn đã giáo dục cho khối tù bằng chính những bài học xương máu trong cuộc đấu tranh của họ: đoàn kết là sống - chia rẽ là chết. Trong xã hội tù nhân, nền tảng để tồn tại không hẳn là cơ sở kinh tế mà trước hết là giác ngộ chính trị, biết cách tổ chức cùng với nếp sống văn hóa và một nền đạo đức hết sức nhân văn: sống vì tập thể, vì quyền sống con người. Ý thức đó đã được hình thành bền vững trong quá trình giáo dục, tổ chức và tranh đấu một mất một còn với kẻ thù.

Đấu tranh đòi cải thiện và giải tỏa chế độ biệt lập

Tình hình sức khoẻ của tù nhân khu biệt lập rất bi đát. Chế độ biệt lập khắc nghiệt trong vòng 2 năm đã giết hại 9 mạng người, 31 người khác bị ho lao được bác sĩ nhà tù xác nhận¹ một số người đã bị thổ huyết. Nhiều người khác bị thương hàn, kiết lỵ, đen chân, xơ cứng Cơ bắp. Hầu hết đều bị quáng gà, mờ mắt. Trời vừa tối là họ không còn thấy gì, phải quờ quạng men tường mỗi khi cần di chuyển. Bác sĩ Đờ Rôdie đã nhiều lần bày tỏ sự lo ngại về tình trạng sức khoẻ của tù nhân khu biệt lập.

Giátty vẫn giữ một thái độ cứng rắn, nhất là sau khi xảy ra vụ bạo động ở Đầm. Một biến cố tiếp theo đã để lại nhiều tai họa cho khu biệt lập, khi tên Bốn không chịu được gian khổ, nhảy ra hàng giặc. Bốn tố giác các hoạt động của tù nhân, chỉ hầm tài liệu, hẩn khai cả con đường liên lạc, tiếp tế giữa khu biệt lập và Nhà bếp qua cửa sổ phía tường sau. Bọn thống trị đã bố trí phục kích, bắt được anh Lực trong phiên liên lạc chui qua cửa sổ ra sân sau nhận đồ tiếp tế. Anh Lực phải vào xà lim, mây ô cửa sổ phía sau các Khám 8-9-10 Banh II đều bị chúng bịt bằng lưới sắt. Sân chơi và giếng nước cũng bị kiểm soát, không cho các sở ngoài tiếp tế rau xanh. Địch cấm luôn việc nhận bưu kiện, triệt hết mọi nguồn sống, buộc người tù phải đầu hàng. Người ốm chúng cũng không cho ăn cháo. Anh em phải nghiền cơm, trộn nước vào lon, đóng đinh treo lên tường rồi chụm lửa bằng cọng chổi, giẻ rách để nấu cháo cho bệnh nhân.

Sau khi đã triệt mọi đường tiếp tế, tên Bốn còn bày mưu cho nhà tù khống chế tù nhân khu biệt lập, làm suy kiệt sức khoẻ bằng cách cho ăn thật đói. Tình thế ấy đã buộc tù nhân khu biệt lập đi đến một quyết định là phải đấu tranh một mất một còn với bọn chúa ngục để cứu lấy mạng sống của mình. Cuộc đấu tranh được chia làm 2 giai đoạn.

Giai đoạn 1, đại diện tù nhân đã trực diện đưa đơn yêu cầu Giám đốc nói rộng chế độ biệt lập, cho ăn uống đầy đủ, cho nhận thư từ, sách báo và

thuốc men tiếp tế, người ốm được ra bệnh xá chữa bệnh, bệnh nặng được về Sài Gòn điều trị, được tăng giờ ra chơi, được trồng rau cải thiện... Đào ủy chỉ đạo bộ phận ở Nhà Thương tích cực tác động để tranh thủ sự ủng hộ của bác sĩ. Trong lúc đại diện đưa đơn đòi hỏi thì Ban chấp hành chuẩn bị đầy đủ tinh thần và lực lượng cho giai đoạn 2 là tuyệt thực tranh đấu.

Ban chấp hành khu biệt lập phát động tinh thần quyết tử hy sinh tranh đấu đến thắng lợi, đồng thời cho phép ai ốm yếu không chịu đựng được thì cho xin phép ra trước. Một người xin ra, được Ban chấp hành khu đồng ý, còn trên 200 tù nhân quyết tử đấu tranh. Nguyễn Trí Tuệ và Hoàng Phúc tổ chức lực lượng an ninh, chuẩn bị vũ khí, lập phương án bảo vệ những người già yếu khi địch khủng bố và trấn áp những phần tử phản bội nhảy ra hàng giặc, phá cuộc đấu tranh. Nguyễn Trí Tuệ đã đọc lời hiệu triệu và kỷ luật cuộc đấu tranh.

Khu biệt lập đã đi những bước cuối cùng của giai đoạn 1 và chuẩn bị bước vào giai đoạn 2, tuyệt thực tranh đấu thì nhà tù bắt đầu nhượng bộ. Đầu tiên chúng chấp nhận cho trồng rau trong khu vực sân chơi, cho lãnh đầy đủ thuốc men gia đình gửi mà lâu nay chúng vẫn giữ, cho Số bệnh nặng được ra điều trị ở bệnh xá. Thắng lợi này có sự tác động tích cực của bác sĩ Đờ Rôdie.

Khu biệt lập tổ chức trồng rau. Giờ ra chơi anh em cạy hết gạch đá trong sân, sàng lấy đất cát vun thành luống. Hạt rau giống do các sở gửi đến và gia đình gửi ra. Hai kỹ sư nông học Trịnh Văn Hà và Lưu Văn Lê là kỹ thuật viên tổ chức cho anh em chăm sóc một cách bài bản nên rau rất tốt. Anh My cũng góp thêm kinh nghiệm làm cho một góc vườn rau tốt hẳn lên.

Giữa năm 1953, chúa ngục bắt đầu giải tỏa khu biệt lập. Chúng chọn ra khoảng 40 người thuộc đối tượng cầm đầu, đưa vào Khám 5 Banh II giam giữ với chế độ nói hơn trước. Số còn lại lần lượt cho ra các sở ngoài. Chế độ biệt lập coi như đã kết thúc sau gần 3 năm đen tối.

Chế độ biệt lập là hình phạt cao nhất trong quy chế nhà tù của thực dân Pháp. Nếu tính cả khu cấm cố ở Khám 6 Banh I (từ cuối 1948 đến đầu 1951) thì tổng cộng là 6 năm, thực dân Pháp đã áp dụng chế độ cấm cô -

biệt lập ở nhà tù này. Nhưng sự đày ải, khủng bố chỉ chất chồng thêm tội ác của chúng đối với những người kháng chiến. Trong đau thương và chết chóc, người tù đoàn kết thương nhau hơn. Với khẩu hiệu hành động khẩn thiết “Hãy cứu các đồng chí chúng ta trong biệt lập”, Đảo ủy là Liên đoàn tù nhân huy động đến mức cao nhất sự chăm sóc và cơ sở vật chất tiếp tế cho khu biệt lập.

Tù nhân khu biệt lập cũng tự cứu mình bằng cách tổ chức khoa học và chặt chẽ, bằng một tinh thần cộng sản rất cao: vì tập thể, vì mọi người. Khi cần, họ có thể kết thành một khối, đấu tranh một mất, một còn với địch. Ai đã trải qua khu biệt lập đều được học tập, rèn luyện và trưởng thành nhiều mặt.

Gần bốn mươi năm sau, một tù nhân đã ghi nhận dấu ấn về thời gian ở biệt lập đối với bản thân cũng như các bạn tù: “Khu biệt lập đã gây cho anh em một ý thức về nếp sống xã hội cao, một lễ lối sinh hoạt và lãnh đạo dân chủ nhân dân, rèn luyện cho cán bộ phong cách quần chúng hóa, đào luyện cho anh em tinh thần tổ chức kỷ luật nghiêm. Những người tù kháng chiến ở biệt lập đều được đào tạo một cách toàn diện và sau khi được tự do hầu hết đều trở thành những cán bộ có năng lực và tốt của cách mạng”².

Tích cực công kích địch

Chuyến tù binh ra đảo ngày 30-6-1953 gồm 25 sĩ quan từ cấp đại đội đến Tư lệnh mặt trận. Đó là nguồn bổ sung lực lượng lãnh đạo cho Đảng bộ nhà tù Côn Đảo. Đảo ủy đã cử Lê Đình Thụy, Bí thư Banh III và Nguyễn Văn Nghĩ, Đảo ủy viên ở Banh III liên hệ trao đổi tình hình. Nguyễn Văn Thi (Khu ủy viên Sài Gòn - Gia Định), Vũ Hồng Vũ (Tỉnh ủy viên Hải Dương), Vũ Hạnh và Lý Thái Học (Đảng ủy Trung đoàn) giúp Đảo ủy tiến hành công tác xây dựng Đảng và xây dựng phương hướng đấu tranh mới. Các anh đã thẳng thắn thảo luận với Đảo ủy, đánh giá rõ tình hình địch ta tại Côn Đảo, xác định vị trí, nhiệm vụ của những người tù kháng chiến và chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ mới. Nhiều vấn đề tư tưởng như quan niệm về tù kháng chiến, về sự lãnh đạo của Đảng trong tù, về các hình thức đấu tranh trong tù mà trước đây Đảng bộ chưa có điều kiện giải quyết triệt để, nay cũng được tranh luận sáng tỏ.

Tù binh, tù chiến tranh là vấn đề lớn của mỗi cuộc chiến tranh. Buổi đầu kháng chiến, gậy tầm vông, vũ khí thô sơ, lựu đạn tự chế tạo của một dân tộc dám xả thân vì độc lập tự do để chống lại đại bác, xe tăng, máy bay, tàu chiến của quân viễn chinh thiện chiến; trong tương quan lực lượng như vậy, không ít người đã bị sa vào tay giặc. Cũng không ít các chiến sĩ hoạt động trong vùng địch như công an, quân báo, tình báo, trinh sát, tự vệ thành, dân quân du kích, cán bộ cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng bị giặc cầm tù. Họ đã kiên cường chịu đựng nhiều cực hình tra tấn; từng trải qua nhiều nhà tù đế quốc và bị địch thanh lọc đày ra Côn Đảo. Phần lớn, họ là những chiến sĩ ưu tú của cuộc kháng chiến ở ngay trong nhà tù này.

Nhà tù là một mặt trận, tù nhân là những chiến sĩ đối mặt kẻ thù ngay trong lòng địch. Nhiệm vụ của những người cộng sản trong tù là phải tổ chức tù nhân thành một lực lượng kháng chiến ngay giữa sào huyệt kẻ thù. Phải liên tục công kích địch, phá hoại cơ sở vật chất của địch, tuyên truyền

giác ngộ binh lính địch, làm suy yếu hậu phương địch, gây rối loạn hàng ngũ địch, tạo điều kiện cho các chiến trường giành thắng lợi.

Về phương pháp đấu tranh, phải sử dụng mọi hình thức, từ đấu tranh dân sinh dân chủ, đòi quyền sống, đòi giảm nhẹ khổ sai theo khuôn khổ quy chế nhà tù, cho đến mức đòi thực hiện chế độ tù binh, tù chính trị theo công ước quốc tế. Phải liên tục đấu tranh, yêu sách từ thấp đến cao để rèn luyện lực lượng tù nhân kháng chiến và đẩy kẻ địch vào thế bị động đối phó, nhưng mục tiêu cao nhất là phải tự giải phóng cho mình, nếu cần sẽ sử dụng đến bạo lực cách mạng. Đó chính là tư tưởng chiến lược tiến công mà Đảng Đảo ủy Côn Đảo quán triệt bằng khẩu hiệu: tích cực công kích địch.

Ở Côn Đảo, lực lượng tù kháng chiến, về số lượng và tinh thần chiến đấu có thể áp đảo bộ máy cai trị tù; về trình độ tổ chức và tác chiến thì không thua kém địch. Trong những thời gian và hoàn cảnh nhất định thì lực lượng tù nhân bị chia cắt và khống chế trong vòng xiềng xích, nhưng khi đi làm khổ sai thì tù nhân có mặt ở khắp nơi, kể cả ở nhà riêng, bàn giấy, kho tàng, trại lính, căn cứ xung yếu của chúng. Đó là cái thế “con dao kề cổ địch” mà không dễ gì có được ở các mặt trận khác. Thế và lực đó đặt ra nhiệm vụ cho người chiến sĩ trong tù là phải biết là sử dụng con dao cho đúng lúc để tiêu diệt kẻ thù, tự giải phóng mình.

Đảo ủy quyết định tiến hành một cuộc chỉnh huấn chính trị trên toàn đảo nhằm xây dựng lập trường, quan điểm và ý chí chiến đấu của khối tù kháng chiến theo đường lối của Đảng, kể cả đảng viên và quần chúng, không trừ một người nào. Trại tù binh được chọn làm thí điểm, lực lượng xung kích để thực hiện mọi nhiệm vụ của Đảng bộ.

Một số cán bộ cấp đại đội và tiểu đoàn đã tham gia chỉnh huấn ở đất liền được trưng tập vào việc biên soạn tài liệu cho cuộc chỉnh huấn. Phục vụ nhân dân là tài liệu học tập chính, chỉ rõ phẩm chất cơ bản của người chiến sĩ, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Tài liệu mang tính chất lý luận, củng cố quan điểm, lập trường cho các chiến sĩ cách mạng, giáo dục cho người chiến sĩ lòng trung thành với Tổ quốc và tinh thần phục vụ nhân dân vô điều kiện.

Tài liệu thứ 2 mang tính chất thực tiễn là những bệnh trạng chính, tổng kết các căn bệnh phổ biến lúc đó. Mỗi căn bệnh đều nêu rõ hiện tượng, tác hại, nguyên nhân và cách sửa chữa. Bên cạnh phần lý luận và tổng kết chung, tài liệu chính huấn còn liên hệ đến thực tiễn của nhà tù Côn Đảo, tập trung vào một số vấn đề lớn như:

- Nhà tù và người tù trong chiến tranh là một thực tiễn phổ biến mang tính quy luật.
- Những âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp đối với tù kháng chiến.
- Vị trí của lực lượng tù nhân trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ.
- Tính tổ chức và những nguyên tắc hoạt động của người chiến sĩ cách mạng trong tù...

Ngày 19-8-1953, trại tù binh (Banh III) khai mạc đợt chính huấn, kết hợp phát động đợt thi đua lần thứ 2, học tập tài liệu Phục vụ nhân dân. Phần lý luận được học một tháng, sau đó chuyển sang phần tỉnh, từ 20-9-1953 đến 23-10-1953 thì tổng kết.

Trong những ngày chính huấn, tất cả các công tác thông tin, văn nghệ, thi đua đều phục vụ cho chính huấn. Ban xã hội toàn trại tích cực cải thiện sinh hoạt để anh em có sức khỏe học tập. Ngày làm khổ sai đi gọn theo từng phòng để tiện trong việc mạn đàm. Chi ủy phân công người phụ trách hướng dẫn học tập, theo dõi thi đua. Buổi trưa các tổ mạn đàm 15 phút ở tổ. Buổi tối kiểm điểm tổ tâm giao (tô 3 người), sau đó tiếp tục học tập ở từng toán cho đến 11 giờ đêm mới nghỉ. Tối thứ bảy sơ kết tình hình học tập trong tuần và xem văn nghệ.

Trước ngày chuyển sang phần tỉnh, trại tù binh tổ chức một ngày “cắm thù”. Hôm ấy không ai nói cười. Tất cả các gương mặt đều đăm chiêu nghĩ về tội ác của thực dân Pháp. Bầu không khí dường như chết lặng. Khi chuyển sang phần tỉnh thì anh em phát bệnh rất nhiều. Ban xã hội phải nấu mỗi ngày 8 vạc cháo vì rất ít người ăn được cơm. Nhiều anh em khóc nức nở trước đồng đội khi nghĩ về những sai lầm, khuyết điểm của mình.

Tối 23-10-1953, trại tù binh tổng kết đợt chỉnh huấn. Các phòng đều làm lễ, phát phần thưởng cho các chiến sĩ chỉnh huấn, chiến sĩ học tập, chiến sĩ phản tỉnh và hướng dẫn viên điển hình. Anh em ca hát và biểu diễn các điệu vũ: Con chim vàng, Vào Đông Khê, Nông lúc vũ, Quân chiến vũ... Điệu Quân chiến vũ được cải biên từ những bài tập chiến thuật, võ thuật để che mắt địch, hợp pháp hóa việc tập quân sự dưới hình thức văn nghệ trong tù, có động tác “Tiến - Tiến - Tiến”, cầm súng xông lên chia thẳng vào mặt quân thù làm anh em rất thích thú.

Tháng 11 năm 1953, cuộc chỉnh huấn chuyển sang Banh I và Banh II (tù án). Khi lực lượng tù binh chỉnh huấn thì tù án đã tiến hành thông tin, tuyên truyền và sắp xếp lại tổ chức. Rút kinh nghiệm đợt chỉnh huấn của tù binh, tù án thực hiện phương pháp học tập theo các bước:

- Tập trung nghe giảng.
- Đào sâu suy nghĩ.
- Mạn đàm ngoại khóa.
- Thảo luận thắc mắc.
- Giải đáp thắc mắc.

Các khám tù khổ sai học trong một tuần. Buổi tối lên lớp thảo luận. Ngày đi làm thì đào sâu suy nghĩ và mạn đàm với nhau. Khu biệt lập (Khám 8-9-10, Banh II) có điều kiện học kỹ hơn (cả ngày), thời gian dài hơn (2 tuần). Những ai đã từng tham gia đợt chỉnh huấn ấy đều xác nhận rằng, trong đời mình, chưa có lần nào có được tinh thần phê bình và tự phê bình một cách sâu sắc và chân thành như lần chỉnh huấn chính trị tại Côn Đảo.

Những anh em làm công tác văn nghệ cũng được tham dự một cuộc chỉnh huấn văn nghệ. Anh em được học tập các vấn đề về lịch sử văn học, thể loại văn học, phương pháp sáng tác, quan điểm sáng tác. Các nguyên tắc dân tộc - đại chúng và khoa học của nền văn học mới được quán triệt sâu sắc. Chuyên đề “lịch sử văn học” đã giới thiệu khái quát nền văn hóa nước nhà qua các giai đoạn phát triển từ văn hóa phong kiến đến trào lưu văn học lãng mạn rồi văn học hiện thực cách mạng. Chuyên đề “thể loại

văn học” đi sâu vào thơ ca là loại hình phổ biến nhất trong quần chúng và trong tù.

Đợt chỉnh huấn văn nghệ đã tạo ra một bước chuyển biến mới trong phong trào văn nghệ ở Côn Đảo. Da đen đứng dậy (Dehout Le Noir) và Nhân dân miền Nam kính yêu Bác Hồ Chí Minh là hai bài hát được sáng tác sau đợt chỉnh huấn văn nghệ, có tác dụng rất lớn trong công tác địch vận và đoàn kết khối tù kháng chiến, thôi thúc họ bước vào giai đoạn đấu tranh quyết liệt sắp diễn ra. Các bài hát Không đi lính; Không hiến máu cũng góp phần tích cực hưởng ứng cuộc vận động của Đảo ủy chống chủ trương của địch bắt tù nhân đi lính cho Bảo Đại và lấy máu tù nhân tiếp cho thương binh chúng. Hàng trăm bài thơ, hàng chục bản nhạc còn lưu lại được đến ngày nay là một di sản quý góp vào kho tàng văn học của dân tộc ta trong giai đoạn 9 năm chống Pháp.

Trong thời điểm ấy, chỉnh huấn chính trị cũng như chỉnh huấn văn nghệ không tránh khỏi sự ấu trĩ đương thời. Song, thành quả của cuộc chỉnh huấn lúc ấy là rất lớn, là cơ bản. Là cuộc vận động chính trị - tư tưởng sâu sắc của những người tù kháng chiến, đợt chỉnh huấn này giúp họ nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ dân tộc, tiến công vào những tư tưởng cá nhân, cơ hội, cầu an, quan liêu, địa vị, nhằm gột sạch những thói hư tật xấu, để rồi sau đó họ thanh thản, phấn khởi, hăng say bước vào cuộc chiến đấu một mất một còn với thực dân Pháp xâm lược.

Sau khi tổng kết đợt chỉnh huấn ở trại tù binh, Đảo ủy chỉ đạo cuộc đấu tranh đòi thực hiện chế độ tù binh và cải thiện chế độ lao tù, với các yêu sách:

- Xóa bỏ chế độ tù án, không thừa nhận các bản án mà thực dân Pháp đã xử, công nhận tất cả là tù chiến tranh. Thực hiện chế độ tù binh, tù chiến tranh theo Công ước Giơnevơ 1949.
- Không được cho tù ăn gạo mục, ăn thịt bần chải (thịt lợn không cạo lông).
- Phải cung cấp rau tươi, đủ tiêu chuẩn ăn bất kỳ trong hoàn cảnh nào.

- Không được bắt làm khổ sai nặng nhọc.
- Không được cùm xiềng đánh đập, phạt xà lim.
- Bỏ quần áo tù, phát quần áo nhà binh.
- Được nhận hàng tiếp tế một cách đầy đủ, gồm cả sách báo, giấy bút, thuốc chữa bệnh...
- Cung cấp thông tin, báo chí theo yêu cầu.
- Người ốm phải được chữa bệnh, bệnh nặng phải đưa về Sài Gòn chữa, người già yếu quá tuổi, người mang bệnh thần kinh, bệnh truyền nhiễm, thương tật nặng phải được phóng thích.
- Người tù tự quản trong trại, người Pháp chỉ ở ngoài trại, khi cần phải đi làm khổ sai việc gì, thì đại diện tù nhân tự phân bổ.

Đào ủy chỉ đạo giới hạn cuộc đấu tranh trong phạm vi Trại tù binh nhằm khảo sát thực tế kết quả xây dựng lực lượng của ta và thăm dò phản ứng của địch. Yêu sách đòi xóa bỏ chế độ tù án, chuyển tất cả thành tù chiến tranh (prisonier de guerre) là nấc thang cao nhất trong việc thăm dò phản ứng của địch.

Trong thời gian tù binh đấu tranh thì tù án tiếp tục chỉnh huấn, củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, làm tốt công tác binh vận, địch vận, giữ vững thông tin liên lạc, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh. Hình thức đấu tranh là đưa yêu sách đòi thực hiện chế độ tù binh theo Công ước quốc tế. Nếu không giải quyết yêu sách thì đình công, không một ai đi làm. Khối tù binh tổ chức học thuộc nội dung Công ước Gionevơ 1949 về chế độ tù binh từ điều 21 đến 25 để đấu lý với địch.

Ngày 3-11-1953, đại diện tù nhân đưa yêu sách đấu tranh. Các khám đều tuyên bố đình công không đi làm. Địch đối phó bằng cách không làm thì không cho ăn. Giám đốc Błăng 1 báo động toàn trại lính, cho bố phòng chặt chẽ tại Banh III và cho lính vào cướp hết tư trang, lương thực dự trữ của tù nhân, lục tìm vũ khí. Tù nhân hò la phản đối và kêu gọi binh lính người Phi giữ thái độ trung lập, không đàn áp tù nhân.

Ngày 8-11-1953, địch chuyển tất cả sĩ quan khám 8. Tổng đại diện Trại tù binh tên là Nam bị bắt, Nam không chịu được đòn, nhảy ra hàng giặc, chỉ cho chúng khi hầm bí mật ở bếp banh III, lấy đi 4 thùng tài liệu. Trong tình hình đó, Đảo ủy chỉ định Hoàng Văn Bảo làm tổng đại diện 2, duy trì cuộc đấu tranh đến thắng lợi.

Ngày hôm sau, trại tù binh tiếp tục đưa yêu sách như một tối hậu thư. Đại diện tù nhân tuyên bố, nếu nhà tù không giải quyết, họ sẽ gửi kiến nghị đến ông Đuyarăng (Durand) đại diện hội Hồng thập tự quốc tế. Giám đốc nhà tù trả lời bằng cách đưa 2 trung đội lính Âu - Phi vào đàn áp, bắt trên 80 tù nhân trung kiên do tên Nam tố giác đưa sang khu biệt lập Banh III mà tù nhân quen gọi là Chuồng Cọp Pháp, nơi có xà lim xây bằng đá, tường dày, mái cao, trên có dàn song sắt và hành lang cho lính đi tuần. Đây là lớp tù nhân đầu tiên bị giam ở Chuồng Cọp này.

Bị biệt giam, ngăn cách và không chế, thông tin liên lạc bị ách tắc, cuộc đấu tranh coi như kết thúc. Trong khi đó, chúa đảo nhận được chỉ thị từ Sài Gòn hướng dẫn việc giải quyết yêu sách đấu tranh. Tù binh được ăn thịt lợn, mỗi tuần 2 lần, được đọc thường xuyên một số tờ báo như Paris Match, Caravelle, Thần Chung; được nhận đồ tiếp tế; được cấp quần áo nhà binh; được cung cấp gạo trắng, bắp cải, rau xanh từ Sài Gòn chở ra; được khám bệnh và chữa bệnh; những người bị bệnh nặng được đưa về Sài Gòn chữa; thương bệnh binh nặng được trả tự do.

1. Thiếu tá Aloise Blanck nhận Giám đốc thay Giátty từ mùa hè 1953.

2. Nam nguyên là cán bộ tuyên truyền tỉnh Bắc Giang, làm Tổng đại diện từ mùa hè 1953. Hoàng Văn Báo (Bạch) làm Tổng đại diện trại tù binh một thời gian ngắn; sau đó là anh Dương Công Bình, rồi đến anh Phụng (Kim Tân). Anh Vũ Hạnh là đại diện tranh đấu của Đảo ủy khi cần thiết. Ở khối tù án, anh Trịnh Văn Hà vẫn là đại diện.

Kiểm điểm lại một tuần lễ đình công tranh đấu, Đảo ủy nhận định tinh thần và lực lượng tù nhân đã mạnh mẽ hơn trước. Địch phản ứng nhưng có

mức độ. Đảo ủy tiếp tục phát động tinh thần tranh đấu từ thấp đến cao, với các yêu sách nhỏ đến lớn.

Các sở tù án cũng tích cực đấu tranh chống khổ sai. Hình thức đấu tranh được vận dụng linh hoạt. Tùy tình hình, chọn hình thức đấu tranh cho phù hợp. Có khi trực diện yêu sách, có khi đưa đơn, kiến nghị tập thể; địch không giải quyết thì có thể đình công tuyệt thực. Hình thức phổ biến lần này là lãn công phá hoại.

Thực hiện chỉ thị của Đảo ủy, tù nhân Sở Lưới đã phá hỏng chiếc xà lan gỗ. Phương tiện vận chuyển vào Cầu Tàu chỉ còn một chiếc sà lan sắt, trọng tải 40 tấn. Nhiều thuyền trưởng chờ hàng ra đảo đã phàn nàn là việc bốc dỡ quá chậm. Giám đốc nhà tù phải gửi công văn để xin thêm 2 chiếc sà lan sắt.

Sở Cũi và Sở Lò Vôì cũng liên tục đấu tranh đòi hạ mức khổ sai, lãn công phá hoại làm cho vôì ra lò ít, không đủ cung cấp cho việc xây dựng. Gỗ làm nhà tù phải chở từ đất liền ra, vì gỗ ở Côn Đảo không đủ quy cách. Sẵn gỗ, kíp thợ mộc cắt vụn ra đóng đồ cho xếp banh, đội, quản... theo yêu cầu của chúng. Kíp Chi Tồn don hàng thì làm rơi, làm vỡ, quăng cả xi măng, gạch, ngói xuống biển.

Phá hoại cơ sở vật chất, làm suy yếu bộ máy, phương tiện chiến tranh của địch bao giờ cũng là tư tưởng thường trực của những người kháng chiến. Năm 1951, kíp tù binh tu sửa Banh III đã đập vỡ ngói, cắt vụn gỗ làm tổn hao nhiều vật liệu và trì trệ việc tu sửa. Kíp làm đường ở Đầm thì để nước lũ cuốn trôi chiếc cầu trên đường ra Đầm bằng cách đổ một lớp móng cầu bằng toàn cát và sỏi.

Đầu năm 1953, trong một báo cáo gửi Thống đốc Nam Kỳ, chúa đảo đã báo động về tình trạng nhà cửa ở Côn Đảo: “Tất cả đều trong tình trạng hư hỏng (...) Nếu con số phạm nhân phải giam giữ tại Côn Đảo vượt qua 2.100 thì phải xây dựng lại Banh 111 và trừ bức tường ngoài còn dùng được, còn thì phải xây dựng mới hoàn toàn (...). Nếu như Banh III ấy được xây dựng lại thì địa điểm phải dời sang chỗ khác. Nhà banh này trước kia được xây dựng tại một nơi. không đủ điều kiện vệ sinh; trong mùa mưa, từ tháng 5

đến tháng 11, sân của nhà banh biến thành một cái ao rộng và có lẽ đây là một trong những nơi duy nhất mà nước không được trong sạch, chỉ gọi là dùng tạm được cho tắm rửa!\

Mấy chuyến tù liên tiếp ra trong sáu tháng đầu năm 1953 đã nâng số tù Côn Đảo lên quá 2.300. Thực dân Pháp cấp tốc chở vật liệu ra và sử dụng lực lượng tù binh làm nhân công xây dựng nhà banh số 4, chuẩn bị chỗ để đưa thêm 500 tù binh ra Côn Đảo.

Đảng ủy trại tù binh thảo luận, có nhiều ý kiến chống việc xây dựng nhà banh số 4. Tù nhân không bao giờ lại xây nhà tù để giam mình. Song có ý kiến lại cho rằng nếu tù binh không xây thì địch sẽ lấy tù án, tù thường phạm, hoặc đưa thợ ở đất liền ra xây. Chi bằng ta cứ làm và chống bằng hình thức lãn công, phá hoại. Đảo ủy chấp thuận và chỉ thị cho Chi ủy Banh III và Liên khu tù binh phá hoại thật nhiều nguyên vật liệu, lãn công, làm chậm đến mức tối đa việc xây dựng Banh IV. Các sở tù khác cũng nhận được chỉ thị lãn công, phá hoại việc xây lao.

Kíp thợ hồ trộn thật nhiều xi măng vào vữa, trộn nhiều vữa vào buổi chiều để hết giờ làm là đổ bỏ. Kíp thợ mộc thì cắt vụn những thanh gỗ dài dùng làm vì kèo, xà nhà để chèn chống. Kíp vận chuyển đập phá vật liệu. Có lần anh em còn làm kênh mái tôn trước cơn mưa để nước vào làm hỏng hàng chục tấn xi măng tại kho dã chiến ở công trường xây dựng Banh IV. Các loại đinh 20cm được chuyển cho bộ phận tạo tác để rèn dao găm, đục, chòong, búa chờ ngày phá ngục. Anh em còn xây những đoạn tường rỗng, cột rỗng ở những góc khuất trong khám để tù nhân lớp sau sử dụng làm hầm bí mật.

Có kíp tù đề ra những chỉ tiêu cụ thể, tối thiểu mỗi ngày mỗi người phải đập bể 3 viên gạch, 3 viên ngói, đổ bỏ 3 xẻng xi măng. Buổi tối về các tổ tâm giao đều kiểm điểm công tác thi đua theo chỉ tiêu phá hoại. Ai xây ít thì biểu dương, ai xây nhiều thì phê phán. Kíp tù binh làm tốt công tác Âu Phi vận nên bọn lính dễ dãi. vắng xếp banh là chúng mặc cho tù muốn nghỉ, muốn mạn đàm chính trị hay tập võ thuật cũng được.

Tên chủ thầu xây Banh IV biết tù nhân tổ chức phá hoại. Hấn thương lượng với đại diện tù nhân, nếu Liên đoàn cho anh em làm cẩn thận, đừng phá hoại thì y sẽ nói với Giám đốc cải thiện đời sống, cho ăn thêm thịt cá. Giám đốc nhà tù thì dọa dẫm anh Phan Cơ, đại diện kíp tù binh rằng: “Anh nói lại với Ban chấp hành các anh là phá ít thôi, lãn công ít thôi, cứ làm như thế này thì tôi mất đầu mà các anh cũng chẳng được yên đâu”.

Anh Độ, đại diện một kíp bị phạt xà lim 3 tháng vì phá hoại quá nhiều. Các anh Phạm Văn Dần, Đinh Đăng Đỗ ở kíp Hoàng Sâm dọn tàu cũng bị đánh chết đi sống lại nhiều lần vì phá hoại. Nhưng sự đàn áp, dọa dẫm và thương lượng của chúng không kết quả. Trong 2 năm 1953-1954, có thời kỳ mỗi tuần có 2 chuyến tàu chở vật liệu ra đảo, mỗi ngày có hàng trăm lao động khổ sai mà cho đến tháng 8-1954 (khi trao trả), cả khu Banh IV chỉ được mấy bức tường xây nham nhở và những đống gạch ngói vụn.

Trong thời kỳ này, Liên khu tù binh còn nhiều hình thức đấu tranh nhằm tiêu hao cơ sở vật chất của địch. Căn cứ vào Công ước quốc tế về vấn đề tù binh, anh em đấu tranh đòi có báo đọc hằng ngày, được phát quần áo, giày mũ nhà binh, đòi được ăn uống đối xử đúng chế độ. Địch phải nhượng bộ, đưa một số báo tiếng Pháp và những tờ báo phản động ở Sài Gòn cho đọc. Báo chí của địch chỉ có bộ phận tuyên truyền được đọc, chọn lọc tin tức rồi biên soạn bản tin nội bộ để phổ biến, còn lại giao cho Ban xã hội cắt nhỏ, chia đều cho các khám dùng vào việc vệ sinh. Quần áo chúng phát, anh em cắt để dành cho những chuyến vượt ngục.

Một số kíp tù khổ sai của tù án có điều kiện vẫn tiếp tục vượt ngục. Tháng 2 năm 1953, Huỳnh Văn Sang và Trần Nhị liên kết với 3 nhân viên Rờsec người Miên là-Danh Căn, Danh Chấn và Trao Diên vượt ngục thành công. Giữa mùa hè 1953 gió chướng đã lặng hẳn, nhà tù đưa hơn 60 tù nhân ở Khám 4 và Khám 5 Banh I sang Bảy Cạnh kéo gỗ. Bốn anh Thanh, Hơn, Nguyễn Đức Triêm, Phan Văn Giàu được giao nhiệm vụ đóng thuyền, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các anh Lê Thành Tích (Đảo ủy viên), Trần Văn Đĩnh, Đỗ Văn Đích (chi ủy viên), trong kíp kéo cây. Buổi tối gác dang Obênăng em¹ và lính lên ngọn đèn pha trên đỉnh núi ngủ. Chỉ có 4 nhân

viên Rờsec người Khơme ngủ với tù nhân ở lán dưới chân núi. Khi mới đóng được một khung thuyền thì có dấu hiệu lộ. A Muội, một thiếu nữ người Hoa ở Chợ Lớn theo tốp công nhân người Hoa ra sửa chữa pha đã thông báo cho tù nhân biết rằng cô nghe được tin nhà tù cử Tư Mách cầm đầu một tốp Rờsec 3 tên, cùng 3 con chó săn sang Bảy Cạnh phối hợp với 4 Rờsec ở Bảy Cạnh truy lùng. Tư Mách là tên ác ôn rất thạo nghề truy lùng tù trốn.

Chi ủy kịp kéo gõ quyết định vận động nhóm nhân viên Rờsec ở Bảy Cạnh cùng tham gia vượt ngục. Anh Hơn với sự trợ giúp của Trần Văn Đĩnh, Phan Văn Đại đã vận động được 4 nhân viên Rờsec người Khơme tham gia vượt ngục. Họ cùng nhau chuyển khung thuyền đến một vị trí hiểm trở và kín đáo.

Phan Văn Đại cùng một số anh em tổ chức 4 đêm văn nghệ liên tục trên bãi biển để che mắt Tư Mách và tốp Rờsec mới qua. A Muội cũng hết lòng giúp đỡ tù nhân từ trang phục cho những đêm văn nghệ đến vật liệu, thực phẩm cho cuộc vượt ngục và cả việc lôi kéo Tư Mách vào tiệc nhậu suốt ngày, đánh bạc, hút xách suốt đêm, làm tiêu tan cuộc truy lùng của hắn. Anh Trần Văn Đĩnh nguyên là chiến sĩ công an Hà Nội đã tổ chức lực lượng an ninh, không chế một số tù nhân tinh thần yếu, đề phòng nhảy ra hàng giặc. Một loạt biện pháp ráo riết được áp dụng đồng bộ đã ngăn chặn được nguy cơ bị lộ.

Một đêm cuối thu 1953, 4 nhân viên Rờsec cùng 40 tù nhân kịp kéo gõ ở Bảy Cạnh đã xuống thuyền giương buồm vượt ngục. Thuyền ra khơi được 10 cây số thì nước vào nhiều, đành phải dạt vào Hòn Cau để tu sửa lại. Vừa cập bãi Hòn Cau thì sóng xô thuyền vào đá ngầm vỡ tan. Hơn bốn chục người đã sống tại Hòn Cau bằng đợt đung đỉnh, chuối, dứa, thịt vích trong khi máy bay, tàu chiến địch săn đuổi trên biển. Hai tuần sau họ lại tiếp tục hạ thủy một chiếc bè mới đóng. Gió chướng chưa nổi lên nên sáng ra họ vẫn lênh đênh cách Hòn Bảy Cạnh không xa. Địch phát hiện được và đưa tàu ra bắt lại.

Trên Hòn Cau còn lại Võ Nguyên, Nguyễn Đức Triêm và Phan Văn Giàu. Ba người này đề xuất phương án nên chia thành nhiều tốp nhỏ, tự tổ chức phương tiện vượt lè nhưng không được chấp nhận nên ba người xin phép tập thể được ở lại tìm cách đi sau. Đêm đến, 3 người ôm khúc tre khô, dìu nhau bơi trở lại hòn Bảy Cạnh để tránh cuộc truy lùng. Họ gặp được bác Tám Già, một người tù thường phạm vừa đến làm khổ sai ở Bảy Cạnh và cùng bác Tám kết bè vượt ngục lần nữa. Vải may buồm sẽ xin A Muội. Nhưng tốp truy lùng của nhà tù đã phát hiện được dấu vết đốn cây, kết bè. Bác Tám Già chỉ lối cho 3 người tù trẻ trốn đi rồi bác ở lại nhận hết, chịu đòn và chịu phạt. Nhà tù tiếp tục truy lùng và phát loa gọi hàng.

Đêm ấy “ba con rái biển” lại kèm nhau bơi về Côn Đảo, sau khi đẩy chiếc bè trôi ra biển để đánh lừa địch. Họ trốn trong hang đá trên Núi Chúa và liên hệ được với tù nhân kíp đập đá (khu Trần Phú). Kíp đập đá đã nhường cơm, sẻ áo nuôi tốp vượt ngục 3 tháng liền để chuẩn bị cuộc vượt ngục lần thứ 3.

Hàng ngày, Nguyên và Giàu may vải bọc thuyền trong hang sâu, Triêm xuống chân núi phụ in ấn tài liệu cho Đảo ủy và nhận đồ tiếp tế của kíp đập đá. Sơn vải một phần do kíp đập đá tích lũy được, phần do Trương Qua, Trần Bảo Trung, Hàn Giang Nguyên (Phồn) và nhóm tù người Hoa ủng hộ. Võ Bằng, Bí thư phân chi bộ khu Trần Phú trực tiếp liên hệ, tiếp tế và giao nhiệm vụ cho tốp vượt ngục. Đỗ Hoàng Trừ, phó bí thư Đảo ủy làm khổ sai ở Sở Cũi cũng đã gặp gỡ, chỉ đạo và giúp đỡ vật chất, phương tiện cho tốp vượt ngục. Đảo ủy đã giới thiệu Trần Văn Tường, một người tù thường phạm thạo nghề thuyền bè, sông nước cùng đi với họ.

Tường trốn lên hang núi ở một tuần rồi cùng Nguyên - Triêm - Giàu ôm vải bọc thuyền đã may sẵn và quét sơn qua mũi Lò Vôi vào đêm Nôn 24-12-1953. Ngoài tám vải bọc chiếc thuyền đủ 4 người đi mà họ ôm theo, tốp vượt ngục còn để lại 3 tấm lớn hơn mà họ may tặng lại anh em, một cho kíp đập đá, một cho nhóm người Hoa, một cho Đảo ủy.

Bốn người đã chặt mây, ghép khung thuyền tại mũi Lò Vôi và hạ thủy vào đêm 31-12-1953, lúc bọn Pháp đang say sưa đón giao thừa. Chiếc

thuyền con lướt qua vịnh Côn Đảo, qua mũi Cá Mập rồi căng buồm nhằm thẳng hướng tây. Chuyên vượt ngục ấy lạc về tận đất Xiêm. Võ Nguyên, Nguyễn Đức Triêm, Phan Văn Giàu và Trần Văn Tường lại bị nhà cầm quyền Xiêm trả họ cho chính quyền bù nhìn Nam Kỳ. Sau đó, họ được chuyển sang trại Hanh Thông Tây rồi được trao trả vào cuối năm 1954.

Đại hội Đảng bộ Côn Đảo lần thứ IV

Sau đợt chỉnh huấn, Đảo ủy nhà tù đã xét kỷ luật một số đảng viên có nhiều sai phạm, dù là sai phạm ở ngoài đời, khi bị bắt hay sa sút ý chí khi ở tù. Một số cán bộ cấp tỉnh, cấp khu có sai phạm nghiêm trọng cũng bị kỷ luật khai trừ. Án kỷ luật được xem xét một cách dân chủ nhưng nghiêm khắc. Nhiều đồng chí từng là đảng viên, chi ủy viên, phân chi ủy trong Đảng bộ cũng tự kiểm thảo, thành khẩn với những khuyết điểm của mình và xin nhận mức kỷ luật thích đáng, từ cảnh cáo cho đến khai trừ.

Đại hội Đảng bộ nhà tù Côn Đảo tiến hành vào cuối năm 1953. Nguyễn Văn Thi và Vũ Hồng Vũ góp nhiều ý kiến và soạn thảo tài liệu giúp Đảo ủy chuẩn bị Đại hội. Phần lớn việc đánh giá tình hình, xây dựng chủ trương hoạt động, soạn thảo báo cáo, in ấn tài liệu đều thực hiện ở Ban III. Nguyễn Văn Nghĩa và Lê Đình Thụ hằng ngày qua mạng lưới thông tin mà báo cáo tình hình và trao đổi với các Đảo ủy viên ở khối tù án.

Sau khi nhận được báo cáo dự thảo, các chi bộ tổ chức thảo luận, góp ý và cử đại biểu tham dự Đại hội Đảng bộ. Các đại biểu khai bệnh để được gặp nhau tại Nhà Thương Côn Đảo vào buổi sáng một ngày cuối năm 1953. Đại biểu phải thuộc lòng đề án nghị quyết và các ý kiến đóng góp của chi bộ mình. Gặp nhau chỉ trao đổi ngắn gọn điều gì nhất trí, điều gì không nhất trí, bầu người nào, không bầu người nào. Các nhóm thảo luận nhanh chóng và biểu quyết miệng ngay tại chỗ. Nhóm trưởng ráp lại với nhau một lần nữa rồi báo cáo kết quả về cho Ban chỉ đạo Đại hội.

Đại hội nhất trí với những đánh giá của Đảo ủy về tình hình địch ta ở Côn Đảo, về bước chuyển trong tư tưởng, tổ chức và hoạt động của tù kháng chiến sau đợt chỉnh huấn. Đại hội nhận định cuộc kháng chiến đang bước vào giai đoạn phản công giành thắng lợi quyết định. Để chuyển kịp với tình hình và đủ khả năng ứng phó với những tình huống phức tạp, Đảo ủy phải lãnh đạo một cách toàn diện, không chỉ trong phạm vi nhà tù mà

trên toàn địa bàn Côn Đảo. Đảo ủy phải thực hiện đầy đủ sự lãnh đạo đối với cả tù nhân các dân tộc Việt - Miên - Lào - Thái - Trung Hoa, cả số làm Rờsec và số theo Liên xã cũng như tất cả thầy chú người Việt, lính Phi, lính Pháp, gácđang. Khi có đủ điều kiện sẽ thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính để thay mặt Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến trên toàn địa bàn Côn Đảo.

Đại hội lần thứ 4 của Đảng bộ Côn Đảo còn xác định rõ nhà tù là một mặt trận trong cuộc kháng chiến, tù nhân là một lực lượng của kháng chiến. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong cuộc chiến tranh giải phóng này là dù bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh nào, đảng viên cũng phải tổ chức lại, lãnh đạo quần chúng đấu tranh với kẻ thù. Đại hội đã căn bản giải tỏa được “đám mây mù” về tư tưởng trong một số cán bộ, đảng viên lúc đó cho rằng “ở tù là có tội”, “bị Đảng bỏ rơi, không chỉ đạo mặt trận tù nhân”.

Đại hội quyết định đẩy mạnh các mặt hoạt động của tù nhân Côn Đảo, nhất là công tác thông tin liên lạc, công tác Âu - Phi vận, việc tranh đấu hàng ngày. Phải chuyển hẳn những cuộc đấu tranh theo kiểu “phản kháng thụ động” sang thế chủ động tiến công. Tích cực công kích địch, làm cho chúng đối phó không kịp, rối loạn hàng ngũ, phân tán lực lượng suy yếu dần mòn. Đại hội cũng nhận định Mỹ đã nhảy vào Đông Dương, Pháp đẩy mạnh xây dựng lực lượng ngụy quân, lực lượng cơ động chiến lược và chuyển hướng chiến lược, củng cố vùng đồng bằng Nam Bộ. Vì thế, kháng chiến có thể còn nhiều tình huống phức tạp, Đảng bộ phải chuẩn bị tích cực để đón thời cơ, tự giải phóng mình, giải phóng Côn Đảo.

Đại hội bầu Nguyễn Văn Thi làm Bí thư Đảo ủy; Đỗ hoàng Trừ là Phó bí thư, kiêm Chủ tịch Liên đoàn tù nhân kháng chiến; Vũ Hồng Vũ, Thường vụ Đảo ủy, phụ trách công tác chính trị, tư tưởng và tranh đấu, dự kiến sẽ làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo khi có điều kiện. Ban chấp hành Đảo ủy còn có: Nguyễn Văn Nghĩa phụ trách Đảng vụ; Lê Khắc Thành phụ trách chi bộ tù án ở Ban II; Trần Công

Hiệu, phụ trách chi bộ tù án ở Ban I; Hoàng Nam tức Phan Xuân Tiềm phụ trách chi bộ tù áo trắng và các sở ngoài; Lê Đình Thụ, đặc trách công

tác liên lạc giữa Đảo ủy với Thành ủy Sài Gòn - Gia Định và Trung ương Cục.

Sau nhiều đợt đấu tranh và vận động, anh Duy tức Đoàn Duy Thành bị áp-xe phối nặng, anh Trần Mạnh tức Vũ Quang Đạo bị thương hỏng một mắt khi lao động khổ sai được đưa về Sài Gòn chữa bệnh cùng một số người bệnh khác. Hai anh được giao nhiệm vụ tìm mọi cách báo cáo tình hình ở Côn Đảo với Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và Trung ương cục. Bản báo cáo do Đảo ủy soạn thảo, hai anh được học thuộc, nhập tâm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các anh Nguyễn Văn Thi, Bí thư Đảo ủy; Vũ Hồng Vũ; Thường vụ Đảo ủy và Lê Đình Thụ.

Tháng 10 năm 1953, Đoàn Duy Thành được trả tự do ở Sài Gòn. Trần Mạnh thì vượt ngục ở Nhà thương mắt. Cả hai đều lần lượt đến nhà bà Nguyễn Thị Năm ở Xóm Chiếu (quận 4, Sài Gòn) là cơ sở giao liên của Thành ủy theo mật hiệu mà anh Lê Đình Thụ giao cho. Từ đó, các anh gặp được Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, Trung ương cục và Trung ương. Ngoài việc báo cáo tình hình, các anh còn có nhiệm vụ xin ý kiến và sự chi viện của Trung ương cho kế hoạch giải thoát toàn đảo lần thứ 2 và tìm mọi cách thông tin ra đảo.

Năm kiến nghị của Đảo ủy với Trung ương đều tập trung cho kế hoạch giải thoát:

- Gửi cho xin những chính sách mới để học tập và để kịp thời phối hợp với đất liền để giải thoát (sợ lỡ thời cơ địch sẽ đem đi nơi khác xa hơn).
- Xin chỉ thị về kế hoạch xây dựng cơ sở và kế hoạch giải thoát.
- Giúp đỡ kế hoạch giải thoát (...)
- Cho xin một máy vô tuyến điện nhỏ gửi ra.
- Tháng 1, 2 sẽ tổ chức một cuộc giải thoát, đề nghị với Trung ương - phân cục miền Nam đón ở khu Bạc Liêu... 1

Ban tham mưu quân sự do anh Vũ Hạnh phụ trách giúp Đảo ủy phác thảo kế hoạch giải thoát và tổ chức đạo quân ngầm làm lực lượng xung kích tác chiến. Trước mắt, Đội quân ngầm có nhiệm vụ bảo vệ lãnh đạo; không

chế những tên phản động chưa cải tạo được; tự chế tạo vũ khí, luyện tập chiến thuật, võ thuật; vẽ bản đồ và xây dựng phương án tác chiến. Khi thời cơ cho phép, Đội quân ngầm sẽ là lực lượng xung kích đánh chiếm các vị trí quan trọng trên đảo, phối hợp với lực lượng tù kháng chiến ở các cơ sở giải thoát toàn bộ tù nhân. Hầu hết các cán bộ quân sự cấp trung đội, đại đội và tiểu đoàn đều được xung vào Đội quân ngầm. Tổ tham mưu trinh sát có các anh Văn Bằng (tổ trưởng), Ngô Đình Lại, Nguyễn Ngọc cầm, Trần Được; tổ địch vận có các anh Độ, Nghĩa, Thành, v.v... toàn đảo thực hiện nếp sống quân sự hóa, gần sinh hoạt, học tập, lao động khổ sai của từng toán (10 người, theo mâm ăn) với tiểu đội chiến đấu khi xung trận. Các tổ trưởng đảng đều trực tiếp làm toán trưởng trong sinh hoạt và làm tiểu đội trưởng khi tranh đấu. Riêng lực lượng tù án lúc đó đã tổ chức được 80 toán (tiểu đội chiến đấu). Kíp hoàng Sâm đã tổ chức được một trung đội gồm 32 cán bộ, chiến sĩ phụ trách phương án đánh chiếm tàu hàng. Trại tù binh được tổ chức thành một tiểu đoàn.

Từ kinh nghiệm cuộc bạo động 12-12-1952, lần này Đảo ủy chỉ đạo phải trang bị ngay vũ khí. Lực lượng xung kích phải được huấn luyện chu đáo, đánh nhanh, chắc thắng, không để sống địch; phải tổ chức riêng một lực lượng và phương án cướp trạm vô tuyến điện ở Cầu Tàu và đài vô tuyến điện ở Bảy Cạnh.

Những tháng cuối năm 1953, phương án võ trang cướp đảo vượt ngục được ráo riết chuẩn bị. Tổ sản xuất vũ khí rèn được hàng trăm dao găm từ đinh buloong. Tổ binh vận lấy được cả súng và lựu đạn. Tổ trinh sát lợi dụng lúc đi làm khổ sai hoặc đi lễ nhà thờ mà quan sát, vẽ bản đồ Côn Đảo, sơ đồ từng khu vực bố phòng. Lực lượng xung kích tập võ thuật, chiến thuật.

Công tác thông tin, tuyên truyền văn nghệ ở các khám tù đều hướng vào mục tiêu tự giải phóng. Mục tiêu cao nhất của đợt chỉnh huấn (cuối năm 1953 đầu 1954) cũng nhằm nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ dân tộc, đồng thời củng cố quyết tâm tự giải phóng mình và giải phóng Côn Đảo khi có thời cơ.

Trong thời kỳ này, Tổ binh vận còn mở được một lớp tập huấn luyện chiến tranh nhân dân cho binh lính người Phi. Từ môi đồng cảm giữa hai dân tộc cùng chung kế áp bức là thực dân Pháp cộng với lòng cảm phục những người tù Côn Đảo, binh lính người Phi đã thích thú tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam; về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về Đại tướng Võ Nguyên Giáp; tìm hiểu về kinh nghiệm giành chính quyền, kinh nghiệm kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Bài học về chiến tranh nhân dân được những người lính Phi đặc biệt quan tâm. Có tốp lính dẫn tù binh đi làm đã thay phiên nhau, người gác, người ngồi vây quanh nghe tù nhân giảng bài. Khi những “người thầy” này bị phạt trong biệt lập thì chính họ vừa canh gác tiếp tế, liên lạc, vừa nghe giảng qua khe cửa sắt. Sau này, khi thực dân Pháp thất bại ở Điện Biên Phủ, nhiều binh lính gốc Phi đã trở về tham gia cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập của nhân dân Angiêri. Cách mạng thành công, trở thành những người lãnh đạo Nhà nước và quân đội Angiêri, họ viết thư sang Việt Nam cảm ơn những người tù kháng chiến thời ấy đã truyền cho họ hiểu biết về sức mạnh đoàn kết của một dân tộc và kinh nghiệm về chiến tranh nhân dân để giải phóng dân tộc mình khỏi ách nô lệ.

1 Báo cáo tình hình địch, ta ở Côn Đảo. Hồ sơ lưu trữ tại Cục lưu trữ Trung ương Đảng, ký hiệu C.10Đ127-ST08-27.

Ban ngoại vận ở khối tù án trong nhiều năm đã tổ chức được những cơ sở tin cậy trong số gác ngục, công chức và gia đình họ. Vợ chồng y tá Lộc đã mua giúp radiô và đặt tại nhà mình cho anh em tù kháng chiến nghe tin tức. Cô Kim Châu, con giám thị 14 Cư thường mở radiô cho nhóm tù nhân ở Nhà Thương nghe. Các anh Lý, Huỳnh Phò cũng tổ chức nghe tin tức qua radiô ở nhà ông Trần Văn Thiều ở kho bạc và ở nhà gácđang Sami gốc Ấn Độ. Anh Minh Nam (tức Lê Xuân Cương) ở Nhà Thương là một trong những đầu mối tổng hợp tin tức cho Đảo ủy. Anh Ngô Xiêm tổ chức in tin nhanh tại Khám Chỉ Tồn Banh I. Hai em Đào Ngọc Minh và Đào Quang Cường (sau này là nhà báo Mai Lê Cường), con bà Bùi Thị Quý cũng tham

gia các việc liên lạc, canh gác, đưa tin cho Liên đoàn tù nhân. Minh còn là tổ trưởng, cùng với Pôn lét (Paullette) con giám thị Đoàn Doãn Phê (quốc tịch Pháp) tổ phó, phụ trách gần chục em thiếu nhi để giúp đỡ các chú tù kháng chiến. Đào Ngọc Minh và Đào Quang Cường sau này được Đảo ủy bố trí cho về Sài Gòn rồi đưa ra Hà Nội đào tạo thành những cán bộ khoa học kỹ thuật về phục vụ đất nước.

Tin tức chiến sự nghe được qua radiô, báo chí và do binh lính, gác ngục có cảm tình cung cấp vẫn được báo cáo về Đảo ủy hàng ngày. Được tin tình hình chiến sự đang chuyển biến mau lẹ trên các chiến trường, ở Đông Dương, Đảo ủy gấp rút chỉ đạo xây dựng lực lượng để đón thời cơ. Hàng loạt cuộc đấu tranh bằng hình thức yêu sách, kiến nghị, phản đối tập thể đã liên tiếp nổ ra, với nội dung cụ thể:

- Tăng số người khám bệnh trong ngày (để tích trữ thuốc men).
- Tăng khẩu phần ăn (để tích trữ lương thực).
- Đòi chờ nước ở Bản Chế về để ăn uống cho đảm bảo vệ sinh (qua đó liên hệ với tổ sản xuất vũ khí).
- Tăng thêm người làm vườn, trồng rau cải thiện (Kíp làm vườn là một tổ xung kích của Đội quân ngầm).
- Đòi cấp quần áo tốt (để dành bọc thuyền, làm buồm khi cần).
- Đòi cho tù đi đánh cá, bắt vích thay cho khô mực, cho tù cùng với lính lên rừng bắn trâu để bổ sung khẩu phần thịt.
- Đòi cho những người có đạo được đi lễ nhà thờ (những buổi sáng chủ nhật đi lễ nhà thờ là cơ hội để các chiến sĩ trong Đội quân ngầm quan sát các mục tiêu trong thị trấn để lập kế hoạch huấn luyện và tác chiến).

Đảo ủy còn chỉ đạo một đợt đấu tranh chống bắt lính, chống lấy máu của tù nhân.

Thực hiện kế hoạch xây dựng 20 vạn ngụy binh, bọn Pháp đã tính đến chuyện bắt lính trong tù. Sau khi cho cố vấn về công tác bình định đi thăm một loạt trại tù binh ở Nam Bộ, thiếu tá tình báo Phácxy (Farcy, Chánh văn phòng của thiếu tướng Tư lệnh lục quân Pháp tại miền Nam Việt Nam) đã

gửi văn thư 0557/ca/Mil ngày 29-12-1953 cho thiếu tá Thômát (Thomas, đặc trách công tác bên cạnh Thủ hiến Nam Việt Nam) để lưu ý việc đánh giá tù kháng chiến như sau: “(...) Trong số họ, có rất nhiều người có tư cách; vì họ đã biết phải dấn thân cho một lý tưởng mà họ tin là cao cả; những Việt Minh này một khi đã được cải tạo theo lý tưởng quốc gia, họ rất có thể trở thành những người rất hữu ích cho dân tộc Việt Nam

Văn thư còn hướng dẫn các kiểu lung lạc, bịp bợm để người tù chịu làm tay sai, cầm súng đánh thuê cho chúng. Nhiều tên nhân viên phòng nhì Pháp đã được phái đến các trại tù, cùng với đại diện của chính quyền bù nhìn tiến hành bắt lính. Chúng chọn và gọi từng người lên văn phòng đặt vấn đề, ai đồng ý, chúng sẽ trả tự do ngay và sung vào lính. Nếu là sĩ quan, chúng hứa sẽ giữ nguyên quân hàm, chức vụ trong quân đội nguy. Nhưng tất cả họ đều tẩy chay việc đi lính và hiến máu cho Pháp; thực hiện đúng khẩu hiệu của Đảo ủy đề ra là không một người đi lính, không một giọt máu cho giặc Pháp.

Trong lúc chiến dịch Điện Biên Phủ đang gần ngày thắng lợi, Đảo ủy chỉ đạo tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1954 trên toàn đảo. Tổng đại diện tù binh đã báo cho Giám đốc nhà tù biết để giữ thế hợp pháp.

Ở giữa Ban III, tù nhân dựng một quả cầu lớn, đường kính 3 mét, khung bằng tre, bồi giấy xi măng. Quả cầu có hình đôi chim bồ câu ngậm dải lụa đào trên nền bốn biển năm châu và khẩu hiệu “HÒA BÌNH THẾ GIỚI MUÔN NĂM” bằng tiếng Việt và tiếng Pháp. Đêm văn nghệ của tù binh Liên khu I có nhiều bài hát vừa sáng tác trong tù như Không đi lính, Không hiến máu, của nhạc sĩ Đẩu. Điệu múa Tam tam chế do Ban văn nghệ của Đội quân ngầm dàn dựng và biểu diễn rất đẹp mắt, thể hiện tình đoàn kết chiến đấu của người chiến sĩ quân đội nhân dân. Thực ra đó là những động tác cơ bản trong chiến thuật bộ binh do Ban tham mưu quân sự đã soạn cho anh em luyện tập với cây súng gờ.

Chiều 7-5-1954, qua radiô, Đảo ủy được tin quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ. Tối ấy các khám đều liên hoan mừng chiến thắng. Đảo ủy tiến hành lập danh sách toàn thể tù nhân, phân loại cán bộ, đảng viên, chuẩn bị

đấu tranh đòi trao trả. Phòng tuyên huấn được Đảo ủy giao nhiệm vụ biên soạn văn bản tố cáo chế độ thực dân Pháp ở Nhà tù Côn Đảo trước dư luận trong nước và quốc tế. Hàng trăm tù nhân ở các khu đã cung cấp tội ác của thực dân Pháp trong hơn 8 năm thống trị ở Côn Đảo. Phòng tuyên huấn biên soạn lại thành 2 tập: Tám năm tội ác của thực dân Pháp ở Côn Đảo và Bản án xâm lược Pháp.

Đó là tiếng nói trực tiếp của các nhân chứng đã bị hành hạ đọa đày với những chứng tích cụ thể về tội ác của bọn Pháp xâm lược. Tài liệu được chép thành nhiều bản trên các khổ giấy nhỏ phân phát cho các đoàn tù, gửi cho các phái đoàn quốc tế và sử dụng làm văn bản đấu tranh với bọn chúa ngục Côn Đảo.

Trở về thắng lợi

Ngày 12-5-1954, ta trao trả cho Pháp 858 thương binh ngay tại Mặt trận Điện Biên Phủ. Đáp lại, phía Pháp cũng trao trả cho ta 267 thương bệnh binh tại cầu Giỏ (Bắc Giang) vào ngày 16-6-1954. Nhân cuộc trao trả ấy, đại diện 2 bên đã mở đầu cuộc tiếp xúc chuẩn bị cho hội nghị quân sự 2 bên giữa Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương. Sau một số cuộc gặp gỡ, hai bên đã thỏa thuận mở hội nghị chính thức tại Trung Giã vào đầu tháng 7 năm 1954, song song với Hội nghị Giơnevơ.

Ở Côn Đảo, tất cả các lực lượng binh vận, địch vận, ngoại vận đều phát huy mọi nỗ lực giúp Đảo ủy nắm chắc diễn biến tình hình. Cuốn nhật ký nhỏ khổ 6x9, dày 50 trang của anh Trần Đông (thư ký cho Bí thư Đảo ủy từ tháng 2-1954) cho biết, tin tức đến văn phòng Đảo ủy hầu như từng ngày. Tin Liên Xô, Trung Quốc, Ấn Độ cho đến tiếng súng ở các mặt trận, đặc biệt là thỏa thuận tại Hội nghị Trung Giã và Hội nghị Giơnevơ được anh em theo dõi và ghi chép tỉ mỉ, hoặc lược thuật nội dung cơ bản. Sau đây là tin về Hội nghị Trung Giã, trích trong Nhật ký Trần Đông (nguyên bản):

"Ngày 4-7-1954, Hội nghị Trung Giã 2 bên gặp nhau thảo luận chương trình:

- Giải quyết đề nghị do Genève đưa ra.
- Ngừng bắn.
- Hoạch định phương pháp ngừng chiến, đóng quân.
- Trao đổi tù binh.
- (thiếu 2 chữ) đưa ý kiến lên Genève.

Ngày 7-7-1954, Hội nghị Trung Giã 2 bên thỏa thuận:

- Ngừng bắn toàn ĐB (Đông Dương - BT).
- Khu vực đóng quân.

– Trao đổi tù binh trao đổi thương bệnh binh 14-7 - cải thiện chế độ tù binh.

– Ngày (mờ mảy chữ) Nhật lệnh của chính phủ tự do tín ngưỡng. Chính sách đối với đồng bào công giáo. Mệnh lệnh gửi quân đội và nhân dân Việt Nam:

Ngừng bắn toàn lãnh thổ Việt Nam. Bắc Bộ 7 giờ 27-7, Trung bộ 1-8, Nam bộ 11-8.

– 3 giờ chiều 27-7, Hội nghị Trung Giã giải tán, nhường lại cho hội đồng kiểm soát (..-)"1.

Tin tức được theo dõi từng giờ nên Đảo ủy có đầy đủ cơ sở để nhận định tình hình để có cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh sắp tới. Đảo ủy nhận định rằng Hội nghị Giơnevơ có triển vọng giải quyết vấn đề Việt Nam bằng con đường hòa bình, những người bị địch bắt trong chiến tranh sẽ được trao trả cho Chính phủ kháng chiến. Điều đó là đương nhiên đối với tù binh, song lại phức tạp đối với tù án. Bọn Pháp có thể tráo trở, xem tù án là những người phạm pháp (tội hình sự) mà trao trả cho Chính phủ Bảo Đại. Mặt khác, có khả năng đế quốc Mỹ sẽ nhảy vào Việt Nam phá hoại Hiệp định, củng cố chính phủ bù nhìn, làm cho tình hình phức tạp. Vì vậy, cần phải có một cuộc đấu tranh rộng lớn để chống những âm mưu-lật lọng của thực dân Pháp và bù nhìn tay sai.

Mục tiêu chính của cuộc đấu tranh này là đòi hủy bỏ các bản án, nhìn nhận là tù chiến tranh, trao trả cho Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cơ sở pháp lý là khi Pháp đã nhìn nhận chủ quyền độc lập của dân tộc ta thì việc tòa án Pháp xét xử công dân Việt Nam trở nên bất hợp pháp, dù là án tư pháp. Trong khi chờ đợi trao trả, Pháp phải thực hiện chế độ tù chiến tranh, đối xử nhân đạo như thỏa thuận của Hội nghị Trung Giã.

Đảo ủy nhận định yêu sách này vượt qua quyền nạn của bọn cầm quyền Côn Đảo cho nên phải gạt bọn này ra khỏi mũi nhọn của cuộc đấu tranh. Nhưng mặt khác, phải làm chi chúng rối loạn hoang mang, buộc chúng phải thúc ép bọn đầu sỏ trong đất liền chóng giải quyết. Muốn vậy, phải dùng ưu

thế tuyệt đối của ta là tinh thần cứng rắn, bền bỉ để đánh vào nhược điểm của địch là vấn đề nhân công. Ta phải thống nhất lực lượng, cương quyết đình công tranh đấu. Một cuộc đấu tranh như vậy chắc chắn sẽ phải lâu dài và gay go, cần phải chuẩn bị tốt cả vật chất, tinh thần và lực lượng.

Đào ủy huy động lực lượng tranh đấu lần này gồm toàn thể tù nhân trên Côn Đảo, không phân biệt tù binh hay tù án, trong tù án cũng không phân biệt tù kháng chiến hay tù tư pháp. Đào ủy sắp xếp lại bộ máy ở các nơi, thực hiện nhất nguyên chế trong lãnh đạo. Tổng số tham gia là 2.252 người, trong đó có 593 tù binh và 1.659 tù án.

Toàn bộ yêu sách chủ yếu là cho tù án nên trại tù binh chỉ là lực lượng phối hợp. Điểm trung tâm của cuộc đấu tranh toàn đảo lần này thuộc khối tù án. Trong ba liên khu của tù án thì Đào ủy chỉ đạo điểm là Liên khu II và III (tức Banh I và Banh II), vì đó là nơi tập trung tù nhân cả về số lượng và chất lượng, đã được rèn luyện, thử thách nhiều lần về trình độ tổ chức, năng lực cán bộ và tinh thần đấu tranh. Liên khu IV (các sở ngoài) là diện phối hợp. Lực lượng đấu tranh được chia làm 2 bộ phận:

– Bộ phận đình công gồm tù nhân ở tất cả các sở huyết mạch của nhà tù như Sở Củi, Sở Lưới, Bàn Chế, Chỉ Tồn, Lò Vôi, Sở Rẫy...

– Bộ phận không đình công, chỉ đưa yêu sách, kiến nghị gồm các kíp tù làm ở Nhà bếp, Nhà Thương, công nhân tư gia, thư ký các văn phòng và một số ít tù nhân ở các sở. Bộ phận này đảm nhiệm các công tác hỏa thực, giao thông liên lạc, ngoại vận, địch vận.

1. Nguyên bản do ông Trần Đông, Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo tỉnh Hải Dương lưu giữ.

Bố trí như vậy cũng là để tránh bớt căng thẳng với bọn cầm quyền ở Côn Đảo. Trong 5 ngày cuối tháng 7- 1954, các chi bộ thuộc khối tù án đã kết nạp thêm 9 đảng viên, tăng cường lực lượng lãnh đạo cho cuộc đấu tranh quyết liệt sắp tới.

Đào ủy chỉ định các anh Trịnh Văn Hà, Lê Văn Thống (tổng đại diện và phó tổng đại diện tù án) làm chủ tịch và phó chủ tịch ủy ban tranh đấu. Các anh Nguyễn Trí Tuệ, Hoàng Phúc là trưởng và phó ban an ninh. Hiệu lệnh đấu tranh, sẽ mở đầu bằng bài hát Lên Đảng. Hiệu lệnh hiệp đồng chống khủng bố là bài Chiên sĩ ca. Nếu địch khủng bố ác liệt, sẽ hiệp đồng ở mức cao hơn, khi có hiệu lệnh bằng hát bài Tiến quân ca. toàn bộ tinh thần cơ bản của cuộc đấu tranh đã được thể hiện trong bài thơ Hồ Chí Minh của Phạm Tiệp, được Nguyễn Sáng phổ nhạc ngay trong đợt tranh đấu:

ĐI THEO HỒ CHÍ MINH

Là công dân của nước Việt Nam
Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
Nước chiến thắng đế quốc Pháp
Là công dân của nước chiến thắng
Có cha già Hồ Chí Minh
Có anh cả Trường Chinh
Có Đảng lao động Việt Nam
Tất cả một lòng - Tất cả một lòng
Dũng cảm đấu tranh - Dũng cảm đấu tranh
Quyết tử tất thắng
Đòi Pháp phải trả hết - Đòi Pháp phải trả hết
Chúng ta về với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Đêm 20-7-1954, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đã được ký kết tại Giơnevơ. Bộ phận ngoại vận chép được nội dung Hiệp định qua bản tin đọc chậm. Thường vụ Đào ủy họp bất thường để gấp rút chuẩn bị tiến hành tranh đấu. Đào ủy quyết định dành hẳn 10 ngày để chuẩn bị thật chu đáo, tập trung vào các việc sau:

Tổ chức:

– Thực hiện nhất nguyên chế

- Thành lập UBKCHC 1 Côn Đảo
- Sắp xếp hộ máy các nơi.

Tinh thần:

- Vận động giải thích cho anh em hiết sự ích lợi và cần thiết của cuộc tranh đấu.
- Đả thông mọi người những tư tưởng lệch lạc để khỏi đi sai phương châm Trường kỳ đình công.
- Giáo dục cho anh em có ý thức và tinh thần chịu đựng gian khổ, khủng bố và đàn áp.
- Đào sâu căm thù địch để anh em dứt khoát lập trường, xây dựng tinh thần chiến đấu.

Vật chất:

- Dự trữ vật chất, đề phòng địch bỏ đói, bỏ khát, cho ăn ít.
- Bồi dưỡng sức khỏe để chịu đựng.
- Chuẩn bị vật dụng chống đàn áp (đánh đập, bom cay, v.v...)2.

Ngày 25-7-1954, Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo công khai danh nghĩa, ra lời hiệu triệu, niêm yết tại nhiều nơi, tuyên bố Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo đã được thành lập, thay mặt cho Chính phủ lãnh đạo nhân dân toàn đảo tiến hành cuộc kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng, đem lại độc lập, tự do hoàn toàn cho dân tộc.

Bản hiệu triệu kêu gọi những công chức, giám thị người Việt lầm đường lạc lối hãy quay lại với nhân dân, kẻ nào ngoan cố chống lại sẽ bị trừng trị. Hiệu triệu kêu gọi binh lính, gác ngục người Pháp, người Phi hãy ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Côn Đảo chống thực dân Pháp. Hiệu triệu cổ vũ toàn thể tù nhân sát cánh chiến đấu dưới mệnh lệnh của Ủy ban cho đến thắng lợi. Vũ Hồng Vũ, Thường vụ Đảo ủy là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo đã ký tên vào Bản hiệu triệu, với bí danh Trần Quốc Minh.

Theo chủ trương của Đảo ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh với địch, đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ về vấn đề trao trả tù binh, tù chiến tranh cùng các điều khoản cam kết tại Trung Giã. Đồng thời, Ủy ban trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi xóa bỏ chế độ tù án ở Banh I và Banh II, chuyển tất cả thành tù chiến tranh, cùng trao trả với tù binh.

Trường hợp thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cấu kết với nhau, tráo trở không thi hành Hiệp định thì sẽ thực hiện phương án giải thoát, khi cần sẽ dùng đến bạo lực cách mạng, phối hợp với đất liền tổ chức cho anh em lần lượt trở về, trước khi Mỹ nhảy vào Việt Nam. Đảo ủy cử người trinh sát vùng cỏ Ông, lập căn cứ, đào hầm bí mật tích trữ vũ khí, lương thực và thuốc men. Các anh Vũ Hồng Vũ, Lê Đình Thụ, Nguyễn Ngọc Cầm đã chuẩn bị kế hoạch, khi có thời cơ sẽ trốn ra hãn ngoài căn cứ để chỉ đạo.

Đánh hơi thấy không khí chuẩn bị khác thường của tù nhân, địch sục sạo và khám xét gắt gao. Các cuộc tụ tập từ 3 người trở lên đều bị chúng giải tán, thấy dấu hiệu nghi ngờ là bắt lên Sở Cò tra tấn, khai thác. Giám đốc Côn Đảo ủy nhiệm đặc biệt cho gácđang Cácliê và thầy chú Huệ được khám xét bất thường bất cứ người tù nào đi lại trên đường.

1. Ủy ban kháng chiến hành chính.

2. Báo cáo của Đảo ủy gửi Trung ương Đảng tháng 10-1954, bản viết tay do ông Lê Khắc Thành lưu giữ, ông Doãn Chiêm (Minh Kinh) Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo thành phố Hà Nội sao lại.

Trong thời gian soát xét, địch phát hiện được tập thơ Lửa Sống do một nhóm Thiếu nhi cứu quốc¹ chuyển tay nhau xem. Đó là tập thơ chọn lọc của tù nhân, do Hội văn nghệ tù nhân Côn Đảo ấn hành. Rô lăng, con gái gácđang Đờlacóc (Delacor), bí danh là Xuân Lan, bị bắt lên Sở Cò cùng tập thơ. Rôlăng khai Pôn lét, Pôn lét khai Đào Ngọc Minh, Minh khai lượm được ở giếng nước.

Hậu quả là 7 người tù làm bồi bếp quanh khu vực giếng nước bị bắt: Huỳnh Phò (C.12170), Phạm Văn Hỷ (C.12187), Hàn Giang Nguyên (C.12720), Ngô Minh Sơn, hoàng Đình Hồ, Lê Văn Rô và Ré. Các anh bị tra tấn, trấn nước, quay điện nhiều lần nhưng không ai khai báo gì về việc tổ chức, tuyên truyền cho nhóm Thiếu nhi cứu quốc cũng như các chủ trương của Liên đoàn.

Địch tiếp tục lục soát bắt được chỉ thị, thông tri của Liên đoàn và của Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo ở khu thợ hồ và một số khu khác. Chúng cũng biết được phần nào chủ trương và sự chuẩn bị của ta, nhưng không vì thế mà ta dừng cuộc đấu tranh lại.

Ngày 30-7-1954, trung tướng Gilô (Gilót), thanh tra các trại tù binh, ra nắm tình hình tại Côn Đảo. Theo sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo, anh Vũ Hạnh đã đưa đơn tranh đấu, tố cáo sự hà khắc của chúa ngục ở Trại tù binh; đồng thời yêu cầu Bộ tổng tư lệnh Pháp can thiệp, trao trả toàn bộ tù nhân Côn Đảo về cho Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; thực hiện đúng điều 21 Hiệp định Giơnevơ và những cam kết ở Hội nghị Trung Giã về việc cải thiện chế độ tù binh, tù chiến tranh. Gilô nhận đơn và khiển trách tên quan ba bác sĩ ở đảo cùng tên quan hai Gácđét, trưởng trại tù binh.

Tối 30-7-1954, toàn đảo tổ chức lễ phát động tranh đấu, đọc mệnh lệnh của Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo. Sáng 31-7-1954, các khám tù nhất loạt đưa đơn và không ra điểm danh đi làm. Anh Trịnh Văn Hà, Tổng đại diện của tù án đã gửi hai đơn cho Bộ tư lệnh Pháp và Ủy hội quốc tế, yêu cầu xóa bỏ án tiết; nhìn nhận là tù chiến tranh; thực hiện đúng quy chế tù chiến tranh. Kèm theo đó là bức thư gửi Giám đốc Côn Đảo trình bày rõ nội dung và hình thức tranh đấu của tù nhân.

Giám đốc Côn Đảo nhận đơn. Y rất ngạc nhiên vì cho đến lúc ấy, y chưa được thông báo gì về nội dung Hội nghị Trung Giã và Hiệp định Giơnevơ. Tuy vậy, Blăng cũng trả lời tù nhân ngày trong buổi sáng ấy:

– Vấn đề chính trị phạm còn chờ cấp trên nghiên cứu giải quyết.

– Thường phạm thì không có gì thay đổi.

– Tù nhân phải tiếp tục làm việc bình thường. Hôm nay (thứ 7, ngày 31-7-1954) đã lỡ, thứ hai phải đi làm.

Ngày 2-8-1954, không một ai đi làm. Giám đốc nhà tù ra lệnh phạt tất cả theo chế độ xà lim, nghĩa là chỉ cấp 500gr gạo mỗi người, mỗi ngày, ăn cơm nhạt, uống nước lã và cấm cố, không được ra chơi tắm rửa.

Ở Sở Rẫy Chuồng Bò, chúng nhốt tới 118 người trong một khám. Tuyên bố của Blăng về số phận tù tư pháp (thường phạm) không có gì thay đổi làm cho tù tư pháp hoang mang. Trước sự dọa dẫm, cưỡng phạt của Blăng, 46 tù tư pháp ở các Sở Lò Vôi, Sở Rẫy An Hải đã nhảy ra đi làm. Địch bóp nghẹt đời sống, kiểm soát gắt gao để chặn đứng mọi thông tin. Ngày 4-8-1954, Giám đốc Côn Đảo chỉ thị cho Sở Kho Bạc lập danh sách tù nhân, phân loại tù chính trị và tù tư pháp.

Giữa lúc tù tư pháp hoang mang cao độ thì Thường vụ Đảo ủy ra chỉ thị khẳng định quyết tâm đến cùng để hủy bỏ hết án tiết, buộc địch công nhận tất cả là tù chiến tranh, nêu thêm khẩu hiệu trao trả toàn bộ tù nhân Côn Đảo về cho Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Để biểu lộ thái độ chiến thắng, hiên ngang, Tổng đại diện tù binh và Tông đại diện tù án đã gửi nhiều thư cảnh cáo Giám đốc về những hình phạt vô lý đối với tù nhân. Đồng thời gửi đơn, thư cho Ủy ban quân sự hỗn hợp, Ủy hội quốc tế và Bộ Tổng tư lệnh Pháp tố cáo những hành vi dã man của bọn cầm quyền Côn Đảo, đòi thực hiện đúng quy chế tù binh, tù chiến tranh và đòi trao trả hết cho Chính phủ Hồ Chí Minh.

Ngày 14-8-1954, tại Ủy ban liên hợp 2 bên, đại diện Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và đại diện Bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên hiệp Pháp ở Đông Dương đã ký kết quy ước phóng thích và trao trả tù binh, tù chiến tranh, nội dung chính gồm các điểm:

– Hai bên thông báo cho nhau ngay số lượng tổng quát tù binh và thường dân mà mình giam giữ.

– Người bị bắt ở chiến trường nào thì trao trả ở chiến trường đó.

– Cam kết trao cho nhau danh sách toàn bộ tù binh và thường dân mỗi bên giam giữ, chậm nhất là vào ngày 20-8-1954.

– Sau khi trao đổi danh sách, sẽ bắt đầu tiến hành trao trả.

Ngay hôm đó, Pháp thông báo cho ta biết, họ giam giữ 7.350 tù binh; 18.350 tù chính trị và tình nghi, 37.900 dân thường¹. Con số này còn quá ít so với thực tế, trong đó lại chưa nói tới số tù chính trị mà chúng giam ở Côn Đảo và Chí Hòa.

Cũng trong ngày 14-8-1954, Pháp cho máy bay thả dù xuống Côn Đảo 12 hòm lương thực, thực phẩm và một hòm văn kiện liên quan đến việc lập danh sách trao trả. Cho đến lúc ấy, Giám đốc Côn Đảo mới được biết nội dung của danh từ “câu lưu dân sự” ghi trong mục b điều 21 của Hiệp định là “tất cả những người đã tham gia bất cứ dưới hình thức nào vào cuộc đấu tranh võ trang và chính trị giữa đôi bên, và vì thế mà đã bị bên này hay bên kia bắt và giam giữ trong khi chiến tranh”. Giám đốc Côn Đảo phàn nàn rằng văn bản Hội nghị không bàn gì đến tù tư pháp mà đại diện tù nhân lại căn cứ vào Hội nghị đề đòi trao trả toàn bộ tù nhân (kể cả tù tư pháp).

Ngày 16-8-1954, Giám đốc trả lại sinh hoạt bình thường cho tù nhân sau 2 tuần phạt vô lý. Giám đốc cũng cho Sở Kho Bạc lập danh sách những người từng bị câu lưu tại các trại P.G và PIM; những người bị xử tại các tòa án Pháp, những người mà án tiết có dính dáng ít nhiều đến hoạt động của kháng chiến. Trong khi lập danh sách, Giám đốc Côn Đảo vẫn không hiểu ra thế nào là “câu lưu chính trị” (Internés politiques). Theo hẳn, chỉ có phạm nhân, tội phạm chính trị (Condamnés politiques). Sau nhiều lần điện về Sài Gòn hỏi, danh sách mới được hoàn thành.

Thời ăn cướp và kết án bậy của thực dân Pháp ở Việt Nam đã vĩnh viễn qua đi. Nhân dân Việt Nam đã nói lời cuối cùng với chủ nghĩa thực dân Pháp bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu bốn biển, bằng Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Giờ đây, những người tù Côn Đảo cũng nói lời cuối cùng với chúng bằng cuộc đấu tranh quy mô nhất trên toàn đảo để hủy bỏ những bản án phi pháp của chúng.

Ngày 20-8-1954, thực dân Pháp đưa 512 tù binh quê ở Bắc Bộ và Trung Bộ xuống tàu về trao trả tại đất liền. Đảo ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo đã giao cho đoàn tù binh 3 nhiệm vụ:

1. Trình bày về cuộc tranh đấu của tù nhân Côn Đảo với chính phủ, với Ủy hội trung lập quốc tế để yêu cầu Bộ Tổng tư lệnh Pháp gấp rút giải quyết.

2. Tố cáo những hành vi dã man của thống trị Côn Đảo để chặn đứng sự tàn bạo của chúng.

3. Vận động ủng hộ cuộc đấu tranh tại Côn Đảo.

Trước khi rời đảo, đại diện đoàn tù đã đến viếng mộ Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu, Nguyễn An Ninh và các liệt sĩ ở Nghĩa trang Hàng Dương. Đoàn tù binh mang theo toàn bộ danh sách của tù án và những người còn ở lại, chép thành nhiều bản làm cơ sở đòi chúng phải trao trả hết. Hai tài liệu Bản án xâm lược Pháp và Tám năm tội ác của Pháp tại Côn Đảo cũng được in bột thành nhiều bản đem về tố cáo². Bí thư Đảo ủy Nguyễn Văn Thi về chuyến ấy đã đem theo khóa mật mã để thông tin ra đảo qua buổi phát thanh đọc chậm của Đài tiếng nói Việt Nam và Đài phát thanh Nam Bộ.

512 tù binh trên đường về được phiên chế thành một tiểu đoàn chiến đấu. Tổ tham mưu quân sự vạch ngay một phương án cướp tàu bằng chiến thuật tay không bắt địch của đội quân ngầm, trong trường hợp địch có âm mưu thủ tiêu tù nhân. Tàu đến địa phận miền Trung vào ngày 22-8-1954. Một tù nhân cao hứng treo ngay là cờ đỏ sao vàng phía lái tàu. Tàu tuần viển Vulcain số 656 của Pháp phát hiện ra cờ Việt Minh treo trên tàu Taurus nên chúng đã dọa bắn đại bác nếu không dừng lại. Tên thuyền trưởng tàu Taurus đã dừng tàu, hạ cờ, giam tất cả tù nhân xuống hầm tàu rồi mới tiếp tục hải trình.

Ngay dưới hầm tàu, theo sự chỉ đạo của anh Hồng Vũ, Thường vụ Đảo ủy, anh Vũ Hạnh đã thảo ngay một lá đơn gửi Ủy ban quốc tế và Ủy ban liên hợp Pháp - Việt tố cáo sự dầy ải đoàn tù trên đường về; yêu cầu Ủy ban can thiệp thả ngay 81 tù binh còn bị giam ở Banh III và 1.659 tù án ở Banh

II. Đơn viết bằng tiếng Việt, kèm một bản sao bằng tiếng Pháp và một bản sao tiếng Anh. Lá đơn cùng với nhiều tài liệu tố cáo khác đã được trao cho đại diện Ủy ban liên hợp quân sự 2 bên và Ủy ban quốc tế ngay khu làm thủ tục trao trả tại Sầm Sơn (Thanh Hóa). Đoàn tù đã cởi hết quần áo nhà tù Pháp, ném trả cho chúng rồi giương cao biểu ngữ, ảnh Bác, cờ đỏ sao vàng bước lên đất liền trong sự chào đón của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

1. Lê Minh Nghĩa - Ghi lại một số điểm về những ngày tham gia cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam. Tài liệu lưu trữ của Viện Lịch sử Đảng.

2. Hai bản tài liệu này còn được lưu giữ ở Ban quản lý khu di tích lịch sử Côn Đảo.

Ở Côn Đảo, sau khi tù binh xuống tàu, trong sở tù án có người lo ngại, cho rằng lực lượng đấu tranh yếu đi, nhà tù dễ dàng đàn áp. Tù tư pháp thì tuyệt vọng vì không có khả năng được giải quyết. Ngày 21-8-1954, tàu Edinond Papin chở hàng tiếp tế đến Côn Đảo. Giám đốc đưa 70 lính và gần hai chục gácđang vào Banh II bắt tù nhân đi dọn tàu. Tù nhân Sở Lưới kiên quyết không đi. Địch bắn 18 quả lựu đạn cay, phun nước rồi xông vào đánh đập dã man. Đánh nát hết roi mây, chúng khiêng cả thùng rượu chát (đựng nước uống) quật lên đầu khối tù đang câu tay chịu đòn. Tất cả 68 tù nhân Sở Lưới đều bị thương tích, 30 người bị thương nặng, 3 người bị nguy kịch đến tính mạng.

Cũng trong cuộc đàn áp ấy, Khám 4 cũng bị bắn 4 trái lựu đạn cay. Khu biệt lập bị đàn áp nặng vì có Tổng đại diện tù án ở đó, địch xem là Khu đầu não chỉ đạo đấu tranh. Các khu ở Chi Tồn như hòang Sâm, Bắc Sơn, Lê Duẩn cũng bị đàn áp nặng để cường bức nhân công. Anh Trịnh Văn Hà đã thảo 2 văn bản số 08-NC gửi ủy hội quốc tế và số 09-NC gửi Ủy ban liên hợp Pháp - Việt tố cáo cuộc đàn áp dã man trên 7. Viên quan ba bác sĩ ở đảo cũng xác nhận là có 40 người bị thương nặng phải đưa ra nhà thương sau trận đàn áp.

Ngay trong đợt đấu tranh, Ủy ban kháng chiến hành chính Côn Đảo đã cấp giấy khen cho hàng chục người có thành tích xuất sắc. Giấy khen cấp cho ông Đặng Văn Chuyết, khu Bắc Sơn, do Chủ tịch UBNDHC Côn Đảo Trần Quốc Minh ký ngày 10-8-1954 đã xác nhận thành tích “tận tụy công tác, xung phong gương mẫu, tinh thần vững vàng trong suốt cuộc đấu tranh”. Nhiều anh em làm công tác liên lạc văn thư, trật tự, xã hội và Ban chấp hành tù nhân ở các khu cũng được khen thưởng. Anh Trần Đình Việt tự Cao Văn Tám, toán trưởng liên lạc được Đảo ủy chuẩn y kết nạp Đảng ngày 19-8-1954 và tuyên bố chính thức ngay hôm đó.

Ngày 23-8-1954, lấy cớ hết củi, bọn chúa ngục không cho ăn cơm mà phát cho mỗi tù nhân 50gr gạo sòng. Tình hình rất căng, tù nhân kiên quyết đình công đến cùng để đòi giải quyết yêu sách. Riêng việc làm củi và dọn tàu, Đảo ủy đồng ý là nếu nhà tù muốn làm thì phải điều đình với Tổng đại diện của tù nhân. Błãng không thừa nhận và không điều đình với tổng đại diện. Tình hình này kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của toàn bộ Côn Đảo, kể cả gác ngục, binh lính, công chức và tù nhân. Từ ngày 28-8-1954 chúng bỏ đói toàn đảo.

Tình hình khá căng thẳng cho cả hai phía, sau cùng, hai bên đều đi đến nhượng bộ, thỏa thuận chỉ định 5 tù nhân làm thư ký ở Văn phòng Giám thị trưởng và kho Bạc làm trung gian cho cuộc thương lượng giữa Giám đốc và tù nhân. Kết quả là phía tù nhân đồng ý cho Sở Củi đi làm củi. Người khỏe đi làm, người yếu nghỉ, làm tùy sức. Khu hoàng Sâm (dọn tàu) cũng được phép đi làm tàu khi có tàu ra, dọn hết hàng lại tiếp tục đình công. Phía nhà tù cam kết cho ăn uống và ra sân chơi trở lại; cho người ra ngoài trại lấy rau cải thiện, cho mua hàng, trả lại thư từ, bưu kiện mà chúng còn giữ.

Ngày 30-8-1954, thực dân Pháp đưa 81 tù binh quê ở Nam Bộ về Sài Gòn trao trả. Còn tù án thì chúng chưa công nhận là tù chiến tranh, chưa nói đến việc trao trả. Đảo ủy đã quyết định đưa cuộc đấu tranh đến mức cao hơn là tuyệt thực. Trong một cuộc đấu tranh dài ngày, sức khỏe và tinh thần anh em đã mệt mỏi nên Đảo ủy chỉ đạo các khám thay phiên nhau, lần lượt tuyệt thực để đủ sức kéo dài thời gian tranh đấu.

Ngày 4-9-1954, ta đã hoàn tất việc trao trả tù binh cho Pháp ở Việt Trì và Nam Bộ, rút ngắn thời gian trao trả ở Nam Bộ trước hạn định 7 ngày. Ta đã trao cho Pháp tổng số hơn 12.000 tù binh và tù chiến tranh, trong đó có 9.247 lính Âu Phi, một tướng, 55 tá, 530 cấp úy. Trong khi đó, Pháp chưa trả hết tù chính trị của ta ở Chí Hòa, chưa trả người tù chính trị nào ở Côn Đảo.

Cuộc đấu tranh tổng đình công kết hợp với tuyệt thực ở Côn Đảo kéo dài cho đến chiều ngày 9-9-1954. Khi ấy chúa Đảo Blăng mới tuyên bố là quan thầy hẳn đã chấp nhận yêu sách của tù nhân, công nhận là tù chiến tranh và trao trả cho Chính phủ Hồ Chí Minh.

Đại diện Bộ Tổng tư lệnh các lực lượng Liên hiệp Pháp đã trao cho đại diện Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam bản danh sách 1.092 tù chính trị ở Côn Đảo sắp trao trả. Cuộc tổng đình công kết hợp với bãi thực ở Côn Đảo đã kết thúc thắng lợi, sau 40 ngày tranh đấu.

Đây là cuộc đấu tranh dài ngày nhất, quy mô nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của toàn thể tù nhân Côn Đảo. Để có được phút giây thắng lợi này, những người tù kháng chiến phải trải qua 9 năm trường kỳ tranh đấu, bất chấp các hình phạt tàn khốc, kể cả cái chết. Trong không khí thắng lợi, tù kháng chiến đã trồng cột cờ trong sân Banh II, buổi sáng ra tập hợp, chào cờ và mở phòng thông tin triển lãm của tù nhân Côn Đảo. Lá cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc ngạo nghễ tung bay trên hòn đảo chưa hết ngục tù và chưa hết quân xâm lược.

Quan tư Blăng lại cho lính đến áp đảo, bắt hạ cờ và bắt anh Trịnh Văn Hà, Tổng đại diện. Tù nhân Banh II kiên quyết không hạ cờ và đấu tranh bằng hình thức ngồi ngoài sân, không chịu vào khám cho đến khi chúng trả Tổng đại diện mới kết thúc.

Tổng kết cuộc tranh đấu, từ ngày 12 đến 25-9- 1954, Đảo ủy đã chuẩn y đơn xin vào Đảng của 16 người có thành tích xuất sắc trong cuộc đấu tranh 40 ngày.

1. Hồ sơ lưu trữ tại Ban Quản lý Khu di tích lịch sử Côn Đảo.

Những người tù chính trị có tên trong danh sách trao trả được tập trung về Ban I. Trước đó, họ được phát quần áo nhà binh, được cử đại biểu đi viếng mộ liệt sĩ tại Hàng Dương. Chiều 26-9-1954, hơn 1.000 tù chính trị đã xuống tàu về đất liền, 11 tù nhân người Khơme và 4 tù chính trị người Lào được đưa về Sài Gòn, còn lại tất cả được đưa về Sầm Sơn, Thanh Hóa. Ban lãnh đạo đoàn tù án trên đường về trao trả có các anh Đỗ hoàng Trừ (quyền Bí thư Đảo ủy), Trần Công Hiệu, Lê Khắc Thành, Trần Khắc Du (Nguyễn Ngọc Cảnh). Anh Trịnh Văn Hà - Tổng đại diện, Lê Văn Thống - Phó tổng đại diện, Nguyễn Trí Tuệ - Trưởng ban an ninh trật tự, hoàng Phúc - Phó ban.

Biết tin tàu Sơn Tây chở tù nhân về Sầm Sơn trao trả, sau đó sẽ ra Hải Phòng chở dân di cư vào Nam, Ban chấp hành Liên đoàn tù nhân đã tổ chức viết hàng trăm truyền đơn tố cáo chế độ thực dân Pháp, kêu gọi đồng bào đừng để chúng lừa bịp, hãy tin tưởng ở Chính phủ Hồ Chí Minh, tích cực đấu tranh cho thống nhất nước nhà. Truyền đơn được để vào chỗ dễ thấy ở ghế và sàn tàu. Một số thủy thủ tàu Sơn Tây cũng nhận giữ và chuyển giao cho đồng bào di cư.

Sáng ngày 1-10-1954, tàu vào cửa sông Chu (Thanh Hóa), Ban chỉ huy của tù nhân đã chuẩn bị sẵn cờ, ảnh Bác Hồ, khẩu hiệu cách mạng. Theo kế hoạch, khi sà lan cập bờ, hạ búng thì đoàn tù sẽ lột hết quần áo tù, trương cờ, khẩu hiệu và ảnh Bác Hồ đi lên.

Tàu vào gần bờ thì đã thấy hai bên bờ sông, từng đoàn thuyền, rừng người, rừng cờ và biểu ngữ của nhân dân Thanh Hóa đón chờ những người con ưu tú của Tổ quốc. Trong phút xúc động bột phát, một số tù nhân đã tung cờ, khẩu hiệu và ảnh Bác Hồ ngay trên sà lan khi chưa cập bến. Như một phản ứng dây chuyền, chỉ vài phút sau trên boong tàu cũng rợp cờ, khẩu hiệu và ảnh Bác Hồ.

Tên trung úy thuyền trưởng yêu cầu Tổng đại diện tù nhân phải cho hạ tất cả cờ đỏ sao vàng xuống, nếu không hẳn sẽ cho tàu quay ra biển, không trao trả nữa. Tình thế rất căng thẳng. Anh em đã trót trương cờ lên sớm,

bây giờ hạ xuống sẽ mất uy thế. Nhiều người đề nghị, đây là đất của ta, có đồng bào của ta, phải đấu tranh, buộc chúng phải quay tàu vào trao trả. Thấy tù nhân không hạ cờ, tên thuyền trưởng cho tàu dừng lại và từ từ lùi ra. Các anh Đỗ hoàng Trừ, Trần Công Hiệu, Trần Khắc Du hội ý chớp nhoáng rồi ra lệnh cho anh em, ai biết bơi thì nhảy xuống biển, bơi vào bờ. Thế là nhiều tù nhân đã nhảy ào ào xuống biển, tiếng hò la phản đối náo động cả boong tàu. Thuyền trưởng phải cho tàu dừng lại và quay mũi vào bờ. Trong khi đó, thuyền của nhân dân Thanh Hóa đã lao ra vớt những người dưới biển. Có người đã ngất ngay trên thuyền. Các anh Tính, Phụng, Cá đã chìm hẳn trên dòng sông Chu.

Tàu vừa cập bờ, đoàn tù chính trị cởi bỏ tất cả quần áo mà chúng mới phát, quăng xuống biển trước khi bước chân lên đất mẹ. Mỗi người chỉ còn chiếc quần cộc, ở trần, hô vang các khẩu hiệu:

- Đả đảo thực dân Pháp!
- Đả đảo Nhà tù Côn Đảo dã man!

Các anh trong Đảo ủy đem theo cả con dấu và danh sách các đảng viên, có nhận xét chi tiết trong thời kỳ sinh hoạt tại đảo và giấy giới thiệu để giới thiệu từng người về giao cho Trung ương và các Đảng bộ địa phương. Song những cuộc chinh đốn tổ chức và cải cách ruộng đất sau đó đã làm gián đoạn ý đồ của Đảo ủy. Một số đánh giá sai lầm của Trung ương đối với những người tù kháng chiến đã làm cho Đảo ủy Côn Đảo không thực hiện được đầy đủ trách nhiệm đối với cán bộ, đảng viên của mình.

Theo Báo cáo của Ban lãnh đạo đoàn tù trao trả đợt tháng 10-1954, ở Côn Đảo, bọn Pháp còn giữ lại 639 tù nhân, trong đó có 169 là tù chính trị. Các anh Vũ Ngọc toàn, Nguyễn Văn Mẹo, Lưu Hùng, Nguyễn Khang, Trương Qua, Trần Bảo Trung... được chỉ định vào cấp ủy mới để lãnh đạo số tù nhân còn lại. Đảo ủy đã nộp cho Trung ương danh sách 169 tù chính trị còn bị giam giữ tại Côn Đảo.

Trên cơ sở đó, phái đoàn ta đã đưa vấn đề tù chính trị ra Ủy ban quốc tế để đấu tranh. Ta yêu cầu ủy ban quốc tế cử một tổ ra điều tra tại Côn Đảo

với sự có mặt của sĩ quan liên lạc hai bên. Anh Đỗ hoàng Trừ, nguyên là quyền Bí thư Đảo ủy, được trao trả chuyển 1- 10-1954, được cử làm sĩ quan liên lạc với quân hàm đại úy ra điều tra tại Côn Đảo.

Từ ngày 8 đến ngày 10-11-1954, Tổ điều tra quốc tế đã làm việc tại Côn Đảo, trực tiếp gặp gỡ điều tra hơn 600 tù nhân còn lại và tìm được 130 tù chính trị đang bị giam giữ trái phép.

Sau đợt đấu tranh ấy, thực dân Pháp đã phải trao trả cho ta hai chuyến nữa tại sân bay Gia Lâm vào tháng 12-1954 (75 người); và tháng 3-1955 là (55 người). Ở Côn Đảo vẫn còn lại vài chục tù kháng chiến, do Nguyễn Văn Mẹo là Bí thư chi ủy kiêm Chủ tịch Liên đoàn tù nhân kháng chiến. Các anh đã củng cố tổ chức và tích cực giúp đỡ anh chị em tù chính trị thời Mỹ - ngụy, trong buổi đầu chống tổ cộng, chống ly khai. Nhiều năm sau các anh mới mãn hạn, được trả tự do về vùng tạm chiếm ở Sài Gòn, dưới chế độ Mỹ - Diệm.

¹. Sau sự kiện Bến Đầm 12-12-1952, con số tù binh ở Côn Đảo có biến động lớn. Kể cả số chết trên biển và số bị bắt lại rồi đưa về đất liền là gần 200 người. Năm 1953, có mấy chuyến tù binh bị đày ra đảo, nâng tổng số lên 593 người vào lúc trao trả (8-1954).

¹. Bản án xâm lược Pháp. Phòng Tuyên huấn Đảo ủy biên soạn tại Côn Đảo tháng 7-1954. Bản lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Ký hiệu C-1G-31, tr 19.

². Phạm Quang Hồng - Tham luận trong cuộc Hội thảo tại Thành phố Hồ Chí Minh, 3-1991. Hồ sơ lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

¹. Hai anh em Ôbênăng đều làm gác ngục ở Côn Đảo.

1. Con của các giám thị người Việt được Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo giác ngộ và tổ chức.

Chương 7

NHÀ TÙ VÀ NGƯỜI TÙ THỜI - MỸ NGỤY

Bộ máy cai trị tù nhân thời Mỹ - ngụy

Tháng 3-1955, thiếu tá A.Blancq bàn giao chức Giám đốc quần đảo và đề lao Côn Đảo cho Bạch Văn Bốn, thiếu tá quân đội Sài Gòn, chấm dứt gần một thế kỉ cai trị của thực dân Pháp. Nửa năm sau, Bạch Văn Bốn trở về Phân khu Đông, tham gia đàn áp các phe phái đối lập và phong trào cách mạng, chức Giám đốc nhà tù về tay Trần Văn Thiệu, một viên chức hành chính. Trần Văn Thiệu chỉ là giải pháp tạm thời. Theo xu hướng quân sự hóa bộ máy hành chính, ngày 6-5- 1956, ngụy quyền Sài Gòn đưa Đại úy bảo an Hồ Chí Thiệu ra nhận chức Giám đốc quần đảo và đề lao Côn Đảo, kiêm chỉ huy trưởng liên đội bảo an.

Tháng 10-1956, ngụy quyền Sài Gòn phân chia lại lãnh thổ Nam Việt Nam, nâng cấp Hải đảo Côn Sơn thành tỉnh Côn Sơn (Sắc lệnh 147-NV ngày 24-10-1956). Thiếu tá Bạch Văn Bốn được cử làm Tỉnh trưởng đầu tiên của “tỉnh tù”. Tỉnh không có quận, huyện, phường, xã, không có các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, chỉ có tù nhân và bộ máy trị tù. Tỉnh trưởng kiêm Chỉ huy trưởng Tiểu khu quân sự. Quản đốc Trung tâm Huấn chính do đại úy bảo an Bùi Văn Năm đảm trách. Từ tháng 9 năm 1958, Tỉnh trưởng kiêm chức Quản đốc Trung tâm Huấn chính.

Tháng 4 năm 1965 ngụy quyền Sài Gòn ra sắc lệnh 75-NV, bãi bỏ tỉnh Côn Sơn, thiết lập trên quần đảo này một cơ sở hành chính trực thuộc Trung ương, đứng đầu là một sĩ quan quân đội ngụy với chức danh Đặc phái viên hành chánh kiêm Quản đốc trung tâm cải huấn Côn Sơn, chức danh này tồn tại đến ngày cáo chung của ngụy quyền Sài Gòn. Từ tháng 3-1955 đến tháng 4-1975, có 14 đời chúa đảo.

Tòa hành chánh tỉnh gồm: Văn phòng Tỉnh trưởng, Phòng Nội an, Phòng Hành chánh tổng quát, Phòng Bút toán. Nhiệm vụ của tòa Hành chánh là thảo các văn bản hành chánh, dự trù ngân sách, kế toán, kiểm soát lương

bông, vật liệu, văn phòng phẩm, hộ tịch, an ninh, quốc phòng trên quần đảo.

Tỉnh có các ty, sở và cơ sở trực thuộc như sau: Ty Ngân khô, Ty Thanh niên, Ty Tiểu học, Trường Trung học, Ty Thông tin, Ty Y tế, Ty Khí tượng, Ty Thủy vận, Ty Kiến thiết, Hạt Nông nghiệp, Nhà máy điện, Hợp tác xã tiêu thụ, Đài Vô tuyến điện, Phòng Viễn thông, Phi trường Cỏ Ống, Ty Công an, Tiểu khu Côn Sơn.

Thời Pháp, Côn Đảo chỉ có một tên cò (Commissaire de police) làm nhiệm vụ Cảnh sát tư pháp. Tháng 8-1958, Nha Cảnh sát và Công an Nam phần biệt phái 18 nhân viên công an ra giúp việc tại Trung tâm Huấn chính Côn Sơn. Tổ chức Công an Côn Sơn lúc đầu gọi là Chi Công an, tháng 6-1960 nâng cấp thành Ty Công an, năm 1971 đổi lại thành Bộ chỉ huy Cảnh sát Quốc gia Côn Sơn, Trưởng ty được gọi là Chỉ huy trưởng.

Dưới Chỉ huy trưởng có trưởng các phòng: Phòng cảnh sát đặc biệt, Phòng quản trị, Phòng tư pháp, Phòng kỹ thuật, Phòng an ninh cảnh lực, Phòng tâm lý chiến, Cuộc cảnh sát Bến Đầm, Cuộc cảnh sát Cỏ Ống. Nhân viên công an có 16 tên vào tháng 8-1958 đã tăng lên 70 tên vào năm 1971. Khi cần tăng cường lực lượng đàn áp, ngục quyền Sài Gòn điều động Cảnh sát dã chiến thuộc biệt đoàn 222 từ Sài Gòn ra.

Việc phòng thủ Côn Đảo sau khi thực dân Pháp rút đi do Bảo an đoàn của ngục quyền Sài Gòn đảm nhiệm, lúc đầu có một liên đội. Tháng 8-1957, quân số tăng lên một đại đội, 144 tên, có 4 sĩ quan. Năm 1960 lực lượng phòng thủ Côn Sơn có 2 đại đội, quân số 223 tên. Từ năm 1961, quân số trực thuộc Tiểu khu Côn Sơn lên đến một tiểu đoàn gồm Bộ chỉ huy tiểu đoàn 8 tên, một đại đội chỉ huy 60 tên và 3 đại đội chiến đấu, quân số mỗi đại đội là 164 tên. Khi cần tăng cường lực lượng phòng thủ hoặc làm áp lực với tù nhân, ngục quyền Sài Gòn điều động lực lượng lính dù từ Sài Gòn.

Ngoài lực lượng của Tiểu khu Côn Sơn còn có một bộ phận gần 30 tên ở Đài kiểm báo (Đài 303) trực thuộc Bộ tư lệnh Hải quân ngục đóng trên núi An Hải, 40 tên Mỹ và chư hầu hoạt động ở Đài LORAN Cỏ Ống trực thuộc

Hải quân Mỹ, Đài LORAN làm nhiệm vụ liên lạc với căn cứ quân sự của Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương. Đài Kiểm báo kiểm soát toàn bộ hoạt động của tàu thuyền từ ngoài khơi vào Vùng 3, Vùng 4 Duyên Hải. Ngụy quyền chia Côn Đảo thành 3 khu vực phòng thủ:

- Chi khu A phòng thủ toàn bộ thị xã.
- Chi khu B phòng thủ từ Cỏ Ống đến Bảy Chạnh.
- Chi khu c phòng thủ từ Bến Đầm đến ông Đụng.

Mỗi chi khu có một đại đội. Riêng chi khu A có thêm Bộ chỉ huy tiểu đoàn và đại đội chỉ huy. Tiểu khu Côn Sơn trực thuộc Bộ tư lệnh quân khu 5 (đóng tại cần Thơ). Năm 1961, phong trào đấu tranh vũ trang phát triển mạnh, địch ráo riết phòng thủ Côn Đảo nhằm ngăn chặn cuộc tập kích từ hai hướng: hướng của Quân giải phóng miền Nam xuất phát từ cửa Đại Ngãi bằng ghe bầu và hướng của Hải quân Việt Nam từ Bắc vào, ngụy trang bằng ghe ngư phủ. Địch nhận xét: "Đối với Việt Cộng, Côn Sơn chưa phải là một mục tiêu quân sự, vì thế Việt Cộng không chiếm Côn Sơn làm căn cứ chiến lược hoặc dùng làm bàn đạp tấn công nội địa. Tuy nhiên, vẫn có nhiều lý do thúc đẩy Việt Cộng đột kích Côn Sơn như: gây tiếng vang trên chính trường thế giới, gieo hoang mang trong đầu óc dân chúng miền Nam, trấn an tinh thần của cán bộ năm vùng và giải thoát cho 5.000 can phạm".

Vì lẽ đó, Tiểu khu Côn Sơn được chuyển thành chế độ Biệt khu trực thuộc Bộ Tổng tham mưu ngụy, Bộ tư lệnh Hải quân ngụy đảm nhiệm tuần tiểu bảo vệ, liên đoàn dù được huy động ứng cứu Côn Đảo khi có sự biến. Ngày 15-11-1961, đại đội 3 thuộc tiểu đoàn 3, liên đoàn dù đã tiến hành tập trận nhảy dù tiếp ứng tọa độ XQ. 708.615 gần thị xã Côn Sơn.

Sau khi tiếp quản từ tay thực dân Pháp, ngụy quyền Sài Gòn đặt tất cả các đề lao và nhân viên giám thị trực thuộc Bộ Tư pháp (Sắc lệnh 111-NV ngày 21-8- 1956). Sau 2 vụ bạo động của tù nhân ở Chí hòa và Tân Hiệp (1956) phải sử dụng lực lượng an ninh quân đội đàn áp, chính quyền Diệm đã giao cho quân đội tiếp nhận các nhà lao cùng toàn bộ nhân viên. Tháng

11- 1958 ngục quyền Sài Gòn đặt tất cả các nhà lao cùng toàn bộ nhân viên giám thị trở lại thuộc quyền quản trị của Bộ Nội vụ (Sắc lệnh 535-TP). Các nhà lao lúc đó được mang tên khá mỉa dân là Trung tâm huấn chính Ban đầu, Trung tâm huấn chính Côn Sơn được tổ chức theo hai cấp:

- Ban Quản đốc Trung tâm Huấn chính là bộ máy cai trị của ngục quyền gồm Quản đốc, Ban hướng dẫn học tập và tác động tinh thần, Ban Giám thị và Ban khai thác.

- Ban chấp hành đoàn là tổ chức tự quản của tù nhân, gồm những người tù cam chịu làm tay sai cho địch. Dưới Ban chấp hành đoàn còn có Ban chấp hành toán ở mỗi phòng. Mỗi toán lại được chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm chia thành nhiều tổ để quản lí đến từng người tù.

Năm 1960, ngục quyền thành lập Trung tâm cải huấn Côn Sơn trực thuộc Nha tổng quản đốc các Trung tâm cải huấn với 2 trung tâm: Trung tâm cải huấn I giam tù câu lưu (không án) và Trung tâm cải huấn II giam tù án. Trung tâm cải huấn I do tên Phạm Sau, Trưởng đoàn cán bộ cải huấn của Nha Tổng Quản đốc các Trung tâm cải huấn biệt phái làm Trưởng trung tâm. Trưởng các trại là hạ sĩ quan quân đội và nhân viên công an biệt phái. Có thời gian, mỗi trại tù câu lưu chúng bố trí cả 3 tên làm đồng trưởng trại (quân đội, công an và cải huấn) để trực tiếp phụ trách các mặt: quản trị tù nhân, duy trì an ninh và cải tạo tư tưởng. Năm 1961, Phạm Sau bị cách chức. Trưởng trung tâm cải huấn I do một sĩ quan quân đội đảm trách.

Trung tâm cải huấn II do Nguyễn Văn Thà làm Giám thị trưởng, dưới quyền có 62 giám thị cải huấn (số liệu ngày 16-7-1963), trong đó có những tên khét tiếng ác ôn như Lê Văn Khương - Phó giám thị, Lê Văn Tốt - Trưởng ban an ninh trung tâm cải huấn II, Đỗ Văn Phục - Phó ban an ninh trung tâm cải huấn II...

Thực dân Pháp rút đi, để lại 3 trại giam chính: Lao I, Lao II, Lao III và nhiều lao phụ. Riêng Lao III có một lao chính, một lao phụ (Annexe du Bagne III), và 2 dãy biệt lập (Chuồng Cọp Pháp). Lao III chính được sửa chữa và sử dụng vào tháng 7-1959 mang tên Lao IV. Năm 1960, ngục

quyền đặt lại tên các lao: Lao I là Trại Cộng hòa, Lao II là Trại Nhân Vị, Lao III và Lao IV là Trại Bác Ái và chi nhánh Trại Bác Ái. Sau khi Ngô Đình Diệm đổ, các trại lại mang tên theo số hiệu: Trại I, Trại II, Trại III, Trại IV.

Trại V được xây dựng từ năm 1962, cùng một kiểu cấu trúc như như 4 trại trước. Trại VI, Trại VII và Trại VIII được Mỹ chi tiền, thiết kế và thầu xây cất. Ba trại này được xây dựng vào năm 1968, hoàn thành cơ bản vào năm 1970-1971. Trại IX và Trại X đã được đổ móng, đúc cột, xây vài bức tường rồi bỏ dở sau Hiệp định Paris 1973.

Ngoài các trại giam chính được xây dựng kiên cố, Côn Đảo còn có nhiều trại giam phụ, xây dựng tại các sở tù, nơi bóc lột lao động khổ sai của tù nhân. Trại giam phụ được xây dựng tương đối kiên cố ở các sở tù có công việc chuyên môn cố định như Sở Lưới, Công Xưởng, Nhà Đèn, Lò Than, Lò Vôi, Chuồng Bò. Một số cơ sở khác có trại dựng bằng gỗ lá như Sở ruộng Quang Trung, Sở rẫy An Hải, Sở Muối, Cỏ Ống, Bến Đầm.

Nhằm triệt để tận dụng lao động khổ sai của tù nhân, ngụy quyền Côn Đảo củng cố và mở rộng quy mô tất cả các sở tù, kể cả các sở mà thực dân Pháp đã bỏ hoang hóa từ lâu. Chúng còn mở thêm nhiều sở mới như Sở Chăn nuôi, Sở rẫy Đông Phong, Sở rẫy Thiên Thu...

Số lượng và cơ cấu tù nhân

Trước năm 1957, Côn Đảo chỉ có một loại tù án tư pháp (hình sự) do thực dân Pháp bàn giao lại, tính đến ngày 26-12-1956, con số tù tư pháp còn lại là 674 người. Tháng 1-1957, ngụy quyền Sài Gòn chỉ thị cho các địa phương thanh lọc số tù chính trị ngoan cố nhất đưa ra an trí tại Côn Đảo. Phần lớn tù chính trị trong thời kì I này là tù không có án tiết, được gọi là tù chính trị câu 1 lưu (câu thúc, giam giữ, lưu giữ). Tháng 12-1959, số tù câu lưu tăng lên mức cao nhất là 4.061 rồi giảm dần từ 1 năm 1960 do chuyển về đất liền và trả tự do, đến tháng 7-1963 chỉ còn lại 519 người.

Trong khi đó thì tù án ngày càng tăng lên, nhất là án chính trị cộng sản. Cuối năm 1960, số lượng tù án là 2.415 người. Tháng 7-1963, số tù án hiện hữu tại Trung tâm Cải huấn II là 3355 người. Con số tù nhân thời chống Mỹ lên cao nhất (trong khoảng 1969-1972) xấp xỉ 10.000 người. Vào tháng 7-1972, Côn Đảo có 9.667 tù nhân, trong đó, tù án: 4237 (4 nữ); câu lưu: 2.924 (313 nữ); nghi can: 1226. Số nghi can (1.226) phần đông là thường dân ở Quảng Trị-Thừa Thiên vừa bị dịch bắt trong các cuộc hành quân mùa hè năm 1972. Ngoài ra có 53 trẻ em từ 1 đến 9 tháng tuổi bị bắt theo mẹ.

Năm 1973, con số tù nhân Côn Đảo có biến động lớn, do việc trao trả tù nhân theo Hiệp định Paris. Trong số 5.081 nhân viên dân sự toàn miền Nam được trao trả, có 4.075 người ở nhà tù Côn Đảo. Sau đợt trao trả, số tù nhân Côn Đảo tiếp tục tăng lên do tiếp nhận từ các nhà lao trong đất liền. Trước ngày hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), Côn Đảo có 7.448 tù nhân, trong đó 4.234 là tù chính trị (có 494 phụ nữ) và 3.214 là tù thường phạm, quân phạm các loại.

Tù nhân, trước hết được phân loại theo án tiết, thành tù có án và tù không án (câu lưu). Tù có án còn được phân theo loại án (án tù giam, án khổ sai hữu hạn, khổ sai chung thân, tử hình) và phân theo màu sắc chính trị (Chính trị cộng sản, Chính trị quốc gia, Thường án, Quân phạm thường

án, Quân phạm chính trị). Những đặc điểm phân loại được cụ thể hóa bằng màu sắc, kí hiệu, số hiệu ghi trên thẻ bài của mỗi tù nhân để chúng dễ kiểm soát. Có 5 loại thẻ bài tương ứng với 5 loại án tù:

- Vàng ròng là thường án.
- Xanh vàng là quân phạm thường án.
- Xanh đỏ là quân phạm chính trị.
- Vàng đỏ là chính trị quốc gia.
- Đỏ ròng là chính trị cộng sản.

Có thời dịch đã làm thẻ bài cho tù chính trị câu lưu, mang ký hiệu H.c. Tuy nhiên, tù chính trị câu lưu đấu tranh chống mang thẻ bài rất quyết liệt.

Sự phân biệt giữa tù án và tù câu lưu chỉ là tương đối. Tù câu lưu theo luật, bị câu lưu tối đa là 2 năm, song chúng có thể gia tăng nhiều lần đến vô thời hạn chẳng khác gì một án chung thân, đày ải và đánh đập đến chết như một án tử hình hoặc bị truy tố ra tòa vì bất cứ tội gì mà chúng muôn gán ghép. Tù án cũng có thể bị câu lưu ngay khi mãn án.

Vấn đề khí tiết của người tù dưới thời Mỹ ngụy bao giờ cũng hệ trọng hơn án tiết. Người mang án tử hình vẫn có thể giảm xuống chung thân, dưới mức chung thân và trả tự do trước mỗi biến động chính trị. Ngược lại đã có nhiều người bị câu lưu cho đến chết, hàng ngàn người bị câu lưu suốt đời nếu không có ngày giải phóng mùa xuân năm 1975 vì họ chống ly khai, chống chào cờ, chống nội quy nhà tù, giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng.

Trong hồ sơ, báo cáo của nhà tù, mỗi thời kì đều có những cách khác nhau để phân loại tù nhân, song phân loại theo “hạnh kiểm” là cơ bản nhất (chống đối hay chấp hành nội quy).

Thủ đoạn cai trị tù nhân

Tiếp tục thủ đoạn và các cơ sở lao động khổ sai do thực dân Pháp để lại, ngụy quyền Côn Đảo ra sức bóc lột tù nhân, phục vụ bộ máy trị tù, lấy tù nuôi tù, xây dựng trại giam, làm đường sá, sân bay và các công trình quân sự. Qua các bản phúc trình của Quản đốc nhà tù, có thể thấy được âm mưu của địch bắt tù nhân ngày phải lao động cật lực, tối phải học tổ cộng để không còn thời gian và sức lực để tổ chức và đấu tranh.

Tuy nhiên, chế độ khổ sai ở bất cứ nơi nào cũng dễ chịu hơn là cấm cố. Âm mưu sâu xa của địch trong việc bóc lột khổ sai thời Mỹ - ngụy nhằm phân hóa tù nhân. Những tên quản đốc lọc lõi như Nguyễn Văn Vệ, Cao Minh Tiếp, trong lúc đàn áp và đày ải những người chống đối ở các trại cấm cố đến vô hạn độ thì chúng lại nói rộng chế độ khổ sai (cho hưởng hoa lợi 40%, có lúc đến 60% rồi 100%) để lôi kéo tù nhân từ bỏ mục tiêu đấu tranh chính trị.

Theo bài bản của Mỹ, Trung tâm Cải huấn Côn Sơn tổ chức hướng nghiệp một số ngành nghề, song thực chất chỉ là thủ đoạn lừa mị, bóc lột và phân hóa tù nhân. Số người được chọn hướng nghiệp phải có “hạnh kiểm tốt” hoặc là những đối tượng chúng đang tập trung chiêu dụ theo mục tiêu của chế độ cải huấn.

Thực chất của chế độ cải huấn là tiến hành tổ cộng trong tù. Có thể nói đây là thủ đoạn nguy hiểm nhất, đồng thời cũng là mục đích cao nhất của Mỹ - ngụy đối với tù nhân Côn Đảo. Từ năm 1957 đến năm 1963, đối với tù chính trị câu lưu, bọn chúa ngục Côn Đảo tiến hành đồng thời hai bước:

- Cường bức ly khai cộng sản, từng bước thanh lọc số tù chính trị ngoan cố để có những biện pháp đàn áp ngày càng khốc liệt hơn.
- Tổ chức học tổ cộng triền miên, nhằm cải tạo tư tưởng, triệt hạ khí tiết, biến những người tù chính trị thành kẻ phản bội, làm tay sai cho chúng.

Từ năm 1960, tù án chính trị cũng buộc phải học tổ cộng buổi tối, sau ngày lao động khổ sai. Từ khi chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm sụp đổ, ngục quyền Sài Gòn mới bỏ học tổ cộng trong tù, chuyển sang hình thức tâm lý chiến tinh vi.

Chào cờ vừa là nội quy bắt buộc của nhà tù, vừa là một biện pháp trong thủ đoạn tổ cộng. Khi chào cờ, chúng buộc tù nhân phải hô hai khẩu hiệu phản động: " ủng hộ Ngô Tổng thống", "Đả đảo Hồ Chí Minh", sau khi Ngô Đình Diệm đổ thì đổi là " ủng hộ Việt Nam Cộng hòa", "Đả đảo cộng sản xâm lược" nhằm hạ nhục và bôi dấy vết phản động lên phẩm chất những người tù chính trị. Bằng thủ đoạn này, ngục quyền hi vọng sẽ triệt hạ sinh mạng chính trị của người tù, để khi trả tự do, họ không thể trở lại đội ngũ chiến đấu được nữa.

Những người tù chính trị từng chống li khai, chống chào cờ mà không chịu được gian khổ, ác liệt, phải chịu điều kiện, bị chúng hạ nhục bằng cách bắt kí giấy li khai, bôi nhọ cộng sản, hoặc bắt tập hợp biểu tình, hô những khẩu hiệu phản động.

Những người tham gia các tổ chức trong tù bị bế bạc, không chịu được đòn, đã khai báo bị chúng truy bức đến cùng, buộc phải khai lại hồ sơ, khai báo từ đầu toàn bộ tổ chức trong tù, tổ chức bên ngoài, buộc phải phản tỉnh bằng cách vạch ra những phương án giúp chúng đánh phá hữu hiệu các tổ chức cách mạng.

Từ năm 1968, được sự chỉ đạo trực tiếp của cố vấn Mỹ, ngục quyền Côn Đảo tiến hành các thủ đoạn tâm lý chiến, điển hình là “Chương trình tâm lý chiến thí điểm Côn Sơn” (1968-1972). Đây cũng là thời kỳ chúng sử dụng những tên sĩ quan tình báo học ở Mỹ, Đài Loan về làm chúa đảo.

Đối với những tù nhân chống ly khai, lúc đầu, ngục quyền dùng thủ đoạn phổ biến là xiết bóp đời sống (nhốt chật, cấm cố, đóng cửa cây, bớt cơm, cúp nước tắm, bớt nước uống, bệnh đau không thuốc chữa trị) nhằm đẩy người tù đến chỗ suy kiệt dinh dưỡng, mòn mỏi tinh thần, chịu đựng không nổi, phải chịu ly khai.

Từ năm 1959 trở đi, chúng còn cho công an, trật tự tra tấn, khủng bố bằng những ngón đòn tàn bạo, truy bức trường kì cả thể xác lẫn tinh thần, về chế độ ăn uống, đặc biệt là tù chính trị ở các lao cấm cố, có thể dẫn ra đây một đoạn trong Luận án Tiến sĩ y khoa của bác sĩ Nguyễn Minh Triết mang tên Nhận xét về bệnh lý tại một nhà lao:

“Thức ăn chính (của tù nhân) gồm:

- Gạo: xấu, lẫn nhiều tấm, thóc, sạn.
- Khô: thường là khô củ, mục đắng, gọi là khô kyninh.
- Mắm sặc: tương đối được ưa chuộng.
- Cá hộp: nội hóa, có khi bị hư, 5 người một hộp trong mỗi bữa ăn, nhưng không phải là 5 món mà chỉ là gạo với một trong 5 thứ ấy.
- Cá tươi: hiếm, gần đây có một tàu đánh cá, lâu lâu cung cấp cho tù nhân một số cá Xà, cá Mập, gây nhiều bệnh biến chứng, đặc biệt là bệnh suyễn, nhưng tàu lại hay bị nằm ụ.
- Thịt: thật là hiếm, kể từ tháng 7-1968 đến tháng 11-1971 (40 tháng) được ăn thịt có 6 lần.
- Rau: ít ỏi, chính là rau muống bón bằng phân người tươi, ở các lao cấm cố, trước đây không được ăn rau, và chuyện bứt cỏ (cỏ thỏ, sam đất, mần trâu) hay lá cây (lá bàng, lá phượng) để ăn là chuyện bình thường.
- Cầu tiêu: trong góc khám, lúc nhúc dòi. Trại nữ trước đây ở biệt lập I và II, đi cầu vào thùng cây, đây lại đổ ra các hố lộ thiên, ruồi nhặng khủng khiếp. Muối rất nhiều”.

Ngoài việc đánh đập, tra tấn, hành hạ tại trại giam, tại nơi làm khổ sai hay ở Ban chuyên môn với những ngón đòn hiểm độc gặp nhiều lần thời Pháp, Mỹ ngụy còn tổ chức những chiến dịch lớn, đưa lực lượng chống cộng sừng sỏ và cảnh sát dã chiến ở Sài Gòn ra, sử dụng lựu đạn cay và các phương tiện chống bạo động để đàn áp tù nhân khi cần thiết.

Việc phân loại tù nhân, áp dụng các chế độ giam giữ, chế độ kỷ luật, cường bức khổ sai, đàn áp và khủng bố nhằm mục đích đày đọa, làm kiệt

quệ về thể xác, mòn mỏi về tinh thần triệt hạ khí tiết cách mạng, biến người tù chính trị thành kẻ phản bội, trở thành tay sai cho chúng. Không làm được như vậy, chúng đánh đập, đày ải đến tàn phế, để khi mãn hạn tù, họ sẽ thành kẻ tật nguyền, không còn khả năng hoạt động.

Kế thừa kinh nghiệm của thực dân Pháp, ngụy quyền Sài Gòn đã đưa thủ đoạn “dùng tù trị tù” lên một trình độ mới, tinh vi và thâm hiểm vượt xa quan thầy. Thủ đoạn phổ biến của chúng là dùng tù thường phạm, tù giáo phái, tù quân phạm lưu manh làm trật tự, an ninh để đàn áp tù chính trị. Địch đặc biệt chú ý đến những phần tử đầu hàng, phản bội. Bọn này hầu như đã mất hết nhân tính, chúng lấy việc đánh giết tù nhân làm trò tiêu khiển và để tiến thân.

Bọn trật tự được tổ chức thành “Hệ thống nổi”. Bên cạnh đó có mạng lưới an ninh được tổ chức thành “Hệ thống chìm”, theo mô hình từ Trung tâm đến trại, phòng, toán, tổ. Ngoài hai loại trật tự an ninh nói trên, địch còn tổ chức những toán trật tự bãi để kiểm soát tù vượt ngục, trật tự lưu động để kiểm soát các toán tù làm khổ sai, trật tự an ninh tăng phái, tăng cường không chế tù nhân ở những “điểm nóng”.

Năm 1960, Ban an ninh được đổi thành Ban điều tra, trực thuộc từng trung tâm, ít lâu sau đổi lại là Ban an ninh. Tháng 9-1963, Lê Văn Khương được đề bạt chức Phó giám thị phụ trách an ninh Trung tâm cải huấn II, Khương đổi thành Ban an ninh nội trại. Thiếu tá Nguyễn Văn Sáu là Tỉnh trưởng kiêm Quản đốc trung tâm cải huấn. Sáu vốn là sĩ quan Cao Đài theo Diệm, biết “trở cờ” đúng lúc nên sau đảo chính (1-11-1963) vẫn không mất chức. Sáu có thái độ hòa hoãn với tù nhân, chấp nhận việc tù chính trị câu lưu chống chào cờ, học chống tố cộng. Lê Văn Khương vào phe đối lập, tố cáo thiếu tá Sáu về tận Sài Gòn.

Nguyễn Văn Sáu đổ (6-1964), Tăng Tư lên thay. Nhờ thành tích đàn áp tù nhân và góp phần hạ bệ Nguyễn Văn Sáu, Lê Văn Khương được tin dùng. Theo đề nghị của Khương, Tăng Tư thống nhất tổ chức trật tự trung tâm cải huấn I và trung tâm cải huấn II thành Phòng chuyên môn, do thiếu úy Nguyễn Văn Diệm, nguyên là Trưởng ban an ninh Trung tâm cải huấn I

làm Trưởng phòng. Lê Văn Khương là đệ nhất Phó phòng đặc trách Hệ thống chìm (mật báo). Giám thị Nguyễn Văn Đàng là đệ nhị Phó phòng, đặc trách Hệ thống nổi (trật tự). Giám thị Phạm Văn Long làm Trưởng Ban Hoạt vụ, đặc trách về điều tra khai thác.

Do mâu thuẫn với thiếu úy Diệp, đầu năm 1965, Lê Văn Khương xin đổi về Phòng nội an (tòa hành chánh). Giữa năm 1965, Diệp đề cử thiếu úy Nguyễn Văn Dũng thay thế, trước khi đổi về đất liền. Phòng chuyên môn lúc ấy quyền hành trùm cả Trung tâm cải huấn, lấn át Phó quản đốc, Phó tình trường phụ trách Nội an.

Cùng thời gian đó, Tăng Tư mất chức, Nguyễn Thế Ty giữ quyền Tỉnh trưởng. Đại úy Trần Hữu khỏe giải tán Phòng chuyên môn, lập lại Ban chuyên môn và Ban an ninh. Lê Văn Khương được cử làm Trưởng ban chuyên môn. Phụ tá cho Khương có giám thị Phạm Văn Long đặc trách về SƯU tra, Trần Minh Tâm, đặc trách về thư tín. Ban chuyên môn đảm nhiệm hệ thống chìm, lo việc khai thác, SƯU tra, nắm vững nhân số, xây dựng tình báo, mật báo trong nội bộ tù nhân, kiểm duyệt thư tín, thu thập tin tức. Ban an ninh do giám thị Nguyễn Văn Tốt làm Trưởng ban cùng hai phụ tá là Lục Văn Keo và Nguyễn Văn Tý. Ban an ninh có nhiệm vụ canh gác tất cả các chòi bãi, ruộng rẫy, cửa rừng, đề phòng tù vượt ngục.

Cuối năm 1965, thiếu tá Nguyễn Văn Vệ ra làm chúa đảo. Vệ đặc biệt tin dùng Khương, giao cho Khương trọn quyền sắp xếp bộ máy an ninh trật tự. Lê Văn Khương sinh năm 1929 tại Long Xuyên, có biệt tài về tổ chức, có năng lực chỉ huy, giỏi nghề tình báo, hám danh, chống cộng triệt để. Bộ máy mật vụ do Khương tuyển chọn và huấn luyện thật sự là những con thú dữ say máu, cắn xé đồng loại không biết ghê rợn, gây nhiều tội ác đẫm máu với tù nhân Côn Đảo.

Bộ máy an ninh trật tự là công cụ chủ yếu để quản trị và đàn áp tù nhân. Đây cũng là dấu ấn đậm nét nhất trong thủ đoạn dùng tù trị tù của Mỹ - ngụy.

Khác hẳn thời Pháp, người tù chính trị thời Mỹ ngụy không bao giờ được yên phận tù. Bóc lột khổ sai, cấm cố, đày ải, khủng bố với mức độ tàn bạo

vượt xa thực dân Pháp, nhưng việc hành xác và giết hại người tù vẫn chưa phải mục đích cuối cùng của chúng. Tất cả các thủ đoạn tinh vi, thâm độc và tàn bạo nhất của Mỹ - ngụy đều nhằm tiêu diệt sinh mạng chính trị người tù, vô hiệu hóa cán bộ cộng sản.

Phương châm của Mỹ - ngụy là “muốn giữ tù yên thì không bao giờ để cho tù được yên”. Đã cưỡng bức được họ ly khai cộng sản thì phải tiếp tục bắt học tổ cộng, chào cờ “quốc gia” hô khẩu hiệu phản động, ký kiến nghị ủng hộ Ngô Đình Diệm, đả đảo Hồ Chí Minh, nhằm gột rửa tư tưởng cộng sản, biến người cách mạng thành kẻ phản bội lý tưởng của mình, phản bội tổ chức và lãnh tụ mình, làm tha hóa phẩm chất, nhân cách đến mức có được trả tự do cũng không thể dung nạp vào đội ngũ chiến đấu được nữa.

Cuộc đấu tranh anh dũng của các chiến sĩ cách mạng trong nhà tù thời Mỹ - ngụy trước khi có Hiệp định Paris (27-1-1973) đã diễn ra vô cùng quyết liệt và có sự phân biệt rõ nét của 2 thời kỳ: chống tổ cộng, diệt cộng rất cực đoan theo kiểu Ngô Đình Diệm và chống các thủ đoạn tâm lý chiến, chiêu hồi thời kỳ sau Ngô Đình Diệm với sự gia tăng của cố vấn Mỹ, viện trợ Mỹ phương thức quản trị tù nhân và phương tiện đàn áp kiểu Mỹ.

Chương 8

ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC THỦ ĐOẠN TỔ CỘNG, CƯỜNG BỨC LY KHAI ĐẢNG CỘNG SẢN (1955-1963)

Trại I - Trại Cộng sản

Sau cuộc bạo động của tù nhân ở Chí Hòa (4-1956) và nhất là cuộc nổi dậy tự giải thoát của 462 tù chính trị tại Trung tâm Huấn chính Biên Hòa (2-12-1956), Ngô Đình Diệm quyết định chuyển tất cả chính trị phạm nguy hiểm ra Côn Đảo và chỉ thị thành lập Ủy ban Liên bộ Nội vụ - Tư pháp - Quốc phòng để thực hiện việc thanh lọc và di chuyển. Ủy ban Liên bộ đã khảo sát và phúc trình hiện trạng như sau:

– “Lao I: hiện trạng còn tốt, chắc chắn và sạch sẽ, hiện là nơi giam giữ các tội nhân. Lao này có 10 khám, có thể chứa 1.500 tội nhân.

– Lao II: mới tu bổ xong, hiện còn bỏ trống. Lao này kiên cố, sạch sẽ như Lao I và có 13 khám, có thể chứa 1.950 tội nhân.

– Lao III: gồm một lao chính và một lao phụ. Lao chính hư hỏng nhiều, nếu sửa chữa có thể chứa lổi 1500 tội nhân... lao phụ trước là nơi giam giữ tù binh, chỉ hư hỏng bề ngoài, có thể sử dụng để chứa tới 1.000 tội nhân.

– Ngoài ra, tại các sở tù, còn có 4 lao nhỏ có thể chứa 320 tội nhân. Tổng số tội nhân hiện giam giữ tại Côn Đảo là 674 người”.

Ngày 11-1-1957, chuyến lưu đày Côn Đảo đầu tiên chở 360 tù chính trị thuộc các tỉnh miền Đông từ nhà lao Biên Hòa rời cảng Sài Gòn, trong đó có 36 phụ nữ. Tính đến ngày 3-12-1957 ngụy quyền đày ra Côn Đảo 10 chuyến, tổng cộng 3.080 tù nhân. Lớp tù nhân đầu tiên thời Mĩ - ngụy bị đày ra Côn Đảo tháng 1-1957 là tù chính trị không án, bị câu lưu (giam giữ, chỉ định nơi cư trú). Họ là những người mà ngụy quyền cho là “nguy hiểm nhất” được thanh lọc từ tất cả các nhà lao, đày ra Côn Đảo để tiếp tục các thủ đoạn “tố cộng” trong tù với mức độ ác liệt hơn.

Theo phúc trình không số ngày 5-9-1958 của Nguyễn Văn Hòa, công an biệt phái tại Trung tâm huấn chính Côn Sơn, tính đến ngày 24-3-1957,

ngụy quyền đã lưu đày ra đảo 4 chuyến, tổng số 1.264 tù chính trị câu lưu. Cuối tháng 3-1957, ngụy quyền Côn Đảo bắt đầu thực hiện “tố cộng” đối với tù chính trị câu lưu bằng thủ đoạn cưỡng bức ly khai Đảng cộng sản, chúng thành lập Trại quốc gia (Trại II), vận động số tù chính trị ly khai Việt cộng, trở về với “quốc gia”. Đợt đầu tiên, chỉ có 269 người chịu ly khai, về Trại quốc gia, còn 995 người kiên quyết chống, ở lại Trại I, mang tên Trại cộng sản.

Kể từ khi đó, tù chính trị câu lưu bị phân thành hai tuyến: tuyến thứ nhất là những người trực diện chống ly khai ở Trại I mà địch gọi là “Trại cộng sản”, tuyến thứ hai gồm những người chịu điều kiện ly khai ở Trại II mà địch gọi là “Trại quốc gia”.

Trong các văn bản của nhà tù, ngụy quyền Côn Đảo gọi Lao I là Trại I, Trại cộng sản. Công văn số 204/TTHC/CS/2M ngày 15-4-1958 của Quản đốc nhà tù ghi rõ: “Trại I là nơi an trí bọn Việt cộng ngoan cố, chống học tập cải tạo tư tưởng, không nhìn nhận chủ nghĩa quốc gia, biểu hiện dưới các hình thức: không dự lễ chào cờ, suy tôn Ngô Đình Diệm, không hô khẩu hiệu huấn chính: “Ủng hộ Ngô Tổng thống, đả đảo Hồ Chí Minh”.

Chống ly khai cộng sản là hình thức đấu tranh cao nhất, là không thừa nhận chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, là đấu tranh cho mục tiêu hòa bình thống nhất nước nhà, là bảo vệ đường lối giải phóng dân tộc của Đảng, bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đấu tranh chống ly khai là ngọn cờ, là linh hồn trong phong trào đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo trong thời kỳ này.

Những người tù chống ly khai đã trải qua nhiều cực hình đầy đọa: cấm cố, nhốt chặt, đóng cửa cây (cửa gỗ), bớt cơm, bớt nước uống, cúp nước tắm, không cho thuốc khi đau ốm.

Tù nhân Trại I bị giết bằng đủ các kiểu: tra tấn cho đến chết, đày ải trường kỳ sinh bệnh chết, bị bệnh cho trái thuốc để giết luôn. Y tá của nhà tù được đào tạo thành những tên mật vụ chống cộng. Nhiều trường hợp bệnh kiệt ly chúng cho quinine, thương hàn chúng cho sulfamide, tù nhân uống vào đau quặn ruột rồi chết.

Ngày 1-8-1957, anh Kinh Chi quê Tây Ninh, người tù chính trị đầu tiên thời chống Mỹ đã chết tại Trại I. Ngày hôm sau, anh Hoàng Văn Khải chết vì kiệt sức. Ngày 5-8-1957, anh Bùi Văn Khá chết vì bệnh thương hàn. Cả 3 anh đều không được nhà tù cho một viên thuốc nào. Theo phúc trình không số của Nguyễn Văn Hòa, công an biệt phái làm đồng Trưởng trại I, từ tháng 8-1957 đến tháng 8-1958, đã có 118 tù chính trị Trại I chết.

Tên thiếu úy Võ Văn Nguyệt - Phó quản đốc còn nghĩ ra lối giết tù bằng cách cho ăn gạo trắng nhằm hủy hoại nhanh những cơ thể đã suy dinh dưỡng nặng. Kiệt li, nha chu (sưng chân răng) và đen chân là những căn bệnh phổ biến nhất. Có người bị rụng sạch cả hai hàm răng như Hồ Phi Long ở Kon Tum, có người bị đen dần từ chân lên bụng rồi chết.

Kẻ thù lợi dụng cả những phút hấp hối của tù nhân để cưỡng ép họ ly khai. Tên Bảy Nhiên, mật vụ của Ty y tế mỗi lần chích thuốc đều hỏi: “Chịu ly khai không?”. Ai lắc đầu là nó rút kim ra, xịt thuốc xuống đất. Các anh Lê Văn Khá (ở Trà Vinh), Nguyễn Hà, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Trọng (ở Bình Định), Huỳnh Nghinh (ở Quảng Ngãi) bị kiệt lực nặng, đều bị Bảy Nhiên dụ dỗ và cưỡng bức ly khai. Cả năm anh đều thà chết chứ không chịu ly khai để nhận liều thuốc cứu mạng nhục nhã ấy. Chế độ trị bệnh kết hợp với truy bức tư tưởng đã biến bệnh xá Trại I thành nhà xác. Trong vòng một tháng kể từ khi thành lập (6-8-1957), đã có 23 tù nhân chết tại bệnh xá.

Có một số đông những người chống ly khai chưa phải là đảng viên cộng sản, thậm chí, có người chưa giác ngộ cộng sản, có người thuộc các đảng phái, tôn giáo đối lập bị chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp. Theo báo cáo của đồng chí Trần Tấn Lộc, Trưởng ban liên lạc tù chính trị tỉnh Đồng Nai, trong số 1.478 người ở Trại I (thời điểm thống kê) có 23% là đảng viên, 73% là quần chúng cách mạng và 4% là tề, hương chức cũ và các đảng phái khác, không liên quan gì đến cộng sản.

Ông Nguyễn Văn Mua, 62 tuổi, nông dân ở Thủ Đức, bị bắt vì bị vu oan là hoạt động cộng sản đã chống li khai từ đầu. Ông thường nằm lạng lẽ ở một góc khám, trầm ngâm nhìn lên mái nhà, không trò chuyện, thổ lộ gì với ai. Khi bệnh nặng, vào phút lâm chung, ông ngồi dậy, dựa lưng vào tường,

vuốt lại nếp áo, hô to: “Hồ Chí Minh muôn năm” rồi từ từ nằm xuống, nhắm mắt xuôi tay, không trăn trở thêm điều gì nữa.

Anh Nguyễn Hiền, đảng viên Đảng Đại Việt cũng chống ly khai từ ngày đặt chân lên đảo. Nguyễn Hiền đã chịu chung cảnh lon nước, lừng cơm, nằm nghiêng không lọt. Những người tù cộng sản dành cho anh một chỗ nằm thoáng mát và khẩu phần ưu tiên về cơm ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh. Anh xúc động tâm sự: “Tôi không phải là đảng viên cộng sản, quan điểm lập trường khác các anh. Tôi có ly khai cũng không tội lỗi gì, nhưng ngặt một nỗi là ly khai thì chúng bắt hô đa đảo Bác, đó là điều tôi không thể nào làm được. Bác Hồ là người tiêu biểu nhất cho dân tộc Việt Nam cả về đạo đức tác phong và lòng yêu nước. Bởi vậy tôi ở lại đây chiến đấu cùng các anh, nếu cần sẽ chết cùng các anh”.

Chống ly khai cộng sản, chống chế độ Ngô Đình Diệm là lập trường hết sức kiên quyết của anh. Trong con mắt của anh, Bác Hồ là một lãnh tụ vẹn toàn, tài ba siêu việt, còn Ngô Đình Diệm chỉ là một kẻ sát nhân tàn bạo. Anh hi sinh cuối năm 1957 trong vòng tay những người cộng sản. Phút hấp hối, anh nói: ‘Bây giờ tôi đã hiểu cộng sản. Cộng sản là các anh’. Nói xong anh hô: “Hồ Chí Minh muôn năm” rồi nhắm mắt, xuôi tay.

Tập hồ sơ “Tù nhân Côn Đảo với Bác Hồ” lưu tại Phòng lịch sử Đảng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho biết, ở Trại I có trên một ngàn quần chúng cách mạng tham gia phong trào chống ly khai Đảng cộng sản. Nhiều người đã chiến đấu rất kiên cường và hy sinh anh dũng. Ông Huỳnh Văn Mau tự Lẹ, một tín đồ đạo Hòa Hảo ở Long Xuyên bị đánh chết trong một trận khủng bố. Anh Dư Sanh, một tín đồ đạo Cao Đài ở Tây Ninh bị đánh đập đến lột tròng mắt. Sau lần ấy anh bỏ ăn chay và cùng tập thể kiên quyết chiến đấu đến cùng.

Mỗi lần địch khủng bố, thay vì niệm thần chú, anh hô khẩu hiệu “Hồ Chí Minh muôn năm”. Đối với anh cũng như hàng trăm đồng bào các tôn giáo tham gia cuộc đấu tranh chống ly khai thì tên tuổi Hồ Chí Minh cũng thiêng liêng như một tín ngưỡng trên đời. Khát vọng giải phóng dân tộc,

thống nhất Tổ quốc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng đã trở thành lẽ sống mà anh tin đến trọn đời, trọn đạo.

Trại I khi ấy có đủ mặt cán bộ từ cấp Xứ ủy, Khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy cho đến quần chúng cách mạng ở tất cả các tỉnh, từ Quảng Trị đến Cà Mau, Rạch Giá. Hình thức tổ chức buổi đầu chưa phải là chi bộ mà là những Ban lãnh đạo bí mật trong từng phòng, trên cơ sở tín nhiệm và liên hiệp giữa các địa phương: từng tỉnh, liên tỉnh, các miền (miền Trung, miền Đông Nam bộ, miền Tây Nam Bộ và Sài Gòn - Gia Định), để tập hợp ý kiến, thống nhất chủ trương.

Chưa có Nghị quyết của tổ chức Đảng về chủ trương và hình thức đấu tranh trong tù, những người tù chính trị chống ly khai truyền miệng nhau học Kinh nhật tụng của người chiến sĩ, xem đó là tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ cách mạng trong tù. Kinh nhật tụng gồm 12 phần, 196 câu theo thể song thất lục bát, do Khương Hữu Dụng biên soạn với sự cộng tác của Nguyễn Đình và Nguyễn Đình Thư, xuất bản tại Liên khu V tháng 5-1946, trên cơ sở tập Tuyên truyền Việt Minh (Tủ sách huấn luyện, Việt Bắc, 1944), được những người tù chính trị Côn Đảo xem như một "cẩm nang để ứng xử trong mọi tình huống, như một vũ khí sắc bén để đấu tranh một mất một còn với kẻ thù, để trui rèn phẩm chất cách mạng, giáo dục tình đồng chí và nhân cách con người".

Đầu năm 1958, bọn cải huấn mở đợt trắc nghiệm tư tưởng tù chính trị Trại I bằng cách đánh dấu chữ “o”, chữ Chúng phát cho mỗi người một mảnh giấy và bảo: “Ai theo quốc gia thì đánh chữ “+”, ai theo cộng sản thì đánh chữ “o”. Trong lúc chưa có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, anh Hồ Bôi (ở Phù Mỹ, Bình Định) đã nêu ý kiến: “Cái gì địch muốn thì ta không làm, cái gì địch không muốn thì ta làm”. Ý kiến của Hồ Bôi trở thành phương châm hành động của mỗi người tù chính trị, khi phải đối phó với thủ đoạn mới của địch, nhất là trong trường hợp bị phân tán hoặc thiếu sự chỉ đạo tập trung, thống nhất. Hầu hết anh em chọn chữ “o” làm thất bại một lần nữa âm mưu phân hóa của địch .

Số phụ nữ chống ly khai, địch giam tại hầm đá Trại I. Bọn gác ngục sử dụng nhiều thủ đoạn để khuất phục các chị. Xà lim đôi rộng hơn 4 mét vuông, thời Pháp chỉ nhất 2 người, nay nhất 18 chị, 7 ngày mới cho đổ thùng cầu một lần, ngày chỉ một lon nước uống, không nước tắm. Nóng bức và bệnh tật làm sức khoẻ các chị suy sụp. Các chị phải cắt tóc ngắn, ở trần truồng và thay phiên quạt cho nhau, chịu đựng qua mùa hè trong xà lim chật chội, ngột ngạt và oi bức. Nhiều chị có kinh nguyệt phải ngồi trên tấm nilon hoặc trên thùng cầu rồi dùng nước tiểu của mình thay cho nước làm vệ sinh.

Ngụy quyền không từ một thủ đoạn nào đối với những người phụ nữ chống ly khai. Chị Đỗ Hữu Bích gửi đứa con còn đang bú cho chị Sửu ở Trại II nuôi giúp để tham gia chống ly khai, bảo vệ khí tiết. Địch bắt chị Sửu trả đứa bé vào hầm đá Trại I với mẹ. Cuối cùng, theo lời khuyên của tập thể, chị Bích đành gạt nước mắt, chịu ly khai để cứu cháu bé khỏi chết trong hầm đá.

Biết chị Nguyễn Thị Tú trong Ban đại diện phụ nữ chống ly khai thuộc thành phần trí thức, chúng tìm mọi cách mua chuộc, mời chị ra nói chuyện rồi bố trí cho chị ở riêng một xà lim, có chiếu, mền, gối, nhưng chị đã từ chối, trở về nơi cấm cố với tập thể. Không khuất phục được các chị và bị dư luận tố cáo, ngụy quyền Sài Gòn buộc phải đưa tất cả nữ tù chính trị về đất liền vào tháng 4-1958.

Kháng chiến và cộng sản

Thực hiện quốc sách “tố cộng” ngay quyền Côn Đảo tìm mọi cách cưỡng bức Trại I học tố cộng. Ngày 16-7- 1958 chúng gắn loa cho tên Nguyễn Kim Sáu, Bí thư Đảng “Cần lao Nhân vị” Trưởng ty thông tin kiêm Trưởng ban dẫn đạo chính trị tỉnh Côn Sơn đọc bản “Tuyên cáo 8 điểm toàn dân đòi hỏi chính quyền miền Bắc”. Bản tài liệu có nội dung xuyên tạc miền Bắc, nói xấu Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bị tù nhân tẩy chay, chúng gắn loa vào cửa mỗi phòng, tiếp tục cuộc phát thanh theo kiểu cưỡng bức nhằm: “Nếu không tác động có lợi cho chính sách chủ trương của chính phủ (ngụy) thì cũng làm mệt mỏi vì những giờ phát thanh này để không có thì giờ nghĩ đến cuộc chống đối. Hy vọng lôi kéo lần hồi một số không phải là cộng sản mà chỉ bị ảnh hưởng xu hướng theo cộng sản”.

Cuộc phát thanh được Quản đốc Nguyễn Văn Giỏi biến thành một chiến dịch tác động tinh thần, thành một hình thức tra tấn, dày ải tù nhân. Tiếng loa dội vào khám làm tù nhân nhức óc, mất ăn, mất ngủ, mệt mỏi rã rời, nhưng không đạt kết quả. Ngày 24-7-1958, dịch kết thúc “chiến dịch loa” và tiếp tục tác động tinh thần bằng phân hóa “kháng chiến và cộng sản”.

Từ cuối tháng 7-1957, ngụy quyền tiến công những người chống ly khai bằng chiến dịch phân hóa kháng chiến và cộng sản. Chúng đề cao những người kháng chiến là yêu nước, kiên quyết đấu tranh cho độc lập tự do, nhưng cộng sản đã “cướp công kháng chiến”, lái kháng chiến theo “chủ nghĩa tam vô, độc tài, đảng trị”, Bây giờ ai nhận là theo kháng chiến sẽ được “quốc gia” Ưu đãi, trọng dụng, ai nhận theo cộng sản sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Một bộ phận nhỏ tù chính trị chống ly khai Trại I đã nhận theo kháng chiến, còn đại bộ phận đã kiên quyết chống thủ đoạn phân hóa của địch.

Theo báo cáo tháng 8-1958 của Quản đốc nhà tù, trong số 1.190 người ở Trại I, có 320 người nhận là kháng chiến (25,9%), 657 người nhận là cộng

sản hoặc theo cộng sản, theo Hồ Chí Minh. Dịch đưa những người nhận là “kháng chiến” vào hai phòng 1 và 2, gọi là Khám - kháng chiến, các phòng còn lại của Trại I là Khám cộng sản. Khám cộng sản chịu chế độ cấm cố, bị đóng cửa cây, bớt cơm, bớt nước, ốm đau không thuốc.

Khám kháng chiến được đưa ra sân chơi, tắm giặt thoải mái, tuần vài lần đi tắm biển, chơi chùa. Khám cộng sản ăn tương chua, khô đắng, mắm thối, còn Khám kháng chiến thì hàng tuần có rau tươi thịt cá.

Thấm thía nỗi đau và âm mưu chia rẽ của kẻ thù. Khám kháng chiến đã đấu tranh đòi trả về ở chung với các Khám cộng sản.

Thất bại hoàn toàn, Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn kết luận: “kháng chiến” với “cộng sản” cũng là một mà thôi.

Tổng kết thất bại của chiến dịch, Nguyễn Kim Sáu, Trưởng ban dẫn đạo chính trị đã rút ra một nhận xét: “Họ chỉ có một lập trường tuyệt đối tin tưởng Hồ Chí Minh”.

Đầu năm 1959, ngục quyền Sài Gòn đưa trung úy Nguyễn Đắc Dận, một tên ác ôn từ nhà lao Phú Lợi ra làm Trưởng ban an ninh trung tâm cải huấn Côn Sơn. Nguyễn Đắc Dận vừa tốt nghiệp hạng ưu khóa “Nhân vị”, khóa học chuyên huấn luyện các mảnh khóc tổ cộng, diệt cộng của chính quyền Ngô Đình Diệm. Dận tổng kết tất cả những điều đã học được trong một câu: “Cứ tấn tợn giết tợn là ly khai hết”.

Nguyễn Đắc Dận có lối truy bức đến cùng, khuất phục bằng được. Hắn có thể ngồi rỉ rả thâu đêm để khêu gợi bản năng sống từng người, có thể vờ vịt xót xa trước mỗi cảnh ngộ éo le, oan trái, nhưng rồi bất thần, hắn chớp lấy giây phút lo âu, mệt mỏi, nóng thể của từng người mà tấn công, tăng đòn, khuất phục.

Dận chế tạo ra một loại chày vồ bằng gỗ cứng, đường kính một tấc, dài 2 tấc, nặng một ki-lô-gam, có tay cầm. Hắn bắt người tù úp mặt hoặc lưng vào tường, rồi dang tay, quật chày vồ thẳng cánh vào lưng, vào ngực. Người nào khỏe lắm chỉ chịu được 5-7 chày là hộc máu, ngất xỉu. Dận là

hiện thân của chính sách “bàn tay nhung - bàn tay sắt” của chế độ Ngô Đình Diệm mà bàn tay nào cũng dẫm máu.

Chiến dịch “chày vồ” kéo dài trong một tháng, Dận cường bức được gần ba chục người. Ân hận và hổ thẹn vì sự yếu hèn của mình, ông Nguyệt, quê Bến Tre đã xé quần áo, bện thành dây treo cổ tự vẫn trong cầu tiêu. Anh em Trại II cứu được, đưa ông ra bệnh xá. Khi được hỏi vì sao tự vẫn, ông đã trả lời: “Tôi bị đánh đập dã man, sức già không chịu được, phải qua đây, chứ thật lòng không li khai, không bao giờ phản lại Cụ Hồ. Tôi nghĩ ở Lao II cũng chết vì đòn bông khổ sai, cho nên tôi chết luôn cho khỏi nhục”.

Phó tỉnh trưởng Nguyễn Văn Giỏi nghe nói vậy đã xé bản cam kết ly khai của ông và ra lệnh ngưng “chiến dịch chày vồ”, trả tất cả số vừa bị cường bức ly khai về Trại I.

Tết âm lịch (1959), địch cho phép mở cửa 3 ngày, cho tù chính trị Trại I được ra chơi ngoài sân, theo khuôn viên từng phòng. Tù chính trị Trại I đã tổ chức mặc niệm các đồng chí hy sinh, bồi dưỡng ý chí kiên cường tranh đấu, tổ chức múa lân, ca kịch vui chơi, xé rào thăm nhau và trao đổi tình hình, thống nhất nhận định và xây dựng kế hoạch phối hợp tranh đấu.

Ngày mồng hai tết, bức thư trao đổi kế hoạch đấu tranh 6 tháng đầu năm từ phòng 8 chuyển qua phòng 4 (đối diện) bị địch phát hiện. Chúng bắt anh Sơn, đại diện phòng 8 đi khai thác. Sáng mồng ba tết, phòng 8 phát động đấu tranh đòi thả đại diện, bằng hình thức hô la tập thể được toàn thể tù chính trị Trại I hưởng ứng. Nhiều phòng nêu thêm các khẩu hiệu đòi cải thiện đời sống tù nhân, mở rộng dân sinh dân chủ, tranh thủ binh sĩ địch. Tiếng hô la đồng thanh của hơn một ngàn tù chính trị vang động cả thị trấn Côn Đảo làm cho bọn thống trị hoang mang, hoảng loạn. Nhiều tên trật tự, giám thị bỏ chạy.

Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn xuống trấn an, hứa hẹn giải quyết, đồng ý cho đại diện phòng 8 nói chuyện với anh em trên loa trong buổi tối hôm ấy. Cuộc đấu tranh bằng hình thức hô la lắng dịu. Địch tăng cường tra tấn và truy bức khiến anh Sơn không chịu nổi, buộc phải khai Trần Văn Sáu (Sáu Cao) bí thư chi bộ phòng 8 và Sơn lên loa nói chuyện, chấp nhận ly khai,

qua Trại II. Sự yếu hèn của Sơn đã làm phá sản hoàn toàn cuộc đấu tranh hết sức quyết liệt của hàng ngàn con người, vì khẩu hiệu cuộc đấu tranh là đòi thả Sơn.

Hôm sau, địch đưa lực lượng đến phòng 8 bắt Sáu Cao. Cả phòng 8 đã chịu một trận khủng bố ác liệt, hàng chục người thịt rơi, máu đổ nhưng không ai chỉ mặt Sáu Cao. Cuối cùng, địch phải đưa Sơn qua chỉ mặt Sáu Cao để bắt. Sáu Cao nguyên là Tỉnh ủy viên của tỉnh Vĩnh Long. Anh đã chịu nhiều trận đòn chết đi sống lại nhưng không khai báo một lời nào. Tình dẫy giữa 2 trận đòn thù, anh vẫn khảng khái tuyên bố: “Đảng dạy tao làm cách mạng chứ không dạy tao khai với tụi bây”.

Thái độ kiên cường của Sáu Cao khiến đám công an khai thác anh cũng phải kính phục.

Dời trại, vẫn là Trại I

Trại I nằm giữa trung tâm thị trấn Côn Đảo, trước mặt là Văn phòng Giám thị trưởng, bên phải là trại lính, bên trái là Trại II, sau lưng là cư xá giám thị. Cuộc đấu tranh của tù nhân Trại I trực tiếp ảnh hưởng đến binh lính và công chức trên đảo. Khác với bọn công an, cải huấn thường được tuyển chọn từ những tên chống cộng hoặc phản bội, đầu hàng, những người lính Bảo an vốn xuất thân từ nông dân lại có cảm tình với tù chính trị. Phần lớn gia đình họ có quan hệ với cách mạng, từng được chia ruộng đất trong kháng chiến. Nhiều người lính bất bình với sự tàn bạo của chế độ “quốc gia” và bày tỏ tình cảm với tù chính trị.

Lính bảo an thường lén cho anh chị em Trại I từng nhúm muối, nắm rau, viên thuốc. Một bác lính già người Khơme tên là Chim cứ đến phiên gác lại xách nước cho chị em chống lỵ khai ở hầm đá tắm và giặt quần áo cho chị em. Những người vợ lính bán quà bánh, tạp hóa theo từng tốp tù đi làm khổ sai thường giúp anh em nhắn tin về đất liền và “bán vốn” cho anh em. Nhờ đó mà Đài Tiếng nói Việt Nam và Phái đoàn quân sự của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa có tài liệu xác đáng để đấu tranh với địch trước dư luận và trước Ủy hội quốc tế, Ủy ban liên hợp quân sự hai bên.

Những người vợ lính cũng học theo cách của tù chính trị Trại I mà đấu tranh. Họ ghét cay ghét đắng trò tố cộng, chào cờ, chào sĩ quan mà mỗi lần chào lại phải hô khẩu hiệu ủng hộ Diệm, đả đảo Cụ Hồ. Mỗi lần đi theo bán hàng cho tù nhân Trại I, gặp lúc chào cờ, thấy tù chính trị ngồi xuống là các chị cũng ngồi theo. Tết 1959, Trại I đấu tranh bằng hình thức hô la tập thể phản đối khủng bố, đòi trả đại diện về khám và đòi cải thiện đời sống tù nhân. Tiếng hô đồng thanh cả trên một ngàn người làm chấn động cả thị trấn Côn Đảo, làm xôn xao dư luận trong binh lính và công chức. ít lâu sau, một người lính bị phạt giam trong xà lim Trại I. Cả tốp vợ lính cùng kéo vào thăm nuôi và đồng thanh hô theo vợ anh:

- Yêu cầu thiếu tá tình trưởng thả chồng tôi,
- Yêu cầu! Yêu cầu! Yêu cầu!

Chị em hô la đến gần một tiếng đồng hồ. Tình trưởng Bạch Văn Bốn phải cho thả người lính và răn đe đám vợ lính, cấm “không được theo đuôi cộng sản Trại I”.

Trại I là cái gai trước mắt kẻ thù. Ngô Đình Diệm đã ra luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, vậy mà ngay trước mũi bộ máy bạo lực của chúng vẫn sừng sững một “Trại cộng sản” không thừa nhận chế độ “quốc gia” không ly khai cộng sản. Nhiều phái đoàn của Bộ Nội vụ nguy và đích thân Bộ trưởng Lâm Lễ Trinh đã ra Côn Đảo nghiên cứu biện pháp đối phó với Trại I. Ngày 15-7-1959, dịch chuyển 1.445 tù chính trị Trại I về Trại III và Trại IV và Chuồng Cọp nhằm chia cắt, cô lập triệt để, khủng bố quyết liệt hơn trước, tiến tới xóa sổ “Trại công sản”.

Mặc dù bị phân tán ở 3 nơi, dịch vẫn gọi là Trại I, có chung Trưởng trại, chung bộ máy cải huấn và phòng vệ, với ý nghĩa đây là Trại cộng sản, là nơi giam giữ những phần tử ngoan cố theo Hồ Chí Minh. Các khám Trại III mang số hiệu từ một đến 8, các khám đánh số từ 9 đến 16 là thuộc Trại IV. Chuồng Cọp là khu kỷ luật chung nằm giữa 2 lao.

Tháng đầu xuống lao mới đã có 11 tù nhân chết vì các bệnh kiết lỵ, thổ tả, thương hàn. Nhiều tù nhân bức xúc, đề nghị thống nhất lực lượng, đấu tranh bằng hình thức cao nhất là tuyệt thực. Ngày 21-7-1959, khám 12 Trại IV tuyên bố tuyệt thực với các yêu sách đòi cải thiện đời sống tù nhân. Do chưa chuẩn bị đầy đủ tinh thần nên lực lượng bị phân hóa khi dịch đàn áp, chỉ còn 4 anh: Ân, Bảo, Bào, Lành kiên quyết không ăn để bảo vệ yêu sách. Dịch đưa các anh xuống chuồng cọp, giam mỗi người một chuồng.

Theo báo cáo của Chi công an Côn Sơn, vào hồi 12 giờ ngày 18-8-1959, chúng bắt được 2 tù nhân làm hoả thực là Trần Dũng (tự Tấn), 30 tuổi và Nguyễn Anh (tự Kiêm) 29 tuổi mang 4 bức thư bọc trong nilon nội dung như sau:

- Bốn anh tuyệt thực gần chết.

- Ngày qua nó bắt ở Lao 4 sáu người bỏ kỷ luật.
- Phạt uống nước lạnh toàn Lao 4.
- Đã có phòng 14 và phòng 9 trả lại cơm không ăn.
- Tin các anh rõ để phối hợp.
- Xem xong hủy liền.

Đây chính là 4 trong nhiều bức thư liên lạc giữa Ban lãnh đạo Trại II với các đồng chí có trách nhiệm trong lực lượng chống ly khai đang bị cấm cố tại Trại III và Trại IV để phối hợp đấu tranh. Ba đợt tuyệt thực liên tiếp của 4 anh Ân, Bảo, Bào, Lành trong vòng một tháng đã thôi thúc tập thể tù chính trị sớm thống nhất ý chí và hành động. Ngày 24-8-1959, 100 tù chính trị khám 14 mở đầu cuộc tuyệt thực. Chiều ấy khám 12 và khám 16 hưởng ứng, ngày hôm sau toàn thể tù nhân Trại IV tuyệt thực. Ngày 24-8-1959, tại Trại III, khám 6 tuyệt thực.

Ngày hôm sau, các khám 2, 3, 4, 5, 7 và 8 cũng đồng loạt tuyên bố tuyệt thực. Bọn trật tự, công an xông vào từng khám, đánh đến dập nát nhiều bó mây tầm vông rồi kéo từng người ra sân đánh tiếp. Ai chịu ăn chúng nhốt riêng, ai không chịu ăn chúng lôi xuống Chuồng Cọp. Khi tất cả các khám đã đồng loạt tuyệt thực thì bọn địch thay đổi thái độ. Ngày 28-8-1959, Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn xuống Trại III chấp nhận các yêu sách, trừ vấn đề trả tự do. Kỳ sư Lê Văn Thả, đại diện khám 2 được cử đi các khám thông báo sự nhượng bộ của nhà tù.

Địch trả những người bị giam ở Chuồng Cọp về các khám. Riêng 4 anh An, Bảo, Bào, Lành chúng cho là cầm đầu nên vẫn biệt lập tại Chuồng Cọp. Các anh tiếp tục tuyệt thực cho đến ngày 2-9-1959 mới kết thúc đợt tranh đấu, tổng cộng 34 ngày. Các anh là lớp người mở đầu những trang sử tranh bất khuất của tù chính trị tại Chuồng Cọp Côn Đảo trong thời kì này.

Sự nhượng bộ của Bạch Văn Bốn chỉ là một thủ đoạn trì hoãn để chuẩn bị cho đợt khủng bố quy mô hơn. Dây Chuồng Cọp II bị hư hại nhiều được khẩn trương tu sửa lại. Giữa tháng 10-1959, địch đàn áp từng khám để thanh lọc cốt cán. Trên 300 tù nhân đã bị đưa xuống Chuồng Cọp bằng hèo,

gậy, thoi, đá và vôi bột. Cuối tháng 10-1959, Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn đã đưa cả 120 gian Chuồng Cọp ở 2 khu vào sử dụng, một kỉ lục mà bọn chúa ngục thời Pháp chưa bao giờ đạt tới.

Sáng sớm, chuồng cọp mở cửa, tù nhân ra đổ cầu đã bị đánh, bữa trưa ra lấy cơm lại đánh, chiều lấy cơm đánh nữa. Buổi tối địch gọi từng người ra đánh, hoặc bất chợt mở cửa một chuồng nào đó xông vào đánh. Bọn công an, trật tự xoi mói theo dõi từng cử chỉ của tù nhân. Thấy ai nhìn lên chúng lôi ra đánh. Người đứng hoặc ngồi, buồn hoặc vui đều bị đánh. Bất chợt chúng hỏi ngày, hỏi thứ. Ai nói trúng là bị đánh về tội “ở tù tính ngày để làm lễ, đấu tranh”, trả lời sai cũng bị đánh về tội “ở tù ngồi không mà ngày tháng cũng không nhớ”. Chuồng cọp Côn Đảo chính là nơi phơi bày những tội ác man rợ, thú vật, chà đạp nhân quyền con người của ngụy quyền Sài Gòn nhân danh tự do dân chủ dưới sự bảo trợ của đế quốc Mỹ.

Phần nộ trước hành động khủng bố tàn bạo của kẻ thù, nhiều tù nhân đã trực diện phản đối bằng nhiều hình thức, kể cả việc vũ trang chống lại. Có lần, anh Trần Văn Huy (Trần Nga) ở Nha Trang đã đánh trả quyết liệt làm bọn trật tự phải dạt ra. Anh chụp được tên Lê Văn Yên, một trật tự gian ác, ấn đầu nó xuống rãnh nước. Bọn trật tự xúm lại đánh anh ngất lịm. Sau này tù nhân Côn Đảo còn nhiều lần đánh trả bọn khủng bố và trừng trị những tên gian ác.

Chiến dịch “chuyển hướng”

Từ giữa năm 1959, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhiều lần tố cáo chế độ lao tù Côn Đảo của Mỹ- Diệm trước dư luận trong và ngoài nước. Phái đoàn liên lạc của ta gửi đến Ủy ban Quốc tế 2 công văn số 319/CT/VII/B ngày 2-7-1959 và số 493/CT/VII/B ngày 30-9-1959 tố cáo Mỹ Diệm khủng bố 3.402 người kháng chiến cũ tại Côn Đảo.

Bản cáo trạng tình hình Trại tập trung Côn Đảo tháng 12-1959 của Ban Thống nhất Trung ương đã đề cập tình trạng giam giữ tồi tệ ở Lao I, mỗi tù nhân chỉ được một diện tích 0,36 mét vuông để ở và 1,44 mét khối để thở. Cáo trạng còn cho biết, từ năm 1957 đến giữa năm 1959, Mỹ Diệm đã giết hại 360 tù chính trị Lao I. Cáo trạng kêu gọi đồng bào từ Bắc chí Nam, ở trong nước cũng như ngoài nước đoàn kết đấu tranh, đòi: “Thả hết những người yêu nước bị giam cầm ở Côn Đảo và các nhà ngục khác ở miền Nam, chấm dứt chính sách khủng bố, trả thù những người yêu nước, những người kháng chiến cũ...”.

Đài Tiếng nói Việt Nam và nhiều tổ chức, đoàn thể chính trị tại Hà Nội đã lên tiếng tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm, ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh anh dũng của tù chính trị Côn Đảo.

Địch không chùn tay. Chúng đối phó lại bằng cách chuẩn bị một chiến dịch đánh phá quy mô nhằm xóa sổ Trại I - Trại cộng sản. Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã nhiều lần chỉ thị cho Bộ Nội vụ ngụy nghiên cứu, giải quyết tình trạng các can cứ chính trị cộng sản tại Côn Đảo. Ngô Đình Cần, tên lãnh chúa Trung phần đã cử Dương Văn Hiếu, trùm mật vụ miền Trung vào giúp Diệm - Nhu thanh toán Trại I.

Dương Văn Hiếu là tên phản bội nguy hiểm, nhờ thành tích đánh phá các tổ chức cộng sản mà leo lên chức Trưởng ty công an nguy tình Thừa Thiên, Trưởng đoàn công tác đặc biệt miền Trung tại Sài Gòn, Phụ tá Khối Cảnh sát đặc biệt. Hiếu ra Côn Đảo nghiên cứu tình hình rồi vận dụng kinh

nghiệm “chuyển hướng” ở Trại Vân Đồn, Trại Lê Văn Duyệt (Sài Gòn), Trại Toà Khâm (Huế), trình Nội các ngụy một chiến dịch quy mô nhằm: “Giải quyết tình trạng phản ứng, chống đối Chính phủ VNCH của các phạm nhân chính trị ở Côn Sơn, cải huấn tất cả số phạm nhân ngoan cố, đưa vào kỉ luật để học tập, khai thác tổ chức lãnh đạo V.C ở trại giam để cô lập và loại trừ”.

Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu phê chuẩn kế hoạch của Hiếu và quyết định thành lập Ban chỉ huy Trung ương chiến dịch gồm:

– Thiếu tướng Mai Hữu Xuân, Tổng giám đốc an ninh quân đội ngụy là chỉ huy trưởng.

– Đại tá Nguyễn Văn Y, Tổng quản đốc các trung tâm cải huấn là chỉ huy phó.

– Dương Văn Hiếu, Trưởng đoàn công tác đặc biệt Trung Việt tại Sài Gòn là chỉ huy phó.

Theo phiếu trình số 135/ĐCT/ĐB/TV/M ngày 23-4- 1960 của Dương Văn Hiếu, Ban chỉ huy Trung ương tổ chức 5 tiểu ban: Y tế, Tuyên huấn, Điều tra khai thác, Liên lạc, An ninh quân sự, tất cả hành quân từ Sài Gòn trên chiếc Hải vận hạm 400, tập kết tại Côn Đảo vào ngày 31-3-1960. Ngay buổi tối hôm ấy, Tiểu ban điều tra khai thác đã tập trung thẩm vấn 88 can cữu Trại I vừa ly khai để tìm hiểu cơ cấu tổ chức và lãnh đạo của tù chính trị, 36 cốt cán của Trại I bị phát giác trong cuộc thẩm vấn bị cách ly tại Chuồng Cọp.

Sáng 1-4-1960, dịch đồn toàn bộ tù chính trị “Trại Cộng sản” đang bị giam giữ ở Trại III, Trại IV và Chuồng Cọp ra 4 địa điểm tập trung ngoài trời:

- Địa điểm I ở Lò Vôi: 316 can cữu.
- Địa điểm II ở Chợ Côn Sơn: 285 can cữu.
- Địa điểm III ở An Hải: 257 can cữu.
- Địa điểm IV ở Hàng Dương: 285 can cữu.

Các điểm tập trung đều có hàng rào kẽm gai có lính bảo an, công an, mật vụ và trật tự an ninh uy hiếp. 12 tên cán bộ cải huấn, hầu hết là số đầu hàng phản bội đã từng được Dương Văn Hiếu đào tạo chia làm 4 tốp, thuyết trình “chuyển hướng”. Từ dinh Tỉnh trưởng, Ban chỉ huy chiến dịch theo dõi diễn biến tại các địa điểm và chỉ đạo qua máy bộ đàm.

Nhận thấy trình độ của bọn cán bộ cải huấn còn non yếu, chưa ứng phó được sự chất vấn của tù chính trị, 2 tên đầu sỏ Nguyễn Văn Y và Dương Văn Hiếu đã trực tiếp xuống các địa điểm, luân phiên thuyết trình vào ngày 2-4-1960. Vừa tác động tinh thần, chúng vừa dùng vũ lực uy hiếp. Ai tỏ thái độ chống đối là chúng bắt giữ, khai thác rồi cách ly tại Chuồng Cọp.

Ngày thứ 3 của chiến dịch, chúng dồn số tù nhân còn lại ở ba địa điểm về Hí Viện. Nhằm được diễn biến tư tưởng của những tù nhân vừa ly khai, địch đánh trúng vào tâm lý muốn chuyển hướng đấu tranh lúc đó. Nguyễn Văn Y, Tổng quản đốc các trung tâm cải huấn đã dùng từ “chuyển hướng”, “qua Trại II” thay cho khái niệm “ly khai” có vẻ nặng nề về chính trị. Hắn nói: “Theo chủ nghĩa nào là quyền tự do của các anh. Tôi chỉ yêu cầu các anh qua Trại II để chúng tôi có thể đề nghị lên Chính phủ thả các anh về. Như vậy tôi thực hiện được chính sách nhân đạo mà các anh cũng không sút mẻ gì về lý tưởng, lại được sum họp gia đình”.

Sau hơn ba năm đấu tranh, trực diện chống ly khai, chống tố cộng, tù chính trị Trại I đã chịu nhiều hi sinh, tổn thất. Bảo vệ khí tiết là lập trường nguyên tắc, song về hình thức đấu tranh, nhiều người đã đưa ra quan điểm chuyển hướng đấu tranh, lùi một bước để bảo vệ cán bộ. Nếu cứ tiếp tục trực diện chống ly khai thì kẻ thù có thể tiêu diệt hết lực lượng trung kiên của Đảng. Trước nguy cơ tan vỡ không tránh khỏi, những đồng chí có trách nhiệm ở Trại I đã nhanh chóng thảo luận, nhận định tình hình và truyền miệng những ý kiến chỉ đạo sau:

1. Địch có thể dùng hộ máy khủng bố khổng lồ, dùng bạo lực để đánh bức số tù nhân Lao I qua Lao II, nhưng chúng sẽ phải trả giá đắt, phơi trần bản chất chế độ phát xít bạo tàn và vĩnh viễn không thể chinh phục được

trái tim và khối óc của những tù nhân chính trị mà chúng đã cưỡng ép bằng lưỡi lê, họng súng.

2. Dịch có thể tiếp tục đánh giết cao hơn, nhưng dù phải hy sinh đến người cuối cùng thì truyền thống bất khuất của Lao I cộng sản sẽ sống mãi với non sông, đất nước. Những anh em còn lại hãy quyết tâm quyết tử chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, giữ vững ngọn cờ Đảng giữa lao tù Côn Đảo.

5. Những người sức chịu đựng có hạn, buộc phải qua Lao II phải đoàn kết thành Mặt trận tù nhân, tiếp tục cuộc đấu tranh chống mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, vươn lên khôi phục khí tiết, giành lại vị trí Lao I vinh quang".

16 giờ ngày 3-4-1960, Mai Hữu Xuân ra lệnh kết thúc chiến dịch. Vài trăm người còn lại bị đưa ra sân banh, chia nhỏ ra từng tốp 10 người. Bọn cải huấn, thông tin, chiêu hồi, công an, trật tự bu lại, vừa dụ dỗ dọa dẫm vừa lôi kéo cưỡng bức. Từng người tù đều bị kiểm soát, giám sát, không được bàn bạc gì với nhau. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm về mình trước Đảng, tự chọn lấy một trong hai con đường: hoặc là quyết tử chống ly khai để nhận lấy cái chết trong sự đày ải nghiệt ngã, hoặc là chuyển hướng đấu tranh, chịu ly khai để sống trở về tiếp tục hoạt động.

Đến 19 giờ ngày 3-4-1960 còn lại 59 người kiên quyết nhất bị áp giải về Chuồng Cọp. Đoàn người lặng lẽ đi vào cửa tử thần. Họ tự nguyện chấp nhận cái chết để bảo toàn khí tiết, chết cho lí tưởng cộng sản, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chiến dịch Bác Ái

Ngay sau chiến dịch, ngục quyền cải tổ lại bộ máy nhà tù, tăng cường bóc lột khổ sai và cưỡng bức học tố cộng đối với tù chính trị đã ly khai, đồng thời tiếp tục mở chiến dịch Bác Ái nhằm thanh toán dứt điểm số can cứ chống ly khai còn lại. Bác Ái là một trong những chiêu bài của chủ nghĩa “Cần lao”, “Nhân vị” mà Diệm -Nhu đem ra lừa mị. Bác Ái là tên mới mà chúng đặt cho Trại III và Trại IV trong đó có hai dãy chuồng cọp đang giam giữ những chiến sĩ chống ly khai kiên cường nhất, song thực chất Chiến dịch Bác Ái là chiến dịch đẫm máu.

Mở đầu chiến dịch Bác Ái, mỗi ngày, bọn công an, trật tự khủng bố tù nhân ở chuồng cọp 3 lần vào buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều. Ngoài ba trận đánh theo thường lệ, người tù chuồng cọp còn bị đánh bất kỳ lúc nào, không nhất thiết phải có lí do gì. Mỗi buổi chiều uống rượu say, chúng lôi tù ra đánh. Bị cấp trên khiển trách, chúng trút uất ức lên đầu người tù. Không có chuyện gì, chúng đánh tù để tiêu khiển. Bọn công an trật tự, cải huấn được chúng tuyển chọn từ những tên đầu hàng, phản bội, có tinh thần chống cộng và được kích thích bản năng thú tính để cắn xé đồng loại. Thấy người tù nào còn sức chịu đựng, chúng đánh cho kiệt quệ. người nào ốm yếu, chúng tăng đòn cho mau chết. Không khuất phục được thì chúng đánh cho tàn tật, mẫn tù về cũng không bốc nổi hột cơm mà ăn. Bọn gác ngục đã nhiều lần công khai tuyên bố ý đồ của quan thầy chúng như vậy.

Trong gần 3 tháng đầu của chiến dịch Bác Ái, nhiều chiến sĩ trung kiên đã chết thê thảm ở chuồng cọp. Người đầu tiên là Nguyễn Văn Mai tức Nguyễn Thiện, tiếp đó là Lương Bằng (tự Trần Cửu) quê Bình Thuận. Anh Trần Văn Vị, bị đánh đến hấp hối, bọn trật tự khiêng anh ra bệnh xá chữa trị. Anh kiên quyết không đi và nói: “Tao thà chết ở chuồng cọp, ở vị trí chống li khai này chứ không đầu hàng tụi hay”. Vài giờ sau, anh tắt thở.

Sinh viên y khoa Trần Hữu Đại bị đánh đến dập nát phổi, ho ra máu và sau đó đã hi sinh tại nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn).

Anh Nguyễn Thanh Tâm bị đánh đập đến phát điên. Vài ngày trước khi chết, anh thường kêu tên mẹ, tên cha, tên vợ, kêu nhiều đến nỗi số anh em ở chuồng cọp lúc ấy thuộc hết tên tuổi, cha, mẹ, vợ anh. Tiếng kêu gào của anh cằn cào, đau đớn, nghe xé ruột xé gan giữa đêm âm u trong chuồng cọp lạnh vắng: “Ba má ơi! con thương ba má lắm nhưng bè lũ Mỹ - Diệm chúng giết con rồi”.

Thấy mặt bọn gác ngục là anh hô: “Đả đảo Ngô Đình Diệm”. Gặp người tù chính trị nào anh cũng tuyên bố: “Tao chưa phải là đảng viên nhưng tao chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Đứa nào ly khai tao bắn. Đứa nào động đến Hồ Chí Minh tao bắn”. Anh bắn súng miệng: “Pằng, pằng, pằng... pằng, pằng, pằng...” cho đến lúc giọng anh nhỏ dần và lịm hẳn. Anh ngã xuống khi mới ngoài hai mươi, độ tuổi đầy sức sống yêu đời.

Theo báo cáo đặc biệt ngày 28-6-1960 của Trưởng ty công an Côn Sơn, từ 25-5 đến 25-6-1960 “có 4 người đã chết tại chuồng cọp. Nhân số của Trung tâm cải huấn I lúc đó là 2.884. Riêng Trại Bác Ái có 2.591 trong đó có 40 người bị phạt kỷ luật và 53 người chưa ly khai”.

Dám chết cho lý tưởng cao đẹp đã khó, nhưng sống, chiến đấu bảo vệ lý tưởng trong xiềng xích, nanh vuốt, cạm bẫy của kẻ thù cũng khó khăn không kém phần. 53 chiến sĩ còn lại đã xác định lập trường dứt khoát không ly khai cộng sản, không đả đảo lãnh tụ của mình. Họ đã sẵn sàng hy sinh để vẹn toàn khí tiết, để bảo vệ lý tưởng cộng sản, song kẻ thù lại không cho họ chết một cách dễ dàng. Chúng buộc họ phải chết dần chết mòn, chết lay chết lắt, chết từng làn da thớ thịt, chết trong đau đớn dày vò triền miên, chết đi sống lại nhiều lần.

Không phải ai cũng có được sức chịu đựng phi thường như vậy, nhất là khi một mình trong chuồng cọp, không có đồng đội bên mình, không có tắc vũ khí trong tay, không có chút thông tin về ta và địch, không có một lời chỉ dẫn hoặc cổ vũ nào của tổ chức và đồng đội.

Khi thử thách vượt quá giới hạn chịu đựng của thể xác và tinh thần, đội ngũ trung kiên chống ly khai vơi dần, có người chết đau đớn, thê thảm, có người không chịu đựng được phải rời đội ngũ. Mỗi người một cảnh ngộ. Anh Phan Kiệm (tự Năm Thành) nguyên là Phó Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định trong một lần trao đổi tình hình với anh Nguyễn Đức Thuận thì bị địch phát hiện. Chúng bắt anh đi điều tra và sau đó anh chịu chuyển hướng, ly khai.

Anh Hoàng Dư Khương, nguyên Phó Bí thư Xứ ủy bị đánh đến tàn phế, nằm liệt rồi chịu ra bệnh xá điều trị. Ngụy quyền Côn Đảo đã hạ thấp yêu cầu xuống mức tối thiểu để phân hóa đội ngũ trung kiên nhất. Chúng không bắt ký giấy ly khai, học tố cộng, hô khẩu hiệu, ký kiến nghị ủng hộ Diệm như trước. Bọn cải huấn chỉ yêu cầu “ra bệnh xá” trị bệnh, ai gật đầu hoặc im lặng thì chúng khiêng đi liền và xem như đã thanh toán được một “phần tử ngoan cố” tại chuồng cạp. Gần hai chục người đã rời khỏi đội ngũ vì thủ đoạn này.

Đi bệnh xá lúc ấy đồng nghĩa với việc chịu ly khai. Việc ra đi của các anh Phan Kiệm, Hoàng Dư Khương và một số chiến sĩ trung kiên là một tổn thất lớn, gây tác động tâm lý đối với số chống ly khai còn lại ở chuồng cạp và số đã ly khai ở các trại đang vươn lên phục hồi khí tiết.

Cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi (11-11- 1960) đã báo hiệu sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Dẹp xong cuộc đảo chính, Diệm - Nhu lại tiếp tục đàn áp các phe phái đối lập và những người kháng chiến. Để tỏ rõ lòng trung thành với chế độ Diệm, Tỉnh trưởng Lê Văn Thế đã tổ chức một đợt khủng bố đẫm máu nhằm thanh toán bằng được 18 người chống ly khai còn lại.

Đại úy Tăng Tư thay trung úy Nguyễn Văn Út làm Phó Tỉnh trưởng theo Nghị định 129-NV ngày 26-12- 1960. Vừa lên chức, Tăng Tư tổ chức ngay đợt khủng bố với mức độ tàn bạo vượt xa những lần trước. Tăng Tư cho bọn trật tự khiêng lu lên nóc chuồng cạp, đổ đầy nước vào. Đêm đến, bọn này bắt từng người ngồi yên một chỗ rồi xối nước lên đầu. Hơn một tháng

dầm mình trong nước lạnh, đêm đông gió rét, da dẻ ai cũng nhợt nhạt, lở loét, bầm tím, sưng phù.

Công an rình rập theo dõi phản ứng, bọn cải huấn thăm dò diễn biến tư tưởng, bọn trật tự đánh đập ban ngày, ban đêm xối nước. Mỗi ngày ở chuồng cọp, người tù phải lãnh đủ 24/24 giờ, căng óc ra mà đối phó. Hầu như lúc nào cũng có cặp mắt rình mò, soi mói. Bất thần chúng hiện ra, thấy một tiếng thở dài là bám riết tác động, có cử chỉ núng thế là lôi ra đánh ngay, phản ứng yếu ớt là chúng tăng đòn, lấn tới.

Trong cảnh ngộ đó, người tù phải cân nhắc mỗi ý nghĩ, hành vi, cử chỉ, khi nào ăn, khi nào không ăn, nói điều gì, không nói điều gì, lúc chịu đựng, lúc phản đối, sao cho không mắc cạm bẫy của kẻ thù, cố sống thêm từng giờ, từng phút mà đấu tranh, đẩy lùi tội ác, giành lại sự sống. Mỗi người tù công ly khai còn lại đều ý thức được rằng, sự tồn tại của họ không chỉ có ý nghĩa cho riêng mình mà là hiện thân của chính nghĩa trước bạo tàn, của cái thiện trước cái ác.

Cuộc đấu tranh chống ly khai là nơi đối đầu cao nhất giữa những người cộng sản trung kiên và những tên đao phủ của một chế độ cực đoan đã đưa tổ cộng, diệt cộng lên hàng “quốc sách”.

Kẻ địch thường đẩy người tù đến bên miệng hố tử thần, để họ phải day dứt, trăn trở, chết dần mòn từng giờ từng phút. Thế rồi chúng lại cho ăn uống bình thường để bản năng sinh tồn trỗi dậy, khát khao sự sống. Chập chờn giữa hai thái cực, giữa sự sống và cái chết, tư tưởng con người bị căng thẳng cao độ. Hầu như mỗi người tù chuồng cọp đều đã trải qua hàng chục, hàng trăm lần trăn trở, dao động, tìm đủ mọi thứ lý luận để biện hộ cho sự sống và cái chết, cho việc ly khai hay không ly khai.

Ngày 11-3-1961, Tỉnh trưởng Lê Văn Thế đã ký Sự vụ lệnh số 042/CS/VP/SVL nhằm thanh toán 18 can cứu chống ly khai ở chuồng cọp. Sau hai tuần dùng đủ các thủ đoạn đường mật dụ dỗ không kết quả, bọn cải huấn bắt từng người viết bản xác nhận lập trường, cam kết chịu trách nhiệm về việc không ly khai cộng sản để chuyển giao cho công an, trật tự thanh toán bằng bạo lực.

Anh Nguyễn Văn Vinh tức Vạn quê ở Bình Định bị đánh đập và truy bức tư tưởng đến phát bệnh tâm thần. Có lúc anh ngẩn ngơ như người mất hồn, có lúc lại thương vợ nhớ con, gào khóc thảm thiết. Lúc tỉnh ra anh lại trần trở, tâm tư cùng anh em. Bị giằng xé giữa hai thái cực, ly khai thì có tội với Đảng với Bác mà chống ly khai thì chết không thấy mặt vợ con. Anh đã chọn cái chết khi không đủ sức chịu đựng, chết để trọn lòng trung với Đảng, để khẳng định niềm tin tất thắng vào con đường đấu tranh, chết để chặn bàn tay tội ác của kẻ thù. Một tối, anh dùng đũa mài nhọn cửa cổ lấy máu viết lên khẩu hiệu “Hồ Chủ tịch muôn năm”. Sau đó anh hô to ba lần khẩu hiệu đó rồi cắt cuống họng để kết thúc, nhưng không thành.

Bọn trật tự xông vào chuồng cọp, đưa anh đi cấp cứu rồi tách riêng, tác động mạnh. Chúng đã thành thạo việc lợi dụng từng khe rạn nứt trong tư tưởng, tình cảm của mỗi người để đánh phá. Anh Vinh chấp nhận ly khai ngày 13-3-1961, sau 3 ngày của chiến dịch “can vận”. Kể từ đó, anh cấm khẩu luôn, không nói năng, không làm gì có hại cho Đảng, cho tập thể. Trường hợp của anh Vinh là một bi kịch thật xót xa.

Mười bảy chiến sĩ kiên cường còn trụ lại đã viết bản xác định lập trường. Anh Phan Trọng Bình viết ngắn nhất. Bản xác định lập trường của anh vắn vắn có 6 từ: Tôi không thể ly khai được và ký tên: Vũ Văn Mậu (tên trong tù của anh).

Anh Nguyễn Đức Thuận viết dài nhất, kín hai mặt tờ giấy ô vuông khổ lớn. Mỗi người một tâm tư, một đối sách với kẻ thù. Ai cũng khẳng định lập trường không ly khai Đảng, Bác. Từng nét chữ, từng gương mặt, từng cuộc đời đều gợi lên vẻ đẹp của những tấm lòng trung hiếu. Anh Nguyễn Minh (tự Sơn), sinh năm 1928 tại phường Đức Thắng ở thị xã Phan Thiết khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp và đường lối đấu tranh thông nhất nước nhà của Đảng Lao động Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn, vì vậy anh dứt khoát không ly khai, dầu có chết cũng vui lòng.

Anh Phạm Thành Trung (tự Đua) quê làng Mỹ Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho đã xác nhận lập trường như sau: “Tôi không thể ly khai Bác và

Đảng cộng sản được. Tôi không biết quốc gia là gì. Vì vậy mà không ly khai”.

Anh Lê Văn Một (tự Phan Thành Trung) sinh năm 1928 tại Sóc Trăng viết: “Tôi không thể đả đảo Hồ Chí Minh được...”

Cùng nhóm với Lê Văn Một còn có Hoàng Chắt và Phạm Quốc Sắc. Tờ xác nhận lập trường của Phạm Quốc Sắc nội dung như sau: “Tôi tên Phạm Quốc Sắc, xin xác nhận là không ly khai Đảng cộng sản vì tư tưởng tin tưởng vào đường lối của cộng sản...”.

Tên cán bộ cải huấn Ngô Tứ Trung chịu trách nhiệm “can vận” ba anh đã bất lực phản ánh qua tờ trình ngày 27-3-1961: "... trong thời gian công tác, các can y được tôi săn sóc chu đáo, giải quyết thoả mãn các nhu cầu, giải thích cặn kẽ, ân cần khuyên nhủ, nhưng đến kết luận là các can y vẫn một mực tôn thờ chủ nghĩa cộng sản đến cùng cũng như không thể đả đảo Hồ Chí Minh được. Trân trọng phúc trình thiếu tá để có thái độ trừng trị thích ứng đối với các can y đã tỏ thái độ ngoan cố”.

17 chiến sĩ chống ly khai còn lại đều phải trả giá bằng máu và mạng sống cho lập trường chống ly khai. Trận khùng bố đêm 27-3-1961 đẫm máu. Ông già Cao Văn Ngọc (Bà Rịa), các anh Phạm Thành Trung (Mỹ Tho), Ngô Đến (Khánh Hòa), Hoàng Chắt (Hà Nội), Nguyễn Công Tộc (Bạc Liêu) hy sinh ngay trong đêm ấy. Anh Nguyễn Văn Mười (tự Hoàng Sơn) hấp hối, sáng hôm sau thì tắt thở. Anh Nguyễn Văn Định ngấm đòn đến 16 ngày sau mới chết.

Nguyễn Văn Mười sinh năm 1917 tại Cai Lậy (Mỹ Tho), xuất thân là dân giang hồ, theo kháng chiến, đánh giặc rất gan, làm Tiểu đoàn trưởng Bộ đội Hoàng Thọ. Anh xóa dần đi dấu vết giang hồ và xăm lên ngực hàng chữ “Suốt đời trung thành với Hồ Chủ Tịch”. Bọn gác ngực điên cuồng đánh đập anh không biết bao nhiêu trận. Chúng tuyên bố là sẽ đánh cho đến khi anh “từ bỏ lãnh tụ” mới thôi. Hoàng Sơn bộc trực, thẳng thừng nói: “Chúng mày có lột da, xẻo thịt, róc xương thì tao cũng không từ bỏ lãnh tụ, tao cũng không ngừng chiến đấu”.

Trong trận đòn thù đêm 27-3-1961, anh luôn miệng hô khẩu hiệu “Hồ Chủ Tịch muôn năm” cho đến khi tắt thở. Lòng tôn kính vị “Cha già dân tộc” đã nâng anh từ một kẻ giang hồ thành chiến sĩ cách mạng và anh đã đi trọn lẽ sống của mình.

Ông già Cao Văn Ngọc sinh năm 1897 tại làng An Ngãi, quận Long Điền (tỉnh Bà Rịa, nay là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), xuất thân là hương quản, tham gia kháng chiến làm thư ký nông hội xã, khi bị bắt chỉ là cơ sở của chi bộ xã, nhưng ông là một trong số những người kiên cường nhất trong cuộc đấu tranh chống ly khai Đảng cộng sản, chống hô khẩu hiệu đả đảo Hồ Chí Minh.

Bọn cải huấn đã nhiều lần khiêu khích, vì sao ông không là đảng viên mà chống ly khai Đảng cộng sản, ông duyên nợ gì với Hồ Chí Minh mà lại phải chống hô khẩu hiệu? Ông đã hóm hỉnh trả lời: “Cụ Hồ giải phóng cho dân tộc khỏi ách nô lệ, tôi mang cái nợ đó, tôi phải trả suốt đời”.

Khi chỉ còn vài chục người chống ly khai trong chuồng cọp, không ít người đã dao động, suy tính chuyện sống hay chết thì ông động viên anh em: “Mấy chú là đảng viên, mấy chú được chiến đấu cho lí tưởng cộng sản, được chết cho lí tưởng cộng sản thì còn vinh dự nào hăng”.

Ông già Cao Văn Ngọc và sau đó là Lưu Chí Hiếu đã được tù chính trị xếp vào hàng những ngôi sao sáng nhất, những con người mà tâm hồn, tư tưởng và phẩm chất sáng trong như viên ngọc quý.

Cam kết quyết tử chống ly khai

Hơn một tháng sau trận đòn thù, mười người còn lại vẫn chưa gượng dậy được. Kẻ thù tiếp tục dày ải và đánh đập để truy bức, nhanh chóng xóa sổ những “phần tử ngoan cố” cuối cùng.

Anh Trần Trung Tín đã tuyệt thực đến chết để phản đối đợt khủng bố man rợ này. Anh tuyệt thực được 20 ngày thì Tỉnh trưởng Tăng Tư ra lệnh cúp nước. Anh trút hơi thở cuối cùng vào ngày 13- 8-1961. Lúc hấp hối, bọn cải huấn đem thư của vợ anh ra đọc, lấy hình vợ con vừa gửi đến cho xem, anh nhắm mắt, lặng im, quyết tử để giữ vẹn tấm lòng trung với Đảng với Bác Hồ, để lên án, ngăn chặn tội ác kẻ thù.

Cái chết của Trần Trung Tín đã chấm dứt đợt khủng bố ghê rợn của địch. Chúng mở cửa chuồng cọp, cho 9 người còn lại ra sân chơi, tắm giặt, ăn uống bình thường.

Kẻ địch đã ngỏ cửa, hạ thấp điều kiện đến tận cùng hòng thanh toán những can cứng chống ly khai ngoan cố nhất bằng các thủ đoạn lừa lọc. Ai khai bệnh là chúng đưa đi bệnh xá ngay, cho chữa trị dài ngày, không động đến chuyện ly khai, không bắt kí kiến nghị, hô khẩu hiệu như trước. Bọn cải huấn không đề cập đến hai từ “ly khai” nữa mà xúm vào vận động những người còn lại ra bệnh xá trị bệnh để chúng “đóng cửa chuồng cọp, dùng vào việc khác”.

Ngày 8-8-1961, anh Nguyễn Đình Đông xin ra bệnh xá điều trị.

Ngày 21-8-1961, anh Nguyễn Văn Điển cũng chấp nhận ra bệnh xá.

Việc ra đi của Nguyễn Đình Đông và Nguyễn Văn Điển khiến những người còn lại phải lượng sức chiến đấu của mình, của đồng đội. Trong đợt địch ngưng khủng bố, bảy người còn lại đã thảo luận về hai nguy cơ đặt ra lúc ấy là cái chết và sự ly khai. Nếu người cuối cùng trong họ không chết tại Chuồng Cọp mà ly khai thì có nghĩa là cuộc đấu tranh trong chống ly khai cộng sản trong gần sáu năm qua hoàn toàn thất bại. Bảy người còn lại

là những “hạt gạo cội” trên sàng, là ngọn cờ cho hàng ngàn người tù chính trị đang vươn lên phục hồi khí tiết.

Theo báo cáo của đồng chí Nguyễn Đức Thuận tại Trung ương Cục khi được trả tự do (5-1964), Nguyễn Đức Thuận, người có cương vị lãnh đạo cao nhất trước khi bị bắt đã trao đổi với Phan Trọng Bình rồi đưa ra chủ trương “Nhượng bộ một phần trăm để cứu mạng sống”.

Lưu Chí Hiếu là người phản đối đầu tiên. Anh lết đến gặp Nguyễn Đức Thuận và Phan Trọng Bình tại sân tắm nắng trước cửa chuồng cọp nói:

– Các anh bàn gì thì bàn, nhưng đừng bàn chuyện ly khai Đảng, đừng quyết định cho tôi ly khai, tôi không đi đâu.

Anh còn nói với mọi người rằng:

– Đảng dạy chúng ta chiến đấu chứ không dạy chúng ta đầu hàng, dầu chúng ta có hy sinh đến người cuối cùng thì thời gian và lịch sử sẽ báo cáo lại với Đảng, với Bác. Không thể ly khai được. Ly khai là làm sai tiếng nói lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta. Ly khai là cướp không xương máu của những người đã hi sinh.

Sau Lưu Chí Hiếu, các anh Nguyễn Minh, Lê Văn Một, Phạm Quốc sắc cũng phát biểu ý kiến, bày tỏ lập trường quyết tử chống ly khai. Anh Huỳnh Văn Khi đã cấm khẩu từ tháng trước, lúc đó cũng phều phào nói với Nguyễn Đức Thuận: “Các anh sao tôi vậy”.

Cuộc thảo luận trong những ngày ngắn ngủi giữa hai đợt khủng bố trở thành một đợt sinh hoạt chính trị vô cùng quan trọng, góp phần củng cố lập trường quan điểm cho bảy chiến sĩ kiên cường. Họ không nhượng bộ một phần trăm nào nữa mà cam kết cùng nhau Quyết tử chống ly khai với tinh thần tự lực chiến đấu, còn một người cũng chiến đấu, trong bất kì hoàn cảnh nào đều phải chống ly khai, chống tố cộng, chống chào cờ, bảo vệ bằng được khí tiết của người cách mạng, bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ uy tín của Đảng, của Bác Hồ kính yêu.

Lưu Chí Hiếu đã thể hiện nổi bật bản lĩnh của người cộng sản trong lần quyết định vận mệnh cuộc đấu tranh ly khai vào lúc hiểm nghèo.

Cam kết Quyết tử chống ly khai giống như một nghị quyết quan trọng nhất mà sau sáu năm với biết bao tổn thất hy sinh, những người tù chính trị đã có được.

Cam kết Quyết tử chống ly khai là lời tâm huyết của bảy con người đã sức cùng lực kiệt, đã chết đi sống lại hàng trăm lần trong đọa đày cùng cực. Họ đang chết dần, chết mòn từng phần, từng phần trên cơ thể để rồi hội tụ tất cả tinh hoa, khí phách anh hùng của chính mình và của đồng đội mình đã ngã xuống, tận hiến cho cuộc đấu tranh bảo vệ lý tưởng cộng sản quyết liệt nhất trong lao tù.

Bảy thân hình tiều tụy xiết chặt tay nhau trước dãy chuồng cọp. Họ ôm hôn, vĩnh biệt nhau. Từ giờ phút ấy, không ai còn thuộc về mình nữa. Họ đã tự nguyện đi vào cõi vĩnh hằng để gieo mầm cho lý tưởng cộng sản chiến thắng ngay trong ngục tù đế quốc.

Trong số bảy người, tình trạng sức khoẻ của anh Huỳnh Văn Khi là bi đát nhất. Huỳnh Văn Khi tự Nguyễn Văn Chi, sinh năm 1917 tại xã An Phước, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai). Trận đòn thù đêm 27-3-1961, anh bị gãy 11 xương sườn, 2 xương quai xanh, mang thêm chứng kiết lỵ mãn tính. Hơn ba tháng ròng anh chỉ ngồi bó gối cạnh thùng cầu tiêu. Khi tám thân tàn phế không còn lết được trên hai cánh tay gầy guộc nữa, địch khiêng Huỳnh Văn Khi ra bệnh xá (5-9-1961), đưa anh và những người bệnh nan y về đất liền rồi trả cho vợ anh một năm da bọc xương chỉ còn thoi thóp thở. Đội ngũ chống ly khai còn lại 6 người.

Mùa đông năm 1961, địch xối nước nhiều hơn. Có đêm, chúng còn múc cả phân, nước tiểu, nước dơ, dầu nhớt xối xuống người các anh. Những trận đòn không kỳ hạn cùng cơm gạo trắng với mắt thối làm suy sụp nghiêm trọng cơ thể sáu ngọn cờ chống ly khai còn lại. Mạng sống của sáu người mong manh, lay lắt. Thấy Lưu Chí Hiếu ói ra máu mỗi ngày vài lần, địch tăng cường khủng bố hòng buộc anh hoặc là chết, hoặc ly khai.

Lưu Chí Hiếu đã chọn con đường quyết tử chống ly khai. Anh tuyên bố với bọn ác ôn chuồng cọp rằng, nếu còn tiếp tục hành hạ, truy bức tư tưởng tồi tệ kiểu này thì anh sẽ đập đầu chết ngay tại chuồng cọp. Bọn ác ôn điên

cuồng tấn công. Đêm 24-12-1961, chúng xối xuống đầu anh 44 thùng nước. Anh hy sinh ngay trong đêm Chúa giáng sinh.

Lưu Chí Hiếu sinh năm 1913 ở làng Hương Cát, nay là thôn Hương Cát, xã Trực Thành, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà. Cha mẹ mất sớm, anh được người chú ruột nuôi dưỡng, cho học nghề thợ giày rồi lưu lạc từ Hải Phòng lên Hà Nội, sau đó vào Sài Gòn, tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong (1945), rồi Ban công tác 4 (1946), Tiểu đoàn quyết tử Sài Gòn (1951), bị bắt ngày 6-7-1955, đày ra Côn Đảo (1957). Lưu Chí Hiếu là người chống ly khai cuối cùng hy sinh tại chuồng cọp.

Cái chết oanh liệt của Lưu Chí Hiếu đã chặn đứng đợt khủng bố của kẻ thù. Cuộc đời chiến đấu của Lưu Chí Hiếu, của ông già Cao Văn Ngọc và những đồng chí đã ngã xuống trong chuồng cọp Côn Đảo là những bản anh hùng ca bất diệt.

“Vũ lực không thể thắng được trái tim những người cộng sản”. Đại úy Bùi Văn Tám, phụ tá Tỉnh trưởng Côn Đảo đã một chân quỳ, một chân co trước cửa chuồng cọp mà nói với năm anh: Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc sắc, Nguyễn Minh, Lê Văn Một vào buổi sáng 11-1-1962 như vậy, khi chúng đã hoàn toàn bất lực, không thể khuất phục được các anh.

Toàn thể tù chính trị đã tôn vinh các anh là Năm

Anh - Năm ngôi sao sáng. Nhiều người tôn vinh các anh là Năm vị anh hùng dân tộc.

Tròn 5 năm kể từ chuyên lưu đày tù chính trị đầu tiên ra Côn Đảo (11-1-1957), kẻ thù đã thực hiện tất cả những thủ đoạn thâm độc nhất, tàn bạo nhất nhưng không khuất phục được trái tim và khối óc của những người cộng sản kiên cường. Năm trăm người đã ngã xuống nhưng năm người còn lại cuối cùng vẫn giương cao ngọn cờ quyết tử chống ly khai. Họ tồn tại như một chiến lũy của chủ nghĩa cộng sản giữa sào huyệt kẻ thù, giữa bốn bề nanh vuốt khủng bố của một chế độ chống cộng cực đoan và tàn bạo nhất.

Năm Anh còn phải chịu đựng nhiều trận đàn áp từ chuồng cọp, về Phú Lợi và trở lại Côn Đảo, song kẻ thù đã chịu thua, không còn truy bức tư tưởng, cưỡng ép li khai đối với năm Anh. Sau khi Ngô Đình Diệm đổ, năm Anh được trả tự do. Kinh nghiệm chiến đấu và chiến thắng của năm Anh được toàn thể tù chính trị Côn Đảo học tập và noi theo, vươn lên trong cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết.

Trại II - “Trại quốc gia” và những quan điểm đấu tranh

Trại I - Trại cộng sản, Trại chống ly khai là ngọn cờ, là đỉnh cao phong trào đấu tranh bảo vệ khí tiết của tù chính trị Côn Đảo. Bên cạnh đó, tù chính trị Trại II cùng tham gia cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết với những mức độ và hình thức khác nhau.

Nhân số Trại II tính đến tháng 12-1957 có 1.642 người, trong đó có 59 nữ, gồm đủ các thành phần: các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên; thường dân bị tình nghi là cộng sản; nhân viên chính quyền Diệm do mâu thuẫn nhau mà phải ở tù và một bộ phận là tù chính trị. Ngay quyền gọi Trại II là “Trại quốc gia”, nơi giam giữ những người đã ly khai cộng sản, quy thuận “chánh nghĩa quốc gia”, chịu học tổ cộng.

Một số tài liệu trước đây, trong đó có tác phẩm Bất Khuất của Nguyễn Đức Thuận đã đánh giá không đúng về tù chính trị Trại II, cho rằng những người đã ly khai là đầu hàng, phản bội. Thật ra, không kể số tù giáo phái, chỉ có một số ít tù chính trị thuộc loại khuất phục, đầu hàng, còn đại bộ phận là do sức chịu đựng yếu và có những quan điểm khác nhau về mức độ và phương pháp đấu tranh.

Một quan điểm cho rằng đấu tranh trực diện như Trại I là quá tả, khi đã thất thế sa cơ, nằm trong tay giặc thì không thể chống lại bộ máy bạo lực khổng lồ. Chống là chết, mà chết hết thì còn ai tranh đấu. Nay cứ tạm chịu điều kiện của địch, sau được thả về sẽ hoạt động trở lại. Số người theo quan điểm này không nhiều, và sau đó, họ đã nhận thức được cuộc sống của người chiến sĩ cách mạng bao giờ cũng gắn liền với phẩm chất chính trị. Nếu dễ dàng chấp nhận điều kiện của kẻ thù thì họ sẽ bôi đen, bị đẩy tới con đường phản bội hoặc bị vô hiệu hóa.

Một quan điểm khác cho rằng cán bộ đảng viên phải bám sát quần chúng mà lãnh đạo. Trình độ giác ngộ và ý chí đấu tranh của quần chúng có hạn

nên không thể nêu khẩu hiệu đấu tranh ở mức độ cao. Đảng viên phải hòa mình trong phong trào mà dẫn dắt quần chúng từng bước từ thấp lên cao. Song thực tiễn tranh đấu của Trại I cũng đã chỉ ra câu trả lời đúng đắn. Ngọn cờ chống ly khai của những chiến sĩ tiên phong Trại I là ngọn cờ, là ánh sao chỉ đường cho Trại II và toàn thể tù chính trị noi theo.

Quan điểm thứ ba, là khi chưa cần thiết, chưa bộc lộ lực lượng. Người cộng sản ở đâu cũng phải tổ chức và tranh đấu, với tất cả các hình thức từ thấp đến cao. Những người theo quan điểm này là nòng cốt trong các cuộc đấu tranh của tù nhân Trại II lúc ấy.

Trình độ giác ngộ và tinh thần chiến đấu của mỗi người đều có sự khác biệt, bởi thế, trước những thủ đoạn khủng bố ác liệt của kẻ thù, sự phân hóa về quan điểm đấu tranh trong lực lượng tù chính trị là không tránh khỏi, thậm chí không loại trừ tư tưởng cầu an ẩn chứa trong những quan điểm ấy. Tuy nhiên, mặt trận tranh đấu trong tù không loại trừ hình thức, mức độ đấu tranh nào, không loại trừ việc tập hợp lực lượng rộng rãi, kể cả những người cầu an, cả những người chỉ đủ sức tham gia những hình thức đấu tranh ở mức độ thấp.

Ngày 7-7-1957, kỷ niệm 3 năm chấp chánh của chính quyền bù nhìn, địch bắt tù nhân Trại II ký kiến nghị ủng hộ Ngô Đình Diệm, bôi nhọ Chính phủ Hồ Chí Minh. Theo Báo cáo ngày 29-7-1957 của Quản đốc Bùi Văn Năm, có 422 trong tổng số 1.375 tù nhân chống kiến nghị. Đây là cuộc đấu tranh chính trị đầu tiên của tù chính trị Trại II. Đợt chống kiến nghị phản động khẳng định rằng một bộ phận tù chính trị ở Trại II đã xác lập cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết với hình thức, mức độ, và trình độ nhận thức của họ lúc đó.

Tháng 5-1958, ngục quyền tổ chức học tập bản “Tuyên cáo 6 điểm” ngày 26-4-1958 của Ngô Đình Diệm. Sau gần 2 tháng học tập, ngày 6-6-1958, địch bắt tù chính trị Trại II ký kiến nghị ủng hộ tuyên cáo của Ngô Đình Diệm để trải nghiệm tư tưởng. Ngày đầu chúng thu được 705 chữ ký, còn 908 người không ký. Địch tăng cường khủng bố, rún ép, vót vát thêm được 232 người chịu kí. Phúc trình không số của công an biệt phái Nguyễn Văn

Hòa ngày 6-6-1958 đã xếp những người này vào diện kém tinh thần ký kiến nghị. Tất cả bị biệt giam, cấm cố trong các phòng 1, 2, 3. Một thời gian sau, 352 người không chịu nổi cảnh cấm cố phải xin ra, còn 324 người, kiên quyết chống bản kiến nghị phản động.

Cũng trong bản phúc trình nói trên, địch phát hiện số can cứu không ký kiến nghị ngày 7-7-1957 và ngày 6-6-1958 “Hầu hết là người miền Trung, họ có tổ chức kết cấu từ tỉnh để tranh đấu mọi hình thức khi cần thiết”.

Địch phát hiện khá chính xác. Chuyển lưu đày tù chính trị miền Trung ngày 17-5-1957 ra Côn Đảo địch đưa thẳng về Trại II giam vào 5 phòng, trong một tuần lễ, chúng chưa đặt điều kiện gì. Đoàn gồm 409 tù chính trị (12 nữ) thuộc các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

Theo Bản tổng kết của Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo tỉnh Thừa Thiên - Huế, thực hiện tháng 4- 1989, do Nguyễn Xuân Tồn chấp bút thì ngay khi lên tàu, đại diện của 4 tỉnh đã liên hệ với nhau, hình thành bộ phận trách nhiệm, tập hợp và chỉ đạo lực lượng tù chính trị theo từng tỉnh.

Cũng theo bản tổng kết này, những người có trách nhiệm trong đoàn tù bốn tỉnh mới ra đã liên hệ được với Huỳnh Văn Tưng trong số ra trước đó, nắm được thủ đoạn phân hóa, cưỡng bức ly khai của địch, biết rõ lực lượng kiên cường chống ly khai đang bị biệt giam tại Trại I - Trại cộng sản, còn Trại II là Trại “quốc gia” đang giam giữ số chịu ly khai cộng sản. Nội bộ đoàn tù 4 tỉnh có 3 loại ý kiến:

– Có khoảng 60 anh em quan niệm rằng nếu địch không đặt điều kiện cũng không ở lại Trại II (trại ly khai) mà phải đấu tranh, đòi hỏi địch đưa qua Trại 1 (Trại cộng sản kiên cường).

– Một số khác nêu ý kiến vì mới ra đảo, sức khỏe yếu, có thể tạm thời chịu điều kiện, để bồi dưỡng sức khỏe, củng cố đội ngũ rồi hãy đấu tranh.

– Ý kiến thứ 3, được đông đảo những người có vai trò lãnh đạo tán thành là người tù không đòi hỏi ở trại nào. Nếu địch để ở Trại II mà không bắt ký giấy ly khai thì cứ ở. Nếu địch đặt điều kiện xúc phạm khí tiết thì tuyên bố

chống. Ý kiến này đã trở thành chủ trương chỉ đạo trên 400 tù chính trị ra ngày 17-5-1957.

Hơn một tuần sau, đại úy Quản đốc nhà tù Bùi Văn Năm ra lệnh cho đại diện 5 phòng mới ra lập danh sách ly khai tập thể, đại diện ký vào để báo cáo lên Ban Quản đốc.

Sau đợt chống ký kiến nghị ngày 7-7-1957, đại diện các tỉnh đã bí mật họp tại khám 2 cử ra Đảng ủy lâm thời do Trần Quang Hiệu (Phú Yên) là Bí thư cùng các Đảng ủy viên: Lê Quang Ngọc (Quảng Ngãi), Nguyễn Quynh, tức Tôn (Thừa Thiên), Hoàng Văn Tưng, Phan Văn Ký (Nam Bộ).

Việc một bộ phận tù chính trị không chịu đựng được mức đày ải, truy bức trường kỳ và tàn bạo ở Côn Đảo, phải chấp nhận điều kiện của địch là không tránh khỏi. Song sự kiện một số người có cương vị cao trước khi bị bắt, tự tập hợp thành bộ phận trách nhiệm (có lúc lấy danh nghĩa Đảng), chủ trương ở lại Trại II - Trại “quốc gia” đã có ảnh hưởng lớn đến tinh thần chiến đấu của tập thể đoàn tù chính trị miền Trung.

Ký giấy ly khai tập thể, chịu điều kiện của địch ngay từ khi đặt chân lên đảo là chưa đánh giá đúng phẩm chất cách mạng và tinh thần chiến đấu của đội ngũ tù chính trị. Điều đó dẫn tới sự phản ánh sai lạc tương quan lực lượng chung, làm giảm sức chiến đấu và phẩm chất khí tiết của tù chính trị, nhất là khi đã biết rõ âm mưu phân hoá, thủ đoạn tố cộng của địch, biết địch đã thanh lọc tù chính trị thành Trại cộng sản (Trại I, chống ly khai) và Trại quốc gia (Trại II, chịu ly khai) mà vẫn dùng lý luận ngụy biện cho hành động hạ thấp khí tiết của mình.

Tuy nhiên, về phương diện khác, nhiều thành viên trong Ban lãnh đạo đoàn tù chính trị miền Trung đã tham gia Đảng ủy lâm thời, trở thành hạt nhân đoàn kết, lãnh đạo cuộc đấu tranh của tù chính trị Trại II từ thấp lên cao, hình thành mặt trận tù nhân, phối hợp với Trại I, và hỗ trợ được nhiều cho cuộc đấu tranh của Trại I. Hai đợt chống kiến nghị ngày 7-7-1957 và ngày 6-6-1958 đã khởi đầu cuộc đấu tranh vươn lên bảo vệ khí tiết của tù chính trị Trại II.

Trong lúc Trại I giương cao ngọn cờ chống li khai thì Trại II liên tục đấu tranh chống học tập tổ cộng bằng nhiều hình thức. Năm 1958, Ban tổ cộng Trại II thuyết trình tài liệu “Cộng sản với cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam”, nội dung xuyên tạc lịch sử, rằng cuộc kháng chiến chống Pháp lúc đầu có tính chất quốc gia, sau cộng sản khủng bố các đảng phái, cướp công kháng chiến, lái kháng chiến theo con đường cộng sản, thực hiện chủ nghĩa tam vô: không gia đình, không tài sản, không tôn giáo...

Tài liệu này đã gây một luồng phản ứng mạnh mẽ khắp Trại II. Nhiều tù nhân Trại II đã dũng cảm đứng lên vạch mặt “quốc gia” giả hiệu của ngụy quyền tay sai, bảo vệ chân lý lịch sử, bảo vệ uy tín của Đảng và Bác Hồ, bảo vệ chính nghĩa của sự nghiệp cách mạng. Mỗi buổi học tổ cộng, bọn công an, cải huấn, trật tự thường theo dõi và cảnh cáo “phần tử ngoan cố” tra khảo, phạt xà lim, tạo cơ đánh đập. Biện pháp “cứng rắn” thì nhà tù không thiếu, nhưng chúng luôn luôn bất lực là không thể đem “chủ nghĩa quốc gia” để cải tạo tư tưởng cho tù nhân và không thể nào bôi nhọ được uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Mùa hè 1959, Ban cải huấn tổ chức trình diễn vở kịch “Giấc mơ kinh khủng” do Nguyễn Phương, một tù tay sai trong Ban văn nghệ soạn. Vở kịch nói về một nữ sinh từ bỏ đô thành tham gia kháng chiến, sau bị bạc đãi. Kết cục là những lý tưởng cao đẹp của cô đã biến thành “giấc mơ kinh khủng”. Hàng trăm tù chính trị câu lưu ở các phòng 1-2-12 và một số phòng khác đã phản đối, không xem. Ngày hôm sau, địch bắt tất cả số tù nhân không xem kịch ra lội nước, vét bùn, đập đập Hồ Sen, không cho đội nón, không cho uống nước một ngày ròng dưới nắng hè đổ lửa và roi vọt. Ai say nắng, khát nước, ngời tay là chúng đánh đập tàn tệ. Máu tù nhân loang đỏ bờ đập. Từ đấy, đập Hồ Sen mang tên đập “Giấc mơ kinh khủng”.

Ngày 26-10-1959, “quốc khánh” Việt Nam cộng hòa, ngụy quyền Côn Đảo bắt tù chính trị Trại II ký kiến nghị ủng hộ Ngô Đình Diệm. Lực lượng chống ký kiến nghị vượt quá con số 800, song cũng giống như 2 lần trước, sau khi địch đàn áp, chỉ còn gần 400 trụ lại được. Đó là những người đã được sàng lọc qua hơn một năm tranh đấu. Một số người được Ban lãnh

đạo Trại II giao nhiệm vụ liên lạc, dịch vận, trật tự đã phải cắn răng nuốt hận ký vào bản kiến nghị phản động, chịu trách nhiệm để hoạt động nội tuyến phục vụ cuộc đấu tranh lâu dài.

Những người chống kí kiến nghị bị cấm cố tại khám một và khám 13, sau đó cưỡng bức lao động khổ sai với mức rất nặng. Bốn tháng sau, đến Tết nguyên đán Canh Tý (1960), dịch mới giải toả đợt khủng bố này, ba tù chính trị Trại II đã chết vì tra tấn, dày ải. Trong thời gian này, Ban lãnh đạo Trại II đã liên hệ với tù án chính trị ở Trại III, dự kiến hình thành Đảo ủy, gồm:

- Một ủy viên ở Trại I (tượng trưng bằng ý kiến của tập thể Trại I).
- Hai ủy viên ở Trại II: Nguyễn Hải (tức Hân ở Huế), Tôn Diêm (Quảng Ngãi).
- Hai ủy viên ở Trại III: Lê Minh Nê, Nguyễn Thế Vịnh.

Trên thực tế, lực lượng ưu tú nhất của tù chính trị Trại I, trung tâm của cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết không tham gia Đảo ủy. Vì thế, những cố gắng của Ban lãnh đạo tù chính trị Trại II và Trại III để hình thành Đảo ủy mang tính chất mặt trận tù nhân, liên hiệp tranh đấu hơn là một Bộ tham mưu chiến đấu. Tổ chức Đảo ủy này chưa tiêu biểu cho bộ phận ưu tú nhất của tù chính trị đang đấu tranh một mất một còn để bảo vệ khí tiết cách mạng, chống ly khai Đảng, chống mọi thủ đoạn tố cộng, diệt cộng của kẻ thù.

Các thủ đoạn “tố cộng - diệt cộng” trong tù của Mỹ ngụy đã làm phân hóa và chia cắt rất sâu giữa các trại tù, giữa tù chính trị có án và không án, giữa tù cấm cố và tù khổ sai, giữa những người chống trực diện, chống toàn diện và những người chống có mức độ, chống từng lúc, từng phần. Chính vì vậy mà các tổ chức từng xưng danh là “Đảo ủy” trong giai đoạn này đều không tương xứng với danh xưng, bởi lẽ những đại biểu ưu tú nhất đã bị cấm cố nghiêm ngặt, không có điều kiện tổ chức và chỉ đạo. Ngược lại, người tù chính trị ở khu vực khổ sai có điều kiện liên lạc, tổ chức và hoạt động lại không đủ phẩm chất, năng lực và bản lĩnh trong vai trò “Đảo ủy”.

Đầu năm 1959, địch phát hiện ra bức thư của Ban lãnh đạo Trại II gửi Trại I qua anh Dũng ở kíp hoả thực (Nhà bếp), chúng bắt Nguyễn Hải, Nguyễn Quỳnh, Phan Hoè, sau bắt thêm Cao Viết Bảo (cơ sở binh vận), tra tấn dã man nhưng không khai thác được tổ chức. Sau 20 ngày, Cao Viết Bảo anh dũng hy sinh, địch ngưng tra tấn, chuyển ba người còn lại sang chế độ cấm cố trường kỳ.

Ngày 19-10-1959, Trưởng ty công an Phú Yên đã lập hồ sơ gửi Tỉnh trưởng Phú Yên, đồng gửi Tổng giám đốc cảnh sát công an (Sài Gòn), phúc trình vụ “Đảo úy Côn Đảo” qua cung xuất của Nguyễn Cước, cán bộ của tỉnh Phú Yên, giữ mối liên hệ với một tù chính trị tên là Mạng. Ty công an côn Sơn đã tổ chức điều tra, phối kiểm nguồn tin theo lệnh của Tổng giám đốc cảnh sát công an (Sài Gòn). Các anh Trần Quang Hiệu, Lê Quang Ngọc, Nguyễn Đình Thành, Thái Thọ Dương, Nguyễn Văn Biểu, Bùi Dục, Nguyễn Chiến và hàng chục người có liên quan bị bắt đi khai thác, cấm cố tại xà lim Trại II. Hồ sơ phúc trình thẩm vấn ngày 23-11-1959 của Ban An ninh cho biết 7 người có danh sách trên nằm trong Đảng ủy Trại II.

Bản phúc trình còn phát hiện 74 đội viên Đội cảm tử được chuẩn bị cho cuộc võ trang cướp đảo. Để đôi phó và răn phạt số chống đối ở Trại II, đồng thời ngăn ngừa một cuộc võ trang bạo động có thể xảy ra, bọn chúa ngục thanh lọc 285 người trong số đã 3 lần chống kí kiến nghị về Trại III, áp dụng chế độ cấm cố nghiêm ngặt. Những người bị khai báo, lộ mặt bị biệt giam tại chuồng cọp.

Sau 3 năm nỗ lực vươn lên, bộ phận tích cực nhất của tù chính trị Trại II đã đứng chung với Trại I trong một trận tuyến bảo vệ khí tiết, chịu chung một cảnh ngộ đầy ải khắc nghiệt nhất. Họ đã cùng chịu chung chiến dịch khủng bố tháng 4-1960 do Mai Hữu Xuân cầm đầu. Sau trận ấy, 285 tù chính trị cốt cán thuộc Trại II cũ cùng với 799 người từ Trại I vừa bị rút đã sát cánh vươn lên đấu tranh kiến tạo lập trường khí tiết.

Trung tâm Cải huấn I và chủ trương kiến tạo lập trường khí tiết

Kết thúc chiến dịch chuyển hướng (4-4-1960) địch xóa sổ cả Trại I “Trại cộng sản” và Trại II “Trại quốc gia”, thiết lập Trung tâm cải huấn I giam giữ tù câu lưu gồm các trại: Nhân Vị (Trại II cũ), Bác Ái (Trại III và Trại IV cũ) và Cỏ Ống. Có lúc, do nhu cầu của công việc khổ sai, địch mở thêm chi nhánh với các trại ở Bến Đầm, Sở ruộng Quang Trung.

Trại I cũ mang tên Trại cộng hòa, thuộc Trung tâm cải huấn II, giam tù án. Bản nguyệt trình số 235/NA/TTCH/M ngày 25-5-1960 của Tỉnh trưởng Lê Văn Thế cho biết: “Tổng số can cứu thuộc Trung tâm cải huấn I là 2.898, chết trong tháng 7 người, hiện diện đến 25-5-1960 là 2.891, tất cả là đàn ông, được phân chia thành hai loại: Loại A (đã ly khai): 2788; Loại B (chưa ly khai và bị kỷ luật): 103”.

Báo cáo đặc biệt của Ty công an Côn Sơn đề ngày 28-6-1960 cho biết: “Số can cứu thuộc Trung tâm Cải huấn I tính đến ngày 25-6-1960 là 2884, chết trong tháng 4, số chưa ly khai là 53, số bị kỷ luật là 40, còn lại được phân bổ như sau: Trại Nhân Vị: 1.414; Trại Bác Ái 959; Trại cỏ Ống: 425”.

Địch nhận định rằng trong chiến dịch vừa qua, chúng mới làm được việc là dùng bạo lực cưỡng bức những người tù chính trị ly khai chứ chưa chinh phục được trái tim, khối óc họ. Bản Phúc trình số 135/ĐCT/ĐB/TV/M ngày 23-4-1960 của Dương Văn Hiếu, Trưởng đoàn công tác đặc biệt miền Trung, đã nhận định rằng việc chuyển hướng tư tưởng trên một ngàn tù nhân trong chiến dịch vừa qua “chỉ mới là thắng lợi trong giai đoạn đầu, vì chính trong phạm nhân ly khai cũng còn nhiều thành phần và động cơ tư tưởng phức tạp”.

Bản phúc trình đã dẫn có đoạn nhấn mạnh: “Côn Đảo là một trung tâm có địa thế biệt lập với đất liền, có hoàn cảnh dễ cô lập và trừng phạt cũng như có điều kiện thuận tiện để cải huấn những phạm nhân Việt cộng nguy

hiếm, cho nên phải biến Côn Sơn thành một trường huấn luyện quốc gia, cải tạo phạm nhân trở thành lực lượng chống cộng chứ không để cho chúng có thể lợi dụng để rèn luyện thêm ý thức cộng sản, càng tập trung đông đảo càng thành ra mối nguy thường trực cho chế độ ta được”.

Trong thời điểm này, tâm trạng của tù chính trị câu lưu diễn biến rất phức tạp, phần lớn đã mệt mỏi về tinh thần, suy kiệt về thể xác. Không ít người mặc cảm, bi quan về sai lầm của mình, về thất bại tạm thời của cuộc chiến đấu. Một bộ phận tù chính trị hoài nghi về mục tiêu đấu tranh, về khả năng giành thắng lợi. Sự tan vỡ của Trại I - Trại cộng sản là một bài học đau xót. Hàng trăm người đã kiên cường tranh đấu và hi sinh anh dũng, nhưng rốt cuộc cả ngàn người vẫn thất bại, chịu điều kiện của kẻ thù. Vài chục người trực diện chống li khai cuối cùng trong chuồng cọp có thể bị địch giết hết nay mai. Liệu có tiếp tục đem thân xác và ý chí của người tù ra đấu chọi với đòn roi, súng đạn và sự bạo tàn không giới hạn mà có thể giành được thắng lợi?

Song chính vào lúc thấm thía thất bại chua xót, thấm thía nỗi cay đắng ê chề khi bị khuất phục, những người có trách nhiệm đã nung nấu ý chí vươn lên khôi phục lại vị trí đấu tranh bảo vệ khí tiết. Các anh Lương Chi (Lương Thạnh), Đặng Ngọc Cảnh, Nguyễn Hào (Nguyễn Thành), Nguyễn Ngọc Cao (Trần Văn Cao), Nguyễn Văn Nghĩa, Phan Xuân Nhị (tự Bình), cùng hàng chục anh ở Trại I vừa bị đánh rã còn điều trị ở bệnh xá đã tập hợp nhau lại, bàn phương án đấu tranh vươn lên, khôi phục lại vị trí Trại I.

Một số người có trình độ lý luận như Hoàng Dư Khương, Trần Xuân Lê, Phan Kiệt (Năm Thành), Nguyễn Văn Hai (tự Quảng) cũng đã đóng góp ý kiến để tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Trại I, xây dựng phương án đấu tranh vươn lên theo chủ trương kiến tạo lập trường khí tiết. Buổi đầu, chủ trương kiến tạo lập trường khí tiết được xác định là:

- Hạn chế tố cộng
- Củng cố đội ngũ, phá hệ thống mật vụ của địch
- Chống các kiến nghị tố cộng.

Sau nhiều cuộc thảo luận trong từng nhóm, từ bộ phận có trách nhiệm đến từng người tù trung kiên ở tất cả các trại, lực lượng tù chính trị ở Trại I vừa tan rã và lực lượng tù chính trị trung kiên ở Trại II cũ đã đoàn kết thành một khối, sát cánh bên nhau trong cuộc đấu tranh vươn lên kiến tạo lập trường khí tiết.

Một bản Quy ước chung được đúc kết từ các cuộc thảo luận thống nhất trong bộ phận trách nhiệm, rồi phổ biến (truyền miệng) đến từng người tù mang nội dung cơ bản như sau: “Kiên quyết đấu tranh chống học tố cộng, chống khổ sai, chống siết bóp đời sống, tiến tới xóa bỏ nội qui phản động, bảo vệ quyền lợi chính trị và dân sinh dân chủ của người tù, đồng thời sớm phục hồi vị trí chính trị, chuyển thế đấu tranh mạnh lên, buộc địch bị động đối phó để chia đòn, bảo vệ số anh em trực diện chống li khai trong chuồng cọp”.

Phương châm cơ bản của cuộc đấu tranh là:

– Kết hợp đấu tranh chính trị với dân sinh dân chủ, kiên trì, đấu tranh giành thắng lợi từ thấp đến cao, kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp.

– Cùng cô hệ thống tổ chức của tù nhân từ trên xuống dưới, từ trong trại đến các bộ phận ngoài trại, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng khối đoàn kết tù nhân.

– Phát động một phong trào sâu rộng trong đảng viên và quần chúng trung kiên, quyết tâm vươn lên chống học tố cộng, chống chào cờ nguy, chống ký kiến nghị phản động. Trong bất kì tình huống nào, dù địch đưa đi đâu, dùng thủ đoạn gì, mỗi cá nhân mỗi bộ phận đều phải nắm vững phương châm hành động, tự lực chiến đấu.

– Đẩy mạnh công tác binh vận, mỗi người tù chính trị đều phải làm binh vận, tranh thủ, phân hóa cao độ kẻ thù, cô lập triệt để bọn ác ôn.

Cuối năm 1960, Quy ước chung và Phương châm cơ bản đã được bộ phận trách nhiệm phổ biến từng nhóm tù, kíp tù. Ban lãnh đạo chung của tù câu lưu được hình thành ở Trại Nhân Vị (Trại II) gồm: Nguyễn Văn Nghĩa

(Biên Hoà), Nguyễn Hào (tức Nguyễn Thành ở Quảng Nam), Lê Tam tức Ngọc (Thừa Thiên), Lê Côn (Quảng Ngãi).

Trong các cuộc đấu tranh chống khổ sai hà khắc, tù nhân thường giữ thế hợp pháp, vận dụng những yếu tố pháp lý để tố cáo sự hà khắc của nhà tù và kiên trì đấu tranh. Song trên lĩnh vực đấu tranh chính trị, chống tố cộng, chống nội quy thì tù chính trị phải đứng ở thế bán hợp pháp và bất hợp pháp, nghĩa là bằng hành động hoặc trực diện không thừa nhận nội quy, quy định của nhà tù.

Bất cứ một thắng lợi nào đạt được ở nhà ngục này, tù nhân cũng phải đổi bằng máu của chính họ. Ngày làm khổ sai cật lực, tối học tố cộng đến khuya, theo phương châm bán hợp pháp, tù chính trị chống học tố cộng bằng cách ngồi ngả nghiêng, ngủ gà ngủ gật, nghe lơ đễnh, phát biểu xuyên tạc tài liệu, viện cớ làm khổ sai quá mức không học được.

Có một kiểu chống khá phổ biến ở các phòng là không nghe, không phát biểu ý kiến. Bọn cải huấn ra chỉ tiêu, khoán cho mỗi phòng mỗi đêm phải phát biểu từ 15 đến 20 ý kiến mới được nghỉ. Có đêm, chúng phạt bằng cách không cho đi tiêu đi tiểu, viện cớ mất trật tự. Anh Trần Nhơn người Bình Định đau bụng đi cầu, bị bọn trật tự ngăn lại làm anh té cả ra quần, chúng mới chịu thua.

Tổng kết đợt học tố cộng, bọn cải huấn tập trung tù nhân trước sân trại, bày trò phát thưởng. Sau bài diễn văn khai mạc của Đoàn cán bộ cải huấn, thiếu tá Tỉnh trưởng Lê Văn Thế được mời lên trao lá cờ vàng cho đại diện phòng 8 có thành tích xuất sắc trong học tập. Bọn cải huấn vỗ tay let đẹt.

Tiếp đó anh Đặng Chí Hiền, đại diện phòng 1, phòng học kém nhất được mời lên nhận lá cờ đen từ tay vợ thiếu tá Thế, chủ tịch “phụ nữ liên đới” Côn Sơn trao tặng. Tiếng vỗ tay vang dội cả sân lao rồi chuyển thành nhịp vỗ 3 tiếng một, đón người đại diện của phòng học tố cộng kém nhất. Bọn chúa ngục phải thừa nhận rằng, tràng vỗ tay hoan nghênh lá cờ đen chính là cái tát vào chính sách cải huấn của chúng.

Biết tù chính trị đấu tranh có tổ chức, địch bắt trên 40 người mà chúng nghi là cầm đầu đưa về chuồng cọp biệt giam, tra tấn suốt ngày, xối nước suốt đêm. Cảnh đày ải cùng cực nhưng không ai còn trăn trở giữa cái sống và cái chết như trước nữa. Trái lại, những ngày tháng trở về chuồng cọp lần này là niềm an ủi, là sự chuộc lại lỗi lầm. Nhiều anh em bền bỉ chịu đựng và quyết tâm chiến đấu vươn lên. Trong đợt khủng bố bằng cách xối nước và cho ăn gạo trắng cuối năm 1960, anh Lê Thành Thân chịu đựng đến mức kỷ lục 34 ngày đêm liền. Anh đã tuyệt thực liên tục 29 ngày cho đến khi địch phải ngưng xối nước. Anh Lê Quyết Chiến (Phú Yên) bị xối nước lạnh đến cấm khẩu không nói được. Các anh Trần Nga, Võ Đình Hiếu (Khánh Hòa), Đỗ Hằng (Gia Lai), Lê Quang Ngọc (Quảng Ngãi)... cũng bị xối nước ngót một tháng, đến khi gần chết địch mới ngưng lại.

Năm 1961, ngục quyền Côn Đảo xin kinh phí 200.000 đồng trùng tu ngôi mộ chí sĩ Nguyễn An Ninh, lợi dụng tên tuổi ông để sơn phết cho chủ nghĩa “quốc gia” giả hiệu. Tù chính trị câu lưu đã đấu tranh quyết liệt chống đào mồ cuốc mả tù nhân để mở con đường vào ngôi mộ của ông. Tỉnh trưởng Lê Văn Thế đến tận Nghĩa trang Hàng Dương trực tiếp chỉ huy cuộc khủng bố. Trên 50 tù chính trị vừa đấu lý với địch vừa gồng mình chịu đòn. Từ sáng đến trưa, bọn gác ngục đánh nát lưng tù, đập từng bó roi mây, máu người tù sống thấm đẫm xương cốt người tù quá cố. Cả kíp tù, lớp vào bệnh xá, lớp vào biệt giam, Chuồng Cọp.

Ngày hôm sau, kíp tù thứ 2 cũng chịu đòn và không ai nỡ đào bới xương cốt đồng đội mình. Con số chống đào mồ cuốc mả, chống nội quy, chống tổ cộng, chống chào cờ bị đưa vào chuồng cọp cuối năm 1961 đã lên tới 70 người.

Trong lúc lực lượng tù chính trị câu lưu đang củng cố đội ngũ, đẩy mạnh đấu tranh chống địch thì Nguyễn Văn Hai (tự Quảng) phản bội. Hai Quảng là con một điền chủ ở Bạc Liêu, học đến tú tài, từng làm Bí thư nhiều tỉnh ở miền Tây Nam bộ, trước khi bị bắt là Thành ủy viên Sài Gòn - Gia Định. Quảng ra đầu thú tháng 10-1960, khai báo trên 30 cốt cán trong bộ phận trách nhiệm của tù chính trị câu lưu với toàn bộ hệ thống tổ chức từ Ban

lãnh đạo trại đến các phòng giam, các chi nhánh Bến Đầm, Cỏ Ống, khai báo toàn bộ chủ trương, phương châm, biện pháp đấu tranh vươn lên kiến tạo lập trường khí tiết của tù chính trị.

Vụ phản bội của Hai Quảng làm đổ máu hàng chục tù nhân cốt cán, làm cho các cuộc đấu tranh của tù chính trị đều bị địch khủng bố ngay từ khi mới nổ ra. Tù chính trị đối phó bằng cách phản cung, cô lập và bác bỏ hoàn toàn lời khai của Hai Quảng làm cho địch không tin hẳn. Tiểu ban điều tra cho đối chất cũng không ai nhận. Hai Quảng nổi khùng xông vào đâm đá, cắn xé, bóp huyết anh Trần Xuân Lê.

Hai Quảng còn hiến kế cho địch Kế hoạch tranh thủ gồm 5 bước nhằm đánh gục hoàn toàn những người mang tư tưởng lừng chừng, xây dựng hạt nhân điển hình tố cộng và trừng phạt, ngăn chặn ảnh hưởng của số ngoan cố vẫn giữ lập trường cộng sản. Dấn sâu vào con đường tội lỗi, Hai Quảng làm bản phản tỉnh lần thứ nhất vào ngày 10-4-1961, phản tỉnh lần thứ 2 ngày 12-4-1961 và lần thứ 3 ngày 15-4-1962, khai báo và vẽ sơ đồ 62 cơ sở tại Sài Gòn mà các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Trần Bạch Đằng, Huỳnh Tấn Phát, và nhiều cán bộ Thành ủy thường qua lại, khai báo lộ trình giao liên của Xứ ủy từ Sài Gòn đi Nam Vang.

Mấy năm sau, Hai Quảng được trả tự do với điều kiện nhận làm mật báo viên cho Tổng nha cảnh sát và công an ngụy, rồi bị bỏ rơi vì không được việc. Nhục nhã vì thân phận của một tên phản bội, hẳn tự sát sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

Ngoài Hai Quảng, còn có vài tên phản bội, tình nguyện làm tay sai cho địch, trở thành trật tự ác ôn như Dương Thành Tâm, Lý Ngọc Phấn, Võ Tâm Tư... Một số khác chùng vai chục người tham gia vào Ban chấp hành trại, Ban trật tự an ninh, Ban tố cộng, Ban văn nghệ với thái độ và mức độ chống cộng khác nhau.

Nhóm người này bị chìm trong phong trào đấu tranh của hàng ngàn tù chính trị, kể cả những người đã từng sai lầm, vấp ngã. Chính nỗi đau đớn, dày vò cả về thể xác và tinh thần khi bị thất bại, sai lầm đã giúp họ sức mạnh để giành lại vị trí chính trị trên mặt trận đấu tranh trong tù.

Công tác dịch vận đã góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của tù chính trị. Các anh Phan Phước, Nguyễn Văn Hưởng, Nguyễn Tấn Thanh (tự Trạch), anh Yến được cài vào Ban trật tự từ nhiều năm trước đã giữ thế hợp pháp để hoạt động.

Ban lãnh đạo tù chính trị cử anh Lê Văn Thả chỉ đạo bộ phận y tế chăm lo sức khoẻ cho anh em. Lê Văn Thả là kĩ sư điện tử, tốt nghiệp ở Pháp về, có nghiên cứu về y, dược. Kíp y tá có Phan Thanh Nhân, Trần Tiên, Phạm Đồng, Lê An, Lê Bá, Lê Siêng, Huỳnh Văn Long (tự Hộ), Lê Trắc (tự Dậu), Nguyễn Văn Chung, Phan Chắp, Bùi Văn Tám, Nguyễn Ba (tự Long), Huỳnh Công Táng, Huỳnh Công Hải, Lê Thành Ân, Trần Thanh Chí phục vụ tại bệnh xá và một số người khác phục vụ tại các trạm xá trung tâm. Có người từng là y tá, cứu thương trong kháng chiến, có người mới học nghề y khi vào tù.

Phan Thanh Nhân là y tá cứu thương trong bộ đội Hoà Hảo nhưng tích lũy được nhiều kinh nghiệm và chịu khó nghiên cứu sách y học. Công chức, gác ngục gọi anh là “bác sĩ tù” khi anh xử lý thành công một ca đẻ khó, có nguy cơ dẫn đến tử vong cả hai mẹ con sản phụ. Nhờ ân tình từ ca bệnh ấy, thượng sĩ Nguyễn Viết Hội, trưởng trại Bác Ái đã tạo điều kiện cho Phan Thanh Nhân và tổ y tế vào điều trị, cấp thuốc cho các chiến sĩ chống ly khai ở chuồng cọp.

Được trưởng trại Nhân Vị Nguyễn Văn Liêu và Trưởng Ty y tế Lê Văn Trang đồng ý, tổ bào chế thuốc đã mượn các dụng cụ y tế huy động các loại nguyên liệu kiếm được trên đảo như cóc, khí, dê, huyết bò, huyết heo để bào chế thành filatov viên, hépathémo và nhiều loại thuốc bổ khác. Sau khi thử nghiệm thành công, tổ bào chế đã cấp thuốc, cấp filatov dạng viên cho 400 tù chính trị. Trong quá trình điều trị chứng suy nhược cơ thể cho vợ Thượng sĩ Liêu, tổ điều chế đã cung cấp hàng ngàn liều thuốc bổ cho tù chính trị.

Phan Thanh Nhân còn nâng cao uy tín cho lực lượng y tế tù chính trị thông qua ca chữa bệnh đặc biệt cho Huỳnh Đại, một tù chính trị người Hoa. Huỳnh Đại là chủ sòng bạc Đại Kim Chung, nhà hàng Đại La Thiên,

chủ khu Đại Thế Giới cùng nhiều cơ sở ăn chơi nổi tiếng trong giới tài phiệt ở Chợ Lớn. Đại bị tù trong đợt chính quyền Diệm tảo thanh Bình Xuyên vì tội cung cấp tài chính cho Bảy Viễn. Trải qua nhiều nhà lao, tất cả các chúa ngục đều nể Đại. Đại mắc một chứng bệnh nan y về đường ruột mà các bác sĩ của ngục quyền đều không chẩn đoán được.

Bằng tất cả kinh nghiệm thực tiễn và dày công học hỏi, Phan Thanh Nhân phát hiện ra một viên sạn lớn đã tích tụ lâu năm trong ruột bệnh nhân và xử lý thành công, đẩy viên sạn trôi dần về phía hậu môn, gắp ra. Sau lần ấy, Huỳnh Đại tạ ơn cứu mạng, viết thư về nhà nhờ mua hàng trăm lọ Pénixinine và nhiều loại thuốc bổ tặng tử thuốc của tù chính trị. Đại từ bỏ cả đặc quyền mà phó tỉnh trưởng Tăng Tư cho ở lại tư dinh, xin được vào trại ở chung với tù chính trị.

Phan Phước tức Phan Đình Phước sinh năm 1926 tại ấp Dạ, núi Tròn, xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, con ông Phan Tuy và bà Bạch Thị Tôn. Nhờ có bản lý lịch suôn sẻ, là giáo viên chỉ tham gia liên lạc cho Việt cộng nên đã được bộ phận trách nhiệm cấy vào hàng ngũ trật tự từ những ngày ra đảo, chui sâu vào trật tự chuồng cọp. Anh giữ đầu mối liên lạc, tiếp tế rất quan trọng, góp phần đắc lực trong việc nuôi dưỡng, bảo vệ tính mạng các chiến sĩ chống ly khai ở chuồng cọp.

Phan Phước là con thoi phối hợp chủ trương và hành động giữa lực lượng chống ly khai và lực lượng vươn lên kiến tạo lập trường khí tiết ở các trại. Do công tác yêu cầu tuyệt đối bí mật, anh phải chịu tiếng là phần tử ly khai, phản bội, làm tay sai cho địch. Đến ngày được trả tự do, trở về với đội ngũ, tiếng xấu còn mang theo cho đến khi anh ngã xuống trên chiến trường miền Trung. Phan Phước chỉ là một trong nhiều trường hợp thầm lặng hy sinh, chịu đựng những nỗi cay nghiệt trên mặt trận nhà tù thầm lặng ấy.

Ở Côn Đảo còn có 50 tù nhân người Hoa mang quốc tịch Trung Quốc bị câu lưu vì tội chống chủ trương cưỡng bức nhập quốc tịch Việt Nam cộng hoà dưới chế độ Diệm. Ngoại trừ một vài trường hợp tham gia bộ máy trật tự, đàn áp tù nhân như Huỳnh Bắc, Lý Sanh, còn đại bộ phận đã tham gia

mặt trận đấu tranh của tù chính trị. Họ có quan hệ tốt, giúp việc cho nhiều công chức, kể cả Phó Tỉnh trưởng Tăng Tư. Nhờ đó, số tù chính trị Hoa kiều đã thu thập được nhiều tin tức quý từ báo, đài và từ miệng các công chức, gác ngục.

Năm 1961, Mỹ - ngụy đánh giá công tác cải huấn đã đạt được nhiều kết quả trong các nhà tù, kể cả Côn Sơn là nơi giam giữ các phần tử cứng đầu nhất. Những can cứu xét tội trạng không có gì nguy hiểm được đề nghị trả tự do. Hành động chống đối của họ được giải thích là do bị giam giữ lâu ngày nên sinh ra bất mãn. Hai đợt trả tự do số lượng lớn diễn ra vào tháng 7 và tháng 10-1961, 75 can cứu chống ký kiến nghị “tri ân Ngô Tổng thống” trước khi được trả tự do đã bị giữ lại Côn Đảo.

Ngày 30-8-1962, địch chuyển 500 can cứu về đất liền, trong đó có 153 can cứu mãn hạn sẽ phóng thích vào dịp Quốc khánh ngụy (26-10) và 347 can cứu sắp mãn hạn, đưa về an trí tại Trung tâm Cải huấn Phú Lợi. Lực lượng tù chính trị Côn Đảo về Phú Lợi đã tạo ra một phong trào chống nội quy nhà tù sôi nổi, lôi kéo nhiều tù nhân ở Phú Lợi tham gia. Bị chuyển về Tân Hiệp (Biên Hòa), lực lượng tù chính trị đã trở thành hạt nhân đoàn kết và tranh đấu ở nhà lao này.

Một bộ phận tù chính trị ở Côn Đảo về bị đưa đi làm áp chiến lược ở Năm Căn (Cà Mau) đã tổ chức vượt ngục về kháng chiến. Một bộ phận khác được coi là “phần tử nguy hiểm” bị địch chuyển qua các nhà lao Tàng Thơ (Huế), Thanh Tân Ổ Ổ (Quảng Trị). Đi đến đâu, lực lượng tù chính trị Côn Đảo cũng tuyên bố chống chào cờ, chống nội quy, cổ vũ tinh thần tranh đấu của tù nhân các nhà lao ở đất liền. Sau cùng, ngụy quyền Sài Gòn đã gia hạn an trí, đày họ trở lại Côn Đảo (5-2-1964).

Vươn lên khôi phục khí tiết, lập lại Trại I

Từ tháng 8-1962, lực lượng tù chính trị câu lưu còn ở lại Côn Đảo đã phát triển cuộc đấu tranh kiến tạo lập trường khí tiết lên một giai đoạn mới. Đó là giai đoạn vươn lên quyết liệt, giành lại vị trí bảo vệ khí tiết, chống toàn bộ nội quy nhà tù.

Chủ trương dùng bạo lực cách mạng, võ trang khởi nghĩa của Đảng ta và tin tức về phong trào cách mạng miền Nam từ khi có Nghị quyết 15 đến Côn Đảo làm cho tù chính trị rất phấn khởi. Bộ phận trách nhiệm của tù chính trị câu lưu chỉ đạo đẩy mạnh đấu tranh chống khổ sai quá sức đi đôi với nâng cao nhận thức tư tưởng, sẵn sàng vươn lên chống toàn diện khi có điều kiện và chỉ đạo một đợt học chính trị trong toàn lực lượng, quán triệt sâu sắc các tài liệu: Đường lối cách mạng miền Nam, Chỉ thị bảo vệ khí tiết, Bốn quan niệm về nhà tù của Lenin, Sáu tiêu chuẩn đảng viên, Tám kinh nghiệm chiến đấu của Năm Anh.

Tám kinh nghiệm do các anh Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình cùng tập thể chiến đấu trong chuồng cọp tổng kết, phổ biến truyền miệng, trở thành bài học “nằm lòng” vô cùng quý giá cho lực lượng tù chính trị đang đấu tranh vươn lên. Nội dung cơ bản của Tám kinh nghiệm là: “Đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ khí tiết; Thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động;

Đoàn kết chiến đấu; Biết tranh thủ, thuyết phục kẻ thù; Tránh bộc lộ lực lượng, hạn chế tổn thất; và kinh nghiệm quan trọng nhất là Quyết tâm - Quyết tử - Tự lực - Trường kỳ”.

Không quán triệt sâu sắc khẩu hiệu này thì không bao giờ chiến thắng trên mặt trận bảo vệ khí tiết trong tù. Mỗi một tù, một ý trong Tám kinh nghiệm đều được từng nhóm tù nhân thảo luận thật kỹ, trân trọng và quán triệt như là học tập các nghị quyết của Đảng. Đợt học tập chính trị lần này mang tính chất dân chủ với tinh thần tự phê bình sâu sắc.

Mặc dầu chưa thành chủ trương, tù chính trị câu lưu đã chống chào cờ dưới nhiều hình thức: khai bệnh, giả đau bụng, ngồi trong nhà cầu không ra chào, đòi đi làm khổ sai sớm trước giờ chào cờ, hoặc ra chào cờ không hô, không hát. Năm 1962 có kiểu chống chào cờ tập thể của những người bị thần kinh.

Do bị tra tấn và truy bức tư tưởng nhiều năm, có hàng chục chính trị mang bệnh thần kinh nặng. Đến buổi chào cờ, khi trật tự hô “nghiêm” là những người này lên cơn động kinh té sấp, té ngửa, chân tay co giật, sùi bọt mép, mắt trợn ngược làm hàng trăm người khác phải xúm lại cấp cứu. Buổi chào cờ nào cũng rối loạn. Trưởng trại Nguyễn Văn Liêu quả quyết rằng số tù nhân này vờ động kinh để chống chào cờ, phá nội quy và đem nhốt tất cả vào xà lim, hàng ngày cho công an, trật tự tra khảo. Ba tháng liền theo dõi, trải nghiệm tâm lý, cuối cùng chúng phải công nhận rằng họ bị động kinh thật.

Chính sách “tổ cộng” đã làm cho nhiều người đau đớn, bị dày vò đến ngơ ngẩn, mất hồn. Anh Trần Đình Hoa bị điên cứ đi lang thang các phòng. Gặp bọn công an, cải huấn là anh hét lên: “A, Ngô Đình Diệm đây rồi, mày giết vợ tao, mày ăn thịt con tao. Bây giờ tao giết mày”. Thế là anh lao vào chúng để cào cấu và lần nào cũng bị chúng đánh chết ngất.

Sau này, trong Luận án Tiến sĩ y khoa, bảo vệ thành công năm 1972, bác sĩ Nguyễn Minh Triết đã gọi những căn bệnh thần kinh trong tù, bị kích động mạnh theo các phản ứng dây chuyền là bệnh Nộ Kinh. Các nhà y học có thể giải thích được hiện tượng suy nhược thần kinh, dẫn đến bệnh tâm thần do bị khủng bố, truy bức, hoặc do đấu tranh tư tưởng quá căng thẳng. Song có một điều mà bọn cai ngục không thể chấp nhận được là hầu hết những người mắc bệnh tâm thần ở Côn Đảo đều chống chào cờ nguy, chống học tổ cộng, đả đảo Ngô Đình Diệm, hoan hô Hồ Chí Minh. Trong lúc thần kinh rối loạn thì ý thức chính trị của họ lại rất tỉnh.

Theo bản báo cáo số 429/BQĐ/HC/01 ngày 12-10- 1962 của Ban quản đốc Trung tâm cải huấn, Côn Đảo khi ấy chỉ còn 499 tù chính trị câu lưu. Biên bản bàn giao ngày 16-7-1963 giữa cựu tỉnh trưởng Lê Văn Thế và tân

tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sáu cho biết, tổng số tù chính trị câu lưu khi đó là 519 người, bị giam ở Trung tâm cải huấn I, Thượng sĩ Nguyễn Văn Nghĩa làm trưởng Trung tâm, trung sĩ Ngô Thanh Trị là trưởng an ninh trung tâm. Địch phân tán tù chính trị câu lưu, một bộ phận ở Trại IV (làm Nhà bếp và nội trợ), khoảng 60 người, còn đại bộ phận giam ở Trại III, bắt đập đá xây Trại V, cường bức cả chủ nhật, gọi là ngày “cộng đồng”.

Lực lượng tù chính trị câu lưu củng cố tổ chức, bước vào một thời kỳ đấu tranh mới, vươn lên khôi phục toàn bộ khí tiết. Anh Lương Chi quê Quảng Ngãi, nguyên là cán bộ tỉnh Plâycu, được tập thể tín nhiệm trong cương vị lãnh đạo chung. Anh Đỗ Hằng (Plâyku) được cử cùng Trần Thám (Bình Định) và một vài người có trách nhiệm soạn thảo tài liệu Vươn lên khôi phục toàn bộ khí tiết, gọi tắt là Vươn lên.

Tài liệu được tổng hợp từ các cuộc thảo luận tập thể đã đúc kết khẩu hiệu đấu tranh lúc này là Toàn bộ khí tiết, nghĩa là không chỉ chống chào cờ nguy, chống khẩu hiệu phản động nữa mà chống mọi thủ đoạn cường bức tư tưởng, xúc phạm nhân cách tù chính trị. Tài liệu được những người có trách nhiệm truyền đạt, tổ chức học tập và thảo luận theo từng nhóm, đến toàn thể tù chính trị câu lưu.

Vấn đề tổ chức chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo được đặt ra một cách bức thiết. Anh Lương Chi đã nhiều lần tha thiết đề nghị với số cán bộ có trách nhiệm ở các phòng về việc cần phải thành lập tổ chức Đảng làm hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh.

Ngày 1-5-1963, trước hiên phòng 4, Trại IV, một bộ phận tù chính trị đã thành lập chi bộ mang tên Lê Hồng Phong, gồm: Lương Chi - Bí thư, Đặng Ngọc Cảnh - Phó Bí thư phụ trách tổ chức; Đỗ Hằng - ủy viên phụ trách tuyên huấn; Hoàng Phùng - ủy viên, đại diện đấu tranh. Chi bộ không kết nạp đảng viên mà chỉ tập hợp một số người theo nhu cầu lãnh đạo, giống như vai trò một cấp ủy. Các ủy viên khác có Trần Thám, Nguyễn Quýnh, Nguyễn Hải, tháng 10-1963 tập hợp thêm Nguyễn Thiện, Lê Quang Ba, Nguyễn Chấn, Bùi Dục. Tháng 12-1963 tập hợp Nguyễn Thành Tây. Chi bộ đề ra 3 nhiệm vụ trước mắt:

- Củng cố nòng cốt ở các phòng giam, các kíp tù.
- Tiếp tục đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ.
- Chuẩn bị thực lực khi có điều kiện sẽ chống chào cờ.

Các cuộc đấu tranh trong thời kỳ “Vươn lên khôi phục toàn bộ khí tiết” đã diễn ra hết sức quyết liệt. Bọn chúa ngục đã phản kích bằng mọi cách: phạt cấm cố, còng xiềng, xà lim, chuồng cọp, bỏ đói, xối nước lạnh, đưa về Ban an ninh tra tấn, khai thác tổ chức, phạt đòn từ 50 đến 100 roi...

Nhiều thanh niên đã gan góc, xung phong đi đầu trong các cuộc đấu tranh chống học cải huấn, chống chào sĩ quan, chống lao công ngày chủ nhật cộng đồng và vươn lên chống chào cờ như Hồ Bôi, Nguyễn Xuân Ái, anh Tánh (ở Bình Định), Lê Quang Ba (ở Quảng Ngãi), Nguyễn Văn Mười tức Thương (Bình Thuận), Huỳnh Hà (Quảng Nam), Nguyễn Văn Sáu, Trần Văn Cam (Mỹ Tho), Trần Văn Tuân (Bến Tre). Các anh đã kiên cường chịu hàng chục hình phạt, hàng trăm trận đòn đến nát lưng, thịt rơi, máu đổ để duy trì phong trào, củng cố đội ngũ, vươn lên bảo vệ vị trí chính trị của người chiến sĩ cách mạng.

Sáng 2-11-1963, được tin giới quân sự ở Sài Gòn làm đảo chính, chi bộ Lê Hồng Phong đã phát động cuộc đấu tranh chống hô khẩu hiệu phản động. Trại IV lúc đó có 450 tù chính trị. Phòng Nhà bếp có khoảng 60 người được chi bộ quyết định ở lại lo việc ăn uống và thông tin liên lạc. Số còn lại được huy động vào cuộc đấu tranh.

Giờ chào cờ sáng 3-11-1963, địch bỏ khẩu hiệu “ủng hộ Ngô Đình Diệm” thay vào đó là “ủng hộ quân lực Việt Nam cộng hoà”. Trên 400 tù chính trị câu lưu đã không hô, không hát. Các anh Lê Quang Ba, Phạm Minh Sáu, Nguyễn Văn Tâm đứng ra tuyên bố không ủng hộ bất cứ tổ chức nào của chế độ Sài Gòn. Ba anh bị đưa vào chuồng cọp.

Những ngày tiếp theo, địch đưa thêm 22 người nữa vào biệt giam. Trừ phòng Nhà bếp, các phòng còn lại đều bị cấm cố, bớt cơm, bớt nước uống, không cho tắm giặt. Gần một tháng bị cấm cố, các phòng trao đổi và quyết định đấu tranh bằng hình thức tuyệt thực. Các anh Đỗ Hằng, Tô Thành, Lê

Quang Ngọc đã đặt ra mật mã (MORSE) để liên lạc. Bản mật mã được chia làm 25 ô (mỗi chiều 5 ô). Mỗi chữ cái trong ô ký hiệu bằng 2 chữ số theo hàng ngang, hàng dọc (a: 1-1; b: 1- 2; c: 1- 3...y: 5-5) các phòng cùng dây nhận mật mã bằng cách gõ vào tường theo những nhịp ngắn dài của từng chữ cái, do mã khóa hàng ngang, hàng dọc quy định. Hai dây phòng giam đối diện nhận mật mã bằng tín hiệu quạt lên quạt xuống.

Sáng 22-12-1963, các phòng của Trại IV (trừ Nhà bếp) tuyên bố tuyệt thực đòi giải quyết các yêu sách:

1. Giải tỏa cấm cố.
2. Tự do tư tưởng, bỏ hô khẩu hiệu, bỏ chào cờ.
3. Trả tự do cho tù chính trị câu lưu, trong lúc chờ đợi phải đưa tất cả về đất liền.
4. Cơm ăn đủ no, có đủ thức ăn, có rau tươi, thịt cá.
5. Đau ốm có thuốc chữa bệnh, được đi bệnh xá.
6. Được bầu Đại diện phòng, Tổng Đại diện trại.

Cuộc tuyệt thực nổ ra đúng vào đỉnh cao của cuộc khủng hoảng chính trị tại Sài Gòn làm cho nguy quyền , Côn Đảo rất hoang mang. Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sáu chọn giải pháp nhượng bộ tù chính trị để rảnh tay đối phó nội bộ. Sáng 25-12-1963, Nguyễn Văn Sáu chấp nhận phần lớn yêu sách, bỏ khẩu hiệu huấn chính lúc chào cờ, cho tù nhân được tự do tư tưởng, cải thiện đời sống, cho bầu Đại diện và Tổng Đại diện, riêng việc trả tự do và đưa về đất liền phải chờ ý kiến của Sài Gòn. 1 Cuộc đấu tranh hoàn toàn thắng lợi, đạt được các yêu cầu mà chi bộ đã đề ra.

Ngày 27-12-1963, lần đầu tiên trong lịch sử Nhà tù Côn Đảo, cuộc bầu cử dân chủ, công khai của tù chính trị đã diễn ra tại sân Trại IV, trước sự chứng kiến của Ban Quản đốc. Anh Nguyễn Văn Thọ quê Bến Tre được bầu làm Tổng Đại diện. Anh Thọ chuyển bệnh chết đột ngột (14-1-1964), toàn thể tù chính trị Trại IV đã tổ chức lễ truy điệu trọng thể rồi đưa anh về nơi an nghỉ. Hồ Sĩ Phan (ở Quảng Trị) được tập thể tín nhiệm giữ cương vị Tổng đại diện.

Sau khi lật đổ Diệm, Hội đồng quân nhân cách mạng đã ra sắc lệnh phóng thích tất cả những người bị tù vì chống chính quyền Ngô Đình Diệm từ 7-7-1954 đến 31-10-1963, trừ tù chính trị cộng sản. Anh Hà Minh Trí, dưới danh nghĩa lực lượng võ trang giáo phái Cao Đài, được Trung tướng Mai Hữu Xuân, Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia của Nội các mới đề nghị phóng thích ngay vì “thành tích ám sát hụt Ngô Đình Diệm”. Nhân dịp này, tù chính trị bị giam giữ lâu ngày trong các nhà tù cũng đấu tranh đòi tự do.

Tháng 1 năm 1964, bốn chiến sĩ trực diện chống ly khai: Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc Sắc, Lê Văn Một được đưa về đất liền để phóng thích. Anh Nguyễn Minh được chuyển về đất liền và được tự do trước đó. Năm Anh đã toàn thắng trở về, nhưng gương chiến đấu và chiến thắng của các anh còn toả sáng trong cuộc đấu tranh vươn lên bảo vệ khí tiết của tù chính trị Côn Đảo. Thay chỗ năm Anh tại Chuồng Cọp là đội ngũ tù chính trị chống chào cờ ngày càng đông đảo.

Ngày 20-1-1964, ngục quyền phản kích, chúng đưa lực lượng đàn áp đến bắt tù chính trị câu lưu phải chào cờ ngục. Tất cả đều nhất loạt phản đối. Địch cho bọn trật tự xông vào đánh đập, đưa 25 người vào biệt giam chuồng cọp, 38 người bị cấm cố tại phòng 8 và 100 người đưa về cấm cố tại Hầm Đá Trại II và Trại III.

Ngay trong lúc địch đàn áp và thanh lọc, Chi bộ Lê Hồng Phong hội ý cấp tốc, nhận định đây là âm mưu phân tán mỏng, cách ly lãnh đạo, hạn chế đấu tranh, chia cắt lực lượng để dễ bề đàn áp, tước đoạt thành quả đấu tranh. Chi ủy phân công Trần Thám, Lê Quang Ba, Nguyễn Quynh xen vào lực lượng địch phân tán để lãnh đạo anh em. Chủ trương của chi bộ là dù địch phân tán đi đâu, thực hiện những thủ đoạn khủng bố nào cũng phải kiên định mục tiêu khôi phục toàn bộ khí tiết.

Tại hầm đá và chuồng cọp, địch nhốt chật gấp ba lần ngày thường, còng chân, đánh đập, cưỡng bức chào cờ. Lực lượng tù chính trị câu lưu bị giam ở đây đã tuyệt thực để phản đối khủng bố, đòi tự do tư tưởng, không chào cờ ngục, không hô các khẩu hiệu huấn chính. Sau 5 ngày tuyệt thực, địch

nhượng bộ, trả lại đồ dùng cá nhân, cho ra tắm giặt, sinh hoạt bình thường, hứa sau tết âm lịch sẽ trả về trại cũ.

Sau 73 ngày đấu tranh quyết liệt, ngày 4-4-1964, địch phải trả toàn bộ tù chính trị câu lưu bị phân tán ở Chuồng Cọp, Hầm Đá Trại II, Trại III về Trại IV và đổi tên Trại IV thành Trại I, với ý nghĩa là Trại cộng sản trước đây, Trại cứng đầu, không thể khuất phục được, chỉ có thể “xây thêm nhà lao để giam giữ họ suốt đời”.

Liên chi Đảng bộ tù án

Khi thực dân Pháp bàn giao cho ngụy quyền Sài Gòn, Nhà tù Côn Đảo chỉ còn lại tù án mà đa số là tù thường án. Theo báo Tiếng Chuông xuất bản tại Sài Gòn ngày 19-3-1956, "Côn Đảo có 600 tù nhân với 120 gia đình công chức (500 nhân khẩu), không có thường dân, không có chợ búa. Việc tiếp tế do tàu Cửu Long và tàu Đồng Nai đảm nhiệm. Sở rẫy An Hái có đến 50 tù nhân làm việc mỗi ngày, sản xuất rau tươi cho đảo. Sở Lưới hàng ngày đánh cá chia cho công chức, Sở Chăn nuôi có vài ngàn con bò cừu, mỗi tuần bán cho công chức hai lần, giá 5 đồng một con".

Tháng giêng năm 1956, chính quyền Sài Gòn đã cử một phái đoàn cao cấp ngành Tư pháp do Biện lý Lưu Đình Diệp dẫn đầu ra Côn Đảo nghiên cứu. Cùng đi có vị giáo sĩ người Mỹ và hai giám mục: Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi.

Dưới thời Quản đốc Hồ Chí Thiên, nhân số tại đề lao đã tăng lên 674 vào ngày 14-12-1956, có 70 giám thị trông coi. Hai năm 1957-1958, số lượng tù án tăng không đáng kể. Từ khi Ngô Đình Diệm ra Luật 10/59 (tháng 5-1959), số tù án bị đưa ra Côn Đảo ngày càng đông. Theo Báo cáo số 467/NA/TTHC/CS/ M ngày 25-11-1959 của Tỉnh trưởng Côn Sơn, "tính đến ngày 25-10-1959, Trại Cải huấn có 1.456 tù án, phân loại như sau: thường phạm: 600; thường phạm thuộc toà án quân sự: 16; quân phạm thường án: 198; quân phạm chính trị: 147; chính trị phạm: 484; tử hình: 10; giam cứu (Toà Biện lý Sài Gòn gửi): 1; trong tháng, trại cải huấn chết 2. Nhân số hiện hữu tính đến 25-11-1959 là 1.454 người".

Những năm sau, số lượng tù án tăng dần, kể cả án tử hình, phần nhiều là tù chính trị. Dưới đây là số liệu tù án trong các báo cáo của nhà tù:

Ngày Án tù Số tử hình tử hình

tháng Tổng số tù chính trị Tổng số tù chính trị

26-6-1960 1.888 799 10 4

21-7-1961 2.610 1.258 59 44

15-8-1962 3.348 1.794 165 127

16-9-1963 3.469 1.908 205 166

Trong khi tập trung lực lượng truy bức tư tưởng, triệt hạ khí tiết tù chính trị câu lưu thì ngụy quyền chỉ áp dụng chế độ khổ sai đối với tù án. Từ năm 1960, sau khi giải quyết một số lớn tù chính trị chống li khai ở Trại I, địch thành lập Trung tâm cải huấn 2 giam tù án và bắt tù án cũng phải học tổ cộng vào buổi tối, với mức độ chiếu lệ so với tù chính trị câu lưu. Hoạt động và tranh đấu của tù án chính trị dưới thời Ngô Đình Diệm còn ở mức độ thấp, với các yêu sách giảm nhẹ khổ sai, cải thiện đời sống, chưa chống các thủ đoạn chính trị của địch.

Lực lượng tù án kế thừa kiểu tổ chức của tù nhân kháng chiến (1946-1954). Sau 3 đợt trao trả tù binh, tù chính trị, đến tháng 3-1955, Côn Đảo còn lại 59 người kháng chiến không được trao trả, cùng với hơn 600 tù án tư pháp (thường phạm). Anh Nguyễn Văn Mẹo được cử làm Bí thư Liên chi ủy, kiêm Chủ tịch Liên đoàn tù nhân kháng chiến, phụ trách số chưa được trao trả.

Lớp tù án chính trị bị chính quyền Ngô Đình Diệm đày ra sau này đã được kết tập vào Liên chi Đảng bộ tù án do Lê Minh Nê làm bí thư. Mục đích của tổ chức Liên chi Đảng bộ tù án là:

1. Tập hợp tất cả các đảng viên để sinh hoạt giữ vững tư thế, tác phong đạo đức của người cách mạng, hun đúc tinh thần chiến đấu bất khuất.
2. Nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương trợ nhau trong hoàn cảnh lao lý.
3. Đấu tranh với nhà cầm quyền đòi dân sinh dân chủ, cảm hóa các phần tử đối lập.
4. Lợi dụng thời cơ thuận tiện của tình hình bên ngoài sẽ đứng lên cướp chính quyền, tự giải phóng.

Tháng 5-1961, Liên chi Đảng bộ tù án củng cố lại, gồm 7 chi bộ. Hồ Văn Nai làm Bí thư Liên chi, Trần Văn Tấn làm Phó bí thư, Nguyễn Văn Vương

là ủy viên thường vụ, tổng số đảng viên kết được kết tập trên 50 người. Liên chi tổ chức ra Liên đoàn tù nhân giải phóng, do Trần Văn Ty (tự Xuân) là Trưởng ban chấp hành, với 14 ủy viên. Tháng 4-1961, Trần Văn Ty mãn án, giao lại cho Nguyễn Trường Can (tức Thái Hoàng Ân) làm Liên đoàn trưởng. Nhiệm vụ của Liên đoàn là: "Phát triển cơ sở trong mọi tầng lớp tù theo đường lối cách mạng miền Nam, chuẩn bị thực hiện, tiến tới tổng phản công, cướp chính quyền".

Ngụy quyền Côn Đảo khá thành thạo trong việc dùng tù trị tù. Ban an ninh của nhà tù tổ chức một mạng lưới an ninh, tình báo cài vào khắp các phòng giam, các kíp tù khổ sai để theo dõi, kìm kẹp mọi hoạt động của tù nhân. Bản báo cáo số 30/CS/TTCH II ngày 15-8-1962 của Giám thị trưởng Trung tâm cải huấn II cho biết, trong số 3348 phạm nhân thành án, có 460 phạm nhân được tuyển vào Ban an ninh, trong đó trật tự nội trại là 223, trật tự biệt phái là 205, tình báo là 32.

Báo cáo còn đánh giá về hoạt động tình báo, mật báo như sau: "Trung tâm đã lựa chọn số cán phạm giác ngộ hạnh kiểm tốt, xây dựng thành một hệ thống mật báo viên chìm để giúp ích cho việc ngăn chặn và hủy diệt ngay các âm mưu vừa chớm nở của số phạm nhân ngoan cố".

Vụ việc mà bản báo cáo nói trên đề cập đến chính là do Ban tình báo phát hiện ra tổ chức Liên chi Đảng bộ tù án và Liên đoàn tù nhân giải phóng (tháng 5- 1962). Nội vụ kéo dài cho đến cuối năm 1962 mới kết thúc. Theo công văn số 101/AN/M ngày 26-12-1962 của Ban an ninh Trung tâm cải huấn II, trong vòng 6 tháng, chúng đã bắt đi điều tra khai thác 140 tù nhân thuộc hai tổ chức nói trên, tất cả đều bị đưa vào biệt giam, 4 người đã chết trong quá trình điều tra, 339 người khác đã bị khống chế và vô hiệu hóa.

Đây là vụ tổn thất lớn, gây hiệu quả nghiêm trọng. Các thành viên trong tổ chức khi mãn hạn cấm cố đã nghiêm khắc tự kiểm điểm, rút kinh nghiệm về tổn thất đau xót này¹.

Đường dây Côn Đảo

Trong lúc Liên chi Đảng bộ tù án tan vỡ thì nhóm tù chính trị ở Chí Hòa ra đã chấp nối được đường dây liên lạc với Trung ương Cục, thông qua Tỉnh ủy Tây Ninh. Đường dây này do Trương Minh (tức Hai Khuynh), cán bộ binh vận Trung ương Cục phụ trách. Trương Minh trước khi bị bắt là cán bộ binh vận của Trung ương Cục, quê ở Tây Ninh. Trương Minh và Nguyễn Xuân Kí đã tham gia Đảng ủy Nhà lao Chí Hòa. Ra Côn Đảo, hai anh bàn nhau chấp nối đường dây liên lạc với Trung ương Cục và xây dựng lại tổ chức các trại tù án.

Đầu năm 1963, Ban lãnh đạo lâm thời trại tù án được tổ chức gồm 5 người: Nguyễn Xuân Kí, phụ trách chung; Nguyễn Văn Ngư (tức Hai E), phụ trách Trại I; Võ Văn Thuật, phụ trách Trại II; Trương Minh và anh Hiến phụ trách các sở ngoài. Ban lãnh đạo lâm thời tập hợp một số cốt cán ở các trại, tổ chức mạng lưới thu thập tin tức, binh vận, liên lạc với đất liền, xây dựng phương án đấu tranh, bước đầu đòi các quyền dân sinh dân chủ.

Ngay khi ra Côn Đảo, Hai Khuynh được anh em bố trí cho ra Sở Chăn Nuôi, dạy học cho con giám thị Nguyễn Văn Thượng (Năm Thượng, Năm Xị), Năm Thượng đã từng được đồng chí Dương Văn Thừa, Tỉnh ủy viên Tây Ninh, Bí thư Huyện ủy Gò Dầu, phụ trách giao liên của tỉnh Tây Ninh tổ chức khi Thượng còn ở Nhà lao Tây Ninh. Khi Thượng bị điều ra Côn Đảo, Dương Văn Thừa đã bàn giao đầu mối này cho Hai Khuynh.

Cuối năm 1963, những bức thư liên lạc đầu tiên của tù chính trị đã về đến cán cứ của Tỉnh ủy Tây Ninh. Cùng trong thời gian này, Ban an ninh Trung ương Cục đã liên lạc được với giám thị Năm Thượng, chủ Sở Chăn Nuôi của nhà tù Côn Đảo, quê Tây Ninh. Giám thị Năm có quan hệ tốt với tù chính trị và đã nhận chuyển tin tức, báo cáo của tù chính trị về đất liền.

Những tù chính trị phục vụ tại Ty tiểu học và dạy học tư gia đã giác ngộ được Nguyễn Văn Đồng, trưởng ty tiểu học và nữ giáo viên Trịnh Thị Thu

Hưng làm liên lạc viên giữa Côn Đảo và đất liền. Hai học sinh Nguyễn Thị Thu Hồng và Nguyễn Thị Thu Tâm (con giám thị Nguyễn Văn Trường) cũng được giác ngộ và trở thành những giao liên tin cẩn.

Thư từ, báo cáo được viết bằng mực hóa học, ngụy trang trong sách, báo hoặc giấu kín đáo trong các bưu phẩm. Trường Minh đã gửi mua các loại sách Văn - Sử, từ điển tiếng Anh, tiếng Hoa và cần mẫn soạn bộ từ điển Hán - Việt (13.000 mục từ) gửi về đất liền. Nhiều báo cáo đã được viết bằng mật mã và gửi qua những bản thảo này.

Nhóm tù chính trị người Hoa chiếm được thiện cảm của Tăng Tư, khi ấy là Phó Tỉnh trưởng phụ trách nội an, tạo được nhiều cơ sở nắm tin tức trong hàng ngũ địch. Trần Hồng, Lý Chấn Á, Hai Phan được đưa vào làm bồi bếp cho Tăng Tư. Trang Dân Kiệt, Đinh Khắc Phong, Ô Bài Huy, Lý Khải Cường và một số tù nhân biết kỹ thuật sửa chữa điện được bố trí phục vụ tại Đài LORAN Cỏ Ống, thu thập tin tức qua radiô rồi chép lại, chuyển về cho Ban lãnh đạo. Tin tức về những trận thắng Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài, Phước Long... được chép lại khá chính xác, đem lại nguồn cổ vũ lớn lao cho tù chính trị lúc đó. Anh Quang (tức Han làm bồi cho Tỉnh trưởng, thường xuyên cung cấp thực phẩm tươi cho Cỏ Ống là người trực tiếp chuyển các bản tin tức về Côn Đảo.

Trần Hồng từng là bạn học với Tăng Tư, sinh viên trường Cao đẳng mỹ thuật. Bằng nét vẽ tài hoa, anh tranh thủ được cả Phó tỉnh trưởng Tăng Tư, Tỉnh trưởng Lê Văn Thế và sau đó là Nguyễn Văn Sáu cùng cố vấn Mỹ, nhờ đó, anh thu thập được nhiều tin tức, giúp được nhiều tù chính trị. Bằng mối quan hệ thân tình với Tăng Tư, có lần, Trần Hồng còn thuyết phục được Tăng Tư ngăn chặn đợt khủng bố khốc liệt của trung sĩ Ngô Thanh Trị, trưởng an ninh chuồng cọp trong vụ đàn áp năm Anh ở chuồng cọp.

Ban lãnh đạo lâm thời các trại tù án (có lúc danh xưng là Đảo ủy) được tổ chức theo kiểu Đảo ủy. Ở mỗi trại tù án có tổ chức chi bộ tinh gọn từ 3 đến 5 người, liên hệ đơn tuyến, mỗi người chỉ biết một người trực tiếp quan hệ với mình. Chi bộ tìm cách đưa những người cốt cán vào nắm các tổ chức

công khai ở từng phòng như Ban đại diện, Ban vệ sinh, Ban trật tự, Ban thư kí.

Tổ chức Đảo ủy các trại tù án được hình thành từ đầu năm 1963 tồn tại trong nhiều năm sau đó. Tổ chức này có vai trò tích cực, ổn định tình hình tổ chức, tư tưởng của tù án chính trị, đặt nền móng, cho phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ và đặc biệt là xây dựng được một mạng lưới thông tin, duy trì đường dây liên lạc với Trung ương Cục.

Do sự xáo trộn, biến động trong tù, thành phần Đảo ủy có nhiều thay đổi. Khi phong trào đấu tranh chính trị của tù án bột phát, sôi động hẳn lên với cao trào chống chào cờ mạnh mẽ từ 1965 đến 1967 và đỉnh cao là cuộc Đồng khởi 1970 thì tổ chức mang tên “Đảo ủy” không còn theo kịp phong trào. Khi đó, tổ chức này tồn tại như một bộ phận bên ngoài, chịu làm khổ sai, không chống chào cờ, làm nhiệm vụ thông tin liên lạc, nắm giữ đường dây Côn Đảo.

Phong trào đấu tranh của tù án trong giai đoạn này còn ở mức độ thấp với những yêu sách đòi cải thiện đời sống, giảm nhẹ mức khổ sai, chống học tổ cộng theo kiểu không phát biểu ý kiến, chống chào cờ bằng cách tìm lý do né tránh. Sau ngày Ngô Đình Diệm bị lật đổ, tinh thần đấu tranh của tù án chính trị có bước chuyển mạnh hơn.

Cuối năm 1963, anh Nguyễn Văn Mười ở Công xưởng trong lúc hàn con tàu mang tên Phi Yến bị điện giật chết, tù chính trị Công xưởng đấu tranh đòi áo quan, làm lễ truy điệu. Anh em lấy hoa rừng kết tràng hoa, đề khẩu hiệu “Thiên thu duy hận”, hàng trăm người đưa đám. Sau lần ấy, ba người bị phạt giam chuồng cọp.

Phân hóa kẻ thù, tạo cơ hội vượt ngục

Lực lượng tù án chính trị tận dụng mọi cơ hội làm công tác binh vận. Trương Minh cùng một số cán bộ Ban binh vận Trung ương Cục bị bắt đã góp nhiều ý kiến cho Ban lãnh đạo lâm thời về công tác binh vận trong tù. Những người được đưa ra làm bồi bếp, thư ký, công nhân tư gia, dạy học tư gia, đã góp phần phân hóa hàng ngũ địch.

Cuối năm 1963, lực lượng binh vận đã triệt để khai thác mâu thuẫn giữa Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sáu và Đại úy phụ tá Quản đốc Trần Hữu Khoẻ. Theo số liệu của nhiều tù chính trị làm ở Văn phòng Quản đốc và Văn phòng Giám thị trưởng cung cấp, Sáu đã làm đơn tố cáo Khoẻ, trong thời gian từ tháng 7-1963 đến tháng 5- 1964 đã ăn chặn của tù nhân 63.875 kg gạo, 83 con heo, cùng nhiều khoản tổng cộng 5.600.000 đồng.

Tổng nha Cải huấn và Bộ Nội vụ ngục đã cử nhiều đoàn ra thanh tra. Khoẻ dựa vào một số tù nhân khác tố cáo Sáu câu kết với nhà thầu Tạ Thị Hiền, ăn chặn cá khô, đường thẻ từ khi còn là Quản đốc Trung tâm Cải huấn Thủ Đức, tổng tiền gia đình can phạm Huỳnh Đại, tư sản người Hoa ở Chợ Lớn. Khoẻ tập hợp tài liệu rồi thuê người ở Sài Gòn viết báo. Báo Cải Tạo, xuất bản tại Sài Gòn trong tháng 1 và tháng 2-1965 đã đăng một loạt bài dưới tit “Khẩu phật, tâm xà của thiếu tá Nguyễn Văn Sáu”.

Mâu thuẫn sâu sắc giữa những tên cầm đầu trong bộ máy thống trị ở Côn Đảo giai đoạn này đã tạo cơ hội cho các cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết của tù chính trị giành được thắng lợi.

Thời Mỹ - ngục, các cuộc vượt ngục của tù nhân thưa hẳn so với tất cả các thời kỳ trước đó, nhưng các cuộc vượt ngục lại diễn ra với nhiều tình huống ly kỳ và không ít cuộc thành công bất ngờ. Bản nguyệt trình từ ngày 25-10-1959 đến 25-11-1959 của Tỉnh trưởng Côn Sơn mang số 467/NA/TTHC/CS/M cho biết, vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 25-11-1959

xảy ra vụ bạo động, 15 phạm nhân Trại công xưởng đoạt ghe và đá thương một giám thị đang phiên canh gác. Lệnh truy tìm đã được ban bố.

Vụ này do đại tá Thế chủ mưu. Trước đó, theo nguồn tin mật báo viên do một phạm nhân vừa ở Côn Đảo chuyển về Chí Hòa tiết lộ, thiếu tá Nguyễn Văn Vệ, đương kim Quản đốc khám Chí Hòa đã lập phiếu báo tin số 70/QĐ/M ngày 8-5-1958 gửi Tổng Giám đốc Nha chính trị Bộ Nội vụ ngụy báo tin về âm mưu vượt ngục này.

Phiếu báo tin cho biết, một nhóm phạm nhân tại Đền lao Côn Sơn đang tổ chức vượt ngục bằng cách bạo động, trong đó có đại tá Thế, đại tá Phước, Canh, Cai, Chín F.M, đại diện hoả thực tên Tiến. Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an ngụy đã gửi công điện ra Côn Đảo, yêu cầu dùng biện pháp nghiêm ngặt ngăn ngừa và phúc trình rõ. Ngày 16-5-1958, đại úy Nguyễn Văn Giỏi, Quản đốc TTCH Côn Sơn gửi công văn số 241/TTCH- CS/2M báo cáo đã tổ chức canh phòng chặt chẽ, cấm cố các phạm nhân có tên kể trên.

Không cam chịu thất bại, đại tá Thế tiếp tục nuôi mộng vượt ngục. Thân phụ Thế là thầy dạy học của Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn nên Thế thoát khỏi cấm cố, về làm đại diện kíp tù nhân ở Công Xưởng. Đại tá Thế chọn sẵn 8 tên đàn em trung thành, khởi sự vào đêm 25- 11-1959, giải thoát cho đồng bọn ở Sở Lưới, Công Xưởng và cướp ghe vượt ngục. Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, chiếc ghe nhỏ đã dạt vào một làng đánh cá ở Thái Lan, trên ghe chỉ còn 3 thường phạm nằm thoi thóp. Đại tá Thế đã chết vì đói, khát và kiệt sức giữa biển.

Để tăng cường các biện pháp an ninh, chống vượt ngục, ngụy quyền Côn Đảo đã cho đặt một trung liên tại đồn canh cầu Tàu, đóng thêm một đồn canh tại Bến Đầm (9 lính bảo an) và một đồn ở bãi ông Đụng (7 lính), rút binh sĩ thuộc các đơn vị thành lập một trung đội biệt kích, huấn luyện chiến thuật, hàng ngày tập leo núi, phối hợp với trật tự thường án canh chòi bãi lũng sục dấu vết của tù nhân. Chúng trang bị máy truyền tin cho trưởng đồn Hải Đăng Bảy Cạnh, liên lạc thường xuyên với bảo an và công an để phát hiện tàu lạ cùng những dấu hiệu nghi ngờ.

Mặc dầu đã áp dụng tối đa các biện pháp phòng ngừa, các cuộc vượt ngục vẫn xảy ra. Kíp đồn củi của tù chính trị câu lưu gồm 6 người đã vượt ngục bằng thuyền khung mây bọc vải vào chiều mồng bảy tháng giêng năm Canh Tý (1960). Cuộc vượt ngục do Võ Ngân Trân, một ngư dân ở Hàm Tân (Bình Thuận) và Võ Hoàng Sơn tự Ni (Lái Thiêu) tổ chức, với sự tham gia của Trương Văn Bi, Nguyễn Ngọc Ân, Nguyễn Hữu Thoại và Nguyễn Lành. 13 giờ mồng bảy tết Canh Tý, từ vị trí đồn củi trên Núi Chúa, họ khiêng chiếc thuyền dài 6m, rộng 1,2 mét xuống bãi phía tây đảo, hạ thủy lúc xế chiều, ráng sức chèo ra khơi.

Sau 9 ngày vật lộn với sóng gió, chiếc thuyền con mong manh lạc vào một hoang đảo thuộc hải phận Campuchia. Sáu tù nhân bị giải giao về trại giam Sêrêpôc. Hơn 2 năm sau, họ tham gia cuộc vượt ngục của tù chính trị Campuchia vào đêm 11-11-1963. Hơn một trăm tù chính trị đã thoát khỏi trại giam, cắt rừng về đến Hớn Quản và được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam tiếp nhận.

Tháng 11-1961, tại công trường làm sân bay Cỏ Ống, sáu tù chính trị đã dùng thùng phuy kết bè vượt ngục nhưng không thành. Công văn số 316/CS/NA/M ngày 21-11-1961 của Trung tâm cải huấn Côn Sơn cho biết rõ 6 can phạm đó là:

- Hồ Văn Xuân (tự Vĩ): Chủ mưu.
- Tông Tấn Thương (tự Cọp): Chủ mưu.
- Phan Xuân Nhị (tự Bình): Tòng phạm.
- Nguyễn Văn Non: Tòng phạm.
- Nguyễn Văn Thân (tự Thọ): Tòng phạm.
- Trần Tấn Lộc (tự Thi): Tòng phạm.

Sáu người nói trên “đều là các phần tử ngoan cố, không chịu học tập, cải tạo. Cuộc vượt đảo của các can phạm nói trên không ngoài mục đích: về tới đất liền sẽ tiếp tay với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam của Việt cộng để chống lại chính phủ quốc gia”.

Tù chính trị “quốc gia”

Ở Côn Đảo có loại tù thuộc các phe phái chống đối chính quyền Diệm, được gọi là quân phạm đặc biệt. Từ năm 1957 đến năm 1960 phần lớn quân phạm đặc biệt là số cầm đầu các nhóm vũ trang giáo phái Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo và các “chính khách sa lông” liên minh với các nhóm này. Từ năm 1960, có thêm nhóm sĩ quan quân đội và “chính khách salon” can dự những cuộc âm mưu đảo chính. Theo báo cáo của Trưởng ty cảnh sát quốc gia Côn Sơn, tính đến ngày 14-11-1963, có 161 can phạm thuộc các tôn giáo, đảng phái như sau:

- Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia: 48 tên.
- Bình Xuyên: 16 tên.
- Hòa Hảo: 60 tên.
- Cao Đài liên minh: 25 tên.
- Đại Việt: 5 tên
- Dân chủ: 4 tên.
- Quốc dân đảng: 1 tên.
- Giáo hội hòa bình: 1 tên.
- Sĩ quan quốc gia theo Bình Xuyên: 1 tên.

Phòng 3 Trại I (sau đổi thành Trại II) trong nhiều năm là nơi tập trung những xung đột của nhóm quân phạm đặc biệt. Đây là nơi giam giữ những tên cầm đầu, có “máu mặt”, trong đó có 10 tên mang án tử hình: Trần Văn Ân, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Hữu Thuần, Trịnh Khánh Vàng, trung tướng Cao Đài Nguyễn Thành Phương, thiếu tá Cao Đài Nguyễn Văn Hiếu...

Bọn này háo danh, tự xưng là tù chính trị “quốc gia”, thay vì gọi là quân phạm.

Hồ Hữu Tường là chủ bút báo Phương Đông, Chủ tịch Hội đồng báo chí, cố vấn tối cao của Bộ tổng tham mưu Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia

(Bình Xuyên). Bị xử tử, Tường khuyên bọn đàn em đừng xin ân xá, nhưng ra Côn Đảo, Tường lại bí mật viết thư cho Ngô Đình Diệm xin ân xá, nói rằng hẳn bị Trần Văn Ân lừa gạt, đẩy qua Bình Xuyên chứ không bao giờ có ý chống lại vị “Tổng thống anh minh”. Tường còn viết thư cho Ngô Đình Nhu, xin cưới con gái Nhu là Ngô Đình Lệ Thủy cho con trai mình.

Chuyện vỡ lở, Trần Văn Ân chửi Hồ Hữu Tường là “thằng điên”. Tuy vậy, Ân và Tường lại câu kết với nhau trong nhiều chuyện khác. Bảy Viễn gửi cho hai triệu đồng, Ân và Tường chia nhau ăn hết, không cho tụi đàn em đồng nào. Thiếu tá Bình Xuyên Nguyễn Văn Phước đã đánh Hồ Hữu Tường gãy răng vì chuyện đó. Trung tướng Cao Đài Nguyễn Thành Phương chửi Hồ Hữu Tường: “Mày hết bán thân cho Nhật, cho Tây, bây giờ lại rắp tâm bán thân cho Mỹ. Nếu may mắn mà tao được về đời, tao sẽ viết báo vạch mặt nạ quốc tế xã hội chủ nghĩa của mày”.

Bọn đàn em của chúng cũng xung đột với nhau luôn vì miếng ăn trong tù. Tranh nhau một con chim sẻ lọt vào trong khám, thiếu tá Bình Xuyên Nguyễn Văn Hiếu đã đánh lộn với Trịnh Khánh Vàng, Chủ tịch Mặt trận quốc gia cứu quốc. Phó tỉnh trưởng Tăng Tư lúc đó đã kể trong một hồi ức khi ở trong trại cải tạo của ta sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng rằng: “Trần Văn Ân, Hồ Hữu Tường, Trịnh Khánh Vàng, Nguyễn Văn Thành, Jean Pastis Đồng... có thể gọi là những trí thức của miền Nam mà khi ở tù tranh nhau từng miếng thịt, chửi bới nhau, thưa kiện đến Tỉnh trưởng xét xử”.

Nhóm “chính khách salon” và sĩ quan quân đội ngụy tham gia vụ đảo chính 11-11-1960 bị đày ra Côn Đảo giữa năm 1962 có phần “dễ thở” hơn. Phan Khắc Sửu xin ra nuôi vịt ở Hồ Sen. Phan Quang Đán xin ra làm phụ tá ở bệnh xá Côn Đảo. Lúc ra toà, Đán khóc hu hu. Bị đày ra Côn Đảo, Đán viết thư nhờ Phó Tỉnh trưởng Tăng Tư chuyển cho Ngô Đình Diệm, lời lẽ thông thiết xin ân xá, hứa từ giã hoạt động chính trị, trở về làm bác sĩ, không tham gia phe phái nào hết. Nói vậy nhưng lúc Ngô Đình Diệm đổ, được ân xá về, Đán nhảy ngay vào Quốc vụ Khanh, leo lên đến Phó Thủ tướng của Nội các Trần Thiện Khiêm.

Phan Trọng Chinh, Thiếu tá quân đội ngụy, tham gia Ban cải huấn, thực hiện chính sách tố cộng trong tù. Trước đó, Jean Pastis Đồng (Nguyễn Văn Đồng), một “học giả” quốc tịch Tây đã tham gia Ban tố cộng của nhà tù từ năm 1957. Cũng như Jean Pastis Đồng, Phan Trọng Chinh không thuộc loại “tố cộng” có bài bản, chống cộng có lý tưởng và cũng hoàn toàn không vì phụng sự chủ nghĩa “quốc gia”.

Bọn họ chỉ muốn có được những ngày yên thân trong tù, chờ cơ hội và thời thế trở về với những mưu toan danh vọng. Có lần, vào “cải huấn” năm Anh chống ly khai kiên cường ở Chuồng Cọp, Phan Trọng Chinh đã ngả mũ kính chào. Hắn nói rằng thật sự kính cẩn nghiêng mình trước Năm vị anh hùng dân tộc, mặc dù hắn không cùng lý tưởng. Nếu được làm thủ tướng, hắn sẽ xây nhà lầu cho năm Anh ở.

Không ai tin lời hắn. Khi trở về làm tư lệnh sư đoàn 25, Phan Trọng Chinh đã đổi biết bao xác lính của hắn và tính mạng dân thường để được thăng hàm trung tướng.

Jean Pastis Đồng có được ít chữ nghĩa, tham gia soạn thảo tài liệu tố cộng. Trong tài liệu, Đồng có ý đề cao chủ nghĩa “quốc gia” nhưng thực bụng không phục. Có một loại “quốc gia” kiểu Ngô Đình Diệm đã đàn áp bỏ tù hắn và đồng bọn. Có loại “quốc gia” kiểu Bình Xuyên - Cao Đài - Hòa Hảo liên minh mà hắn đi theo đã tan rã hắn. Vào tù, chúng nhụt hết ý chí, mỗi tên mưu toan một chuyện và xâu xé nhau từng miếng ăn trong tù.

Trong một đoạn hồi ký, Jean Pastis Đồng đã hé ra nỗi thất vọng về những kẻ mang màu sắc “quốc gia” giả hiệu ấy: “Một đặc tính của khá đông người quốc gia trí thức là thâm nhiệm tận xương tận tủy cả nhân chủ nghĩa. Tuy đi cùng một xuồng, dính chung một vụ, bị nhốt chung một khám, mỗi người là một cái thế giới riêng”.

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, cả bọn được ân xá, 'nhường chỗ cho hàng loạt tướng tá thân cận, tay chân trung thành của Ngô Đình Diệm vừa bị bắt, trong đó có đại tá Nguyễn Văn Y - Tổng giám đốc cảnh sát và công an kiêm Đặc ủy trưởng Phủ đặc ủy Trung ương tình báo; Trần Kim Tuyến - Giám đốc Sở nghiên cứu chính trị xã hội; Trần Văn Tư - Giám đốc cảnh sát

đô thành; Dương Văn Hiếu - trùm mật vụ miền Trung; Nguyễn Tư Thái (Thái Đen) mật vụ, phụ tá của Hiếu; Nguyễn Văn Thái (Thái Trắng) mật vụ, phụ tá của Trần Kim Tuyền; Nguyễn Văn Đông - Tỉnh trưởng Quảng Trị; Ngô Trọng Hiếu - Bộ trưởng Bộ Công dân vụ...

Những ngày ở tù, bọn này chỉ viết đơn kêu oan, xin ân xá, và đổ tội cho nhau. Cuối cùng, tất cả đều đổ tội cho ba tên đầu sỏ Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn. Khi được trả tự do, hầu hết bị thất sủng và tiêu tan ý chí chống cộng, vài tên được tái tuyển với mức độ tin tưởng hạn chế, trong đó có Nguyễn Tư Thái làm nhân viên Ban U (phản tình báo) thuộc Phủ đặc ủy Trung ương tình báo. Thái được cử ra Côn Đảo với một kế hoạch hậu chiến, mà đối tượng là tù chính trị những năm sau này.

Tù chính trị “quốc gia”, quân phạm chính trị, quân phạm thường án, và thường phạm bao giờ cũng là đối tượng được sử dụng vào mục đích “dùng tù trị tù”, để khống chế tù chính trị. Một số tên đã mất hết nhân tính, trở thành tay sai đắc lực cho bọn thống trị. Cũng có tên nhận ra thân phận, và cảm phục nhân cách của tù chính trị cộng sản mà nương nhẹ tay với người cùng cảnh ngộ.

Nhà tù thời Ngô Đình Diệm

Đặc trưng cơ bản của thời kỳ 1955-1963 là cuộc đấu tranh của tù chính trị chống ly khai Đảng cộng sản và chống các thủ đoạn tố cộng rất cực đoan của chính quyền Ngô Đình Diệm. Lực lượng tham gia cuộc đấu tranh này là gần 4000 tù chính trị câu lưu. Họ là những cán bộ kháng chiến, được bố trí ở lại trong các cương vị chủ chốt từ cấp Xứ ủy, Khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy đến cơ sở, tại các tỉnh phía Nam vĩ tuyến 17, được xếp vào loại phần tử “nguy hiểm nhất”, “ngoan cố nhất”, được thanh lọc từ các nhà tù miền Nam, đày ra Côn Đảo.

Thời Ngô Đình Diệm, ngoài các khoản viện trợ nuôi dưỡng bộ máy cai trị, cố vấn Mỹ chưa can thiệp vào công việc quản trị tù nhân. Tập đoàn độc tài Ngô Đình Diệm đã tiến hành kiểu chống cộng rất cực đoan, sâu độc và tàn bạo. Chúng đánh vào tận gốc tư tưởng chính trị của người tù, bằng cách cưỡng bức họ ly khai Đảng cộng sản; đánh vào tận cùng nhân cách, biến người tù thành kẻ phản bội; đánh vào tận đáy sâu tâm hồn bằng cách bắt từng người phải hô khẩu hiệu “đả đảo Hồ Chí Minh”, xúc phạm lòng ngưỡng mộ thiêng liêng nhất của một dân tộc. Chính vì thế mà cuộc đấu tranh chống ly khai Đảng cộng sản, chống các thủ đoạn tố cộng, diệt cộng đã diễn ra rất quyết liệt dưới nhiều hình thức, lôi cuốn đông đảo cán bộ đảng viên và quần chúng tù nhân tham gia.

Thân thể ai cũng bằng xương bằng thịt, đòn roi đánh vào đều đau. Tư tưởng con người không phải là sắt đá, không thể không trăn trở trước sự sống và cái chết, trước bạo lực khủng bố, truy bức, trước cạm bẫy, nanh vuốt kẻ thù. Sự tan vỡ của Trại I - Trại cộng sản trong chiến dịch chuyển hướng (4-1960) là một tổn thất lớn cho lực lượng chống ly khai.

Vào thời điểm mà áp lực khủng bố vượt quá sức chịu đựng của số đông trong tập thể chiến đấu thì những chiến sĩ kiên cường nhất đã tự nguyện nhận lấy sứ mệnh lịch sử. 59 người thà chết không ly khai, đã tiếp tục cuộc

chiến đấu tại chuồng cọp Côn Đảo, cho đến khi còn lại Năm Anh toàn thắng. Hàng chục người trong đó đã hi sinh vô cùng anh dũng, tỏa sáng Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Nơi gương các anh, những người từng vấp ngã đã nhận ra sự yếu hèn, cầu an của mình, sát cánh vươn lên kiến tạo lập trường khí tiết. Nhiều người bền bỉ tranh đấu, chịu phạt, chịu đòn để “chia lửa” với những ngọn cờ chống ly khai ở chuồng cọp.

Kể từ cuối năm 1960 trở đi, mặt trận đấu tranh trong tù đã thật sự hình thành. Đứng trên tuyến đầu của cuộc chiến đấu chống ly khai, không khuất phục trước bạo tàn là phẩm chất cao quý của những người cộng sản kiên cường, song duy trì được cuộc chiến đấu cho đến khi còn năm Anh toàn thắng là vai trò đoàn kết chiến đấu của mặt trận tù nhân, đặc biệt là cách tổ chức khéo léo của tập thể, sự nuôi dưỡng, bảo vệ của một số người được cài vào hàng ngũ trật tự trước đó.

Từ giữa năm 1961, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xét nhiều đợt trả tự do cho tù chính trị câu lưu. Khâm phục cuộc đấu tranh anh dũng của tù chính trị câu lưu, lực lượng tù án chính trị đã vươn lên chống chào cờ nguy.

Từ khi tù chính trị câu lưu đã xác lập vững chắc vị trí chính trị bảo vệ khí tiết sau cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963 ở Sài Gòn thì phong trào chống chào cờ của tù án chính trị từng bước nổi lên như một nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh chính trị trong nhà tù Côn Đảo thời kỳ sau Ngô Đình Diệm.

¹. Các thành viên trong tổ chức “Đảo ủy” và Liên đoàn tù nhân đã tự kiểm điểm và thống nhất với nhau 2 điểm: một là giải thể hai tổ chức này; hai là tất cả những thành viên trong hai tổ chức này, từ nay về sau tuyệt đối không được tham gia các tổ chức của tù chính trị với tư cách là người lãnh đạo, chỉ được tham gia với tư cách một chiến đấu viên.

Chương 9

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO ĐẤU TRANH (1964-1972)

Mỹ - ngụy điều chỉnh chế độ cải huấn, mở rộng nhà tù

Cùng với sự gia tăng qui mô của cuộc chiến tranh, nhà tù Côn Đảo cũng được mở rộng từ 4 trại giam thành 3 trại. Nhân số nhà tù trung bình 4.000 tăng dần lên 8.000, có thời điểm đã vượt qua con số 10.000. Tỷ lệ tù án và nữ tù bị đày ra đảo tăng nhiều lần so với thời gian trước.

Ngụy quyền Sài Gòn đưa những tên sĩ quan đã được huấn luyện các chương trình: quản trị nhà tù, tình báo chiến lược, tâm lý cải huấn ở Mỹ, Anh, Đài Loan về làm chúa đảo. Bọn cố vấn Mỹ có mặt thường xuyên và can thiệp ngày càng cao vào việc quản trị nhà tù.

Hai năm 1964-1965, các phe phái ngụy quân, ngụy quyền ra sức tranh giành quyền lực. Thiếu tá Tăng Tư thay Nguyễn Văn Sáu làm Tỉnh trưởng (3-6-1964) được tròn một năm rồi mất chức. Thiếu tá Nguyễn Thế Ty Phó Tỉnh trưởng Nội an tạm quyền 3 tháng, sau đó trung tá Nguyễn Phát Đạt (tự Phan Thuận Cảnh) ra nhận chức vào 1-9-1965. Ba tháng sau, thiếu tá Nguyễn Văn Vệ, một tên khét tiếng trong nghề cai ngục được điều ra Côn Đảo (22-11-1965). Nguyễn Văn Vệ bắt đầu một thời kỳ cai trị đẫm máu tại Côn Đảo, với sự can thiệp ngày càng sâu của cố vấn Mỹ và sự gia tăng của viện trợ Mỹ.

Nguyễn Văn Vệ sinh ngày 12-7-1922 tại Sài Gòn, làm thư ký thông ngôn cho Sở công an Nam Việt từ năm 1942, leo lên chức Trưởng ty công an Châu Đốc (1952), rồi Trưởng ty công an Bạc Liêu. Từ năm 1954, Nguyễn Văn Vệ đứng hẳn về phái thân Mỹ, theo Mai Hữu Xuân, nguyên Tổng giám đốc công an gia nhập ngành an ninh quân đội. Bắt đầu từ đó Vệ trở thành một tên tay sai trung thành của chế độ Mỹ - ngụy. Nguyễn Văn Vệ được bổ nhiệm làm tiểu đoàn phó tiểu đoàn 530 an ninh quân đội.

Tháng 4 năm 1956, tù quân phạm ở khám Chí Hòa bạo loạn, đòi toà án quân sự tha bổng tội trạng của chúng. Tiểu đoàn 530 của Vệ được điều đến đàn áp. Sau cuộc dẹp loạn, Nguyễn Văn Vệ được tuyên dương công trạng, đặc cách thăng cấp đại úy trừ bị (1-6-1956) và nhận chức Quản đốc Khám đường Chí Hòa, chuyển hẳn sang ngạch quản ngục. Tháng 3 năm 1965, Vệ được cấp học bổng của chương trình Côlômbô, tu nghiệp ở Anh quốc về quản trị khám đường. Mãn khoá, Vệ về nước và được điều ra Côn Đảo tháng 11 năm 1965.

Trong ký ức của hàng ngàn tù nhân, Nguyễn Văn Vệ là “con hùm xám” là “siêu đẳng” trong nghề trị tù. Vệ từng ngự trị 9 năm, 2 nhiệm kỳ tại Côn Đảo. Nguyễn Văn Lâm, người tù thường phạm mang 3 bản án về các tội trộm cướp, tàng trữ vũ khí, giết người, phá rối trị an, sau nhiều năm ở tù đã nhận xét: “Là một chuyên gia về quản trị và đàn áp tù, Vệ đi tới đâu là nơi đó phải được bình định. Phong trào đấu tranh của tù chính trị có lúc trời lên, trụt xuống, chính mắt tôi đã mục kích những lần Vệ chỉ huy đàn áp, trước hết bế môn tỏa cảng rồi lựu đạn cay, phi tiễn bắn vào, sau khi nằm la liệt, hàng trăm tù (trật tự) ác ôn, dùng dùi cui ma trặc đánh đập man rợ. Một màng lưới tổ chức tình báo thật là tinh vi, biết đặt người làm và nằm trong hàng ngũ đấu tranh của anh em (tù) chính trị, biết trước được mọi kế hoạch, những dự định của anh em bị phá hỏng, tài liệu báo chí, đài, phương tiện truyền thanh bị tịch thu. Những lần đó tù chính trị hết sức khốn khổ. Đầu não đấu tranh bị tan rã (bị) trấn áp, khủng bố, đánh đập dã man dưới bàn tay sắt của Nguyễn Văn Vệ. Phải nói rằng Vệ là siêu đẳng. Có những người cộng tác cho Vệ mà chính tôi cũng không ngờ được, những người mà đôi lần tiếp xúc, tôi đã quý mến họ và anh em (tù) chính trị đã tin tưởng họ”.

Lời cáo giác mộc mạc của người tù thường phạm mang án cướp của giết người về Nguyễn Văn Vệ là hoàn toàn chính xác. Vệ thiết lập chế độ kỷ luật nghiệt ngã nhất ở chuồng cọp Côn Đảo với những cây còng Mỹ siết chặt vào cổ chân người tù, làm cho hàng trăm người teo cơ, bại liệt và vĩnh viễn không thể đứng lên bằng đôi chân được nữa. Sào nhọn bịt đồng, vôi bột, gậy gộc và đao quân trật tự an ninh do Vệ tổ chức đã gây nên những

tội ác man rợ mà vụ “chuồng cọp Côn Đảo” tai tiếng năm 1970 đã làm chấn động lương tri loài người.

Sự tàn bạo và thâm hiểm của Nguyễn Văn Vệ điển hình cho một lớp tay sai được Mỹ đào tạo, huấn luyện. Bọn cô vấn Mỹ đặt hy vọng vào Nguyễn Văn Vệ, thường xuyên vào dinh bàn bạc với Vệ, phê chuẩn các chương trình mở rộng nhà tù, chương trình cải huấn và tâm lý chiến mà Vệ đề xuất.

Phái đoàn cố vấn dân sự Hoa Kỳ sau nhiều đợt khảo sát đã đề nghị chính phủ Mỹ sử dụng ngân sách của MACCORD (chương trình viện trợ quân sự và kinh tế của Mỹ ở Việt Nam) để xây dựng hệ thống trại giam kiểu mẫu tại Côn Đảo. Các chuyên gia về xây cất nhà tù của Mỹ đã ra Côn Đảo nghiên cứu, thiết kế một hệ thống nhà tù quy mô gồm Trại VI, Trại VII, Trại VIII, Trại IX, Trại X trên một diện tích gần 100 hécta phía đông bắc thị trấn Côn Đảo. Hãng RMK-BRJ, một trong ba hãng thầu xây dựng lớn nhất nước Mỹ đã trúng thầu và gấp rút xây dựng hệ thống trại giam này.

Cố vấn Mỹ giám sát chặt chẽ các hoạt động của nhà tù. Trong giai đoạn này, ở Côn Đảo thường xuyên có mặt 5 cố vấn dân sự và 7 cố vấn quân sự. Đoàn cố vấn dân sự do tên John cầm đầu, sau đó là tên Simond và tên Huff. Chúng núp dưới danh nghĩa là phối trí viên của AID (cơ quan viện trợ phát triển kinh tế) nhưng thực chất cả năm tên đều là nhân viên CIA đã nhiều năm hoạt động ở Triều Tiên, Đài Loan, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam.

Tên trưởng đoàn cố vấn Mỹ hàng ngày đến làm việc tại dinh chúa đảo, đọc duyệt tất cả phiếu trình, công điện đến và đi, phê duyệt các chương trình phòng thủ, an ninh, cải huấn, các dự trù về trang bị, vũ khí, ngân sách. Bốn tên cô vấn còn lại chia nhau theo dõi từng mặt công tác như: tình hình an ninh, lao động khổ sai, chế độ dinh dưỡng và một tên chuyên theo tàu đánh cá. Chiếc tàu trên danh nghĩa dùng vào việc đánh cá, cung cấp thực phẩm tươi cho nhà tù, nhưng thực chất là kiểm soát an ninh, phát hiện những con tàu vận chuyển vũ khí của ta từ miền Bắc vào chi viện cho chiến trường Nam Bộ.

Bạn cố vấn Mỹ được sự cộng tác đặc lực của chúa đảo Nguyễn Văn Vệ đã xây dựng một chương trình “tâm lí chiến” ở nhà tù này.

Tù chính trị câu lưu tuyệt thực 23 ngày

Từ đầu năm 1964, phong trào đấu tranh của tù chính trị câu lưu phát triển mạnh mẽ. Bản phúc trình về tình hình các can cứu chính trị thuộc Trung tâm cải huấn Côn Sơn từ ngày 1-11-1963 đến 23-6-1964 đầy ắp các cuộc đấu tranh chống đối. Sau đây là một số cuộc đấu tranh lớn được ghi trong phúc trình nói trên, do thiếu tá Tỉnh trưởng Tăng Tư lập ngày 23-6-1964:

“...Ngày 5.2.1964, có 123 can cứu mới đến Trung tâm. Bọn này cuồng tín, ngoan cố chống chào cờ, chống sinh hoạt học tập chính trị. Chúng tuyên bố qua các Trung tâm Phú Lợi, Tân Hiệp, Thanh Tân, Quảng Trị, Đà Nẵng, nơi nào cũng giữ lập trường không thay đổi. Ban Quản đốc giam 123 tên vào phòng 5 và phòng 7”.

“..Ngày 1.4.1964, 25 can cứu giam tại khu kỷ luật tuyệt thực đòi tháo còng chân. Cùng trong ngày, 100 can cứu biệt lập tại các Trung tâm giải hồi về Trung tâm 1, biệt giam tại phòng 4, chúng vẫn ngoan cố chống chào cờ”.

"... Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 6, chúng luôn luôn yêu sách, chê mắ m sắc và khô mự c, đòi hỏi mỗi tuần có 5 ngày thịt heo, rau tươi và cho chúng ra ngoài sinh hoạt cải thiện đời sống nhưng Ban Quản đốc không chấp thuận vì chúng không tôn trọng Quốc kì và không tuân theo nội quy Trung tâm”.

“...Do những yêu sách quá trớn, Ban Quản đốc không giải quyết nên chiều 6.6.1964, can cứu phòng 5 (46 can cứu), chủ trương tuyệt thực. Sáng ngày 7-6-1964 đến lượt phòng 7 (65 can cứu). Chiều 7-6-1964 đến phòng 8 (23 can cứu). Sáng 8-6-1964 đến phòng 4 (68 can cứu). Tổng số can cứu tuyệt thực là 202 tên với yêu sách:

1. Giải tỏa tình trạng hiệt giam.
2. Tự do liên lạc thư từ với gia đình.
3. Được mua vật dụng tại hợp tác xã.

4. Mỗi tuần được ăn 5 ngày thịt heo và rau tươi.
5. Được tự do liên lạc từ phòng này sang phòng khác.
6. Cấp thuốc chữa bệnh và thuốc bổ.
7. Cho sản xuất sinh hoạt (cải thiện) thêm.
8. Không ăn khô mực và mắm đắng.
9. Cho nấu ăn tại Trung tâm như trước.
10. Mở cửa sổ các phòng cho thoáng khí.
11. Cấp mền mùng.
12. Cho ăn ngày ba bữa đầy đủ.

“12 điểm yêu sách của chúng đã được thiếu tá Tỉnh trưởng chấp nhận với điều kiện là chúng phải chào cờ và tôn trọng nội quy Trung tâm. Chúng không chịu, tuyển bố đấu tranh đến khi nào giải quyết mới thôi”.

Ban phúc trình của Tăng Tư phản ánh khá sát đúng với những nét lớn trong phong trào đấu tranh của tù chính trị câu lưu lúc đó. Cuộc tuyệt thực đã được tập thể tù chính trị câu lưu các phòng thảo luận và chuẩn bị rất kỹ từ một tháng trước đó. Giàu thủ đoạn cai trị, Tăng Tư biết cuộc tranh đấu tuyệt thực và tuyệt ẩm không thể kéo dài. Sáng 10-6-1964, hăn cho Giám thị trưởng xuống Trại IV, thông báo sẽ giải quyết 12 yêu sách, với điều kiện phải chào cờ và chấp hành nội quy. Đương nhiên là tù chính trị không thể chấp nhận.

Ngày 12-6-1964, Tăng Tư cho Trưởng trại đi các phòng tuyên hô: ai xin ra chúng sẽ cho ra, ai không ra chết bỏ, nhà tù đã chuẩn bị sẵn huyết chôn. 202 tù chính trị kiệt sức, nằm chờ chết, cơn khát hoành hành.

Ngày 14-6-1964, anh Nguyễn Văn Nghĩa (tự Việt Thắng), sinh năm 1915 tại Hà Nội hấp hối. Anh từ chối nhận phần nước cấp cứu, nhường lại cho đồng đội và trấn trôi: “Cuộc đấu tranh còn gay go, kẻ thù còn ngoan cố, thế nào cũng phải có người hy sinh, tôi đi trước, dành phần nước này để các đồng chí tiếp tục đấu tranh...Chúc thắng lợi!”

Anh trút hơi thở cuối cùng vào lúc 17 giờ 30, trần truồng, da thịt quắt lại, mắt không nhắm hết, làn môi khô nứt nẻ. Toàn trại nằm ngay ngắn truy điệu anh, nung nấu căm thù, quyết tâm chiến đấu.

Nội bộ tù nhân có sự dao động, phân hóa, một số người bỏ cuộc, xin ra. Ngày 16-6-1964, anh Đoàn Khôi sinh năm 1924 tại Quảng Nam đã hy sinh lúc 9 giờ tại phòng 7.

Chiều 16-6-1964, Tăng Tư thảo công văn số 038- CS/NA/AN/M thản nhiên báo về Bộ Nội vụ cái chết của anh Nguyễn Văn Nghĩa và anh Đoàn Khôi, về chủ trương đối phó với cuộc tuyệt thực, Tăng Tư đã lộ rõ ý đồ sát nhân: “Đối với việc tuyệt thực để đòi hỏi những yêu sách ngoan cố của chúng như miễn chào cờ, miễn học tập, miễn công tác, tăng thực phẩm tươi, v.v... Thiêm tình phải tỏ thái độ cứng rắn với các y can, vẫn cho giam biệt lập bọn đầu sỏ chủ mưu và tìm cách hủy diệt không khí đấu tranh của chúng”.

Mới trong tháng đầu nhận chức Tỉnh trưởng, Tăng Tư đã nhuộm đẫm máu tù nhân. Ngày 18-6-1964, anh Bùi Dự sinh năm 1924 chết tại phòng 7, lúc 5 giờ. Ngày hôm sau, Lê Kinh Đức (Lê Tự Kinh), sinh năm 1916 tại Quảng Nam, chết lúc 10 giờ. Khi biết sự sống chỉ còn trong giây phút, anh đã từ chối nhận phần nước và phần thuốc cấp cứu, lết ra cửa, lớn tiếng chửi rủa bọn chúa ngục, tố cáo chế độ tàn bạo giết tù của Tăng Tư. Cho đến lúc chết, đôi mắt anh vẫn mở trừng trừng, rực lửa.

Vài chục tù nhân còn trụ lại mặc niệm anh, mặc niệm cả 4 người đã ngã xuống. Đêm ấy trời đổ mưa tầm tã. Nước mưa theo kẽ ngói dột ướt tường. Tù nhân bò dậy thè lưỡi liếm lên vách, rồi công kên nhau chọc thùng mái ngói, hứng nước mưa uống cho đỡ khát rồi hứng đầy các lon gigô để dành cấp cứu cho các anh em đang kiệt sức. Nhưng nước dự trữ cũng chẳng đáng là bao. Tăng Tư đã buộc họ vào tình thế hoặc là chết, hoặc là phải khuất phục.

Những ngày sau đó, họ phải dùng nước trong thùng cầu, do kíp đổ thùng đã đổ vào vài gáo. Nước hôi mùi phân, nhưng cứu sông được mạng người.

Ngày 28-6-1964, đúng 23 ngày tuyết thực, tuyết ẩm, 4 người đã hy sinh, Tăng Tư mới tuyên bố chấp nhận yêu sách. 62 người quyết tử trụ lại khi ấy chỉ còn thoi thóp thở. Các anh được đưa ra bệnh xá dùng thuốc trợ lực và húp nước cháo loãng. Đây là cuộc tuyết thực, tuyết ẩm dài ngày nhất, hy sinh nhiều nhất, nhưng giành thắng lợi to lớn. Thắng lợi của cuộc tuyết thực đã đưa lực lượng tù chính trị câu lưu lên vị trí bảo vệ khí tiết, chống chào cờ, chống toàn bộ nội quy nhà tù.

Ngụy quyền phải thừa nhận vị trí chính trị của tù chính trị câu lưu, công nhận họ là người của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, không truy bức về chính trị mà chỉ cốt giam giữ họ trong vòng kỉ luật. Chúng gọi 500 tù chính trị còn lại lúc này là “bọn Trại I” với ý nghĩa là Trại cộng sản, Trại chống đối thời 1957- 1960. Chúng chính thức đổi tên Trại IV thành Trại I và lần lượt đổi Trại I cũ (đang giam tù án) thành Trại II, Trại II cũ thành Trại III, Trại III cũ thành Trại IV.

Bốn năm tranh đấu ở chuồng cọp

Vào thời điểm mà tù chính trị câu lưu Côn Đảo nổ ra cuộc tuyệt thực 23 ngày (6-1964) thì ở nhà lao Chí Hòa, cuộc đấu tranh chống chào cờ nguy của lực lượng tù chính trị cũng diễn ra quyết liệt. Nguy quyền Sài Gòn tiếp tục phân loại, thanh lọc số chống đối, đày ra Côn Đảo.

Chuyển lưu đày ngày 2-9-1964 đến Côn Đảo có hơn 30 người chống chào cờ, trong đó có Võ Ái Dân, Lâm Hiệp Nghĩa. Họ bị đưa xuống chuồng cọp, biệt giam cùng với tù câu lưu sau những trận khủng bố bằng củi đòn ở Trại IV.

Từ đầu năm 1965, nguy quyền tiếp tục đày tù chính trị không án (câu lưu dân sự) và tù câu lưu quân sự (tức tù binh) ra Côn Đảo. Tù binh bị đưa về Trại V. Khi ấy nguy quyền Sài Gòn còn chưa lập các trại tù binh Hồ Nai, Phú Quốc. Chuyển lưu đày ngày 18-1-1965 ra đảo, trong số 37 người về Trại I, có 5 tù binh và 7 tù chính trị chống chào cờ bị cấm cố tại chuồng cọp.

Chuyển lưu đày ngày 25-6-1965, có 37 tù câu lưu dân sự và 25 tù câu lưu quân sự bị đưa về Trại I. Tên công an biệt phái Vũ Thung chỉ huy trận đàn áp 25 tù bằng củi đòn, không ai không đổ máu. Ba ngày sau, chỉ còn bốn người kiên định con đường chống chào cờ nguy, được kết tập vào đội ngũ câu lưu dân sự. Ba người giữ được khí tiết cho đến ngày toàn thắng là Lê Mạnh Tiến, Trần Văn Đức và Trần Văn Thượng.

Cuối năm 1966, toàn bộ tù binh đều vươn lên chống chào cờ, chống làm khổ sai, không đeo thẻ bài, không chào sĩ quan nguy. Sau nhiều cuộc đấu tranh, địch chấp nhận vị trí chính trị của tù binh, không cưỡng bức họ về khí tiết. Tháng 8-1968, địch chuyển tất cả về Trại tù binh Hồ Nai (Biên Hòa).

Lê Mạnh Tiến từ khi ở nhà lao Chí Hòa đã được học Chỉ thị bảo vệ khí tiết, Tám kinh nghiệm chiến đấu của năm Anh. Tiến sử dụng moọc gỗ qua

tường thông tin cho các bạn tù ở chuồng bên.

Theo một nguồn tin mật báo, Ban An ninh Trung tâm Cải huấn I đã trình Ban Quản đốc rằng, tù nhân Trại I định kì liên lạc bằng moọc với nhau vào thời điểm sau bữa ăn trưa và sau bữa ăn chiều. Khi có chuyện đột xuất, họ có thể liên lạc vào giờ bất kỳ trừ buổi tối. Nguồn tin mật báo cho biết, từ chuồng 55, Lê Mạnh Tiến dùng moọc truyền qua chuồng 49 Tám kinh nghiệm chiến đấu của năm Anh. Lê Mạnh Tiến cùng Trần Văn Hương, Lê Văn Đức học toán và Pháp văn, sau đó Nguyễn Tấn Hiệp và Võ Ái Dân đến, phổ biến tài liệu Tri thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Một bản báo cáo khác của Ban an ninh trung tâm cải huấn I cho biết, năm 1965 tại chuồng 26, nhóm tù nhân lao phổi nặng gồm Phan Công Phú, Lê Quyết Chiến, Hồ Thạnh đã tổ chức kiểm điểm kế hoạch đấu tranh và học lý luận Duy vật lịch sử. Phan Công Phú thuyết trình bài Lao động sáng tạo ra lịch sử xã hội loài người. Những tù nhân này bệnh nặng, sức yếu, nằm học, lúc nào mệt quá, đau ngực, khó thở thì nghỉ. Bản báo cáo đã dẫn cho biết chương trình Tri thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin phần Duy vật Biện chứng có các bài:

Bài 1: Vật chất và ý thức.

Bài 2: Mối liên hệ phổ biến - Vận động và phát triển.

Bài 3: Quy luật mâu thuẫn.

Bài 4: Quy luật lượng biến - chất biến.

Bài 5: Quy luật phủ định của phủ định.

Bài 6: Các cặp phạm trù.

Bài 7; Thực tiễn luận.

Phần Chủ nghĩa Duy vật lịch sử có các bài:

Bài 1: Sản xuất và phương thức sản xuất.

Bài 2: Giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Bài 3: Từ Công xã nguyên thủy đến xã hội phong kiến.

Bài 4: Xã hội Tư bản.

Bài 5: Xã hội Xã hội Chủ nghĩa.

Bài 6: Tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

Bài 7: Hạ tầng cơ sở và Thượng tầng kiến trúc.

Bài 8: Vai trò của quần chúng và cá nhân trong lịch sử.

Bài 9: Cách mạng và chính quyền.

Bài 10: Chiến tranh và quân đội”..

Chương trình huấn luyện Tri thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin do anh Trần Ngọc Tự, cán bộ quân báo, nguyên là giảng viên chính trị Trường Sĩ quan Lục quân bị đày ra đảo truyền bá trong từng chuồng cọp, từng nhóm tù rồi lan rộng ảnh hưởng đến toàn Trại I, Trại IV, chuồng cọp của lực lượng tù chính trị câu lưu. Nhiều cặp phạm trù như: bản chất - hiện tượng, nội dung - hình thức, khả năng - hiện thực, nguyên nhân - kết quả, phổ biến - đặc thù, đã được tù chính trị vận dụng nhuần nhuyễn vào việc tổ chức và tranh đấu trong tù.

Bộ phận đường dây Côn Đảo từ khi liên lạc được với Trung ương Cục đều tìm cách gửi tin tức vào Trại I và Chuồng Cọp. Bản báo cáo số 1655/CS/CSĐB/M ngày 22-10-1965 về vụ "Bức thư của Ban chấp hành Đảng bộ miền Nam gửi các đồng chí trong nhà lao" cho biết can cứu Nguyễn Nhơn, thuộc Trại I, làm khổ sai tại Ban Kiến thiết, Ty công chánh đã liên lạc với can phạm Lê Văn Quý (tù án) tại rẫy Sở Lưới, nhận tiền và tin tức vào Trại I, từ tháng 6-1965. Nhơn đã nhận hai lần, tổng số 900 đồng và nhiều loại thuốc bổ, thuốc bệnh. Tháng 7-1965, Nhơn bàn giao đầu mối liên lạc này cho Đình Phú Nhàn. Nhàn nhận được từ Quý các tin tức và vật dụng sau:

- Gạo ở Sài Gòn tăng giá 12 đồng/ 1 kg
- Quân giải phóng đánh lớn trên đường Sài Gòn-Vũng Tàu
- Quốc lộ 19 bị quân giải phóng uy hiếp
- Đường giao thông các tỉnh bị gián đoạn
- 4 lọ thuốc vitamin B, và C

- 2 lọ vitamin tổng hợp
- 10 viên tifomicin

Ngày 29-9-1965, Nhân nhận từ Quý bức thư của Trung ương Cục. Thư viết bằng mực nguyên tử trên giấy trắng, nét chữ đứng, đầu đề là Ban Chấp hành Đảng bộ miền Nam gửi các đồng chí trong nhà lao. Nội dung bức thư khoảng 1.000 từ, phân tích âm mưu thủ đoạn của Mỹ - ngụy, thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên chiến trường, khẳng định cuộc đấu tranh trong tù là một bộ phận khăng khít của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Nhân đem bức thư về phòng 2, ngày hôm sau chuyển cho Trương Lịch ở phòng 3, Lịch xem xong chuyển đến Lương Văn Hóa ở phòng 4. Buổi tối, bức thư được chuyển lại cho Đinh Phú Nhân và Trần Tiếp. Nhân giao cho Trần Thọ chuyển qua phòng 5 thì bại lộ.

Vụ lộ bức thư của Trung ương Cục, địch bắt giam 22 can cứ tại Trại I. Mỗi nguy cơ lớn nhất lúc ấy là có thể địch sẽ phanh phui ra đường dây liên lạc từ Côn Đảo về Trung ương Cục. Bộ phận đường dây Côn Đảo theo dõi sát tình hình, và bố trí Lê Văn Quý (đầu mối liên lạc về Trại I) vượt ngục đúng vào đêm anh bị khai báo.

Sau hơn một tháng lẩn trốn tại một căn hầm bí mật trong rẫy, Quý cùng ông già Kim lợi sang Hòn Tre, đóng bè vượt đảo. Cuộc vượt ngục trong tình thế khẩn cấp, đầy yếu tố bất ngờ và thành công của Lê Văn Quý đã chặn đứng được tổn thất, bảo vệ an toàn đường dây liên lạc giữa Côn Đảo với Trung ương Cục.

Tháng 3-1965, thiếu tá Nguyễn Văn Vệ cho chuyển 230 tù nhân ở chuồng cọp về Trại IV làm củi. Bộ phận trách nhiệm của tù chính trị câu lưu thảo luận, chấp nhận lao động khổ sai vừa mức để giải tỏa cấm cố, có đại diện công khai để đấu tranh với địch.

Do nguồn tin mật báo, địch phát hiện tù chính trị câu lưu chuẩn bị tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 9-5-1967, chúa đảo Nguyễn Văn Vệ triệu tập phiên họp bất thường tại văn phòng Ban quản

đốc nhằm áp dụng biện pháp an ninh triệt để, ngăn chặn các cuộc đấu tranh. Nguyễn Văn Vệ ra lệnh phân tán 150 trong số 230 can cứu Trại IV, biệt giam trở lại chuồng cọp.

7 giờ sáng ngày 10-5-1967, Trưởng ban an ninh Lê Văn Tốt và Trưởng ban chuyên môn Lê Văn Khương, hai tên ác ôn khét tiếng đưa 300 trật tự an ninh đến Trại IV thực hiện việc chuyển trại. Cuộc giằng co và hỗn chiến diễn ra trong hai tiếng đồng hồ. Bọn trật tự dùng hèo mây và củi đòn bừa vào đầu, vào lưng tù nhân làm hơn 200 người thương tích.

Công điện thượng khẩn số 250/CEB-2-Y của Ty cảnh sát quốc gia Côn Sơn gửi Nha Tổng giám đốc cảnh sát và công an ngụ lúc 17 giờ ngày 12-5-1967 cho biết, có 8 can cứu bị trọng thương là: Dương Văn Siêu, Nguyễn Tấn Hiệp, Lê Văn Tâm, Lâm Tường Bảo, Nguyễn Trọng Khả, Mai Thịnh, Huỳnh Tấn Lợi, Ngô Văn Giao. Do vết thương quá nặng, Lê Văn Tâm đã chết lúc 9 giờ ngày 12-5-1967 và Lâm Tường Bảo chết lúc 11 giờ 20 cùng ngày.

Biên bản khám nghiệm tử thi do Ty cảnh sát quốc gia lập lúc 11 giờ cùng ngày xác nhận: “Lê Văn Tâm tức Lê Thế Lý, tức Ngọc Bửu, đính bài số 2291, sinh năm 1930 tại Dương Xuân, An Nhơn, Bình Định, con của Lê Thi và Nguyễn Thị Pho bị gãy 4 xương sườn trái và một vết thương thủng trán rộng một phân bên trái. Lâm Tường Bảo tức Lâm Quang Sanh, đính bài số 1848, sinh năm 1919 tại Hà Thủy, Bình Thuận, con của Lâm Thanh và Trịnh Thị Thu bị bầm má phải, chảy máu lỗ tai, bầm đẹn máu dưới da vùng ngực”.

Lê Văn Tâm và Lâm Tường Bảo đều thuộc lớp người kháng chiến cũ, bị ngục quyền khủng bố bắt giam từ năm 1956, thời hạn an trí 2 năm và gia hạn 9 lần cho đến chết.

Cuộc tiến công Tết Mậu Thân (1968) làm rung chuyển tận nền móng của chế độ Sài Gòn. Ngục quyền Côn Đảo hoang mang lo sợ, áp dụng các biện pháp an ninh ngăn ngừa một cuộc tiến công bất ngờ có thể diễn ra tại Côn Đảo. Tất cả tù chính trị nguy hiểm đang bị giam giữ tại chuồng cọp đều phải tra chân vào còng.

Bình thường, mỗi chuồng chứng giam từ 2 đến 4 người, sau Tết Mậu Thân, chúng giam từ 8 đến 10 người, có chuồng 12 người. Tất cả phải nằm nghiêng, chông chất lên nhau, người trên sên, người dưới bệ, không có chỗ giở mình, thiếu nước uống, thiếu cả không khí để thở. Những người nằm dưới sàn phải chịu treo chân trên còng. Có lúc, bọn gác ngục còng một chân, có lúc chúng còng cả 2 chân rồi còng treo giò khiến người tù đau đớn và hết sức khó chịu.

Bọn gác ngục đánh đập tù luôn tay, ốm bệnh chúng không cho thuốc, thậm chí khi có người hấp hối, anh em la đòi cấp cứu thì chúng chẳng những không cho thuốc mà còn đàn áp thẳng tay. Trong vòng 10 ngày đầu của chiến dịch khủng bố sau Mậu Thân, 3 tù chính trị câu lưu đã chết vì đòn roi, bệnh tật và suy kiệt tại chuồng cạp là Trần Tùy (quê ở Quảng Nam), Ngô Khá (Bến Tre), Nguyễn Quyên (Khánh Hòa).

Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ duy trì chế độ còng tại chuồng cạp cho đến cuối năm 1968. Chế độ kỷ luật hà khắc, vô thời hạn của Nguyễn Văn Vệ đã làm phân hóa nội bộ tù nhân. Nhiều người nản chí và hoài nghi mục tiêu đấu tranh. Một số tù chính trị câu lưu không chịu đựng được đã rời bỏ vị trí chiến đấu, ra đầu hàng giặc. Theo tài liệu cung cấp của một số tù chính trị lưu tại Phòng lịch sử Đảng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ đầu hàng và khai báo của 2 tên Lê Tài Tới và Lê Văn Nghiêm (quê Cà Mau) đã gây nhiều khó khăn cho những người ở chuồng cạp.

Bản Sơ kết tình hình Nhà lao Côn Đảo lưu trữ tại Ban An ninh Trung ương Cục miền Nam cho biết, có 12 tù chính trị câu lưu đã ra hàng giặc vào cuối năm 1968, trong số đó có Đặng Văn Ní (tự Trần Văn Mi), sinh năm 1924 tại xã Nhơn Vinh, quận Kiến Bình, tỉnh Kiến Tường đã ra nhập Ban An ninh trực tiếp đàn áp anh em. Đặng Văn Ní khai báo 38 người lãnh đạo ở các phòng và phương thức liên lạc với nhau bằng mật mã.

Hồ sơ còn lưu tại A27b Bộ Nội vụ và Hồ sơ của Vụ bảo vệ Đảng Trung ương cho biết, nhiều tên trong số này đã làm mật báo cho địch ngay sau khi đầu hàng và cả khi đã ra tù. Nguyễn Trai (tự Hai Tuất), sinh năm 1947 tại Đại Lộc, Quảng Nam khai báo 30 người trong lực lượng cốt cán ở các

phòng và hiến 3 kế sách quan trọng cho bọn thông trị nhằm chia rẽ, không chế, đánh phá một cách hữu hiệu lực lượng trung kiên tại chuồng cọp. Nội dung chính trong 3 kế sách của Nguyễn Trai gồm:

“Một là: Hạn chế sự liên lạc của tù nhân bằng cách cứ 4 chuồng giam để trống một chuồng nhằm gián đoạn sự liên lạc bằng moọc gõ qua tường, làm cho tù nhân chỉ liên hệ được trong hộ phận nhỏ mà không thống nhất được ý kiến chung trong các cuộc tranh đấu. Đồng thời tăng cường trật tự, canh gác cẩn mật, nhất là khi tù nhân được ra ngoài (đi vệ sinh).

Hai là: Hiện có một số tù nhân dao động, muốn xin ra nhưng chưa có cơ hội. Nếu đem những người này nhốt chung một chuồng, còng giò, cúp rau, cúp tắm, cúp thuốc men trong vòng 2 tháng là tối đa sẽ có người xin ra (hàng).

Ba là: Quá trình chung sống trong cảnh tù đầy, nhiều người có quan điểm khác nhau, cá tính khác nhau, đụng chạm lâu ngày, tích tụ thành kiến dễ sinh ra cự lộn, trong sinh hoạt và đấu tranh rất khó thống nhất. Khi đó tâm trạng người tù trông đợi sự xáo trộn để mỗi người đi một ngã cho yên. Trường hợp này nếu không xáo trộn sẽ làm tăng mâu thuẫn nội bộ, triệt tiêu đấu tranh trong tù”.

Kế sách 3 điểm của Nguyễn Trai được Trường ban an ninh đưa ra phiên họp ngày 7-10-1968 và được Quản đốc chuẩn y. Ngày hôm sau (8-10), Vũ Thung huy động lực lượng trật tự thanh lọc 104 trong số 336 chính trị câu lưu tại chuồng cọp I qua chuồng cọp II.

Chuồng cọp I còn lại 232 can cứu, chúng giam mỗi chuồng bảy người, cứ một chuồng giam một chuồng để trống. Tại chuồng cọp II, 104 can cứu mới chuyển qua, cùng 9 can cứu do Ban chuyên môn quản lý được giam 4 người một chuồng, cứ một chuồng giam, một chuồng trống để ngăn ngừa hệ thông liên lạc bằng moọc. Tất cả đều bị còng.

Vũ Thung cho thử nghiệm, giam riêng 5 người mà Nguyễn Trai chỉ điểm là đang dao động, còng chéo giò và cúp nước tắm, mới 10 ngày đã có 3 người đầu hàng. Riêng kế sách thứ 3 của Nguyễn Trai được tên giám thị

thượng hạng Lê Văn Khương, Trưởng Ban Chuyên môn áp dụng một cách triệt để trong những năm sau này.

Bức xúc trước tổn thất của phong trào do bọn đầu hàng, phản biến gây nên, cuối năm 1968, anh Tô Văn Sáu (Rạch Giá) đã trấn áp tên phản bội Võ Quang Hồng (Long An). Những tên đầu hàng, phản biến khác co lại.

Chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo

Mở đầu cho “thời kỳ sau Ngô Đình Diệm”, nhiều cuộc vượt ngục của tù án chính trị được ấp ủ và chuẩn bị trước đó đã nổ ra và giành thắng lợi. Cuộc vượt ngục tương đối quy mô của tù chính trị Sở Lưới đã diễn ra vào mùa hè 1964. Trong một chuyến đi đánh cá tại Hòn Tre (phía tây Côn Đảo), 19 tù nhân đã trói giám thị, đoạt ghe máy về vùng giải phóng an toàn.

Hồ sơ lưu trữ mang ký hiệu 8425/HC của Tổng nha Cảnh sát và Công an ngụy cho biết 19 can phạm có tên là Lâm Văn Biên, Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Văn Bảy (tự Bảy Bà Rịa), Sum, Sáu Bé, Ngói, Tây, Hải, Giác, Chính, Đào, Bé, Hoa, Dồi, Bá, Sáu Bùn, hóa, Tươi, Mãi. Cuộc vượt ngục này do Ngói, Tây và Chính chỉ huy.

Sở Lưới khi ấy có gần 80 tù nhân do giám thị thượng hạng Lê Văn Tốt làm chủ sở, giám thị Nguyễn Văn Thâm làm phụ tá. Khoảng 10 người làm bếp và phục vụ tại sở, còn lại chia làm hai kíp lưới rừng (khoảng 40- 50 người) và kíp lưới năm (lưới vây, khoảng 20 người). Lưới rừng đánh cá ven bờ còn lưới năm dùng ghe máy đánh cá cách đảo với bán kính khoảng 10 km.

Như thường lệ, sáng 9-5-1964, giám thị Nguyễn Văn Thâm cùng tài công Nguyễn Văn Thân thuộc Ty công chánh biệt phái qua đưa kíp lưới năm đi đánh cá ven Hòn Tre, cách đảo lớn chừng 12 km. Lúc 19 giờ, gác lưới cuối cùng đã bủa xong, ba tù chính trị là Ngói,

Tây và Chính đã dùng gậy uy hiếp, cùng lúc, các tù nhân khác xáp lại trói giám thị Nguyễn Văn Thâm và tài công Nguyễn Văn Thân. Mọi việc đã được sắp đặt, tù nhân Mãi đứng vào vị trí điều khiển máy, tù nhân Lâm Văn Biên cầm lái, nhằm thẳng hướng Cà Mau. 9 giờ sáng hôm sau (10-5-1964), ghe máy cập vào địa phận xã Vĩnh Lợi (Bạc Liêu). Giám thị Nguyễn Văn Thâm và tài công Nguyễn Văn Thân bị bỏ lại trên ghe, 19 tù nhân đã đổ bộ vào rừng và hôm sau gặp được du kích.

Giám thị Nguyễn Văn Thâm tìm đường về nhiệm sở sau một hành trình gian truân. Nhưng “hoạ vô đơn chí”, Nguyễn Văn Thâm lại bị bắt làm tù binh lần thứ hai của tù nhân Sở Lưới trong một cuộc vượt ngục quy mô hơn mà sự chuẩn bị đã bắt đầu từ thời điểm ấy.

Quyết tâm chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo của kíp lưới rừng đã hình thành từ đầu năm 1964 và được khẩn trương chuẩn bị. Cuộc vượt ngục thành công của kíp lưới năm đã thôi thúc ý chí vượt đảo của kíp lưới rừng.

Kíp lưới rừng hàng ngày đánh cá ở ven bờ, khu vực bãi Nhà Thờ và bãi Lò Vôi. Khi có tàu chở hàng ra, kíp lưới rừng là lực lượng chủ lực theo xà lan ra dọn tàu. Khởi xướng kế hoạch, Nguyễn Văn Mạnh tức Ba Đạn, nguyên Huyện ủy viên Tân Bình đã bàn với Võ Văn Thuật, nguyên là Tỉnh ủy viên Gia Định và Lê Văn Thành, cũng là cán bộ Đặc khu Sài Gòn - Gia Định về khả năng chiếm tàu vượt đảo. Mạnh ở Sở Lưới đã lâu, am hiểu quy luật của địch, có quyết tâm cao với bản tính của một con người hành động. Thành cũng ở

Sở Lưới lâu ngày, chuyên theo xà lan vận chuyển, có cảm tình với nhiều tù nhân và cả giám thị trật tự. Thuật thận trọng, là Đảng ủy viên của các trại tù án, mới chuyển ra Sở Lưới.

Võ Văn Thuật báo với Đảng ủy, được Đảng ủy duyệt lại toàn bộ kế hoạch và chỉ đạo chặt chẽ, tránh sơ hở dẫn đến tổn thất và những hậu quả của nó. Võ Văn Thuật chịu trách nhiệm trước Đảng ủy về sự thành bại của cuộc bạo động này. Kế hoạch cướp tàu phải đồng thời đánh chiếm ba bộ phận:

- Bán đội lính bảo an áp tải kíp dọn tàu.
- Toàn bộ nhân viên thủy thủ tàu hàng.
- Toàn bộ giám thị, trật tự, nhân viên xà lúp.

Phải đảm bảo tập kết được đủ lực lượng, vũ khí, bí mật, bất ngờ, đánh nhanh, thẳng gọn, đồng thời chiếm được cả tàu hàng và xà lan, xà lúp, bắt trói được toàn bộ nhân viên, thủy thủ, giám thị, binh lính, vào một thời điểm không sớm quá (bọn địch ở cầu Tàu có thể phát hiện) mà cũng không

muộn quá (trời tối, khó tiếp cận mục tiêu), tuyệt đối không được nổ súng, không chế ngay vô tuyến điện, còi báo động, đèn hiệu trên tàu, tránh đổ máu, kể cả đối với kẻ thù. Nếu chỉ một trong các yêu cầu đó không thực hiện được, một trong các mũi tiến công không hoàn thành nhiệm vụ là có thể thất bại và đổ máu.

Công tác điều tra nghiên cứu, lập phương án, tuyển chọn nhân sự, tìm kiếm vũ khí được tiến hành trong nhiều tháng. Kế hoạch cướp tàu, Ban chỉ huy trao đổi với một số trung kiên, còn số đông trong tổ chức, chỉ giáo dục tinh thần chiến đấu, khi có thời cơ hành động mới giao nhiệm vụ cụ thể. Hàng chục mũi mác xung kích, dao nhọn, buloong được cất giấu từ nhiều nơi, từ rẫy Sở Lưới tập kết về Cầu Tàu, ém sâu trong những hốc đá, chờ ngày khởi sự.

Tháng 11-1964, công việc chuẩn bị cơ bản đã hoàn tất. Đội viên các mũi xung kích đã sẵn sàng.

Từ khi tàu Lạc Hồng chìm, việc tiếp tế ra đảo do tàu TCS-131 (Thương cảng Sài Gòn 131) đảm nhiệm. Ban chỉ huy quyết định hành động khi tàu TCS-131 chở chuyển hàng ra đảo cuối tháng 12-1964. Lần ấy không thành. Phần lớn lực lượng của Đội III nằm trên xà lan, vào bờ từ chiều, đến 20 giờ 30 mới trở ra tàu. Lực lượng xung kích của Đội I đã sẵn sàng nhưng trời tối, địch cảnh giác hơn, ta không khống chế được. Ban chỉ huy quyết định dừng trận đánh.

Ba lần tiếp theo, trận đánh dự kiến vẫn không nổ ra được, vũ khí mang ra tàu phải quẳng xuống biển. Ban chỉ huy tổ chức kiểm điểm, xây dựng quyết tâm, bố trí lại lực lượng. Ban chỉ huy xác định rõ mục tiêu, phải chủ động điều hành công việc khổ sai, sao cho đúng thời điểm “giờ G” phải tập kết lực lượng, bằng mọi giá phải khởi sự trong chuyến dọn tàu sắp tới. Lực lượng được bố trí lại như sau:

Đội 1 là lực lượng xung kích gồm 8 người: Nguyễn Văn Mạnh (tức Ba Đạn, Ba Thọ là đội trưởng), Huỳnh Công Thường, Bùi Văn Cửa, Trần Xuân Dư, Nguyễn Văn Tài, Phạm Văn Via, Nguyễn Văn Tuội, Nguyễn

Ngọc Anh. Đội 1 có nhiệm vụ bắt gọn tốp lính bảo an áp tải, cướp súng uy hiếp địch, hỗ trợ cho các lực lượng còn lại hành động.

Đội II có nhiệm vụ đánh chiếm tàu hàng, bắt gọn toàn bộ giám thị, trật tự áp tải và nhân viên thủy thủ trên tàu, lực lượng gồm 11 đội viên: Võ Văn Thuật (Đội trưởng), Nguyễn Quốc Gia, Trần Văn Bền, Nguyễn Kế Hoa, Lê Văn Chánh, Lữ Sĩ Hoa, Huỳnh Đình Danh, Tiêu Tùng Khải, Trần Văn Hằng, Nguyễn Ngọc Cấn, Nguyễn Kim Hườn.

Đội III gồm 9 người do Lê Văn Thành chỉ huy, có nhiệm vụ chiếm sà lan, sà lúp, bắt gọn tốp nhân viên địch trên xà lúp và làm chủ tình thế, kỹ thuật, dùng sà lúp chở lực lượng vượt đảo về đất liền. Các đội viên của Đội III là Nguyễn Văn Kì, Hồ Văn Lân, Lê Văn Hiếu, Nguyễn Văn Phụng, Phan Ngọc Châu, Nguyễn Văn Cư, Đào Minh Quân, Nguyễn Thành Danh.

Trong Đội III có Lê Văn Hiếu là thợ máy tàu, bị bắt quân địch vào Hải quân ngay thời Ngô Đình Diệm, sau đào ngũ về tham gia cách mạng, rồi bị địch bắt, đày ra Côn Đảo.

Sáng 27-2-1965, tàu TCS-131 vào vịnh Côn Lôn, kéo một hồi còi dài trước khi neo đậu tại Đá Trắng. 6 giờ 30, kíp dọn tàu gồm 47 tù nhân Sở Lưới xuống xà lan ra tàu.

Các báo cáo của nhà tù trong những ngày sau đó cho thấy, kíp dọn tàu hôm ấy khá trật tự, phạm nhân làm việc tích cực, không có dấu hiệu gì nghi ngờ. Nhưng mọi việc đã được định đoạt ngay từ phút bất ngờ nhất. Ban chỉ huy thông nhất đã truyền đạt mệnh lệnh ra quân.

Tất cả các đội viên đã được tổ chức trong các mũi xung kích đều bám chắc mục tiêu, từng người được phân công theo sát từng đối tượng tác chiến. Mỗi người có sẵn trong túi những gói tiêu, ớt bột, như là gia vị của bữa ăn trưa, nhưng khi khởi sự có thể trở thành vũ khí lợi hại để bịt mắt đối phương. Các loại nịt quần, dải rút được chuẩn bị chắc chắn sẽ thành dây trói. Một xô chĩa, búa loong, sắt nhọn đã được giấu sẵn trên xà lan, một số khác giấu ở khu vực cầu Tàu, ở rẫy Sở Lưới sẽ được chuyển vào thời điểm thích hợp. Ban chỉ huy thống nhất bí mật điều hành công việc, khi làm

nhanh, làm chậm sao cho chuyển hàng tập kết đủ lực lượng vào đúng “giờ G”.

Mỗi chuyến dỡ hàng từ tàu TCS.131 xuống đầy sà lan hết 2 giờ, từ sà lan chạy vào bờ bốc hàng lên bờ rồi chạy ra cũng khoảng 2 giờ. Làm việc suốt trưa nắng giữa mùa khô gió chướng, ai cũng thấm mệt. Không chịu nổi sóng gió, buổi chiều có 5 can phạm xin lên bờ là: Cao Văn Mi (số dính bài C.14453), Trương Công Quang (A.3321), Hứa Phong Lưu (C.16764), Trương Văn Chỉ (C. 16246), Phạm Minh Tú (C. 15562) tất cả đều là thường phạm, không nằm trong tổ chức chiếm tàu vượt đảo.

Theo gợi ý khéo của Ban chỉ huy thống nhất, Giám thị Nguyễn Văn Thâm đã đề nghị xin nhân lực của Sở Chỉ Tồn tăng cường cho kíp dọn tàu. Giám thị chủ Sở Lưới Nguyễn Văn Trương điều đình với Giám thị trưởng. Khi ấy phòng 18 Chỉ Tồn có 16 phạm nhân mới lao động khổ sai về. Một người kiên quyết từ chối, còn 15 người miễn cưỡng đi theo chủ Sở Lưới.

16 giờ, sà lúp kéo luôn một lượt 3 sà lan chất đầy hàng vào bờ. Lê Văn Thành điều khiển lực lượng trên xà lan dỡ hàng thật nhanh lên bờ. Đây là chuyên hàng quyết định thời điểm cho trận đánh. Nhân lúc giải lao, Lê Văn Thành và Nguyễn Văn Kỳ xin phép vào Sở uống nước. Ba bó sắt nhọn bọc giẻ lặn lưng quần theo các anh xuống sà lan.

Phụ bếp tàu TSC.131 Lê Văn Bạt vào thị trấn Côn Sơn chơi, theo xà lan ra chuyến này để kíp dọn bàn ăn bữa tối cho thủy thủ. Xà lan cặp mạn tàu, Bạt xem đồng hồ: 17 giờ 55 phút, rồi chạy vội vào phòng ăn. Trong bản thẩm vấn sau đó, Lê Văn Bạt khai rằng, phút kinh hoàng đã xảy ra với hắn và đồng bọn ngay khi cánh cửa phòng ăn vừa khép lại.

Nhận được tín hiệu từ Võ Văn Thuật, Nguyễn Văn Mạnh dẫn đội các đội viên xung kích leo nhanh lên lồng cu, tiến công đội lính gác. Trong vòng một phút, các anh đã làm chủ tình hình, trói gọn 3 tên lính, dùng ba khẩu súng vừa đoạt được không chế boong tàu. Đội trưởng Nguyễn Văn Mạnh truyền đạt tiếp mệnh lệnh: “Anh em các đội xung phong lên”.

Tất cả các đội đã áp sát mục tiêu, nhất tề hành động. Phần lớn số giám thị, thủy thủ đều nhanh chóng đầu hàng. Riêng tên trật tự ác ôn Nguyễn Văn Hường chống trả quyết liệt, nhưng Đội viên Trần Văn Hằng với lòng can đảm và sự hỗ trợ của đồng đội đã hạ gục hắn, trói gô vào sàn tàu. Tất cả chỉ diễn ra trong vòng 5 phút, chẳng khác nào một cảnh trong phim kiếm hiệp.

Trời vừa tối, bọn địch ở đảo vẫn không hề hay biết gì. Ban chỉ huy khẩn trương chỉ đạo các công việc giải quyết tù hàng binh, phá máy và quấn chân vịt tàu Thương cảng, chuyển vận vũ khí, lương thực, phương tiện đi biển sang sà lúp. Biên bản số 01/CSQG-CS lập trong đêm 27-2-1965 trên tàu TCS-131 ghi rõ tổn thất của địch như sau:

– Dụng cụ bị phá hủy: sa bàn (1 cái), đèn soi (2), radar (1), cửa gió thông hơi phòng cơ khí trưởng (1), dây điện đèn chạy tàu (bị cắt), xuồng cứu nguy (bị phá chân vịt).

– Dụng cụ bị mất: ống nhòm (2), đèn bấm (6), phao lớn (10), xa bàn (1), phao cá nhân (72), súng bắn pháo hiệu (1), chèo dầm (14), thùng bánh lát (2), thùng nước ngọt (4), dao Nhà bếp (3), dây neo, dây kéo các loại...

– Nhân viên bị mất tích: Nguyễn Văn Nghĩa (sĩ quan vô tuyến điện).

Biên bản còn cho biết, Tiểu đình (sà lúp) mang tên Cần Thơ - Sóc Trăng của tỉnh Côn Sơn bị cướp mất cùng 4 súng carbine và 360 viên đạn. Các nhân viên Trần Hiếu Lễ (phó thuyền trưởng), Nguyễn Văn Huê (phụ thợ máy), Nguyễn Văn Thâm (Phó Sứ Lưới) bị bắt theo. Thiếu tá Nguyễn Thế Ty - Phó Tỉnh trưởng Nội an ra lệnh báo động toàn đảo, rồi huy động nhân viên công an, binh sĩ võ trang bằng đại liên, dùng ghe chèo cấp tốc ra tàu TCS.131. Chúng gấp rút sửa chữa tàu, cho đến một giờ 35 phút sáng 28-2-1965 khởi hành cuộc truy đuổi. Lúc 17 giờ ngày 28-2, tàu chạy đến Hòn Khoai, không thấy dấu vết gì, chúng quay trở về Côn Đảo.

Khi ấy, 57 tù nhân vượt đảo đã ung dung trong căn cứ của một đơn vị quân giải phóng. Các báo cáo của tù chính trị khi về căn cứ hiện lưu tại Vụ Bảo vệ Đảng Trung ương cho biết, khoảng gần 20 giờ tối 27-2-1965, chiếc

xà lúp khởi hành, không bật đèn, lách qua eo biển giữa Hòn Trác và Hòn Tài, vòng qua Hòn Bà, Hòn Vung rồi nhắm thẳng hướng đất liền. Lê Văn Hiếu, Nguyễn Ngọc Cẩm và Nguyễn Văn Ngày thay nhau trông coi máy và chạy tàu.

Thử thách lớn nhất trên đường về là chiếc xà lúp lâu ngày chưa thay rửa thùng dầu, sóng gió lớn ngoài đại dương đã làm sục cả nước và cặn dưới đáy lên tràn đầy các bình lọc, làm chết máy. Có lúc tổ máy phải dừng tàu để súc rửa toàn bộ hệ thống lọc dầu, có lúc phải vừa chạy vừa xả e (nước và bọt, cặn) tại các bình lọc. 8 giờ sáng ngày 28-2-1965, tàu cập vào bờ biển vùng giải phóng Bạc Liêu, cách chi khu Đầm Dơi 22 hải lý. Tàu mắc cạn cách bờ 1 km. Ban chỉ huy cho anh em đổ bộ vào bờ, đem theo tù binh và vũ khí.

Một giờ sau, khi tất cả đã vào đến bìa Rừng Sác thì máy bay địch phát hiện con tàu và oanh tạc cả khu rừng. Toàn đội tiến sâu vào rừng, đến khoảng 10 giờ thì gặp đơn vị Quân giải phóng đang làm nhiệm vụ đặc biệt tại khu vực này. Ban chỉ huy đã bàn giao tù binh vũ khí và tuân theo sự hướng dẫn của Quân giải phóng về địa điểm tập kết an toàn.

Cuộc chiếm tàu vượt đảo của 57 tù nhân kíp dọn tàu thắng lợi trọn vẹn. Lực lượng vượt đảo sau khi kiểm điểm tại chiến khu đã trở về địa phương, đơn vị cũ hoặc theo sự phân công của Tổ chức Trung ương Cục. Trần Văn Hằng, người thanh niên can đảm có công hạ thủ tên Hường, trật tự ác ôn nguy hiểm nhất đã được tuyên dương công trạng và kết nạp Đảng sau đó 2 tháng. Người cán bộ Thành đoàn Bùi Minh Trực vượt ngục về chuyển ấy đã hy sinh anh dũng trong trận càn Xêđaphôn của Mỹ trên địa đạo Củ Chi.

Vụ 57 tù nhân chiếm tàu vượt ngục làm cho mâu thuẫn nội bộ địch thêm trầm trọng. Quyền Trưởng ty cảnh sát quốc gia Côn Sơn Nguyễn Ngọc Lành đã báo cáo Tổng Giám đốc Cảnh sát quốc gia tại văn bản số 279/CSĐB/CSBĐ/M ngày 4-3-1965, về những nguyên nhân khiến cho tình hình an ninh xấu đi dẫn đến cuộc bạo động vượt ngục xảy ra. Những vấn đề căn bản trong 9 nguyên nhân mà Ty Cảnh sát nêu ra là: chính quyền Côn Đảo chủ quan, không tin tưởng và giúp đỡ hoạt động của công an, không có

hiện pháp bố phòng đặc biệt khi có tàu đến, mọi tin tức và sự việc xảy ra đều thông báo cho Ty Công an để cộng tác điều tra.

Kết quả là Tỉnh trưởng Tăng Tư - Phó Tỉnh trưởng Nội an Lê Thế Ty, phụ tá Quản đốc TTCH Trần Hữu Khoẻ bị phạt 50 ngày trọng cấm vì tắc trách. Không lâu sau, Tăng Tư và Trần Hữu Khoẻ đều mất chức, bị đỗi về đất liền.

¹. Hình phạt dành cho quân nhân nguy vi phạm kỷ luật nhà binh, chưa đến mức phai truy tố ra toà.

Tù án chính trị chống chào cờ ngụy

Năm 1964, trong khi toàn bộ tù chính trị câu lưu đã vươn lên chống chào cờ ngụy, chống toàn bộ các thủ đoạn cải huấn thì cuộc đấu tranh của tù án chính trị mới bắt đầu. Chống chào cờ ngụy là trung tâm phong trào đấu tranh của tù án chính trị trong giai đoạn này. Đó là sự khẳng định vai trò của Mặt trận Dân tộc Giải phóng dân tộc miền Nam Việt Nam ngay trong lao tù, “người đại diện duy nhất hợp pháp cho nhân dân miền Nam, không còn thừa nhận chính quyền Sài Gòn, dù chỉ là nhà đương cuộc”.

Chào “quốc kỳ” là điều bắt buộc ghi trong nội quy nhà tù. Ngụy quyền Sài Gòn đã biến việc chào cờ thành thủ đoạn tố cộng. Mỗi lần chào cờ, chúng bắt tù nhân hô những khẩu hiệu phản động, ủng hộ chế độ phi nghĩa đang dày ả họ và đả đảo chế độ cộng sản mà họ tôn thờ. Vì thế, đấu tranh chống chào cờ vừa là cuộc đấu tranh của những người cách mạng dưới ngọn cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chống chế độ ngụy quyền Sài Gòn vừa là cuộc đấu tranh giữa ý thức hệ cộng sản và hệ tư tưởng tư sản.

Từ khi chế độ độc tài Ngô Đình Diệm sụp đổ (1-11- 1963), tù án, chính trị Côn Đảo đã phát khởi cuộc đấu tranh chống chào cờ. Anh Đô (người Gia Định) không hô khẩu hiệu phản động khi chào cờ bị chúng đánh chết ở hầm đá Trại II. Ông Phan Văn Khá (Tiền Giang) chống chào cờ bị còng tại hầm đá Trại II trong gần một năm trời. Mặc dù không trụ được lâu dài trong cuộc đấu tranh quyết liệt và đơn độc ấy, ông vẫn là ngọn cờ đầu thúc cuộc đấu tranh của tù án chính trị.

Từ năm 1965, nhiều chuyển tù chính trị vừa bị lưu đày từ Chí Hòa ra Côn Đảo đã chống chào cờ. Theo báo cáo của Ban An ninh Trung tâm Cải huấn Côn Sơn, chuyển tù nhân ra đảo ngày 18-1-1965 có 5 tù binh và 7 tù chính trị chống chào cờ. Trong phiên họp tuần đầu của tháng 4-1965, Ban

Quản đốc đã cho phép các Trưởng trại dùng bạo lực không hạn chế để dập tắt phong trào chống chào cờ ngay khi vừa nhen nhóm.

Thực hiện chủ trương này, Giám thị trưởng Trung tâm cải huấn 2 bắt tất cả tù nhân bị cấm cố đều phải mặc quần áo chỉnh tề, ra sân sắp hàng chào cờ cùng với những tù nhân chịu làm khổ sai vào các buổi sáng.

Ngày 29-4-1965 tại phòng 6 Trại II, 56 trong số 80 tù nhân bị cấm cố đã không chịu mặc quần áo ra chào cờ. Địch còng tất cả vào 2 hầm đá, mỗi hầm chứa đầy 8m². Bọn gác ngục dùng bao bố bịt kín lỗ thông hơi, hòng biến 2 hầm đá thành nấm mồ tập thể. Tù nhân la ó đòi mở lỗ thông hơi, tên giám thị ác ôn Lê Văn Khương lạnh lùng tuyên bố: “Không khí cũng là của chính phủ “quốc gia”, các anh không chào cờ, không thừa nhận chính quyền “quốc gia” thì các anh không được thở”.

Sau 36 giờ, anh Sinh (quê Bến Tre) đã tắt thở, 2 người khác hấp hối. Địch cho mở lỗ thông hơi song tiếp tục duy trì tình trạng tồi tệ đó thêm 2 ngày nữa.

Ngày 7-6-1965, 20 tù nhân mới từ Chí Hòa ra đảo không chào cờ. Họ tuyên bố là người của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân miền Nam, không thừa nhận chính quyền Sài Gòn, nên không chào cờ nguy. Địch còng tất cả và cho bọn trật tự thả sức đánh đập. Sau 3 tuần bị đàn áp khốc liệt, 20 anh lần lượt bị đánh rớt.

Giông như học trò đi thi, cặp từ “đậu” và “rớt” đã trở thành phổ biến đối với lực lượng tù án chống chào cờ. Cuộc “thi” này không chỉ đòi hỏi có trí tuệ mà cả phẩm chất chính trị, tư tưởng, nhân cách, lòng trung thành và sức chịu đựng bền bỉ kiên cường. Mỗi vinh quang và cay đắng trong sự thành bại của cuộc “thi” này, người tù đều phải trả giá bằng máu và tính mạng mình.

Ngày 26-6-1965, trong số 250 tù án chính trị từ Chí Hòa bị đày ra Côn Đảo có 96 người chống chào cờ. Địch giam riêng ở phòng một Trại II và tập trung hàng chục tên trật tự ác ôn dùng củi gộc đàn áp nhiều trận đấm

máu. Sau một tuần, 9 người “đậu” được bị đưa về hầm đá, trong đó có Phạm Thông, Hồ Văn Tiên, Nguyễn Văn Tụ, Nguyễn Văn Nuôi và Tào Tụ.

Chuyến tàu ra ngày 2 tháng 9 năm 1965 “đậu” được Phan Văn Hải.

Chuyến 26-2-1966, “đậu” được Nguyễn Tử Tòng.

Chuyến 1-12-1966, “đậu” được 11 người, trong đó có Ngô Đình Thời, Nguyễn Văn Trường và Phạm Uyển.

Chuyến 5-2-1967, “đậu” được 27 người, trong đó có Nguyễn Văn Chánh và Hoàng Thanh, nâng tổng số chống chào cờ lên 64 người. Tối 5-2-1967, địch đưa toàn bộ số tù án chống chào cờ vào chuồng cọp I, giam 4 người một chuồng, còng cả hai chân.

Đó là những ngọn cờ đầu trong phong trào chống chào cờ của tù án chính trị Côn Đảo.

Cùng thời gian này, lực lượng tù án ở các sở tù khổ sai vươn lên chống chào cờ hàng loạt. Đầu tháng 4-1967, tổng số tù án chống chào cờ tăng vọt lên 180 người.

Thiếu tá Nguyễn Văn Vệ, Đặc phái viên hành chính kiêm Quản đốc trung tâm cải huấn Côn Sơn quyết định dùng biện pháp mạnh để đàn áp, khuất phục, bức hàng.

Đang giam 4 người một chuồng, Nguyễn Văn Vệ ra lệnh dồn lại 6 người và sau đó là 9 người một chuồng. Chuồng Cọp rộng 1,4 mét, dài 2,2 mét, không đủ chỗ còng 2 chân, chúng còng mỗi người một chân, còng làm 2 lớp. Giờ ăn cơm từ 5 phút rút xuống 2 phút. Ăn xong, chúng cho 9 người một gô nước sôi, chuyền nhau trong một phút, chạm là đánh. Chúng bắt tất cả nằm, ai ngồi dậy hay đổi tư thế nằm là đánh hoặc lấy sào bịt đồng thọc xuống. Anh Trương Công Định (Thủ Đức) bị chúng thọc sào nhọn làm toác da đầu. Anh Na kêu xin thuốc cho người bệnh bị chúng dùng ống khóa đập vào ngực hộc máu tươi.

Đêm đến, tên Tám Kính thường tụ tập bọn trật tự ác ôn như Ba Đen, Tư ồm, Đào Thanh Huy, Một, Giới nhậu trên nóc chuồng cọp và kích động bọn

này. Chúng đổ nước dơ, nước tiểu xuống đầu những người tù chuồng cọp rồi hè nhau xuống đánh. Hầu như đêm nào cũng có người tù ở chuồng cọp đổ máu, ngất xỉu. Mạng sống bị đe dọa, nhân phẩm bị chà đạp, thể xác và tinh thần của những người tù chuồng cọp bị dày vò, đau đớn và căng thẳng suốt 24/24 giờ mỗi ngày ở chuồng cọp. Không chịu nổi chế độ đàn áp quá khắc nghiệt, 77 người rớt trong tuần đầu, còn lại 103 người tiếp tục cuộc chiến đấu.

Từ ngày 7 đến ngày 11-4-1967, lần lượt có 27 người tham gia tuyệt thực làm 3 đợt đòi:

1. Được tự do bảo vệ tư tưởng.
2. Không được đánh đập.
3. Tặng khẩu phần ăn.
4. Cho về trại để được rộng rãi.
5. Tặng giờ ra chơi.

Địch đàn áp quyết liệt không chỉ những người tuyệt thực mà cả số không tuyệt thực, vì cho rằng số này sợ chết, không dám đấu tranh. Số tuyệt thực địch phân tán mỗi chuồng 2 người, không cho đem cơm nước vào và bỏ mặc không giải quyết yêu sách gì. Mười hai ngày không ăn không uống, hơn một nửa số tuyệt thực phải bỏ cuộc.

Ngày 20-4-1967, đồng chí Dương Văn Thừa - Tỉnh ủy viên Tây Ninh dùng mảnh sắt mổ bụng, quyết tử hy sinh. Địch còng luôn cả hai chân, hai tay và bỏ mặc không chữa chạy. Một số người không chịu đựng được sự căng thẳng và ác liệt kéo dài đành bỏ cuộc.

Thấy tinh thần một số tù nhân đã nao núng, chúa đảo Nguyễn Văn Vệ tập trung toàn bộ số giám thị và trật tự an ninh ác ôn khủng bố một trận quyết định vào ngày 22-4-1967. Tên giám thị ác ôn Lê Văn Khương, Trưởng ban chuyên môn trực tiếp chỉ huy trận này. Bọn trật tự ác ôn như những con thú say máu xông vào đánh đập tù nhân bằng củi đòn suốt một buổi sáng. Sau trận đòn đẫm máu ấy chỉ còn lại 8 người đậu được ở vị trí chống chào cờ.

Địch vẫn bỏ đói, bỏ khát và không giải quyết yêu sách. Hai hôm sau anh Ngô Gấm và anh Hồ Văn sắc rớt, còn lại sáu người quyết tử chiến đấu bảo vệ khí tiết là: Hoàng Thanh, Phan Văn Huệ, Nguyễn Tử Tông, Phạm Thông, Nguyễn Văn Trường (trong số 27 người tuyệt thực) và Ngô Đình Thời (trong số không tuyệt thực). Ngô Đình Thời năm ấy chưa đầy 18 tuổi.

Cuộc tuyệt thực kéo dài đến 19 ngày, sau hàng chục công điện báo cáo và xin ý kiến của Tổng nha cảnh sát, Tổng nha cải huấn, chúa đảo Nguyễn Văn Vệ phải chấp nhận các yêu sách, để cho 6 người được tự do tư tưởng, không cưỡng bức chào cờ ba que, trả lại mọi sinh hoạt bình thường. Khi đó, 6 người đậu được chỉ còn hấp hối. Có người phải bắt từng con muỗi, con rệp ăn cầm hơi nhưng họ đã không khuất phục trước bạo lực, không thừa nhận lá cờ của chế độ Sài Gòn.

Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt nhất của tù án chính trị chống chào cờ, khẳng định vị trí bảo vệ khí tiết của tù án chính trị bảo vệ khí tiết. Đó là tiêu biểu thôi thúc lực lượng tù án chính trị vươn lên mạnh mẽ trong những năm sau này.

Trong cuộc đấu tranh tháng 4 năm 1967, tù án chính trị chịu chấp nhận tổn thất không nhỏ. Nguyễn Văn Vệ còn giở thủ đoạn bỉ ổi, cưỡng bức những người vừa bị đánh rớt diễu hành quanh chuồng cọp hô khẩu hiệu phản động để nhục mạ họ. Nhưng tấm gương khí tiết kiên cường của những ngọn cờ đầu trong phong trào chống chào cờ của tù án chính trị là niềm cổ vũ thôi thúc mọi người tiếp tục vươn lên. Nhiều người vừa rớt trong đợt đàn áp tháng 4 năm 1967 đã lần lượt tuyên bố chống chào cờ trở lại.

Chống kế hoạch “Ngũ niên tự túc”

Trong lúc áp dụng chế độ kỷ luật nghiêm ngặt đối với số tù chính trị chống chào cờ tại khu vực hầm đá, chuồng cạp, chuồng bò, chúa đảo Nguyễn Văn Vệ lại nói rộng chế độ đối với số tù nhân chịu làm khổ sai, thuộc Trung tâm Cải huấn II (TTCH II) bao gồm Trại II, Trại III và các sở tù. Từ năm 1965 đến 1968, nhân số TTCH II biến động ở mức từ 3.000 đến 5.000 người.

Báo cáo ngày 14-5-1965 của Ban an ninh TTCH cho biết toàn đảo có 3318 tù nhân, trong đó có 527 tù chính trị câu lưu giam tại Trại I (TTCH I), 951 tù án ở Trại II, 1185 tù án ở Trại III, số còn lại cũng thuộc TTCH II, ở rải rác các sở ngoài. Đông nhất là Sở vệ sinh-văn phòng (202) và Ban an ninh tình báo (222). TTCH II do Nguyễn Văn Thà làm Giám thị trưởng Trung tâm. Theo một bản báo cáo của tù chính trị, lưu tại Ban an ninh Trung ương Cục vào tháng 2-1967 thì cơ cấu giam giữ tù nhân tại TTCH II như sau:

Trại II

– Phòng 1-2-3 có lúc gọi là “khu tu dưỡng”, giam tù án tử hình và chung thân, có lúc giam giữ đến 200 án tử hình, hiện chỉ còn trên dưới 20 người, giam tại phòng 3. Phòng một và 2 giam tù án chung thân (gần 200 người), làm các công việc khổ sai nội trại.

– Phòng 4: Giam tù áo trắng, làm bồi bếp, phục dịch văn phòng Quản đốc, văn phòng Giám thị trưởng, công nhân tư gia cho các gia đình công chức, giám thị.

– Phòng 5: Giam tù làm Nhà bếp, hướng nghiệp.

– Phòng 6: Biệt giam nhẹ, gồm số tù bị địch chú ý trong các cuộc đấu tranh, hàng ngày đưa đi làm ở các Sở xa, An Hải, An Hội, bị cách ly với số tù nhân trong trại (khoảng 150 người).

– Phòng 7: Biệt giam nặng, khoảng 100 người, gồm phần lớn là số chống chào cờ trong các đợt bị đánh rớt. Từ tháng 9-1966, số này bị đưa đi làm Sở

Rẫy Thiên Thu vừa khai phá.

– Phòng 8: Giam số thường xuyên đau yếu, bệnh hoạn, được bố trí làm các việc nhẹ như quét dọn vệ sinh, kẻ vẽ, may vá quần áo tù.

– Phòng 9: Giam kíp tù làm công xưởng.

– Phòng 10: Khoảng 120 người, làm Sở chỉ tồn (công việc khổ sai nặng nhọc khổng cố định).

– Phòng 11: Giam số tù nhân làm trật tự trại.

Trại III

– Phòng 12: Sở Tây (vệ sinh toàn đảo).

– Phòng 13: Sở chăn nuôi và kíp phục vụ ở nhà thương.

– Phòng 14-15: Sở Củi.

– Phòng 16; Sở Ruộng.

– Phòng 17: Trật tự trại, y tế trại, văn phòng.

– Phòng 18: Sở ươm cây, Sở rẫy Cộng hòa, Sở rẫy Rảo an, Sở rẫy Tỉnh trưởng.

– Phòng 19: Sở vệ sinh.

– Phòng 20: Sở Chỉ Tồn.

– Phòng 21: Thợ hồ, thợ sắt, hướng nghiệp, lò vôi.

– Phòng 22: Lò gạch, nuôi vịt.

– Phòng 23: Không cố định đối tượng giam giữ.

– Phòng 24: Bệnh lao, thương hàn và bệnh nan y.

Mỗi phòng giam từ vài chục đến khoảng 120 người. Ngoài 24 phòng thuộc Trại II, Trại III, TTCH II còn cho phép một số kíp tù nhân được ở các trại tạm giam tại Sở khổ sai như: Lò Gạch (khoảng 180 người) Công Xưởng (khoảng 150), Sở Lưới (khoảng 90), Sở Chăn nuôi (khoảng 70), Nhà Đền (khoảng 30), Sở Ruộng, Cỏ Ống (khoảng 100), Văn phòng Quản đốc (khoảng 80), Ban Văn nghệ (khoảng 60). Sở làm công cho Mỹ xây dựng đài Loran có khoảng 250 tù nhân được thiết lập nhất thời từ 1964 đến

1966, xong công trình, chúng đưa về trung tâm. Vào mùa gió chướng, để ngăn chặn tù nhân vượt ngục, địch đưa phần lớn số tù nhân các sở này vào trong trại ngủ, trừ một số ít làm trật tự an ninh, số án nhẹ (dưới 2 năm) và một số được ưu đãi làm ở Ban văn nghệ, Văn phòng.

Ban lãnh đạo lâm thời các trại tù án được thành lập từ năm 1963 (có lúc danh xưng là Đảng ủy, Đảo ủy) không có vai trò đối với lực lượng tiên phong chống chào cờ mà chỉ có ảnh hưởng nhất định với khối tù án chính trị chịu làm khổ sai. Thực chất, ban lãnh đạo lâm thời chỉ dừng ở mức một Đường dây Côn Đảo, vừa giữ mối liên hệ với Trung ương Cục, vừa tổng hợp tin tức, tình hình địch ta để thông tin và hướng dẫn hoạt động của tù nhân.

Năm 1965, bộ phận Đường dây Côn Đảo có nhiều xáo trộn. Võ Văn Thuật cùng 56 tù chính trị Sở Lưới cướp tàu vượt đảo về đất liền thành công (27-2-1965). Nguyễn Xuân Kí bị điều qua Cỏ Ống. Nguyễn Văn Ngư bị cấm cố và sau đó mãn án, chuyển qua câu lưu tại TTCH II, chỉ còn lại Trương Minh nắm giữ đường dây liên lạc với Trung ương Cục. Các kíp tù, Sở tù khổ sai tự hình thành Ban chỉ đạo hoặc Bộ phận trách nhiệm theo sự tín nhiệm để lãnh đạo các hoạt động và tranh đấu của tù nhân. Chống khổ sai với các mức độ “lãn công, khai bệnh, trì trệ, phá hoại bí mật” là hình thức đấu tranh phổ biến của các kíp tù khổ sai thuộc TTCH II trong giai đoạn này.

Năm 1966, kế hoạch “ngũ niên tự túc” của chúa đảo Nguyễn Văn Vệ được cố vấn Mỹ phê duyệt, trình Nha cải huấn và sau đó được thực thi tại đảo. Thực chất của kế hoạch này là dùng viện trợ Mỹ để mở rộng các sở tù khổ sai, bóc lột lao động của tù nhân, dùng tù nuôi tù, cho tù nhân được hưởng một phần hoa lợi để khuyến khích lao động, đồng thời siết chặt kỷ luật nhà tù, thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh để triệt tiêu ý thức phản kháng của người tù.

Theo kế hoạch này, viện trợ Mỹ được đầu tư mở rộng các cơ sở hướng nghiệp, dạy nghề, chăn nuôi, đánh cá. Các Sở rẫy An Hải, An Hội, Sở Ruộng, Sở chăn nuôi, Lò gạch, Lò tương được mở rộng. Nhiều sở rẫy mới

được thành lập như Hòa Ni I, Hòa Ni II, Thiên Thu I, Thiên Thu II, Sơn Khê, Đồng Vọng, Đông Phong (sở Bông Hường cũ). Viện trợ Mỹ được đầu tư mua giống, phân bón, công cụ. Tù nhân lao động khổ sai được hưởng hoa lợi theo những tỷ lệ khác nhau: Trồng tía hưởng 25%, chăn nuôi 10% (không trừ vốn), hưởng nghiệp 40% (sau khi trừ vốn). Trừ tù án tử hình và số chống chào cờ bị cấm cố trong Chuồng Cọp, còn lại tất cả tù nhân đều được huy động vào lao động khổ sai.

Nhiều tù nhân ở các phòng cấm cố đã được Vệ giải tỏa, đưa đi lao động khổ sai. Ở các kíp khổ sai nặng nhọc như đốn củi, dọn tàu, khiêng gạch, sắt, xây chùa

Núi Một, xây bốt 48 thường nổ ra các cuộc đấu tranh đòi hạ mức khổ sai, làm công, phá hoại. Khẩu hiệu “ăn mặn - uống đậm - đi chậm - vác nhẹ - nắng ngủ - mưa nghỉ - nhất gió - kỵ sương mù” phổ biến trong các kíp tù khổ sai, với nghĩa là vận dụng mọi hoàn cảnh làm giảm nhẹ lao động khổ sai, nhằm phá vỡ kế hoạch “ngũ niên tự túc” của Nguyễn Văn Vệ.

Tháng 12-1967, Sở Cui (phòng 14 và 15 Trại III) mở đầu cuộc đấu tranh công khai chống dọn củi ngoài giờ. Bằng lý lẽ đúng đắn và tinh thần kiên quyết, tù nhân Sở Cui đã trực diện đấu tranh chống dọn củi từ xà lan lên bờ ngoài giờ trong suốt một tuần. Nhiều người chịu đòn, chịu phạt xà lim nhưng cuối cùng địch phải nhượng bộ, chấm dứt nạn khổ sai quá giờ. Lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh này là số tù nhân cấm cố của phòng 6 và phòng 7 Trại II mới giải tỏa về Sở Cui.

Thắng lợi của Sở Cui đã khích lệ phong trào đấu tranh của tù án chính trị ở các sở tù khổ sai. Ngày 20- 12-1968, kíp Chỉ Tồn phòng 5 Trại II chống khai thác đá tại Núi Một về xây lao mới. Cuộc đấu tranh này bị đàn áp dã man. Ngày hôm sau, địch bắt kíp Chỉ Tồn phòng 5 đi đốn củi ở hòn Bảy Cạnh. Mỗi ngày 60 người đi làm, địch đưa 120 trật tự an ninh đi kèm, chúng dùng củi đòn đánh đập rất dã man từ lúc xuống xà lan cho đến lúc về. Ngay ngày đầu đã có 15 người trọng thương. Sau 6 ngày đàn áp trả thù, hầu hết tù nhân kíp Chỉ Tồn phòng 5 đều mang thương tích, nhiều người

phải nằm bệnh xá, nhưng tất cả vẫn từ chối đi khai thác đá cho chủ thầu Mỹ xây khu trại giam mới.

Ở các sở rẫy, tù chính trị đấu tranh bằng cách phá hoại sản xuất. Khi chăm sóc rau, họ làm lay gốc, đứt rễ để rau héo dần rồi chết. Sở rẫy Hòa Ni rộng 2 héc ta, 70 tù nhân lao động khổ sai coi một vụ chỉ thu hoạch được 100 trái dưa leo. Địch trả thù rất dã man. Có người chỉ ăn một trái dưa do chính tay mình trồng bị chúng đánh chết ngất tại ruộng, phải khiêng đi cấp cứu. Chuyện “trái dưa 2 người khiêng” được phổ biến rộng rãi trong tù chính trị nhằm giáo dục căm thù, phát động phong trào.

Sở rẫy Thiên Thu II được thành lập từ tháng 9- 1966 là một sở kiểu mẫu trong kế hoạch “ngũ niên tự túc” của chúa đảo Nguyễn Văn Vệ. Lúc đầu giám thị Phạm Minh Tâm, phụ tá Trưởng ban chuyên môn làm chủ sở. Sau vụ vượt ngục của Hoàng Đình Khiển, Trần Văn Thạch và Nguyễn Văn Trúc, Vệ giao cho giám thị Huỳnh Đại Phước (đã 3 đời làm giám thị ở nhà lao này) làm chủ sở với sự hỗ trợ của 100 tự trật an ninh để cai quản 120 tù chính trị vừa giải tỏa từ Trại IV cấm cố mà phần lớn là số chống chào cờ bị đánh rớt. Xung quanh rẫy còn có 4 tháp canh của lính bảo an canh gác. Vệ cho tù nhân sở này được hưởng 25% hoa lợi (mức cao nhất trong các sở rẫy) với ý đồ vừa kích thích họ sản xuất theo kế hoạch “ngũ niên”, vừa triệt tiêu một bộ phận tù nhân chống chào cờ.

Trái với ý đồ của Vệ, tù chính trị Sở Rẫy Thiên Thu đã tổ chức chống phá một cách hiệu quả. Rau mới trồng được vài ngày lại bị nhổ nhóm lên cho chết dần. Khi làm cỏ, xới xáo thì chặn đứt rễ cái cho cây thui chột. Cả một rẫy đu đủ đang chuẩn bị ra quả được bón phân đậm đặc làm cháy rễ, chết gần hết. Sau 11 tháng không thu hoạch được bao nhiêu, lại xảy ra 2 vụ vượt ngục, Huỳnh Đại Phước phải xin Vệ cho giải tán sở.

Cuộc vượt ngục đầu tiên tại Sở rẫy Thiên Thu do các anh Hoàng Đình Khiển, Trần Văn Thạch và Nguyễn Văn Trúc thực hiện. Khiển và Thạch đã từng vượt ngục lần đầu vào ngày 19-8-1965, bơi 12km qua Hòn Cau, ẩn náu hơn một tháng thì bị bắt vào cấm cố chung với số chống chào cờ ở Trại IV.

Ra Sở rẫy Thiên Thu, Khiển và Thạch lại tính chuyện vượt ngục. Lần này họ kết tập thêm Nguyễn Văn Chúc thành bộ ba. Khiển là trưởng nhóm, Thạch là tham mưu, Trúc là hướng đạo. Trúc trước đó ở Sở củi, thông thạo đường rừng và các chòi canh của trật tự. Họ vượt khỏi Sở rẫy Thiên Thu vào một buổi chiều đầu năm 1967, qua mũi Lò Vôi, vượt phi trường Cỏ Ông, ẩn náu tại Đầm Tre. Họ bẻ lá cây lót trong hốc đá để nằm, đào củ nứa, củ nân, bắt ốc, bắt vích ăn qua ngày, chờ mùa gió chướng sẽ đóng bè vượt biển. Địch huy động lực lượng tổ chức truy tìm nhiều ngày và phát hiện ra nơi ẩn náu của 3 người từ những chiếc mai vích chôn không kỹ.

Ít lâu sau cuộc vượt ngục không thành của ba anh Khiển, Thạch, Chúc, hai anh Nguyễn Văn Me và Nguyễn Văn Tài lại tiếp tục vượt ngục một cách táo bạo. Hai anh đào một căn hầm bí mật cách Sở rẫy Thiên Thu không xa, tích trữ lương thực, thực phẩm, nước uống rồi ẩn náu tại đó, chờ qua đợt truy nã của địch sẽ lên núi đóng bè. Địch tổ chức truy nã gắt gao vì chúng phán đoán tốp vượt ngục còn ẩn náu quanh đây. Gió chướng chưa nổi thì chưa thể đóng bè vượt ngục được. Sau một tuần chúng phát hiện được căn hầm bí mật vào lúc Nguyễn Văn Tài bò lên lấy nước khi trời chưa tối hẳn.

Lần này chúa đảo Nguyễn Văn Vệ trực tiếp khảo cung, tìm hiểu lý do và phương thức vượt ngục. Hai anh đã tố cáo sự tàn bạo của chế độ nhà tù và tuyên bố rằng thà lên rừng ở với thú dữ, thà vượt biển làm mồi cho cá mập còn hơn là phải chịu cảnh địa ngục trần gian ở nhà tù này. Cả hai cuộc vượt ngục đều không đạt mục đích giải thoát nhưng lại góp phần làm phá sản Sở Rẫy Thiên Thu, một sở kiểu mẫu trong kế hoạch “ngủ yên tự túc” của Vệ. Sản xuất không hiệu quả, tù nhân liên tiếp vượt ngục, Nguyễn Văn Vệ phải giải tán Sở rẫy này, đưa tù nhân vào cấm cố trở lại.

Xưa nay vượt ngục thường xảy ra ở các kíp tù và các sở tù khổ sai ngoài trại giam, nhưng lần đầu tiên ở nhà tù này đã nổ ra một cuộc vượt ngục tại phòng cấm cố tù án tử hình trong Trại II, nơi được duy trì chế độ an ninh nghiêm ngặt nhất. Ba tù án tử hình tổ chức vụ vượt ngục táo bạo ấy là Nguyễn Văn Hai (chiến sĩ biệt động thành Sài Gòn - Gia Định), Lê Hồng

Tư (lực lượng vũ trang Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định), Phạm Văn Dấu (quân giải phóng Gia Định).

Tháng 10 năm 1966, ba người công kênh nhau trốn nóc nhà giam vào lúc nửa đêm rồi vượt tường trại ra ngoài, nhằm hướng Núi Chúa đi lên. Vì bị cấm cố từ ngày ra đảo nên cả 3 đều không biết đường, quanh quẩn mãi gần sáng mới đến được chân núi.

Địch phát hiện và truy nã từ lúc 3 giờ sáng. Chúng siết chặt vòng vây quanh triền núi. Lê Hồng Tư đuối sức, lạc đội hình, bị bắt lúc 10 giờ sáng. Nguyễn Văn Hai và Phạm Văn Dấu tìm được nơi ẩn náu an toàn suốt ngày hôm ấy. Đêm đến, Dấu theo Hai xuống núi, ẩn tại chùa Hòa Sơn Tự. Các thầy chùa (cũng là tù) biết nhưng không khai báo. Họ nấu cơm để sẵn tại bếp, đêm đến 2 anh bò vào ăn. Ngôi chùa ở ngay trong thị trấn, bằng kinh nghiệm của người lính biệt động, Nguyễn Văn Hai nhận định rằng địch bố phòng và truy tìm tù trốn hướng về phía núi, khe suối, bãi biển hơn là trong thị trấn. Nguyễn Văn Hai kiếm được một bộ quần cộc, áo thun còn mới, chiều tà anh đóng bộ đi dạo từng đoạn đường để nắm tình hình, dáng dấp như một công chức, ít ai biết mặt một kẻ tử tù quanh năm cấm cố trong trại.

Cuộc đào thoát của số tù trọng án ở nhà lao cấm cố làm chúa đảo Nguyễn Văn Vệ điên đầu. Hắn cho tổ chức nhiều cuộc hành quân lục núi, phục kích các ngã đường, án ngữ các bãi biển suốt ngày đêm, cho sà lúp tuần tra quanh đảo và các hòn phụ cận. Ẩn tại chùa 4 ngày đêm, thấy tình hình không êm, 2 anh vượt sang Cỏ Ống, núp tại Suối Ốt.

Bọn Mỹ đang xây đài Loran ở Cỏ Ống, bố phòng rất cẩn mật. Ngày thứ 8 của cuộc vượt ngục, Nguyễn Văn Hai bị bắt trong một lần đột nhập vào trạm gác kiểm đồ ăn. Hai ngày sau, Phạm Văn Dấu bị địch vây bắt được. Tất cả bị đưa về hầm đá Trại II. Nguyễn Văn Hai bị chúng đánh đập nhiều trận dã man cho đến chết. Lê Hồng Tư và Phạm Văn Dấu bị cấm cố vô thời hạn cho đến ngày giải phóng. Sau cuộc vượt ngục của tù nhân khám tử hình, Nguyễn Văn Vệ cho dây thép gai chằng kín trần các trại giam và tăng cường các biện pháp an ninh, tình báo, mật báo nhằm phát hiện và ngăn chặn các âm mưu vượt ngục.

Bước phát triển mới của phong trào chống chào cờ

Từ cuối năm 1967, phong trào chống chào cờ bước vào một giai đoạn mới. Chuyển lưu đày 6-1967 từ Chí Hòa ra đảo có 14 người chống, địch đàn áp quyết liệt tại Trại IV, bọn trật tự an ninh đánh đập hết bó roi mây này đến bó roi mây khác. Ba ngày sau chỉ còn Sầm Thanh Liêm và Nguyễn Ngọc Minh đậu được. ít ngày sau, Cao Văn Chín rớt trong đợt đó đã vươn lên chống lại. Địch đưa 3 anh sang chuồng cọp II giam ở chuồng 30, cạnh chuồng Năm anh chống chào cờ đậu được trong đợt đàn áp tháng 4-1967 (Phạm Thông mãn án đã chuyển qua trại câu lưu).

Tháng 10-1967, lực lượng chống chào cờ tăng lên 15 người, địch chuyển các anh qua chuồng cọp I giam ở các chuồng 57, 58 và 59, mỗi chuồng 5 người, còng một chân, không cho tắm giặt, không cho ăn rau. Tháng 2-1968, số chống chào cờ tăng đến 30 người, chuyển lưu đày tù Chí Hòa ra trong tháng đó có 68/300 người chống chào cờ. Sau 4 ngày đàn áp, còn “đậu” được 10 người, trong đó có Đặng Trung Tâm, Lê Tùng, Nguyễn Việt Hùng, Lê Văn Ngọc (Bảy Bê) và Nguyễn Thới (tức Hòa thượng Thích Thành Tuệ).

Lực lượng tù án chính trị ở các trại giam, phòng giam và các sở khổ sai đều có những hình thức tổ chức, liên lạc và chỉ đạo khác nhau. Tuy nhiên, cho đến lúc đó, ngay cả những tổ chức danh xưng là Chi uỷ, Đảng uỷ, Đảo uỷ cùng chưa chủ trương chống chào cờ. Trong một số trường hợp, những người chống chào cờ còn bị phê phán là “tả khuynh” “cực đoan”, “anh hùng cá nhân”... Một số người từng có cương vị cao ngoài đời, từng tham gia bộ phận trách nhiệm ở trong tù đã tìm cách dùng uy tín, lý lẽ và kinh nghiệm của mình để thuyết phục số anh em đang chủ trương vươn lên chống chào cờ chấp hành tập thể, ở lại cùng tập thể.

Trong hoàn cảnh đó, những chiến sĩ tiên phong vẫn kiên trì quan điểm chống chào cờ. Họ tuyệt đối tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cách mạng, tin tưởng vững chắc vào chính nghĩa của cuộc đấu tranh. Họ quan niệm rằng, trong lúc kẻ thù dùng mọi thủ đoạn để triệt hạ khí tiết thì những người tù chính trị phải đặt mục tiêu đấu tranh bảo vệ khí tiết lên hàng đầu.

Năm ngôi sao toàn thắng trong cuộc đấu tranh chống ly khai cùng hàng trăm người hy sinh vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh ấy đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho toàn thể tù chính trị Côn Đảo noi theo. Sáu tù án chính trị chống chào cờ đậu được trong đợt khủng bố khốc liệt tháng 4-1967 đã đặt nền tảng và thôi thúc lực lượng tù án vươn lên chống chào cờ ngày càng mạnh mẽ.

Học hỏi kinh nghiệm của lớp người đi trước và bằng kinh nghiệm của chính mình, nhiều người đã tự xác định phương châm và nguyên tắc đấu tranh trong tù. Trong đấu tranh dân sinh dân chủ thì cá nhân phục tùng tập thể, nhưng trong đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết thì mỗi người tự quyết định sinh mạng chính trị của mình; có tập thể thì cùng tập thể đấu tranh, không có tập thể thì tự mình quyết định. Họ tâm niệm một cách sâu sắc rằng, mỗi người tù chính trị đều phải tự mình chịu trách nhiệm trước Đảng, như khẩu hiệu mà họ hằng tâm niệm: Đảng đã trao Đảng cho ta, ta phải giữ ta cho Đảng.

Điều cần phải “giữ” lúc này không chỉ là tính mạng mà trước hết và cao nhất là sinh mạng chính trị, là phẩm chất và khí tiết. Nếu cần, họ sẵn sàng hy sinh cả tính mạng mình để bảo vệ khí tiết, bảo vệ lý tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, không khuất phục trước bất cứ bạo lực nào. Đó chính là phẩm chất của những người anh hùng mang chí lớn mà nhiều năm sau, tập thể tù án chính trị mới nhận ra và vươn lên, noi theo.

Kể từ khi cuộc tiến công Tết Mậu Thân (1968) nổ ra, địch siết chặt kỷ luật nhà tù, lập các phương án chống tù nhân bạo động. Tháng 5 năm 1968, số chống chào cờ tăng lên đến 71 người, hạt nhân phong trào đấu tranh bảo vệ khí tiết của tù án chính trị ngày càng mở rộng, đúng theo phương châm của những người tiên phong: Đường càng đi, đội ngũ càng đông.

Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ mở đợt đánh phá bức hàng quyết liệt. Lực lượng chủ yếu được giao cho Ban Chuyên môn của tên giám thị ác ôn số một Lê Văn Khương đảm nhiệm. Khương tập hợp khoảng gần 100 trật tự tay sai mở cuộc đàn áp, dồn tất cả tù án chính trị chống chào cờ về chuồng cọp II. Hắn cho trật tự lôi tù nhân ra bãi cát trước cửa chuồng cọp đánh, mỗi ngày một trận.

Vệ còn ra lệnh bớt cơm, bớt nước, không cho tắm giặt, cấm ngắt rau. Bữa cơm chỉ có một loại mắm ruốc đen, nặng mùi. Việc không cấp rau trong nhiều tháng liền làm cho cơ thể tù nhân suy sụp nghiêm trọng. Các bệnh táo bón, kiết lỵ, phù thũng phổ biến. Nhiều người kiệt sức, teo cơ, bại liệt, không còn đứng nổi trên đôi chân của mình.

Tên giám thị Nguyễn Văn Ròng - Phó ban chuyên môn đã thẳng thừng tuyên bố trước đòi hỏi cấp rau của tù nhân chuồng cọp: “Ranh giới giữa các anh với nội quy nhà tù là rau. Muốn ăn rau phải chịu chào cờ”.

Các yêu sách của tù nhân đều bị đàn áp đẫm máu. Ông Tôn (ở Cần Thơ) bị đánh học máu, ngắt xiu tại trận. Anh Phan Đình Tựu (Điện Bàn, Quảng Nam) bị đánh nhiều phát bệnh tâm thần, suốt ngày hát những bài ca cách mạng. Địch còng cả hai tay, hai chân, khớp miệng anh cho đến chết (28-5-1968). Một số tù chính trị không chịu đựng nổi sự khốc liệt, rớt dần.

Trước tình hình đó, một số người đã tuyên bố tuyệt thực đến chết để chặn bàn tay khủng bố của kẻ thù. Anh Nguyễn Văn Trường và anh Hồ Văn sắc tuyệt thực từ giữa tháng 5-1968 để phản đối đàn áp, đòi tôn trọng tự do tư tưởng, thực hiện qui chế tù chính trị. 10 ngày sau Hồ Văn sắc rớt, một mình Nguyễn Văn Trường tiếp tục cuộc tuyệt thực ròng rã hơn 2 tháng trời. Khi anh lả đi, chúng bơm sữa vào hậu môn. Tỉnh lại, anh tiếp tục tuyệt thực. Cùng lúc đó, Nguyễn Văn Chánh và Sầm Thanh Liêm đã tuyệt thực, phản đối kỷ luật tàn bạo tại chuồng cọp.

Công văn số 341/CSQG CS/CSĐB/M ngày 31-7- 1968 của Trường ty cảnh sát quốc gia Côn Sơn cho biết, ngày 24-7-1968, Ty cảnh sát quốc gia Côn Sơn đã cử nhân viên đến Trung tâm cải huấn để “chứng kiến cuộc tuyệt thực của 3 chính trị phạm VC tên Nguyễn Văn Trường đính bài số

C.18526, sầm Thanh Liêm số A.3564 và Nguyễn Văn Chánh CT.610 đang bị biệt giam tại Khu biệt lập II để phản đối nội quy Trung tâm... Can phạm Nguyễn Văn Trường tuyệt thực đến nay đã 2 tháng 6 ngày, được đưa về bệnh xá Trại IV vào sáng 23-7-1968... Hai can phạm Sầm Thanh Liêm và Nguyễn Văn Chánh tuyệt thực tính đến nay đã 18 ngày, vẫn còn ngoan cố, chưa chịu tuân theo nội quy Trung tâm, nhưng cũng đã được đưa về bệnh xá Trại IV ngày 26-7-1968”.

Nguyễn Văn Trường tuyệt thực đến ngày thứ 72. Khi ấy anh đã bị liệt cột sống, nằm bất động. Nguyễn Văn Chánh và Sầm Thanh Liêm tuyệt thực đến ngày thứ 26. Ba anh đã đạt kỷ lục dài ngày nhất về tuyệt thực, nêu tấm gương bền bỉ tự lực chiến đấu trong lực lượng tù án chính trị chống chào cờ. Đến khi địch tuyên bố ngừng đợt khủng bố tại chuồng cọp, các anh mới ăn uống trở lại.

Khi đó, ngoài Phan Đình Tự đã anh dũng hy sinh và ba anh tuyệt thực thắng lợi là Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Văn Chánh, Sầm Thanh Liêm, còn 21 anh “đậu” được tại chuồng cọp trong đợt đàn áp này là: Phan Văn Huệ, Nguyễn Tử Tòng, Hoàng Thanh, Ngô Đình Thời, Trương Văn Lành, Bùi Văn Me, Đoàn Văn Khét, Nguyễn Tấn Ngọc, Đặng Trung Tâm, Liêu Văn Bé, Tào Tự, Võ Duy Quang, Cao Văn Chín, Phạm Ngọc Minh, Trần Việt Hùng, Hồ Văn Minh, Đặng Quốc Tuấn, Bảy Bê (Lê Văn Ngọc), Lê Tùng, Thích Hành Tuệ (Nguyễn Thới), Ngô Văn Thiều.

Nếu như cuộc đàn áp khốc liệt mùa hè 1967 chỉ có sáu anh đậu được thì đợt đàn áp đẫm máu giữa năm 1968, con số ấy đã tăng lên 24. Điều đó chứng tỏ sức sống mãnh liệt của phong trào bảo vệ khí tiết.

Tiếp nối truyền thống đấu tranh chống li khai cộng sản của tù chính trị câu lưu, những ngọn cờ đầu trong cuộc đấu tranh chống chào cờ đã dẫn dắt lực lượng tù án chính trị vào cuộc đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết. Ở ngoài mặt trận, trước khi bị bắt, họ đã phủ nhận chế độ Sài Gòn, tay sai của Mỹ bằng "vũ khí vật chất" thì giờ đây, giữa lao tù, xiềng xích, nanh vuốt kẻ thù, một lần nữa họ lại công khai phủ nhận ngụy quyền Sài Gòn bằng "vũ khí tư tưởng", tuyên bố không thừa nhận chế độ Sài Gòn, tuyên bố chỉ có

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là người đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân miền Nam.

Đây không phải chỉ là lời tuyên bố của một tổ chức chính trị, một phái đoàn ngoại giao mà là lời tuyên bố của những con người tay xiềng, chân trong còng, trong đọa đày cùng cực, trong nanh vuốt và cạm bẫy của kẻ thù, trong sự dày ải, khủng bố triền miên và căng thẳng tột độ, trong sự dày ải, khủng bố chết đi sống lại hàng trăm lần. Mỗi một lời tuyên bố của họ đều phải trả giá bằng máu và mạng sống. Phan Đình Tự (quê ở Quảng Nam) đã hy sinh ngay trong cuộc đấu tranh, 24 người đấu được đã tiếp tục bị còng xiềng, cấm cố vô thời hạn đến tàn phế, bại liệt cả 2 chân, phải lết bằng đôi tay của mình.

Cuối năm 1968, địch đưa số tù bại liệt cùng những người mắc các chứng bệnh nan y về Chí Hòa, sau chuyển về Tân Hiệp (Biên Hòa).

Tại Tân Hiệp, lực lượng tù án chính trị bại liệt và tù chính trị câu lưu mắc bệnh nan y từ Côn Đảo về đã liên tục đấu tranh, không chào cờ nguy, không chấp hành nội quy nhà tù, không mặc áo trắng, không đeo thẻ bài khi tiếp thân nhân thăm nuôi. Các anh Ba Tròn, anh Đại bị địch dùng roi điện đánh lột da lưng. Các anh Bùi Văn Me, Nguyễn Tấn Ngọc, sầm Thanh Liêm, Nguyễn Mãi bị chúng lột hết quần áo, đánh đập 3 ngày ba đêm, biệt giam xà lim, còng treo chân tay cho đến khi Nguyễn Mãi tắt thở chúng mới ngưng đợt đàn áp, không cưỡng bức thi hành nội quy nhà tù.

Cuối năm 1969, được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, lực lượng tù chính trị ở Côn Đảo về đã công khai tổ chức lễ tang Bác tại nhà lao Tân Hiệp, sau đợt ấy, chúng dày tất cả trở lại Côn Đảo. Trong chuyến dày đi đảo năm ấy, hai anh Lê Quyết Chiến và Trần Quang Hưng đã tháo còng, nhảy xuống sông Lòng Tàu trốn thoát. Trước đó, anh Nguyễn Văn Trường và Phan Văn Huệ đang điều trị tại bệnh viện Biên Hòa cũng tìm cách thoát được ra ngoài. ít lâu sau, cả bốn anh đều lần lượt bị bắt lại và dày ra đảo.

Từ cuối năm 1968, phong trào chống chào cờ lại bùng lên mạnh mẽ. Nhiều đợt lưu dày tù chính trị từ nhà lao Chí Hòa ra Côn Đảo đã bổ sung lực lượng chống chào cờ. Đợt tháng 11-1968 có 42 người chống, đợt tháng

4-1969 có 22 người chống. Nhiều tù chính trị ở các sở tù khổ sai tự động chống chào cờ từng đợt vài ba người một. Các báo cáo chu kỳ (10 ngày), nguyệt kì (hàng tháng) của Ban chuyên môn trung tâm cải huấn Cồn Sơn còn lưu lại cho thấy tháng nào cũng có nhiều người chống chào cờ nguy. Nguyệt trình số 463/TTCH/CM/NT/M (từ ngày 14-7-1969 đến ngày 14-8-1969) đã ghi nhận:

- Tám can phạm cs thụ huấn tại các phòng 13, 16, 17 Trại IV (cấm cố) chống chào cờ.

- Bốn can phạm cs phòng 6 Trại II (cấm cố) và 2 can phạm phòng 12 Trại IV hoả thực tái chống chào cờ.

- Tám can phạm phòng 9 Trại IV chống và tái chống chào cờ.

- Năm can phạm phòng 9, 12, 16 Trại IV chống chào cờ.

- Khoảng 6 giờ ngày 7-8-1969, tàu HQ.405 vận chuyển 259 can phạm thành án và 115 can cứu cộng sản từ Trung tâm Cải huấn Sài Gòn đến. Hồi 17 giờ cùng ngày có 53 tên mới ra chống chào cờ.

- Ngày 8-8-1969, 2 can phạm cs phòng 6 Trại 11 (mới ra) chống chào cờ.

- Chiều 9-8-1969, thêm 2 can phạm cs (mới ra) và 3 can phạm cs phòng 16 Trại TV (cấm cố) chống chào cờ.

- Hồi 17 giờ ngày 11-8-1969, một can phạm cs phòng 14 Trại IV (cấm cố) chống chào cờ".

Báo cáo chu kỳ số 737/TTCH/CM/CK/M (Từ ngày 10-12-1969 đến 20-12-1969) ghi nhận:

- Hai can phạm cộng sản phòng 15 Trại IV (cấm cố) chống chào quốc kỳ Việt Nam cộng hòa.

- Ba can phạm cs phòng 16 Trại IV (cấm cố) chống chào cờ.

- Khoảng 15 giờ 30' ngày 14-12-1969 từ Trung tâm Cải huấn Sài Gòn vận chuyển đến Trung tâm 338 can phạm bằng tàu HQ.406 (trong số này có 44 tên chống chào quốc kỳ).

– Khoảng 18 giờ ngày 17-12-1969, từ Trung tâm Cải huấn Tân Hiệp đã không vận đến Trung tâm 37 can phạm mới đến chống chào quốc kỳ.

– Chín can phạm cs thuộc phòng 9 Trại V (hoả thực) và phòng 5 Trại II (hoả thực) chống chào quốc kỳ.

– Bốn can phạm cs phòng I Trại II chống chào quốc kỳ..

– Bốn can phạm cs phòng 15 Trại IV (cấm cố) chống chào quốc kỳ”.

Sô liệu bản Nguyệt trình từ 14-7-1969 đến 14-8- 1969 và Báo cáo chu kỳ từ ngày 10-12-1969 đến 20-12- 1969 do Ban chuyên môn trung tâm cải huấn Côn Sơn thống kê cho thấy, trong 40 ngày đó, đã có 191 tù chính trị chống chào cờ, trong đó có 59 người tại đảo chống và tái chống chào cờ, 98 người từ Chí Hòa và 37 người từ Tân Hiệp ra chống chào cờ.

Bản báo cáo sơ kết tình hình Nhà lao Côn Đảo do Ban Tổ chức Trung ương Cục và Ban An ninh Trung ương Cục tổ chức thực hiện vào năm 1974 còn cho biết 306 phụ nữ (có 2 cháu bé) bị đày Côn Đảo ngày 26 tháng 11 năm 1969 đều tuyên bố chống chào cờ và đấu tranh rất kiên cường.

Cuộc đấu tranh của tù bại liệt

Lực lượng phụ nữ ra đảo đợt tháng 11-1969 đã nâng con số chống chào cờ lên trên 500 người, chưa kể đến hơn 300 tù chính trị câu lưu chống toàn diện đang bị giam ở chuồng cọp. Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ quyết định giải tỏa tù chính trị câu lưu từ chuồng cọp về Trại IV (cấm cố).

Nhiều người bị còng xiềng và đày ải nghiệt ngã lâu ngày đã teo cơ, bại liệt, không đi nổi. Tên Giám thị trưởng ban chuyên môn cho bọn trật tự an ninh sắp hàng đôi từ chuồng cọp về Trại IV dùng roi mây, củi đòn đánh đập man rợ, xua đoàn tù tàn tạ về trại. Người nào bại liệt không đi nổi chúng đưa lên biệt giam ở chuồng bò. Từ đấy, chuồng bò là một trong những khu tập trung giam tù bại liệt.

Đánh đập, khủng bố man rợ hàng trăm trận vẫn không dập được phong trào chống chào cờ. Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ đổi thủ đoạn. Đối với 100 tù án chống chào cờ vừa giải tỏa từ Chuồng Cọp II, giam tại phòng 9 và phòng 10 Trại IV, Nguyễn Văn Vệ cho xả còng, cho nước tắm, ăn no, cấp thêm một cần xé rau muống, cho ăn thịt vích, nghỉ 2 ngày, sau đó đưa đi lao động khổ sai, bắt rào dây thép gai quanh Trại VI vừa xây dựng. Hai anh Vũ Đức Đạo và Hồ Hồng Vân (sinh viên) đã đi đầu trong đợt chống khổ sai làm lao này. Hai anh bị đánh tại chỗ cho đến khi gục xuống. Noi gương 2 anh, cả hai phòng 9 và 10 Trại IV lần lượt chống đợt khổ sai rào thép gai. Họ chấp nhận chế độ cấm cố và sau đó trở lại chuồng cọp.

Trong số tù chính trị bị đày ra Côn Đảo từ sau cuộc tiến công Tết Mậu Thân có gần 500 thiếu niên bị giam ở ba nơi: Công xưởng, Sở ruộng Quang Trung và Sở Rẫy Điền Viên. số ở Công xưởng đông hơn cả (350 em) được hưởng nghiệp một số nghề thủ công cơ khí. Ở Điền Viên có 70 em, còn lại vài chục ở Sở Quang Trung, cũng được hưởng nghiệp về kĩ thuật chăn nuôi, trồng trọt, làm tương...

Nhận rõ các thủ đoạn lừa mị và bóc lột lao động của địch, các em đã tham gia các phong trào đấu tranh chống khổ sai, phá hoại sản xuất, làm thất bại kế hoạch “ngũ niên tự túc” của Nguyễn Văn Vệ. Nhiều thiếu niên đã dũng cảm tham gia phong trào chống chào cờ như Trần Lịch, Đặng Xi, Huỳnh Ngọc Huệ, Lê Văn Hiệp, Sáng... Nhiều người trở thành cốt cán trong phong trào Đồng Khởi (8-1970) ở Trại II, Trại III, Trại V sau này.

Sau cuộc đấu tranh chống mắ ruốc và chống còng tháng 11 năm 1969, địch gom số tù bại lết ở Trại IV về Chuồng Bò, một chi nhánh trực thuộc Trại IV biệt lập do Ban Chuyên môn của Lê Văn Khương trực tiếp phụ trách. Họ bị đói khát lâu ngày, cơ thể tàn tạ và thiếu dinh dưỡng trầm trọng. Giờ tắm nắng, hàng trăm người tù lết ra sân bút từng nắm cỏ cú (cỏ gấu), cỏ mần trâu ăn.

Hai tên ác ôn Lê Văn Khương và Nguyễn Văn Rõng cho bọn trật tự đánh đập họ đổ máu trên sân cỏ, đưa tất cả vào trại rồi cho trật tự nhổ sạch cỏ trong sân, không cho tù ăn. Tên Rõng tuyên bố) “Cỏ này của chính phủ quốc gia. Các anh không chào cờ, không thừa nhận chính phủ quốc gia nên không được ăn”.

Đầu năm 1970, số tù bại lết lên đến 193 người, địch đưa về nhà dù Trại VII. Nhà dù được lập tạm theo kiểu lều dã chiến giữa bãi cát trống thuộc khu vực Trại VII đang xây dựng dở dang. Thiếu tá Nguyễn Văn Vệ cho dựng khu nhà dù này từ tháng 5-1968 theo chỉ thị của Bộ Nội vụ để chuẩn bị tiếp nhận thêm 5.000 can phạm mới bị bắt sau Tết Mậu Thân. Khu vực nhà dù có 4 lều liền nhau, quây bằng tăng (tente) quân dụng của Mỹ, có sạp tre lót sàn nằm trên cát. Ban ngày, hơi cát nóng bốc lên cùng mái tăng hấp nóng hắt xuống thiêu đốt người tù. Nửa đêm, khí đất xông lên lạnh ngắt. Gió thổi cát bụi mù mịt, bữa cơm nào cũng trộn cát.

Tù bại lết vốn là những người đã có một quá trình đấu tranh kiên cường trong tù, đến lúc này vẫn là lực lượng xung kích trong đấu tranh chống địch. Một số cán bộ của Thành đoàn và Đặc khu Sài Gòn - Gia Định hình thành lực lượng nòng cốt trong Ban lãnh đạo tù bại lết, trong đó có Phan Trọng Danh, Đỗ Hoàng Hải (Hồ Thái Hòa), Nguyễn Văn Mẫn, Tôn Thất

Hương (Nguyễn Nam Lộc), Nguyễn Văn Đô, Nguyễn Chơn Trung, Nguyễn Văn Minh (Nguyễn Kiên Trung).

Đợt kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3-2-1970, với danh nghĩa là Đảng ủy, các anh đã tổ chức kết nạp Đảng cho 4 thanh niên là Nguyễn Thân Phước, Ngô Văn Thiều, Tư Ếch, Tuấn. Lễ kết nạp không có cờ, hoa, ảnh Bác, không có văn bản quyết định nhưng xúc động, trang nghiêm. Các đảng viên cũ và mới đã siết chặt tay nhau ứa nước mắt. Người trẻ và người già, tất cả trong họ đã nguyện hiến dâng trọn đời cho lý tưởng cộng sản, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Đợt kỷ niệm sinh nhật Đảng năm ấy đã chuẩn bị tư- tưởng cho một cuộc đấu tranh quyết liệt của tù bại liệt. Mục tiêu của đợt đấu tranh này là đòi đưa tù bại liệt về Sài Gòn chữa bệnh, trước hết cải thiện đời sống, giải tỏa trại dù, đưa về trại cũ. Hình thức đấu tranh là đưa yêu sách, tuyệt thực, hô la, nếu địch không giải quyết sẽ mổ bụng, quyết tử hy sinh để tố cáo. Mở đầu cuộc đấu tranh, ngày 18-2-1970, năm anh Đặng Trung Tâm, Võ Duy Quang, Nguyễn Hân, Trần Khắc Phi và Lê Văn Ngọc tuyệt thực đòi:

1. Thức ăn phải được cải thiện.
2. Khô mắt phải đủ ăn.
3. Phải có đủ nước tắm giặt.
4. Phải đưa về các trại thoáng khí.

Ngày 20-2-1970, địch giải quyết vấn đề thức ăn và nước uống, năm anh kết thúc tuyệt thực. Nhưng ngày hôm đó, một lều khác của nhà dù lại tiếp tục cuộc đấu tranh với các yêu sách:

1. Đưa bác sĩ đến khám và điều trị.
2. Cấp phát rau, tuần 3 lần (từ nhiều tháng qua địch đã không cho tù chính trị chống chào cờ ăn rau).

Tù nhân bại liệt ngồi thành đội ngũ chỉnh tề tại lều, xé quần áo kết thành biểu ngữ, dùng mắt ruốc viết khẩu hiệu:

1. Chúng tôi cực lực phản đối chế độ lao tù hà khắc, giết hại tù nhân.

2. Yêu cầu cải thiện đời sống, có rau, thịt cho tù.
3. Yêu cầu cho gặp Ban quản đốc.

Trưởng Trại VII làm ngơ. Tù nhân bại liệt đã hô la khẩu hiệu suốt 2 ngày. Ngày thứ 3, Ban lãnh đạo quyết định kết hợp cả hai hình thức: hô la và mổ bụng tố cáo. Tám người xung phong quyết tử. Sau khi bình chọn, người thanh niên 23 tuổi Nguyễn Thân Phước thắng cuộc. Thân Phước là người đề ra hình thức mổ bụng trong cuộc đấu tranh này. Trước sự ngần ngại của đồng đội, Thân Phước đã phân tích bằng lý lẽ có sức thuyết phục: “Chúng ta luôn quý trọng sự sống. Nhưng nếu như vì sự hy sinh của một người mà 192 người khác được sống thêm nửa năm nữa chẳng hạn thì tập thể chúng ta sẽ có thêm 96 năm sống để tranh đấu cho Đảng. Vì 96 năm sống ấy, cho tôi được hành động”.

Mười giờ sáng ngày 24-2-1970, Thân Phước rạch bụng, lôi một khúc ruột ra ngoài. Sự phẫn nộ của tù nhân dâng lên tột đỉnh. Tất cả đồng thanh hét vang tưởng như xé toang cả trại tù:

- Đả đảo chế độ lao tù khắc nghiệt!
- Yêu cầu giải toả trại tù, cải thiện đời sống tù nhân.
- Tù nhân mổ bụng tự sát, yêu cầu Ban quản đốc xuống giải quyết.

Địch cho quân xông vào đánh đập dã man và cướp Nguyễn Thân Phước. Những người tù bại liệt đã vây chặt, giữ thi thể Nguyễn Thân Phước, chống trả đàn áp và liên tục hô la khẩu hiệu phản đối. Cuộc hô la và chống trả và đàn áp kéo dài đến 17 giờ chiều, đại úy Nguyễn Phúc Trân, phụ tá Quản đốc đến giải quyết, đưa xe hơi lên chuyển tất cả tù bại liệt về Trại IV, đưa Thân Phước đi bệnh xá.

Phúc trình không số ngày 25-2-1970 của giám thị Trần Văn Du cho biết: “Vào lúc 18 giờ ngày 24-2-1970, số phạm nhân tạm gửi Trại VII, 193 người nay chuyển về Trại IV (...) Can phạm Thân Phước, dính bài 19.226 dùng lưỡi lam mổ bụng dưới sườn phải dài 10 phân, sâu một phân rưỡi (...) Yêu sách đòi tất cả số can phạm bệnh tật tại Côn Sơn được đưa về Chí Hòa chữa bệnh, thức ăn phải có rau cải, tuần 3 lần. Thức ăn đúng giá biểu 10

cent mỗi ngày. Tất cả số can phạm nhân được đưa về Trại IV xong lúc 19 giờ”.

Trước sau, có hơn chục cuộc đấu tranh bằng hình thức mổ bụng để phản đối chế độ nhà tù giết người, song trường hợp người thanh niên Nguyễn Thân Phước mổ bụng tranh đấu cùng tập thể tù chính trị bại絮, tàn phế lần ấy đã gây xúc động lớn, khích lệ hàng ngàn tù nhân Côn Đảo vùng dậy trong năm 1970.

Hai tên giám thị ác ôn Lê Văn Khương và Nguyễn Văn Rồng, Trưởng và Phó ban chuyên môn nắm trọn quyền sinh quyền sát với số tù nhân chống đối tại khu vực cấm cố: Trại IV, Trại I, chuồng cạp, chuồng bò. Lê Văn Khương tiếp tục siết bóp đời sống số tù nhân chống đối, hòng làm cho họ suy sụp về cơ thể, mòn mỏi về tinh thần, tàn lụi ý chí đấu tranh, nhưng hãn đã làm.

Ngày 24-4-1970, tù bại lết phòng 9 Trại IV nổ ra cuộc đấu tranh đòi cấp rau và thịt. Trong 2 tháng qua, địch vẫn không cấp rau và chỉ cho ăn thịt có một lần. Mở đầu một cuộc đấu tranh, 9 người tù bại lết ở phòng 9 đã xung phong tuyệt thực là Thích Hành Tuệ, Trần Văn Hải, Huỳnh Thành Minh, Phan Nhượng, Lê Văn Động, Ngô Mờ, Nguyễn Văn Thoại, Đào Duy Nghệ và Lê Văn Ngọc.

Ngày 28-4-1970, Lê Văn Khương đưa bọn trật tự đến đàn áp, phân tán xuống chuồng cạp. Trong đợt đàn áp ấy, Hòa thượng Thích Hành Tuệ cùng 3 người nữa đã mổ bụng để phản đối. Vừa chống trả địch, tù nhân Trại đã hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo đàn áp tù bại lết”.

Máu chảy - ruột mềm, toàn thể tù chính trị câu lưu Trại I, nữ tù chính trị ở chuồng cạp, tù binh ở Trại đã hô la ủng hộ cuộc đấu tranh của tù bại lết. Địch dùng vòi bột và củi đòn đàn áp toàn bộ khu vực Trại I, Trại IV, Trại V và chuồng cạp.

Cuộc đấu tranh của tù bại lết vẫn tiếp diễn. Ngày 1-5-1970, thêm 9 người khác tiếp tục tuyệt thực: Võ Duy Quang, Ngô Văn Thiều, Cao Văn Chín, Nguyễn Văn Thê, Châu Văn Cử, Huỳnh Công Thuận, Tô Ấch, Trần Văn

Tư và Bồ Minh Biện. Địch phân tán mỗi người một chuồng, đê từng người cán miệng chích thuốc, đổ nước cháo và cơm.

Tù chính trị câu lưu Trại I, nữ tù chính trị ở chuồng cọp, tù binh ở Trại V đã hô la ủng hộ cuộc đấu tranh của tù bại liệt. Địch dùng vôi bột và củi đòn đàn áp toàn bộ khu vực Trại I, Trại IV, Trại V và chuồng cọp.

Cuộc đấu tranh của tù bại liệt bước vào giai đoạn quyết liệt. Ngày 1-5-1970, thêm 9 người khác tiếp tục tuyệt thực: Võ Duy Quang, Ngô Văn Thiều, Cao Văn Chín, Nguyễn Văn Thê, Châu Văn Cừ, Huỳnh Công Thuần, Tô Ấch, Trần Văn Tư và Bồ Minh Biện. Địch phân tán mỗi người một chuồng, đê từng người cán miệng chích thuốc, đổ nước cháo và cơm.

Ngày thứ 7, Cao Văn Chín mổ bụng, tất cả các chuồng lại phát loa, thông báo, hô la làm náo loạn chuồng cọp. Tập thể phụ nữ ở chuồng cọp cùng tù chính trị Trại I, Trại IV, Trại V đều hô la hưởng ứng cuộc đấu tranh của tù bại liệt. Địch dờ mái ngói, trút vôi bột trấn áp các cuộc hô la, sau đó chúng xối nước làm cho vôi bột ăn lở loét da thịt, làm rụng tóc người tù. Ngày 17-5-1970, địch mới giải quyết một phần yêu sách.

Những đợt đấu tranh quyết liệt của tù bại liệt từ Trại IV, chuồng bò đến Trại VII, chuồng cọp, cùng với phong trào đấu tranh của hơn 300 nữ tù chính trị tại chuồng cọp đã trở thành ngọn cờ thôi thúc phong trào đấu tranh chống chà đạp của toàn thể tù chính trị Côn Đảo.

Nữ tù chuồng cọp và vụ chuồng cọp Côn Đảo

Trong những năm 1966-1968, lực lượng nữ tù chính trị bị giam ở Trại V và chuồng cọp đã trở thành lực lượng trung kiên, sát cánh với tập thể tù chính trị câu lưu và tập thể tù án chính trị chống chào cờ tại chuồng cọp. Tinh thần đấu tranh kiên cường của tập thể nữ tù chính trị có tác dụng như một ngòi thuốc súng, làm bùng lên một cao trào đấu tranh trong lực lượng tù án chính trị.

Tháng 8-1966, ngục quyền Sài Gòn đày 36 phụ nữ chống đối lâu năm từ các nhà lao đất liền ra Côn Đảo, giam ở Trại V. Trại V khi ấy có một bộ phận tù binh và một bộ phận tù câu lưu dân sự mới bị đưa ra. Tập thể nữ tù chính trị là lực lượng kiên cường tranh đấu. Các chị tuyên bố chống chào cờ, chống nội quy, chịu chế độ cấm cố khắc nghiệt.

Năm 1967, các chị đã tuyệt thực 10 ngày đòi cải thiện đời sống, đòi đưa về đất liền. Chị Nguyễn Thị Bé đã dùng dao lam mổ bụng trước mặt tên đại úy Nguyễn Phúc Trân, phụ tá Quản đốc để phản đối hành động man rợ của chúng đối với phụ nữ. Cuối năm 1968, địch đưa 36 phụ nữ ở Côn Đảo về Nhà lao Thủ Đức.

Sau cuộc tổ chức lễ tang Bác tại các nhà lao Thủ Đức, Chí Hòa (9-1969), ngục quyền Sài Gòn đày 342 phụ nữ và 2 cháu bé ra Côn Đảo ngày 29-11-1969. Tất cả bị giam ở Chuồng Cọp, mỗi chuồng 5 người. Bất chấp nội quy, các chị đã liên hệ công khai, đấu tranh đòi tăng khẩu phần ăn, đòi trả quần áo, vận dụng vệ sinh, đòi được tắm giặt, có thuốc trị bệnh, đòi cho các chị có thai ra bệnh xá sinh nở.

Bọn gác ngục đã nhiều lần dàn áp bằng vòi bột và sào nhọn bịt đồng Bản Sơ kết tình hình Nhà lao Côn Đảo của Trung ương Cục soạn thảo năm 1974 đã đánh giá: “Từ cuối năm 1969 đến tháng 8-1970, đội ngũ chị em phụ nữ ở chuồng cọp là ngọn cờ hiệu triệu dũng cảm nhất, kiên quyết nhất, làm cho địch khiếp sợ, góp phần động viên phong trào toàn đảo”.

Đầu năm 1970, tập thể nữ tù chính trị ở chuồng cọp đã tổ chức học tập Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà một số người có trách nhiệm đã chép được từ Nhà lao Chí Hòa. Bản Di chúc được chuyển tay trong số cốt cán ở các chuồng. Vào thời điểm thuận lợi, số cốt cán trong mỗi chuồng sẽ truyền miệng từng đoạn Di chúc của Bác Hồ kính yêu cho những người cùng chuồng.

Chị Lê Hồng Quân, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn biệt động nữ mang tên Lê Thị Riêng đã phổ biến Di chúc của Bác cho tập thể 14 chị em què lết, tàn tật ở gian hầm đá nổi số một đối diện với chuồng cọp II vào đúng dịp 19-5-1970.

Bọn gác ngục lợi dụng đặc điểm sinh lý của phụ nữ để kìm kẹp không chế các chị. Hình phạt tồi tệ mà chúng thường áp dụng là không cho tắm, không cho nước rửa, không cho đổ thùng cầu. Có lúc chỉ vì không chịu khai tên tuổi, chúng phạt 19 chuồng phụ nữ, không cho đổ thùng cầu, chuồng lâu nhất bị phạt 53 ngày.

Không có đồ dùng vệ sinh, các chị phải xé quần áo rách ra dùng mỗi kỳ có kinh, dùng nước tiểu mà giặt, quạt cho khô dùng tiếp. Chuồng cọp lúc nào cũng nồng nặc mùi hôi hám, khó chịu. Khi hết cả những mảnh áo rách, các chị phải ngồi trên thùng cầu hoặc trên những tấm nilon trong suốt thời kỳ có kinh, lâu lâu lại trút vào thùng cầu.

Trong suốt 8 tháng ở chuồng cọp, các chị chỉ được ăn 3 lần thịt heo, 3 lần rau xanh, còn lại là tương chua và mắm ruốc xấu. Thêm vào đó là các trận đòn áp bằng vôi bột làm cho cơ thể suy sụp rất nhanh. Rệp ở chuồng cọp rất nhiều, chúng phụ họa với bọn gác ngục xâu xé các chị. Chống rệp không khác gì chống giặc. Mỗi đêm các chị giết hàng trăm con, vệt máu giết rệp đỏ bầm khắp tường mà cuộc chiến đấu không đêm nào kết thúc. Ở các chuồng giam tù nam giới, tình cảnh cũng diễn ra tương tự.

Song song với các thủ đoạn đàn áp, kẻ địch còn dùng biện pháp mua chuộc, phân hóa, tách được 25 phụ nữ cầu an ra khỏi đội ngũ. Số này chịu điều kiện, chấp hành nội qui, chịu chào cờ ngụy, được chúng ưu ái cho mở chuồng suốt ngày, cho gửi thư, nhận tiền của gia đình, được đi chợ mua gạo

và thực phẩm về nấu ăn. Sinh hoạt trong tù cỡ đó cũng xem như “thần tiên” giữa chốn “địa ngục trần gian”. Những nữ tù kiên trung thuở ấy còn nhớ mãi kỷ niệm sâu sắc về bà Sáu Mù.

Tên thật của bà là Nguyễn Thị Chi, quê Quảng Nam, mắt đã lòa, nhưng bà vẫn đứng vững trong tập thể chiến đấu, chống chào cờ, chống nội quy, chịu mọi cực hình ở chuồng cọp I. Tóc bạc, lưng còng, mắt mờ, sức yếu, bà thường nép mình vào một xó chuồng, đôi tay run rẩy, rờ rẫm trên đầu gối mình, lơ đãng lắng nghe mọi âm thanh đơn điệu xung quanh chuồng 27.

Tháng 6-1970, trong một lần xáo trộn, bà Sáu Mù được đưa về chuồng 24, nơi giam những phụ nữ đã chịu điều kiện. Họ cũng thương bà, kính phục bà. Đến bữa thấy khẩu phần ăn có đĩa rau muống và nửa hột vịt luộc nóng hổi và thơm phức, bà biết ngay là đang ở chung với số phụ nữ chịu điều kiện, chấp hành nội quy. Bà gắp miếng hột vịt lên rồi lại bỏ xuống, trào nước mắt, bỏ cơm, xin về lại chuồng 27 chung với tập thể chiến đấu, với tương chua, mắm ruốc nặng mùi quen thuộc của chế độ kỷ luật.

Hình ảnh bà má Sáu Mù gần 70 tuổi giam chung với các nữ sinh 15 tuổi và các nhà sư bị hành hạ trong chuồng cọp đã được phái đoàn nghị sĩ Mỹ phơi bày trước dư luận quốc tế vào tháng 7-1970, trong vụ phát hiện ra những sự thật kinh khủng tại Chuồng Cọp Côn Đảo.

Vụ “chuồng cọp Côn Đảo” đã tạo nên một chấn động chính trị, phơi bày sự dìm lú thối nát của chính quyền Mỹ tại Nam Việt Nam. Vào tháng 6 năm 1970, một Ủy ban điều tra của Hạ nghị viện Mỹ đã đến Sài Gòn để điều tra về các khoản viện trợ Mỹ cho Nam Việt Nam.

Cùng thời điểm đó, Bản tường trình của 5 sinh viên học sinh Cao Nguyên Lợi, Nguyễn Thanh Tòng, Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Văn Long, Nguyễn Minh Trí về một địa ngục có thật tại Chuồng Cọp Côn Đảo mà họ vừa trải qua đã được đọc trước Liên Ủy ban Nội vụ - Tư pháp định chế - Xây dựng nông thôn của Hạ nghị viện ngụy, phiên họp ngày 19-6-1970. Bản tường trình được in rồi phân phát trong hội nghị và giới báo chí. Nhờ đó mà nhà báo Don Luce đã tìm cách gặp những sinh viên này và được họ chỉ dẫn sơ đồ chuồng cọp Côn Đảo.

Ngày 2-7-1970, hai dân biểu Mỹ Augustus Hawkins và William Anderson đã tách ra khỏi đoàn, bay ra Côn Đảo. Don Luce tháp tùng chuyển đi với danh nghĩa phiên dịch. Luce năm ấy 35 tuổi, là thư ký Hội đồng Nhà thờ thế giới, từng là Giám đốc cơ quan tình nguyện quốc tế ở Việt Nam, nói thạo tiếng Việt.

Trong lời tường thuật trước giới báo chí, hai dân biểu Mỹ khẳng định rằng, các ông đã tận mắt thấy: “Khoảng 500 người bị giam trong các chuồng cọp... Có những tu sĩ phật giáo... Có nhiều phụ nữ từ 15 đến 70 tuổi, có cả những bà già bị mù mắt... Họ bị giam giữ chỉ vì đấu tranh cho Hòa bình... Họ bị bỏ đói, bỏ khát bị nhốt như những con vật trong các chuồng cọp... Họ bị ngạt thở vì người ta tung vôi bột vào trừng phạt họ... Trong bảy tháng họ chỉ được ăn rau có 3 lần... Nhiều người trong số đó bị còng lâu ngày đến mức không thể đứng lên bằng đôi chân của mình được nữa... Đó là sự đối xử kinh khủng nhất đối với con người mà chúng tôi chưa bao giờ được thấy...”.

Dân biểu Anderson đã chỉ trích các nhân viên của cơ quan AID của Mỹ làm nhiệm vụ cố vấn cho chính phủ Nam Việt Nam về chế độ nhà tù.

Ngày 7-7-1970, nhiều Hãng thông tin phương Tây như UPI, AP (Mỹ), AFP (Pháp), Roitơ (Anh) đã đưa một loạt tin về cuộc họp báo của 2 dân biểu Augustus Hawkins và William Anderson về thực trạng kinh khủng mà những người tù chính trị đang phải chịu đựng ở Chuồng Cọp Côn Đảo. Dân biểu Hawkins, một trong 12 thành viên của Ủy ban điều tra Hạ nghị viện Mỹ đến Việt Nam đã tuyên bố từ chức để phản đối Ủy ban này bưng bít sự thật về tội ác của cố vấn Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn tại Côn Đảo, nhất là trong các chuồng cọp. Hawkins cho biết, trong bản báo cáo dày 70 trang của Ủy ban này, chỉ có một đoạn nói về Nhà tù Côn Đảo.

Bài viết về vụ chuồng cọp Côn Đảo của John Helmul và Don Luce đăng trên tạp chí TIME, phát hành hàng triệu bản trên khắp toàn cầu cuối tháng 7-1970 đã làm chấn động dư luận thế giới về sự khủng khiếp của nhà ngục của Mỹ ngụy tại Nam Việt Nam.

Những ngày tiếp theo, nhiều tờ báo lớn ở Mỹ, Pháp, Nhật, Italia, Cộng Hòa Liên bang Đức, Cộng Hòa Dân chủ Đức, Tiệp Khắc, Liên Xô... đã đưa tin và dẫn lời của 2 dân biểu Mỹ, lên án tội ác của Mỹ - nguy tại chuồng cọp.

Lời tố cáo của 2 dân biểu Mỹ là xác đáng, tuy nhiên, đó chỉ là một phần nhỏ về sự thật tội ác của Mỹ nguy mà hai ông tận mắt chứng kiến. Song sự thật bé nhỏ ấy đã thức tỉnh lương tri nhân dân Mỹ và nhân loại tiến bộ, rằng chính phủ Mỹ đang tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược đầy tội lỗi và sự nhơ bẩn của hàng chục tỉ đô la viện trợ mỗi năm để bảo hộ cho một chính quyền tay sai tàn bạo, phi nhân tính.

Bản tin Việt Nam Thông tấn xã, Thông tấn xã Giải phóng đã đưa tin lên án tội ác của Mỹ - nguy đối với tù chính trị Côn Đảo, chỉ trích gay gắt bọn cố vấn Mỹ, chúa đảo Nguyễn Văn Vệ, trưởng ban chuyên môn Lê Văn Khương. Tờ Tin Sáng xuất bản tại Sài Gòn ngày 15 và 16-7-1970 đã đăng toàn bộ thiên phóng sự của Don Luce về chuồng cọp Côn Đảo, khởi đầu cho phong trào đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù ở miền Nam Việt Nam.

Trước áp lực của dư luận, nguy quyền phải mở cửa chuồng cọp, quét dọn sạch sẽ. Trung tuần tháng 7-1970 dịch chuyển số tù án chống chào cờ về chuồng bò, chuyển toàn bộ phụ nữ về Trại V. Sau đó chúng cho tay chân đập phá vách ngăn và dàn song sắt chuồng cọp II, dỡ một phần mái ngói chuồng cọp I, đưa các đoàn báo chí ra quay phim, chụp hình.

Về Trại V, tập thể nữ tù chính trị nhanh chóng củng cố tổ chức, hình thành Ban cán sự tại mỗi phòng để lãnh đạo toàn diện các hoạt động của tù nhân. Các chị tiếp tục đấu tranh đòi đưa về đất liền, trả tự do, trong khi chờ đợi trả tự do phải được cải thiện đời sống, có thuốc men trị bệnh, được nhận thư và bưu kiện tiếp tế của gia đình. Tháng 11-1970, nguy quyền đưa tất cả phụ nữ tù về Nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa).

Đồng khởi chống khổ sai và chống chào cờ

Từ đầu năm 1970, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thư đầu năm (1970) của Trung ương Cục gửi các đồng chí trong các nhà lao đã được bóp Đường dây Côn Đảo chuyển cho các trại tù chính trị. Xúc động về Di chúc Bác Hồ và phấn khởi về chủ trương chỉ đạo của Trung ương Cục, tù chính trị các trại tù khổ sai đã thảo luận một phương án vùng lên tranh đấu.

Tinh thần đấu tranh kiên quyết của nữ tù chính trị, của tù chính trị chống chào cờ và tù bại liệt ở chuồng cọp, chuồng bò, nhà dù Trại VII dồn dập từ đầu năm 1970 đã tạo khí thế mới, thôi thúc phong trào, nhất là từ khi vụ “chuồng cọp Côn Đảo” được phơi bày trước dư luận quốc tế.

Theo một báo cáo của tù chính trị do bộ phận Đường dây Côn Đảo tổng hợp ngày 23-11-1970 gửi Trung ương Cục miền Nam, Ban lãnh đạo các trại tù khổ sai đã tập hợp ý kiến của tù chính trị các phòng, các trại và thông nhất phát động một đợt đấu tranh qui mô toàn đảo mang tên tháng Tám nhằm:

- Chống khủng bố, phá lỏng kìm kẹp, giành quyền làm chủ.
- Hạ uy thế địch, nâng cao uy thế tù chính trị. Mở đầu cho thời kì tiến công chính trị, phối hợp với cuộc đấu tranh tố giác Mỹ - nguy ở bên ngoài.
- Tích cực xây dựng lực lượng, chuẩn bị đón thời cơ mới.
- Thiết thực kỉ niệm ba ngày lễ lớn: 19-8, 2-9, 3-9 và cùng là hành động cụ thể làm theo Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu.

Bản sơ kết tình hình Nhà lao Côn Đảo cho biết, cuộc đấu tranh đã diễn ra sôi nổi với các hình thức trực diện, đưa yêu sách, bãi công đòi hạ mức khổ sai, cải thiện đời sống, loại trật tự, mật báo ra khỏi phòng, bầu đại diện, làm chủ sinh hoạt trong các phòng giam kết hợp chống chào cờ. Phương châm đấu tranh là: bất ngờ, khẩn trương, đồng loạt, nhân nhượng, chú trọng yêu cầu dân sinh (hạ mức khổ sai) nhưng bám chắc yêu cầu chính trị (chống chào cờ, loại ác ôn, bầu đại diện).

Ngày 11-8-1970, Sở Cui đưa yêu sách hạ mức khổ sai, củi chẻ từ 4 tấc xuống 3 tấc, củi đòn từ 7 tấc xuống 5 tấc, đòi tăng thực phẩm, chấm dứt khung bố đánh đập, loại bỏ giám thị, trật tự ác ôn ra khỏi sở. Cùng ngày, các sở cử người trực diện đưa yêu sách cho Ban Quản đốc, đòi giảm giờ làm, thêm thức ăn, cấp rau cải, thuốc chữa bệnh, thêm người làm rẫy cải thiện. Kíp lao công nội trại và Nhà bếp đòi nghỉ bù ngày chủ nhật.

Ngụy quyền Côn Đảo hết sức lúng túng, chúng hứa sẽ chuyển các kiến nghị của tù nhân về Bộ Nội vụ. Tù nhân tiếp tục đấu tranh. Sở Rẫy Đông Phong bãi công phản đối tên chủ sở gian ác.

Bước vào giai đoạn 2, toàn thể Trại III, Sở Vệ Sinh, Sở Ruộng và Lò Gạch, các phòng mẫn án câu lưu của Trại VI đấu tranh đòi được bầu đại diện phòng, đại diện trại, loại bỏ ác ôn, tăng thực phẩm. Địch chấp nhận việc bầu đại diện, còn yêu sách tăng thực phẩm, chúng hứa chuyển về Bộ. Ngày 16-8-1970, Trại III và ba sở của Trại II bầu xong đại diện, bỏ trật tự ác ôn, mật báo tự động rút lui khỏi các phòng.

Nắm được bước phát triển của phong trào, Ban lãnh đạo Trại II và Trại III quyết định phát động đấu tranh chính trị, chống chào cờ. Ngày 21-8-1970, toàn thể Trại III nhất loạt chống chào cờ. Tù chính trị Trại II cũng đưa toàn bộ yêu sách, tuyên bố bãi công chờ Ban Quản đốc nhà tù giải quyết, đồng thời chống chào cờ ngay lúc đó. Địch đưa tất cả vào cấm cố.

Lực lượng tù bại lết ở Sở Muối trực diện đưa yêu sách chống khô đặng, đòi cấp rau xanh 3 ngày một lần, phát quần áo năm 1970. Sau 3 ngày địch không giải quyết, anh em đã lết ra đường, căng biểu ngữ, hô khẩu hiệu đấu tranh. Địch đàn áp làm 15 người bị thương nặng.

Ngày 24-8-1970, thiếu tá Nguyễn Văn Vệ gửi Công điện thượng khẩn số 472/TTCH/CS/M/ZZ về Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia xin lực lượng cảnh sát dã chiến cơ động ra đàn áp. Nha cảnh sát quân khu 3 được lệnh chuẩn bị một đại đội cảnh sát dã chiến, trang bị đầy đủ dụng cụ chống bạo động, dự trữ phương tiện cần thiết để sẵn sàng không vận ra Côn Sơn khẩn cấp khi tình hình đòi hỏi.

Ngày 31-8-1970, gần 100 tù nhân Công Xưởng, 50 tù nhân Sơ ruộng Quang Trung và gần 300 tù nhân làm lao công xây dựng lao mới (Trại VI, Trại VII và Trại VIII) đã bãi công, vào cấm cố. Hơn 4.000 tù chính trị đồng loạt chống chào cờ và chống khổ sai đã tạo một uy thế chính trị vô cùng to lớn, làm chuyển biến tương quan lực lượng, mở màn cho một giai đoạn đấu tranh quyết liệt với địch.

Toàn bộ sinh hoạt trên đảo dựa trên lao động khổ sai của tù nhân nay bị ngừng trệ. Ngụy quyền Côn Đảo phải sử dụng bọn trật tự an ninh và trại sinh tiểu đoàn tâm lý chiến thí điểm vào việc dọn vệ sinh, đốn củi, phục dịch trong cư xá giám thị và khu gia đình. Ngày 3-9-1970, toàn thể các trại đều làm lễ tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, học tập Di chúc Bác Hồ và kiểm điểm quá trình đấu tranh trong tù. Sau này, tù chính trị Côn Đảo gọi đợt tranh đấu tháng 8-1970 là cao trào Đồng khởi chống khổ sai và chống chào cờ.

Được tăng cường một đại đội cảnh sát dã chiến, Nguyễn Văn Vệ đưa tối hậu thư vào tất cả các phòng, buộc tù nhân đầu hàng vô điều kiện (chấp hành nội quy, chào cờ, làm khổ sai), nếu không chúng sẽ dùng biện pháp mạnh. Các phòng đều trả lại tối hậu thư.

Ngày 5-11-1970, Nguyễn Văn Vệ tập trung toàn bộ giám thị, trật tự và cảnh sát dã chiến lần lượt tiến công từng trại. Hàng trăm tù nhân đã bị thương tích nặng vì lựu đạn cay, dùi cui, gậy gộc. Sau 3 tháng đàn áp, có đến một phần ba số tù chính trị chống chào cờ bị bức rời hàng ngũ, còn “đậu” được 2.640 người. Đó là con số kỷ lục về chống chào cờ sau những trận đàn áp khốc liệt từ trước đến nay.

Bất lực, Nguyễn Văn Vệ bị cách chức, ngụy quyền Sài Gòn đưa trung tá Cao Minh Tiếp ra thay. Vốn là sĩ quan tình báo đã được nhiều lần tu nghiệp ở Mỹ, từng làm Giám đốc Trung tâm tình báo hỗn hợp Việt - Mỹ phụ tá Tổng thư ký ủy ban Phụng hoàng Trung ương, Cao Minh Tiếp thực hiện nhiều thủ đoạn nham hiểm và thâm độc.

Ra Côn Đảo tháng 2-1971, Tiếp huy động tất cả các nguồn thực phẩm cho tù nhân ăn tết cổ truyền. Hẩn tự tay viết thư chúc tết tù nhân, và đặt

thăng vấn đề “hợp tác sản xuất” giữa tù nhân và nhà tù, nêu khẩu hiệu “tự túc tự cấp - có làm, có hưởng”. Cao Minh Tiếp trả lại sinh hoạt bình thường cho các trại cấm cố, cấp hộ vẹt, coi như phần ăn phụ trội, mở hội nghị đại diện tù nhân các trại để thăm dò nguyện vọng mà thực chất là ráo riết chuẩn bị cho âm mưu:

- Lừa mị để chiêu hồi sản xuất
- Đàn áp để đánh rã số chống chào cờ ngoan cố
- Thanh lọc tù nhân, phân vùng giam giữ.

Tuy nhiều thủ đoạn, Cao Minh Tiếp vẫn bất lực. Tù chính trị tẩy chay khẩu hiệu “tự túc, tự cấp - có làm, có hưởng”, mặc dù hẳn đã tăng mức hưởng lợi từ 25% lên 40%, 60%, 80% rồi 100%.

Bất chấp sự đàn áp, khủng bố, số tù chính trị chống chào cờ vẫn tăng lên đến hơn 3.000 vào tháng 7- 1971. Cao Minh Tiếp ráo riết thúc đẩy việc xây dựng khu biệt lập Trại VII (chuồng cọp Mỹ), và thanh lọc tù nhân, thực hiện chiến lược phân vùng giam giữ. Trong tháng 11 và tháng 12-1971, Tiếp chỉ huy nhiều trận đàn áp, xé phòng đồn trại, đưa trên 1.000 tù án chính trị mà chúng xem là cốt cán, biệt giam về Trại VII đưa hơn tám trăm tù chính trị câu lưu từ Trại I về Trại VI khu B. Chiến lược phân vùng giam giữ của Cao Minh Tiếp chia Côn Đảo thành 3 khu vực:

- Khu vực I gồm Trại II, Trại III và các Sở tù khổ sai là nơi giam giữ số tù nhân chấp hành nội quy, chịu làm khổ sai,
- Khu vực III gồm Trại VI, Trại VII, và Trại VIII là nơi cấm cố các phần tử cốt cán, cầm đầu, khó cải tạo.
- Khu vực II gồm Trại I, Trại IV và Trại V là khu đệm, vừa có cấm cố, vừa khổ sai, chờ thanh lọc, phân loại.

Tháng 5-1972, thực hiện xong chiến lược phân vùng giam giữ, ngăn chặn đấu tranh, Cao Minh Tiếp được thăng chức đại tá, làm Giám đốc Nha cải huấn, trung tá hải quân Đào Văn Phô ra Côn Đảo kế vị.

Nhằm đối phó với cuộc tiến công mùa hè 1972 của quân và dân ta, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra Sắc lệnh 271-TT/SL ngày 10-5-1972 ban bố

tình trạng khẩn trương, thiết quân luật trên toàn lãnh thổ Việt Nam cộng hòa.

Ngày hôm sau, 11-5-1972, Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia ngụy cho di tản ngay 828 người tình nghi là cộng sản vừa bị bắt ở Thừa Thiên ra Côn Đảo, trong số đó có 515 nam, 313 nữ, ngoài ra còn có 36 trẻ em từ một đến 9 tuổi bị bắt theo mẹ. Phiếu trình số 878/ĐB/E225 ngày 2-6-1972 của Trưởng khối cảnh sát đặc biệt cho biết, Côn Đảo khi đó có 8.441 tù nhân, trong đó có 2.924 can cứu cộng sản an trí, 4.237 can phạm thành án và 828 nghi can cộng sản.

Đợt di tản thứ 2 có 398 nghi can bị đày ra Côn Đảo ngày 13-6-1972. Tất cả đều là thường dân ở các quận Phú Cam, Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên, không rõ tội trạng, không có hồ sơ, án tiết, chỉ có một bản danh sách ghi "tình nghi hoạt động cho cộng sản".

Từ ngày 22-6 đến 6-7-1972, Bộ chỉ huy cảnh sát Quốc gia Sài Gòn đã cử 3 toán cảnh sát đặc biệt, tổng cộng 23 tên do thiếu tá Lê Kim Vũ làm Trưởng đoàn ra Côn Đảo thẩm vấn và phân loại. Phiếu trình số 966/BTL/CSQG/ĐB/E2 ngày 26-6-1972 cho biết: "Việc phân loại phải thực hiện trong thời gian 60 ngày. Côn Đảo đang lập thêm một trại giam bằng lều vải để tiếp nhận thêm can phạm từ đất liền đưa ra".

Từ cuối năm 1972, ngụy quyền Côn Đảo ráo riết phân loại tù nhân, xé phòng đồn trại nhằm thực hiện âm mưu ém dấu tù chính trị, chuyển án chính trị thành thường phạm. Cuộc đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo bước vào giai đoạn mới, quyết liệt và mạnh mẽ, trên cơ sở pháp lý của Hiệp định Paris (1973).

Tiểu đoàn tâm lý chiến thí điểm

Bất lực trước phong trào chống chào cờ ngày càng dâng lên mạnh mẽ, chúa đảo Nguyễn Văn Vệ cùng phái đoàn cố vấn Mỹ tại Côn Đảo đã soạn thảo “Chương trình tâm lý chiến Côn Sơn” thay cho chính sách cải huấn thực thi trong nhiều năm qua đã thật sự phá sản. Chương trình này đưa ra dự án xin 300 sĩ quan tâm lý chiến của quân đội ngụy để thành lập 10 tiểu đoàn tâm lý chiến, được tuyển mộ trong số tù chính trị Côn Đảo. Phiên họp Hội đồng Nội các ngụy ngày 26-9-1969 chấp thuận cho thành lập một tiểu đoàn thí điểm với Sự trợ giúp hữu hiệu của các cố vấn Mỹ và Đài Loan.

Tổng cục chiến tranh chính trị ngụy đã tuyển chọn 30 sĩ quan tâm lý chiến, biệt phái qua Nha cải huấn, giao cho cố vấn Mỹ và cố vấn Đài Loan huấn luyện 4 tuần về quản trị khám đường, thực tập 2 tuần tại khám Chí Hòa. Tháng 5-1970, thiếu tá Nguyễn Văn Vệ được cử làm Trưởng đoàn đưa 30 tên sĩ quan tâm lý chiến đi thụ huấn tại Đài Loan trong 5 tuần lễ.

Sau khoá huấn luyện, trung tá YINKANG cầm đầu một đoàn cố vấn tâm lý chiến của Trung Hoa dân quốc bay ra Côn Đảo, cùng cố vấn Hoa Kỳ và Trung tâm cải huấn Côn Sơn tuyển lựa 800 tù chính trị “theo tiêu chuẩn an trí trên một năm, biết đọc, biết viết, “hạnh kiểm tốt”, lập thành 5 đại đội, 15 trung đội, dưới quyền một sĩ quan tiểu đoàn trưởng, 5 đại đội trưởng, 15 trung đội trưởng và một Ban tham mưu”.

Địch chọn vào Tiểu đoàn tâm lý chiến thí điểm hầu hết số tù mới bị bắt từ sau cuộc tiến công Tết Mậu Thân (1968), chưa có án tiết và chưa có biểu hiện chống đối. Từ khi họ ra Côn Đảo, ngụy quyền đã giam riêng ở Trại VI khu A, vừa được xây dựng. Trại VI A được tổ chức theo kiểu quân sự hóa, kết hợp với hình thức tự quản của tù nhân. Bọn sĩ quan tâm lý chiến dùng quy chế quân sự để quản trị thay cho quy chế nhà tù.

Chúng không gọi tù nhân là can phạm, can cứu mà gọi là trại sinh. Trại sinh mặc quần áo lính ngụy, không đeo phù hiệu, được sinh hoạt tự do

trong trại, được tự do tranh luận với các sĩ quan tâm lý chiến. Thông qua tranh luận, chúng loại dần các trại sinh có tư tưởng chống đối.

Chương trình tâm lý chiến huấn luyện 216 giờ giáo dục công dân, 172 giờ văn hóa, 517 giờ chính trị, 612 giờ hướng nghiệp, 70 giờ văn nghệ, 72 giờ thể dục, 156 giờ khảo hạch.

Phiếu trình số 4456/BNV/CH/10 ngày 12-12-1971 của Giám đốc Nha cải huấn Nguyễn Phú Sanh gửi Thủ tướng ngụy cho biết: Trong số 800 trại sinh thuộc tiểu đoàn tâm lý chiến thí điểm, có 426 người đã chống lại dưới nhiều hình thức, còn lại 374 người theo học hết chương trình. Mãn khoá (từ 31-8-1970 đến 29-10-1971), 368 trại sinh đủ điểm để phóng thích. Trại sinh Hồ Văn Tư (tự Út Oanh), đình bài 11524 thuộc tỉnh Vĩnh Long “đậu” thủ khoa. Trại sinh Đinh Thái Bình (bí danh Tư Bê, Giá Rai, Bạc Liêu) trước khi mãn khoá đã lên văn phòng tiểu đoàn một tháng viết phản tính, hiến kế đánh phá Việt Cộng. Hai trại sinh Lý Văn Thắng, đình bài 13264 ở Kiên Giang và Nguyễn Văn Chiến, đình bài 13745 ở Sóc Trăng đã xin ở lại làm mật bảo viên cho tiểu đoàn ở khoá học tiếp theo mà không cần hưởng thù lao.

Trung tá Nguyễn Mẫu, trưởng khối cảnh sát đặc biệt đã lập phiếu trình ngày 25-12-1971, đề nghị Tư lệnh Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia chấp thuận đề nghị của Nha cải huấn: “Tăng cường và bành trướng đoàn cán bộ tâm lý chiến để có thể cung ứng ít nhất cho 4 trung tâm ở đất liền là Thủ Đức, Tân Hiệp, Sài Gòn và Trung tâm thiếu nhi Đà Lạt”.

Theo chủ trương này, Tiểu đoàn Tâm lý chiến khóa II đã được thành lập vào tháng 4-1972, song tiểu đoàn này chết yếu sau đó một tháng.

Đảng bộ Lưu Chí Hiếu

Đối với tập thể tù chính trị câu lưu Trại I, bọn gác ngục đã bất lực không khuất phục được về chính trị, chúng thực hiện các thủ đoạn giam giữ họ trong khuôn khổ kỷ luật nhà tù, lúc nới lỏng, lúc xiết chặt, tùy theo tình hình.

Tháng 2-1971, trung tá Cao Minh Tiếp ra nhận chức chúa đảo, thực thi chương trình “chiêu hồi sản xuất”, xoa dịu tình hình, chế độ lao tù đỡ phần khắc nghiệt. Tù chính trị câu lưu được ra sân chơi, được quản trị Nhà bếp, trồng rau cải thiện, mỗi tháng được đôi lần ăn cá tươi. Tháng 8-1971, Cao Minh Tiếp ra lệnh cấm cố trở lại, tước quyền quản trị Nhà bếp, bữa ăn chỉ còn cơm hẩm và mắm thối.

Ban lãnh đạo tù chính trị câu lưu Trại I quyết định phát động một đợt đấu tranh nhằm:

- Mục đích yêu cầu: Đòi nới rộng từng phần về đời sống, hạn chế sự siết bóp của địch, phối hợp với phong trào đấu tranh chung trên đảo và gắn với phong trào đấu tranh chính trị bên ngoài, lấy đấu tranh để củng cố và xây dựng nội bộ.

- Khẩu hiệu, yêu sách: Đòi trả tự do cho tù chính trị không án (câu lưu) và mãn án, đưa về đất liền trị bệnh cho người già yếu, trong lúc chờ trả tự do phải cải thiện đời sống.

- Hình thức đấu tranh: Trực diện yêu sách, dư luận phản ứng, thông báo hô la, vận động tranh thủ... Nếu địch ngoan cố sẽ tuyệt thực".

Trình tự cuộc đấu tranh diễn ra giống như dự kiến. Sau một tuần trực diện nêu yêu sách, địch vẫn không giải quyết. Tập thể tù chính trị câu lưu quyết định sử dụng hình thức hô la thông báo toàn trại và tuyệt thực. Cuộc tuyệt thực kéo dài đúng 14 ngày, 13 người dao động, bỏ cuộc nhưng tập thể quyết định đấu tranh đến cùng. Có 5 tù chính trị ở phòng 7 dùng dao lam mổ bụng moi ruột để biểu thị ý chí quyết tử tranh đấu.

Ngày 1-10-1971, theo lệnh của Tổng quản đốc các trung tâm cải huấn, Cao Minh Tiếp trả lại sinh hoạt bình thường, trả quyền quản trị Nhà bếp, bệnh xá, cung cấp rau xanh cho các bữa ăn và cấp thuốc điều trị cho những người bị bệnh. Vấn đề trả tự do và đưa về đất liền, hãn hứa sẽ đề đạt cấp trên nghiên cứu giải quyết. Cuộc đấu tranh kết thúc thắng lợi vào lúc 17 giờ ngày 1-10-1971. Thắng lợi của đợt tranh đấu này đã góp phần quan trọng củng cố nội bộ, nâng cao uy thế của tù chính trị câu lưu.

Thực hiện chiến lược phân vùng giam giữ, ngày 20- 12-1971, Cao Minh Tiếp ra lệnh chuyển hơn 800 tù chính trị câu lưu Trại I về Trại VI khu B. Ngày 3-2- 1972 lực lượng tù chính trị câu lưu tại Trại VI khu B đã thành lập Đảng bộ mang tên Lưu Chí Hiếu. Đồng chí Trần Văn Cao là Bí thư, đồng chí Trịnh Văn Tư là Phó Bí thư, đồng chí Mai Xuân Cống là Ủy viên Thường vụ.

Đợt đầu, Đảng bộ kết tập 11 người, sau đó xây dựng 10 chi bộ trong 10 phòng của Trại VI khu B, mỗi chi bộ từ 5 đến 10 đảng viên tổng số 62 đảng viên được kết tập vào cuối năm 1972.

Đảng bộ xác định rõ nhiệm vụ là lãnh đạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, hoạt động và tranh đấu của lực lượng tù chính trị câu lưu. Mang tên Lưu Chí Hiếu, người chiến sĩ kiên cường trong cuộc đấu tranh chống ly khai và hy sinh anh dũng tại chuồng cọp (24- 12-1961), vẹn toàn khí tiết, Đảng bộ đã đặt lên hàng đầu nhiệm vụ lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết của lực lượng tù câu lưu.

Đảng bộ ra tập san Xây Dựng, tiếng nói của tù chính trị câu lưu Trại VI khu B, mỗi tháng một số, mỗi số được chép thành 10 bản gửi cho 10 phòng. Anh Lê Tú tức Nguyễn Đăng được cử làm chủ bút. Báo được chép tay trên giấy học trò khổ nhỏ (khoảng 9 X 13cm), trình bày đẹp. Nội dung gồm các thể loại: xã luận, tín tức, bình luận, truyện ký, thơ ca, tiểu phẩm... mang tính chất thông tin, giáo dục chính trị, sinh hoạt tư tưởng và tổng kết kinh nghiệm đấu tranh.

Đảng bộ tổ chức ra Đoàn Thanh niên Lao động mang tên Nguyễn Văn Trỗi, do Sầm Thanh Liêm, một đảng viên trẻ tuổi làm Bí thư. Mỗi phòng

giam có một chi đoàn làm nòng cốt trong các sinh hoạt và đấu tranh. Phong trào Trại VI khu B lên rất mạnh.

Nghị quyết của Đảng ủy được toàn thể tù nhân chấp hành nghiêm túc. Mỗi chủ trương trước khi thành nghị quyết đều được trưng cầu ý kiến của tập thể tù nhân từng phòng. Buổi sáng phát chủ trương, buổi chiều đã tập hợp được ý kiến các phòng về Văn phòng Đảng ủy (Phòng 3). Ngày thành lập Đảng và các ngày lễ kỉ niệm của cách mạng, của dân tộc đều được tổ chức trọng thể, công khai treo cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, bảo đảm tính giáo dục cao, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù.

Đảng ủy chủ trương vừa giáo dục chính trị, lí luận, nhân cách, vừa rèn luyện lực lượng trong tranh đấu. Tập tài liệu Nhà lao Côn Đảo do Ban Tổ chức Trung ương Cục tổng kết đã phản ánh cuộc tuyệt thực tranh đấu 14 ngày của tù chính trị Trại VI B như sau:

“Ngày 8-10-1972, nhân cái chết thê thảm của đồng chí Đoàn Hảo 56 tuổi, quê Quảng Nam tại bệnh xá Lao VI B do giam cầm dày ải khắc nghiệt, không thuốc men chữa trị nên đồng chí phát bệnh rồi chết chỉ trong ba ngày. Ban chỉ đạo Lao VI B quyết định giữ xác đồng chí Đoàn Hảo tại bệnh xá để tố cáo tội ác và buộc chúng phải giải quyết các yêu sách của ta, cụ thể là:

- Cơm ăn đủ no, thức ăn đủ bữa, cấp rau và cá tươi.
- Cấp đủ thuốc men trị bệnh.
- Bãi bỏ việc cất giữ tiền của gia đình gửi cho tù nhân.
- Trả lại sinh hoạt bình thường.
- Được mua hàng, vật dụng trực tiếp, không qua trật tự.
- Đòi gặp Quản đốc (để giải quyết).

Cuộc đấu tranh diễn ra ác liệt. Địch đưa một trung đội cảnh sát dã chiến và hàng trăm an ninh trật tự bao vây bệnh xá. Anh em y tá của ta và bệnh nhân đóng cửa bệnh xá, cột dây kẽm gai, bám giữ chặt cửa, phát loa tố cáo địch, nêu các yêu sách. Trung tá Quản đốc Đào Văn Phô ra lệnh cho bọn an

ninh trật tự ác ôn dung cây, đa, thanh Sắt, dao, cưa sắt phá cửa, đâm chém dã man rồi cướp xác đồng chí Đoàn Hào khiêng ra ngoài. Phần nô trước những hành động cực kỳ tàn bạo của kẻ thù, toàn Lao VI A hô la phản đối và 9 phòng Lao VI B gồm 860 người quyết định tuyệt thực để chặn bàn tay đẫm máu của địch và làm áp lực buộc chúng giải quyết các yêu sách”.

Sau 19 ngày tuyệt thực, Quản đốc Đào Văn Phô mới giải quyết các yêu sách. Đảng bộ lãnh đạo tập thể tù chính trị kiên trì đấu tranh, đi đến thắng lợi những mục tiêu xác định. Sau nhiều cuộc đấu tranh quyết liệt, nhiều lần đổ máu, địch mặc nhiên thừa nhận vị trí chính trị của tù câu lưu, để tù nhân được tự do sinh hoạt trong trại. nếp sống và sinh hoạt chính trị ở Trại VI khu B giống như một vùng giải phóng giữa ngục tù Côn Đảo.

Việc thành lập Đảng bộ Lưu Chí Hiếu đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của tù chính trị câu lưu. Đảng bộ Lưu Chí Hiếu thực sự trở thành bộ tham mưu chiến đấu lãnh đạo toàn bộ các hoạt động và tranh đấu tại Trại VI khu B. Nhiều đảng viên của Đảng bộ sau này đã được cử vào Đảng ủy lâm thời, góp phần quan trọng trong thời điểm nổi dậy giải phóng hoàn toàn Côn Đảo.

Sự ra đời của Đảng bộ Lưu Chí Hiếu có vai trò đóng góp xuất sắc của hai đồng chí Trần Văn Cao và Trịnh Văn Tư. Trần Văn Cao tức Trần Văn Đa, Nguyễn Ngọc Cao, sinh năm 1917 tại Bình Thuận, nguyên là Huyện ủy viên, bị bắt ngày 3-2-1958.

Trần Văn Cao từng tham gia Liên chi ủy Nhà lao Gia Định, tham gia dự thảo Chỉ thị bảo vệ khí tiết, bị đày ra Côn Đảo tháng 7-1959, trực diện chống ly khai, cùng 59 chiến sĩ kiên cường về chuồng cọp sau “chiến dịch chuyển hướng” tháng 4-1960 rồi bị rút khi chỉ còn 21 người (9-1960).

Nhận thức ra sai lầm, Trần Văn Cao đã nghiêm khắc kiểm điểm trước tập thể cốt cán, cùng nhau xây dựng phương án Kiến tạo lập trường khí tiết (10-1960) và luôn đứng hàng đầu trong cuộc đấu tranh vươn lên, được tập thể tù chính trị câu lưu tín nhiệm cử vào Ban lãnh đạo ở các phòng.

Phiếu nhận xét hàng năm do Trưởng trại giam trình Quản đốc nhà lao phê về Trần Văn Cao những nội dung như sau: “Hạnh kiểm: Rất kém. (...) Tinh thần học tập: Chống mọi sinh hoạt, học tập chính trị. (...) Trình độ giác ngộ: Rất kém... Đương can là một phần tử trung kiên của cộng sản. Suốt thời gian thụ huấn, luôn tỏ thái độ ngoan cố chống lại chánh quyền. Thành phần ngoan cố khó cải tạo”.

Kiên trì tổ chức, kiên trì tranh đấu, bền bỉ vươn lên, song Trần Văn Cao và những người đồng chí hướng vẫn chưa xây dựng được một tổ chức Đảng thật sự. Trong một thời gian dài, những người có vai trò lãnh đạo của tù chính trị câu lưu đã bất đồng về quan điểm.

Một số người đối lập quan điểm với nhóm Trần Văn Cao chủ trương trong tù không cần sinh hoạt, không cần tổ chức với lý do là ở trong tù, không có sự chỉ đạo của Trung ương, không ai lấy danh nghĩa gì mà tổ chức. Vào tù, mỗi người tự quản lý mình, tự bảo vệ sinh mạng chính trị của mình, khi nào bức xúc cần đấu tranh thì bàn bạc thống nhất phương châm hành động rồi tranh đấu. Đứng đầu quan điểm này là đồng chí Hoàng Dư Khương, nguyên Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Tán đồng với Hoàng Dư Khương còn có Trần Xuân Lê, nguyên Xứ ủy viên và vài trăm người khác.

Tháng 7-1970, Trịnh Văn Tư bị đày ra Côn Đảo. Trịnh Văn Tư (Tư Cẩn) tên thật là Trịnh Văn Lâu, sinh năm 1927 tại quận Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, nguyên cán bộ binh vận Trung ương Cục, Khu ủy viên Khu ủy Miền Tây Nam Bộ, đặc trách chỉ đạo Vùng trọng điểm 2 (Vĩnh Long), bị bắt tháng 4-1970, thời hạn an trí 2 năm. Ra Côn Đảo, Trịnh Văn Tư nhanh chóng nhập cuộc, góp phần tích cực với những người có trách nhiệm ở Trại I củng cố đội ngũ, tổ chức học tập chính trị, lý luận, học các nghị quyết của Trung ương và Trung ương Cục một cách bài bản. Trịnh Văn Tư được tù chính trị câu lưu Trại I tín nhiệm bởi phẩm chất vững vàng về chính trị, bản lĩnh trong tranh đấu, giản dị, chân thành với đồng chí, bạn tù.

Trịnh Văn Tư đứng hẳn về quan điểm kiên trì tổ chức, kiên trì đấu tranh mà thuyết phục anh em. Cuối năm 1970, Hoàng Dư Khương bị bại liệt nặng, dịch chuyển ra Sở Muối, Trịnh Văn Tư và Trần Văn Cao tiếp tục đấu

tranh về mặt lý luận, quan điểm, thuyết phục được Trần Xuân Lê thay đổi lập trường, nghiêng về phía kiên trì tổ chức, kiên trì đấu tranh. Trên 200 tù chính trị câu lưu trước đây theo quan điểm không tổ chức, không sinh hoạt trong tù cũng dần dần ngã theo. số anh em này có phẩm chất chính trị tốt, chỉ hạn chế về mặt nhận thức và phần nào sùng bái cá nhân (đối với Hoàng Dư Khương).

Từ năm 1971, tù chính trị câu lưu Trại I đã nhất trí về tư tưởng, quan điểm, tiến tới xây dựng tổ chức lãnh đạo tập trung và thống nhất, cả công khai và bí mật, dẫn đến bước phát triển mới của phong trào và sự ra đời của Đảng bộ Lưu Chí Hiếu. Giữa năm 1973, Trần Văn Cao chuyển sang bộ phận chờ trao trả theo Hiệp định Paris, Trịnh Văn Tư được cử làm Bí thư Đảng bộ, sau đó được cử làm Bí thư Đảo ủy lâm thời, lãnh đạo cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo. Các đảng viên được kết tập trong tù đều chuẩn chất, sau về đều được Đảng bộ các địa phương công nhận.

Nhà tù thời sau Ngô Đình Diệm

Thời kỳ sau Ngô Đình Diệm (1964-1972) ở Nhà tù Côn Đảo là thời kỳ nguy quyền Sài Gòn thực hiện chiến lược chống cộng theo bài bản của Mỹ, với sự gia tăng của viện trợ Mỹ và sự can thiệp ngày càng sâu của cố vấn Mỹ vào việc quản trị tù nhân. Đó cũng là thời kì mà phong trào đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ, với lực lượng tham gia đông đảo, với tính chất chính trị điển hình.

Ngay sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, nhân lúc các phe nhóm quân sự và dân sự tranh giành quyền lực, tù chính trị Côn Đảo đã tuyên bố chống chào cờ, khẳng định một cách dứt khoát vị trí chính trị, là người của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, không thừa nhận bất cứ cá nhân hay phe nhóm nào của chính quyền Sài Gòn.

Nếu như chống chào cờ trước đó chỉ là chống một trong những thủ đoạn tố cộng cực đoan kiểu Ngô Đình Diệm, thì trong thời kỳ này đã trở thành hình thức đấu tranh chính trị cao nhất, với ý nghĩa khẳng định vị trí chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, không thừa nhận chế độ Sài Gòn, tay sai của đế quốc Mỹ.

Áp dụng các bài bản tâm lý chiến của Mỹ, các phương tiện chống bạo động được sản xuất từ Mỹ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cố vấn Mỹ, nguy quyền đã đàn áp lực lượng chống chào cờ bằng Cảnh sát dã chiến và lựu đạn cay, bằng trật tự an ninh và củi đòn, bằng cách bịt các lỗ thông hơi trong xà lim làm rối loạn đường hô hấp, nhiều tháng không cho ăn rau làm rối loạn tiêu hóa, kết hợp với còng xiềng, cấm cố trường kỳ làm teo cơ, bại liệt hàng trăm người tù, làm suy kiệt hàng ngàn người khác. Sự tàn bạo của Mỹ - nguy vượt quá mọi giới hạn tưởng tượng của con người.

Cùng với sự phát triển của cách mạng miền Nam, phong trào đấu tranh chính trị trong Nhà tù Côn Đảo đã chuyển mình và phát triển mạnh mẽ. Tù án chính trị đã sát cánh bên tù chính trị câu lưu, lực lượng lao động khổ sai

liên hệ chặt chẽ với khu vực cấm cố, bộ phận đường dây Côn Đảo tổ chức mạng lưới liên lạc với Trung ương cục và các trại tù.

Thắng lợi to lớn, cùng những hy sinh và tổn thất trong nhiều năm tranh đấu đã tạo thành mối liên hệ nhân quả, tiếp thêm sức mạnh cho tù chính trị Côn Đảo. Gương đấu tranh kiên cường của tù chính trị câu lưu, của nữ tù chính trị, của tù án chính trị chống chào cờ, của tù chính trị bại liệt đã Hòa nhịp và thôi thúc lực lượng tù án đang chịu lao động khổ sai vươn lên chống khổ sai và chống chào cờ, tạo nên cao trào Đồng khởi tranh đấu, làm phá sản những thủ đoạn tâm lý chiến và chiêu hồi của Mỹ - ngụy tại Nhà tù Côn Đảo vào tháng 8 năm 1970.

Nhiều cuộc đấu tranh của tù chính trị đã vượt ra khỏi phạm vi nhà tù, tạo được mối quan tâm sâu sắc của dư luận trong nước và quốc tế, góp phần vào mặt trận đấu tranh ngoại giao của cách mạng miền Nam. Những tội ác ghê tởm của Mỹ - ngụy tại chuồng cọp Côn Đảo được phơi bày trước dư luận trong nước và quốc tế từ tháng 7 năm 1970, đã góp phần đẩy nhanh ngày tàn của ngụy quyền Sài Gòn trong những năm sau này.

Chương 10

ĐẤU TRANH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH PARIS VÀ NỖ DẬY GIẢI PHÓNG CÔN ĐẢO (1973-1975)

Mỹ - ngụy phá hoại Hiệp định Paris, tráo trở việc trao trả tù chính trị

Theo một bản tài liệu do những người tù làm ở Văn phòng Quản đốc chép lại, gửi về Trung ương Cục, vào thời điểm Hiệp định Paris có hiệu lực (3-1973), ở Côn Đảo có 9.892 tù nhân, trong đó có 274 là thường phạm, 940 quân phạm thường tội, 636 quân phạm chính trị, 4.020 can phạm đặc biệt (chính trị phạm có án), 3.498 an trí đặc biệt (tù chính trị không có án), 37 nghi can, 487 chưa phân loại. Trong khi đó, ngụy quyền Sài Gòn chỉ công bố danh sách trao trả cho ta 5.081 nhân viên dân sự (tù chính trị) toàn miền Nam, trong đó ở Côn Đảo có 4.075 người.

Tập sách “Tù chính trị - một vấn đề của chế độ Sài Gòn” do Hội những người Việt Nam tại Paris ấn hành 1974 đã dẫn tờ trình số 40 của Quản đốc trung tâm cải huấn Côn Sơn ngày 20-2-1973 ghi nhận vào thời điểm đó, Côn Đảo có 102 giám thị và nhân viên cải huấn; tổng số tù nhân là 9.850, trong đó có 8.792 nam, 1.058 nữ.

Nhằm thực hiện âm mưu ém giấu tù chính trị, không trao trả theo Hiệp định Paris, tháng 10-1972, ngụy quyền Sài Gòn đã chỉ thị cho tất cả các Trung tâm cải huấn lập danh sách tù chính trị. Ngoài các mục thông thường như tên họ, năm sinh, cha mẹ, tội trạng, án tiết, ngày giam, toà xử, đình bài, còn thêm mục sức khỏe và hạnh kiểm. Ngày 22-11-1972, Trung tâm cải huấn Côn Sơn đã hoàn thành danh sách, gửi về Nha cải huấn và Bộ Nội vụ ngụy.

Ngày 8-2-1973, theo điện văn của Nha cải huấn và Bộ Nội vụ ngụy, Trung tâm cải huấn Côn Sơn lập báo cáo riêng về số tù nhân già yếu (từ 60 tuổi trở lên), què lết, bại xụi, mắc các chứng bệnh nan y. Cùng ngày, Nha cải huấn phê duyệt trả tự do (phóng thích đơn phương) cho 219 tù nhân, lọc

trong danh sách 1.500 người mà Trung tâm cải huấn Côn Sơn đề nghị, trong đó:

- Bệnh nan y: 38 người
- Trên 60 tuổi: 9 người
- Bệnh tê bại: 172 người

Công điện số 18190/CSQG/K3/317/M ngày 8-3- 1973 của Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia quân khu 3 cho biết: từ ngày 16 đến ngày 22-2-1973, Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia quân khu 3 đã tiếp nhận 147 can phạm cộng sản nan y tàn phế từ Trung tâm cải huấn Côn Sơn chuyển đến để cấp tốc lập thủ tục trả tự do trong quân khu. Ngày 7-3-1973, quân khu đã hoàn tất việc chuyển giao các can phạm nói trên cho cảnh sát quốc gia các địa phương trong quân khu.

Tài liệu tham khảo đặc biệt tháng 3-1973 của Việt Nam Thông tấn xã đăng bài của Roland Pierre Parigneaux, thông tin viên Hãng AFP thường trú tại Sài Gòn viết về tình trạng thương tâm của 124 người tù bại liệt vừa được trả tự do tại Biên Hòa mà họ được tận mắt chứng kiến. Bài báo có đoạn:

“Cuối tháng 2-1973, 124 người trong số những người “thân cộng” bị giam giữ từ bao nhiêu năm ở Côn Sơn (trước gọi là Côn Lôn) đã được chính quyền Sài Gòn trả lại tự do một cách thảm lạng, không kèn không trống, không thông qua thương lượng, không người chứng kiến. Khi đi lại, họ phải bò lê dưới đất. Đôi cánh tay khẳng khiu, thân hình chỉ còn là một bộ xương, ống chân thì teo lại, bấm không còn biết đau và mang nhiều sẹo rất sâu; vết tích của những xiềng xích còn để lại trên da thịt hồi những ngày họ bị nhốt hàng năm, nằm chồng chất lên nhau trong những xà lim nhỏ và chỉ mới nghe nói cũng đủ rùng mình: những “chuồng cọp” ở nhà tù trên đảo Côn Sơn”.

Bác sĩ Champlin đã gặp 14 người trong số 124 người đó và dành thời gian khám cho một nửa. Không những chân họ bị liệt mà còn mất hết cảm giác. Người ta nhận thấy các bắp thịt nói chung đều bị teo; nguyên nhân

tình trạng này, theo những nhận xét sơ bộ trong khi chưa có những dụng cụ chuyên môn, là do nhiều nhân tố: “thiếu dinh dưỡng một cách trầm trọng, nhất là vitamin nhóm B, dây thần kinh bị hư hỏng không còn đảm bảo được chức năng của nó vì thiếu vận động. Tình trạng bị liệt bắt đầu phát hiện sau bốn năm tháng. Một số bị tê liệt đến ngang hông, có người bị liệt đến phía dưới một chút. Người ta nhận thấy có nhiều hiện tượng chấn thương bộ phận, có thể là do bị đánh mãi vào một chỗ và có những vết thương ở cổ chân trông có vẻ là những vết bị xiềng”.

Phóng viên Hãng tin AFP nhận xét rằng, việc chính quyền Sài Gòn trả tự do một cách thầm lặng và không chính thức cho 124 người tù tàn tật, bại liệt nói trên là nhằm loại bỏ những nhân chứng bất lợi trước Ủy ban Kiểm soát và Giám sát Quốc tế. Song chính tội ác đã dẫn chúng đến sự trừng phạt, trước hết là dư luận tiến bộ.

Vụ “chuồng cọp Côn Đảo” đầy tai tiếng, từng làm nhức nhối lương tri loài người, nay được phơi bày trước dư luận bằng những nhân chứng đau thương, thức tỉnh nhân bản của chính những người Mỹ đã từng ngỡ vực và hiểu sai lạc về cuộc chiến tranh này. Tập san Đối Diện số 50, tháng 10-1973, xuất bản tại Sài Gòn đã đăng bài của Gumbieton, Giám mục địa phận Détroi (Mỹ) mang tựa đề “Tôi sẽ không bao giờ quên” viết về cuộc gặp gỡ của ông với 3 trong số 124 người tù bại liệt vừa được trả tự do. Và đây là những lời mà ông tâm huyết:

“Tôi sẽ không bao giờ quên, giây phút anh ta bước vào phòng. Không ai trong chúng tôi biết nói gì cả. Anh ta không còn có thể bước đi được nữa. Anh ta dựa vào tường mà lết một cách chậm chạp và đau đớn, gập cong người lại trong tư thế ngồi xõm. Thật là hình ảnh đáng thương. Thanh niên này trước khi bị bắt rất khỏe mạnh. Bây giờ thì hình như anh không thể lết được. Cả ba người này không hề có tội gì mà vẫn bị tù và bị đối xử tàn ác, vu cho là phá rối trị an.

Tôi bị kích động sâu xa vì thái độ hòa nhã của họ, tuy đã gánh nhiều khổ nhục. Họ đã nói năng không thù hận (...) Họ đòi hỏi khẩn thiết nhất không phải là cho chính họ mà cho những người còn lại trong tù. Họ xin chúng tôi

làm bất cứ cái gì để can thiệp đòi thả hàng ngàn người khác mà họ biết là còn đang ở trong tù”.

Vị giáo sĩ người Mỹ chưa hết kinh ngạc vì những đau đớn vô biên mà người tù chính trị Côn Đảo vừa trải qua, thì ông lại một lần nữa bàng hoàng kinh ngạc vì lòng nhân ái vượt lên trên nỗi đau khổ của họ. Họ không than thân, không oán trách, không thù hận mà khẩn thiết đòi trả tự do cho hàng ngàn người khác còn đang bị giam cầm tại địa ngục Côn Đảo.

Sự khâm phục của vị giáo sĩ đã bật lên thành lời khi ông ký vào bản Tuyên bố báo chí ngày 26-4-1973 cùng Linh mục Robert Manning (dòng Tên) và Giáo sư Tiến sĩ Georges Label (Đại học Québec, Canada). Cả ba ông được Ủy ban Quốc tế vận động trả tự do cho tù chính trị ở miền Nam Việt Nam cử đến Sài Gòn ngày 19-4-1973 để xem xét tại chỗ vấn đề tù chính trị. Tuyên bố báo chí có đoạn xúc động, thành tâm, tự đáy lòng các ông, về những người tù tàn phế mà các ông đã tận mắt mục kích:

“Chúng tôi đã gặp một số tù chính trị vừa mới được chính quyền Sài Gòn thả ra. Họ đều thành tàn phế, tất cả. Chế độ lao tù ở miền Nam Việt Nam thật là bất nhân.

Chúng tôi sẽ thông báo cho nhân dân Hoa Kỳ, đặc biệt là giới Kitô hữu được biết những gì hiện nay đang xảy ra ở miền Nam Việt Nam, nhân dân miền Nam Việt Nam đã đau khổ quá nhiều vì tại chúng tôi.

Các tù nhân chính trị phải được trả tự do ngay tức khắc và vô điều kiện.

Các tự do dân chủ phải được lập ngay tại miền Nam Việt Nam theo đúng điều 11 Hiệp định Paris.

Bao nhiêu lâu mà các tù nhân chiến tranh chưa được trả tự do, bao nhiêu lâu mà các quyền căn bản của con người không được nhìn nhận thì bấy lâu sẽ không có hòa bình và hòa giải, hòa hợp dân tộc ở miền Nam Việt Nam.

Phần của những người ở miền Nam Việt Nam là tranh đấu cho quyền sống của họ, còn phần chúng tôi, chúng tôi cam kết làm tất cả để chính phủ Hoa Kỳ không còn là nguồn gốc cho tai họa của họ”.

Cùng với việc phóng thích đơn phương những tù nhân đã bị hành hạ, đầy ải đến tàn phế, ngụy quyền Sài Gòn ráo riết xúc tiến việc thanh lọc danh sách tù chính trị được gọi là “nhân viên dân sự” để trao trả cho Chính phủ Cách mạng lâm thời. Danh sách này do Nha cải huấn và Bộ Nội vụ ngụy thanh lọc trong số tù chính trị thuộc các Trung tâm cải huấn Chí Hòa, Tân Hiệp, Côn Sơn. Danh sách được lập, duyệt nhiều lần, đến ngày 13-3-1973 thì hoàn tất.

Vừa thanh lọc, ngụy quyền Sài Gòn vừa tiến hành các thủ đoạn ém giấu tù chính trị, chuyển tù chính trị thành thường án. Từ ngày 12-12-1972 đến 20-3-1973, ngụy quyền Sài Gòn đưa ra Côn Đảo 4 toán sĩ quan, mang danh là Tòa án quân sự mặt trận lưu động Vùng 2 và Vùng 3 chiến thuật, xử những người tù chính trị không có tên trong danh sách trao trả thành thường án với các tội danh “phá rối trị an”, “gian nhân hiệp đảng”, “giữ vũ khí bất hợp pháp”... Chúng lập sẵn các bản án rồi cưỡng bức tù nhân ký và lăn tay, chụp hình dán vào. Ai một tội danh chúng xử một bản án, 2 tội danh xử 2 án... có người bị xử tới 10 án, tổng cộng 45 năm tù.

Lập xong bản án, chúng bắt đầu cưỡng bức lăn tay chụp hình, ký án và xé phòng đồn trại. Những người có tên trong danh sách trao trả được đưa về Trại II, Trại III, Trại V và Trại I. Số còn lại dồn về Trại IV, Trại VI, Trại VII và Trại VIII. Trung tá Nguyễn Văn Vệ, tên đao phủ khét tiếng trong nghề quản ngục được điều trở lại Côn Đảo để thực thi mưu đồ này. Theo lời khai của Vệ khi ra trình diện sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Thủ tướng ngụy Trần Thiện Khiêm trực tiếp giao nhiệm vụ cho Vệ, bằng mọi giá phải thanh lọc được 4.075 tù nhân ở Côn Đảo có tên trong danh sách trao trả, tập trung về một nơi, số còn lại tách riêng và chuyển án thành thường phạm.

Vệ ra Côn Đảo nhận chức vào trung tuần tháng 3- 1973, cho mời đại diện tù chính trị các phòng giam, các trại giam ra thương lượng việc thanh lọc riêng số tù nhân có tên trong danh sách trao trả. Thái độ của tù chính trị lúc đó là kiên quyết đấu tranh đòi công bố Hiệp định Paris và Nghị định thư, đòi trao trả ngay, trao trả hết tù chính trị, đòi lập Ban đại diện từng trại

tù, trực tiếp làm việc với Ủy ban liên hợp hai bên và đòi có sự giám sát của Ủy ban Quốc tế. Vệ hứa tất cả, nhưng không làm gì.

Cuối tháng 3-1973, Vệ bay về Sài Gòn, yết kiến Thủ tướng ngụy, xin cho dùng biện pháp mạnh. Được Thủ tướng ngụy đồng ý, Vệ qua Bộ Nội vụ xin yểm trợ 3 đại đội cảnh sát dã chiến, trang bị đầy đủ các phương tiện chống bạo động, cùng 16 nhân viên nghiệp vụ lăn tay chụp hình, bay ra Côn Đảo.

Tù chính trị Côn Đảo đã đổ nhiều máu trong cuộc đấu tranh chống lăn tay chụp hình, đòi trao trả ngay, trao trả hết tù chính trị theo tinh thần Hiệp định Paris.

Chống lẫn tay chụp hình, tráo án chính trị thành thường phạm

Nhờ có radiô bí mật giấu trong phòng, tù chính trị Côn Đảo ở các trại nắm được diễn biến cuộc đàm phán tại Hội nghị Paris và sớm có trong tay bản Hiệp định. Đêm 27-1-1973, tại Trại VI khu B, Đảng bộ Lưu Chí Hiếu chép được toàn văn Hiệp định Paris và các Nghị định thư qua bản tin đọc chậm của Đài tiếng nói Việt Nam. Đảng ủy họp bất thường để quyết định chủ trương trong tình hình mới:

1. Phát huy khí thế cách mạng của người chiến thắng, đẩy mạnh đấu tranh đòi chính quyền miền Nam trao trả nhanh, trả hết tù chính trị cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam, đòi thực hiện qui chế đối với tù chính trị theo đúng tinh thần và nội dung đã được ghi trong Nghị định thư.

2. Cảnh giác đề phòng âm mưu xé lẻ, thủ tiêu tù chính trị của địch, phát hiện những phần tử xấu mà địch cài cấy vào số được trao trả.

Đảng ủy còn bàn những biện pháp cụ thể như tổ chức viết danh sách tù chính trị làm nhiều bản, tìm cách gửi cho phái đoàn ta; may cờ Mặt trận, viết sẵn các bài về chế độ nhà tù để tổ chức mít tinh tố cáo địch ngay tại nơi trao trả; bố trí đảng viên lãnh đạo từng đợt trao trả trên đường về...

Đảng ủy củng cố lại tổ chức. Đồng chí Trịnh Văn Tư (Trịnh Văn Lâu, Tư Cẩn) làm Bí thư thay đồng chí Nguyễn Ngọc Cao có tên trong danh sách trao trả. Đồng chí Đào Văn Trân (Tư Thâu) được bổ sung vào Thường vụ. Ban điều hành và chi bộ các phòng đều được bổ sung, chân chính.

Bộ phận đường dây Côn Đảo và tù chính trị ở các trại cùng chép được toàn văn Hiệp định Paris và Nghị định thư về trao trả tù chính trị. Trong khi nguy quyền hết sức bưng bít tin tức và không công bố Hiệp định thì tù chính trị Côn Đảo lại công khai tổ chức học tập nội dung Hiệp định Paris

và Nghị định thư, tuyên truyền ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định, bàn bạc các chu trương đấu tranh.

Tập tài liệu Nhà lao Côn Đảo do những người có trách nhiệm vừa được trao trả về tổng hợp tại căn cứ của Trung ương Cục (1974) cho biết, Ban chỉ đạo các trại tù đã dựa vào các bài xã luận, tin tức của Đài tiếng nói Việt Nam phát động đợt học tập Hiệp định, Nghị định thư và tình hình nhiệm vụ mới:

– “(...) Toàn đảo đã nhất trí chủ trương phóng tay phát động cuộc đấu tranh trong nhà lao kết hợp với cuộc đấu tranh của cả nước và trên thế giới buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris và Nghị định thư về việc trao trả, cụ thể nhằm vào các khẩu hiệu:

– Phải thông báo Nghị định thư về việc trao trả,

– Cải thiện chế độ đối xử, giam giữ và cấp dưỡng cho phù hợp, cụ thể: cơm ăn no, thức ăn đủ bữa, cấp phát quần áo, thuốc men đủ trị bệnh; chấm dứt mọi hành động đày ải, hành hạ, đánh đập, bắt bớ, tra tấn tù nhân; bãi bỏ khổ sai, chào cờ; giải toả biệt lập, biệt giam...

– Đòi phải trả nhanh, trả hết tù chính trị đúng theo Hiệp định và Nghị định thư về việc trao trả đã qui định, chống chiêu hồi, chiêu hàng, phóng thích đơn phương, chống xử tráo án, ém giấu lưu giữ.

– Đòi phải có phái đoàn quốc tế, Ủy ban liên hiệp và Hội hồng thập tự đến đảo để điều tra tù và chứng kiến việc di chuyển (đến nơi) trao trả”.

Cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng ác liệt. Địch đàn áp đẫm máu với ý đồ phá hoại bằng được việc trao trả, ém giấu tù chính trị, chuyển tù án chính trị thành thường phạm. Ngày 14-4-1973, Bộ chỉ huy Cảnh sát Quốc gia ngụy tăng cường một Tiểu đoàn cảnh sát dã chiến trang bị mạnh, do đại úy Lê chỉ huy, không vận tới Côn Sơn, một bộ phận đóng tại Hí Viện (rap hát), một bộ phận đóng tại Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia Côn Sơn. Quản đốc Nguyễn Văn Vệ giở mặt, bác bỏ mọi yêu sách của tù nhân. Vệ gửi tối hậu thư, yêu cầu tù nhân chấp hành lệnh lãn tay, chụp hình, dọn phòng, chuyển

trại của Ban Quản đốc, nếu chống, hẳn sẽ áp dụng biện pháp mạnh. Đương nhiên là các trại tù phản đối, và cuộc chiến bắt đầu.

Sáng 30-4-1973, Nguyễn Văn Vệ huy động Tiểu đoàn cảnh sát dã chiến mới được tăng cường (khoảng 400 tên) cùng lực lượng của Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia Côn Sơn (70 tên) và lực lượng của Ban 2 Đặc khu Côn Sơn (gần 100 tên), trật tự an ninh (300 tên) mở cuộc tiến công vào Trại I nhằm thanh lọc tất cả số tù nhân không có tên trong danh sách trao trả đưa về Trại VII. Chiến thuật của Vệ là dùng lựu đạn cay, phi tiễn bắn dồn dập vào từng phòng để dập tắt sức phản kháng của tù nhân rồi cho cảnh sát dã chiến và bọn trật tự xông vào đàn áp.

Tù chính trị chống trả bằng cách dùng khăn mặt thấm nước tiểu che mặt, nhặt lựu đạn cay ném ra ngoài và dùng tay không đánh trả khi bọn cảnh sát dã chiến xông vào. Phòng một và phòng 2 kiên cường chống địch từ sáng đến chiều, chịu trên trăm trái lựu đạn cay, đánh lui nhiều đợt tiến công của cảnh sát dã chiến, xé chiều, tất cả đều đã ngấm hơi độc, xỉu dần, trên 100 người bị thương tích nặng, 1 người chết sau đó vài ngày. Cảnh sát dã chiến mang mặt nạ phòng độc lôi từng người ra sân. Bọn trật tự an ninh nhận mặt tù nhân, đối chiếu với thẻ dính bài, lọc theo danh sách, đưa về Trại VII.

Sau khi phòng một và phòng 2 bị đàn áp đẫm máu, tù nhân phòng 3 đã rời vị trí chiến đấu, chấn nhận lệnh lẩn tay, chụp hình, đồn phòng, chuyển trại. Trong tình hình bất lợi, phòng 4 phát loa yêu cầu Ban Quản đốc ngưng đàn áp để thương lượng.

Quản đốc Nguyễn Văn Vệ chấp nhận yêu sách của tù nhân, chữa trị cho những người bị thương, đưa những người có tên trong danh sách đến trại mới, trả lại mọi sinh hoạt bình thường. Các phòng còn lại của Trại I cũng thương lượng đạt kết quả như phòng 4.

Ngày 1-5-1973, Nguyễn Văn Vệ dàn trận tiến công Trại II. Lực lượng nữ tù chính trị bị giam ở đây đã chuẩn bị tinh thần và tổ chức lực lượng chống trả quyết liệt, song đến giờ chót, tình hình lại diễn ra giống như Trại I.

Đội ngũ kiên cường nhất trong cuộc đấu tranh chống lẫn tay chụp hình là lực lượng tù chính trị câu lưu ở Trại VI khu B. Cuộc đàn áp dẫm máu nhất đã diễn ra tại đây.

Sáng 2-5-1973, tiểu đoàn cảnh sát đã chiến được vũ trang từ đầu đến chân cùng hàng trăm giám thị, trật tự dàn trận tiến vào Trại VI khu B. Quản đốc Nguyễn Văn Vệ ra lệnh tiến công 5 phòng dãy bên phải. Lực lượng tự vệ của tù nhân án ngữ phía trong cửa ra vào, dùng cây và sắt nhọn chốt các lỗ khóa và cột dây thép gai chặt lại. Toàn trại hô vang khẩu hiệu:

- Phản đối chính quyền Sài Gòn đàn áp tù chính trị.
- Yêu cầu anh em binh sĩ và trật tự không đàn áp tù nhân.

Nguyễn Văn Vệ mời đại diện tù nhân ra thương lượng, buộc đại diện phải kêu gọi toàn thể tù nhân phải chấp nhận lệnh ra khỏi phòng để lẫn tay, chụp hình và kí tên vào các bản án chúng đã làm sẵn. Trước mặt Quản đốc và gần ngàn tên ác ôn lăm lăm súng ông, hèo gậy trong tay, Tổng đại diện Hoàng Phùng đã cầm loa đồng dục tuyên hô: “Nhà cầm quyền yêu cầu tôi kêu gọi anh em chấp nhận lệnh lẫn tay, chụp hình. Tôi nói việc đó là do anh em quyết định!”.

Tiếng loa vừa dứt thì tiếng hô “phản đối!” “đả đảo!” từ 10 phòng nhất loạt vang lên. Đảng ủy Lưu Chí Hiếu đã phát động toàn trại kiên quyết chống thủ đoạn lẫn tay, chụp hình, chuyển án của địch. Tổng Đại diện Hoàng Phùng bị đưa trở về phòng 2. Cuộc tấn công bằng lựu đạn cay của cảnh sát đã chiến bắt đầu.

Mỗi phòng rộng hơn 100 mét vuông, chúng bắn bình quân 30 trái lựu đạn cay, có phòng chúng bắn tới 48 trái. Anh Hồ Chí Tạng và anh Nguyễn Kim Cúc chết ngạt vì hơi cay trong phòng. Anh Nguyễn Chính, tự vệ chiến đấu nằm gần cửa phòng bị một trái phi tiễn bắn trúng làm gãy xương bả vai. Lực lượng tự vệ của tù nhân vừa dùng khăn mặt thấm nước tiểu bịt mũi, miệng để chống hơi cay, vừa chụp lựu đạn cay ném trả lại và bảo vệ cửa phòng.

Chừng 2 giờ sau thì tất cả đều ngất xỉu bởi ngấm hơi độc, nằm ngổn ngang trong khám. Bọn cảnh sát dã chiến mang mặt nạ phòng độc, xáp vào từng phòng, cạy những khúc cây, mẩu thép mà tù nhân chốt vào ổ khóa. Phòng nào không mở khóa được, chúng dùng cửa sắt cửa bỏ chốt khóa, kéo từng người quăng ra sân. Máy chiếc xe GMC đã chờ sẵn. Hai tên trật tự đứng sau xe, đưa túm hai tay, đưa túm hai chân người tù, đu đưa lấy đà rồi quăng từng người lên thùng xe. Hai tên khác đứng trên thùng xe quăng tiếp vào phía trong, chất như những khúc củi, chở về Trại VII (chuồng cạp Mỹ), không cần biết ai chết, ai sống.

Riêng hai anh Nguyễn Kim Cúc và Hồ Chí Tạng đã tắt thở, Nguyễn Văn Vệ cho chôn cất ngay để phi tang, đồng thời chỉ thị cho Trưởng ty Y tế lập chứng tử về một căn bệnh nan y, thay vì lựu đạn cay, hơi ngạt.

Buổi chiều ấy, phát hiện ra hai anh chưa dự cuộc lăn tay chụp hình, Phó quản đốc Nguyễn Phú Hội tức tốc điều một chiếc xe Jeep, đích thân đưa 2 nhân viên lăn tay chụp hình cùng một toán giám thị, trật tự lên nghĩa địa Hàng Dương, moi cát, dựng thi thể hai anh dậy để lăn những ngón tay đã chết cứng của người nằm dưới huyết vào bản án mà chúng đã lập sẵn.

Vụ đàn áp man rợ này sau đó đã bị các tờ báo đối lập ở Sài Gòn phanh phui. Quản đốc Nguyễn Văn Vệ đã phải trả lời trước bọn quân cảnh tư pháp Bộ Nội vụ ngay ra đảo điều tra về việc lăn tay những xác chết dưới huyết.

Trong lúc thi thể Nguyễn Kim Cúc, Hồ Chí Tạng chưa yên phận dưới mồ thì máu tù nhân Trại VI khu B vẫn đổ. Chiều 2-5-1973, dịch hốt số tù nhân từ phòng 1 đến phòng 4 của Trại VI khu B về Trại VII. Tại sân Trại VII, những người tù vừa tỉnh lại sau trận đàn áp bằng lựu đạn cay đã tiếp tục chống trả việc chuyển trại và hô vang các khẩu hiệu phản đối việc đàn áp man rợ của nhà tù.

Cảnh sát dã chiến và trật tự dùng dùi cui gậy gộc trấn áp cho đến khi tù nhân gục hẳn, chúng kéo lê họ vào trại mới. Anh Huỳnh Tấn Lợi bị đánh chết trong trường hợp như vậy. Tù chính trị Trại VII tổ chức ngay cuộc hô la phản đối ngay quyền đàn áp tù nhân để chia lửa cho Trại VIB. Dịch chia

quân khủng bố luôn Trại VII. Anh Phạm Ngô 37 tuổi, quê ở Quảng Ngãi, tù án tử hình bị chúng đánh đập phối chết.

Cuộc chiến đấu cuối cùng diễn ra vào lúc xế chiều. Từng người tù bị lôi ra trước những “toà án ma”. Mang danh Tòa án quân sự mặt trận lưu động nhưng không có chánh án, không luật sư, không công tố, không công lý mà chỉ có bạo lực và cưỡng bức. Địch bố trí nhiều bàn để thực hiện việc lăn tay, chụp hình và ký tên vào bản án làm sẵn, kỳ lạ đến mức không ai biết gì về tội trạng, án tiết của mình. Mỗi bàn có 2 tên làm nghiệp vụ lăn tay, chụp hình và 5 tên trật tự. Một tên ôm chặt toàn thân người tù. Tên thứ hai nắm một cánh tay bẻ quặt ra sau lưng. Tên thứ ba ôm chặt cánh tay còn lại. Tên thứ tư giữ cườm tay và tên thứ năm nắm chặt từng ngón tay người tù để tên cán bộ nghiệp vụ bôi mực và lăn tay lên bản án.

Người tù lạng lẽ chờ đến phút ấy, dồn hết sức lực, gồng mình, xịch chéo ngón tay, bôi nhòe hết dấu. Bọn trật tự xúm lại đánh từng người cho đến nhừ tử rồi lặp lại từng động tác. Kết quả vẫn như trước. Hồng cả bản án, chúng kéo người tù ra sân, đánh đập cho đến khi họ ngất lịm.

Trên 200 tù chính trị câu lưu thuộc 4 phòng (1, 2, 3 4), đã chống trả quyết liệt gần ngàn tên ác ôn với đầy đủ phương tiện khủng bố, không ai chịu ký án. Các bản lăn tay bằng cách cưỡng bức, chỉ để lại những vết mực nhòe nhạt, lem luốc.

Ba ngày sau, Nguyễn Văn Vệ đưa quân vào, tính làm nốt 6 phòng còn lại của Trại VI B. Vệ cho đưa công xa đến, cho kéo dây kẹp điện vào các cửa sắt và dùng mỏ hàn phá cửa để uy hiếp tù nhân. Tù nhân các phòng hô la phản đối rầm rầm. Đồng chí Trần Nga, Bí thư chi bộ phòng 7 tuyên bố với Nguyễn Văn Vệ:

– Chúng tôi không sợ chết đâu. Các ông cứ kẹp điện vào đi, tụi tôi nhào ra, điện giật chết cho các ông coi liền.

Vệ đầu dụi, mời đại diện tù nhân ra thương lượng. Đồng chí Nguyễn Văn Một trong Ban đại diện tù nhân tuyên bố :

– Các ông muốn thương lượng phải trên tinh thần hình đảng, tôn trọng Hiệp định Paris. Trước hết, các ông phải rút toàn bộ quân đội, cảnh sát và trật tự an ninh ra khỏi trại.

Biết không thể dùng bạo lực cưỡng bức được, Vệ đoàn ra lệnh rút quân, thương lượng với tù nhân, đồng ý công bố Hiệp định Paris và Nghị định thư, đưa danh sách cho đại diện ta gọi những anh em có tên ra tập trung về nơi trao trả. Trên 130 tù câu lưu được trao trả trong đợt ấy.

Nhờ nguồn tài liệu do bộ phận Đường dây Côn Đảo chuyển về, Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù tại Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động đấu tranh chính trị và ngoại giao tố cáo Mỹ ngụy phá hoại Hiệp định Paris, đàn áp tù chính trị, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh ở Côn Đảo. Nhiều tờ báo đối lập ở Sài Gòn cũng lên án chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ủng hộ cuộc đấu tranh của tù nhân. Tờ Đối Diện số 49, tháng 8- 1973 đã đăng danh sách 14 tù nhân chính trị chết trong các trận đàn áp từ 14-4-1973 đến 6-5-1973:

TT Họ và tên Tuổi Quê quán Ngày hy sinh

1 Nguyễn Văn Tường 1923 Kiến Hòa 14.4.1973

2 Lê Thị Cúc 1952 Quảng Nam 14.4.1973

3 Nguyễn Văn Bảy 49 tuổi Vĩnh Long 28.4.1973

4 Trần Thị Thanh 21 tuổi Quảng Nam 30.4.1973

5 Nguyễn Thị Hường 23 tuổi Định Tường 2.5.1973

6 Nguyễn Kim Cúc 1916 Sài Gòn 2.5.1973

7 Hồ Chí Tạng 1924 Kiến Phong 2.5.1973

8 Trần Tuyền 1915 Quảng Ngãi 3.5.1973

9 Trần Thị Sáu 1950 Sài Gòn 4.5.1973

10 Lê Thị Thanh 24 tuổi Sài Gòn 5.5.1973

11 Huỳnh Tấn Lợi 5.5.1973

12 Phạm Ngô 37 tuổi Quảng Ngãi 6.5.1973

13 Nguyễn Văn Lợi 1916 Quảng Ngãi 6.5.1973

14 Phạm Xôi 6.6.1973

Phối hợp với Mặt trận ngoại giao

Nhằm mục tiêu đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris và hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của tù chính trị, Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù miền Nam Việt Nam đã ra lời kêu gọi Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát Hiệp định Paris tại Việt Nam can thiệp để trả tự do cho tù chính trị. Ủy ban được thành lập ngày 30-10-1970, đại diện cho 30 tổ chức, đoàn thể quần chúng ở miền Nam Việt Nam, trong đó có nhiều giáo sư, thẩm phán, luật sư, bác sĩ, kỹ sư, dân biểu, linh mục, Hòa thượng, sinh viên có tên tuổi.

Từ 1970 đến 1973, ủy ban đã có nhiều hoạt động hỗ trợ đặc lực cho cuộc đấu tranh của tù chính trị, trong đó có tù chính trị Côn Đảo. Khi biết tin Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu xuất ngoại xin Quốc hội Mỹ tăng viện trợ và bay sang Roma yết kiến Đức Giáo hoàng để tranh thủ sự ủng hộ, Ủy ban đã gửi bức thư ngày 4-4-1973 thỉnh cầu Đức Giáo hoàng không tiếp Nguyễn Văn Thiệu vì vụ “chuồng cọp Côn Đảo” bê bối và tráo trở trong việc trao trả 200.000 tù chính trị ở miền Nam Việt Nam. Cuộc gặp gỡ vẫn diễn ra, song vấn đề tù chính trị đã trở thành trọng tâm chính trong cuộc thảo luận giữa Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Đức Giáo hoàng. Nguồn tin của Tòa thánh cho biết, kết quả cuộc đôi thoại là bi đát.

Tại Quốc hội Mỹ, Thiệu cũng bị tiếp đón lạnh nhạt, bị từ chối đề nghị tăng ngân sách viện trợ, bị chất vấn về 200.000 tù chính trị và chuồng cọp Côn Đảo. Tổng thống Thiệu còn được đón tiếp bằng cà chua, trứng thối trên các đường phố ở Washington và 24 băng chất nổ đặt tại Tòa đại sứ của ngụy quyền Sài Gòn ở Roma.

Trong các ngày 12, 13 và 14-4-1973, đại diện của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cùng Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù đã đến Paris, dự Hội nghị vận động trả tự do cho tù chính trị ở miền Nam Việt Nam với sự tham gia của 97 tổ chức quốc gia và quốc tế.

Các đại biểu xúc động và lo âu khi được Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù cung cấp tài liệu, tin tức, hình ảnh xác thực về việc bắt bớ, tra tấn, tù đày do tờ Tin tức lao tù phát hành tại miền Nam Việt Nam cùng danh sách những người bị bắt giữ mà không cần xét xử gì.

Một cuốn phim ngắn quay cảnh những tù nhân vừa thoát khỏi nhà tù Côn Đảo đang bò lết trên mặt đất, hai chân tê liệt vì bị còng lâu ngày trong chuồng cọp làm cho người ta liên tưởng đến những hình ảnh tàn bạo không phai mờ trong trại tập trung của Hítler. Những bức ảnh chụp bọn cảnh sát dã chiến mặc đồ rằn ri, tay cầm dùi cui, roi điện, đầu chụp mặt nạ phòng độc, tất cả đều được sản xuất tại Hoa Kỳ đứng giữa làn khói mờ mịt của lựu đạn cay và xác tù nằm ngổn ngang trong sân trại, chất đống trên thùng xe GMC đã đem lại cảm giác rùng rợn cho các đại biểu, giống như họ đang thấy cảnh bọn quỷ sứ hiện hình trên một địa ngục trần gian thật sự. Sau ba ngày thảo luận sôi nổi, Hội nghị đã cam kết mở một chiến dịch quốc tế đòi hỏi:

1. Trao trả càng sớm càng tốt mọi tù nhân chính trị đòi thuộc về Chính phủ Cách mạng lâm thời.

2. Trả tự do càng sớm càng tốt cho mọi tù nhân chính trị không đòi được thuộc một trong hai bên với sự chứng kiến của các nhân chứng có thẩm quyền (Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát, Hội Hồng thập tự Quốc gia và đại diện các tổ chức được chỉ định).

3. Chấm dứt mọi hành hạ và ngược đãi đối với tất cả tù nhân chính trị trong khi chờ đợi trao trả và phóng thích họ.

4. Chấm dứt mọi cuộc bắt bớ và mọi hành động đàn áp và trả ngược với Hiệp định Paris”.

Hội nghị đã cử một phái đoàn đến Việt Nam quan sát từ ngày 19-4-1973 đến ngày 1-5-1973 gồm:

- Giám mục Bélanger, địa phận Valleyfield (Québec).
- Bà Thelma Balaer, Hội đồng các giáo phái tại Canada.
- Ông Georges Lebel, Tiến sĩ giáo sư Đại học Québec.

Cùng đi có Giám mục Thomas Gumbleton, Giám mục địa phận Detroit Mỹ và linh mục Robert Manning (dòng Tên). Trong Bản tường trình ngày 1-5-1973 do Georges Lebel soạn thảo, phái đoàn quan sát đã khẳng định rằng ở Nam Việt Nam có tù chính trị. Tuyên bố vạch rõ tính phi pháp của các Toà án Quân sự mặt trận với con số 27.000 người đang bị giam giữ do các toà án này kết án (đã được kiểm chứng). Tuyên bố còn cho biết có một số đông tù nhân bị tạm giam và cho đến nay vẫn chưa xét xử gì; số đông những người khác bị câu lưu hành chính với thời hạn tối đa là 2 năm nhưng cũng có thể tiếp tục bị gia hạn. Phái đoàn quan sát ước định có ít nhất là 30.000 tù chính trị thuộc loại câu lưu hành chính đã bị giam giữ tại các Trung tâm cải huấn lớn trực thuộc chính quyền Sài Gòn, chưa kể đến nhà tù ở các tỉnh, huyện và vạch rõ thủ đoạn chuyển tù chính trị thành thường phạm tại Trung tâm Cải huấn Côn Sơn.

Phối hợp với các hoạt động của phái đoàn quan sát Quốc tế do Hội nghị vận động trả tự do cho tù chính trị cử đến miền Nam Việt Nam, Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù tại Sài Gòn đã cung cấp nhiều tin tức, tài liệu. Bằng những tài liệu xác thực thu thập được trong thời gian đó, đặc biệt là nguồn tài liệu từ Nhà tù Côn Đảo gửi về, ngày 30-6-1973, Ủy ban đã gửi thư cho: Chủ tịch Thượng nghị viện Sài Gòn, Đức Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (Sài Gòn), Chủ tịch Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Bức thư cho biết:

“Sau ngày ký Hiệp định Paris 27-1-1973, giới hữu trách chỉ cho tù ăn khẩu phần 40 đồng một ngày gồm 400 gram gạo và nửa con mắm sặc, không có một chút rau, bệnh không có thuốc, không thông báo cho tù chính trị nội dung Hiệp định Paris mà còn bắt tù nhân ký giấy chiêu hồi. Nhà cầm quyền đổi tù nhân từ trại này qua trại khác, đem giam họ ở những nơi bí mật để khỏi trao trả, tiếp tục các hình phạt biệt lập, biệt giam, kèm kẹp, cấm cố triền miên.

Sáng 29-4-1973, một đại đội cảnh sát đã chiến được lệnh ném lựu đạn cay đàn áp, xúc 34 anh em tử hình ở phòng 11 Trại II và 200 chị em phụ nữ, có 16 em bé ở phòng 8 và phòng 9 của Trại II đưa đi nhốt ở chuồng cọp

mới, viện lý do là những người này không có tên trong danh sách trao trả nên phải chuyển đi trại khác.

Ngày 1-5-1973, đàn áp Trại VII bắt tù nhân phải dời trại với lý do là không có tên trong danh sách trao trả. Trong trận đàn áp này, có phòng phải chịu hơn 30 quả lựu đạn cay, nồng độ cao (...). Ngày 2-5-1973, đàn áp Trại VI khu A và khu B, có 2 tù chính trị chết tại chỗ là:

1. Nguyễn Kim Cúc sinh năm 1916 tại Sài Gòn, mang số dính bài HC 12.860, Đại diện phòng 3, chết lúc 12 giờ ngày 2.5.1973.

2. Hồ Chí Tạng sinh năm 1924 tại Kiến Phong, ở phòng 5, chết lúc 15 giờ cùng ngày.

Những người chịu trách nhiệm trực tiếp các cuộc đàn áp trên là trung tá Nguyễn Văn Vệ - Quản đốc và Chín Khương - Phó Quản đốc trại giam Côn Sơn. Hai người này đã bị dư luận quốc nội và quốc ngoại nguyên rủa và bị nhà cầm quyền chuyển đi hồi 1970 vì vai trò của họ tại Côn Sơn khi chuồng cọp bị phát giác. Từ tháng 4.1973, nhà cầm quyền lại ngang nhiên bất chấp dư luận, đưa họ trở về Côn Sơn để đàn áp tù nhân chính trị.

Nghĩ rằng chúng tôi cùng các quý vị đều có trách nhiệm về những cái chết thê thảm ở Côn Sơn. Trước nỗi thống khổ của tù chính trị hiện nay, chúng tôi mong rằng quý vị sẽ không im lặng”.

Đấu tranh đòi trao trả tù chính trị

Trước sức ép của dư luận, ngục quyền Sài Gòn tìm mọi cách ém giấu tù chính trị. Chiếu công điện số 53 (14-2-1973) của Giám đốc Nha cải huấn ngục, tất cả các danh sách tù nhân từ Côn Đảo gửi về đều không sử dụng các danh từ can phạm cộng sản, can phạm chính trị nữa mà gọi chung là can phạm đặc biệt, được chia thành hai loại:

- Thường phạm can án (đã ra toà).
- Thường phạm can cứu (chưa ra toà).

Ngoài danh sách chính thức để trao trả cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam như đã công bố, nhà lao Côn Đảo còn nhận lệnh của Nha cải huấn lập danh sách khác:

- Danh sách tất cả tù nhân án tử hình.
- Danh sách tất cả tù nhân án chung thân.
- Danh sách toàn bộ số tù câu lưu đưa ra kê án chính trị trong các phiên toà ngày 12 tháng 12 và ngày 28 tháng 12 năm 1972.

Các mục lập giống như danh sách đợt I. Hàng ngày Nha cải huấn gọi điện trực tiếp cho Quản đốc nhà tù, đọc tên từng người tù yêu cầu xác nhận xem có ở Côn Đảo không, nếu có thì cho biết số đình bài, hạnh kiểm. Danh sách bổ túc này khoảng 500 người, phần lớn có tên trong danh sách trao trả. Cùng lúc với danh sách bổ túc, Nha cải huấn lại yêu cầu Côn Sơn lập danh sách trên 2.000 tù nhân do Ủy ban Phật giáo vận động phóng thích tù nhân đưa ra. Danh sách này có cả tù án, tù câu lưu chính trị, có cả một số nhân vật quan trọng không phải Phật giáo như Vũ Ngọc Nhạ, Huỳnh Văn Trọng, Trần Ngọc Hiền (thuộc lưới tình báo chiến lược A.22)...

Ngục quyền Sài Gòn đặc biệt quan tâm danh sách này. Chúng biệt phái một toán cảnh sát từ Sài Gòn ra phối hợp với Trung tâm cải huấn Côn Sơn truy lục hồ sơ từng người, chia thành 2 loại: có tên trong danh sách trao trả

và không có tên trong danh sách trao trả, ghi vào sổ riêng dấu tích đặc biệt của từng người, đánh máy thành 2 bản, một đem về, một lưu lại Côn Sơn.

Những tù nhân nằm ngoài danh sách trao trả chính thức mà ngục quyền đưa vào các danh sách bổ túc sau này hầu hết là do các tổ chức thuộc Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù đưa ra đấu tranh đòi trao trả. Trong trường hợp những người tù được các tổ chức này đưa ra mà không có tên trong danh sách trao trả thì ngục quyền tìm cách chuyển trại, ém giấu hoặc lén lút chở ngay về các tỉnh, phóng thích đơn phương.

Ngày 20-5-1973, thiếu tá Thái Văn Thượng, Đặc phái viên của Nha cải huấn ngục bay ra Côn Đảo, làm việc với Quản đốc Nguyễn Văn Vệ và cho không vận về Sài Gòn 232 tù chính trị theo những danh sách riêng. Chúng tách 20 người chuyển tiếp đi Plâyku, 30 người đi Kon Tum, số còn lại giam ở Tân Hiệp (Biên Hoà).

Tháng 11-1973, Nha cải huấn và Bộ Nội vụ ngục lại cử một toán nhân viên ra Côn Đảo nhận 39 tù chính trị thuộc các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận không vận thẳng về Nha Trang, đơn phương phóng thích. Những người có tên trong danh sách trao trả được đưa về trại Hồ Nai (Biên Hòa). Tại đây, ngục quyền làm các thủ tục trao trả và tiến hành các hoạt động tâm lý chiến, chiêu hồi với âm mưu tổ chức một số tên tù tay sai thành đội ngũ chiêu hồi, chiêu hàng trong danh sách trao trả. Bọn này có nhiệm vụ tố cáo chế độ cộng sản tại nơi trao trả và xin “tìm tự do” dưới chế độ Việt Nam cộng hòa.

5.081 nhân viên dân sự trong danh sách chính thức được trao trả cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại sân bay Lộc Ninh làm ba đợt:

- Đợt I: 750 người, từ ngày 28.4 đến 24-5-1973
- Đợt II: 825 người, từ ngày 23.6 đến 24-7-1973
- Đợt III: 3.506 người, từ ngày 8.2 đến 7-3-1974

Bằng các thủ đoạn cài sổ thường phạm, quân phạm, trật tự, cầu an, đầu hàng vào danh sách trao trả, ngục quyền Sài Gòn đã “vận động” được 211

tên chiêu hồi, xin “tìm tự do” dưới chế độ Việt Nam cộng hòa trong ba đợt trao trả.

Việc đấu tranh thực hiện trao trả 5.081 nhân viên dân sự, trong đó có 4.075 người ở Côn Đảo là một bước thắng lợi của tù chính trị. Số người còn ở lại tiếp tục cuộc đấu tranh trên cơ sở pháp lý Hiệp định Paris, đòi trao trả hết tù chính trị, trong lúc chờ đợi, phải cải thiện đời sống, thực hiện chế độ tù chính trị. Địch nhượng bộ có mức độ, giải quyết yêu sách nhỏ giọt, hạn chế, song chúng không đàn áp quyết liệt như trước nữa.

Mục tiêu cơ bản của chúng là ém giấu tù chính trị, chuyển án thành thường phạm đã làm xong. Những người tù chính trị không được trao trả đã củng cố lực lượng, phát triển nhiều hình thức đấu tranh và tích cực chuẩn bị cho ngày giải phóng mà họ biết chắc chắn rằng không còn xa nữa.

Củng cố lực lượng, chuẩn bị đón thời cơ

Trong hai năm 1973 và 1974, Mỹ - ngụy vẫn tiếp tục lưu đày nhiều chuyển tù chính trị ra Côn Đảo. Theo sự chỉ đạo của Bộ Nội vụ và Nha cải huấn ngụy, tù chính trị bị giam giữ tại các Trung tâm Cải huấn đều được gọi là “can phạm phá rối trật tự trị an”. Hàng ngàn người không có chứng cứ phạm tội, chưa từng ra toà lần nào cũng bị gán cho những bản án như vậy. Theo một bản báo cáo của tù chính trị Côn Đảo gửi cho Trung ương Cục miền Nam, tính đến ngày 19-7-1973, địch đã chuyển 2.201 tù chính trị thành án “gian nhân hiệp đảng”.

Nhằm tạo giải pháp thiết thực phòng thủ Côn Đảo, từ năm 1974, ngụy quyền Sài Gòn chuyển cơ sở hành chánh Côn Sơn trực thuộc chính quyền Trung ương thành thị xã Phú Hải trực thuộc tỉnh Gia Định. Trung tâm cải huấn Côn Sơn đổi thành Trung tâm cải huấn Phú Hải. Các trại giam cùng được đổi tên thành Phú Hải, Phú Sơn, Phú Hưng, Phú Thịnh, Phú Phong, Phú Tường...

Những người tù chính trị Côn Đảo hiểu rất rõ bản chất ngoan cố của ngụy quyền Sài Gòn. Trong lúc tận dụng yếu tố pháp lý của Hiệp định Paris để đấu tranh giành lợi thế cho mình và lên án sự phi pháp của kẻ thù trước dư luận, những người tù chính trị Côn Đảo vẫn tích cực chuẩn bị những điều kiện tự giải phóng cho mình khi có thời cơ thuận lợi.

Thời gian này, các tổ chức trong nước và quốc tế đã lên tiếng mạnh mẽ, ủng hộ cả vật chất và tinh thần cho cuộc đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo. Chị Trần Thị Ngọc Sương, cán bộ phụ vận của Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đã tổ chức được một tổ nòng cốt trong số công chức làm việc ở Bưu điện Sài Gòn hết lòng giúp các thân nhân và các tổ chức thuộc Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù gửi bưu phẩm cho tù chính trị Côn Đảo. Chị Sương đã vận động một cốt cán ra làm Trưởng ty Bưu điện Côn Đảo,

tạo điều kiện thuận lợi cho tù chính trị nhận bưu phẩm và chuyển giúp thư từ, danh sách tù chính trị về đất liền.

Theo một bản tổng kết của tổ chức này, từ 1969 đến 1974, cơ sở nòng cốt của Bưu điện Sài Gòn đã chuyển trên 3.000 gói bưu kiện cho tù chính trị Côn Đảo. Tháng 7 năm 1973, Nguyễn Đình Tào, một sinh viên trẻ ở Sài Gòn, bị giam tại Trại VI khu B đã nhận được một thùng quà của một người bạn Hà Lan chưa quen biết. Một vài chữ trên thùng đã mờ, nhưng còn đọc được:

FROM: (...) MORRIS 12 (...) AREENLAND

HOLLAND

TO: Nguyễn Đình Tào

Phòng 2 - trại 6b - Côn Đảo, SOUTH VIETNAM

Trong thùng có một bánh xà phòng thơm của Pháp; hai gói thuốc lá thơm của Anh kèm một ống đót giả ngà; một ống vố (tẩu) bằng cùi bắp kèm một gói Half and Half của Mỹ; còn lại là thực phẩm đóng hộp gồm: Thịt heo của Liên Xô, patê của Bỉ, thịt hầm đậu của Hà Lan, thịt cừu của Úc, dưa hộp của Côte D Ivoire (Châu Phi).

Tất cả sản phẩm của 8 nước thuộc 5 Châu: Âu - Á- Mỹ - Phi - Úc của người bạn từ vạn dặm gửi tới được Nguyễn Đình Tào trao lại cho Ban điều hành của tù chính trị Trại VI khu B. Ban điều hành và anh em quản lý các phòng, đã bàn bạc để chia đều món quà đầy tình nghĩa quốc tế cho toàn bộ trên 800 tù chính trị Trại VI khu B. Bánh xà phòng được giao cho bệnh xá để tắm gội cho anh em bệnh tật; ba gói thuốc bóc ra chia đều cho 10 phòng, mỗi phòng 6 điếu, mỗi người nghiện được rít một hơi, thực phẩm các loại khoảng 1,5 ki-lô-gam được mở ra trộn đều và chia cho mỗi phòng được hơn nửa chén ăn cơm, hơn 80 người cùng thưởng thức.

Thức ăn, thuốc hút chỉ sau bữa chiều đã hết sạch, chỉ có mối tình của người bạn từ vạn dặm là còn đọng mãi trong trái tim những người tù chính trị Côn Đảo. Từng mảnh thùng carton, từng mảnh lon đồ hộp được anh em tù chính trị chia nhau, cắt mài thành những đồ lưu niệm.

Cùng thời gian ấy, anh Trịnh Minh Bách, số tù 19.282 ở Trại VI khu B Côn Đảo cũng nhận được một tấm bưu thiếp của một người bạn Hà Lan khác, là Willem Van Gelder ở Tusveld 31 Bornerbroek (Hà Lan) với lời cổ vũ thật cảm động của một trái tim thân thương và tha thiết (đánh máy trên bưu thiếp, bằng tiếng Việt):

Bạn thân mến,

Chúng tôi đang vận động để giúp anh. Vậy anh nên vững lòng và giữ vững tinh thần. Và ngày kia, chúng tôi có thể được tin anh được tự do.

Wiilem Van Geider, Tusveld 31, Boruc broek (Hà Lan).

Những dòng chữ ngắn ngủi cùng những món quà không lớn ấy lại có sức cổ vũ phi thường. Mỗi người tù chính trị Côn Đảo tự thấy cuộc đấu tranh chính nghĩa của mình đang sống giữa những dòng thác cách mạng của thời đại, đang đấu tranh cho độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, vì tiến bộ và nhân văn của loài người. Tập san Xây Dựng, tiếng nói của tù chính trị Trại VI khu B, số đặc biệt kỷ niệm Quốc khánh 2-9-1973 đã in bài thơ của Nguyễn Đăng và bản nhạc Mỗi tình vạn dặm của Bùi Văn Toàn nói lên niềm tự hào và vững tin của những người tù Côn Đảo trước tấm lòng nhân ái bao la của những người bạn Năm châu. Cho đến những ngày gần đây, trong những dịp họp mặt, gặp nhau, những người tù chính trị Côn Đảo vẫn nhắc: MORRIS - WILLEM VAN GELDER, giờ này, các anh ở đâu?

Năm 1974, các cuộc đấu tranh của tù nhân Côn Đảo tăng nhiều so với năm 1973. Công văn số 449/TTCH/CS/AN/TK ngày 27-6-1974 về tình hình an ninh Trưng tâm cải huấn cho biết, năm 1973 có 127 vụ vi phạm nội quy, 84 vụ gây rối, trong khi đó, chỉ tính từ 1-1-1974 đến 26-6-1974 đã có 112 vụ vi phạm nội quy và 57 vụ gây rối.

Công văn số 449/TTCH/CS/CM/M/TK ngày 20-7- 1974 của Ban chuyên môn đã khẩn cấp phúc trình Quản đốc nhà tù về tình hình an ninh như sau: “Liên tiếp trong 2 ngày 17 và 18-7-1974, số can cứu chống đối Trại VI đã tuần tự từng phòng hô la. Số can cứu thuộc Trại VII khu D đồng thanh hưởng ứng Trại VI hô la các khẩu hiệu”.

Quản đốc nhà tù khẩn cấp triệu tập nhiều cuộc họp bàn giải pháp đảm bảo an ninh cho trung tâm. Ngày 14- 8-1974, Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia Côn Sơn đã ban hành lệnh cấm trại 100% nhân số và gửi công điện số 1506/CSQG/CS/HQ thông báo cho các phòng ban trực thuộc, cho Bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia yếu khu Cỏ Ống, Bến Đầm và trung đội cảnh sát dã chiến tăng phái để thực hiện.

Trong một tài liệu khác mang tên Biên bản ghi nhận các cuộc xách động, gây rối, chống đối của các can phạm thụ huấn tại Côn Sơn ngày 7-2-1975, Trung tá Lâm Hữu Phương, tên chúa đảo cuối cùng đã ghi nhận:

“Từ đầu tháng 1 đến cuối tháng 12-1974 có tất cả 149 vụ chống đối, xách động và gây rối của các can phạm dưới các hình thức: Hô la tập thể, đòi nhà cầm quyền phải cung cấp đầy đủ lương thực, thuốc men; tụ họp học tập, đọc thông báo yêu cầu Chính phủ Việt Nam cộng hòa phải tôn trọng Hiệp định Paris, đòi phải trao trả tức khắc cho tất cả số can phạm còn (bị) giam giữ, ca hát những bài ca cộng sản, xuyên tạc quân đội Việt Nam cộng hòa và đồng minh, hô khẩu hiệu đề cao cộng sản”.

Cũng trong biên bản trên, chúng ghi nhận: “Riêng trong tháng 1-1975 đã có 11 vụ hô la, chống đối, xách động với các hình thức tương tự như trên (...) Đặc biệt đã có 12 vụ khám phá các nơi chôn giấu, tịch thu một số tài liệu, bài ca cộng sản, cờ Mặt trận Giải phóng miền Nam và một số vật dụng khác như: một radiô 2 băng, một đồng hồ chạy nước, 23 cây sắt nhọn, 50 con dao lớn nhọn, một số dao găm làm bằng cây, một số đồ kích nghệ, 9 súng AK, 8 súng M16, 15 súng lục, 3 máy điện thoại có ống liên hợp, cần ăng ten, lựu đạn, bêta, mã tấu, kềm cắt, tất cả đều bằng gỗ, dây điện và một số vật dụng linh tinh tại Phú Tường, Phú Phong, Phú An, Phú Bình và Phú Hưng” (tức Trại I, Trại V, Trại VI và Trại VII).

Quản đốc Lâm Hữu Phương ráo riết chỉ đạo tăng cường các biện pháp phòng, thủ, sắp đặt phương án chống bạo động, tổ chức lục soát các phòng giam, truy tìm tài liệu, vũ khí và tiếp tục thanh lọc số tù chính trị thuộc “đối tượng nguy hiểm” đưa biệt giam tại chuồng cạp Mỹ (Trại VII).

Địch phán đoán đúng. Qua những bức thư của Trung ương Cục từ năm 1970, 1971 và 1972, tù chính trị Côn Đảo đã nắm được chủ trương chiến lược của Đảng ta là “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” và kết thúc chiến tranh bằng một cuộc tổng tiến công và nổi dậy. ở một số trại, tù chính trị đã xây dựng tự vệ bí mật, tự tạo vũ khí, tổ chức lực lượng đề sẵn sàng nổi dậy khi có thời cơ thuận lợi.

Những vũ khí bằng sắt và bằng gỗ mà địch thu được như đã báo cáo đều là một phần trong sự chuẩn bị nổi dậy của tù chính trị. Đảng bộ của tù chính trị câu lưu mang tên Lưu Chí Hiếu được thành lập ở Trại VI khu B còn chỉ đạo lực lượng tự vệ bí mật dùng giẻ thấm nước muối siết các chấn song cửa sổ cho mòn dần và dùng sắt nhọn soi từng mảng tường trại giam, sau đó quét côm nguội với tro bếp trét lại để khi có thời cơ sẽ bẻ song, đập tường giải thoát.

Bản tài liệu “Sơ kết tình hình Nhà lao Côn Đảo” do Ban An ninh Trung ương Cục thực hiện cho biết, trong nhiều bức thư chỉ đạo từ năm 1969 đến 1973, Trung ương Cục đã trang bị cho tù chính trị tư tưởng tự giải phóng. Bức thư tháng 4-1969 có đoạn xác định chủ trương đấu tranh trong tù: “Đẩy mạnh đấu tranh dân sinh dân chủ, tập hợp rộng rãi quần chúng tham gia, lôi kéo những ai có thể tham gia được, duy trì, giữ vững, không ngừng nâng cao phong trào, có liên tục đấu tranh mới bảo vệ được thanh danh, khí tiết đảng viên. Ra sức xây dựng thực lực nhằm đảm bảo yêu cầu hiện nay, đồng thời sẵn sàng để tự giải thoát mình khi có thời cơ thuận lợi sau này”.

Chủ trương này đã được Đảng ủy Trại III vận dụng như sau: “Đẩy mạnh đấu tranh dân sinh dân chủ làm đòn xeo, mở rộng dân chủ để tạo thế. Qua đấu tranh, ra sức xây dựng thực lực, đưa phong trào tiến lên theo phương hướng chống chào cờ, chống khổ sai tập thể, đòi quyền tự quản trị, đòi trả tự do, đồng thời sẵn sàng tự giải thoát mình khi có điều kiện”.

Nhờ có radiô, tù chính trị Côn Đảo ở nhiều trại đã theo dõi sát tình hình chiến sự từ cuối năm 1974 cho đến đầu năm 1975. Tin tỉnh Phước Long

hoàn toàn giải phóng (1-1975) làm nức lòng tù chính trị. Đảng ủy Lưu Chí Hiếu nhận định cuộc tiến công quyết định của quân và dân ta đã bắt đầu.

Giải phóng Nhà tù Côn Đảo

Tháng 3-1975, khi chiến dịch Tây Nguyên mở màn cho cuộc Tổng tiến công mùa xuân 1975 thì Mỹ - ngụy tăng cường phòng thủ Côn Đảo. Chúng sửa lại con đường từ thị trấn qua Hàng Dương lên Sở Tiêu. Từ con đường bọc sau lưng suốt 8 trại này, địch mở thêm 2 nhánh nữa, một nhánh chạy thẳng vào khu vực Trại VI, Trại VII, Trại VIII, một nhánh vào khu vực Trại I, Trại IV, Trại V. Với hệ thống đường này, địch có thể khống chế các trại từ phía chân núi. Trong trường hợp tù nhân nổi dậy, chúng có thể cơ động lực lượng và bố trí hỏa lực đàn áp, hất lực lượng nổi dậy ra phía biển và nhanh chóng tiêu diệt.

Tháng 4-1975, Nhà tù Côn Đảo có 7.448 tù nhân, trong đó có 4.234 tù chính trị (494 phụ nữ), còn 3.214 là tù thường phạm, quân phạm. Trong số 4.234 tù chính trị, có 2.488 người đang chịu chế độ cấm cố ở Trại I, Trại V, Trại VI và Trại VII. Những người này đã chống chèo cờ ngụy, chống học tổ cộng, chống nội quy nhà tù từ nhiều năm trước, 1.746 người còn lại chịu làm khổ sai chung với tù thường phạm ở Trại II và Trại III.

Bộ máy kìm kẹp của địch gồm một tiểu đoàn bảo an (khoảng trên 500 tên), một Đại đội cảnh sát (gần 100 tên), 89 giám thị, 130 công chức và gần 1.000 trật tự an ninh được tuyển chọn trong số tù thường phạm, quân phạm lưu manh nhất, tất cả khoảng 2.000 tên. Như vậy, cứ hơn 2 tù chính trị thì có một tên trong bộ máy kìm kẹp. Đó là chưa kể đến hệ thống trại giam kiên cố, hệ thống khu kỷ luật với 20 hầm đá (Trại II), 14 xà lim (Trại III), 31 phòng biệt giam (chuồng bò) 384 chuồng cọp Mỹ (Trại VII) và một số xà lim, hầm tối ở Trại I, Trại V và Trại VI (chuồng cọp Pháp đã bị phá bỏ từ năm 1970); cũng chưa kể đến nội quy khắc nghiệt của nhà tù, sẵn sàng cấm cố biệt lập tất cả những ai chống đối.

Trước ngày giải phóng, 58,7% tù chính trị đang ở trong các trại cấm cố. Hiếm có một nơi nào trong đất liền lại có điều kiện bảo vệ an ninh cho

ngụy quyền như vậy.

Ngày 29-4-1975, trong khi quân giải phóng tiến vào Sài Gòn, ở Côn Đảo các trại tù cấm cố bị canh gác chặt chẽ. Bọn gác ngục, trật tự, an ninh lằm lỉ. Một sự im lặng, căng thẳng đáng sợ bao trùm. Bầu trời Côn Đảo náo loạn bởi các chuyến bay quân sự các loại lên xuống sân bay Cỏ Ống chở quân tướng Mỹ, ngụy di tản. Canô, tàu há mồm cặp bãi Cỏ Ống, chuyển tiếp ra các tàu đón người di tản đang đậu ngoài khơi.

16 giờ 30 phút, bọn cố vấn Mỹ đóng ở Côn Đảo rút chạy. Đêm ấy chúa đảo Lâm Hữu Phương tự lái xe chở vợ con qua chi khu Bến Đầm, bí mật xuống ca nô trốn ra tàu di tản, bỏ lại cả phương án tử thủ Côn Đảo và lũ tay chân đang hoang mang nhốn nháo.

Sáng 30 tháng 4 năm 1975, đại úy Phạm Huỳnh Trung - Chỉ huy phó Đặc khu Côn Sơn triệu tập một cuộc họp liên tịch giữa các sĩ quan và công chức có quyền thế trên đảo, cùng đám gác ngục ác ôn nhất như Lê Văn Khương, Đỗ Văn Phục... Chúng quyết định khóa chặt tất cả các phòng giam, bố phòng nghiêm ngặt trong, ngoài lao, tổ chức di tản ra tàu bằng mọi phương tiện trên đảo và âm mưu thủ tiêu toàn bộ tù chính trị bằng lựu đạn vào giờ chót.

Nhưng cách mạng đã chặn bàn tay khát máu, không để lũ quỷ dữ kịp thực hiện tội ác cuối cùng. Kế hoạch di tản và thủ tiêu tù chính trị vừa bàn ngót miệng thì cơn bão táp cách mạng ập đến. Tin Dương Văn Minh đầu hàng, thành phố Sài Gòn hoàn toàn giải phóng như tiếng sét đánh ngang tai làm chúng rụng rời chân tay, kinh hoàng tháo chạy. Cuộc di tản hỗn loạn trên đảo kéo dài đến nửa đêm.

Trong khi đó linh mục Phạm Gia Thụy tích cực vận động giáo dân trong họ đạo Côn Sơn không di tản, ở lại giúp tù chính trị giải thoát khỏi ngục tù. Đại úy Kiều Văn Dậu, Trưởng ban 3 (hành quân - tác chiến) Đặc khu Côn Sơn ở lại cùng 49 binh sĩ bảo an. Số binh sĩ này đã góp phần bảo vệ an ninh trên đảo trong phút giao thời. Linh mục Phạm Gia Thụy bàn bạc với Kiều Văn Dậu và một số công chức về việc mở cửa nhà lao giải thoát cho tù chính trị. Tù chính trị bị cấm cố và bị bỏ đói suốt ngày 30-4-1975.

Bằng nhiều nguồn tin, anh em đều phán đoán trong đất liền có biến động lớn, nhưng chưa biết là Sài Gòn đã được giải phóng. Ban lãnh đạo các khu của Trại VII quyết định tổ chức kỷ niệm trọng thể ngày Quốc tế Lao động (1-5) để phát huy uy thế của tù chính trị đồng thời thăm dò phản ứng của địch. Các trại khác cũng đều chuẩn bị làm lễ kỷ niệm.

Vào lúc 23 giờ, khi các trại đang khẩn trương chuẩn bị khẩu hiệu, bài trí nơi làm lễ để sáng ra làm đồng loạt vào lúc keng tan nghiêm thì đại úy Kiều Văn Dậu cùng Trưởng ty Thanh niên Nguyễn Văn Đồng và anh Nguyễn Văn Sơn, nhân viên Hợp tác xã tiêu thụ Côn Đảo vào Trại VII. Họ mở phòng 24 khu H, gặp nhóm cán bộ quân báo để báo tin Dương Văn Minh đầu hàng, Sài Gòn được giải phóng, bọn ác ôn trên đảo đã bỏ chạy hết, bọn trật tự an ninh gốc thường án, quân phạm, lưu manh đang cướp bóc, gây rối loạn trên đảo. Nhóm binh sĩ, công chức yêu cầu anh em tù chính trị ra giải phóng Côn Đảo, duy trì trật tự an ninh và đảm bảo tính mạng, tài sản cho những người còn lại trên đảo.

Các đồng chí có trách nhiệm trong Khu H nhanh chóng hội ý và nhận định: Có thể Sài Gòn đã được giải phóng, cần tranh thủ thời cơ tự giải phóng cho mình, song cần hết sức cảnh giác âm mưu thủ tiêu tù chính trị của địch. Anh em yêu cầu nhóm công chức báo tin cho mượn radiô để nghe tin tức và cử người ra ngoài trại để nắm tình hình.

Radiô được mang tới, mọi người hồi hộp lắng nghe giọng nói thân thương của Đài tiếng nói Việt Nam phát bản tin Dương Văn Minh đầu hàng, thành phố Sài Gòn hoàn toàn được giải phóng, Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định đã được thành lập và công bố 12 chính sách trong vùng mới giải phóng.

Ngay sau phút bàng hoàng vì sung sướng, những người có trách nhiệm ở Khu H quyết định hành động; chớp thời cơ giải phóng Côn Đảo. Lực lượng tù nhân giải phóng thu ngay khẩu súng cácbin và chùm chìa khóa Trại VII, người mở cửa, người phát loa thông báo cho các khu. Tiếng reo hò từ Khu H lan ra các khu Trại VII. Được tin Sài Gòn đã giải phóng, nhiều phòng chưa kịp mở khóa, anh em đã bẻ song, phá cửa, đập tường ra. Lúc ấy là 1

giờ sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975. Ba giờ sáng, cả 8 khu (A-B-C-D-E-F-G-H) của Trại VII hoàn toàn được giải phóng.

Các đồng chí có trách nhiệm ở Trại VII triệu tập ngay một cuộc họp và quyết định thành lập Đảo ủy lâm thời (gồm 7 người) để lãnh đạo cuộc nổi dậy. Đồng chí Trịnh Văn Tư được cử làm Bí thư. Đồng chí Phan Huy Vân (Hai Tân) Phó Bí thư, đồng chí Mai Xuân Công là ủy viên thường vụ. Ban chấp hành còn có các đồng chí Nguyễn Nam (Hà), Lê Văn Triết (Đoàn Cao Hồng)... Đảo ủy lâm thời đề ra chương trình hành động, gồm 3 điểm chính:

- Cử người đi giải phóng các nhà lao, trước hết là lao phụ nữ.
- Tổ chức ngay lực lượng võ trang, chiếm trại lính và các vị trí quan trọng.
- Thành lập chính quyền cách mạng để quản lý và giải quyết mọi việc trên đảo.

Hai đồng chí Trần Ngọc Tự và Lê Viết Lành nhận nhiệm vụ tổ chức lực lượng võ trang. Các đồng chí chọn một số thanh niên khỏe mạnh, thành lập ngay một trung đội, võ trang bằng khẩu carbine vừa chiếm được và các loại vũ khí thô sơ đến chiếm trại lính Bắc Bình Vương ở khu vực Lò Vôi (gần Trại VI, Trại VII). Trung đội thứ 2 được tổ chức ngay sau đó, đến chiếm trại lính Bình Định Vương ở khu vực Sở Ruộng (gần Trại I, Trại IV, Trại V). Bọn lính ở hai trại này đã chạy hết, bỏ lại mấy thùng lựu đạn và vài khẩu súng.

Trong lúc đó, Đảo ủy lâm thời tổ chức lực lượng chia thành nhiều tốp, từ Trại VII đến giải phóng các trại. Trại VI khu B lúc ấy giam gần 500 phụ nữ, có một số vừa bị đày ở đất liền ra trước đó 10 ngày. Chị em giấu được một chiếc radiô, nghe được tin Sài Gòn giải phóng từ trưa 30-4-1975 nhưng không thể báo tin cho các trại và không tìm cách nào ra được. Mãi đến 3 giờ sáng, các chị mới vận động được tên Trưởng trại mở cửa cho ra. Cùng lúc ấy, lực lượng giải phóng của Trại VII cũng vừa đến. Các chị cử đại diện đến Trại VII nhận sự chỉ đạo của Đảo ủy lâm thời. Theo đề nghị của Đảo

ủy lâm thời, các chị Hai Nhân và Tư Cúc tham gia Đảo ủy, chị Phạm Thị Đào tham gia chính quyền cách mạng.

Rạng sáng 1-5-1975, tù nhân ở Trại I, Trại IV và Trại V vẫn chưa biết gì, Mọi người đang chờ keng tan nghiêm để kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động thì lực lượng giải phóng từ Trại VII tràn vào mở cửa. Đến bây giờ, nhiều người vẫn chưa quên được giây phút kinh ngạc và sung sướng ấy. Ở Trại V có phòng không dám tin, đòi phải có đại diện của tù câu lưu ở Trại VI khu B cũ đến, anh em mới ra khỏi nhà lao và hành động.

Tù chính trị ở Trại VIII, Trại II, Trại III biệt giam Chuồng Bò lần lượt được mở cửa. Khoảng 8 giờ sáng, lực lượng tù nhân đã hoàn toàn làm chủ thị trấn Côn Đảo. Lực lượng võ trang giải phóng phát triển lên một đại đội. Trung đội thứ 3 đến chiếm Ty cảnh sát, thu được một kho súng, đủ trang bị cho một tiểu đoàn. 10 giờ, Đài truyền thanh phát sóng báo tin Côn Đảo hoàn toàn giải phóng và công bố danh sách các thành viên trong chính quyền cách mạng. Chính quyền được tổ chức theo tinh thần “hòa hợp - hòa giải dân tộc”, gồm 15 người, lấy tên là Ủy ban Hòa hợp - Hòa giải Dân tộc tỉnh Côn Sơn.

Linh mục Phạm Gia Thụy được cử làm Chu tịch. Bảy ủy viên là tù chính trị vừa được giải phóng, trong các chức vụ: Phó Chủ tịch thứ nhất, tổng thư kí, ủy viên quân sự, ủy viên an ninh, ủy viên chính trị và thông tin, ủy viên kinh tế và xã hội; 7 ủy viên khác là sĩ quan, công chức, giám thị đã tham gia giúp tù chính trị trong cuộc nổi dậy giải phóng cồn Đảo.

Trưa 1-5-1975, lực lượng võ trang của tù nhân giải phóng phát triển lên một tiểu đoàn. Đồng chí Võ Thanh chỉ huy một đại đội lên chiếm sân bay Cỏ Ống. Trung đội bảo an và một số nhân viên bảo vệ sân bay nộp vũ khí đầu hàng. Ta thu 27 máy bay, nhiều chiếc còn nguyên vẹn.

18 giờ, đại đội thứ 3 của lực lượng võ trang giải phóng đã chiếm chi khu quân sự Bến Đầm. Tù chính trị hoàn toàn làm chủ Côn Đảo, không phải nổ một phát súng nào. Buổi tối, Đảo ủy lâm thời họp mở rộng, có đại diện của tất cả các trại. Ban chấp hành được củng cố, gồm 14 đồng chí. Đảo ủy bàn việc quản lý, bảo vệ đảo và liên hệ với đất liền.

Chiều 1-5-1975, tại thành phố Vũng Tàu vừa giải phóng, Trung tướng Lê Trọng Tấn - Tư lệnh cánh quân Duyên Hải đã họp với đại diện Bộ Tư lệnh Hải quân, Khu ủy miền Đông, Sư đoàn Sao Vàng và Thành ủy thành phố Vũng Tàu, bàn phương án giải phóng Côn Đảo bằng một cuộc hiệp đồng quân chủng Hải-Lục - Không quân. Tiểu đoàn 445, bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa cùng Tiểu đoàn 6, thuộc Trung đoàn 12 của Sư đoàn Sao Vàng anh hùng được lệnh tập kết về cảng Rạch Dừa, để xuống tàu ra giải phóng Côn Đảo. Đảng bộ và nhân dân thành phố Vũng Tàu đã gửi hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, rau xanh, thuốc chữa bệnh cho các chiến sĩ Côn Đảo.

Chiều 2-5-1975, đài Vô tuyến điện Côn Đảo phát sóng, chuyển bức điện của chính quyền cách mạng ở Côn Đảo về đất liền: “Ủy ban Hòa giải Hòa hợp Dân tộc ở Côn Sơn đã thành lập 7 giờ sáng ngày 1-5-1975. Chúng tôi nhiệt liệt chào mừng thành phố Sài Gòn đã được giải phóng. Sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam”.

Đài phát sóng liên tục, đến 15 giờ ngày 3-5-1975 thì liên lạc được với Thành ủy Sài Gòn - Gia Định. Khi được hỏi Côn Đảo cần gì để đất liền chi viện ngay thì đồng chí đại diện cho Đảo ủy lâm thời đã nghẹn ngào trả lời: “Chúng tôi cần ảnh Bác Hồ!”.

Rạng ngày 4-5-1975, tàu V.609 và tàu V.683 hải quân chở bộ đội ra đến nơi thì những người tù chính trị Côn Đảo đã hoàn toàn làm chủ và ổn định tình hình trên đảo. 500 tấm ảnh Bác Hồ được tù nhân giải phóng rước về các phòng, các trại. Giờ phút ấy trang nghiêm ấy, không gian Côn Đảo dường như lắng lại, tan vào những giọt nước mắt nóng hổi trên gò má hóp của những người tù. Ủy ban Quân quản Côn Đảo được thành lập. Cuộc đấu tranh của những người tù chính trị Côn Đảo đã giành được thắng lợi trọn vẹn sau gần 20 năm thư thách nghiệt ngã, từng trải qua biết bao gian khổ hi sinh và những bước thăng trầm.

Cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo là sự biểu hiện sinh động của tư tưởng bạo lực cách mạng trong nhà tù. Trong lúc phát huy sức mạnh tổng hợp của các hình thức và lực lượng vào cuộc đấu tranh chính trị, những chiến sĩ

cách mạng trong nhà tù đã kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chống khổ sai, đòi quyền dân sinh, dân chủ và đặc biệt chú trọng duy trì, phát triển tư tưởng bạo lực cách mạng. Sức mạnh chính trị kết tinh từ ý chí của những tập thể và cá nhân tiêu biểu, kiên cường đấu tranh chống ly khai, chống tố cộng, chống chào cờ từ hơn mười năm trước đã được nhân lên nhiều lần trong cuộc Đồng khởi chống chào cờ và chống khổ sai của hơn 4.000 người năm 1970.

Đấu tranh vũ trang được sử dụng hạn chế trong một số cuộc vượt ngục tiếp tục được duy trì dưới hình thức võ trang tự vệ chống khủng bố trong thời kì đấu tranh trên cơ sở pháp lý Hiệp định Paris và kết hợp rất sinh động với sức mạnh chính trị trong đêm nổi dậy.

KẾT LUẬN

Quần đảo Côn Lôn cũng như các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam. Ngay từ khi lập nghiệp ở phương Nam, các triều đại phong kiến nước ta đã mở mang, khai thác, xây dựng và bảo vệ quần đảo, thực hiện chủ quyền của mình một cách thường xuyên liên tục để biến quần đảo Côn Lôn thành một nơi trù phú, tham gia quá trình phát triển chung của đất nước. Việc tổ chức Đội Hoàng Sa để thống lĩnh các quần đảo với tư cách là một đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; việc tổ chức cuộc nổi dậy của binh lính và cư dân trên đảo chống hành động xâm lược của Công ty Đông - Ấn thuộc Anh ngày 3-2-1705 đời chúa Nguyễn Phúc Chu chứng tỏ điều đó.

Thực ra, quần đảo Côn Lôn chỉ rơi vào tay thực dân Pháp từ ngày 28-11-1862, đúng 74 năm sau khi ký kết Hiệp ước Vécxai, hiệp ước đầu tiên của Nguyễn Ánh ký với nước Pháp, không có giá trị về mặt pháp lý cũng như trên thực tế. Từ ngày đó, thực dân Pháp đã lựa chọn Côn Đảo làm nơi xây dựng nhà tù để khủng bố và tiêu diệt bất kể lực lượng cách mạng nào dám chống lại chúng. Nhà tù Côn Đảo là con đẻ của chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương, một công cụ đàn áp để bảo vệ chính quyền thực dân. Cũng từ đó, Nhà tù Côn Đảo trở thành một chiến trường đặc biệt, nơi diễn ra cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, một mất một còn của những người yêu nước Việt Nam bị giặc tù đày chống lại bọn cướp nước.

Từ ngày thành lập, Nhà tù Côn Đảo đã là tấm gương phản chiếu trung thành những bước thăng trầm trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta qua các thời kỳ. Mở đầu cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân xâm lược ở Côn Đảo là cuộc khởi nghĩa toàn đảo ngày 23-6-1862, nhân dân hải đảo nhất tề đứng lên phá tan nhà tù, đuổi quân Pháp ra khỏi quần đảo, thể hiện ý chí quật cường, không cam chịu làm nô lệ của nhân dân Côn Đảo.

Những nghĩa quân thời Trương Định, Thủ Khoa Huân, những người ứng nghĩa cần Vương bị cầm tù ở Côn Lôn đã bất chấp chính sách giết sạch, phá sạch, đốt sạch của quân viễn chinh Pháp, liên tiếp chủ trương dùng bạo lực chống lại kẻ thù có bạo lực, tổ chức những cuộc bạo động, những cuộc nổi dậy cướp súng giặc, giết giặc, giải thoát khỏi cảnh ngục tù khủng khiếp.

Trong nửa cuối thế kỷ XIX, khi đất nước bị xâm lược, Nam triều đã trở thành công cụ đàn áp cách mạng của thực dân Pháp, những cuộc vũ trang bạo động lẻ tẻ ở Côn Đảo rất ít khi thành công. Có khi đã thành công ở đảo lại bị tổn thất ở đất liền, do sự câu kết giữa thực dân cướp nước và bè lũ phong kiến phản động bán nước. Đó là trường hợp của cuộc khởi nghĩa về vang ở Hòn Bảy Cạnh ngày 27-8-1883. Sau mỗi cuộc khởi nghĩa của tù nhân, thực dân Pháp càng siết chặt chế độ lao tù, tăng cường đàn áp, giết hại người tù với những thú đoạn gian xảo, tinh vi hơn.

Hầu hết những người đứng đầu phong trào Văn Thân đã nhận ra điều đó. Bị cầm tù ở Côn Đảo những năm đầu thế kỷ XX, bộ phận sĩ phu phong kiến tiến bộ nhất đã từ chối hình thức đấu tranh bạo lực ở nhà tù mà chỉ biểu lộ sự phản kháng chế độ lao tù bằng dòng thơ tù, một dòng thơ cách mạng và yêu nước độc đáo trong lịch sử văn học dân tộc. Những bài thơ của lớp tù Văn Thân thuở đó đã biểu thị tinh thần yêu nước nồng nàn. ý chí kiên cường đấu tranh cho nền độc lập nước nhà, thổi bùng trong tâm trí các thế hệ tù Côn Đảo tinh thần bất khuất của một dân tộc chưa bao giờ khuất phục trước kẻ thù. Khí tiết thanh cao của các sĩ phu yêu nước cũng đã cảm hóa được cả những người tù thường phạm.

Những cuộc nổi dậy của tù nhân thuộc các phong trào Bãi Sậy, Yên Thế, Duy Tân, Thái Nguyên... trong những năm cuối chiến tranh thế giới thứ nhất đã phân hóa sâu sắc các sĩ phu Văn Thân bị cầm tù ở Côn Đảo. Một vài người tiếp tục chủ trương bạo động đã tham gia cuộc nổi dậy ở Ban H I năm 1918; một số người khi mãn hạn tù đã tích cực tham gia những tổ chức tiền thân của Đảng; những người còn lại đều “giữ được tấm lòng không thay đổi” (Huỳnh Thúc Kháng).

Nửa cuối những năm 20, cánh cổng sắt của nhà tù đế quốc ở Côn Đảo mở rộng để đón những người tù chính trị bị bắt trong phong trào quốc gia bùng nổ rồi chấm dứt với cuộc bạo động Yên Bái của Quốc dân đảng, lớp tù trí thức tiểu tư sản. Nếu như ngoài xã hội, “họ không biết đưa đất nước mình đi đến đâu” - như viên trùm mật thám Đông Dương Máctý (L. Marty) đã từng nhận xét, thì trong Nhà tù Côn Đảo họ cũng không làm được gì hơn thế.

Đầu những năm 1930 hàng trăm tù nhân là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng có mặt tại đảo, họ không có một phương sách, một biện pháp, một cuộc đấu tranh nào đáng kể để chống lại chế độ lao tù. Có điều đáng ghi nhận là nội bộ những người tù Quốc dân đảng đã phân hóa ngày một sâu sắc và rõ nét. Một số ít do tư cách hèn hạ, không chịu đựng nổi cảnh ngục tù đã đầu hàng, làm cò mồi, chỉ điểm cho giặc; một số khác thì than thân trách phận vì đã bùng nổ theo những thủ lĩnh thiếu suy nghĩ; còn bộ phận tiến bộ nhất đã tham gia những phong trào đấu tranh của tù nhân dưới sự lãnh đạo của tổ chức cộng sản trong nhà tù.

Nhiều thanh niên trí thức sớm nhận ra sự bế tắc về đường lối của Việt Nam Quốc dân đảng và sự bất lực của những thủ lĩnh đảng này. Sống bên những người cộng sản, dần dần họ được cảm hóa vì nhân cách, vì tình thương và về lý tưởng cộng sản. Cùng học tập và đấu tranh với người cộng sản, dần dần họ tin tưởng vào sự lãnh đạo của những người cộng sản qua thể nghiệm bản thân trong đời sống lao tù. Những người tiên tiến nhất, ngay trong nhà tù, đã tự nguyện đứng dưới cờ cộng sản, một số khi ra tù trở thành đảng viên cộng sản.

Cuối những năm 20, đầu những năm 30, nhất là sau cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh, các chiến sĩ cộng sản bị đày ra Côn Đảo ngày một nhiều. Bề lũ thực dân âm mưu sử dụng hệ thống nhà tù để giết hại tù chính trị, giết hại những người cộng sản. Song những lớp tù chính trị cộng sản bị đày ra Côn Đảo ngày một nhiều, mở ra một giai đoạn mới, khác hẳn về chất, trong phong trào đấu tranh của tù chính trị ở Côn Đảo.

Bè lũ thực dân dùng hệ thống nhà tù nhằm mục đích tiêu diệt phong trào cách mạng Việt Nam, tiêu diệt Đảng Cộng sản Việt Nam. Phải đấu tranh giành lấy quyền sống, không thể để bọn chúa ngục muốn làm gì thì làm. Đấu tranh trong tù là một bộ phận của cuộc đấu tranh cách mạng, là cuộc đấu tranh một mất một còn giữa những người cách mạng và bọn cướp nước để bảo vệ sinh lực của Đảng, để bảo vệ lý tưởng của Đảng, để vươn lên ngang tầm những đòi hỏi mới của cách mạng. Người cộng sản mang trong mình tinh thần bất khuất của dân tộc, không một bạo lực nào của kẻ thù làm nhụt chí khí. Trong lao tù, tay chân bị xiềng xích, thân thể bị đánh đập tra tấn tàn nhẫn, họ vẫn bình tĩnh, lạc quan, giữ vững niềm tin vào cách mạng, suốt đời trung thành với cách mạng, với Đảng, với Tổ quốc.

Trong Nhà tù Côn Đảo, chính kẻ thù cũng thấy rõ người cộng sản là những con người có bản lĩnh chiến đấu phi thường. Bọn cai ngục tra tấn đánh đập, nhưng vừa đánh vừa sợ, vừa đánh vừa khâm phục những người tù cộng sản. Khó khăn gian khổ càng tôi luyện những chiến sĩ cộng sản thành những con người gang thép, vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt của chế độ nhà tù đế quốc dã man.

Trong cuộc đấu tranh chống chế độ lao tù, để thay đổi dù chỉ là một con cá khô mục thối, bớt một thanh củi, một hòn đá, một chuyến xe, một tảng san hô, thêm một phút được hít thở không khí..., những người cộng sản đã được tổ chức thành đội ngũ chặt chẽ, tập hợp được đại đa số quần chúng, đã đưa ra những khẩu hiệu thích hợp, đã biết lúc tiến, lúc thoái để bảo vệ phong trào. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của tổ chức Đảng trong tù, trận tuyến đấu tranh đã được phân rõ: một bên là bọn chúa ngục, một bên là tất cả tù nhân giành quyền sống.

Có thể nói Côn Đảo cũng như nhiều nhà tù của đế quốc Pháp ở nước ta hồi đó, là biểu tượng của khí phách anh hùng, tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam.

Ý nghĩa chính trị lịch sử lớn lao của cuộc đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo là đã góp phần quan trọng vào việc làm cho Đảng cộng sản Việt Nam

tiếp tục tồn tại và phát triển, đập tan mưu đồ của thực dân Pháp hòng biến Nhà tù Côn Đảo thành công cụ để tiêu diệt Đảng Cộng sản.

Cũng trong quá trình đấu tranh ở Nhà tù Côn Đảo, những người cộng sản đã góp phần vào việc giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam về tay giai cấp công nhân, cảm hóa những đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng có tư tưởng tiến bộ, phân hóa và cô lập những phần tử xấu, mở rộng mặt trận thống nhất giải phóng dân tộc, giác ngộ và tranh thủ được sự cảm tình của các tầng lớp khác đối với Đảng Cộng sản,

Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng của “địa ngục trần gian” Nhà tù Côn Đảo, người chiến sĩ cách mạng có thể sống và đấu tranh được là nhờ có lòng tin tưởng sắt đá, không gì lay chuyển nổi vào thắng lợi tất yếu của cách mạng Việt Nam. Lòng tin này do giác ngộ lý tưởng cộng sản, do học tập, rèn luyện mà có. Những người cộng sản đã biến nhà tù khủng khiếp này thành trường học chủ nghĩa cộng sản. Bản lĩnh và tri thức cách mạng của các chiến sĩ cộng sản đã được nâng cao rõ rệt, một khi ra khỏi nhà tù là có thể lao ngay vào hoạt động cách mạng một cách có hiệu quả.

Các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, từ Bác Hồ đến các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng đều đã trải qua nhà tù của đế quốc. Bác Tôn Đức Thắng, các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Linh và rất nhiều đồng chí cán bộ cao cấp khác của Đảng đã trải qua “trường đại học sau chân song sắt” ở Côn Đảo.

Học lý luận cách mạng là để vận dụng sáng tạo vào hoạt động cách mạng, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng con người, nó đòi hỏi phải có một tình thương và niềm tin vô hạn đối với con người. Có tình thương và niềm tin thì mới dám dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Truyền thống của dân tộc ta, nhân dân ta là biết đấu tranh và biết thương yêu. Trong các nhà tù đế quốc trước đây, kể cả Nhà tù Côn Đảo, những người cách mạng rất thương yêu đoàn kết với nhau. Những người cộng sản ở Côn Đảo nhờ biết đoàn kết “thương người hơn cả thương

thân”, nên đã có sức mạnh chiến thắng kẻ địch tàn ác và xảo quyệt. Đó cũng là một điểm rất quan trọng bảo đảm cho tổ chức Đảng luôn luôn giữ được sự thống nhất ý chí và hành động. Đoàn kết là do có đường lối, chủ trương đấu tranh đúng và do có tình thương yêu đồng chí sâu sắc.

Ở Nhà tù Côn Đảo, tình đồng chí, tình thương yêu đoàn kết giữa những người cộng sản thật là cao đẹp. Nhờ vậy mà trong lúc những người tù thuộc các đảng phái khác gục ngã, thì những người cộng sản luôn luôn đứng vững.

Trong cảnh tù đầy chết chóc, không có tình cảm nào thiêng liêng, cao cả bằng tình đồng chí của những người cộng sản. Chính tình thương yêu cao cả này đã giúp người cộng sản chiến thắng những thủ đoạn được tính toán vừa tàn bạo vừa tinh vi của đế quốc hùng xóa bỏ nhân phẩm, thủ tiêu nhân cách, biến con người thành súc vật. Trong thiếu thốn mọi bề của cuộc sống lao tù, những người cộng sản “sống rất người” với mọi ý nghĩa cao đẹp nhất, họ chỉ lo cho anh em, cho đồng chí, không hề nghĩ đến mình kể cả tính mệnh. Do vậy mà cách mạng phát triển, nhờ thế mà Đảng tồn tại. Cách mạng càng khó khăn bao nhiêu thì người cách mạng càng cần phải giữ vững khí tiết cộng sản, nêu cao tinh thần thương yêu đồng chí, bảo vệ sự đoàn kết chặt chẽ của Đảng. Những người cộng sản Việt Nam đã làm như thế ở địa ngục Côn Đảo, chính vì thế họ là người chiến thắng.

Thế hệ tù nhân kháng chiến chống Pháp (1946- 1954) đã kế thừa tinh thần quật khởi của cách mạng Tháng Tám 1945. Không chỉ giới hạn cuộc đấu tranh ở mức độ “dân sinh, dân chủ” đòi quyền lợi hàng ngày, họ đã tổ chức tù nhân thành một đạo quân kháng chiến.

Quán triệt sâu sắc đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, Đảng ủy Côn Đảo đã xác định: Nhà tù là một mặt trận, tù nhân là những chiến sĩ hoạt động ngay trong lòng địch. Nhiệm vụ của những người cộng sản trong tù là phải tổ chức tù nhân thành một lực lượng kháng chiến giữa sào huyệt kẻ thù. Phải liên tục công kích địch, phá hoại cơ sở vật chất, tuyên truyền giác ngộ binh lính địch, tạo điều kiện cho các chiến trường giành thắng lợi.

Xuất phát từ tư tưởng đó, Đảng ủy Côn Đảo đã tổ chức toàn bộ tù nhân thành một đạo quân chiến đấu, dưới danh nghĩa công khai là Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo, có hệ thống tổ chức chặt chẽ từ cấp toàn đảo đến từng tổ ba người. Phương châm hành động là tích cực công kích địch, liên tục đấu tranh từ thấp đến cao, đẩy kẻ địch vào thế bị động đối phó và tiến tới sử dụng bạo lực cách mạng, chớp thời cơ tự giải phóng cho mình.

Khi nhận được tin chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, Hiệp định Giơnevơ đã được ký kết, Đảo ủy Côn Đảo đã chỉ đạo chuyển phương án vũ trang giải phóng thành cuộc tổng đình công kết hợp với bãi thực kéo dài 40 ngày đòi trao trả theo Hiệp định. Kết quả là thực dân Pháp phải trao trả toàn bộ số tù binh và tù chính trị mà chúng đã từng kết án phi pháp.

Tiếp tục phương châm của thế hệ tù chính trị lớp tiền bối, Đảng đoàn ủy Côn Đảo thời chống Pháp đã quán triệt phương châm biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng. Các lớp học lý luận trong tù vẫn được duy trì thường xuyên, kể cả ở các khám tù cấm cố cũng như các kíp tù lao động khổ sai. Song thành tích nổi bật trong học tập của tù nhân kháng chiến là phong trào bình dân học vụ.

Nếu như thế hệ tù chính trị trước năm 1945 phần nhiều là trí thức giác ngộ cách mạng thì phần lớn lớp tù nhân kháng chiến lại là nông dân, công nhân, dân nghèo thành thị vốn ít được học hành, nhiều người chưa biết chữ. Xóa mù chữ và phổ cập bậc tiểu học là chương trình hành động mà Liên đoàn tù nhân kháng chiến và Đảng ủy Côn Đảo quan tâm thực hiện như một nhiệm vụ chính trị lớn mà Đảng và Chính phủ ta đã giao phó. Hàng loạt lớp bình dân học vụ đã được tổ chức ở tất cả các khám. Mỗi người tù bị đày ra Côn Đảo đều phải làm đơn gia nhập Liên đoàn tù nhân kháng chiến, đăng ký trình độ văn hóa và được phân chế vào các lớp học thích hợp. Sau mỗi khóa học đều có kiểm tra để chuyển lớp, chuyển cấp.

Theo tổng kết của Đảo ủy, năm 1952, ông già Tiểu là người cuối cùng được thanh toán nạn mù chữ tại khu biệt lập Banh II. Năm 1954, Liên đoàn tù nhân kháng chiến đã căn bản phổ cập tiểu học cho toàn thể tù binh, tù chính trị. Ở khu biệt lập Banh II, nhiều tù nhân đã kiên trì tự học toàn diện

từ bậc tiểu học đến chương trình tú tài. Nhiều người khi vào tù mới học dở dang bậc tiểu học, khi ra tù (1954) đã có trình độ tương đương tú tài, thi vào đại học và phục vụ Tổ quốc trong nhiều lĩnh vực khoa học - kỹ thuật.

Thành tích đó xứng đáng là một chiến công trong lĩnh vực giáo dục. Tỷ lệ 100% số tù nhân được xóa mù chữ và phổ cập tiểu học ở một nhà tù khắc nghiệt như Côn Đảo mãi mãi là điểm son sáng ngời trong lịch sử đấu tranh của thế hệ tù nhân trong kháng chiến chống Pháp.

Một trong những điểm nổi bật của lớp tù nhân kháng chiến là khí phách đấu tranh trước kẻ thù được nhân lên gấp bội, khi họ đã ý thức được phẩm giá của người công dân một nước Việt Nam độc lập, không chấp nhận trở lại vòng nô lệ, không khuất phục, không cúi đầu trước bất cứ một thế lực bạo tàn nào.

Người thanh niên Lê Ngọc Hương tiêu biểu cho một thế hệ tù nhân kháng chiến, trong cuộc đấu tranh chống cúi đầu lúc điểm danh với lời tuyên bố bất hủ: “Cái đầu chúng tôi có thể rời khỏi cổ, nhưng từ nay không bao giờ cúi nữa”. Người thiếu nữ Võ Thị Sáu ung dung bước ra pháp trường Côn Đảo và từ chối rửa tội với lời tuyên bố hùng hồn: “Tôi không có tội! Chính bọn thực dân Pháp xâm lược mới là kẻ có tội”. Từ chối bịt mắt, chị nhìn thẳng vào họng súng kẻ thù hát bài Tiến quân ca và hô vang khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm” khiến kẻ thù phải bàng hoàng kinh sợ, ngay cả khi chị đã ngã xuống rồi.

Nhiều quan điểm lý luận trong tranh cách mạng đã được lớp tù chính trị kháng chiến nâng lên một trình độ mới như quan niệm về tù kháng chiến, về sự lãnh đạo của Đảng trong tù, về các hình thức đấu tranh trong tù mà lớp tù chính trị trước đây chưa có điều kiện giải quyết triệt để, nay cũng được Đảng bộ Nhà tù Côn Đảo tổng kết qua thực tiễn đấu tranh, làm sáng tỏ.

Nếu như luận điểm của Ngô Gia Tự “người cộng sản ở đâu cũng phải tổ chức, phải đấu tranh, trong hoàn cảnh nào cũng phải lãnh đạo quần chúng... phải đấu tranh giành quyền sống, phải tranh thủ thời gian mà học tập, để có cơ hội về phục vụ hữu ích cho Đảng...” là tư tưởng chỉ đạo lớp tù chính trị

tiền bối, trở thành một định hướng cho thế hệ tù chính trị cộng sản tiền bối thì lớp tù chính trị kháng chiến đã phát triển lên một trình độ cao hơn.

Đảng bộ đã xác định: Nhà tù là một mặt trận, tù nhân là những chiến sĩ đối mặt kẻ thù ngay trong lòng địch. Nhiệm vụ của những người cộng sản trong tù là phải tổ chức tù nhân thành một lực lượng kháng chiến ngay giữa sào huyệt kẻ thù, phải tổ chức tù nhân thành một lực lượng kháng chiến ngay trong lòng địch, giữa sào huyệt kẻ thù, phải liên tục đấu tranh, phá hoại cơ sở vật chất địch, làm suy yếu hàng ngũ địch, buộc địch phải thường xuyên bị động đối phó, tạo điều kiện cho các chiến trường giành thắng lợi.

Đại hội lần thứ 4 của Đảng bộ Côn Đảo còn xác định rõ nhà tù là một mặt trận trong cuộc kháng chiến, tù nhân là một lực lượng của kháng chiến. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong cuộc chiến tranh giải phóng này là dù bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh nào, đảng viên cũng phải tổ chức lại, lãnh đạo quần chúng đấu tranh với kẻ thù.

Đảng Đảo ủy Côn Đảo không chỉ lãnh đạo trong phạm vi nhân kháng chiến mà lãnh đạo toàn thể khối tù nhân, kể cả các tù chính trị thuộc các đảng phái khác, kể cả tù tư pháp (thường phạm) cũng như tù nhân các dân tộc Việt - Miên - Lào, không chỉ trong phạm vi nhà tù mà phải lãnh đạo quần chúng bị áp bức trên toàn địa bàn Côn Đảo, kể cả giám thị, công chức, binh lính bị bọn thực dân, đế quốc lừa gạt làm tay sai cho chúng.

Đó là một bước tiến lớn trong tư duy lý luận của lớp tù nhân kháng chiến.

Điều đó cũng đưa tới những đặc trưng riêng trong các hoạt động của lớp tù chính trị kháng chiến. Chủ trương võ trang giải thoát là một thực tiễn sinh động.

Vượt ngục, tự giải thoát là chuyện muôn thuở của người tù. Với những người tù Côn Đảo thì thà chết trên biển hay trong bụng cá mập còn dễ chịu hơn là chết bởi sự hành hạ của bọn đao phủ tại “địa ngục trần gian này”. Vì thế mà các cuộc vượt ngục không chỉ nói đơn thuần là “năm ăn - năm thua”

hay “chín phần chết - một phần sống” mà có thể nói là đi vào chỗ chết để tìm sự sống.

Nhưng khác hẳn với những cuộc vượt ngục trước đó, tổ chức tù nhân kháng chiến đã xác định rõ mục đích cho mỗi cuộc vượt ngục là giải phóng một lực lượng cách mạng chứ không mang ý nghĩa giải thoát sinh mạng cho cá nhân. Các cuộc vượt ngục lẻ thì tùy theo điều kiện của từng nhóm, nhưng kế hoạch giải thoát từng bộ phận hay toàn thể tù chính trị thì cá nhân phải phục tùng tập thể. Toàn bộ kế hoạch giải thoát (dù là một bộ phận nhỏ) đều do thường vụ Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo, sau khi đã tính toán thật kỹ những khả năng thành công hay thất bại, dù vẫn biết rằng: “Mưu sự tại nhân - thành sự tại thiên”. “Thiên” ở đây có thể hiểu là hàng loạt các yếu tố rủi ro mà trong hoàn cảnh của người tù Côn Đảo không thể kiểm soát được.

Cuộc võ trang giải thoát lớn nhất trong lịch sử nhà tù này của 200 tù binh tại Bến Đầm (12-12-1952) không thành, nhưng nó đã để lại nhiều bài học quý về kinh nghiệm võ trang tự giải phóng của tù chính trị Côn Đảo. Mười ba năm sau, cuộc chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo của 57 tù chính trị Côn Đảo thời chống Mỹ (27-2-1965) thắng lợi trọn vẹn trong điều kiện địch kiểm soát vô cùng nghiêm ngặt đã minh chứng cho tư tưởng võ trang tự giải phóng của thế hệ tù chính trị kháng chiến là hoàn toàn có cơ sở, không chỉ về lý luận mà trên thực tiễn của Mặt trận Nhà tù.

Tư tưởng võ trang giải thoát được tiếp tục hoàn thiện và phát triển đến đỉnh cao là cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo toàn thắng đêm 30 rạng ngày 1-5-1975.

Lịch sử đấu tranh chính trị giai đoạn 1955-1975 ở nhà tù Côn Đảo mang những nét đặc thù của thế hệ tù chính trị trong nhà tù Mỹ - ngụy. Nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh trong giai đoạn này là đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết của người cách mạng, bảo vệ lí tưởng cộng sản, bảo vệ lí tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai sáng cho dân tộc.

Không chỉ là nơi cách ly, giam giữ, khủng bố, đày ải, giết hại như thời Pháp thuộc, Mỹ- ngụy đã biến Nhà tù Côn Đảo thành nơi tiến hành các thủ

đoạn tở cộng, diệt cộng tinh vi, thâm độc và tàn bạo nhất. Chúng không từ bỏ một thủ đoạn nào: cải huấn, tâm lý chiến, chiêu hồi, chiêu hàng, khủng bố tàn bạo, đày ải trường kỳ, đánh đập vô hạn độ, bỏ đói, bỏ khát triền miên, đẩy người tù vào cảnh ngộ cùng cực, làm cho họ kiệt quệ về thể xác, mòn mỏi về tinh thần, rã rời về ý chí, để rồi đánh gục họ về lý tưởng.

Mỹ - ngụy sử dụng đạo quân khủng bố gồm những tên tay sai trung thành, có lai lịch thâm thù cộng sản, kết hợp với những kẻ phản bội ghê tởm nhất, dưới sự chỉ huy của những tên cai ngục già đời, lọc lõi trong nghề, được tu nghiệp tại Mỹ, Anh, Đài Loan về quản trị khám đường, tình báo chiến lược, tâm lý cải huấn với sự trợ giúp ngày càng tăng của cố vấn Mỹ viện trợ Mỹ phương tiện đàn áp của Mỹ.

Mỹ - ngụy đã kết hợp các kiểu khủng bố hành hạ tàn bạo như thời trung cổ với các kiểu đàn áp bằng phương tiện hiện đại nhất, dã man nhất, kết hợp hệ thống tình báo, mật báo, công an, giám thị, trật tự dày đặc để kiểm soát từng hành vi, cử chỉ của người tù và một chiến lược bố phòng có thể tiêu diệt cả chục ngàn người tù trong phút chốc, giống như những trại tập trung của phát xít Đức trong chiến tranh thế giới thứ II.

Sự tàn bạo của Mỹ - ngụy đạt đến trình độ tinh vi, sâu độc, vượt khỏi mọi giới hạn. Chúng không giết tù chính trị hàng loạt mà giết họ dần mòn, để họ chết lay chết lắt, chết trong đau đớn quằn quại triền miên, chết từng làn da thớ thịt, từng tế bào thần kinh, chết từng phần, từng phần cơ thể. Chúng không để cho người tù được chết dễ dàng mà đặt họ trong tình trạng sống dở, chết dở, đẩy họ đến ranh giới mong manh của sự sống và cái chết để tìm điểm yếu của từng người, tìm giây phút dao động, bối rối của họ mà tăng đòn tiến công, khuất phục lý tưởng, buộc họ phải từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, phản bội lại chính mình, trở thành công cụ tay sai cho chúng, rồi sử dụng tư cách của một tên phản bội mà đánh phá lại cách mạng.

Mỹ - ngụy không từ một thủ đoạn nào để truy bức người tù. Chúng có thể bịt tất cả lỗ thông hơi trong xà lim, không cho họ thở; có thể không cho họ ăn rau trong nhiều tháng, làm rối loạn các chức năng tiêu hóa, tuần hoàn của cơ thể. Chúng có thể đánh đập, đày ải đến mức rối loạn tâm thần, bỏ

đói, bỏ khát triền miên làm cơ thể suy sụp, rã rời; có thể cấm cố, còng xiềng không kỳ hạn, đến mức teo cơ, bại liệt hàng trăm con người. Chúng có thể phạt không cho đổ thùng cầu, để xà lim ngập phân và nước tiểu giống như nhà cầu; có thể biến bệnh xá thành nhà xác, biến trại giam thành địa ngục.

Mỹ - ngụy đã vận dụng những thành tựu khoa học hiện đại để đánh lên tất cả các giác quan người tù, sử dụng phương tiện hiện đại để đàn áp hàng loạt khi cần, kết hợp với kiểu hành hạ như thời trung cổ, làm cho người tù không còn ra hồn người, không khi nào được yên phận tù. Cả về sự tàn bạo, thâm độc và tinh vi, Mỹ - ngụy đều vượt xa thực dân Pháp. Chính vì thế mà loài người đã kinh ngạc, sửng sờ và đau đớn trước những tội ác ghê tởm của Mỹ - ngụy khi một phần sự thật ở chuồng cọp Côn Đảo bị dư luận phanh phui.

Đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết, luôn luôn là trung tâm cuộc đấu đầu giữa người tù và bộ máy khủng bố của nhà tù. Người tù chân trong còng, tay trong xiềng, khi bị biệt giam cô độc giữa xà lim, khi trần trụi giữa bầy ác ôn say máu, họ phải chống trả với tập đoàn chống cộng có tiềm lực, phương tiện và sự tàn bạo, thâm độc vô hạn độ. Đó là nơi đấu đầu gay gắt giữa ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội với một thế lực chống cộng quốc tế của chủ nghĩa thực dân mới, do đế quốc Mỹ và tay sai tiến hành tại miền Nam Việt Nam.

Không chỉ hạn chế trong phạm vi bảo vệ quyền sống và sinh mạng chính trị của các chiến sĩ cách mạng, cuộc đấu tranh chính trị trong Nhà tù Côn Đảo chính là một bộ phận của cách mạng miền Nam, nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đồng thời mang ý nghĩa một cuộc đấu tranh giữa 2 ý thức hệ: cộng sản và tư sản, nhằm bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ nhân quyền, lẽ sống nhân văn, chống bạo lực, áp bức, chống thú tính, cường quyền.

Đấu tranh chính trị bảo vệ khí tiết là đỉnh cao trong phong trào đấu tranh của tù nhân Côn Đảo. Bằng cuộc đấu tranh chính trị bảo vệ khí tiết, những

người tù chính trị Côn Đảo đã biến nhà tù thành trận tuyến đấu tranh quyết liệt, đối mặt với kẻ thù.

Phong trào đấu tranh của tù chính trị có lúc lôi cuốn hàng ngàn người tham gia, có lúc bị địch đàn áp chỉ còn lại vài người, nhưng không một lúc nào dừng lại. Nhiều người từng dao động, rơi rớt một đôi lần rồi lại vươn lên, vững vàng trong đội ngũ chiến đấu. Đã có quan điểm một thời đánh giá những người tù đã li khai là đầu hàng, phản bội, thậm chí cho rằng hơn 80% những người bị bắt, bị tù thời Mĩ-ngụy là có vấn đề. Nhận định không xuất phát từ thực tiễn lịch sử ấy làm cho việc kiểm điểm, đánh giá cán bộ thiếu khách quan, việc sinh hoạt, công tác của những người từng bị bắt, từng ở tù gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến chính sách và công tác cán bộ của Đảng.

Đánh giá về những người bị bắt, bị tù cần phải đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đồng thời phải thấu hiểu những âm mưu thâm độc và tàn bạo của kẻ thù. Vào những lúc thử thách cao nhất của cuộc chiến đấu, đương đầu với sự khủng bố man rợ tột cùng, không phải ai cũng đủ bản lĩnh chịu đựng. Gương chiến đấu bền bỉ, kiên cường và toàn thắng của năm Anh trong lực lượng tù chính trị câu lưu, của sáu Anh trong lực lượng tù án chính trị và gương hi sinh vô cùng anh dũng của Trần Trung Tín, Lưu Chí Hiếu, Cao Văn Ngọc cùng hàng trăm đồng chí, đồng bào là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Đó là những người anh hùng thật sự, nhiều lần anh hùng. Nhiều người trong số đó xứng đáng được nhận danh hiệu cao quý nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta. Mỗi tấm gương ấy là những trang đẹp nhất trong lịch sử tranh cách mạng ở Nhà tù Côn Đảo giai đoạn này. Nhưng không chỉ có như vậy.

Hàng ngàn người do sức chịu đựng có hạn, đã chọn những hình thức đấu tranh từ thấp lên cao, hàng ngàn người khác từng sai lầm, vấp ngã đã dũng cảm vươn lên đấu tranh. Đó là tuyến thứ 2 trong mặt trận đấu tranh chính trị của các chiến sĩ cách mạng trong Nhà tù Côn Đảo.

Có những người từng hàng chục lần bị đánh “rớt” vẫn kiên trì vươn lên đấu tranh, cho đến khi khẳng định được vị trí chính trị. Họ bị đánh đập, hành hạ, bị bỏ đói, bỏ khát, bị còng xiềng, cấm cố đến tàn phế, bại liệt, không còn lết nổi trên đôi tay được nữa. Đó là mức giá mà họ đã phải trả trong cuộc đấu tranh sinh tử, một mất một còn để bảo vệ khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ nhân cách con người.

Giữa xà lim, chuồng cọp, trong nanh vuốt, cạm bẫy của kẻ thù, người chiến sĩ cách mạng luôn ý thức được rằng, nhà tù là một mặt trận mà người tù là chiến sĩ; cuộc đấu tranh trong nhà tù là một bộ phận của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện đặc biệt khó khăn. Mỹ - ngụy dùng mọi thủ đoạn thâm độc và tàn bạo nhất với mục đích khuất phục đội ngũ trung kiên trong tù là nhằm đánh bại ý chí đấu tranh của một dân tộc, đánh rã lý tưởng cộng sản đang trở thành nguy cơ đe dọa nền thống trị của chủ nghĩa tư bản, thực dân.

Chính vì thế mà đội ngũ ưu tú nhất trong lực lượng tù chính trị đã tự nguyện đảm nhận sứ mệnh lịch sử, đại diện cho chính nghĩa của một dân tộc khát khao độc lập, tự do, chống chủ nghĩa thực dân mới; mang lý tưởng cộng sản và lẽ sống nhân văn, chống bạo lực, cường quyền.

Đó là một trong những lý do mà Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã viết trong lời tựa cho bộ sách về Nhà tù Côn Đảo: “Nhà tù Côn Đảo luôn luôn là chiến trường cách mạng đấu tranh quyết liệt với kẻ thù (...) Cuộc chiến đấu bất khuất đầy dũng cảm và thông minh của các chiến sĩ Côn Đảo là những trang chói lọi của lịch sử cách mạng, được nối tiếp và nhân lên trong chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta qua kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Sự hy sinh cao cả của biết bao liệt sĩ trong cuộc chiến đấu ấy đã và đang tiếp tục khai hoa kết quả trong những thắng lợi và thành tựu của dân tộc Việt Nam ta”

Đấu tranh chống ly khai của tù chính trị câu lưu và đấu tranh chống chào cờ của tù án chính trị là những hình thức đấu tranh cao nhất. Điều đó không loại trừ và đòi hỏi phải kết hợp sử dụng những hình thức đấu tranh ở mức

thấp hơn như: chống học tổ cộng, chống hô khẩu hiệu phản động, tiến tới chống toàn bộ nội quy nhà tù, chống tất cả các âm mưu thủ đoạn của địch.

Để giành được mục tiêu bảo vệ khí tiết, những người tù chính trị Côn Đảo đã vận dụng tất cả các hình thức thích hợp trong một cuộc đấu tranh: đưa đơn kiến nghị, tạo dư luận, thuyết phục, đấu lý, hô la, tuyệt thực, tuyệt âm, mổ bụng quyết tử tranh đấu... Có cuộc đấu tranh bắt đầu từ từng người, vài người, đến cả phòng, toàn trại và nhiều trại phối hợp. Có trại tuyệt thực, trại đình công, trại đấu tranh dư luận, có người mổ bụng rồi toàn trại hô la, nhiều trại hô la hỗ trợ.

Tất cả các hình thức, các lực lượng được huy động vào cuộc đấu tranh với mức tối đa, tạo nên sức mạnh ý chí to lớn của tù chính trị để chiến đấu và chiến thắng. Mưu trí, sáng tạo của người tù chính trị Côn Đảo không chỉ dừng ở mức nghiên cứu lý luận, vận dụng các hình thức, phương pháp đấu tranh trong tù mà mưu trí, sáng tạo nằm ngay trong quá trình đấu tranh thực hiện những hình thức và phương pháp ấy.

Người tù chính trị phải đem thân xác, ý chí, phẩm chất, nhân cách của mình ra chống lại cả bộ máy khủng bố với, chế độ kỷ luật, còng xiềng, cấm cố, đòn roi, súng đạn và bạo lực không hạn chế. Cuộc đấu tranh trong tù đòi hỏi vừa phải có trí tuệ, vừa có gan chịu đòn. Mỗi thắng lợi giành được, người tù chính trị phải đổi bằng máu xương và tính mạng mình. Hàng trăm người đã chết thê thảm trong tù, hàng ngàn người bị đày ải đến tàn phế, mang những chứng bệnh nan y mà từ ngày ra tù đến nay phải dùng nhiều thuốc hơn cơm, đau đớn, quằn quại trên giường bệnh nhiều hơn là giấc ngủ. Nhìn nhận cách mạng là sáng tạo thì chắc chắn sẽ không có một nơi nào mà sáng tạo lại phải trả giá đắt như trong nhà tù Côn Đảo.

Trong điều kiện ngăn cách gắt gao và kiểm soát ngặt nghèo của kẻ địch, tù chính trị Côn Đảo vẫn tìm mọi cách tổ chức chi bộ, đảng bộ, hoặc ban lãnh đạo, tổ trung tâm... ở từng trại, từng phòng. Song những nỗ lực nhằm đi tới việc thành lập Đảo ủy, chỉ đạo cuộc đấu tranh chung toàn Côn Đảo không đạt kết quả.

Lực lượng tù chính trị câu lưu đã ly khai và lực lượng tù án chịu chào cờ, làm khổ sai, nhất là số công nhân tư gia, thư ký văn phòng (tù áo trắng) có điều kiện liên hệ, móc nối thông tin, tổ chức, thảo luận để đi đến quyết nghị thì lại thiếu lập trường khí tiết. Ngược lại những chiến sĩ trung kiên đương đầu với kẻ thù tàn bạo để bảo vệ ngọn cờ khí tiết thì đang bị biệt giam trong xà lim, hầm đá, chuồng cọp, chuồng bò. Họ không có điều kiện liên hệ, thảo luận, đánh giá tình hình, thông tin cần thiết để tổ chức và chỉ đạo toàn diện.

Từ năm 1963, nhờ đường dây bí mật, Trung ương Cục đã theo dõi và chỉ đạo cuộc đấu tranh trong các nhà tù, trong đó có Nhà tù Côn Đảo. Trung ương Cục đã chỉ đạo các Đảng bộ địa phương hỗ trợ cuộc đấu tranh trong tù, chỉ đạo lực lượng công khai hợp pháp ở Sài Gòn phối hợp chặt chẽ, đưa vấn đề tù chính trị ra trước công luận trong và ngoài nước. Những bức thư hàng năm của Trung ương Cục gửi ra Côn Đảo có giá trị thông tin tình hình, xác định chủ trương và cổ vũ, nhân lên sức mạnh đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo.

Tuy nhiên, sự chỉ đạo của Trung ương Cục mang tính chất định hướng hơn là chỉ thị, nghị quyết. Trong lúc chỉ đạo lực lượng tù chính trị đoàn kết đấu tranh, lấy mục tiêu bảo vệ khí tiết kết hợp với các yêu cầu dân sinh dân chủ làm nhiệm vụ chủ yếu, Trung ương Cục bao giờ cũng nhấn mạnh rằng: hình thức tổ chức và hình thức đấu tranh trong tù phải tùy tình hình cụ thể mà đề ra cho phù hợp.

Trong nhiều trường hợp, không có sự chỉ đạo của tổ chức Đảng, người tù chính trị phải tự lực chiến đấu, tự xác định mục tiêu chống các thủ đoạn tố cộng, diệt cộng, bảo vệ khí tiết của người chiến sĩ cách mạng là nhiệm vụ hàng đầu. Khi đã hình thành các Ban lãnh đạo, Chi bộ, Đảng bộ thì sự lãnh đạo tập thể được kết hợp chặt chẽ với tinh thần tự lực chiến đấu của từng cá nhân. Trong thời điểm cao trào hoặc những cuộc đấu tranh ở mức độ cao như tuyệt thực, mổ bụng hô la... thì vai trò lãnh đạo và ý chí đoàn kết đấu tranh của tập thể có vai trò quyết định. Khi địch đàn áp quyết liệt, một số

đông đã dao động thì ý chí tự lực chiến đấu của những cá nhân kiên cường là nhân tố giữ vai trò quyết định thắng lợi.

Trên mặt trận nhà tù, lực lượng đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết là ngọn cờ lãnh đạo, dù khi chưa thành lập chi bộ, chưa có tổ chức hoặc chỉ là những cá nhân tự lực chiến đấu, dù những cá nhân ấy không phải có quá trình lâu, không giữ chức vị cao trước khi bị bắt. Đã có nhiều tổ chức Đảng, nhiều cá nhân từng có cương vị cao trước khi bị bắt cố thể hiện vai trò lãnh đạo, nhưng vô hiệu, vì họ đã đứng bên lề cuộc đấu tranh chính trị bảo vệ khí tiết.

Có người như Hoàng Dư Khương từng giữ cương vị lãnh đạo Phó Bí thư Xứ ủy từng có ảnh hưởng lớn trong tập thể tù chính trị, nhưng khi chấp nhận ly khai, đã tự đánh mất sự tín nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình. Ngược lại, có những người mà quá trình tham gia cách mạng, trình độ lý luận, cương vị công tác rất bình thường như ông già Cao Văn Ngọc (tù chính trị câu lưu, 64 tuổi), người thanh niên Ngô Đình Thời (tù án chính trị, 20 tuổi)... lại trở thành Ngôi sao sáng cho toàn thể tù chính trị noi theo vì họ đã đứng vững trên tuyến đầu của cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết.

Người thợ giày Lưu Chí Hiếu, văn hóa mới chỉ lớp 3 trường làng, cương vị cao nhất mới tương đương tiểu đội trưởng, chưa từng là chi ủy viên lại được cả một Đảng bộ mang tên, lấy phẩm chất khí tiết của anh làm tôn chỉ mục đích, làm nhiệm vụ hàng đầu cho Đảng bộ.

Đảng bộ Lưu Chí Hiếu thành lập ở Trại VI Khu B (3-2-1972) là một Đảng bộ vững mạnh, thật sự có vai trò lãnh đạo vì được sinh ra từ cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết của tù chính trị câu lưu, hội tụ được những tinh hoa tiêu biểu trong cuộc đấu tranh ấy. Đảng bộ Lưu Chí Hiếu là nòng cốt của Đảo ủy lâm thời Côn Đảo trong đêm nổi dậy (đêm 30 rạng ngày 1-5-1975). Các đảng viên được Đảng bộ tập hợp và kết nạp mới trong tù về đều được Đảng công nhận và phát huy tác dụng tốt.

Lực lượng tù nhân đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chính trị bảo vệ khí tiết, với những tập thể và cá nhân tiêu biểu, đã trải qua 19 năm liên tục đấu tranh, giành những thắng lợi chói lọi qua nhiều năm chống ly khai (1955-

1964) chống nội quy, chống chào cờ (1960-1975) với đỉnh cao của cuộc Đồng khởi chống khổ sai và chống chào cờ năm 1970 và cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo năm 1975 xứng đáng được nhận những danh hiệu cao quý nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A- TIẾNG VIỆT

1. Amtơ G: Lời phán quyết về Việt Nam, Nxb QĐND, H.1985.
2. André Manrax - Jean Pierre Débri: Thoát khỏi ngục tù Sài Gòn - chúng tôi vạch tội, Nxb Văn học giải phóng, 1975.
3. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo: Nhà tù Côn Đảo 1862-1945, Nxb Sự Thật, H.1987.
4. Bàn Thông, Đông Tùng và Marty L: Tài liệu của Sở mật thám Đông Dương về Đông Dương cộng sản Đảng, Tập san Sử Địa, Sài Gòn, số 14-15 (1969).
5. Biến cố 11 - từ đảo chính đến tù đầy (Hồi ký của Thi - Đông - Đán - Sửu - Hương - Cầm - Tương - Vinh). Trần Tương xuất bản. Sài Gòn, 1971.
6. Có Bác mãi trong tim, Nxb Sự Thật, H.1990.
7. Côn Đảo, Sở Văn hóa Thông tin Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, 1984.
8. Công báo Việt Nam cộng hòa (từ 1954-1975), Thư viện khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Chu Lai: Nhà lao cây dừa, Hội Cựu chiến binh Kiên Giang, 1992.
10. Chu Thiên: Một bài phú Nôm yêu nước làm ở Côn Đảo - Tạp chí Văn học (Viện Văn học), H. số 1 (1965).
11. Chung một bóng cờ, Nxb CTQG, H.1993.
12. Dư Văn Chất: Người chân chính, Nxb Hà Nội, 1993.
13. Đinh Xuân Lâm - Võ Văn Bạch: Một số tư liệu về phong trào Cần Vương ở Bắc Kỳ - Tạp chí “Nghiên cứu lịch sử” (Viện Sử học), Hà Nội, số 5 (1985).
14. Đối Diện (báo), Thư viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Đối mặt. Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và Hội Văn học - nghệ thuật- thành phố Đà Nẵng xuất bản 1993.
16. Hành Sơn: Cụ Trần Cao Vân, Minh Tân xuất bản, Paris 6, 1952.
17. Hoàng Văn Đào. Từ Yên Bái đến các ngục thất Hỏa Lò, Côn Nôn, Guyane, Nxb Sông mới, Sài Gòn, 1957.
18. Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 2 - Nxb Sự Thật, H.1981.
19. Hồ Chí Minh - Tuyển tập, tập 2 Nxb Sự thật, H.1980.
20. Huỳnh Thúc Kháng: Thi tù từng thoại, Nxb Nam Cường, Sài Gòn, 1951.
21. Lê Hữu Phước: Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1862- 1930. Luận án Phó Tiến sĩ khoa học lịch sử, mã số 50315. Cơ sở đào tạo, Viện khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
22. Lê Quang Vịnh: Đường đi, Nxb Thanh niên, H.1984.
23. Lê Quang Vịnh: Sóng Côn Đảo, Nxb Văn hóa, H.1988.
24. Lê Quý Đôn: Phủ Biên tạp lục, Tập 1, bản dịch của Lê Xuân Giáo, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1972.
25. Lịch sử vận tải Quân đội nhân dân Việt Nam, 1945-1975, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1989.
26. Mai Nguyễn: Côn Đảo ngày giải phóng, Tạp chí . Lịch sử Đảng số 5, tháng 5-1990.
27. Nguyễn Tiến Hưng: Từ Tòa Bạch Ốc đến Dinh Độc lập, Nxb QĐND, H.1990.
28. Nguyễn Bá Thế: Chí sĩ Việt Nam - Đặng Nguyễn Căn - Văn hóa nguyệt san, Sài Gòn, số 61 (1961).
29. Nguyễn Bá Thế: Chí sĩ Việt Nam - Nguyễn Văn Ngôn - Văn hóa nguyệt san, Sài Gòn, số 63 (1961).
30. Nguyễn Bá Thế: Chí sĩ Việt Nam - Nguyễn Thành - Văn hóa nguyệt san, Sài Gòn, số 66 (1961).

31. Nguyễn Đình Thống: Từ Hàng Keo đến Hàng Dương. Tuần báo Sài Gòn giải phóng, thứ bảy, số 184, ngày 30-7-1994.

32. Nguyễn Đình Thống: Cố vấn Mỹ, viện trợ Mỹ và các hoạt động tình báo tại Côn Đảo. Chuyên đề khoa học, đề tài: Nhà tù Côn Đảo (1955-1975).

33. Nguyễn Đình Thống: Đề án bảo tồn khu di tích lịch sử Côn Đảo và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Chuyên đề khoa học.

34. Nguyễn Đình Thống: Điểm mặt những tên chúa ngục Côn Lôn. Chuyên đề khoa học, đề tài: Nhà tù Côn Đảo (1955-1975).

35. Nguyễn Đình Thống: Tượng đài Nghĩa trang Hàng Dương và thân thể hai đồng chí Vũ Văn Hiếu - Lưu Chí Hiếu. Chuyên đề khoa học, đề tài: Nhà tù Côn Đảo (1955-1975).

36. Nguyễn Đình Thống: về 18 chiến sĩ chống ly khai cuối cùng trong chuồng cọp. Chuyên đề khoa học, đề tài: Nhà tù Côn Đảo (1955-1975).

38. Nguyễn Đình Thống: Tiểu sử “Ông già Bà Rịa” Cao Văn Ngọc. Chuyên đề khoa học, đề tài: Nhà tù Côn Đảo (1955-1975).

39. Nguyễn Đình Thống: Một vài số liệu về tù nhân Côn Đảo qua các giai đoạn lịch sử. Chuyên đề khoa học, đề tài: Nhà tù Côn Đảo (1955-1975).

40. Nguyễn Đức Thuận: Bất khuất, Nxb Thanh niên, H.1967.

41. Nguyễn Hiến Lê: Đông Kinh nghĩa thực, Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1974.

42. Nguyễn Huyền Anh: Việt Nam danh nhân từ điển, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1967.

43. Nguyễn Minh Nhựt: Tổ chức lao tù Poulo Condor thời Pháp thuộc 1861-1945. Tiểu luận cao học sử học, Đại học văn khoa Sài Gòn, 1972.

44. Nguyễn Minh Triết: Nhận xét về bệnh lý tại một nhà lao. Luận án Tiến sĩ Y khoa, bảo vệ tại Đại học Y khoa Huế, 1972, (Bản lưu của tác giả).

45. Nguyễn Quang Thắng: Phan Châu Trinh, cuộc đời và tác phẩm, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1987.

46. Nguyễn Thanh Đức: Nguyễn Thiện Thuật, người lãnh đạo khởi nghĩa Bãi Sậy. “Kiến thức ngày nay”, Hội Nhà văn TP. Hồ Chí Minh, số 61, ngày 1-6-1961.

47. Nguyễn Thế Anh: Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân. Tủ sách Sử học, Bộ Văn hóa giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn, 1973.

48. Nguyễn Văn Xuân: Phong trào Duy Tân - Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1970.

49. Nhà tù Côn Đảo 1862-1945, Nxb Sự thật, H 1987.

50. Nhà tù Côn Đảo 1845-1954, Nxb Sự thật, H 1991.

51. Những ngày tù ngục Tổ sử phụ nữ Nam Bộ biên soạn, Nxb Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 1986.

52. Nổi dậy giải phóng Côn Đảo Tạp chí Lịch sử Đảng số 7, tháng 12-1984.

53. Phạm Xanh: Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo: Làng An Hải (Côn Đảo) - Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (Viện Sử học), Hà Nội, số 1-2 (1987).

54. Quản trị lao xá Phòng lao thất Hoa Kỳ biên soạn, Bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia Việt Nam cộng hòa ấn hành, Sài Gòn 1972 Thư viện Khoa học xã hội Thành phố HỒ Chí Minh.

55. Quốc Phong: Nhà tù Côn Đảo dưới con mắt một nhà hảo nước ngoài - “Kiến thức ngày nay”, Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, số 67 (1-9-1991).

56. Sơn Nam: Phong trào Duy Tân ở Bắc, Trung, Nam, Nxb Đông Phong", Sài Gòn, 1974.

57. Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam nhất thống chí, tập V, Nxb Khoa học xã hội, H.1971.

58. Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục chính biên, tập XXXI, Nxb Khoa học xã hội, H.1969.

59. Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục chính biên, tập XXV, Nxb Khoa học xã hội, H.1971.

60. Tài liệu căn bản về vấn đề can phạm và cải huấn Trung tâm phối hợp và thi hành Hiệp định Paris thuộc Phủ tổng thống Việt Nam cộng hòa ấn hành, Sài Gòn 1974.

61. Tài liệu tham khảo đặc biệt, Tập bản tin của Thông tấn xã Việt Nam lưu tại Phòng tin trong nước.

62. Tóm tắt thành tích đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo 1862-1975 Ban chấp hành Đảng bộ huyện Côn Đảo chủ biên, 1994, Lưu Văn phòng Huyện ủy Côn Đảo.

63. Thái Bạch: Thi văn quốc cấm thời thuộc Pháp, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1968.

64. Trần Huy Liệu: Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam, tập V, Nxb Văn Sử Địa, H.1958.

65. Trần Văn Quế: Côn Lôn sử lược - Thanh Dương từng thư xuất bản, Sài Gòn, 1961.

66. Tù chính trị - Một vấn đề của chế độ Sài Gòn Hội người Việt Nam tại Paris ấn hành 1974 Bản dịch của ông Phạm Văn Ba, Trưởng ban liên lạc tù chính trị tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

67. Từ địa ngục trần gian (thơ) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban Tuyên giáo thành phố Biên Hòa, xuất bản 1990.

68. Từ ngục tù Côn Đảo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa, xuất bản 1993.

69. Tuyên bố của phái đoàn quân sự Việt Nam cộng hòa trong Ban liên hợp quân sự hai bên ngày 8-3-1974 về việc kết thúc trao trả nhân viên dân sự và nhân viên quân sự của cộng sản bị bắt trước ngày 28-1-1973, Trung tâm phối hợp và thi hành Hiệp định Paris ấn hành, Sài Gòn 1974 Thư viện Khoa học xã hội TP Hồ Chí Minh.

70. Vạn Hạnh (báo), Thư viện Khoa học xã hội TP Hồ Chí Minh, ký hiệu CN 70

71. Vàng trong lửa: Ban Khoa học xã hội Thành ủy TP HỒ Chí Minh, 1990.

72. Hồ sơ lưu trữ của A27 Bộ Nội vụ:

– Âm mưu bạo động của can phạm Côn Sơn Ký hiệu Gl.1 (25) Hộp 45, số 1692.

– Bản kê khai tổng số can cứu chính trị bị giam giữ tại Côn Sơn Ký hiệu Gl.1 (24) Hộp 242, số 7267.

– Bảo vệ an ninh tỉnh Côn Sơn Ký hiệu B06 Hộp 2, số 74.

– Các can phạm Côn Sơn đang trong tình trạng xáo động Ký hiệu B06 Hộp 5, số 132.

– Can phạm tuyệt thực Ký hiệu Gl.1 Hộp 49, số 1809.

– Cấp giấy chứng nhận cho linh mục Nguyễn Thiện Thuật ra uỷ lạo phạm nhân tại Côn Sơn Ký hiệu Dl.12 Hộp 2, số 74.

– Côn Lốn sử lược Ký hiệu 566 TL.

– Chính trị phạm và thường phạm Côn Đảo đình công Ký hiệu Gl.1 (25) Hộp 4, số 127.

– Chuyển giao Trung tâm huấn chính Côn Sơn cho quân đội (1957) Ký hiệu D1.12 Hộp 12, số 48.

– Cử ông tỉnh trưởng Côn Sơn kiêm nhiệm chức vụ quản đốc Trung tâm huấn chính Côn Sơn Ký hiệu A3.1, Hộp 1, số 33.

– Di chuyển phạm nhân ra Côn Sơn Kv hiệu Gl.1, Hộp 14, số 447.

– Địa thế tỉnh Côn Sơn và hoạt động của Ty công an Ký hiệu A2.2, Hộp 1, số 2.

– Khám phá tổ chức thành lập Ban chấp hành Liên đoàn chính trị giải phóng tù nhân Côn Đảo Ký hiệu Gl.1 (25), Hộp 33, số 1029.

– Phòng thủ tỉnh Côn Sơn Ký hiệu B1.4 (01), Hộp 2, số 52.

- Phúc trình không số ngày 5-9-1958 Nguyễn Văn Hòa (công an biệt phái) gửi Tổng Giám đốc cảnh sát và công an Sài Gòn Ký hiệu D1.12, Hộp 12, số 75.
- Phúc trình của phái đoàn Trung ương quan sát tại Côn Sơn Ký hiệu Gl.1 (25), Hộp 42, số 1499.
- Sắc lệnh của Quốc trưởng Việt Nam cộng hòa ân xá phạm nhân Côn Sơn (1964) Ký hiệu A1.0, Hộp 2, số 63.
- Phạm Sau, Trưởng đoàn cán bộ cải huấn tại Côn Sơn (Hồ sơ cá nhân) Ký hiệu 11116/CQ.
- Tài liệu phúc đáp một số vấn đề đặt ra cho Ty Cảnh sát quốc gia Côn Sơn liên hệ đến công tác tình báo Ký hiệu B1.10 Hộp 4, số 144.
- Thành lập chi công an Côn Sơn Ký hiệu B01, Hộp 2, số 48.
- Thành lập Bộ chỉ huy tỉnh Côn Sơn Ký hiệu A3.1, Hộp 1, số 8.
- Thuyền máy của tỉnh Côn Sơn đã bị phạm nhân dùng vượt đảo Ký hiệu Gl.1 (25) Hộp 42, số 1413.
- Tiểu lệnh phòng thủ Côn Sơn 1972 Ký hiệu 1199677.
- Tình hình an ninh và nội bộ tỉnh Côn Sơn (1965) Ký hiệu A2.2, Hộp 4, số 137.
- Tình hình giam giữ tại Côn Sơn Ký hiệu A1.2, Hộp 3, số 118.
- Tổ chức Việt Cộng tại Côn Đảo Ký hiệu Gl.1, Hộp 132, số 6691.
- Tổ chức can phạm làm mật báo viên Ký hiệu B1.10 Hộp 4, số 124.
- Tổ chức đặc uỷ và chi bộ nhà lao Ký hiệu Gl.1 (25), Hộp 43, số 1593.
- Tổ chức lại Trung tâm cải huấn Côn Sơn Ký hiệu Dl.12, Hộp 8, số 314.
- Trung tâm cải huấn Côn Sơn (tập hồ sơ chuyên đề về tổ chức, điều hành, hoạt động của trung tâm cải huấn Côn Sơn từ 1957 đến 1975) Ký hiệu 7869 CD.
- Trung tâm cải huấn Côn Sơn yêu cầu Ty cảnh sát quốc gia địa phương đến chứng kiến các can phạm Việt Cộng tuyệt thực đòi hỏi không phải chào

quốc kỳ (1968) Ký hiệu Gl.l (25) Hộp 47, số 1774.

– Tăng Tư, thiếu tá tình trưởng Côn Sơn Hồ sơ cá nhân Ký hiệu 80997 CT.

– Ty chiêu hồi Côn Sơn Ký hiệu 8043 CĐ.

– Việt Cộng liên lạc thư từ nội địa ra Côn Sơn Ký hiệu D1.12, Hộp 1, số 19.

– Việt Cộng thiết lập cơ sở tại Côn Sơn Gl.l, Hộp 33, số 1626.

– Việt Cộng dự định tổ chức tại Côn Sơn một tỉnh ủy độc lập Ký hiệu Gl.l (03), Hộp 4, số 153.

– Nguyễn Văn Vệ, thiếu tá, Đặc phái viên hành chính kiểm quản đốc Trung tâm cải huấn Côn Sơn (1965-1971 và 1973-1974) Hồ sơ cá nhân Ký hiệu 80.864-CT.

– Vụ Lê Văn Tâm và Lâm Tường Bảo (1967) Ký hiệu Gl.l (25), Hộp 49, số 1089.

– Vụ vượt ngục của các can phạm Sở Lưới có sự tham gia của can phạm Nguyễn Văn Bảy Ký hiệu 8425 HC.

– Xây dựng tù nhân làm mật báo viên Ký hiệu B1.10, Hộp 4, số 125.

73. Hồ sơ lưu trữ của Ban quản lý khu di tích lịch sử Côn Đảo: (gồm các báo cáo, biên bản, công điện, tờ trình của Trung tâm cải huấn Côn Sơn còn lưu lại, chưa phân loại, không có ký hiệu):

– Bản cung khai phản tỉnh của Nguyễn Văn Hai tự Quảng tại trung tâm cải huấn i ngày 18-3-1961.

– Báo cáo hàng tháng của Trung tâm cải huấn Côn Sơn từ 1957 đến 1959.

– Báo cáo chu kỳ (10 ngày) và báo cáo nguyệt kỳ (30 ngày) của Ban chuyên môn Trung tâm cải huấn Côn Sơn từ 1966 đến 1970.

– Báo cáo đặc biệt của Ty công an Côn Sơn ngày 28- 6-1960.

– Báo cáo ngày 15-9-1961 của Đoàn trưởng Nguyễn Trung Thu về chương trình công tác một tháng của Đoàn cải lương lưu động tại Côn Sơn.

- Báo cáo của Trưởng ban an ninh Vũ Thung về tình hình an ninh kèm bản phản tính của 12 can cứu ra đầu thú tại khu kỷ luật.
- Biên bản dàn xếp nội bộ của Trung tâm cải huấn I (20-6-1960).
- Biên bản họp bàn về việc bổ túc tổ chức an ninh chung và tìm giải pháp tổ chức thích ứng cho Trung tâm cải huấn Côn Sơn.
- Biên bản số 02/CSQG CS/PCS lập đêm 27-2-1965 về vụ can phạm Sở Lưới cướp tàu vượt ngục.
- Biên bản ngày 7-2-1975 ghi nhận các cuộc xách động, gây rối chống đối của các can phạm phá rối trị an.
- Biên bản bàn giao giữa cựu và tân tỉnh trưởng Côn Sơn (1963).
- Công điện số 08/cs/VP/4 ngày 27-4-1972 của Đặc phái viên hành chính Côn Sơn gửi Tổng nha cảnh sát và công an.
- Công điện số 367/ĐKCS /B3+4 ngày 20-5-1968 của Đặc khu Côn Sơn gửi Tổng nha cảnh sát (Sài Gòn).
- Công điện số 179 I CSQG cs /CSĐB /M ngày 13-5- 1967 về vụ 27 can phạm chống chào cờ tuyệt thực.
- Công điện số 1008/CSQG cs/CSĐB/K/Y ngày 10-8- 1968 của Ty cảnh sát quốc gia Côn Sơn gửi Tổng nha cảnh sát và công an về việc can phạm chống chào cờ tuyệt thực.
- Công điện số 499/TTCH CS/AN/TK ngày 27-6- 1974 về tình hình an ninh.
- Công văn số 204 / TTHC ics /2M ngày 15-4-1958 của Quản đốc Trung tâm huấn chính Côn Sơn.
- Công văn số 435/TTHC ICS I2M ngày 15-8-1958 của Quản đốc Trung tâm huấn chính Côn Sơn gửi Tổng nha cảnh sát Sài Gòn.
- Công văn số 1001ANIM ngày 26-1-1962 của Ban an ninh Trung tâm cải huấn II về vụ Liên chi Đảng bộ tù án.
- Công văn số 038-CS/NA/AN/M ngày 16-6-1964 của Tỉnh trưởng Tăng Tư gửi Bộ Nội vụ về việc 202 can cứu chính trị tuyệt thực.

- Công văn số 149 ICSCA/M ngày 16-6-1959 của Chi công an Côn Sơn về tình hình an ninh chung.
- Công văn số 164 /CACCS /M ngày 24-8-1959 của Chi công an Côn Sơn về tình hình an ninh chung.
- Công văn số 165/CSCA/M ngày 24-8-1959 của Chi công an Côn Sơn về tình hình an ninh chung.
- Giám đốc quần đảo và đề lao Côn Đảo (1954-1956).
- Nguyệt trình số 467/NA / TTHC-CS IM ngày 25-11- 1959 của Trung tâm huấn chính Côn Sơn.
- Nguyệt trình số 235/NA/TTHC/M 15-5-1960 của Trung tâm cải huấn Côn Sơn (TTCH/ CS).
- Nguyệt trình số 423 /NA I TTCH/M ngày 16-6-1960 của TTCHCS.
- Nguyệt trình số 1364 I NA/ TTCH / M ngày 7-10-1960 của TTCH cs.
- Nguyệt trình số 205 IBQĐ /HC IM ngày 21-7-1961 của TTCH cs.
- Nguyệt trình số 429/BQĐ/HCIM 22-10-1962 của TTCH cs.
- Nguyệt trình số 289/CS-TTCH II/BC ngày 15-5- 1962 về tình hình của TTCù II.
- Nguyệt trình số 330/CS-TTCH II/BCIM ngày 15-8- 1962 về tình hình của TTCH II.
- Phúc trình số 135 IDCT IDB /TV/M ngày 23-4-1960 của Dương Văn Hiếu, Trưởng đoàn công tác đặc biệt Trung Việt tại Sài Gòn, phó ban chỉ huy Trung ương chiến dịch chuyển hướng (tháng 4-1960) tại Côn Đảo gửi Ngô Đình Cẩn.
- Phúc trình tháng 3-1961 của Ban cải huấn TTCH cs về việc can vận 18 can cứu chống ly khai theo sự vụ lệnh 042 cs IVP/ SVL ngày 10-3-1961 (kèm 17 bản xác định lập trường không ly khai).
- Phúc trình số 30/cs/TTCH II ngày 15-8-1962 của giám thị trường TTCH II.
- Phúc trình ngày 14-11-1963 của Ty cảnh sát quốc gia Côn Sơn.

– Phúc trình về tình hình các can cứu chính trị thuộc TTCH cs từ 1-1-1963 đến 24-6-1964.

– Phúc trình của Ban an ninh TTCH cs từ 1965 đến 1969.

– Phúc trình ngày 25-2-1970 của giám thị Trần Văn Du về việc can phạm Trại VII (nhà dù) mổ bụng.

– Số liệu về số người bị giam giữ và tình hình ở Nhà lao Côn Sơn từ ngày ngừng bắn cho đến 19-7-1973.

– Sự vụ lệnh số 042/CS/VP/SVL ngày 11-3-11961 về việc thanh toán 18 can cứu chống ly khai ở khu kỷ luật thuộc trung tâm cải huấn I.

74. Hồ sơ lưu trữ của Cục Lưu trữ Trung ương Đảng

– Ban Thông nhất Trung ương (phông) Đơn vị bảo quản 163.

– Khôi tài liệu chính quyền cũ (phông) Đơn vị bảo quản 186.

75. Hồ sơ lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu

– Nguyễn Hoàng Ân: (hồi ký) về tù chính trị Trại II (1957-1962).

– Phạm Văn Ba: (bản ghi băng) về tù chính trị Trại I (1964-1975).

– Phan Trọng Bình: (bản ghi lời kể) về cuộc đấu tranh chống ly khai ở chuồng cọp 1959-1964.

– Trần Văn Cao: (bản ghi băng) về phong trào đấu tranh của tù chính trị câu lưu (1960-1975).

– Nguyễn Văn Chánh: (hồi ký) về cuộc đấu tranh chống chào cờ của tù án chính trị.

– Mai Xuân Cống: (hồi ký) về phong trào đấu tranh của tù chính trị câu lưu 1964-1975.

– Tạ Đại: (báo cáo) về tiểu đoàn tâm lý chiến 1970-1971.

– Trần Hân: Hồi ký về tù chính trị câu lưu Trại II (1957-1960).

– Đỗ Hằng: Hồi ký về tù chính trị câu lưu Trại I (1959-1975).

– Bùi Hóa: Hồi ký về giải phóng Côn Đảo.

– Nguyễn Kế Hoa: Chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo 27- 2-1965.

- Trương Văn Hối: Tình hình nhà lao Côn Đảo (1961- 1971).
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo tỉnh Bình Trị Thiên, 1990.
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo tỉnh Đồng Nai, 1990, 1991.
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo, Thành phố Hồ Chí Minh, 1985, 1986, 1987.
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo -tỉnh Ninh Thuận, 1994.
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo tỉnh Phú Khánh, 1988, 1990.
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, 1993.
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo tỉnh Tây Ninh, 1990, 1992.
- Hội thảo tù chính trị Côn Đảo đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, 1990.
- Phạm Quang Hồng: Tù chính trị Côn Đảo làm lễ tang Bác (1969).
- Nguyễn Thành Khải: Tuổi trẻ trong tù (1957-1961).
- Huỳnh Văn Khi: Bảo vệ khí tiết trong tù (1957- 1961).
- Nguyễn Xuân Ký: Cuộc đấu tranh chống ly khai ở Trại I.
- Trịnh Văn Lâu (Trịnh Văn Tư): Sổ tay ghi chép trong tháng 5-1975, khi làm Bí thư Đảo ủy lâm thời.
- Sầm Thanh Liêm: Đấu tranh chống chào cờ của tù án chính trị.
- Trần Tấn Lộc: Một số ý kiến và phong trào đấu tranh của tù chính trị câu lưu Trại 1 (1957-1975).
- Phan Văn Minh: Công tác an ninh trong Nhà tù Côn Đảo.
- Phan Văn Minh: Cuộc tuyệt thực 23 ngày tháng 6-1964.
- Trần Nga: Phong trào đấu tranh của tù tri câu lưu Trại I (1957-1960).
- Nguyễn Đình Nga: Hoạt động của tù án chính trị (1959-1967).
- Lê Quang Ngọc: Tổ chức và đấu tranh của tù chính trị câu lưu Trại II (1957-1960).
- Phan Thanh Nhàn: Công tác y tế trong tù (1957- 1962).

- Nguyễn Thị Nhiều: Phong trào đấu tranh của nữ tù chính trị (1966-1969).
- Hoàng Phùng: Phong trào đấu tranh của tù cải lưu (1957-1975).
- Lê Hồng Quân: Học Di chúc Bác trong chuồng cọp Côn Đảo.
- Hoàng Sĩ Quý: Sơ kết phong trào chống chào cờ của tù án chính trị (1963-1973).
- Nguyễn Quỳnh (Nguyễn Xuân Tôn): Truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhà tù Côn Đảo (1862-1975).
- Phạm Quốc Sắc: Sơ kết phong trào đấu tranh của tù chính trị cải lưu (1957-1964).
- Lê Tam: Một số ý kiến về công tác dịch vận trong tù.
- Trần Trọng Tân: Tổ chức và hoạt động của tù án chính trị từ 1971 cho đến ngày giải phóng Côn Đảo.
- Lê Văn Thả: Một số ý kiến về công tác y tế và đại diện trong tù (1957-1961).
- Võ Hồng Thái: Phong trào đấu tranh của tù án (1959-1974).
- Phan Xuân Thành: Tù chính trị Côn Đảo làm lễ tang Bác (1969).
- Nguyễn Văn Thành: Một số ý kiến về vai trò của một số cán bộ quân báo, về việc giải phóng Côn Đảo và vụ đốt tài liệu ngày 2-5-1975.
- Nguyễn Văn Thiện: Đường dây Côn Đảo (1971- 1974).
- Lê Hồng Thoại: về 41 phụ nữ chống ly khai (1957- 1958).
- Phạm Thông: Đấu tranh chống chèn cờ và cuộc tuyệt thực 19 ngày của tù án chính trị Côn Đảo (1964-1967).
- Nguyễn Trung Tín: Tình hình nhà lao Côn Đảo 1969-1971.
- Nguyễn Trung Tín - Ngô Văn Năng - Trương Văn Hối: Báo cáo tình hình nhà lao Côn Đảo từ tháng 11-1966 đến 7-1973.
- Lê Mạnh Tiến: Một số ý kiến về tù binh ở Côn Đảo (1965-1968).

– Tọa đàm về cuộc chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo ngày 27-2-1965 tổ chức tại Vũng Tàu ngày 27-2-1985.

- Tọa đàm về tù nhơn Côn Đảo VỚI Bác Hồ tại Vũng Tàu (5-1989).

– Tọa đàm về cuộc đấu tranh của tù chính trị câu lưu (1957-1975) tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh (1985), Đồng Nai (1981), Vũng Tàu (1987).

– Tọa đàm về đường dây Côn Đảo (1963-1967), tháng 10-1982.

– Tọa đàm về Chuồng Cọp Côn Đảo (1965-1973), tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh tháng 5-1986.

– Tọa đàm về cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo 1-5- 1975, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh tháng 10-1984.

– Tọa đàm về trường hợp đồng chí Huỳnh Văn Khi và 7 người chống ly khai cuối cùng ở chuồng cọp tháng 9- 1961, tổ chức tại Long Thành (Đồng Nai) tháng 6-1984.

– Lê Văn Triết: về tù chính trị câu lưu (1957-1975).

– Lưu Văn Trọng: Chuồng Cọp Côn Đảo (1969-1973).

– Bùi Thị Thanh Vân: Phong trào đấu tranh của nữ tù chính trị Côn Đảo.

– Nguyễn Trọng Vĩ: Phong trào đấu tranh của tù chính trị câu lưu (1957-1961).

– Lê Quang Vịnh: Tù án chính trị chống chào cờ ngụy.

– Lê Xuân Vinh: Tiểu sử liệt sĩ Lưu Chí Hiếu.

76. Hồ sơ lưu trữ của Trung tâm lưu trữ II, Thành phố Hồ Chí Minh

– Biệt bộ tham mưu thuộc Phủ tổng thống (phông)

– Báo cáo về tình hình hoạt động tính Côn Sơn Ký hiệu TM, Hộp 412, cặp 619.

– Tình hình an ninh và kế hoạch bình định tính Côn Sơn Ký hiệu TM, Hộp 411, cặp 13.

– Tòa đại biểu chính phủ Việt Nam (phông):

- Học chính trị và tổ cộng Ký hiệu F6-142.
- Phúc trình hàng tháng của Côn Đảo, Ký hiệu E03-156.
- Phúc trình về hoạt động của tỉnh Côn Sơn Ký hiệu E03-155.
- Thông tư của Ban chỉ đạo chiến dịch tổ cộng Trung ương Ký hiệu F6-134.

– Văn phòng Phủ tổng thống (phông):

- Báo cáo hàng tháng của tỉnh Côn Sơn Ký hiệu BT V 383.
- Báo cáo hàng tháng của các tỉnh (có Côn Sơn) Ký hiệu BT 664.

77. Hồ sơ lưu trữ của Vụ bảo vệ Đảng, Ban Tổ chức Trung ương:

- Cặp I: Tài liệu về anh chị em tù chính trị Côn Đảo.
- Cặp II: Tài liệu về anh chị tù chính trị Côn Đảo.
- Pháp III: Nhận làm việc cho địch.
- Cặp IV: Vụ Nguyễn Kim Trân và Phạm Gia Thụy.
- Cặp V: Vượt đảo, tuyệt thực, gặp nhau, ly khai Đảng.
- Cặp VI: Vụ 22 tù chính trị có dính líu đến bức thư của Ban chấp hành Đảng bộ miền Nam.

– Cặp VI: Lý lịch, tường thuật của những người tù Côn Đảo.

– Cặp VIII: Văn kiện, tài liệu của Đảng bộ miền Nam.

– Cặp IX: Danh sách bị bắt, bị tù, có đầu hàng, phản biến.

– Cặp X: Hồ sơ văn kiến hành chính và tình báo của địch.

– Cặp XI: Hồ sơ trả tự do, ốm chết.

– Cặp XII: Danh sách tù chính trị tại Côn Đảo.

79. Hồ sơ lưu trữ của V16B Bộ Nội vụ (Một số tình hình về các nhà tù ở miền Nam, ký hiệu N221/189)

– AI gửi X10 ngày 25-6-1971 (Thư Trung ương cục gửi các đồng chí ở nhà lao Côn Sơn).

– Ban chấp hành Đảng bộ miền Nam gửi các đồng chí nhà lao 1965.

- Báo cáo tình hình Côn Sơn 30-1-1965 (U5 gửi Trung ương Cục).
- Báo cáo tình hình nhà lao Côn Đảo từ tháng 11- 1966 đến 7-1993.
- Báo cáo và kết luận của đoàn đón tiếp Lộc Ninh về hai nhóm T45 và K23 ở trong tù (Trại II, Trại V, Hồ Nai).
- Báo cáo năm 1971 (Nhà lao Côn Đảo gửi Trung ương Cục).
- Báo cáo của đồng chí Võ Văn Thuật tại Trung ương Cục về vụ cướp tàu vượt đảo ngày 27-2-1965.
- B76 gửi C69 tháng 12 năm 1969 về việc liên lạc ra Côn Đảo (C69 là Ban an ninh Trung ương Cục).
- Chí thị số 33 / CT của Trung ương Cục: Một số chủ trương cụ thể về sự hỗ trợ của bên ngoài đối với các nhà lao (12-12-1962).
- Gửi 82 (Trung ương Cục gửi nhà lao Côn Đảo 16- 6-1971).
- Nhà lao Côn Đảo (Ban Tổ chức Trung ương Cục, 1974).
- Những số liệu về người bị giam và tình hình ở Nhà lao Côn Đảo (Tài liệu do anh chị em làm khổ sai tại Văn phòng quản đốc nhà lao ghi chép gửi về).
- P10 gửi X97 (Bộ phận an ninh nắm đường dây Côn Đảo gửi Thường vụ Trung ương Cục).
- Sơ kết tình hình Trại I.
- Sơ kết tình hình Trại 11.
- Sơ kết tình hình Trại V.
- Sơ kết phong trào đấu tranh của tù chính trị câu lưu.
- Sơ kết phong trào đấu tranh chống chào cờ của tù án chính trị.
- Sơ kết phong trào đấu tranh của thiếu niên ở Nhà tù Côn Đảo.
- Sơ kết tình hình Nhà lao Côn Đảo 1954-1975.
- Thư của Trung ương Cục gửi các đồng chí ở Côn Đảo (1-1972).
- Thông cáo số 1 ngày 1-5-1975 của ủy ban hòa hợp hòa giải dân tộc tỉnh Côn Sơn.

- XI0 gửi AI (Nhà lao Côn Đảo GỬI Trung ương Cục 1971).
- X10 gửi các Y (Đường dây Côn Đảo gửi các trại, 1970 - 1971).

B- TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

1. Bulletin Administratif de la Cochinchine, Sài Gòn, 1908.
2. Bulletin Officiel de la Cochinchine Française, Sài Gòn, n° 35 (1862).
3. Bulletin Officiel de la Cochinchine Française, Sài Gòn, n° 41 (1862).
4. Bulletin Officiel de la Cochinchine Française, Sài Gòn, n° 94 (1862).
5. Bulletin Officiel de la Cochinchine Française, Sài Gòn, 1869.
6. Bulletin Officiel de la Cochinchine Française, Sài Gòn, 1871.
7. Bulletin Officiel de la Coekinchi'ne Française, Sài Gòn, 1878.
8. Bulletin Officiel de L'Indochine Française, Sài Gòn, n° 878, 1889.
9. Bulletin Officiel de L'Indochine Française, Sài Gòn, n° 351, 1891.
10. Bulletin Officiel de L'Indochine Française, Sài Gòn, n° 16, 1892.
11. Bulletin Officiel de L'Indochine Française, Sài Gòn, n° 18, 1893.
12. Bulletin Officiel de L'Indochine Française, Sài Gòn, n° 566, 1896.
13. Journal Officiel de L'Indochine Française, Sài Gòn, 2° som 1929.
14. Demariaux, J c - Les secrets des Iles de Poulo Condore (Le grand bagce Indochinois) - J Pyronnet et Cie, Paris, 1956.
15. Gaide, Louis - Notice historique sur Poulo Condore - Bulletin des Amie du Vieux Hue, n° 2, Avril - Ruin 1925.
16. Hemery, D - Ho Chi Minh de L'Indochine su Vietnam - Découvertes Gallimard - Histoire, Paris, 1990.
17. Malletret, L - L'archéologie du delta du Mékong, T.I, Paris, 1959.
18. Maybon, c - Histoire moderne du pays d'Annam 1592 - 1820 - Plos et Nourrit, Paris, 1919.
19. Septans, A - Les commencements de L'Indochine française - Challamel Aîné, Paris, 1887.

20. T.F.E.O - Poulo Condore, Sài Gòn, 1947 (J.B = Jaque Brulé). Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh (Hồ sơ lưu trữ):

21. Tập c divers 3339:

– Rapport d'ensemble du Pénitencier de Poulo Condore 1928.

22. Tập c divers 3494:

– Procès verbal de prise de possession du groupe de Poulo Condore (1861).

23. Tập G80/112:

– Circulaire du Ministre des Colonies à M le Gouverneur Général de L'Indochine Française (31 Octobre 1925).

– Circulaire du Gouverneur de la Cochinchine à Messieurs les Administrateurs, Chefs de province, le Directeur de la Prison Centrale et le Directeur du Pénitencier de Poulo Condore (25 Janvier 1926).

– Circulaire confidentielle du Gouverneur Général de L'Indochine à Messieurs les Chefs d'Administration locale (10 Janvier 1930).

24. Tập IA1/0514 (1-22):

– Internement à Poulo Condore de déportés politiques (1903-1905).

– Société secrète du “Ciel et de la Terre”.

25. Tập IA2/024:

– Rapport sur Poulo Condore (du Cabinet de l'Architecte...) (1874).

– Plan général du Pénitencier de Poulo Condore 1874.

– Arrêté du Gouverneur Général de L'Indochine 5/7/1904.

26. Tập IA2/027(7):

– Règlement particulier du Pénitencier de Poulo Condore 1875.

– Règlement particulier du Pénitencier de Poulo Condore 1889.

– Situation de l'effectif de Poulo Condore.

27. Tập IA2/037 (13):

– Rapport sur la situation du Pénitencier de Poulo Condore 3/12 /1884.

28. Tập IA2/037 (13):

– Rapport du Conducteur chargé du travaux du phare de Bai Kan à M le Directeur des Travaux Publics @5/2/1884).

– Rapport du Directeur des Travaux Publics (5/5/1884).

– Rapport su la situation du Pénitencier de Poulo Condore (24/10/1884).

– Rapports de quinzaine 1884.

29. Tập IA2/037 (18):

– Circulaire du Lieutenant Gouverneur de la Cochinchine à Messieurs les Administrateurs (5/4/1895).

– Rapports de quinzaine 1895.

30. Tập IA2/041 (2):

– Rapport Confidential sur U'êmeute (19/6/1890).

– Interrogatoire du personnel préposé à la surveillance des détenus du Pénitencier (Eiïmeute du 19/6/1890).

– Interrogatoire de détenus ayant pris part à l'êmeute au Jeudi 19 Juin 1890.

Etat nominatif des agents à Récompenser (23/6/1890).

– Rapport du Procureur Général, Chefs du Service judiciaire de L'Indochine à M le Secrétaire Général à Saigon (21/11/1890).

31. Tập IA2/04K3):

– Rapports de quinzaine 1883.

– Rapport de L'Administrateur du Pénitencier de Poulo Condore à M le Directeur de l'Intérieur (6/9/1883) sur la révolte de Bai Canh.

– Rapport au sujet de la révolte du 27 Août à Bai Canh (23/9/1883).

– Rapport de L'Administrateur Bataille sur la révolte de Bai Canh (28/9/1883) Traduction de la dépêche du Gouverneur de Bình Thuận

(25/10/1883).

– Etat des condamnés évadés de Bai Canh avec la baleinière et le canot de sauvetage, à la suite de la révolte du 27 Août 1883.

32. Tệp IA2/041 (5):

– Rapport du M De Colbert, Directeur, à M le Lieutenant Gouverneur de la Cochinchine (18/2/1897).

33. Tệp IA2/041 (5):

– Rapport de quinzaine 1889.

– Postes de couchage des détenus (14/1/1899).

34. Tệp IA2/041 (9):

– Extraits du rapport de quinzaine 1897.

35. Tệp IA2/042 (2):

– Rapport de M Azsaud, Procureur Général, Chefs du Service Judiciaire de L'Indochine à M le Lieutenant Gouverneur de la Cochinchine (14/1/1902).

– Arrêté du Lieutenant Gouverneur de la Cochinchine 1902.

36. Tệp IA2/042 (Cool:

– Plan du Pénitencier de Poulo Condore (20/4/1876).

– Plan du Pénitencier de Poulo Condore (16/3/1889).

– Plan du Pénitencier de Poulo Condore (24/10/1885).

– Lavétographique de la plaine occupée par le Pénitencier de Poulo Condore (1888).

37. Tệp IA2/054 (5):

– JStude de M Levesque sur le Pénitencier de Poulo Condore (1904).

– Procès verbal d'arrestation d'évadés (5/4/1904).

38. Tệp IA2/054 (9):

– Situation de reffectif.. (1909).

39. Tập IA2/055 (2-9):

- Rapports de quinzaine 1904-1906.
- Situation de l'effectif.. 1896, 1897, 1898, 1899, 1905, 1906.

40. Tập IA2/072 (1):

- Evasions de prisonniers 1893-1894.

41. Tập IA2/0712 (1):

- Télégramme officiel du Cabinet du Lieutenant Gouverneur (28/7/1904).
- Rapport du N Rodier à VAdministrateur du Territoire de Quang - Choou - Van (17/8/1904).

42. Tập IA2/141 (3):

- Etat nominatif des prisonniers originaires de l'Annam (3e trimestre 1912).
- Rapport de N Codenet, Administrateur des Service Civil, Directeur des lies et du Pénitencier de Poulo Condore à N le Gouverneur de la Cochinchine (27/8 et 26/10/1912).
- Rapport du N De Gaillande à N le Gouverneur de la Cochinchine (5/5 et 20/10/1915).

43. Tập IA2/1316 (4):

- Rapport de M Malaye, Directeur des Iles te du Pénitencier de Polou Condore à M Le Lieutenant Gouverneur de la Cochinchine (16/3/1909).
- Situation générale des détenus au 15 Mai 1909.
- Rapports de quinzaine 1909.

44. Tập IA2/1317 (1):

- Rapports de quinzaine 1909.
- Télégramme officiel 8/7/1909.

45. Tập IA2/1611:

– Règlement particulier des Iles et du Pénitencier de Poulo Condore
1903.

HÉT

Table of Contents

GIỚI THIỆU

LỜI TỰA CỦA GIÁO SƯ TRẦN VĂN GIÀU

Mở Đầu: VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ VÀ LỊCH SỬ QUẦN ĐẢO CÔN LÔN

Chương 1 NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TỪ 1802 ĐẾN 1930

Các trại giam và các sở tù

Tổ chức điều hành Nhà tù Côn Đảo

Những hình thức đàn áp người tù

Chế độ ăn uống, mặc, ở

Lao động khổ sai

Dọn tàu

Đập đá, làm đường

Đốn gỗ

Lấy san hô

Những hình thức kỷ luật trong nhà tù

Đấu tranh của tù nhân Côn Đảo trước năm 1930

Tù Côn Đảo tổ chức nhiều cuộc nổi dậy

Chương 2 NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TỪ NĂM 1930 ĐẾN TRƯỚC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939)

Chi bộ khám Chi Tồn, Banh I (1930 -1934)

Hội tù nhân

Cải tạo chế độ Hàm xay lúa

Tổ chức đấu tranh, giành quyền sống

Tổ chức và hoạt động của tù chính trị Banh II

Phối hợp với phong trào đấu tranh trong nước và quốc tế

Trường học chủ nghĩa cộng sản và đấu tranh cách mạng

Đấu tranh tư tưởng với Việt Nam Quốc dân đảng

Tổ chức vượt ngục, cung cấp cán bộ về cho Đảng

Mở rộng Mặt trận đấu tranh

Đấu tranh đòi Tổng đại xá tù chính trị

Củng cố lại đội ngũ

Chương 3 NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TỪ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II
(1939) ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Chống khủng bố trắng

Mở rộng mạng lưới cứu tế

Phân hóa kẻ thù, tranh thủ gác ngục

Kiên định tư tưởng, đấu tranh chống Tơốtkit và chống phái thân
Nhật

Giải phóng Nhà tù Côn Đảo lần thứ nhất (1945).

Rước chính trị phạm về đất liền

Chương 4 CÔN ĐẢO TRONG BUỔI ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1946)

Tự do và thử thách

Thực dân Pháp tái chiếm Côn Đảo, lập lại nhà tù Côn Đảo

“Vụ âm mưu” đẫm máu

Tận dụng cơ hội mới

Chương 5 CÔN ĐẢO TRONG BƯỚC CHUYỂN MÌNH CỦA CUỘC
KHÁNG CHIẾN (1947 - 1949)

Những thủ đoạn mới của thực dân Pháp

Tổ chức và hoạt động của tù nhân kháng chiến.

Vượt ngục về kháng chiến

Đêm kịch Bôlae

Thống nhất lực lượng, tiến tới cao trào

Đấu tranh chống khổ sai hà khắc

Chiếm đèn pha Bảy Cạnh, vượt ngục

Trừ gian

Liên đoàn tù nhân Côn Đảo

Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, báo chí trong tù

Đấu tranh chống cúi đầu

Đảng bộ Nhà tù Côn Đảo

Chương 6 CÔN ĐẢO CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI
(1951-1954)

Bước chuyển tình thế

Đấu tranh chống Liên xã, củng cố lại Liên đoàn tù nhân

Trại tù binh

Đảo ủy Côn Đảo

Phương án võ trang, giải thoát

Củng cố tổ chức, rèn luyện lực lượng

Đấu tranh đòi cải thiện và giải tỏa chế độ biệt lập

Tích cực công kích địch

Đại hội Đảng bộ Côn Đảo lần thứ IV

Trở về thắng lợi

Chương 7 NHÀ TÙ VÀ NGƯỜI TÙ THỜI - MỸ NGUY

Bộ máy cai trị tù nhân thời Mỹ - nguy.

Số lượng và cơ cấu tù nhân

Thủ đoạn cai trị tù nhân

Chương 8 ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC THỦ ĐOẠN TỔ CỘNG, CƯỜNG BỨC LY KHAI ĐẢNG CỘNG SẢN (1955-1963)

Trại I - Trại Cộng sản

Kháng chiến và cộng sản

Dời trại, vẫn là Trại I

Chiến dịch “chuyển hướng”

Chiến dịch Bác Ái

Cam kết quyết tử chống ly khai

Trại II - “Trại quốc gia” và những quan điểm đấu tranh

Trung tâm Cải huấn I và chủ trương kiến tạo lập trường khí tiết

Vươn lên khôi phục khí tiết, lập lại Trại I

Liên chi Đảng bộ tù án

Đường dây Côn Đảo

Phân hóa kẻ thù, tạo cơ hội vượt ngục

Tù chính trị “quốc gia”

Nhà tù thời Ngô Đình Diệm

Chương 9 BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO ĐẤU TRANH (1964-1972)

Mỹ - nguy điều chỉnh chế độ cải huấn, mở rộng nhà tù
Tù chính trị câu lưu tuyệt thực 23 ngày.
Bốn năm tranh đấu ở chuồng cọp
Chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo
Tù án chính trị chống chào cờ nguy.
Chống kế hoạch “Ngũ niên tự túc”
Bước phát triển mới của phong trào chống chào cờ
Cuộc đấu tranh của tù bại liệt
Nữ tù chuồng cọp và vụ chuồng cọp Côn Đảo
Đồng khởi chống khổ sai và chống chào cờ
Tiểu đoàn tâm lý chiến thí điểm
Đảng bộ Lưu Chí Hiếu
Nhà tù thời sau Ngô Đình Diệm

Chương 10 ĐẤU TRANH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH PARIS VÀ NỖI DÂY GIẢI PHÓNG CÔN ĐẢO (1973-1975)

Mỹ - nguy phá hoại Hiệp định Paris, tráo trở việc trao trả tù chính trị
Chống lấn tay chụp hình, tráo án chính trị thành thường phạm
Phối hợp với Mặt trận ngoại giao
Đấu tranh đòi trao trả tù chính trị
Củng cố lực lượng, chuẩn bị đón thời cơ
Giải phóng Nhà tù Côn Đảo

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A- TIẾNG VIỆT

B- TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI